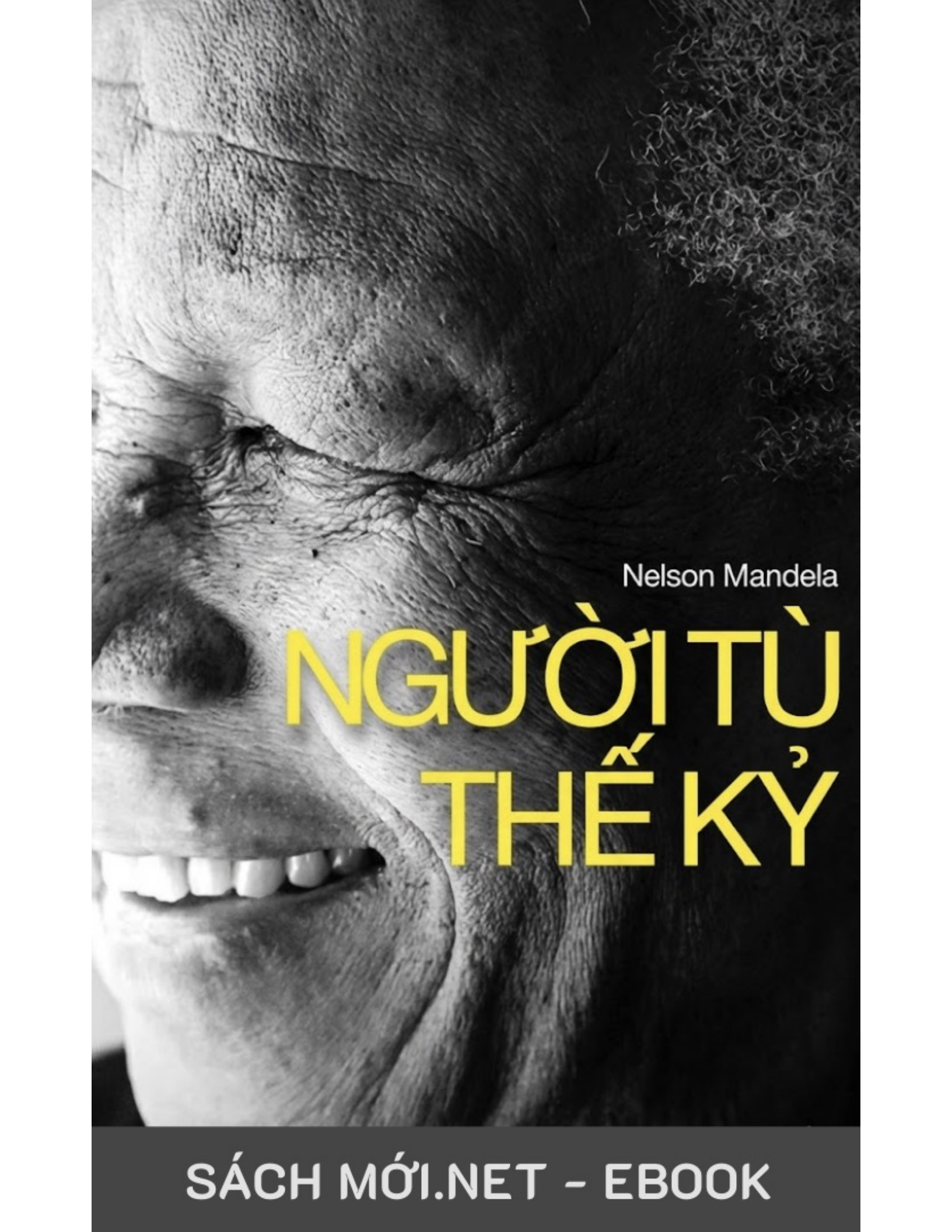




Nelson Mandela

NGƯỜI TÙ THẾ KỶ

SÁCH MỚI.NET - EBOOK



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY
HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ

MỤC LỤC

Người tù thế kỷ
Lời nói đầu
Tôi không phải là ông thánh
Từ mục đồng trở thành nhà lãnh đạo
Những năm tháng gian khổ
Những tháng năm lưu đày
Tự do

Lời nói đầu

Báo giới nhiều nước trên thế giới gọi ông là “Người tù thế kỷ”. Tên ông là NELSON MANDELA. Tổng thống nước Cộng hòa Nam Phi, chủ tịch Đảng Đại hội Dân tộc Phi của Nam Phi (ANC). Ông là vị tổng thống người da đen đầu tiên của nhà nước ở cực nam châu Phi.

NELSON MANDELA bị chính quyền phân biệt chủng tộc tẻ hại nhất trong lịch sử nước này nói riêng, ở châu Phi và thế giới nói chung, bắt khi đang lãnh đạo đội quân vũ trang của ANC chống lại kẻ thù của các dân tộc trên vùng đất đau thương từng phải sống hơn 300 năm dưới chế độ Apartheid tàn bạo. Ông bị kết án tù chung thân và bị đày ra đảo Robben Island trên biển Đại Tây Dương suốt hơn hai thập niên.

Từ trong nhà tù, NELSON MANDELA viết hồi ký về đời hoạt động của mình, về những cuộc chiến đấu của các chiến sĩ ANC và của các tầng lớp nhân dân bị áp bức Nam Phi mà ông là vị chỉ huy tối cao. Những trang gọi là hồi ký này trong thực tế là những bài học kinh nghiệm xương máu mà NELSON MANDELA và các đồng chí của ông mong muốn chuyển tận tay các chiến sĩ kiên cường trên tất cả các mặt trận chống lại kẻ thù. Những trang viết tâm huyết ấy đã vượt biển từ đảo Robben Island đến với đồng chí và chiến sĩ của ông trên đất liền, đến các Ban lãnh đạo ANC từ cơ sở đến trung ương, trong và ngoài nước, các đơn vị vũ trang luôn chắc tay súng trong trận chiến đấu không cân sức... và đã trở thành vũ khí sắc bén của ANC trong suốt hơn hai thập niên.

Những dòng cuối cùng của tập hồi ký này được ông viết sau khi ANC giành thắng lợi với đa số tuyệt đối trong cuộc tuyển cử dân chủ theo chế độ phổ thông đầu phiếu đầu tiên trong lịch sử nước Nam Phi. Cuộc bầu cử này đã đưa NELSON MANDELA lên vị trí nguyên thủ của nhà nước Nam Phi mới.

Hồi ký của NELSON MANDELA chia thành II phần, tuần tự từ buổi thiếu thời đến tuổi trưởng thành rồi đi theo “con đường tắt yếu” của người chiến sĩ chiến đấu cho tự do và phẩm giá của con người. NELSON MANDELA gọi hơn 60 năm chiến đấu của ông là “con đường trường chinh dẫn đến tự do” và câu kết luận cuối cùng của tập hồi ký này khẳng định rằng “con đường dài ấy chưa kết thúc”.

Nhân kỷ niệm 80 năm ngày sinh của NELSON MANDELA (18.7.1918 - 18.7.1998), chúng tôi biên dịch cuốn hồi ký này và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc, cuốn hồi ký được chia thành bốn phần lớn nhưng vẫn giữ được tính liên tục của các sự kiện, đồng thời bảo đảm tính trung thực và khách quan, chỉ lược bỏ bớt một số chi tiết cụ thể.

Cuốn hồi ký của NELSON MANDELA đã được xuất bản ở nhiều nước và được bạn đọc hưởng ứng nồng nhiệt. Theo bình luận của nhiều tờ báo lớn ở

phương Tây thì “Hồi ký của Nelson Mandela không chỉ nói về cuộc đời của một trong những nhân vật chính trị xuất sắc nhất của nửa sau thế kỷ 20 mà còn là một tác phẩm văn học đượm chất trữ tình... Nhiều người trên thế giới coi Nelson Mandela là một trong ít người nổi tiếng nhất thế giới còn sống. Hồi ký và những trang viết của ông thể hiện khá sắc nét điều bình thường đến giản dị và chính điều đó đã nâng ông thành “con người vĩ đại bình dân” với những kiến thức uyên bác của một nhà hàn lâm, là cơ sở đảm bảo cho sự hòa giải dân tộc, tránh được cuộc nội chiến đẫm máu cho các màu da, sắc tộc trên mảnh đất đầu đau thương nhưng hết sức kiên cường này. Hồi ký của Nelson Mandela là một bài thơ, một trường ca mà người đọc không thể dừng lại giữa chừng. Không một trang nào là người đọc thờ hững”.

TS. Trần Nhu



Tôi không phải là ông thánh

Kỷ niệm ngày sinh trong nhà tù trên đảo Robben Island là việc hết sức khó khăn. Thay cho bánh ngọt, quà tặng người tù chúng tôi gom suốt ăn lại ăn chung. “Đứa con sinh nhật” được nhận thêm một lát bánh mì và một tách cà phê.

Ngày sinh lần thứ 50 của tôi - ngày 18.6.1968 - trôi qua trong yên lặng, không xảy ra việc gì lớn. Nhưng năm 1975, khi tôi 57 tuổi, hai bạn chiến đấu cùng ngồi tù là Walter Sisulu và Ahmed Kathrada đến với bản kế hoạch làm thế nào để kỷ niệm ngày sinh lần thứ 60 của tôi trở thành một sự kiện có ý nghĩa. Hai anh đề nghị tôi viết hồi ký về những năm tháng đấu tranh của ANC và của tôi. Thời điểm lý tưởng cho việc xuất bản hồi ký này sẽ vào dịp sinh nhật lần thứ 60 của tôi.

Anh Walter nói rằng một câu chuyện như vậy khi được kể lại trung thực và minh bạch sẽ nhắc nhở mọi người vì sao chúng tôi đã và đang chiến đấu, hy sinh cho sự nghiệp cao cả ấy. Anh nói thêm rằng hồi ký của tôi về giai đoạn trước khi tôi bị tổng ngục năm 1964 và những năm trong lao tù sẽ là nguồn động viên to lớn cho các chiến sĩ trẻ đang ngày càng gia nhập đông hơn, trực tiếp cầm súng trong cuộc chiến đấu về vang này.

Tôi nhận thấy đề tài rất hấp dẫn và nhanh chóng bắt tay vào công việc. Tôi viết phần lớn vào ban đêm. Trong một hai tuần đầu, sau bữa ăn tối, tôi chợp mắt một lúc và vào lúc 22 giờ tôi dậy và viết cho đến sáng sớm hôm sau và cứ thế ngày nào cũng như ngày nào, thực hiện nhiệm vụ của mình theo giờ quy định.

Cuối cùng tôi báo cho cai ngục rằng mình không được khỏe và không thể tiếp tục công việc khổ sai ở mỏ đá. Điều này dường như không làm cho họ quan tâm và từ ngày đó tôi có thể ngủ suốt ngày.

Để hoàn thiện bản thảo chúng tôi lập một dây chuyền. Hằng ngày tôi nộp những trang viết cho Kathy. Anh ấy đọc qua một lần, sau đó chuyển cho Walter đọc. Những ý kiến bổ sung của hai anh được ghi ra lề. Một bạn tù khác nhận toàn bộ bản thảo sau khi đã được bổ sung và viết lại bằng loại chữ cực nhỏ ngay trong đêm. Bạn tù này viết chữ nhỏ đến nỗi 10 trang bản thảo của tôi chỉ đủ một trang của anh. Người chịu trách nhiệm chuyển bản thảo ra khỏi nhà tù là anh Mac Maharaj, cũng là tù nhân như chúng tôi.

Bọn gác ngục dường như nghi ngờ hoạt động của chúng tôi. Một lần chúng hỏi Mac: “Mandela đang làm việc gì thế? Vì sao ông ta thức suốt đêm vậy?”. Mac chỉ lắc vai và nói thêm rằng tôi là một sinh viên cần mẫn. Hồi ấy người tù được phép học hàm thụ đại học.

Trong những đêm ấy, khi ngồi một mình trong sự im lặng tuyệt đối, hình ảnh những cuộc chiến đấu sôi động thời thanh xuân bùng lên dữ dội trong trái tim tôi.

Đáng nhớ nhất là khi tôi tới Johannesburg, đến trụ sở African National Congress, Đại hội Dân tộc Phi, tổ chức giải phóng của chúng tôi, sau đó là cảnh hoãn đi hoãn lại phiên tòa xử “tội phản quốc nghiêm trọng”, rồi hình ảnh tôi bị đẩy ra đảo Robben Island... cảm động và pha chút sợ hãi, tôi lần lượt đưa lên những trang giấy một cách trung thực tất cả những gì đã xảy ra.

Mac giấu những trang viết cực nhỏ vào những cuốn nhật ký bìa cứng. Năm 1976, khi anh được trả tự do, anh đã mang được toàn bộ bản thảo ra ngoài một cách an toàn. Như đã thỏa thuận ngầm, Mac sẽ thông báo cho chúng tôi một khi bản thảo trao tận tay những người tin cậy. Chúng tôi chỉ hủy 500 trang bản thảo khi biết được tài liệu đã được trao vào những bàn tay tin cậy. Cho đến khi nhận được thông tin ấy chúng tôi vẫn phải bảo quản 500 trang viết kia bằng mọi cách. Khả năng duy nhất an toàn là cho vào ba ống nhựa và chôn xuống đất cạnh tường rào trong khu nhà tù.

Vài tuần sau, sau khi tù nhân ngủ dậy, tôi bỗng nghe thấy tiếng động trong sân nhà tù mà tôi nhận ngay là tiếng cuộc xéng đang đào.

Khi chúng tôi được phép rời xà lim xuống nơi rửa mặt, tôi đi về phía hành lang trước và từ đó có thể nhìn rõ góc sân người ta đang đào bới. Một nhóm bạn tù được giao công việc đào móng xây một bức tường mới, ngay nơi chúng tôi chôn giấu bản thảo. Buổi chiều khi từ mỏ đá trở về tôi nhận ra ngay lập tức móng tường đào trúng vào vị trí giấu bản thảo.

Tinh mơ sáng hôm sau tôi bị gọi lên văn phòng của phó cai tù. Bên cạnh ông ta là một viên chức từ Pretoria. Chẳng chào hỏi gì, viên phó cai ngục lớn tiếng: “Mandela, chúng tôi đã tìm thấy bản thảo của ông”.

Ngay sau đó cả Walter, Kathy bị quy tội là lạm dụng việc học hàm thụ để viết tài liệu kích động gửi ra ngoài chống chính quyền. Ngay lập tức chúng tôi bị tước quyền học hàm thụ vô thời hạn.

Bản thảo được chuyển ra ngoài đã theo hành trình qua London, sau đó trở về Lusaka, nơi đóng trụ sở của ANC vốn bị đặt ra ngoài vòng pháp luật ở Nam Phi. Thế nhưng chừng nào tôi còn ngồi tù thì tài liệu không được công bố rộng rãi. Những gì tôi viết hồi đó là xương sống của tập hồi ký được xuất bản sau này.

Cha tôi đặt cho tôi cái tên Rolihlahla, có nghĩa là “kéo cành cây”. Nhưng ngôn ngữ thông dụng dân dã có nghĩa là “kẻ gây rối”.

Tôi sinh ngày 18.7.1918 tại Mvezo, một làng ở quận Umtata, thủ phủ bang Transkei. Đó là quê hương xứ sở của bộ tộc Thembu - bộ tộc của tôi - và là một nhánh của dân tộc Xhose.

Cha tôi, Gadle Henry Mphakanyiswa, là tù trưởng do sắc phong của vua Thembu, đứng đầu vùng Mvezo. Nhưng vào thời Nam Phi trở thành thuộc địa của Anh việc tấn phong phải được chính quyền thuộc địa phê chuẩn. Được chấp thuận là tộc trưởng, cha tôi được hưởng một khoản lương trích từ nguồn thu thuế trong

vùng. Cha tôi không biết đọc mà cũng chẳng biết viết, nhưng ông là một nhà hùng biện. Với thần dân ông như người thầy, người bạn. Ông là cố vấn của người cai quản dân tộc này. Tôi được thay thế cha vào vị trí đó khi trưởng thành.

Tôi được nghe kể lại là cha tôi có 4 vợ. Bốn bà có “tước” riêng: Bà lớn, cánh tay phải, cánh tay trái và Iqadi. Mỗi bà đều có trang trại chăn nuôi riêng, nhà riêng và nông trại sản xuất riêng. Trang trại của các bà cách nhau 4 dặm. Cha tôi di chuyển trên trục “tứ giác” này. Ông có 13 con, 9 gái, 4 trai. Tôi là con trai út của ông.

Khi tôi mới lọt lòng, cha tôi bị chính quyền do người da trắng đứng đầu gây rắc rối chỉ vì một con bò. Sự rắc rối này làm ông mất chức tù trưởng. Cùng với việc mất chức đồng thời ông mất hết tài sản.

Sau đó mẹ tôi ẵm tôi đến một làng nhỏ có tên là Qunu. Ở đó dân sống trong những túp lều như tổ ong, vách đất, cửa tò vò. Nền nhà là đất phơi của các tổ mối, kiến, được trát nhẵn.

Bắp, các loại đậu, bí ngô là nguồn lương thực chính của bộ tộc. Chẳng phải bộ tộc tôi thích những thứ đó mà là vì không kiếm đâu ra thực phẩm và lương thực quý hơn, giàu dinh dưỡng hơn. Vì họ không có tiền.

Qunu là “làng của đàn bà và trẻ con”. Toàn bộ đàn ông đi làm thuê xa xứ - phần lớn ở các mỏ kéo dài phía nam sườn thành phố Johannesburg. Mỗi năm họ chỉ về quê hai lần trong mùa làm đất. Gieo cấy, trồng tía và thu hoạch mùa màng là việc của đàn bà.

Khi tôi lên 5 thì trở thành mục đồng chăn cừu và bò. Tôi học được mối quan hệ giữa người của bộ tộc Xhosa với gia súc. Chúng không chỉ là nguồn thực phẩm quý báu cho con người mà còn là mối quan hệ linh thiêng, là nguồn hạnh phúc cho con người. Ở đó tôi cũng học được cách dùng “súng cao su” bắn chim, cách lấy mật ong rừng, hái cây và đào củ rừng, vắt sữa bò, học bơi và học câu cá thành thạo.

Cuộc đời tôi đều tuân theo khuôn phép của lệ làng, phép vua và bao nhiêu cấm kị. Đó là sự đảm bảo cho sự tồn tại của mình mà không ai hỏi vì sao. Đàn ông theo con đường của người cha, đàn bà theo con đường của mẹ. Tôi quan sát tất cả tập tục đó và tuân thủ như nghĩa vụ của mình.

Ở Qunu chỉ có vài ba gia đình da trắng. Hiển nhiên chính quyền địa phương do người da trắng nắm giữ. Kế đến là chủ cửa hàng. Thịnh vượng xuất hiện những người da trắng lạ. Họ là khách du lịch hoặc cảnh sát từ quận, bang xuống. Họ xuất hiện trước mắt tôi như những vị chúa. Hồi đó tôi nghĩ họ vừa đáng kính vừa đáng sợ.

Cha tôi quen thân với những người đứng đầu bộ tộc Amamfengu, những người Nam Phi đầu tiên theo đạo Thiên chúa. Ông đã gửi tôi đến nhà thờ Thiên chúa để được ban phước và rửa tội, sau đó được đến trường học. Còn ông thì giữ

cự ly với đạo của Đức chúa trời. Lòng tin của ông đã dành trọn cho Hồn thiêng của bộ tộc Xhosa.

Không một thành viên nào của gia đình tôi được đi học. Khi được bảy tuổi rưỡi và vào ngày đến trường, cha tôi nắm tay dắt đi và Người nói đến trường phải ăn bận tươm tất. Cho đến lúc ấy cũng như mọi đứa trẻ Qunu, tôi chỉ có cái khố vải thô trên người. Cha tôi lấy cái quần cũ của ông cắt ống ngắn lại và lệnh cho tôi mặc vào người. Chiều dài vừa phải nhưng quá rộng đối với cơ thể nhỏ bé của đứa trẻ 7 tuổi. Ông dùng một sợi dây và thắt bụng tôi chặt lại. Trông tôi lúc ấy hẳn là nực cười lắm. Thế nhưng không có một bộ quần áo, lễ phục nào trong đời mình làm cho tôi tự hào như cái quần cha tôi tặng ngày khai trường hồi ấy!

Ngày học đầu tiên, cô giáo da trắng Mdingane tuyên bố từ lúc ấy mỗi học trò da đen đều có một tên Anh riêng ở trường. Người da trắng không thích và không muốn gọi người da đen bằng tên thổ ngữ của họ, vì như vậy không văn minh! Cô giáo cho tôi cái tên mà tôi giữ cho đến hôm nay: Nelson Mandela. Cho đến nay tôi vẫn không hiểu tên đó có nghĩa gì và vì sao cô giáo cho tôi tên đó.

Một năm sau cha tôi qua đời. Ông chết do bệnh phổi. Nhưng chẳng ai biết nguyên nhân chính xác của cái chết ấy. Nhưng điều ai cũng biết chắc chắn là trong suốt cuộc đời mình, chưa khi nào cha tôi đến khám bệnh ở bất cứ bác sĩ nào.

Mẹ tôi là vợ trẻ nhất của cha tôi. Tên bà là Nodayimani, là người chăm sóc cha tôi trong những ngày cuối cùng của ông. Trong đêm khuya ông ra lệnh “Đưa thuốc rê cho tôi!”. Mẹ tôi cho rằng không thể đưa thuốc rê cho người bệnh trong cơn đau nặng. Nhưng với tất cả sức lực còn lại, ông đòi phải có thuốc. Và ông đã hút suốt một giờ liền. Sau khi hạ tẩu là ông tắt thở.

Tôi không còn nhớ cái tang ấy có gây đau đớn lớn cho mình không. Điều tôi không thể nào quên là cảm giác của sự chia ly quá kinh hoàng. Đã đành mẹ tôi là người nuôi dưỡng tôi lớn lên, nhưng người cha là hình ảnh của tôi, là bóng dáng của tôi. Sự qua đời của ông đã làm thay đổi đời tôi. Sau lễ tang ít lâu mẹ tôi nói chúng tôi phải rời Qunu. Tôi không hỏi bà vì sao, và đi đâu bây giờ.

Chúng tôi ra đi bằng đôi chân trần trong im lặng, lên động xuống đèo, qua nhiều làng xóm. Chiều tà, chúng tôi đến một thung lũng bên dòng suối. Trước mắt chúng tôi là một làng đẹp. Ngay giữa làng, từ trên cao, là một ngôi biệt thự xinh đẹp và từ độ cao ấy người chủ có thể phóng tầm nhìn bao quát cả làng. Biệt thự mới đẹp làm sao. Tôi chưa hề thấy một cái nhà nào đẹp hơn thế. Tất cả tắm trong màu trắng và chói lòa trước ánh nắng mặt trời.

Đó là biệt thự của tù trưởng Jongintaba Dalyndiebo, người đang được giao quyền lãnh đạo dân tộc Thembu.

Ông người nhỏ nhắn, ăn mặc chỉnh tề, đẹp, nhanh nhẹn và tự tin. Nhìn ông, ta thấy toát ra sức mạnh quyền lực. Cái tên thật phù hợp với vị trí của ông. Jongintaba có nghĩa là “Một con người ngấm núi”.

Sau khi cha tôi qua đời, Jongintaba đề nghị được nuôi dưỡng tôi. Ông coi tôi như con và tôi được hưởng mọi thứ như con để ông được hưởng. Mẹ tôi không có sự lựa chọn nào khác trước lời yêu cầu quá hậu này. Cho dù phải xa tôi nhưng bà vẫn rất vui trước hoàn cảnh mới tốt đẹp của tôi.

Tôi nhanh chóng cảm thấy hạnh phúc trong thế giới mới này. Tôi được đi học, học tiếng Anh, học tiếng Ahosa của bộ tộc tôi, lịch sử, địa lý. Ở đó sáng chủ nhật nào tôi cũng đến nhà thờ với các con ông chủ.

Quan điểm về sự lãnh đạo sau này là do ảnh hưởng quan trọng từ những quan sát trong thời gian tôi sống với vị tộc trưởng này. Tôi thường xuyên dự các buổi họp mặt của các thành viên dưới quyền ông, tôi học cách triệu tập của ông. Ai cũng có quyền phát biểu nếu muốn. Ai cũng được nghe một cách chăm chú, bất kể người đó là tộc trưởng hay người dân, chiến binh hay thầy thuốc, chủ cửa hàng hay chủ nông trại, công nhân hay nông dân. Không ai ngắt lời họ và cuộc khai hội như vậy kéo dài 4 giờ liền.

Lúc đầu tôi hết sức ngạc nhiên trước những sự căng thẳng thể hiện qua giọng nói và tôi cũng ngạc nhiên hết sức khi mọi người đều nói thẳng, công khai ý kiến của mình, kể cả việc phê phán tộc trưởng. Bất chấp lời phê phán với giọng nhiều khi gay gắt, vị tộc trưởng đã kiên nhẫn và bình thản nghe không sót một lời mà không bào chữa, và cũng không hề tỏ ra bức dọc trên khuôn mặt và cử chỉ.

Những cuộc khai hội như thế kéo dài cho tới khi người ta tìm được một mẫu số chung. Những cuộc khai hội chỉ có thể tạo được sự nhất trí hoặc không, không có sự áp đặt hay thỏa hiệp để đạt được thống nhất. Người kiên nhẫn khác thường trong khi chờ đợi tìm được giải pháp tốt nhất. Một quyết định đưa ra do tập thể và được tất cả chấp hành. Không có sự áp đặt của một đa số lên tất cả. Thiếu số không thể bị đa số áp chế. Chỉ khi cuối cuộc họp, khi mặt trời xuống núi, tộc trưởng phát biểu một lần nữa và tổng kết ý kiến các diễn giả đã phát biểu.

Tôi nhớ mãi khi lần đầu tiên nghe “nhà lãnh đạo” bộ tộc nói: “Một người lãnh đạo giống như một mục đồng. Anh ta bao giờ cũng đứng đằng sau đàn cừu để cho con đầu đàn tiến lên và những con khác tiến theo mà không hề nhận ra là có người lái ở phía sau”.

Lên 16 tuổi tù trưởng quyết định đã đến lúc tôi trở thành người đàn ông thực thụ. Theo truyền thống của bộ tộc Xhosa thì phương tiện duy nhất là cắt da quy đầu. Một người đàn ông không làm việc đó thì không đủ tư cách tiếp nhận những gì tinh hoa của người cha truyền cho, không được lấy vợ và không thể đứng đầu một bộ tộc. Đây là ngày trọng đại trong đời một người đàn ông và vì vậy được tổ chức long trọng. Sau nghi thức này là thời gian im lặng của các chàng trai, là thời gian chuẩn bị cho những thử thách mới trong tương lai với tư cách là một người đàn ông đích thực.

Nghi thức truyền thống của việc cắt quy đầu kỳ này do tù trưởng đứng chủ sự, bởi lẽ lần này có con trai ông trong số những chàng trai này. Chúng tôi cũng nhân dịp này được nhập hội. Ngay từ đầu năm mới chúng tôi - gồm 26 người - đã dựng

hai lều cỏ trong thung lũng bên bờ sông Mbashe, vốn là địa điểm truyền thống tiến hành các công việc này cho các vị vua Thembu.

Nghi thức long trọng được tổ chức vào buổi trưa. Chủ sự ra lệnh cho chúng tôi xếp hàng dọc cách bờ sông một cự ly nhất định. Tất cả chúng tôi nằm trong tầm quan sát chăm chú của cha mẹ, người thân, tù trưởng và nhiều nhân vật quan trọng khác của bộ tộc cũng như của các vị cổ vấn. Chúng tôi chỉ khoác tấm chăn trên cơ thể. Tôi cảm thấy hồi hộp, thiếu tự tin vì lẽ không biết sẽ phản ứng thế nào khi phút nghiêm trang nhất diễn ra. Chúng tôi không được phép giãi dụa, cũng không được la hét.

Tôi liếc sang phải và nhìn thấy một người đàn ông từ trong lều bước ra quỳ trước chàng trai thứ nhất. Người đàn ông cao tuổi này là “Ingeibi” nổi tiếng - chuyên gia hạng nhất cắt quy đầu. Ông chỉ cần “một nhát” sắc, nhanh gọn và chỉ trong chớp mắt biến chúng tôi từ những chàng trai trở thành những người đàn ông đích thực!

Tôi giật mình khi nghe chàng trai đầu tiên kêu lớn: “Tôi là một người đàn ông”. Người lớn đã dạy chúng tôi cách xử sự trong giờ phút nghiêm trang ấy. Một lúc sau tôi nghe câu ấy từ miệng con trai tộc trưởng cố làm ra vẻ rắn rỏi nhưng vẫn không giấu được sự kinh hãi.

Trước khi định thần, người đàn ông già đã quỳ trước mặt tôi. Tôi nhìn thẳng vào mắt ông. Ông đôi mắt sắc, trở nên nhợt nhạt, mặc dù hôm đó trời lạnh mà trên trán ông đầm mồ hôi. Hai tay ông nhanh thoăn thoắt và chỉ trong nháy mắt mọi việc đã xong. Tôi cảm thấy như lửa cháy trong huyết quản. Sự đau đớn tức thời đã buộc tôi phải dùng cảm tỳ lên ngực để không phát ra tiếng.

Nhìn xuống đất tôi thấy một vòng da tròn như một cái nhẫn. Nhưng tôi phải thú thật là mình cảm thấy xấu hổ vì nhận ra rằng nhiều chàng trai cũng cảm hơn tôi nhiều. Họ nói câu “Tôi là một người đàn ông” to, sắc và gãy gọn, vang hơn tôi nhiều. Còn tôi thì đã cố gắng rất nhiều để kìm được cơn đau mà không hét lên thành tiếng.

Ông già nhờ các chàng trai nhặt cái vòng ấy lên và ông đã khâu nó vào tấm chăn khoác lên mình chúng tôi rất cẩn thận. Sau đó ông dùng lá thuốc rịt vào vết cắt vừa chống nhiễm trùng vừa là thuốc chữa vết thương chóng lành. Loại cây thuốc này cầm máu và ngăn chặn chất bẩn xâm nhập vết thương.

Trong đêm vắng có tiếng gọi chúng tôi thức dậy và người nọ nói tiếp người kia. Chúng tôi được phép rời lều cỏ nhưng phải đi tìm một tổ kiến trong đêm tối mịt mùng. Chúng tôi phải chôn các vòng ấy vào đụn kiến.

Theo truyền thuyết thì người ta phải kịp thời giấu kín cái vòng da này bằng cách chôn xuống đất tại ụ kiến trước khi bị nhà ảo thuật cướp mất để dùng vào những việc không lương thiện. Tôi có cảm nghĩ làm việc này chúng tôi cũng đồng thời chôn tuổi thiếu niên của mình. Tôi nhanh chóng tìm được một đụn kiến và chôn cái vòng da ấy.

Trong hai tháng liền chúng tôi sống trong hai căn lều cỏ ấy và chờ cho vết thương lành hẳn. Khi trở lại với cộng đồng chúng tôi phải quấn tròn trong tấm chăn kín toàn thân, bởi vì trong thời gian này không một cô gái nào được nhìn cơ thể chúng tôi. Đó là giai đoạn của sự tĩnh lặng và tự vấn lòng mình, một loại hình như là cách chuẩn bị cho những thử thách mới trong cuộc đời của một người đàn ông đích thực.

Khi chúng tôi xuất hiện trở lại trong cộng đồng, bộ tộc tổ chức một ngày lễ mới chính thức kết nạp chúng tôi vào giới đàn ông trưởng thành. Cha mẹ, các tộc trưởng quanh vùng đều có mặt. Người ta dâng đàn, ca hát, trao quà lưu niệm.

Diễn giả chính trong buổi lễ trọng thể này là tù trưởng Meligqili. Ông rất nghiêm trang: “Những đứa con của chúng ta ngồi đó, những chàng trai trẻ trung, mạnh khỏe, những bông hoa của bộ tộc Xhosa, niềm tự hào của cả dân tộc. Nhưng mọi lời hoa mỹ này đều rỗng tuếch mà chẳng ai có thể thực hiện được. Bởi vì những người Xhosa và người da đen ở Nam Phi này là một dân tộc bị khuất phục. Chúng ta trở thành nô lệ ngay trong nước mình. Chúng ta không có sức mạnh, không có quyền lực, không được quyết định vận mệnh và số phận của chính mình. Phần còn lại của cuộc đời bị chôn vùi trong hầm mỏ của người da trắng để bọn chúng sống cuộc đời phê phỡn chưa từng có ở nước ta. Chúng ta không có gì hết. Chúng ta không có độc lập, tự do...”

Tôi bỗng nhận ra những lời tâm huyết của ông như một sự xúc phạm sâu sắc đối với tôi, một người bình thường không đủ khả năng làm một việc gì có ý nghĩa ngoài việc dâng bốc những giá trị do người da trắng đưa vào đất nước này. Vào thời gian này tôi không nhìn nhận người da trắng là kẻ áp bức mà là người mang lại phúc lợi cho người da đen. Tôi nghĩ vị tù trưởng đã thật vô ơn.

Khác với những chàng trai cùng trang lứa mới trưởng thành tôi biết chắc chắn mình sẽ không chui xuống hầm lò. Vị tù trưởng thường nói với tôi: “Cậu không có quyền quyết định đời mình hy sinh cho sự giàu có của người da trắng mà không hề biết tên mình viết như thế nào”. Là “người kế vị” tôi cần phải được học. Tôi được gửi đến một trường nội trú ở một nhà thờ thụ giáo. Trước khi lên đường, tù trưởng tặng tôi đôi ủng, hình ảnh khẳng định tôi đã là một người đàn ông. Lần đầu tiên trong đời tôi được học ở những người thầy thông tuệ, có bằng cấp hàn lâm.

Trường Clarkebury được thành lập năm 1823 tại khu dân cư cổ nhất bang Transkei. Vào thời đó Clarkebury là trường cao cấp nhất dành cho người Phi ở Thembu. Tù trưởng của tôi từng theo học tại đây và con trai ông là Justice cũng theo chân cha mình đến đó. Đó là dạng trường tổng hợp. Vừa dạy văn hóa vừa đào tạo nghề thực hành như mộc, thợ cắt may và thợ gò hàn.

Trên đường đến Clarkebury tù trưởng dạy tôi nhiều điều, đặc biệt là cách hành xử và tương lai của tôi. Ông khuyên tôi phải giữ kỷ luật và biết kiềm chế. Tôi hứa với ông sẽ hành xử như lời ông dạy bảo. Ông đã đưa tôi đến gặp ngài Hiệu

trưởng C. Harris. Theo tù trưởng thì C. Harris là một nhân cách khác thường, một người Thembu da trắng, nghĩa là tuy là người Âu da trắng nhưng mang trong lòng ngực trái tim của người Thembu và yêu mến người Thembu, hiểu họ. Tóm lại tôi phải học ở ông Harris nhiều điều, bởi vì ông ta là người đào tạo “kẻ đầu đàn” cho bộ tộc bản địa.

Tôi đã từng biết nhiều người da trắng hồi còn ở quê nhà: lái buôn, viên chức chính quyền và cảnh sát. Đó là những người có quyền thế. Tù trưởng của chúng tôi từng đón tiếp họ rất lịch sự nhưng không khúm núm và coi họ như những người ngang hàng với ông. Thỉnh thoảng tôi còn nghe tù trưởng chê bai họ điếm này, điếm kia, tuy việc đó rất hiếm hoi. Hiển nhiên là tù trưởng không bao giờ nói với tôi nên hành xử thế nào khi có sự hiện diện của những người da trắng loại này. Vì lẽ đó tôi chỉ quan sát và làm theo ông. Nhưng khi nói về C. Harris, lần đầu tiên tù trưởng nói với tôi rằng mình phải ứng xử thế nào trước con người này. Theo ông thì tôi phải kính trọng và nghe theo lời ông ta như đối với chính tù trưởng vậy.

Clarkebury là thị trấn lớn. Trường bao gồm hai khối nhà xây theo phong cách thuộc địa. Trường có giảng đường rộng rãi, xưởng thợ khá khang trang. Trong khuôn viên nhà trường có nhiều nhà riêng hẳn là của giám trường và giáo viên, viên chức hành chính quản trị. Thư viện nhà trường khá khang trang. Các phòng học rộng và thoáng. Đây là địa điểm của người phương Tây chứ không phải của người châu Phi. Lần đầu tiên trong đời tôi được sống trong không gian ấy. Tôi có cảm giác như được sống trong một thế giới hoàn toàn mới và những đạo luật của thế giới đó còn là bí ẩn đối với tôi.

Ông C. Harris bắt tay tôi. Đó là cái bắt tay đầu tiên trong đời tôi với người da trắng. Ông ta chân tình, hữu nghị và tỏ ra quý trọng vị tù trưởng của chúng tôi. Tù trưởng nói với ông Harris rằng tôi cần được giáo dục theo những lời khuyên răn của vua, và tù trưởng hy vọng ông Harris quan tâm đặc biệt đến tôi. Ông Harris gật đầu nhận lời và nói thêm rằng sinh viên học ở Clarkebury sau giờ học đều phải lao động thực tế. Và ông Harris xếp công việc lao động tay chân cho tôi ngay trong vườn nhà ông.

Cuộc bàn giao kết thúc, tù trưởng cho tôi một bản Anh là tiền tiêu vật. Đó là số tiền lớn nhất mà tôi sở hữu trong đời mình cho đến lúc ấy. Tôi chia tay tù trưởng với lời hứa không bao giờ làm ông thất vọng về mình.

Tôi những tưởng là người của vua Thembu được đối xử khác với những người thuộc các bộ tộc khác. Không. Tất cả đều như nhau. Không ai cần biết và quan tâm đến việc tôi thuộc hàng hậu duệ của dòng họ vua Ngubengcuka. Nhiều học sinh da đen đến Clarkebury là con nhà giàu có. Tôi như bị quên lãng trong thế giới ấy. Đó là bài học quan trọng đầu đời của tôi. Tôi nhanh chóng hiểu ra rằng con đường của tôi chỉ có thể rộng thênh thang khi mình dựa vào năng lực của chính mình chứ không phải do nguồn gốc xuất thân. Hầu hết sinh viên đồng học không

chỉ hơn tôi trên sân bãi thể thao và cả trong học tập. Tóm lại tôi phải cố gắng cật lực mới không bị họ bỏ quá xa.

Lần đến lớp đầu tiên tôi đi ủng, cũng là đôi ủng lần đầu tiên trong đời. Tôi cảm thấy mình oai vệ như một chú ngựa đua. Tôi suýt bị ngã do sàn lót bằng gỗ bóng khá trơn. Khi bước vào lớp tôi bỗng nhận ra có hai nữ sinh nhìn tôi chăm chú, nhưng trong ánh mắt đầy vẻ khôi hài. Cô xinh hơn hướng sang phía bạn và nói rất to: “Thằng cha nhà quê kia không quen đi ủng”. Cô bạn cười ngặt nghẽo. Cầm tức làm tôi như mờ mắt. Tôi xấu hổ vô cùng.

Cô gái xinh đẹp ấy tên là Mathona. Tôi thề rằng không bao giờ nói nửa lời với cô ta. Nhưng thời gian trôi đi và tôi nhận ra rằng cô khá tốt và dần dần trở thành bạn thân nhất của tôi, người tôi tin cậy và về sau đã trao đổi những bí mật của đời mình. Nàng là hình mẫu của những người bạn, những đồng nghiệp nữ tôi tìm thấy về sau này, những người mà tôi có thể trao đổi thẳng thắn nhiều chuyện, thú thật với họ những điểm yếu và sự sợ hãi của mình mà tôi chưa bao giờ trao đổi với người bạn đồng giới.

Tôi nhanh chóng hòa nhập vào cuộc sống ở Clarkebury, tham dự các cuộc thi đấu thể thao. Tuy nhiên, chưa bao giờ tôi vượt qua tiêu chuẩn trung bình. Tôi chơi thể thao vì tình yêu với nó chứ không phải để nổi tiếng, vì lẽ chưa khi nào tôi đứng trên bục chiến thắng cả. Ở Clarkebury, lần đầu tiên tôi được học với những người thầy có học vị hàn lâm. Một lần tôi thú nhận với Mathona sự sợ hãi rằng không vượt qua kỳ thi tiếng Anh cuối năm, cũng như môn lịch sử. Mathona an ủi tôi đừng sợ, bởi vì cô giáo môn này là người da đen có học vị, yêu mến người đồng loại, và vì thế sẽ không nỡ đánh trượt chúng tôi. Một thầy giáo da đen khác có học vị hàn lâm được chúng tôi kính trọng đặc biệt không chỉ vì kiến thức của ông mà là sự khảng khái, không bao giờ khom lưng trước viên Hiệu trưởng C. Harris, người Âu da trắng.

Harris là viên Hiệu trưởng nghiêm khắc, lãnh đạo nhà trường với “bàn tay sắt”, tuy vậy ông là người nhã nhặn. Trường học này giống một trại lính hơn. Mọi vi phạm dù nhỏ đều bị trừng phạt. Ông đến phòng học hoặc xưởng thực tập nào thầy giáo da trắng cũng như da đen - và sinh viên phải đứng nghiêm thẳng người, chào ông.

Bọn sinh viên chúng tôi sợ ông hơn là kính trọng. Nhưng trong vườn nhà, Harris là người khác hẳn. Tôi đã có cơ hội tiếp cận một gia đình người da trắng sinh hoạt, sống quy củ và giàu văn hóa. Harris không bao giờ mang “bộ mặt nghiêm trang, sát khí và khắc khổ” từ trường học về nhà. Phải ghi nhận rằng ông đã rất nghiêm túc trong việc đào tạo sinh viên da đen. Ông trở thành tấm gương của nhiều sinh viên da đen và cho cá nhân tôi. Tôi quý trọng ông.

Trái với sự nghiêm nghị của chồng, bà Harris tìm mọi cơ hội trò chuyện với tôi. Tôi không biết chúng tôi đã nói những chuyện gì, nhưng cho đến hôm nay tôi

vẫn cảm nhận vị ngọt của những tách trà đặc biệt bà Harris mời tôi trong suốt thời gian tôi lao động trong vườn nhà bà.

Khi đã nhập cuộc, tôi tiến bộ nhanh. Thậm chí tôi đã có thể vượt lớp trong một số môn. Thông thường đã có bằng Junior Certificate phải mất 3 năm. Tôi chỉ mất có 2 năm. Tôi trở thành hiện tượng ở Clarkebury là Xhosa. Healdown là thị trấn trong thung lũng Fort Beaufort và đẹp hơn Clarkebury nhiều. Tại đây 1.000 sinh viên nam nữ người Phi da đen trau dồi kiến thức của mình. Đây là trường học của nhà thờ, dạy khoa học và cũng dạy nghề như ở Clarkebury. Sinh viên châu Phi từ khắp các bang trong toàn Nam Phi học tập tại trường này.

Học năm thứ hai ở Fort Beaufort thì tôi bắt đầu luyện tập thể thao: chạy đường trường. Tôi cao to nhưng người mảnh, rất phù hợp với môn này. Đó là môn thể thao đòi hỏi kỷ luật cao, tự chủ trong cạnh cô đơn, nó giúp tôi giải tỏa căng thẳng do học tập quá khắt khe. Tôi cũng bắt đầu luyện tập môn đấm bốc. Lúc đầu tôi chỉ đến võ đài vì không có tiền học phí. Về sau khi kiếm được tiền, tôi luyện tập đều đặn hơn. Và tôi đã tập đấm bốc một cách nghiêm túc như một nghĩa vụ không thể thoái thác. Cũng trong năm học thứ hai, tôi được nhà trường giao nhiệm vụ trợ lý lao động. Tôi đã tận dụng “chức vụ” này tiếp cận mọi giới sinh viên trong khu ký túc xá. Sau đó tôi lại được làm trợ lý bảo vệ. Những công việc này giúp ích cho tôi sau này trong ANC và trong lực lượng vũ trang của Đại hội Dân tộc Phi.

Năm cuối cùng của tôi ở Healdown được gặp gỡ nhà thơ của dân tộc Xhosa, ông Krune Mqhayi. Ông là ngôi sao chổi của người da đen Nam Phi. Ông là nhà thơ, là ca sĩ. Những bài thơ và bài hát của ông có ý nghĩa rất lớn đối với người da đen Nam Phi trong cuộc đấu tranh cực kỳ gian khổ, và anh hùng của mình suốt gần 100 năm chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khát máu nhất thế giới, của mọi thời đại.

Nhà trường cho học sinh - sinh viên nghỉ như ngày lễ lớn. Đối với sinh viên da đen thì đó là ngày lễ thực sự. Họ chuẩn bị tấp nập cho cuộc đón tiếp long trọng. Cờ hoa, biểu ngữ trang hoàng trong toàn khu vực nhà trường. Buổi đón tiếp Mqhayi thật long trọng. Tất cả sinh viên da đen và thầy giáo, cô giáo da trắng ăn mặc đẹp, tập trung tại hội trường lớn đón tiếp ông. Chúng tôi quan tâm đặc biệt đến cái cửa phía sau sân khấu dựng trong hội trường lớn. Chưa có bất cứ ai trong trường cũng như khách từ bên ngoài vào thăm trường bước từ trong phòng qua cánh cửa này ngoài ông giám đốc. Vậy mà vào đúng lúc hàng ngàn con mắt đen đang chăm chú nhìn vào cánh cửa ấy thì bỗng nó mở tung. Và người xuất hiện trong khung cửa là một người da đen cao to choàng trên người tấm vải da báo, trên đầu cũng trùm tấm khăn da báo, hai tay cầm hai mũi lao. Ông giám đốc nhà trường thắp từng người đàn ông da đen, nhưng không ánh mắt nào hướng về phía ông. Không thể nào tả xiết tác động các hình ảnh hào hùng tuyệt vời kia. Vũ trụ như đổ sụp trên đầu chúng tôi. Ngay cả sau khi Mqhayi ngồi bên cạnh ông Hiệu trưởng trên hàng ghế chủ tịch đoàn, không khí vẫn vô cùng náo nhiệt. Dường như

cử tọa không thể kiềm chế nổi chính mình trước hình ảnh hào hùng mới diễn ra kia.

Phút xúc động không thể nào kìm được chính là lúc người anh em da đen của chúng tôi nói những lời vang vọng đến hôm nay rõ mồn một bên tai tôi: “Hôm nay tôi nói với các bạn về sự xung đột giữa một bên bền vững và tốt đẹp từ mảnh đất này và một bên là ngoại bang tồi tệ. Chúng ta không thể để cho những kẻ ngoại bang chiếm đất nước chúng ta, coi thường nền văn hóa của chúng ta. Tôi báo trước cho tất cả các bạn, các lực lượng của xã hội châu Phi một ngày nào đó sẽ chiến thắng những kẻ xâm lược. Chúng ta đã quỳ gối quá lâu trước những thần tượng rơm rơm phương Tây quá rồi. Nhưng chúng ta tất yếu phải vùng lên và ném đi tất cả những xiềng xích ngoại bang áp đặt quá lâu lên đầu lên cổ các dân tộc chúng ta!”.

Tôi không tin vào tai mình nữa. Ông đã thẳng thừng tố cáo và bóc trần chế độ thực dân da trắng với sự hiện diện của ông Hiệu trưởng và hàng chục nhà giáo người da trắng.

Mqhayi bắt đầu ngâm thơ, bài thơ nổi tiếng của ông. Trong thơ ông phân phối những vì sao sáng cho các dân tộc trên hành tinh. Tôi chưa từng nghe bài thơ này trước đó. Mqyaui hướng đến các dân tộc châu Âu: “Ta trao cho các người giải Ngân hà, nơi hội tụ vô vàn tinh tú sáng chói, bởi vì các người là những người tuyệt diệu, đầy tham vọng và ghen tị, có quá nhiều thứ đến mức dư thừa nhưng lại đi tranh giành khắp nơi, “Sau khi tặng những người Pháp, người Anh, người Đức cả giải Ngân hà, ông hướng sang các dân tộc châu Á; châu Mỹ la tinh. Và cuối cùng là châu Phi. Trao tặng các bộ tộc châu lục đen những ngôi sao hy vọng.

Mqhayi bỗng quỳ xuống, giọng thỏn thức: “Bây giờ, đến các bạn, hơi những người anh em Xhosa. Ta trao cho các bạn ngôi sao sáng nhất, quan trọng nhất. Đó là ngôi sao mai, bởi vì các bạn là một dân tộc tự hào, đầy sức mạnh. Đó là ngôi sao đến năm tháng - năm tháng của lòng kiên trung, bất khuất!”.

Tất cả chúng tôi bỗng đồng loạt đứng dậy, hò reo, hoan hô như muốn làm vỡ hội trường. Tôi cảm nhận máu trong người như sôi lên, dòng máu của người Phi, hơn thế, của người Xhose.

Những lời tâm huyết đầy chủ đích của Mqyayi vừa gây xúc động vừa làm tôi bối rối. Từ vấn đề dân tộc rất nhạy cảm, ông đã đến với một chủng tộc: Xhosa. Thời gian học tập ở Healdown chấm hết, trong đầu tôi chất chứa nhiều ý tưởng mới và thỉnh thoảng có những ý tưởng mâu thuẫn với nhau. Nhưng rồi cuộc thuyết trình của Mqhayi đã giải tỏa suy nghĩ của tôi. Tôi bắt đầu nhận ra rằng những người Phi thuộc nhiều bộ tộc đều có những điểm chung và khi người ta góp những điểm chung ấy lại thì sẽ thành sức mạnh đủ để khuất phục những kẻ cai trị tàn bạo.

Tôi rời Healdown trước hết trong hình hài một người của bộ tộc Xhosa, và thứ nữa mới là hình hài của người Phi.

Trường Đại học Fort Hare ở thành phố Alice, cách Healdown hai mươi dặm về phía đông cho đến năm 1960 là trường Đại học duy nhất dành cho sinh viên người da đen. Đối với thanh niên Nam Phi, trường Fort Hare như ngọn hải đăng hàn lâm, ví như Đại học Oxford và Cambridge ở Anh và Harvard ở Mỹ. Tù trưởng đặt nhiều kỳ vọng là tôi sẽ trở thành sinh viên trường này. Trước ngày đến trường, ông mua cho tôi bộ com-lê màu xám hai hàng cúc. Năm đó tôi 21 tuổi và không thể tưởng có ai học trong trường này giản dị hơn mình.

Tôi có cảm giác lúc này mình mới thật sự chuẩn bị cho những thành công tương lai. Tôi cũng thật sự vui mừng mang lại nguồn vui cho tù trưởng rằng, từ nay một thành viên của gia đình ông là sinh viên trường đại học. Justice vẫn ở lại Healdown để thi lại một số môn. Anh ta thích chơi hơn học, là một học sinh vô lo.

Fort Hare do người Scotlen dựng lên năm 1916, trên vùng cao nguyên của những rặng núi đá có dòng sông lượn quanh. Nơi này từng là pháo đài lý tưởng của người Anh trong cuộc chiến tranh thực dân chống người Xhosa. Thực dân Anh đã dùng pháo đài này khuất phục lãnh tụ cuối cùng của các chiến binh Xhosa Sandile vào năm 1880.

Fort Hare chỉ có 150 sinh viên. Tôi biết một số trong bọn họ từ Clarkebury và Healdown đến. Tù trưởng khuyên tôi học luật, bởi vì trong tâm tưởng của ông, việc làm của tôi sau khi tốt nghiệp đại học sẽ là cố vấn của vua. Như mọi trường khác ở Nam Phi, ở Fort Hare chúng tôi được giáo dục vâng lời. Tuân thủ pháp luật, kính chúa, biết ơn chính phủ và nhà thờ đã tạo điều kiện cho mình học hành thành người. Dạng trường tư này dù sao cũng không bảo hoàng như nhiều trường khác luôn phải tuân thủ các chính sách phân biệt chủng tộc, bởi lẽ chính quyền lập ra các trường ấy không phải để đào tạo những trí thức chống lại hệ thống chính trị và những nguyên lý phân biệt chủng tộc tệ hại ở nhà nước Nam Phi này.

Fort Hare đã trở thành nơi “cư ngụ” và vườn ươm nhiều trí thức da đen Nam Phi. Nhiều người trong số họ trở thành những nhà hoạt động xã hội xuất sắc, nhiều người khác trở thành học giả, giáo sư dạy ngay tại trường đại học này. Trường đại học Fort Hare gắn với tên tuổi giáo sư D.D.T Jabavu. Ông là giáo sư ngay từ năm 1916, khi nhà trường khai trương. Jabavu từng tốt nghiệp đại học ở Anh với bằng xuất sắc. Trở về quê hương ông dạy ngôn ngữ Xhosa, tiếng Latinh, lịch sử và khảo cổ. Ông là “Bộ từ điển bách khoa” về ngôn ngữ các bộ tộc ở Nam Phi. Chính giáo sư Jabavu đã kể những chi tiết về cuộc đời của cha tôi mà trước đó tôi chưa từng biết. Ông là người bảo vệ nồng nhiệt quyền lợi của người Phi da đen. Năm 1936, ông sáng lập All-African Convention chống lại đạo luật của nghị viện Nam Phi xóa bỏ quyền phổ thông đầu phiếu của các tộc người không phải da trắng.

Một kỷ niệm về Jabavu đọng mãi trong ký ức tôi. Một lần tôi đáp tàu hỏa từ Fort Hare về quê, dĩ nhiên là vào “toa dành cho người da đen”. Nhân viên kiểm soát vé đến. Tôi không có vé. Biết tôi lên tàu ở Alice, người này hỏi:

- Anh học ở trường Jabavu phải không?

Tôi gật đầu và anh tỏ ra thỏa mãn. Anh trao cho tôi một chiếc vé và nói một mình: Jabavu là con người tinh tế.

Năm thứ nhất tôi học tiếng Anh, chính trị, Luật pháp Nam Phi, La Mã và Hà Lan. Chúng tôi phải học kỹ các đạo luật trừng phạt người Phi da đen. Hồi ấy tôi từng ao ước sau khi tốt nghiệp được làm thông ngôn hoặc viên chức trong Bộ mang tên là "Bộ về các vấn đề dân cư gốc" (Native Affairs Department). Ngày ấy nghề viên chức là phần thưởng cao nhất mà một người Phi da đen có thể ao ước. Vào năm học thứ hai, khi ở Fort Hare mở lớp đào tạo phiên dịch do nhà dịch thuật xuất sắc tại các phiên tòa phụ trách - ông Tyamzashe - tôi là một trong những người ghi danh đầu tiên.

Sự học của tôi ở Fort Hare diễn ra bên trong và bên ngoài giảng đường. Tôi tham gia tích cực hoạt động thể thao, lấy sự chăm chỉ, kiên trì và quyết tâm bù vào sự thiếu hụt năng khiếu. Tôi thích môn chạy vì ở môn này sự tập luyện chăm chỉ, sự kiên trì quan trọng hơn năng khiếu. Tôi cũng gia nhập đoàn kịch và sắm vai kẻ ám sát Lincoln trong một vở diễn. Đó chỉ là một vai phụ nhưng đã giúp cho tôi hiểu ra một điều mới rằng, những người có quyền lực bao trùm lên mọi thứ thường phải đối diện với những rủi ro đến từ nhiều phía.

Tôi trở thành thành viên của Hội sinh viên Student's Christian Association và thường phải đến làng bên cạnh dự và đọc kinh. Một trong những bạn thân trong Hội sinh viên, trên sân chơi thể thao... là Oliver Tambo. Ngay từ khi mới quen nhau, tôi đã nhận ra rằng anh là con người rất sắc sảo. Anh là một diễn giả nhiệt huyết, ít khi chịu nhường ai về tính nguyên tắc. Chúng tôi không ở chung ký túc xá, không rõ công việc của nhau, nhưng tôi vẫn có thể nhận thấy anh đang gánh vác một nhiệm vụ quan trọng (Oliver Tambo về sau là Chủ tịch ANC- ND).

Ngoài vật lý ra tôi còn học một môn "chuyển động chính xác". Đó là môn khiêu vũ tập thể. Một câu lạc bộ mang tên Dancer Hall ở khu cạnh trường là nơi hội nhảy múa của sinh viên chúng tôi, mặc dù nhà trường nghiêm cấm sinh viên lui tới nơi đó. Một hôm chúng tôi phải hóa trang để đến Dancer Hall do có một công việc quan trọng. Đêm đó tôi phát hiện một mỹ nhân trên sàn nhảy. Tôi đến trước mặt nàng, cúi đầu lịch sự mời nàng khiêu vũ. Chỉ ít phút sau đó nàng đã nằm gọn trong vòng tay tôi. Nàng tên là Bokwe, là phu nhân của Tiến sĩ Bokwe Roseberry, một thủ lĩnh nổi tiếng Nam Phi hồi đó. Tôi toát mồ hôi hột, nhanh chóng lui khỏi sàn nhảy. Người đẹp chia tay tôi rất lịch sự sau khi tôi đổ mặt xin lỗi nàng. Kể từ sau sự kiện ấy, tôi học hành chăm chỉ hẳn lên và ngày càng gắng sức hơn.

Đối với thế giới hiện đại thì Fort Hare không có gì đặc biệt, nhưng đối với một thanh niên nông thôn như tôi thì đó là cả một bầu trời rộng mở. Ở đó lần đầu tiên tôi mặc bộ quần áo ngủ, lần đầu tiên dùng bàn chải đánh răng, toilet có nước xả, tắm vòi hoa sen nước nóng... Tất cả đều mới mẻ, văn minh. Nhưng có lẽ sự hiện

đại này lại làm tôi nhớ lại cuộc sống đơn giản, sơ lược thuở thiếu thời. Tôi không phải là người duy nhất trong đám sinh viên ở Fort Hare có suy nghĩ này. Một nhóm sinh viên có chung ý nghĩ như tôi đã tổ chức những cuộc hành hương, đốt lửa trại tại các vùng nông thôn quanh vùng. Ở đó chúng tôi nói chuyện về lịch sử, ăn ngô nướng. Tất cả đều có chung nhu cầu ôn lại tuổi thơ, nhớ về quê hương với tất cả mặt trái của cuộc sống. Những sinh hoạt này chưa mang màu sắc chính trị nhưng nó tạo chất keo gắn bó những người cùng có chung cảnh ngộ, có chung suy nghĩ.

Fort Hare như tách khỏi thế giới bên ngoài. Tuy vậy chúng tôi theo dõi một cách chăm chú diễn biến của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai. Hồi ấy Nam Phi cũng đã tuyên bố tuyên chiến với phát xít Đức của Hitler.

Năm học thứ hai của tôi ở Fort Hare ghi nhớ cuộc gặp gỡ với Paul Mahabane. Anh ấy nổi tiếng không chỉ ở trường đại học và với rất nhiều người, bởi lẽ anh là con tù trưởng Zachheus Mahabane, từng hai lần giữ nhiệm vụ quan trọng tổng thư ký Đại hội Phi(ANC). Sự liên hệ của anh với ANC tôi không biết nhiều, song đó lại chính là điều nhiều người quanh anh kính phục. Anh được gọi là “tên nổi loạn trí thức”.

Một lần chúng tôi hành hương về Umtata, thủ phủ xứ Transkei quê hương tôi. Sự kiện bất thường đã diễn ra trước cửa nhà Bru điện. Viên thị trưởng người da trắng, khoảng 60 tuổi, ra lệnh cho Paul mua cho ông tem thư. Ngày ấy việc một người da trắng bất kỳ nào đó sai bảo một người da đen là chuyện thường. Paul chỉ trả lời gọn lỏn: “Không”. Ngài thị trưởng cảm thấy bị xúc phạm. Ông ta lớn tiếng: “Mày có biết ta là ai không?”. Paul đáp ngay tức khắc: “Ta đâu cần biết người là ai!”. Rồi anh nói giọng còn gay gắt hơn: “Nhưng ta đã biết người là cái gì!”. Viên thị trưởng nóng lòng muốn biết anh ta ngụ ý gì. Paul nói ngay khi viên thị trưởng trừng mắt nhìn anh: “Người là một con kí sinh!”. Viên thị trưởng gào lên tức giận: “Mày sẽ phải trả giá đắt cho sự hỗn láo này!”.

Tôi nghĩ rằng thái độ của Paul là thái quá. Tôi thật sự phục anh, nhưng đồng thời cũng rất lo cho anh. Viên thị trưởng biết tôi và nếu như tôi có thể thay vào vai của Paul thì tôi đã đi mua tem cho ông ta và như vậy mọi việc ổn cả. Tôi ngỡ ngàng một lúc và thật sự kính phục người bạn trẻ Paul. Ở địa vị mình, tôi chưa sẵn sàng phản ứng như anh. Dần dần tôi hiểu ra rằng những hành động nhục mạ người da đen trong những chuyện nhỏ nhặt nhất diễn ra ở mọi hang cùng ngõ hẻm là không thể chấp nhận được nữa.

Trở lại nhà trường sau kỳ nghỉ hè cuối cùng, tôi cảm thấy khỏe hơn, mạnh mẽ hơn trước rất nhiều. Tôi tập trung vào việc học, đặc biệt là những chuẩn bị chu đáo cho kỳ thi cuối khóa vào tháng mười. Tôi tính là sau năm học này tôi sẽ có bằng B.A - bằng Bachelor of Arts - một học vị hàn lâm mà tôi cho là tầm thông hành vào đời không chỉ để có một địa vị trong xã hội mà còn đảm bảo cho mình

nguồn thu nhập khá và ổn định. Đã có lúc tôi hãnh diện rằng giờ đây dường như cả thế giới đang ở dưới chân mình!.

Với văn bằng B.A tôi có đủ điều kiện bù đắp cho mẹ về những mất mát lớn lao sau khi cha tôi qua đời. Đó là đời sống đầy đủ và danh dự, uy tín. Tôi sẽ xây cho mẹ ngôi nhà vườn với đầy đủ tiện nghi ở Qunu. Tôi sẽ thường xuyên gửi tiền cho mẹ cũng như cho anh chị em. Một giấc mơ đẹp đang ở phía trước!.

Trong năm học cuối cùng này, tôi ứng cử vào Ban chấp hành Hội sinh viên SRC (Student Representative Council). Hồi ấy tôi đâu biết những sự kiện liên quan đến SRC đã đưa đến cho bản thân tôi vô số khó khăn, trở ngại và đã thay đổi cơ bản cuộc đời tôi sau này. Cuộc bầu cử diễn ra vào cuối học kỳ 2 và trùng với thời điểm thi tốt nghiệp của sinh viên năm cuối. Theo điều lệ, Đại hội toàn thể sinh viên sẽ bầu 6 thành viên vào Ban chấp hành. Ít lâu trước ngày bầu cử, một cuộc hội nghị khoáng đại của sinh viên thảo luận nhưng vấn đề bức xúc của sinh viên, đồng thời đưa ra những kiến nghị đòi nhà trường thay đổi nhiều quy định hà khắc, bất hợp lý đối với sinh viên. Cuộc hội nghị khoáng đại đi đến sự nhất trí: phải thay đổi những quy định ngặt nghèo đối với sinh viên, phải cải thiện đời sống cho sinh viên trong ký túc xá, trao thêm quyền hạn thực sự cho SRC chứ không phải họ chỉ là con rối, là công cụ của nhà trường. Đa số tuyệt đối ủng hộ những yêu sách ấy và ra nghị quyết tẩy chay cuộc bầu cử chừng nào những yêu sách kia chưa được đáp ứng. Tôi nhất trí với những yêu sách này.

Nhưng ngay sau cuộc hội nghị khoáng đại này, bầu cử vẫn diễn ra. Mặc dù đa số sinh viên phản đối không tham dự Đại hội, nhưng 25 sinh viên còn lại vẫn tiến hành bầu cử. Tôi được bầu vào Ban chấp hành trong cuộc bầu cử này, mặc dù tôi không dự như đa số sinh viên khác. Cuối cùng thì Ban chấp hành gồm 6 người cũng họp để thảo luận. Ban chấp hành nhất trí quyết nghị không nhận nhiệm vụ, bởi vì cả 6 người được bầu đều tẩy chay cuộc bầu cử này. Chúng tôi dù được bầu nhưng không phải do đa số sinh viên. Chúng tôi đã soạn thảo một giác thư gửi ông giám đốc, tiến sĩ Kerr.

Tiến sĩ Kerr phản ứng rất ranh ma, một mặt ghi nhận hành động từ nhiệm của chúng tôi, đồng thời tuyên bố cuộc bầu cử mới sẽ được tổ chức ngay vào ngày hôm sau, sau bữa ăn chiều trong nhà ăn ký túc xá. Với cách làm này, tiến sĩ Kerr tính toán là mọi người sẽ phải dự và như vậy không ai có thể nói Ban chấp hành SRC không do đa số sinh viên bầu ra. Quả thật cuộc bầu cử ngày hôm sau do ông tiến sĩ Kerr bố trí đã diễn ra thật. Nhưng điều dị thường cũng đã xảy ra: chỉ có 25 sinh viên từng họp đại hội hôm trước là bỏ phiếu và cũng chỉ 6 người đã được bầu hôm trước lại trúng cử. Như vậy là chúng tôi vẫn ở điểm xuất phát.

Cuộc họp Ban Chấp hành lần này đã diễn ra ngoài suy nghĩ của tôi. Năm ủy viên khẳng định rằng tuy họ chỉ được 25 người bỏ phiếu, nhưng tất cả sinh viên đều có mặt, vì thế không thể nói mình được bầu chỉ do một thiểu số. Nghĩa là bọn họ chấp nhận là những ủy viên Ban Chấp hành hợp lệ. Tôi phản đối và không

công nhận có sự khác nhau giữa hai lần bỏ phiếu. Tất cả sinh viên hiện diện thật, nhưng họ im lặng, không bỏ phiếu, không phát biểu và như vậy người được bầu không đủ “tư cách pháp nhân” lãnh đạo họ. Ban Chấp hành không nhận được sự tín nhiệm của số đông. Yêu sách của chúng tôi được số đông ủng hộ, do đó phải giữ vững lập trường ban đầu, không thể để cho những tiểu xảo làm lung lay, thậm chí làm hủy hoại. Lập luận của tôi đã không thuyết phục được 5 người kia. Cuối cùng chỉ mình tôi không nhận nhiệm vụ. Đây là lần thứ hai tôi từ nhiệm.

Sáng hôm sau tôi bị gọi lên phòng hiệu trưởng. Ông tiến sĩ Kerr, hiệu trưởng, đã nói với tôi bằng tất cả sự nghiêm trang cần thiết về những sự kiện xảy ra trong hai ngày qua. Ông yêu cầu tôi cân nhắc lại những quyết định của mình. Tôi nói thẳng với ông rằng tôi không thay đổi ý kiến. Ông nói rằng tôi cần phải ngủ qua một đêm để suy nghĩ cho thật chín chắn và sáng hôm sau báo cho ông về quyết định cuối cùng của mình. Ông ra cảnh báo rằng sẽ không bao giờ tha thứ cho những sinh viên hành động vô trách nhiệm. Nếu tôi vẫn ngoan cố từ chối thì tôi sẽ phải lập tức rời Fort Hare.

Buổi nói chuyện làm căng đầu óc tôi và tôi đã trải qua một đêm trằn trọc, không thể chợp mắt một phút nào. Chưa bao giờ tôi phải đứng trước một quyết định khó khăn như vậy. Tôi đã nói thẳng thắn suy nghĩ của mình với một người bạn tin cậy. Sau câu chuyện ngắn nhưng quan trọng này, cả anh và tôi đều thống nhất: không thể đầu hàng tiến sĩ Kerr. Về sau tôi nghĩ lại mới nhận ra rằng mình kính trọng và nể sợ người bạn này hơn nhiều so với tiến sĩ Kerr.

Cho dù tôi tin về phương diện đạo lý, lẽ phải ở về phía tôi, song tôi vẫn không chắc liệu quyết định ấy có phải là cách lựa chọn đúng đắn nhất hay không. Liệu quyết định ấy có tiêu ma sự nghiệp học vấn của tôi, làm mất tấm bằng B.A mà tôi hằng mong chờ và bỏ ra bao nhiêu sức lực phấn đấu? nhưng mặt khác tôi lại không thể vì quyền lợi cá nhân mà hy sinh cả một tập thể sinh viên tin cậy mình. Nhưng mặt khác tôi lại không muốn rời Fort Hare.

Sáng hôm sau, khi bước chân vào văn phòng tiến sĩ Kerr tôi vẫn ở trong tâm trạng giằng xé dữ dội. Cho đến khi ông lên tiếng hỏi về quyết định cuối cùng của mình, tôi như mới bừng tỉnh. Tôi tuyên bố với ông tiến sĩ đáng kính rằng với tất cả ý thức của mình, tôi cảm thấy mình không thể hoạt động với tư cách là ủy viên Ban chấp hành của SRC. Quyết định của tôi dường như làm cho tiến sĩ Kerr bối rối trong tích tắc trước khi ông to giọng:

- Tốt. Đó là quyết định cuối cùng của anh. Tuy nhiên tôi cũng đã suy nghĩ lại và đưa ra ý kiến sau đây cho anh: Năm sau anh có thể trở lại Fort Hare với điều kiện anh phải gia nhập SRC. Anh có cả một mùa hè để suy nghĩ, anh Mandela ạ!

Tôi ngạc nhiên không kém tiến sĩ Kerr trước phản ứng của ông như chính ông trước phản ứng của tôi. Việc phải rời Fort Hare làm tôi “lạnh xương sống”. Nếu tôi nhượng bộ thì mọi việc sẽ không tồi tệ. Tôi hiểu được trong quyết định của tiến sĩ Kerr hàm ý tạo cho tôi cơ hội. Nhưng tôi nhanh chóng khẳng định trong

trái tim và khối óc của mình: tôi kính trọng sự ban ơn, bởi vì sự ban ơn ấy lại xuất phát từ quyền lực có thể quyết định số phận của tôi cũng như của hàng triệu người Phi da đen khác. Tôi có quyền và đã sử dụng quyền đó trong việc từ bỏ vai trò trong Hội sinh viên SRC. Cuối năm đó tôi rời Fort Hare trong một tâm trạng buồn vui lẫn lộn, nhưng không hề luyến tiếc.

Mỗi lần trở về Mqhkezwani thường là dịp xả hơi trong niềm vui với người thân quê nhà, lần này khác hẳn. Tôi báo cáo cho tù trưởng kết quả tốt đẹp kỳ thi học kỳ và những sự kiện mới nhất vừa diễn ra. Ông tức giận và nói rằng không thể hiểu nổi “những hành vi” của tôi. Ông cho hành động ấy là điên rồ. Không cần nghe tôi kể hết đầu đuôi ngọn ngành, ông vừa nói như ra lệnh rằng tôi phải trở lại Fort Hare và tuân theo chỉ dẫn của “ngài tiến sĩ hiệu trưởng đáng kính”. Giọng ông sắc, nhọn như mệnh lệnh của vị tư lệnh chiến trường. Không có chuyện giải bày hay giải thích trong chuyện này. Tôi quyết định nuốt sự ảm ức vào bụng và tìm cách tránh xa những sự kiện xảy ra ở Fort Hare.

Vào dịp ấy Justice, con trai tù trưởng cũng về quê. Chúng tôi vui mừng khôn xiết khi gặp nhau. Dù xa nhau đã lâu song giữa Justice và tôi đã hình thành một tình bạn, tình anh em thực sự. Justice thôi học trước đây một năm và đến sinh sống ở Johannesburg.

Tôi chỉ mất vài ngày để hòa nhập vào cuộc sống của gia đình, của vùng quê tôi. Tôi chăm lo công việc của tù trưởng, chăm sóc đàn bò, cừu, dê của ông. Và tôi đã lần la gặp các tù trưởng khác trong vùng. Tôi không quan tâm nhiều đến những gì hơn sau khi đã quyết định dứt khoát trước mặt ông tiến sĩ Kerr.

Vài tuần sau khi chúng tôi trở lại quê hương, tù trưởng gọi hai chúng tôi lại. Ông nói nghiêm trang:

- Các con, ta sợ mình không còn sống được bao lâu nữa trên cõi đời này. Và trước khi ta trở thành người thiên cổ, ta có nghĩa vụ lo cho hai con trai mình có gia thất tươm tất.

Các cô đều đã được lựa chọn và lễ ăn hỏi đã được tiến hành trước khi tù trưởng “tâm sự” với chúng tôi, những “đứa con yêu quý” của ông.

Cả hai chúng tôi đều ngỡ ngàng, choáng váng và mất phương hướng. Tôi nói với mình rằng bất cứ vì lẽ gì tôi cũng không thể để bị ép buộc trong cuộc hôn nhân này, bởi vì như vậy là không trong sạch và kém thông minh. Vì sao vậy? vì cô gái mà tù trưởng chọn cho tôi từng là người yêu lâu nay của Justice, con trai ruột của tù trưởng. Mặt khác tôi đã cảm nhận ra rằng mình đã lớn, đã trưởng thành, không còn nấp bóng tù trưởng lâu hơn nữa một khi tôi từ chối sự sắp đặt của ông. Justice cũng có cảm giác và suy nghĩ như tôi. Chúng tôi bàn với nhau và thấy không còn cách lựa chọn nào hơn là bỏ nhà ra đi. Nơi duy nhất chúng tôi có thể đến lúc này là Johannesburg.

Vào thời gian này, hiểu biết chính trị của tôi không tiến triển như kiến thức về mặt xã hội. Trong khi tôi chưa có phương cách hoặc suy nghĩ làm cách nào để đấu

tranh với hệ thống cai trị hà khắc của bọn thực dân da trắng, thì trong tôi lại đã hình thành kế hoạch chống lại những tập tục lạc hậu và cổ hủ của dân tộc mình. Tù trưởng là một trong những “thủ phạm” của những hủ tục lạc hậu ấy.

Ở các trường chuyên nghiệp và trường Đại học Fort Hare tôi từng học nhiều năm với nhiều phụ nữ và cũng đã có không ít “áp phe tình ái” với các cô nương. Tôi là một thanh niên điển trai, sẽ không để cho bất cứ ai, kể cả tù trưởng, có quyền áp đặt bằng cách chọn vợ cho mình.

Tôi đã được nữ hoàng tiếp kiến. Nhân dịp tốt này, tôi đã khôn khéo trình với bà quan điểm về hôn nhân của mình. Hẳn là tôi không thể nói rằng mình từ chối việc tù trưởng chọn vợ cho tôi. Tôi nói rằng nếu đến tuổi xây dựng gia đình thì tôi mong ước được se duyên với một nàng thuộc họ của nữ hoàng. Khi nói đến chuyện này là tôi đã cố ý nói đến một người đàn bà khá xinh thuộc họ nữ hoàng. Chỉ có điều là tôi không biết suy nghĩ của nàng về tôi ra sao. Tôi nói cứng cỏi rằng, sẽ cưới nàng sau khi tốt nghiệp đại học. Thật ra chuyện này chỉ “nghiêm túc một nửa”. Tôi chỉ mong thoát ra khỏi sự áp đặt của tù trưởng, vì thế đã không từ bỏ tiêu xảo. Nữ hoàng dường như đồng tình với ý tưởng của tôi. Nhưng tù trưởng thì nhất quyết không thay đổi quyết định của ông.

Nghĩ lại tôi thấy rằng mình đã không tận dụng mọi khả năng vốn có. Tuy nhiên hồi ấy tôi còn quá trẻ để có thể suy nghĩ đến nơi đến chốn. Vì thế “chuồn” là phương sách tối ưu vậy.

Hai chúng tôi giữ bí mật tuyệt đối kế hoạch chuồn của mình. Chúng tôi chờ một cơ hội thích hợp trong khi vẫn dùng kế hoãn binh. Tù trưởng là người nhạy bén. Ông biết rằng Justice có thể bị tôi lung lạc, vì thế ông đã tìm cách tách cậu ta khỏi tôi. Một khi phải đi đâu xa bao giờ ông cũng chọn một trong hai chúng tôi đi tháp tùng. Thường thì ông chọn Justice. Rồi cơ hội cũng đã đến. Chúng tôi biết kế hoạch của ông rất cụ thể. Đó là một cuộc họp các tù trưởng kéo dài suốt một tuần lễ. Không tù trưởng nào được phép đem theo người thứ hai. Buổi sáng hôm đó, ngay sau khi tù trưởng ra đi thì chúng tôi cũng theo chân ông. Đường của chúng tôi hướng về Johannesburg.

Tôi không có nhiều quần áo. Tất cả đồ dùng chỉ đủ nhét vào một túi xách. Khi chuẩn bị xong và chúng tôi lên khỏi vườn thì bỗng tù trưởng quay về nhà. Ông hỏi nhanh: “Hai thằng kia đâu rồi?”. Không ai biết để có câu trả lời chính xác. Ông nói rằng quên ông muối nên quay trở lại lấy. Nhưng tôi hiểu rằng tù trưởng đã ý thức được những gì chúng tôi hoạch định trong suốt thời gian qua. Vì muối thì ông có thể mua dễ dàng ở bất cứ nơi nào.

Chúng tôi hầu như không có tiền. Hai đứa chúng tôi đã quyết định bán hai con bò cho một lái buôn. Lái buôn thì nghĩ rằng việc bán bò là theo lệnh của tù trưởng. Ông lái bò trả tiền cho chúng tôi khá hậu. Chúng tôi đủ tiền thuê taxi chạy về hướng ga tàu hỏa. Từ đó chúng tôi đáp tàu đi Johannesburg.

Mọi chuyện tưởng là trót lọt như kế hoạch vạch ra. Có ngờ đâu tù trưởng đã đến ga xe lửa và nói với trưởng ga rằng ông không được bán vé cho hai con trai của tù trưởng vì chúng tôi bỏ nhà ra đi.

Chúng tôi xuống xe ô tô, chạy nhanh đến quầy bán vé và bị từ chối. Lệnh của một tù trưởng nhà ga không thể không chấp hành. Chúng tôi ba chân bốn cẳng chạy về chiếc xe taxi, yêu cầu lái xe chở chúng tôi đến ga tiếp theo, cách ga này 70km. Lái xe chạy cật lực và chúng tôi đã đến ga trước khi tàu hỏa đến.

Chúng tôi nhanh chóng lên tàu. Nhưng chúng tôi chỉ có thể chạy đến ga Queenstown. Đối với một người Phi da đen trong những năm 40 ấy khó khăn khôn cùng khi di chuyển từ nơi này đến nơi khác ngay trên quê hương của mình. Mọi người Phi da đen từ 16 tuổi phải mang trong người “thẻ thuế thân” và phải trình cho bất cứ viên chức da trắng nào khi chúng yêu cầu. Từ chối việc trình thẻ có nghĩa là vào tù. Không có thẻ có nghĩa là tội phạm. Chỉ cần nhìn thẻ là người ta biết anh sống ở đâu, thuộc quyền của tù trưởng nào và nhất là biết hằng năm anh có đóng thuế thân hay không. Chỉ người da đen mới phải đóng thứ thuế lạ đời này.

Chúng tôi không gặp khó khăn về chứng minh thư. Nhưng cả hai đều thiếu một thứ giấy quan trọng: một người Phi da đen muốn di chuyển từ vùng này sang vùng khác nhất thiết phải có “giấy thông hành” của tòa thị chính. Ngoài ra còn phải có giấy xác nhận của ông chủ - trong trường hợp của chúng tôi là giấy xác nhận của tù trưởng. Ngay cả khi đã sở hữu đủ các giấy tờ này vẫn có thể bị bất kỳ viên cảnh sát nào hạch sách thiếu chữ ký của người nọ, mộc đóng sai chỗ... Nghĩa là người ta có quyền hành hạ người da đen bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu người da trắng muốn. Không có giấy tờ tùy thân thì ngang với tai họa.

Chúng tôi quyết định xuống ga Queenstown rồi sau đó tính tiếp. May mắn cho chúng tôi là đã gặp người em của tù trưởng, chú của Justice, cũng là một tù trưởng. Justice đã dựng lên câu chuyện như thật rằng cha cậu cử hai người đến Johannesburg, nhưng trong hành trang thiếu các giấy tờ cần thiết do “để quên đâu đó”. Người chú tin Justice. Ông đưa chúng tôi đến tòa thị chính để bổ sung những giấy tờ còn thiếu. Với sự bảo lãnh của tù trưởng, chúng tôi chắc hẳn không gặp khó khăn nào trong chuyện này.

Khi mọi giấy tờ cần thiết đã được làm xong thì viên thị chính nói rằng ông ta phải thông báo cho thị trưởng Umtata - cấp trên của ông - Thật tai hại cho chúng tôi, bởi vì khi viên thị trưởng Queenstown điện thoại cho Umtata về chuyện của hai chúng tôi thì thị trưởng Umtata cho biết viên tù trưởng đang có mặt trong văn phòng của ông ta đang đề nghị ông truy tìm hai chàng trai trẻ này. Thị trưởng chuyển giấy nói cho tù trưởng và ông đã yêu cầu Queenstown giữ hai chúng tôi lại chờ ông ta đến bắt đưa về. Viên thị trưởng Queenstown nổi giận, gọi chúng tôi là những kẻ lừa đảo, phạm pháp và ông ta sẽ bỏ tù chúng tôi. Còn người chú của Justice thì chửi chúng tôi, từ mặt chúng tôi từ đó, dù trước đây ông rất mến chúng tôi. Chúng tôi bị giam chờ tù trưởng đến tóm cổ.

Tôi bỗng thấy ngửa ngáy và phải làm một cái gì đó. Tôi bỗng nhớ đến những bài học, những bài kiểm tra về pháp luật mình từng viết và “làm thầy cãi” hồi ở trường đại học. Nay là lúc ứng dụng mớ lý thuyết ấy vào thực tiễn cuộc sống đang rất nan giải này.

Tôi đến trước viên thị trưởng, nói lớn: “Có chuyện thật là chúng tôi đã nói dối ông. Chúng tôi công nhận khuyết điểm này. Nhưng chúng tôi không hề có hành vi phạm pháp không vi phạm điều luật nào trong các bộ luật hiện hành. Vì lẽ đó chúng tôi không thể bị tổng giam do yêu cầu của bất cứ tù trưởng nào, dù người đó là cha chúng tôi”. Lập luận của tôi vững vàng, và có sức thuyết phục xem ra “lọt tai” nhà cầm quyền Queenstown. Ông đã quyết định không bắt giam chúng tôi nhưng nhấn mạnh từng chữ: hãy xéo khỏi văn phòng của ông và đừng bao giờ xuất hiện trở lại trong bối cảnh tương tự.

Chúng tôi được tự do. Justice đưa tôi đến nhà một người quen. Chúng tôi quyết định “chơi trò rủi may” ngay ở Johannesburg. Chúng tôi đến đó và tìm cách hoàn chỉnh các loại giấy tờ tùy thân.

Đó là bước khởi đầu của những chuyến đi đầy gian khổ hy sinh của tôi, sau này với muôn vàn thử thách khốc liệt mà ngày ấy tôi chưa thể tưởng tượng, ngoài một cuộc phiêu lưu nho nhỏ của tuổi trẻ.



Từ mục đồng trở thành nhà lãnh đạo

Sáng hôm sau chúng tôi lên đường hướng tới Johannesburg. Khoảng 10 giờ đêm, tôi nhìn thấy từ xa bầu trời sáng lấp lánh, một ma trận từ hàng ngàn vạn đốm sáng tỏa ra bốn phương tám hướng. Điện đối với tôi là thứ xa xỉ. Và ở đây, trước mắt chúng tôi là cảnh quan không lồ được tạo từ điện, một thành phố của ánh sáng điện. Cuối cùng thì thành phố Johannesburg cũng đã hiện ra trước mắt tôi. Hồi hộp quá chừng. Phải chăng đây là thành phố tôi từng mơ ước từ buổi ấu thơ và tôi được nghe kể ngàn vạn lần? Đối với tôi, thành phố được mô tả như là một thành phố của những giấc mơ, nơi mà một nông dân nghèo có thể trở thành một triệu phú, một thành phố của những hiểm nguy và của những cơ hội to lớn. Tôi bỗng nhớ đến những câu chuyện cô giáo dạy cắt may kể ngày nào: những tòa nhà chọc trời đến nỗi mắt người không nhìn được mái của chúng, về hàng ngàn, vạn con người chen chúc nhau trên đường phố, nói đủ mọi ngôn ngữ mà người ta chưa từng nghe bao giờ, về những chiếc xe hơi chạy nối đuôi nhau như không bao giờ dứt, về những người đàn bà đẹp hơn tiên, và về những tên Găng-stơ nhiều như cát trên bãi biển. Đó là thành phố của vàng, nơi sắp tới đây là “nhà của tôi”.

Tại vùng ngoại ô giao thông đã rất tắc nghẽn, hơn hẳn những nơi tôi từng biết, từng sống. Chưa bao giờ tôi được nhìn nhiều xe hơi đến như thế. Tôi nhìn thấy hàng loạt biển quảng cáo thuốc lá, kẹo sô-cô-la và đủ loại bia treo la liệt hai bên những con đường thẳng tắp, nhẵn bóng.

Cuối cùng chúng tôi đến một khu phố có nhiều vi-la sang trọng và ngôi nhỏ nhất cũng đã lớn hơn biệt thự lớn nhất của một tù trưởng tại các vùng quê của đất nước. Nhà nào cũng có vườn rộng, nhà nào cũng có cửa sắt chắc chắn. Chúng tôi được đưa vào một phòng rộng. Chúng tôi sẽ ngủ qua đêm tại đó. Justice và tôi nhanh chóng ngủ say ngay trên sàn nhà mà cứ ngỡ như đang mơ màng trên những tấm đệm lò xo. Tôi đã kết thúc một cuộc hành trình dài. Sự thật thì đó chỉ là chuyến hành trình đầu tiên, sự bắt đầu của một loạt chuyến hành trình khó khăn, gian khổ đầy thử thách suốt gần cả cuộc đời mình.

Khu mỏ vàng Crown nằm trên vùng đất bằng phẳng của dãy núi bao ngoài thành phố. Từ đó ta có thể phóng tầm nhìn bao quát xuống thành phố Johannesburg. Thành phố Johannesburg phát triển rất nhanh sau khi người ta phát hiện mỏ vàng ở Witwater, khi ngoại vi thành phố, vào năm 1941 - tức là vào thời điểm chúng tôi đến Johannesburg, nơi người ta gọi là “Thành phố Vàng”. Mỏ vàng lớn nhất Nam Phi nằm ở đó.

Chẳng có gì huyền diệu ở một mỏ vàng. Đó là một vùng bị đào bới nham nhở, rác tấp thành núi mọi nơi mọi chốn, không một cây xanh tỏa bóng mát. Bốn phía là hàng rào bao bọc, trông chẳng khác gì bãi chiến trường. Tiếng ồn thật khủng

khiếp. Đủ các loại máy đào, bới, xúc, vận tải, khoan, tiếng nổ của cốt mìn và những tiếng hét ra lệnh của loại cai mỏ hoà thành bản hợp tấu bát nháo đình tai nhức óc. Nhìn vào bất cứ hướng nào tôi cũng chỉ nhìn thấy người da đen lam lũ, rách rưới, mình phủ đầy bụi đất, mệt mỏi, đôi mắt trắng dã, lưng còng. Họ sống trong những khu lều trại lụp xụp trên khu đất của mỏ, trông không khác gì trại lính...

Khai thác vàng là một công việc nặng nhọc. Hàm lượng vàng trong quặng không cao, lại nằm sâu dưới lòng đất. Chủ mỏ chỉ có thể tìm kiếm lợi nhuận cao qua việc bóc lột thậm tệ sức lao động của công nhân da đen. Hàng chục vạn người từ khắp các vùng trong nước đến đây mong kiếm được chút ít tiền nuôi thân và phụ giúp gia đình. Họ không được bảo hiểm tai nạn, không có bất cứ một quyền lợi nào ngoài quyền bán sức lao động của mình với giá rẻ mạt. Cái gọi là Mining House, một tổ chức nằm trong tay người da trắng, tha hồ làm giàu trên đầu, trên cổ, trên lưng người Phi da đen. Ở đây lần đầu tiên tôi chứng kiến chủ nghĩa thực dân da trắng Nam Phi trong hành động, và tôi biết rằng ở đây mình được dạy khác hơn những gì được học từ trước đến lúc ấy.

Do quan hệ của chúng tôi với tù trưởng, cho nên Justice và tôi được đối xử có phần ưu ái hơn. Tiếng nói của tù trưởng có trọng lượng ở Crown. Chủ mỏ thường tuyển lao động thông qua các tù trưởng. Vì vậy các tù trưởng có uy tín với thần dân của mình. Họ thông báo cho tù trưởng đầy đủ những gì thần dân của tù trưởng làm việc ở mỏ.

Justice và tôi đến gặp đốc công Piliso, một người lặn lội và trải qua mọi công việc nặng nhọc của thợ mỏ. Piliso nhận ra Justice, bởi vì mấy tháng trước đây bố Justice đã có thư gửi đến mỏ cho Piliso, yêu cầu anh sắp xếp cho con trai mình là Justice một việc làm “tươi tắn một chút”. Nhưng Piliso không hề biết tôi. Justice giải thích với anh ta rằng tôi là em trai của anh ấy. Tù trưởng chưa bao giờ nhắc đến người con trai thứ hai này. Piliso nhìn tôi vẻ thăm dò, soi mói như muốn nuốt vào bụng. Justice bảo đảm là trong vài ngày nữa tù trưởng sẽ gửi thư giới thiệu đến. Piliso tin Justice, nhưng vốn là người da trắng, anh ta nói rằng chỉ có thể giao công việc dưới mỏ cho Neslon một khi có “thư giới thiệu và xác nhận của tù trưởng”. Trong khi chờ đợi tôi được giao nhiệm vụ bảo vệ, tuần tra ban đêm.

Thợ mỏ Thembu đều biết Justice là con tù trưởng và họ cũng coi anh như một tù trưởng. Để lấy lòng “ông chủ nhỏ tương lai”, khi gặp mặt những người thợ mỏ chân thật đã mừng vui thực sự. Họ - không có ngoại lệ - đã tặng Justice tiền. Số tiền gộp lại đủ cho hai chúng tôi xài cả tháng mà khỏi phải làm lụng gì. Justice cho tôi ít nhiều. Đó là vốn liếng riêng đầu tiên trong đời tôi.

Tôi nhanh chóng bắt tay vào công việc bảo vệ, tuần tra đêm. Hai chúng tôi tạm yên thân với công việc ở đây. Chẳng hiểu do ma quỷ nào sai khiến chúng tôi đã kể hoàn cảnh của mình cho một người bạn mới nghe từ đầu đến cuối, không sót chi tiết nào. Mặc dù anh bạn đã “long trọng” hứa giữ bí mật cho chúng tôi,

nhưng ngay sau đó anh ta đã “tâu” đầy đủ mọi chi tiết với Piliso. Ngay sáng hôm sau, Piliso đã gọi chúng tôi đến văn phòng của ông ta. Piliso hỏi Jusitce: “Thư giới thiệu của tù trưởng đâu?”. Ngay sau đó Piliso thông báo cho tù trưởng. Vài ngày sau Piliso đưa cho Justice bức điện của cha anh gửi tới: LẬP TỨC ĐƯA HAI ĐỨA VỀ NHÀ!

Về quê ư? Không bao giờ. Chúng tôi quyết định đến cầu cứu tiên sĩ Suma, một bạn cũ của tù trưởng và từng là tổng thư ký Đại hội Dân tộc Phi (ANC). Ông cũng quê ở Transkei, là bác sĩ danh tiếng, rất được kính trọng ở Johannesburg. Tiên sĩ Suma liên hệ với chủ mỏ, chủ mỏ đồng ý và ông này viết thư cho chúng tôi mang đến... Piliso đề ông đốc công lo liệu công việc chu tất! Chúng tôi nhìn nhau cười ra... nước mắt! Chúng tôi cảm thấy bị xúc phạm ghê gớm khi Piliso thẳng thừng bác bỏ mọi sự liên quan giữa ông ta với hai chúng tôi mà ông ta gọi là “những tên bịp bợm”.

Chúng tôi phải rời “khu tập thể mỏ” và đi tìm nơi sống mới, công việc mới chứ nhất thiết không quay trở lại con đường chúng tôi đã trải qua với bao nhọc nhằn.

Một người bạn giúp tôi mang túi xách ra khu tập thể. Chẳng hiểu vì lý do gì mà bọn nhân viên bảo vệ khám túi chúng tôi kỹ đến thế. Cuối cùng chúng phát hiện trong túi của tôi có khẩu súng ngắn, đã rất cũ. Người bạn bị bắt đến đồn cảnh sát về tội “tàng trữ vũ khí trái phép”. Tôi không thể để anh ta chịu vạ lây, bởi vì khẩu súng ấy là của tôi, là “tài sản thừa kế” cha tôi để lại khi người qua đời.

Tôi quyết định đến đồn cảnh sát, gặp đồn trưởng, nói rõ tất cả sự thật. Tôi nói với ông ta rằng khẩu súng ấy là của thừa kế, là vũ khí phòng thân khi gặp bất trắc mà bằng chứng là nó được gói kỹ và cất ở ngăn túi cuối cùng chứ không phải để trong người.

Tôi lý giải với viên sĩ quan chỉ huy: “Thưa ông chỉ huy! Đó là khẩu súng của tôi. Tôi là người thừa kế khẩu súng ấy ở Transkei khi cha tôi qua đời trao lại. Tôi mang theo đến đây vì sợ bị Găng-ster tấn công”. Tôi nói thêm rằng là sinh viên ở Fort Hare, tôi chỉ “quá cảnh” qua Johannesburg. Viên sĩ quan nghe chăm chú và dường như ông ta nhận ra những gì tôi trình bày không phải là bịa đặt. Ông ta hứa sẽ thả người bạn ra, tuy vậy tôi vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật do sở hữu vũ khí trái phép. Ông nói không giam tôi, nhưng vào ngày thứ hai tôi phải ra hầu tòa. Tôi đã đến tòa án đúng giờ quy định. Ở đó tòa đã buộc tôi nộp một khoản tiền phạt nhỏ do “vi phạm quy định của luật pháp”.

Trong những ngày lang thang ở Johannesburg, tôi đã tìm đến nhà một người họ hàng. Tôi nói với anh rằng mình muốn trở thành một luật sư. Người anh em khen ngợi ý chí và quyết tâm của tôi và hứa sẽ giúp tôi với tất cả khả năng có thể của anh. Vài ngày sau anh dẫn tôi đến gặp một nhân vật mà anh nói là “thuộc những người ưu tú nhất của Johannesburg”, một người buôn xe hơi người Phi. Tên anh là Walter Sisulu.

Tên tuổi Sisulu hồi ấy qua thật đã rất nổi tiếng ở Johannesburg do sự thành đạt trên thương trường và nhất là vì ông là người đứng đầu Đại hội Dân tộc Phi (ANC) ở thành phố đô hội này. Sisulu nghe tôi nói một cách rất chăm chú. Tôi nói với ông rằng để thực hiện được ước vọng ấy tôi phải ghi danh theo học tại Trường Đại học Tổng hợp Nam Phi.

Tôi cảm nhận sự tin cậy đối với con người nổi tiếng đang chăm chú nghe mình. Tôi kể cho ông nghe hoàn cảnh buộc tôi phải rời Fort Hare và vì sao mình lựa chọn Johannesburg.

Johannesburg hồi đó là sự phối hợp giữa một thành phố biên giới và một đô thị thương mại. Người mua kẻ bán đủ loại hàng hóa khắp nơi từ vỉa hè đến góc phố. Trên các tòa nhà cao tầng quần áo phơi lộn xộn trên ban công. Ngành công nghiệp chiến tranh hoạt động hồi hả. Năm 1939, Nam Phi tuyên chiến với nước Đức Hitler với tư cách là một quốc gia trong khối Liên hiệp Anh. Đất nước phải động viên người và của cho cuộc chiến tranh này. Vì lẽ đó nhu cầu lao động ở Johannesburg tăng lên khủng khiếp. Johannesburg trở thành khối nam châm cực lớn thu hút lao động từ các vùng nông thôn. Từ năm 1941 - năm tôi đến Johannesburg - đến năm 1946 dân số thành phố này tăng gấp đôi. Những Ghettos của người da đen mọc lên như nấm sau cơn mưa. Nhà ổ chuột, nhà “hộp diêm” mọc lên khắp hang cùng ngõ hẻm.

Sisulu nói rằng ông quen biết một luật sư da trắng gốc Do Thái tên là Lazar Sidelsky. Ông là một người tiến bộ và có thể sẽ tuyển tôi làm nhân viên tập sự ở văn phòng luật sư - điều kiện cần có cho việc học luật sau này ở trường Đại học Tổng hợp, tôi cần kiên nhẫn. Trong giọng nói của Sisulu có cái gì đó đáng tin cậy.

Tôi từng nghĩ là những người thành đạt trên thương trường, những người thông thạo tiếng Anh hẳn cũng phải là những người có học vị hàn lâm. Sisulu là một trong những người đó chăng? Tôi quả thật không ngờ chính ông - Walter Sisulu - chưa từng học qua bậc trung học. Thêm một bài học đường đời nữa cho tôi.

Ở Fort Hare người ta dạy tôi với tám bằng B.A sẽ đưa tôi lên một vị trí của người lãnh đạo. Nhưng ở Johannesburg tôi nhận thấy rằng nhiều, rất nhiều nhà lãnh đạo chưa hề tốt nghiệp một trường đại học nào. Và mặc dù tôi đã tốt nghiệp khóa tiếng Anh bắt buộc để học và thi bằng B.A thế nhưng trên thực tế tôi đã chưa thể nói tiếng Anh một cách lưu loát và giàu từ ngữ như nhiều nhân vật tôi đã gặp ở Johannesburg. Những người này chưa từng tốt nghiệp một khóa tiếng Anh bậc trung cao nào.

Theo giới thiệu của Walter Sisulu, tôi đến trình diện luật sư Lazar Sidelsky. Văn phòng của ông mang tên Witkin-Sidelsky và Eidelman - văn phòng lớn nhất của giới thầy cãi ở Johannesburg. Họ là “thân chủ” của cả người da trắng lẫn người da đen. Lazar Sidelsky đã đồng ý tiếp nhận tôi và một nhân viên da đen

khác nữa. Tên anh là Gaur Radebe hơn tôi độ mười tuổi. Anh là một người da đen khá nổi tiếng ở thành phố này.

Ở nước Nam Phi ai muốn trở thành Luật sư thì phải học khoa luật tại trường đại học, đồng thời phải trải qua những giai đoạn thực tập có kiểm tra của trường. Nhưng để có thể được nhận làm “trợ lý” tại một văn phòng luật sư lớn như văn phòng của ông Lazar Sidelsky, tôi phải thi lấy bằng B.A mà lẽ ra nếu không có sự cố về cuộc bầu cử Ban chấp hành đoàn Thanh niên sinh viên ở Fort Hare thì tôi đã hoàn thành học phần quan trọng này rồi. Tôi đành phải chọn giải pháp khác theo chỉ dẫn của Lazar Sidelsky là theo học hàm thụ Trường Đại học Tổng hợp Nam Phi.

Văn phòng Witkin-Sidelsky-Eidelman dù là của người da trắng song được nhìn nhận là tiến bộ hơn mọi văn phòng khác ở Johannesburg. Văn phòng này đặc biệt quan tâm bảo vệ quyền lợi của người Do Thái. Việc luật sư Lazar Sidelsky tuyển tôi làm việc chuyên môn tại văn phòng ông là thiện chí đáng nói. Ít ai nghĩ rằng tôi được tuyển chọn làm việc ở đó.

Tôi quý trọng Sidelsky trước hết vì ông là người khuyến khích người Phi da đen chúng tôi học hành. Ông khoảng 35 tuổi, thường xuyên tiên ủng hộ các trường học của người da đen, thường xuyên đến thăm học sinh Phi học ở các trường đó. Tôi đặc biệt biết ơn ông khi ông nói rằng tôi phải học đến nơi đến chốn không chỉ vì tương lai của mình mà còn là cho những người Phi da đen khác. Ông nói với tôi rằng một người có học không dễ gì bị kẻ khác áp chế. Sự khuyến khích và động viên của ông đã giúp tôi sức mạnh vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại.

Trong ngày đầu tiên đến nhận việc tại Văn phòng luật sư, tôi đã làm quen với một trong những nữ thư ký khá xinh và rất có thiện cảm. Tên cô là Lieberman. Chính cô đã đón tôi vào buổi sáng hôm đó. Cô nói: “Nelson này, ở văn phòng chúng tôi không có tủ màu”. Tiếp đó cô giải thích khi người bưng trà cho các viên chức trong văn phòng: “Chúng tôi đã sắm cho anh và Gaur hai ly uống trà mới. Các nữ thư ký chỉ hầu trà các sếp. Còn anh và Gaur phải tự đi lấy trà của mình như bọn thư ký chúng tôi vậy. Tôi sẽ gọi anh khi trà đã pha xong”.

Tôi cảm ơn lời chỉ dẫn của cô, nhưng đồng thời tôi đã hiểu ra rằng hai ly trà mới mà Lieberman nhấn mạnh là lời chứng minh thêm cho hai từ “tủ màu” mà cô cho biết là không hiện diện trong văn phòng. Người da trắng có thể chia phần trà tiêu chuẩn cho các nhân viên da đen nhưng không “chia các tách trà”.

Khi tôi báo cho Gaur chuyện này, anh nói ngay: “Nelson này, cậu đừng quan tâm gì hết về giờ uống trà cũng như những tách trà. Hãy làm theo cách của tớ!”. Cô Lieberman đến phòng chúng tôi vào lúc 11 giờ, báo tin trà đã pha xong. Gaur nhanh chóng đi trước các nữ thư ký và vài nhân viên khác. Anh gạt hai tách trà mới sắm sang một bên, chọn một tách cũ, cho nhiều đường vào và uống liền một hơi đầy vẻ thỏa mãn. Các nữ thư ký nhìn anh chằm chằm, rất đỗi ngạc nhiên. Gaur nhìn tôi nháy mắt như thể muốn bảo: “Nào Nelson, đến lượt cậu đấy!”.

Trong khoảnh khắc, tôi như mất phương hướng. Tôi không muốn làm phật lòng các nữ thư ký và cũng không muốn khiêu khích người bạn đồng nghiệp cùng màu da. Và tôi quyết định hành động theo cách riêng của mình mà tôi cho là hợp lý nhất. Tôi nói mình không khát và vì vậy tôi không uống trà. Hồi ấy tôi 23 tuổi, đang tìm sự khẳng định mình là một người đàn ông đích thực, một công dân Johannesburg và viên chức của Văn phòng Witkin-Sidelsman-Eidelsman danh tiếng. Cách chọn “con đường thứ ba” là hợp tình hợp lý nhất lúc này. Về sau, trong những ngày tiếp theo tôi tự vào bếp của văn phòng và pha trà rồi nhấm nháp một mình ở đó.

Công việc của tôi ở Văn phòng thời gian này là kết hợp giữa chức năng của nhân viên văn phòng và người liên lạc đưa công văn, thư tín. Tôi tự tìm giấy tờ, văn bản, sắp xếp theo vần, địa chỉ đường phố, và không ít lần tôi tự mang hồ sơ đến tận nhà khách hàng. Về sau chính tay tôi đã ký vào một số bản hợp đồng với các khách hàng người Phi da đen.

Không phải nữ thư ký nào cũng lịch duyệt như cô Lieberman đâu. Một lần, vào lúc tôi đang đọc cho một nữ thư ký da trắng ghi nội dung bản dự thảo hợp đồng cho một khách hàng mới, thì một khách hàng da trắng bước vào Văn phòng. Người nữ thư ký da trắng bỗng bối rối khác thường. Và thật bất ngờ chỉ trong nháy mắt cô ta đã chứng tỏ rằng mình không phải loại nhân viên xoàng xĩnh, chỉ biết chép những gì người da đen nghĩ và đọc ra. Cô bỏ bút, ngồi thẳng lên một cách ung dung, tự tin, tay với túi xách mở ra, rút ví lấy tiền và thản nhiên ra lệnh sắc nhọn:

- Này Nelson, hãy đến hiệu tạp hóa mua cho tôi chai Shampoo. Nghe chưa ?!

Tôi cảm phiền, đi ra phố và mua cho cô chai Shampoo như cô “ra lệnh”.

Luật sư Sidelsky thường trao đổi và thông báo cho tôi hiểu những đạo luật hiện hành ở Nam Phi. Nhưng đồng thời ông cảnh cáo tôi chớ dấn thân vào con đường hoạt động chính trị. Theo ông thì chính trị mang lại cho con người những gì nghiêm trọng nhất. Ông đã phác họa một hình ảnh đáng sợ khi tôi lao vào con đường ấy. Ông khuyên nên tránh xa “xã hội của những con người” mà Sidelsky gọi là những thủ lĩnh làm loạn và những kẻ gây rối. Điển hình của loại người này là Walter Sisulu và Guar Radebe. Lazar Sidelsky đánh giá cao năng lực của những người này, nhưng đồng thời ông phê phán lập trường chính trị của họ gay gắt.

Trong thực tế Gaur là “kẻ gây rối” đúng với nghĩa của từ này. Trong lòng người châu Phi, anh là người có ảnh hưởng rất lớn mà ông Sidelsky không biết nhưng ý thức khác rõ. Anh là người có chân trong ban lãnh đạo một tổ chức quần chúng tại một quận phía tây thành phố. Tổ chức này thật ra chẳng có mấy quyền hành nhưng lại rất có uy tín trong dân chúng. Như tôi mới được biết Gaur là một nhân vật có vai trò lãnh đạo không chỉ trong Đảng Cộng sản Nam Phi mà cả trong Đại hội Dân tộc Phi. Anh là một người độc lập, tự chủ, không bao giờ tỏ ra khúm núm trước các ông chủ, trái lại anh từng phê phán những kẻ cầm quyền da trắng

khá gay gắt trước mặt những người da trắng bất kể họ là khách đến văn phòng hay người làm việc trong văn phòng, kể cả các ông chủ. Gaur nói: “Người da trắng đã cướp đoạt đất nước tôi và cai trị chúng tôi như những người nô lệ...”.

Một hôm, sau khi đi công cán về Văn phòng, tôi bỗng nghe Gaur đang nói thẳng với Luật sư Sidelsky: “Ông nghe đây: Ông ngồi đó như một Huân tước trong khi tù trưởng của tôi làm chức phận người đưa thư cho ông. Tình hình sẽ có lúc đảo ngược và chắc chắn việc ấy sẽ xảy ra. Lúc đó chúng tôi sẽ ném tất cả các người xuống biển!”. Nói xong Gaur bỏ ra ngoài, còn Sidelsky thì lắc đầu về chán ngán.

Gaur là ví dụ của một người đàn ông không có bằng B.A song lại là người học tập không ngừng, học nhiều hơn bất cứ chàng trai nào ở đại học Fort Hare có bằng cấp hẳn hoi. Anh không chỉ khiêm tốn mà còn rất tự tin. Về phần mình, dù tôi không từ bỏ việc đoạt cho bằng được bằng B.A và tiếp đó là học Luật ở trường đại học thì tôi cũng đã học được ở Gaur rằng, một văn phòng hàn lâm không hẳn là chứng chỉ cho một vai trò lãnh đạo, và rằng sẽ chẳng có chút ý nghĩa nào nếu người ta thoát lý thực tế, không tắm mình vào cuộc sống để thử thách vàng thau.

Tôi không phải là “viên chức tập sự” duy nhất tại Văn phòng Witkin-Sidelsky-Eidelman. Một chàng trai cỡ tuổi tôi tên là Nar cũng được vào Văn phòng. Anh là người khiêm tốn, rất cởi mở và suy tư. Anh là người duy nhất “mù màu” và là người bạn da trắng đầu tiên của đời tôi. Một hôm Nar bước vào văn phòng mang theo một gói bọc giấy báo. Anh biết tôi đang đói. Nar gọi tôi đến bên bàn và anh mở gói giấy báo ra. Đó là chiếc bánh mì kẹp thịt. Nar bảo tôi cầm một đầu, còn anh cầm đầu kia. Và hai chúng tôi cùng kéo. Chiếc bánh mì đứt ra làm hai phần và ngẫu nhiên là hai phần gần bằng nhau. Nar nói trong ánh mắt đầy niềm vui: “Nelson, những gì chúng ta vừa làm là biểu tượng triết lý của những người cộng sản đây: không ai dành lấy tất cả về mình, người ta phải chia sẻ cho nhau những gì ta sở hữu!”. Nar nói với tôi không cần phải giấu giếm rằng anh là đảng viên cộng sản. Nhân dịp này Nar đã giải thích cho tôi những nét cơ bản, những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản. Cách nói, thái độ và sự cởi mở thân tình của Nar làm tôi liên tưởng đến Gaur. Chắc chắn Gaur là một trong những chiến sĩ cộng sản. Chỉ có điều là anh ấy chưa bao giờ tuyên truyền lý tưởng cộng sản với tôi. Tôi đã theo Nar đến dự nhiều cuộc sinh hoạt câu lạc bộ của thanh niên trí thức. Tôi không phải là thành viên của những câu lạc bộ này mà mới chỉ là người quan sát. Có điều tôi chưa từng thấy là tại những căn phòng ấm cúng ấy không chỉ còn da đen mà còn hiện diện nhiều người da trắng, trong số đó có những trí thức danh tiếng: bác sĩ, giáo sư, nhà văn... Tất cả họ đều “mù màu” (ý nói không hề có chuyện phân biệt chủng tộc, màu da như bọn cầm quyền Arpartheid - ND) và đôi cử, tranh luận, chuyện trò, ca hát với nhau như những người anh em trong một gia đình.

Làm việc ở Văn phòng luật sư tại thành phố Johannesburg nhưng tôi phải sống ở Alexandra, một thị trấn ngoại ô Johannesburg, cách trung tâm 10km. Alexandra không có điện, giá thuê nhà rẻ. Hơn nữa tôi có người quen ở đó, cho nên chi phí thuê nhà rẻ hơn. Người da trắng từng khẳng định: người Phi da đen là “dân nhà quê” chỉ sống được trên đồng ruộng. Nhưng sự thật không phải như vậy. Alexandra thật sự là thành phố của người da đen từ khắp nơi trong nước theo tiếng gọi của đất nước trong thời gian Nam Phi tuyên chiến với nước Đức của phát xít Hitler. Thành phố không có điện, trẻ con nhếch nhác do đói nghèo, nhưng thành phố nhỏ và xinh xắn này hoạt động nhịp sống đô thị không khác gì những thành phố của người da trắng.

Tôi lĩnh lương 2 bảng Anh mỗi tháng. Dù đã chi tiêu tăn tiện quá mức rồi mỗi tháng tôi vẫn còn nợ tiền nhà năm mươi pence. Tôi còn nhớ mình không có quần áo thơm tất khi đến văn phòng làm việc. Ông Lazar Sidelsky đã biếu tôi bộ com-lê cũ. Tôi cao bằng ông nên bộ com-lê vừa vặn. Tôi đã mặc bộ quần áo ấy suốt 5 năm trời. Khi không còn có thể mặc được nữa thì đếm miếng vá chi chít, chúng chiếm diện tích quá nửa tổng diện tích bộ quần áo. Một lần ngồi trên xe bus, bên cạnh một hành khách ăn mặc thơm tất - cũng là người Phi da đen, bởi vì ở Nam Phi hồi đó người da đen không được chạy xe bus chung với người da trắng - tôi cảm thấy quần áo mình chạm vào quần áo của người bên cạnh. Ông này đã phản ứng làm tim tôi nhói đau: ông ta xích xa tôi như thể tránh sự hôi hám từ bộ quần áo của tôi khỏi bám vào quần áo ông khi hai cái chạm sát vào nhau!

Sự nghèo khổ chẳng có gì để kể. Tuy nhiên cái nghèo lại có lúc là mảnh đất màu mỡ cho những tình bạn chân thành. Người giàu có nhiều bạn. Người nghèo có ít bạn thôi. Nếu sự giàu có có sức hút của nam châm đối với vụn sắt, sự nghèo đẩy nó ra xa. Nhưng tình bạn trong sự nghèo khổ nhiều khi tuyệt vời hơn những gì ta tưởng. Một hôm tôi quyết định cuộc bộ từ Alexandra đến Johannesburg, vừa để luyện tập cơ thể, nhưng chính là để tiết kiệm tiền xe bus. Từ xe tôi phát hiện một phụ nữ trẻ quen biết hồi còn đi học ở Fort Hare. Nàng tên là Phyllis Maseko. Nàng đang đi ngược chiều với tôi trên cùng một hè đường. Tôi làm như không biết những gì sắp xảy ra, đã qua đường sang hè bên kia. Tôi phải làm như vậy vì trên người tôi lúc ấy là bộ quần áo mà số mảnh vá nhiều hơn sao trên trời! Tôi từng mong nàng không nhận ta tôi. Vừa sang bên kia hè đường tôi đã nghe tiếng gọi của nàng: “Nelson, anh Nelson!”. Tôi dừng lại và làm như thể lần đầu tiên nhận ra tiếng người quen. Nàng sang chỗ tôi đang đứng và vui mừng thật sự khi gặp lại người quen. Trong phút giây ấy, tôi cũng hiểu rằng nàng không bỏ qua hình dáng bên ngoài của tôi. Nàng nói: “Anh Nelson, đây là địa chỉ của tôi. Hãy đến thăm tôi nhé, tôi chờ đấy!”. Trong thâm tâm, tôi quyết định không bao giờ chịu để bị “hạ nhục” một lần nữa trước mắt người đẹp. Nhưng tôi đã không thể giữ được “lời tự hứa” và đã đến nhà nàng vào đúng lúc tôi đang đói, cần hơn lúc nào một bữa ăn hồi sức. Nàng đã cho tôi ăn uống chu tất và dường như không

chút để ý đến cảnh trở trêu của tôi lúc ấy: đói khát, ăn mặc rách rưới. Từ ngày hôm đó tôi thường đến thăm nàng.

Ông chủ nhà trọ cũng là một người đáng kính. Ông bà có 5 cô con gái. Dù không giàu sang gì nhưng ông bà chủ thỉnh thoảng mời cơm tôi. Tôi phải nói thật là những bữa cơm mời ấy mới thật sự là những bữa tiệc của tôi, vì có thịt, có súp, có cơm nóng canh sốt. Đó là những thứ xa lạ với tôi trong suốt thời gian làm việc ở Johannesburg và sống ở Alexandra. Ông bà chủ mến tôi, có ý muốn tôi kết bạn với cô con gái đầu lòng, cũng trạc tuổi tôi. Tôi cũng mến nàng, cũng tìm cách tiếp cận và chuyện trò với nàng. Nhưng tôi đâu biết tán tỉnh. Hơn nữa, cô nàng vẫn cặp kè với một anh chàng lành lặn hơn tôi nhiều. Nhiều năm sau, một người đàn bà ôm con đến Văn phòng luật sư của tôi. Thân chủ ấy chính là cô con gái chủ nhà trọ của tôi trước kia. Nàng đã có con, nhưng thằng cha sở Khanh đã bỏ rơi nàng. Tôi làm được gì cho nàng bây giờ? Kiện hắn ư? Ai đi kiện loại đầu trộm đuôi cướp, lừa đảo và cưỡng đoạt đàn bà con gái nhẹ dạ?!

Một sự kiện làm thay đổi tư duy của tôi là lần tiếp kiến nữ hoàng Thembu. Tôi nghe nữ hoàng nói nhiều thứ tiếng khác nhau của các bộ tộc người Phi mà mình chẳng hiểu mấy. Dường như nhận ra bộ mặt ngơ ngác của tôi lúc ấy, nữ hoàng gọi tôi lại gần và nói bằng tiếng Anh: “Anh sẽ là một luật sư, một thủ lĩnh loại nào mà lại không thể hiểu tiếng nói của các dân tộc mình?”. Tôi không tìm nổi câu trả lời. Câu hỏi vừa làm tôi rối trí vừa làm tôi xấu hổ. Phải chăng tôi đã bị chế độ cai trị của người da trắng làm biến dạng tới mức không còn hiểu ngôn ngữ của ngay chính đồng bào ruột thịt của mình? Không hiểu ngôn ngữ thì làm sao có thể tiếp cận con người được chứ? Làm sao có thể chuyện trò với họ và nghe họ giải bày tâm sự, và như thế làm sao hiểu được tâm tư, nguyện vọng, những yêu cầu, đòi hỏi bức xúc của người dân, làm sao hiểu được lịch sử của các dân tộc anh em, làm sao hiểu được văn hóa của họ không phải chỉ để hưởng thụ những thụ những tinh hoa mà còn để thẩm định chất nhân văn cao cả của nghệ thuật của các dân tộc trên vùng đất đau thương nhưng từng có một quá khứ hào hùng này? Trên tất cả, tôi nhận ra chân lý này: Chúng tôi không phải là những dân tộc khác nhau nói những ngôn ngữ khác nhau mà là một dân tộc nói nhiều ngôn ngữ khác nhau.

Tôi đã cùng đi với Gaur và Nar dự nhiều cuộc gặp mặt có ý nghĩa to lớn đối với nhân dân các bộ tộc Nam Phi và với đời tôi. Tôi dần dần hiểu ra rằng Gaur, Sisulu, Nar và những người yêu nước khác đã chỉ cho tôi con đường gánh vác trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cả dân tộc chứ không chỉ cho một bộ tộc, một nhóm nào trong xã hội.

Năm 1943, khi trở lại hãn Johannesburg, tôi đã ghi danh học tiếp tại trường Đại học Universitaet of the Witwatersrand - gọi tắt là "Wits" để thi lấy bằng LL.B. (Bachelor of Laws). Đó là văn bằng cấp đầu của bằng Luật học. Tại "Wits", tôi may mắn gặp mặt và cộng tác với những người được xem là tinh hoa của nhiều dân tộc: người Phi, người Do Thái, người Âu, người Ấn... Họ là những trí thức

uyên bác là những người yêu Nam Phi nồng nàn, những người chống mọi hình thức phân biệt màu da, sắc tộc. Số đông trong những tinh hoa này của Nam Phi là đảng viên cộng sản.

Chính "Wits" đã mở cho tôi một thế giới mới, hoàn toàn mới, một thế giới đầy tư tưởng nhân văn và lòng tin qua hàng loạt luận điểm mới mẻ. Tôi được sống trong tập thể trí thức nước tôi, cả da trắng, da đen, người Ấn cùng tuổi với tôi mà số đông hình thành đội tiên phong của các phong trào chính trị quan trọng nhất của đất nước lúc bấy giờ và những thập niên tiếp theo. Lần đầu tiên tôi gặp những người đồng trang lứa gắn bó với nhau trong một sự nghiệp cao cả: Cuộc đấu tranh cho tự do, sẵn sàng hy sinh cho những người cần lao đau khổ bị đọa đày trong xã hội bất bình đẳng, không phân biệt tôn giáo, nam nữ, giàu nghèo. Một sự nghiệp cao cả biết bao.

Tôi không thể nói chính xác mình giác ngộ chính trị vào thời điểm nào. Những người Phi ở nước Nam Phi trong những năm bốn mươi coi như giác ngộ chính trị ngay từ khi mới chào đời, bất chấp người ta khẳng định hay phủ nhận.

Một đứa trẻ người Phi chỉ sinh ra trong một bệnh viện, một nhà hộ sinh dành cho người Phi, chỉ được bước lên chiếc xe bus dành riêng cho người Phi, chỉ được ở trong vùng qui định riêng cho người Phi và chỉ có thể đến trường - nếu nơi nào đó có trường - dành riêng cho trẻ em người Phi.

Đứa trẻ ấy may mắn lớn lên, trưởng thành chỉ có thể tìm được một công việc dành cho người Phi, chỉ được thuê một nơi che mưa nắng dành cho người Phi và lúc nào cũng có thể bị chặn lại giữa đường và buộc phải xuất trình giấy tờ tùy thân. Và nếu người Phi ấy quên mang theo thẻ căn cước thì lập tức bị ném vào nhà giam.

Những sự nhục mạ chất chồng, hàng ngàn vạn sự bất công khôn tả thức dậy trong tôi lòng căm phẫn đòi phải chiến đấu chống lại hệ thống chính trị tàn bạo đã bỏ tù cả dân tộc tôi. Không thể nói ngày cụ thể của tháng năm nào tôi bắt đầu hiến thân mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc tôi, đồng bào tôi. Đối với tôi việc dấn thân vào cuộc đấu tranh ấy rất đơn giản, bởi vì tôi không thể làm khác được.

Trong năm 1941 - năm đầu tiên tôi đến Johannesburg, thuê nhà ở Alexandra, một khu ổ chuột của người Phi da đen vùng ngoại ô thành phố Johannesburg - tôi đã biết được mức độ của sự khốn cùng hơn hai mươi năm tuổi trẻ ở Qunu. Cuộc sống ở Alexandra rất sôi động và cực kỳ nguy hiểm. Đường phố bẩn thỉu, không trải nhựa cũng không lát đá, đông đặc trẻ em nghèo đói rách rưới gần như trần truồng. Không khí nồng nặc mùi khói than. Những vũng nước bẩn thỉu, đen ngòm đầy bọ trên đường phố, trên vỉa hè. Cái gọi là khu chung cư quá tải người ở. Ban đêm súng ngắn và dao búa thống trị.

Dù trong tình cảnh khốn khổ ấy, Alexandra vẫn cứ là một loại thiên đường đối với người da đen chúng tôi. Đây là vùng lãnh thổ duy nhất ở nước Nam Phi mà người Phi có quyền sở hữu đất đai và tự mình canh tác, trồng trọt, kinh doanh

dịch vụ mà không nhất thiết cứ phải làm nô lệ cho người da trắng. Alexandra vì thế được gọi là "miền đất Thánh".

Như tôi đã viết, nhằm kích thích dân chúng ở lại nông thôn hoặc đổ xô đến các mỏ vàng làm cu li, chính quyền luôn luôn khẳng định rằng người Phi sinh ra là để kéo cày trên đồng ruộng hoặc đào quặng dưới hầm sâu, không phù hợp với lối sống đô thị. Bất chấp các vấn đề lớn nhỏ và mọi thiếu thốn, Alexandra đã khẳng định những nhận định có chủ đích của nhà cầm quyền da trắng chỉ là bịp bợm.

Từ Alexandra đến Johannesburg tôi phải đi xe bus. Đó là loại "xe bus tự tạo" và "chỉ chở dân bản xứ", tức là người Phi da đen. Khi rỗng túi thì tôi phải cước bộ mất khoảng 2 giờ. Những năm làm việc và học tập ở Johannesburg đã thay đổi đời tôi.

Như đã nói, nhiều nhân vật tác động làm ảnh hưởng đến những chuyển biến về con đường đi của tôi. Người đóng vai trò quan trọng nhất trong thời gian này đối với tôi là Walter Sisulu. Anh là người mạnh mẽ, chín chắn, rất thực tế và đặc biệt là rất quả cảm. Trong mọi trường hợp hiểm nghèo bao giờ anh cũng giữ được sự tỉnh táo, sáng suốt. Anh khẳng định ANC là chiếc động cơ làm thay đổi tình hình Nam Phi, là nơi tập trung những hy vọng và cố gắng không mệt mỏi của người Phi da đen. Nhiều khi người ta đánh giá một tổ chức thông qua những thành viên của tổ chức đó. Bản thân tôi nghĩ rằng sẽ là một niềm tự hào lớn lao cho mình được là thành viên của một tổ chức chính trị có những thành viên như Sisulu. Ngày ấy không có điều kiện nhiều để có thể lựa chọn. ANC là tổ chức duy nhất mở rộng cửa chào đón mọi người Phi - da trắng, da đen hay da màu - gia nhập vào hàng ngũ của mình. Tổ chức này được coi như là một chiếc dù cực lớn che chở cho mọi người Phi.

Những thay đổi đã không diễn ra trong thập niên bốn mươi. Hiến chương Đại Tây Dương ký kết giữa Roosevelt và Churchill năm 1941 khẳng định lòng tin vào danh dự của mỗi con người cũng như tuyên truyền một loạt nguyên lý dân chủ. Song ở phương Tây, nhiều người gọi Hiến chương này chỉ là những lời nói rỗng tuếch chứ không phải người phải Phi chúng tôi khẳng định điều đó. Thông qua Hiến chương Đại Tây Dương và cuộc chiến đấu của phe Đồng minh chống thế lực bạo tàn phát xít, ANC đã soạn hiến chương riêng cho mình, gọi là African Claims, đòi quyền công dân bình đẳng hoàn toàn cho tất cả mọi người Phi, quyền sở hữu đất đai, tài sản và đòi hủy bỏ đạo luật phân biệt màu da, sắc tộc trên toàn lãnh thổ Nam Phi. Chúng tôi từng hy vọng chính phủ và mỗi người dân Nam Phi nhận thức được rằng những nguyên lý mà người ta phấn đấu ở châu Âu cũng chính là những gì chúng tôi phấn đấu ở Nam Phi.

Căn hộ của Walter Sisulu ở Orlando - một khu phố ở Johannesburg - trở thành thánh địa của các cán bộ lãnh đạo và thành viên ANC. Ở đó tôi đã có cơ hội tiếp cận Anto Lembede. Ông là một trong số ít ỏi luật sư người Phi trung thành bảo vệ

“Chủ nghĩa Phi châu”. Đối với ông, lục địa Phi là của người da đen. Và đã đến lúc chín muồi để người Phi khẳng định chân lý ấy và giành lại nó một cách hợp pháp.

Lembede trở thành Chủ tịch đầu tiên của Đoàn Thanh niên ANC ra đời năm 1944. Tôi có mặt trong Ban Chấp hành được Đại hội bầu ra. Oliver Tambo mà tôi từng quen thân trong thời gian học tập và nghiên cứu ở trường đại học, được bầu là Bí thư và Sisulu là ủy viên Ban chấp hành phụ trách tài chính. Chúng tôi chủ trương động viên đông đảo quần chúng ủng hộ những mục tiêu của Đoàn.

Lembede bất bình về sự tự ti của người Phi và lấy làm khó chịu khi nói rằng vì tự ti quá đáng mà người Phi tôn sùng cả con người lẫn những tư tưởng của người da trắng như là vị thánh. Theo ông thì sự tự ti ấy là trở ngại lớn nhất cho sự giải phóng. Ông nhấn mạnh rằng người Phi nếu có đủ điều kiện cũng có khả năng phát triển như người da trắng. Lembede đã dẫn ra một loạt người Phi da đen nổi tiếng ngay Johannesburg nói riêng và khắp các vùng khác ở Nam Phi nói chung. Ông khẳng định màu da của mình thật đẹp, đẹp như đất đen của mẹ châu Phi. Ông cho rằng trước hết người Phi phải nhận thức và cải thiện hình ảnh của mình trước khi bước vào con đường vận động quần chúng thắng lợi. Ông khẳng định trong số đông người Phi đang diễn ra quá trình thay đổi nhận thức, rằng trước hết họ là người Phi chứ không phải là người của một bộ tộc Xhosa, Ndebeles, hay Tswanas. Bản thân Lembede là người Zulu. Bố ông từng là người mù chữ. Nhưng người nông dân Lebede ấy tự vươn lên với nghị lực phi thường, trang bị học vấn trong những điều kiện ngặt nghèo và cuối cùng ông trở thành người cổ xúy cho chủ nghĩa dân tộc Phi. Về sau ông đã viết trong tờ Inkundla ya Bantu như sau: “Lịch sử thời hiện đại là lịch sử của chủ nghĩa dân tộc. Chủ nghĩa dân tộc được thử thách trong cuộc đấu tranh của các dân tộc trong ngọn lửa của các chiến hào. Nó đã chứng minh là phương tiện quan trọng chống lại sự thống trị của ngoại bang và của chủ nghĩa đế quốc. Vì lẽ đó, các thế lực đế quốc tể hùng mạnh triệt để khai thác và chia rẽ dân tộc các nước chúng xâm chiếm, thực hiện triệt để chính sách chia để trị, biến một bộ phận người bản địa trở thành tay sai đàn áp số đông là nô lệ của chúng với tất cả mọi phương tiện và thủ đoạn có thể có. Bọn tay sai nội địa trở thành công cụ của chủ nghĩa đế quốc. Chúng được chủ nghĩa đế quốc khen ngợi, tuyên dương với những mỹ từ “có văn hóa”, “tự do”, “tiến bộ” và “cởi mở, khoan dung”...

Quan điểm của Lembede gây nên sự chống đối trong tôi. Tôi từng là người cho rằng những người da trắng ở Nam Phi văn minh, có văn hóa, có tư tưởng tự do, tiến bộ. Tôi từng bước vào con đường trở thành những người Phi ưu tú gắng sức và kỳ vọng tạo ra nước Anh ngay ở Nam Phi. Không chỉ các tù trưởng mà cả luật sư Sidelsky cũng mong tôi trở thành một người như thế. Tiếc thay đó chỉ là ảo tưởng. Tôi chia sẻ quan điểm này của Lebede. Nhiều người trẻ tuổi - kể cả đảng viên cộng sản - thời ấy có chung tư duy tương tự.

Năm 1943 chúng tôi đến thăm bác sĩ Xuma, vị chủ tịch đầu tiên của ANC. Ông là bác sĩ giải phẫu giỏi. Công hiến của bác sĩ Xuma cho ANC thật lớn, là người đã cứu ANC ra khỏi tan rã khi Tiến sĩ Sene đứng đầu tổ chức này. Khi nhận chức chủ tịch ANC thì ngân quỹ của nó chỉ còn 17Bảng. Bác sĩ Xuma đã xây dựng cho đảng một ngân quỹ lên đến 4.000 Bảng. Ông có quan hệ với nhiều quan chức cao cấp trong chính phủ, nhiều trí thức và nhân sĩ trong xã hội. Bác sĩ Xuma biểu hiện sự tự tin cao. Nhưng ông cũng tỏ ra là người hơi thái quá, không phù hợp lắm với vai trò chủ tịch, người lãnh đạo một phong trào quần chúng rộng lớn.

Bác sĩ Xuma không chung quan điểm với chúng tôi về việc thành lập một tổ chức của những người trẻ tuổi - tức là Đoàn Thanh niên. Tuy vậy những trí thức trẻ chúng tôi hồi ấy thấy rằng một tổ chức như vậy đã trở nên cấp bách, làm hạt nhân đầy sức sống cho ANC đang trong giai đoạn củng cố. Đại hội đã thông qua cương lĩnh hành động. Tập thể Ban Chấp hành Đoàn gồm những người ưu tú, những người từng bị đuổi khỏi trường đại học Fort Hare do những hoạt động cho đất nước và nhân dân Nam Phi, những người lăn lộn trong hầm mỏ với công nhân, trong các khu Ghettos với người lao động lam lũ. Về cơ bản, cương lĩnh của Đoàn Thanh niên không khác với điều lệ của cương lĩnh của ANC từ ngày ra đời năm 1912. Nội dung chủ đạo mà cương lĩnh nhấn mạnh là chủ nghĩa dân tộc Phi và tạo lập một dân tộc duy nhất gồm nhiều chủng tộc, xóa bỏ sự cai trị của người da trắng thực dân và tiến tới thiết lập một hình thức chính phủ thật sự dân chủ. Cương lĩnh tuyên bố: “Chúng ta tin chắc rằng sự nghiệp giải phóng dân tộc của người Phi phải do chính người Phi giành lấy. Đoàn là bộ não và là động lực của tinh thần dân tộc Phi...”

“Chủ nghĩa châu Phi” của Lembede không được mọi người chia sẻ, bởi vì nó mang tính chất chủng tộc làm một số thành viên của Đoàn không yên lòng. Một số thành viên cho rằng một chủ nghĩa dân tộc có khả năng tiếp nhận những người da trắng sẽ có sức thuyết phục và tin cậy hơn. Tôi không thuộc những người này. Một số khác, trong đó có tôi cho rằng, nếu một khi những người da đen phấn đấu cho một hình thức đa sắc tộc thì rồi học sẽ lại ngưỡng mộ văn hóa của người da trắng và trước sau sẽ trở thành vật hy sinh của sự tự ti. Tôi chống việc gia nhập Đoàn của những người da trắng và của cả những người cộng sản.

Tại nhà Sisulu ở Orlando, tôi làm quen với Evelyn Mase. Evelyn cũng quê vùng Transke, có họ hàng với Sisulu. Cha nàng là thợ mỏ mất lúc nàng 12 tuổi. Sau đó mẹ nàng cũng qua đời. Sau khi học xong trường phổ thông cơ sở. Evelyn được gia đình Sisulu đưa đến Johannesburg để tiếp tục học phổ thông trung học.

Sau lần gặp gỡ đầu tiên tôi đã rủ Evelyn đi chơi. Tình yêu của chúng tôi nảy nở và phát triển rất nhanh. Chỉ vài tháng sau tôi đã ngỏ lời cầu hôn nàng. Evelyn thuận lời. Chúng tôi không tổ chức lễ cưới ở nhà thờ, cũng không tổ chức đám cưới linh đình theo truyền thống của người Phi chỉ đơn giản là vì chúng tôi không có tiền. Chúng tôi làm giấy đăng ký kết hôn với sự chứng kiến của các bạn bè của

hai đứa, thay cho người làm chứng. Lúc đầu chúng tôi sống chung trong căn hộ của anh chị nàng. Ít lâu sau chúng tôi tạo được một nơi ở khiêm tốn ở Orlando. “Căn nhà của chúng tôi” không khác gì với nơi che mưa nắng của hàng vạn người nghèo Nam Phi hồi đó. Nhưng đó lại là “nhà của tôi” lần đầu tiên trong đời. Chúng tôi tự hào về nhau và về “vương quốc riêng” của mình.

Trong ba năm đầu tiên thành lập gia đình, con trai đầu lòng của chúng tôi ra đời. Chúng tôi đặt tên cho con là Madiba Thembekile. Như vậy là tôi đã có người thừa tự, cho dù hồi ấy tôi chẳng có gì để cho con thừa kế cả!

Năm 1946 diễn ra nhiều sự kiện ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển trong hoạt động chính trị của tôi, và theo hướng chiến đấu. Cuộc đình công của 70.000 thợ mỏ có ý nghĩa đến lập trường chính trị của tôi. Theo sáng kiến của Gaur Radebe và nhiều cán bộ công đoàn của ANC, trong số đó có chủ tịch công đoàn mỏ, J.B. Marks. Vào khoảng những năm ấy có khoảng 400.000 công nhân người Phi đào quặng trong các hầm lò sâu dưới lòng đất làm giàu cho giai cấp tư sản da trắng được chính quyền hậu thuẫn. Người ta chỉ trả cho công nhân mỏ 2 bảng một ngày công. Cuộc tổng đình công đưa yêu sách tăng lương lên 10 bảng một ngày. Đó là một trong ít cuộc tổng bãi công lớn nhất trong lịch sử của giai cấp cần lao Nam Phi, làm cho nhiều mỏ vàng tê liệt suốt một tuần lễ. Cuộc tổng bãi công nhận được được sự ủng hộ và cổ vũ của hàng triệu người dân Nam Phi. Chính quyền đàn áp thẳng tay và đổ máu cuộc nổi dậy mang tính lịch sử này. Toàn bộ ban lãnh đạo tổng đình công gồm 52 người bị bắt và tổng ngục. Cảnh sát đàn áp đổ máu những cuộc tuần hành của công nhân. 12 công nhân đi ở hàng đầu của các cuộc tuần hành bị bắn chết trên đường phố.

Tôi thật sự ngạc nhiên và khâm phục khả năng tổ chức tuyệt vời của Công đoàn trong hoạt động đấu tranh giai cấp quyết liệt chống lại chế độ bóc lột cực kỳ tàn bạo ở khắp các vùng trên quê hương khổ đau của tôi. Công đoàn đã chứng minh khả năng tổ chức tuyệt vời của mình, không chỉ trong cuộc đấu tranh trực diện với kẻ thù mà cả trong hoạt động tự kiểm chế và đã hoàn toàn kiểm soát được tình hình, tránh được những hành động cực đoan và quá khích.

Cuối cùng thì nhà nước của những tên thực dân da trắng đã thắng. Bộ máy đàn áp của chúng “hoạt động hết công suất và không từ một hành động đổ máu nào”. Nhưng giai cấp công nhân Nam Phi cũng đã khẳng định được sức mạnh của mình trong cuộc đấu tranh trực diện này. Sau cuộc tổng bãi công này, tôi trở thành chiến hữu thân thiết của J.B. Marks.

Cũng trong năm 1946, chính phủ Nam Phi ban bố đạo luật mang tên Asiatic Land Tenure Act mà nội dung nhất quán là tước bỏ quyền tự do đi lại của người Phi gốc Ấn Độ vốn chiếm một tỷ lệ cao trong các cộng đồng dân cư ở nước Nam Phi. Đạo luật này quy định những vùng đất người Phi gốc Ấn được ở và kinh doanh buôn bán. Đồng thời đạo luật cắt xén tàn bạo quyền thừa kế đất đai của họ. Đây là đạo luật xúc phạm nghiêm trọng cộng đồng người Ấn Độ, không khác gì

đạo luật có tên là Group Areas Act trước đây từng là công cụ tước đoạt quyền tự do của tất cả những người Phi da đen.

Cộng đồng người Ấn Độ phản nộ trước đạo luật kỳ quái này và đã tiến hành những cuộc đấu tranh suốt hai năm ròng theo cách của họ. Ban lãnh đạo Natal Indian Congress của cộng đồng người Ấn trở thành nhà tổ chức và động viên mọi tầng lớp công dân tiến hành cuộc đấu tranh kiên cường chống lại chính sách phân động của chính phủ Smuts. Bất chấp 2.000 chiến sĩ người Ấn bị ném vào nhà tù, kể cả hai nhà lãnh đạo của Natal Indian Congress, nhưng nhà cầm quyền không thể dập tắt được sự phản nộ và hành động phản kháng của hàng triệu công dân gốc Ấn được người Phi da đen đồng tình ủng hộ và trợ lực.

Cuộc đấu tranh kiên cường của cộng đồng người Ấn đã làm cho chúng tôi - Đoàn Thanh niên - nhận ra rằng sức mạnh của quần chúng là vô cùng mạnh mẽ. ANC dù có điểm bất đồng với Natal Indian Congress, song đã nhiệt tình ủng hộ và cổ vũ cuộc đấu tranh dũng cảm và rộng lớn này. ANC và người Phi học được ở những công dân gốc Ấn cách tổ chức, sự quyết tâm và sức mạnh của quần chúng khi triệu người đồng lòng nhất trí. Nhà cầm quyền cho ra đời những đạo luật phân động khác, nhưng những thứ đó không dập tắt được cuộc đấu tranh của hàng triệu người bị tước hết những quyền con người cơ bản nhất.

ANC chưa tổ chức được một phong trào phản kháng mạnh mẽ và sâu rộng như những cư dân Ấn Độ đã làm. Cuộc đấu tranh của họ đã trở thành mẫu mực cho người Phi mà Đoàn Thanh niên của chúng tôi ý thức được rất rõ. Nó đã thực sự tác động đến kế hoạch hành động của ANC. Nó cho chúng tôi một cái nhìn rộng và bao quát hơn rằng cuộc đấu tranh cho tự do của một cộng đồng, một dân tộc không thể chỉ chờ vào những kiến nghị được thông qua trong cuộc hội nghị này, hay trong một phiên họp của ban lãnh đạo một hội nghị quần chúng nào đó. Điều có tính quyết định phải là một tổ chức khoa học, chính xác, có sức thuyết phục quần chúng sẵn sàng đứng lên bất chấp hy sinh, kể cả hy sinh tính mạng. Cuộc đấu tranh của cư dân Ấn Độ là sự vận dụng phong trào đấu tranh của quần chúng mà Mahatma Ghandi tiến hành năm 1913 chống thực dân Anh một cách hoàn hảo, tuyệt vời. Sự kiện có ý nghĩa trọng đại này diễn ra ngay trước mắt tôi.

Năm 1947 tôi hoàn thành chương trình thực tập ba năm bắt buộc và như vậy thời gian lưu lại trong Văn phòng Sidelsky-Witkin và Eidelman cũng kết thúc. Tôi quyết định dành hết thời gian cho việc nghiên cứu ở trường đại học, quyết tâm lấy bằng luật sư và sau đó mở văn phòng riêng của mình. Khoản “thâm hụt” 8 bảng từ tiền công ở văn phòng luật sư mỗi tháng chắc chắn là đòn choáng váng đối với tôi, bởi lẽ giờ đây tôi không còn độc thân nữa mà đã có vợ, có con. Tôi làm đơn vay 250 bảng để có tiền ăn học. Người ta chỉ duyệt cho tôi vay 150 bảng. Ba tháng sau tôi lại phải làm đơn vay tiền, bởi vì vợ tôi phải nghỉ việc do bận nuôi con nhỏ. Như vậy tiền lương y tá 17 bảng mỗi tháng cũng không còn nữa. Người ta đã chấp thuận đơn của tôi, tôi cảm ơn về điều đó, nhưng lần vay tiền lần này thật bất hạnh.

Lần sinh con gái của vợ tôi không có gì nguy hiểm, nhưng cháu bé quá ốm yếu. Vợ tôi đã phải thức suốt ngày đêm trong nhiều tháng trời để chăm sóc con. Với tình mẫu tử bao la và kiến thức ngành y khá tốt, vợ tôi đã nuôi cháu bé suốt nhiều tháng trời liên tục ngày đêm. Nhưng cháu cũng đã bỏ chúng tôi ra đi. Evelyn suy sụp từ đó. Dường như trái tim nàng tan nát, không còn hồi phục được nữa. Tôi cố sức an ủi nàng, song không có hiệu quả.

Trong hoạt động chính trị, cho dù người ta lập kế hoạch này kế hoạch nọ, nhưng nói cho cùng thì chính những sự kiện lại làm đảo lộn mọi thứ. Vào một ngày tháng 7 năm 1947, khi tôi đang bàn bạc công việc của Đoàn Thanh niên với Lembede thì anh kêu đau bụng dữ dội. Chúng tôi nhanh chóng đưa anh đến bệnh viện cấp cứu. Tối hôm đó anh đột ngột qua đời ở tuổi 33 đầy sức sống. Walter Sisulu như bị ngất xỉu không còn tỉnh lại được nữa! Cái chết của Lembede là tổn thất to lớn cho phong trào, bởi vì anh chính là người đề xuất nhiều ý tưởng và kế hoạch hành động sáng tạo, có hiệu quả nhất. Lembede có sức thuyết phục rất mạnh và vì vậy người gia nhập phong trào ngày càng đông, càng mạnh. Đội ngũ của chúng tôi tăng lên không ngừng, cả lượng lẫn chất.

Người thay Lembede là Peter Mda. Anh là một con người thật hoàn thiện. Những gì anh trình bày đều gọn gàng, minh bạch và dễ hiểu. Kinh nghiệm đường đời của anh đã nhanh chóng đưa anh trở thành một chính khách giỏi. Anh người mảnh khảnh, một dạng người mẫu không thừa một gam. Mda hầu như không nói thừa một lời nào. Anh tôn trọng ý kiến của đồng nghiệp, có phương pháp lập luận biện chứng và những suy nghĩ của anh, tư duy của anh nhanh nhạy cảm hơn cả của Lembede. Mda là hình mẫu tuyệt vời của một lãnh tụ thanh niên.

Dưới sự lãnh đạo của Mda, tổ chức Đoàn phát triển mạnh mẽ trong thanh niên trí thức và sinh viên ở Fort Hare. Giáo viên cũng tham gia phong trào Đoàn. Sức thu hút của Mda ở chỗ chủ nghĩa dân tộc của anh không cực đoan như các thủ lĩnh chính trị của người Phi da đen hồi đó. Vì lẽ đó, anh tập hợp được nhiều lực lượng thuộc các màu da, sắc tộc vào mặt trận thống nhất chung. Anh căm thù sự áp bức bóc lột của người da trắng nhưng không thù hằn với những người da trắng. Trong cách đánh giá những người cộng sản, quan điểm của anh cũng không cực đoan như Lembede và cả chúng tôi nữa. Bản thân tôi thời đó từng là một trong những người chống lại cả những người da trắng cánh tả. Mặc dù tôi có quan hệ mật thiết với nhiều đảng viên cộng sản người da trắng, song tôi vẫn không chấp nhận ảnh hưởng của họ trong ANC. Đã có lúc tôi khước từ hợp tác cùng hành động với những người cộng sản. Tôi đã từng cùng nhiều chiến hữu khác đòi cách ly với những người cộng sản trong ANC. Đa số thành viên lãnh đạo ANC đã bác bỏ yêu sách này.

Năm 1947, tôi được bầu vào Thường vụ và trực tiếp làm Bí thư tỉnh đoàn Transvaal. Đó là chức danh công khai đầu tiên của tôi ở ANC và là cột mốc đầu tiên của cuộc hành trình vạn dặm của tôi trong đời hoạt động chính trị cho đảng

Dân tộc Phi của Nam Phi và cho quê hương tôi. Kể từ ngày đó, những hy sinh của tôi không còn chỉ giới hạn ở những việc như dự các cuộc họp thay vì chăm sóc gia đình vợ con, bỏ cả những thú vui gia đình, dự các cuộc khai hội chính trị. Tuy nhiên cho đến ngày hôm đó tôi chưa từng tham gia trực diện vào một chiến dịch đấu tranh nào, và vì vậy chưa hề có khái niệm về những mối hiểm nguy sẽ đến với một chiến sĩ trực diện tham gia các cuộc chiến đấu cho tự do. Từ hôm nay, sự nghiệp của ANC, của nhân dân Phi da đen của tôi là sự nghiệp của trái tim, của tâm hồn tôi. Người trực tiếp lãnh đạo tôi là Ramohanoe. Anh là một người nhạy cảm và tinh tế. Cho dù anh cũng không phải là người tán thành những người cộng sản, tuy vậy Ramohanoe lại hợp tác tốt với các chiến sĩ cộng sản. Anh tin rằng ANC là một tổ chức mang tính dân tộc và vì thế mọi lực lượng ủng hộ sự nghiệp dân tộc của người Phi phải được hoan nghênh và hợp tác chân thành.

ANC dưới sự lãnh đạo của những lực lượng có tầm nhìn rộng, có tầm nhìn xa dần dần đã tạo được nền tảng cho sự hợp tác giữa những người Phi, người da đen, người gốc Ấn, và chỉ có như vậy mới có sức mạnh thực hiện những mục tiêu của mỗi cộng đồng và nhất là mới tạo được sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh chung.

Sự phối hợp hành động đã mang lại sắc thái mới cho cuộc đấu tranh và trên thực tế đã thu được những thành công bước đầu đáng khích lệ. Một chiến dịch đấu tranh đòi quyền bầu cử cho người da đen được khởi xướng trong cuộc đấu tranh chung có sự phối hợp của các tổ chức của các cộng đồng sắc tộc. Đây là một bài học quý cho lãnh đạo của ANC cũng như của các tổ chức quần chúng khác ở Nam Phi hồi đó.

Người Phi da đen không được đi bầu, tuy nhiên điều đó không có nghĩa là người Phi thờ ơ với kết quả của các cuộc bầu cử nghị viện ở quê hương mình. Trong cuộc tuyển cử của người da trắng năm 1948, hai đảng tư sản đối lập tranh giành nhau. Đó là đảng United Party dưới sự lãnh đạo của tướng Smuths - hồi ấy đang ở đỉnh cao uy tín quốc tế - và đảng National Party đang phục hồi mạnh mẽ. Trong khi Smuths đưa Nam Phi vào khối đồng minh chống phát xít Hitler trong đại chiến thế giới lần thứ hai thì National Party khước từ sự ủng hộ của Anh, và công khai tuyên bố thiện cảm với nước Đức phát xít. Chiến dịch tranh cử của National Party dưới chiêu bài “chống nguy cơ đen” với những khẩu hiệu: “Bọn nhọ hãy đến nơi làm việc” và “Bọn Kilis cắt khỏi nước này!”, Kilis và từ nhục mạ bọn chúng nói về người Phi gốc Ấn Độ.

Đảng National Party do tiến sĩ Daniel Malan đứng đầu. Ông ta là “nhà thông thái” của nhà thờ cải cách Hà Lan, đồng thời là chủ một tờ báo. Đây là một đảng chính trị mang nặng hận thù: hận thù người Anh từng xếp họ vào loại dân thiểu số hàng chục năm ròng, hận thù người Phi vì theo họ thì người Phi da đen đe dọa sự sống còn, phồn vinh và “sự trong trắng” của người Buren. Người Phi chúng tôi

không chấp nhận sự cúi đầu tuân thủ trước tướng Smuths của đảng United Party, lại càng không bao giờ chịu như vậy trước đảng National Party của Malan.

Cương lĩnh của mình Malan chính là Apartheid. Đó là cái tên mới cho một hệ tư tưởng cũ. Apartheid có nghĩa như là “sự phân rẽ, sự phân biệt một cách lạnh lùng”, là sự tập hợp tất cả những thứ gọi là luật lệ áp đặt hàng trăm năm lên người da đen, biến họ thành những người hoàn toàn lệ thuộc vào người da trắng. Đó là một hệ thống cai trị chỉ dựa vào đàn áp nhằm bảo vệ cho người da trắng đề đầu cưỡi cổ vĩnh viễn đất nước Nam Phi này. “Người da trắng bao giờ cũng là những ông chủ, bà chủ, cậu chủ, cô chủ”. Đối với đảng của Malan thì người Buren là một dân tộc do đáng tội cao tuyền chọn và người da đen là bọn mọi hạ đẳng.

Thắng lợi của Malan trong cuộc tuyển cử có ý nghĩa là sự bắt đầu của sự kết thúc nền thống trị của người Anh ở Nam Phi. Đó là cuộc đối đầu, là trận chiến cuối cùng giữa thực dân Anh với thực dân Buren. Và người Anh đã bại trận. Lần đầu tiên trong lịch sử Nam Phi, chỉ duy nhất đảng của người Buren một mình đứng ra lập chính phủ.

Malan lập tức bắt tay vào việc thực hiện cương lĩnh đốn mạt của y. Đạo luật cấm các cuộc hôn nhân giữa những người khác màu da - mà thực chất là giữa người da trắng và người da đen - được ban hành ngay tức khắc. Quan hệ tình dục giữa người da trắng và người da đen bị lập tức cấm nghiêm ngặt. Đồng thời chúng đưa ra những “tiêu chí” kỳ quặc để phân hạng các tộc người da đen, thực chất là phục vụ cho chính sách chia để trị của chủ nghĩa thực dân cũ.

Chính sách và những biện pháp tàn bạo, trắng trợn của National Party đã buộc ANC chọn con đường mới cho cuộc đấu tranh của mình trong năm 1949 và những năm sau đó. Tại Hội nghị của ANC ở Bloemfontein đã thông qua cương lĩnh hành động mới, kêu gọi toàn dân tẩy chay nhà cầm quyền, bãi công, mít tinh tuần hành phản kháng, chống các đạo luật phản động và nhiều hình thức khác lôi kéo quần chúng đông đảo nhập cuộc.

Đây là sự thay đổi mang tính cấp tiến cơ bản: với chính sách hoạt động trong khuôn khổ luật pháp, ANC đã không thể giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chính sách đàn áp tàn bạo của thực dân da trắng thống trị. Giờ đây mọi thành viên ANC sẵn sàng bất chấp mọi đạo luật và khi cần sẵn sàng chấp nhận tù đầy.

Thắng lợi của National Party của Malan thực sự gây cú sốc lớn không chỉ cho ANC mà cả ngay cho đảng United Party của tướng Smuths. Bản thân tôi coi sự kiện kinh hoàng này như một cú giáng ngàn cân vào đầu. Nhưng Oliver Tambo trái lại trở nên bình thản hơn lúc nào. Ông nói và những lý giải của ông là có lý: “Tôi hài lòng với kết quả này, bởi vì từ nay chúng ta có thể nhận diện kẻ thù chính xác hơn và biết mình đang ở đâu!”.

Ngay trong năm này, Đoàn Thanh niên công bố đường lối chính trị của mình trong bản cương lĩnh do Mda soạn thảo mà nội dung cốt lõi là kêu gọi toàn bộ

thanh niên yêu nước Nam Phi đứng lên đấu tranh chống lại sự cai trị ngày càng hà khắc, tàn bạo hơn của người da trắng.

Tôi có cảm tình với cách mạng cực đoan của chủ nghĩa dân tộc châu Phi. Tôi từng căm thù người da trắng nhưng không căm ghét chủ nghĩa chủng tộc. Tôi từng nghĩ nếu như mình không thể tiêu diệt được người da trắng, tổng chúng xuống biển thì tôi cũng cảm thấy hạnh phúc nếu như bọn chúng dương buồm ra khơi và bị cuồng phong làm cho tan xương nát thịt ngoài khơi.

Đoàn Thanh niên trong thời gian ấy tỏ ra chưa hữu nghị với người Ấn Độ với lập luận là người Ấn Độ cũng bị áp bức như người da đen, song dù sao họ cũng cần có một quê hương là nước Ấn Độ để tưởng nhớ và kỳ vọng. Còn người Phi da đen thì không có quê hương. Tuy vậy, tôi chấp nhận sự hợp tác giữa người Phi da đen với người Phi gốc Ấn Độ với hợp điều kiện họ chấp nhận đường lối của chúng tôi. Vậy mà hồi đó tôi vẫn ngờ vực là lợi ích của hai bên không tương đồng, và vì vậy liệu những người Ấn có coi cuộc đấu tranh chung là sự nghiệp trái tim của mình hay không.

Malan tiến hành một loạt hoạt động bất thường nhưng rất logic với chính sách phản động cực đoan của hắn: thả tên tội phạm chiến tranh Leibbrandt, tên phát xít từng tổ chức cuộc bạo động quân sự ủng hộ nước Đức phát xít của Hitler. Malan tuyên bố sẽ công bố đạo luật cấm công đoàn hoạt động và xóa bỏ nốt quyền bầu cử vốn rất hạn chế của người Phi da đen cũng như của Ấn Độ, đồng thời xóa bỏ đại diện của các dân tộc này ở nghị viện. Malan cũng công bố đạo luật phân ranh giới khu dân cư của người da đen theo từng bộ tộc. Với đạo luật này, chính sách cướp đất của người da trắng được bảo vệ vô giới hạn. Muốn cướp vùng đất nào, Malan chỉ cần tuyên bố vùng đất ấy không phải để cho người da đen!.

Trước tình hình cực kỳ nghiêm trọng ấy, ANC quyết định tổ chức phong trào phản kháng không bạo động trong toàn quốc: tẩy chay, đình công, không tuân mệnh lệnh, không hợp tác. Chính sách mới cấp tiến của ANC cũng đã tạo ra tình hình mới trong ban lãnh đạo: những cán bộ cao tuổi dần dần nhường chỗ cho những nhân vật mới năng nổ, hăng hái, quyết tâm, cách mạng hơn và cũng cực đoan hơn.

Trong chiến dịch đấu tranh rộng khắp cả nước này, những người cộng sản Nam Phi đã thể hiện vai trò quan trọng của họ. Nhờ sự kiên trì và chính sách linh hoạt của đảng Cộng sản, đã hình thành ở Nam Phi trong thời gian đấu tranh sôi sục này một “Công ước” (Convention) giữa ANC, Đảng Cộng sản và Đại hội Dân tộc Ấn (Indian Congress). Lời kêu gọi của “ban lãnh đạo hợp nhất” này là tổng đình công trong toàn quốc một ngày, đòi hủy bỏ đạo luật về chứng minh thư và tất cả các đạo luật phân biệt chủng tộc.

Hồi ấy tôi không tin những người cộng sản. Tôi cho rằng đảng Cộng sản sẽ tận dụng cơ hội này để nâng uy tín của họ với sự trợ lực của ANC. Tôi từng cho rằng chỉ một mình ANC cũng đủ sức phát động chiến dịch phản kháng. Ý kiến

này của tôi được bàn trong Thường vụ ANC và Đoàn Thanh niên. Nhưng ở cả hai cơ quan ấy ý kiến của tôi đều bị đa số bác bỏ. Trong số những người không đồng tình với tôi có cả Walter Sisulu.

Ngày hành động thống nhất trong toàn quốc cuối cùng được ba tổ chức quyết định: 26/6/1950. Chính quyền đàn áp đẫm máu cuộc phản ứng quyết liệt được tổ chức lần đầu tiên trong tất cả các thành phố và nhiều vùng quê Nam Phi. Nó báo hiệu một giai đoạn mới cao hơn của cuộc đấu tranh quyết liệt chống chế độ Apartheid cực kỳ phản động ở Nam Phi. Ngày 22/6 sau đó trở thành “Ngày tưởng niệm” của các chiến sĩ đấu tranh cho tự do. Trong phong trào giải phóng dân tộc, ngày đó được tôn vinh là “Ngày tự do”.

Như đã viết, tôi từng không chung quan điểm với những người cộng sản, thậm chí còn chống họ trong những vấn đề này vấn đề khác - một trong những lý do dẫn tôi đến quan điểm ấy là phần lớn cán bộ lãnh đạo đảng Cộng sản là người da trắng. Nhưng với những gì diễn ra trong những năm Malan lên cầm quyền với chính sách đàn áp đẫm máu cực kỳ tàn bạo và phản động, quan điểm của tôi đã dần dần thay đổi. Tổng bí thư đảng Cộng sản, ủy viên thường vụ ANC, Moses Kotane, đến gặp tôi vào một đêm muộn và thảo luận công việc với tôi suốt đêm. Ông là một chiến sĩ có kiến thức và tư duy trong sáng. Ông tự học trong cuộc sống đấu tranh của những người bị áp bức bóc lột, bất kể họ là người da đen, da màu hay người Ấn Độ. Ông nói: “Nelson thân mến, vì sao anh chống chúng tôi chứ? Chúng ta đều cùng chiến đấu chống một kẻ thù chung. Chúng tôi đâu muốn chiếm vị trí lãnh đạo trong ANC. Hoạt động của chúng tôi trong tinh thần của chủ nghĩa dân tộc Phi như ANC và các lực lượng cách mạng khác kia mà!”. Cuối cùng tôi thống nhất với những lập luận đầy sức thuyết phục của ông. Từ ngày đó, mối quan hệ của tôi với các nhà lãnh đạo đảng Cộng sản như Moses Kotane, Ismail Meer và Ruth First và nhất là trước những hy sinh quên mình của các đảng viên cộng sản, tôi đã không còn lý do nào bào chữa cho những thái độ, quan điểm của mình chống lại họ nữa. Trong Ban chấp hành ANC có mặt những đảng viên cộng sản đáng kính trọng, đó là J.B. Marks - chủ tịch công đoàn thợ mỏ, Edwin Mofutsanyana, Dan Tloome, David Bopape... và nhiều người khác, đã chiến đấu dũng cảm không ngại gian khổ, không hề hy sinh. Cống hiến của họ cho cuộc đấu tranh vì tự do cho đa số cần lao ở Nam Phi quả thật không có gì để phải ngờ vực, phê phán. Những con người như vậy không thể bị ngờ vực lâu hơn nữa.

Chỉ có điều này làm tôi bối rối: kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa Mác của tôi quá ít. Vì thế trong các buổi thảo luận, tranh luận với các đảng viên cộng sản bao giờ tôi cũng ở thế yếu, đặc biệt trong lĩnh vực triết học mác-xít. Tôi phải tự khắc phục mặt yếu này. Tôi đã tìm đủ các bộ toàn tập của Marx và Engels, Stalin, Hồ Chí Minh, Fidel Castro... và vùi đầu nhiều ngày đêm tìm hiểu triết học của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Tuyên ngôn Đảng Cộng sản. Tư bản luận của Marx và trước tác của các lãnh tụ cộng sản

đã giúp tôi không chỉ trong giai đoạn của một cuộc chiến đấu khốc liệt chống chủ nghĩa Apartheid tàn bạo. Hơn ai hết, những người Mác-xít - tức là những người cộng sản - chẳng phải là những chiến sĩ tiên phong ủng hộ hết mình các phong trào giải phóng dân tộc đó sao? Về sau có người đã hỏi tôi làm cách nào để dung hòa giữa đức tin tôn giáo với chủ nghĩa duy vật biện chứng. Đối với tôi ở đây không tồn tại một mâu thuẫn nào cả. Trước hết và trên tất cả, tôi đấu tranh cho các dân tộc da đen nước tôi và như vậy tôi là một người dân tộc, đấu tranh cho mọi người Phi khắc phục sự thống trị của một thiểu số và giành quyền quyết định những vấn đề của chính mình. Đồng thời châu Phi, trong đó có Nam Phi, là một bộ phận của thế giới rộng lớn hơn. Những vấn đề của chúng tôi - cho dù cấp bách hơn, đặc biệt hơn - cũng không hoàn toàn cá biệt không nơi nào có. Vì lẽ đó, những gì mang tính lịch sử và quốc tế đều có giá trị đối với mọi vùng đất, mọi dân tộc trên thế giới. Tôi đã sẵn sàng dâng hiến tất cả sức lực, tinh thần và mọi phương tiện cho cuộc đấu tranh nhằm xóa bỏ sự áp đặt bất công, đặc biệt là chủ nghĩa dân tộc Sô-vanh đầm máu trên quê hương mình. Tôi không nhất thiết phải là đảng viên cộng sản mới có thể chung lưng đấu cật với nhau trong cuộc chiến đấu này. Theo quan điểm của tôi thì những người theo chủ nghĩa dân tộc châu Phi và những người cộng sản có nhiều điểm tương đồng hơn là những dị biệt. Những kẻ khiêu khích nói rằng đảng Cộng sản Nam Phi lợi dụng ANC cho các mục tiêu của họ. Nhưng có ai đặt câu hỏi rằng chúng tôi, ANC, lợi dụng họ hay không?

Nếu có ai đó trong chúng tôi có chút hy vọng hay ảo tưởng vào National Party trước khi những người này lập chính phủ, thì họ đã nhanh chóng vỡ mộng. Việc đầu tiên chính quyền Apartheid tiến hành là ban bố đạo luật cấm đảng Cộng sản hoạt động sau ngày 22/6/1950 ấy. Có tới 6 đạo luật tội ác được ban bố ngay sau khi chính phủ Malan lên nắm quyền đã phơi bày bộ mặt cực kỳ phản động của cái đảng mang tên “dân tộc” này.

Năm 1952, chính quyền Malan long trọng tổ chức kỷ niệm 300 năm ngày thực dân da trắng xâm lược và chiếm đóng Nam Phi (1652-1952). Tên thực dân Jan Van Riebeeks - người Buren thuộc Hà Lan - đồ bộ vào Nam Phi. Trong suốt 300 năm ấy, hết bọn thực dân da trắng Buren đến bọn thực dân da trắng Anh đã biến Nam Phi thành thiên đường của chúng và thành địa ngục của người Phi da đen. Chúng thẳng tay cướp bóc, đàn áp, giết chóc, bóc lột người Phi còn hơn cả những người nô lệ thời tiền sử. Với chính sách của Malan, bọn thực dân da trắng đã tạo lập một chế độ phân biệt chủng tộc tàn bạo và khát máu chưa từng có trong lịch sử loài người. Ngày 6 tháng 4 hằng năm trở thành “ngày lễ lớn” của người da trắng. Nhưng đối với người Phi da đen thì ngày đó là “ngày uất hận”, ngày mở đầu cho hành động biến cả một dân tộc gồm nhiều chủng tộc vốn là những người chủ vùng lãnh thổ giàu đẹp này thành những kẻ nô lệ còn hơn là nô lệ thông thường.

Ngày phản kháng 22/6 ấy đã dẫn tôi và nhiều chiến hữu vào nhà tù. Tòa án tuyên phạt “những kẻ chủ mưu” 9 tháng lao động khổ sai, sau đó đổi thành hai năm tù cấm cố.

Sau sự kiện 22/6, chúng tôi đã tiến hành rút kinh nghiệm nghiêm khắc. Chúng tôi đã mắc nhiều sai lầm ấu trĩ, tuy nhiên hành động phản kháng có quy mô toàn quốc này đã mở ra một chương mới cho cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc da đen. 6 đạo luật mà nhân dân đòi hủy bỏ vẫn nguyên vẹn. Song trước khi bắt tay vào việc tổ chức ngày hành động phản kháng, không ai có ảo tưởng nhà cầm quyền sẽ nhượng bộ bằng cách rút lại đạo luật này, đạo luật kia. Chúng tôi chọn phương pháp đấu tranh ấy là để thức tỉnh và động viên nhân dân vào cuộc đấu tranh chung, bởi vì những đạo luật phản động của chính phủ Malan không trừ một ngoại lệ nào cho bất cứ người da đen nào.

Ngày phản kháng đã diễn ra không có bạo động. Đó là thắng lợi lớn, và là bài học quý cho ANC khi hiểu rằng nhân dân lao động có kỷ luật, nghe theo những chỉ dẫn của ban tổ chức. Bài học này rất quý cho những năm tháng chiến đấu gian khổ tiếp theo.

Tôi có cảm giác hài lòng và đánh giá hành động phản kháng thu được kết quả tốt. Chẳng phải đây là lần đầu tiên tôi tham gia trực diện vào cuộc đấu tranh với tư cách là một chiến sĩ, một người lãnh đạo và đủ sức để thu được những thắng lợi đó sao? Cuộc nổi dậy đã giải phóng cho tôi khỏi những ngờ vực và cảm giác tự ti, giải phóng cho tôi khỏi cảm giác rằng không thể làm lung lay quyền lực và sự bất khả xâm phạm của người da trắng cùng bộ máy tàn bạo của chúng. Từ đây người da trắng bắt đầu hiểu những cú đấm của chúng tôi và bây giờ tôi có thể ngẩng cao đầu như một người đàn ông chân chính để cho những ai nhìn mình thốt lên rằng con người ấy là con người trọng danh dự, con người không bao giờ khuất phục trước cường quyền. Tôi đã bước vào những năm tháng của một chiến sĩ chiến đấu cho tự do của dân tộc tôi, cho những “kẻ hạ đẳng” trong xã hội văn minh của thế kỷ 20.

Hội nghị thường niên của ANC cuối năm 1952 đã bầu vị Chủ tịch mới đầy sức sống và nghị lực: Thủ trưởng Albert Luthuli. Thời gian này, việc thay đổi ban lãnh đạo cũng đã hoàn thành. Những thành viên lãnh đạo Ban Chấp hành Đoàn được bầu vào cơ quan lãnh đạo ANC và họ đã góp phần quan trọng đưa tổ chức tiến trên con đường mới cấp tiến hơn, cách mạng hơn. Có mặt từ những ngày đấu tranh gian khổ của ANC, Luthuli thuộc lớp thủ trưởng chống đối kịch liệt chính sách phản động của các chính phủ phản động da trắng.

Hội ấy tôi đã không thể dự hội nghị quan trọng này. Trước khi hội nghị khai mạc ít ngày, trong phạm vi cả nước, có 52 cán bộ lãnh đạo ANC, trong đó có tôi, bị quản chế. Trong thời gian 6 tháng, chúng tôi không được tham dự vào bất cứ một cuộc khai hội nào, cuộc gặp mặt nào ở nơi công cộng. Tôi chỉ được di chuyển

trong phạm vi Johannesburg. Trên thực tế, nhà cầm quyền cầm chúng tôi không được gặp từ hai người trở lên.

Cuộc đời tôi hồi ấy chảy theo hai hướng: công việc của cuộc đấu tranh giải phóng của Đại hội Dân tộc Phi và nghề kiếm sống với tư cách là luật sư. Sau khi thi đỗ tốt nghiệp, lúc đầu tôi làm việc tại một số văn phòng luật sư da trắng có tư tưởng tự do, tiến bộ. Năm 1952 tôi mở văn phòng luật sư của riêng mình. Ít lâu sau Oliver Tambo trở thành đồng nghiệp của tôi. Bảng hiệu của chúng tôi ghi “Mandela và Tambo” gắn trước văn phòng nằm trên đường Chancellor tại nội thành Johannesburg.

Khách hàng đến văn phòng của chúng tôi rất đông. Đây là văn phòng duy nhất của các luật sư da đen, mặc dù Johannesburg có nhiều luật sư người Phi.

Người Phi đến văn phòng luật sư da đen nhờ bảo vệ quyền lợi cho họ trong ngõ vực. Chính quyền thực dân da trắng đổ lên đầu họ đủ thứ tội: tội đi qua một cái cửa chỉ dành riêng cho người da trắng ngay trong những tòa nhà văn phòng của các cơ quan chính quyền; tội lên xe bus chỉ dành riêng cho người da trắng trong thành phố; tội lấy nước ở máy nước, nguồn nước chỉ dành riêng cho người da trắng; tội đến một bãi biển chỉ dành riêng cho người da trắng phơi nắng và tắm biển; tội không mang theo giấy căn cước hộ thân khi ra khỏi nhà, đi trên đường phố; tội không có công ăn việc làm khi cảnh sát phát hiện khám giấy “sổ căn cước lao động”; tội sống ở những nơi không được phép cư ngụ và tội không có nơi che mưa nắng! Ngày này sang ngày khác, chúng tôi chứng kiến ngàn vạn sự nhục mạ của bọn cầm quyền da trắng đối với người da đen.

Tôi từng cùng thân chủ của mình đến văn phòng xử án cãi cho họ. Đối diện với những nguyên cáo tôi thường sử dụng chiến thuật đối chất trực tiếp trước bàn dân thiên hạ dự khán các phiên xử. Tôi còn nhớ một lần bảo vệ cho một thanh nữ da đen làm tạp vụ trong một gia đình da trắng. Cô bị tố cáo là ăn cắp đồ lót của cô chủ. Những thứ ấy hiện đang đặt trên bàn tang chứng ngay tại phiên tòa.

Sau khi “quý cô” trình bày xong với quý bà, với tư cách là luật sư bào chữa cho bị cáo, tôi sử dụng biện pháp đối chất. Tôi từ từ tiến đến bàn để vật làm chứng, dùng đầu nhọn của chiếc bút chì, khều một trong vài món đồ lót cũ kỹ để trên bàn, giơ lên cao. Đó là chiếc quần lót. Tôi đến trước mặt “quý cô”, nhìn thẳng vào mắt, hỏi: “Thưa cô, có phải cái này là của cô?” “Quý cô” mặt đỏ như gấc, nói nhanh trong hơi thở gấp: “Không!”. Mặt “quý cô” đỏ bừng và rất ngượng khi phải đối diện với sự thật quá tầm thường, quá nhỏ nhen này. Tòa đã buộc phải tuyên bố bị cáo vô tội!

Cùng với nhiều cán bộ lãnh đạo khác, tôi cho rằng chính quyền sẽ thắng tay đàn áp ANC mà khả năng xấu nhất nhưng rõ ràng là có cơ sở để nhận định như vậy, rằng người ta sẽ cấm ANC hoạt động bằng một đạo luật như đạo luật đặt đảng Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật như chúng đã làm. Tôi được tin nhiệm giao nhiệm vụ thảo bản kế hoạch hành động, đưa ANC vào hoạt động bí mật khi

cần thiết. Tôi đã gặp gỡ nhiều ủy viên Ban thường vụ ANC cùng nhau thảo ra những phương án và những biện pháp bảo vệ tổ chức một khi rút vào bí mật mà vẫn đảm bảo được sự hoạt động thông suốt từ cấp cơ sở đến các tỉnh thành lên trung ương. Bản kế hoạch đã được ANC thông qua với đa số tuyệt đối. Bản kế hoạch mang tên “Kế hoạch M”. Ba khóa huấn luyện về hoạt động bí mật đã được tổ chức cho tất cả cán bộ lãnh đạo ANC, từ chi đội đến trung ương để quán triệt kế hoạch hành động này.

Oliver Tambo có sức làm việc phi thường. Anh không bao giờ sợ tốn thời gian với khách hàng đồng bào của mình. Tình cảm của anh dành cho họ, sự kiên nhẫn của anh không chỉ nói lên trách nhiệm nghề nghiệp của một luật sư có nghĩa vụ bên vực lẽ phải. Anh đau nỗi đau của những người bị cướp đoạt hết mọi thứ, kể cả phẩm giá con người, ngay trên mảnh đất quê hương của mình.

Đồng bào da đen Phi nhanh chóng nhận ra “những vị luật sư da đen” có ý nghĩa thế nào đối với họ. Văn phòng của chúng tôi là nơi không bao giờ từ chối họ, lại càng không bao giờ lừa bịp họ. Họ đến đó và tự hào được những người cùng màu da “kiến thức uyên bác” bảo vệ bất kể họ thuộc loại sang hay hèn. Khi chứng kiến cảnh này, tôi bỗng nhớ lại nguyên nhân dẫn tôi đến trường đại học và khoa luật ngay từ khi tôi mới mười chín đôi mươi. Bây giờ thì tôi có thể thở phào nhẹ nhõm để nói rằng sự lựa chọn của mình thật đúng đắn biết bao.

Chúng tôi có nhiều khách hành đồng nghĩa với việc phải xuất hiện thường xuyên tại các phiên xử của tòa án các cấp. Ở tòa án cấp chúng tôi được tiếp đón một cách lịch sự, ở nơi khác quan tòa và cử tọa coi khinh. Trong con mắt của người da trắng thực dân người da đen chỉ là “bọn nhọ”. Chúng tôi đã thành công trong rất nhiều vụ kiện của thân chủ. Tuy nhiên chúng tôi ý thức được một cách rõ ràng dù có xuất sắc đến đâu thì chúng tôi cũng không bao giờ được trở thành “quan tòa của nhà nước”. Người Phi dưới con mắt của nhà cầm quyền dù làm bất cứ việc gì, dù là luật sư thì bao giờ cũng “kém cỏi” hơn người da trắng!

Không ít lần “nguyên cáo” da trắng trả lời chúng tôi trong các cuộc đối chất trước tòa. Đối với họ phải trả lời câu hỏi chất vấn của một “đứa da đen” - dù đó là một luật sư - là điều không thể chấp nhận. Không ít “chánh tòa” đồng lõa với những thái độ ấy của người da trắng. Họ không ngần ngại tìm mọi cơ hội gây khó dễ cho chúng tôi. Một lần “quý tòa” yêu cầu tôi xuất trình bằng luật sư. Thật ra chuyện đó không có gì lạ. Tôi trả lời chánh tòa: “Tôi là Nelson Mandela, luật sư, tôi có mặt tại phiên tòa xử với tư cách là người bào chữa cho thân chủ của tôi”. “Chánh tòa” hỏi: “Tôi không biết ông, và vì thế bằng luật sư của ông đâu?” Bằng ư? Đó là mảnh giấy in đẹp, có viền hoa văn và thường cất trong tủ hoặc treo trên tường nhà hoặc văn phòng chứ ai mang theo trong người! May mà tôi mang theo văn bằng và xuất trình cho ngài chánh tòa. Ấy vậy mà ông ta vẫn không khai mạc phiên xử. Tệ hơn nữa là khi ông ta yêu cầu nhân viên trật tự đưa tôi ra khỏi phòng xử án.

Đó là hành động vi phạm luật pháp. Tôi kiện chánh tòa lên tòa án tối cao. Ông chánh án đã phải làm cái việc bắt đắc dĩ là khiển trách vị chánh tòa kia, và giao cho tòa án khác mở phiên tòa mà tôi là luật sư bào chữa.

Là luật sư da đen hiển nhiên người ta không nhất thiết được công nhận ngoài phòng xử án. Một hôm tôi thấy một phụ nữ da trắng đã cao tuổi bị mắc kẹt trong chiếc xe hơi của bà giữa hai chiếc xe ngay trong khu đỗ xe trước văn phòng chúng tôi. Tôi đã đến tận nơi, dùng hết sức đẩy chiếc xe của bà ra khỏi “gọng kìm” của hai chiếc xe kia. Người đàn bà da trắng nhìn tôi, nói bằng tiếng Anh khá lịch sự: "Xin cảm ơn, John!". John là chữ nói đầu lưỡi của người Anh chỉ một người Phi mà họ không biết tên. Bà ta muốn “trả công” tôi đồng 5 xu, nhưng tôi đã lịch sự từ chối không nhận. Bà ta chìa đồng xu trước mặt tôi một lần nữa và tôi cũng từ chối lần thứ hai. Bỗng bà ta nói như hét lên: “Phải chăng từ chối đồng năm xu tức là ông đòi 1 bảng. Không có đâu nhé, 1 bảng là không thể, nghe chưa!”. Nói xong và ta ném đồng xu về hướng tôi và lên xe chạy thẳng.

Trong những năm hành nghề thầy cãi, những lần đến các thị trấn xa xôi bào chữa cho thân chủ của mình đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng không quên, thật cảm động. Lần tôi đến thành phố Calorina cách Johannesburg 150km là một kỷ niệm không bao giờ phai mờ. Khi tôi xuống xe trước tòa án, đồng bào da đen của tôi đã sung sướng, vui mừng biết bao. Họ đón tiếp tôi như một ân nhân, một anh hùng. Trong đời của họ chưa bao giờ nhìn thấy một luật sư da đen đến pháp trường bào chữa và bảo vệ một “bị cáo” da đen. Chánh tòa và các ủy viên công tố cũng tỏ ra thân thiện với tôi. Họ chào mừng tôi theo nghi thức dành cho một luật sư. Chánh tòa và các ủy viên công tố còn dè dặt giờ khai mạc phiên tòa để hỏi thăm tôi. Họ muốn biết vì sao và làm cách nào mà tôi chọn và hành nghề khó khăn này thành công. Phòng xử án đầy cử tọa tò mò. Họ đến đông hơn bất cứ phiên tòa nào trước đó và trên khuôn mặt ai cũng lộ rõ niềm vui.

Tôi bào chữa cho một thầy lang chữa bệnh trong một làng gần đó. Ông bị kiện là dùng phép thuật tà ma để chữa trị. Ngoài lý do “xem ông luật sư da đen” người ta kéo đến dự phiên xử rất đông còn để xem thử luật lệ của nhà nước da trắng có hiệu lực đối với “con ma” hay không. Ông lang vốn có ảnh hưởng rất lớn trong vùng. Rất nhiều người kính trọng nhưng đồng thời cũng rất sợ ông. Trong khi tòa đang tranh luận, ông lang bỗng hắt hơi rất to. Cử tọa la ó, tìm cách chạy khỏi phòng xử án trong hỗn loạn, bởi vì họ cho rằng ông lang - thân chủ của tôi - đang dùng thứ ngôn ngữ mà quỷ để trao đổi với luật sư. Phiên tòa kết thúc mà phần thắng thuộc về thân chủ của tôi. Thế nhưng nhiều người dự khán phiên xử không cho rằng kết quả ấy là do lý lẽ xác đáng của luật sư bào chữa, mà là do sự huyền ảo của những vị thuốc ông lang sử dụng trong khi chữa bệnh, nay được ông đưa vào văn phòng xử án!

Năm 1954, chính phủ Nam Phi lại ra lệnh quản chế tôi một lần nữa “do những hoạt động chống chính phủ”. Chưa hết. Hội luật gia bị giật giây và gây sức ép yêu

cầu tòa án tối cao “rút phép hành nghề” của tôi, khai trừ tôi khỏi tổ chức. Tội danh mà họ đưa ra là hoạt động chính trị, “vi phạm pháp luật” từng bị đưa ra tòa trong vụ án “bất tuân thủ luật pháp” và “thái độ coi thường danh dự nghề nghiệp”. Sự kiện này diễn ra vào thời kỳ văn phòng “Mandela-Tambo” đang gặt hái thành công giòn giã, hiện diện ở khắp các phiên tòa, bảo vệ thân chủ thành công liên tiếp.

Điều ngạc nhiên thú vị làm tôi rất cảm động là không chỉ các luật sư da đen nổi tiếng tuyên bố sẽ “ra hầu tòa” để bào chữa cho tôi, mà nhiều luật sư danh tiếng người Buren - đồng bào của những kẻ cầm quyền với những đạo luật phản động đẫm máu vô nhân đạo ở Nam Phi lúc bấy giờ - đã liên tiếp gửi thư khẳng định với tôi rằng họ sẽ ra tòa bảo vệ tôi. Thực tế sinh động này đã báo cho tâm thức tôi điều này: Ngay trong lòng nhà nước Apartheid tẻ nhạt nhất thế giới là Nam Phi, tình đoàn kết nghề nghiệp vẫn có đủ sức mạnh vượt qua hàng rào cản của màu da. Hơn thế, đất nước này dù chìm trong máu lửa của nạn khủng bố nhân danh luật pháp, vẫn có những luật sư từ chối làm công cụ cho một chính quyền vô đạo đức và vô đạo lý.

Chủ tịch Hội Luật gia Johannesburg, Walter Pollack, được trao nhiệm vụ người bảo vệ chính của tôi trước tòa. Bạn bè và Hội khuyến nghị nên chọn thêm một luật sư thứ hai, một người không liên quan và dính dáng gì đến cuộc đấu tranh của ANC. Làm như vậy có thể tạo tác động tích cực cho án quyết của tòa án tối cao. Sau khi tham vấn ý kiến của đồng nghiệp, tôi quyết định mời luật sư William Aaronsohn, người đứng đầu một văn phòng luật sư lâu năm nhất ở Johannesburg là người bảo vệ thứ hai. Hai ông bảo vệ quyền lợi của tôi mà không yêu cầu một khoản chi phí nào.

Lập luận của chúng tôi thống nhất khẳng định bản kiến nghị của Hội đồng Luật gia Johannesburg chống lại tinh thần công lý, và tôi hoàn toàn có quyền đấu tranh cho lòng tin chính trị của mình. Đó là quyền mà mọi công dân trong nhà nước pháp quyền được hưởng.

Chánh tòa Ramsboottom chủ tọa phiên xử này quả thật đã trở thành mẫu mực của một quan tòa khi ông từ chối làm cái loa cho những người dân tộc chủ nghĩa, bằng cách dương cao ngọn cờ công lý. Án quyết ông đưa ra trong phiên xử này hoàn toàn trùng hợp với lập trường của chúng tôi, rằng tôi hoàn toàn có quyền đấu tranh cho lòng tin chính trị của mình, cho dù cuộc đấu tranh ấy chống lại chính quyền đương thời. Ông đã bác bỏ đơn của Hội luật gia Johannesburg và buộc họ phải chịu toàn bộ chi phí của phiên tòa. Tuy nhiên chính quyền vẫn giữ nguyên lệnh quản chế tôi.

Trong các năm 1954-1955, nhà cầm quyền thi hành Luật đuổi người da đen ra khỏi những vùng “được giao cho người da trắng”. Quận Sophiatown ở Johannesburg nằm trong khu vực đuổi dân cư đầu tiên của chính quyền Malan.

Cũng năm đó, Bộ trưởng Giáo dục, tiến sĩ Handrik Verwoerd - một kẻ từng đứng về phe nước Đức Hitler trong đại chiến thế giới lần thứ hai - đã dọn đường cho một đạo luật giáo dục phản động mới khi ông ta tuyên bố: “Sự nghiệp giáo dục phải đào tạo ra những con người và dạy dỗ họ phù hợp với các điều kiện sống của họ”. Vậy là đã rõ. Ngài bộ trưởng cho chính sách phản động của chính quyền Apartheid khi ông ta “lý giải” rõ ràng hơn rằng người Phi da đen không có cơ hội và sẽ không bao giờ có, vậy thì đào tạo họ để nhằm mục đích gì! Ngài bộ trưởng còn nói cụ thể hơn rằng người Phi không bao giờ có điều kiện gia nhập cộng đồng người Âu, ngoài sức lao động của họ. Tóm lại người Phi chỉ có thể trở thành những công cụ sống và người ta chỉ cần đào tạo họ bằng lao động thực tế và bao giờ họ cũng là tầng lớp dưới người da trắng.

Đạo luật của Verwoerd không chỉ cướp quyền được giáo dục, đào tạo của người da đen mà nó còn xóa bỏ mọi tiến bộ của nền văn hóa Phi và qua đó tiêu diệt cuộc đấu tranh cho tự do của nhân dân Nam Phi. Cuộc chiến đấu chống đạo luật phản động giáo dục - đào tạo bùng nổ khắp các vùng lãnh thổ của đất nước. Người phi đã phải tìm những con đường khác nhau nhằm tiếp tục tạo điều kiện cho con em được học hành. Tương lai của nước Nam Phi dân chủ và tự do không thể đặt vào tay những người mù chữ. ANC và các tổ chức của người Phi gốc Ấn, và của những người cộng sản đã thành công trong hoạt động tổ chức phong trào phản kháng trong toàn quốc, tẩy chay triệt để đạo luật ngu dân, và tổ chức cho con em mình được tiếp tục học hành, cho dù những điều kiện cực kỳ khó khăn.

Trong năm này, Ban chấp hành ANC đã đặt vấn đề cải tổ các hoạt động của cuộc đấu tranh giải phóng. Đã đến lúc phải đặt vấn đề mở Đại hội quốc dân với sự tham dự của tất cả mọi tầng lớp nhân dân Nam Phi, không phân biệt màu da, chủng tộc nhằm soạn thảo Bản Hiến chương tự do cho một Nhà nước Nam Phi dân chủ trong tương lai.

Một hội đồng của Đại hội quốc dân được thành lập do chủ tịch ANC, Luthuli đứng đầu. Đại hội quốc dân có nhiệm vụ vạch ra một loạt nguyên lý cho việc ra đời một Nhà nước Nam Phi mới. Những đề nghị cho sự hợp tác này phải được các tầng lớp nhân dân đề xuất. Các cấp lãnh đạo ANC tại tất cả các địa phương trong nước được giao trách nhiệm tiếp nhận mọi ý kiến của cá nhân và tổ chức của mọi miền đất nước. Hiến chương phải là một văn kiện được tác thành từ những ý kiến của nhân dân.

Đại hội quốc dân đại diện cho một của hai trào lưu đang diễn ra trong ANC. Chắc chắn việc sẽ xảy ra là nhà cầm quyền phân biệt chủng tộc ra đạo luật cấm ANC hoạt động. Trước tình hình đó, nhiều cán bộ lãnh đạo ANC lập luận rằng tổ chức phải chuẩn bị chu đáo để kịp thời rút vào hoạt động bí mật, tức là hoạt động bất hợp pháp. Nhưng đồng thời chúng tôi không muốn từ bỏ những hoạt động chính trị công khai từng nâng uy tín của ANC trong quần chúng đông đảo. Đại hội quốc dân cần phải thể hiện sức mạnh của mình. Chúng tôi kỳ vọng Đại hội quốc

dân sẽ trở thành sự kiện có ý nghĩa trong lịch sử của cuộc đấu tranh cho tự do ở Nam Phi là một khối đoàn kết thống nhất của những người bị áp bức bóc lột, đàn áp với tất cả các lực lượng tiên bộ ở Nam Phi, nhằm tạo ra bước ngoặt quyết định đưa đất nước đến một sự đổi thay cơ bản. Chúng tôi kỳ vọng một ngày nào đó nhớ đến mở Đại hội quốc dân như nhớ đến ngày ra đời của Đại hội Dân tộc Phi năm 1912 ấy!.

Nhằm thực hiện thành công mục tiêu cao cả này, ANC đã chủ trương thu hút càng nhiều tổ chức và cá nhân ủng hộ chính sách này càng tốt. ANC đã mời 200 tổ chức của người da đen, da màu, da trắng, người Phi gốc Ấn trong toàn quốc cử đại biểu đến dự hội nghị trừ bị tháng 3 năm 1954 tại Tongaat. Ủy ban hành động quốc gia ra đời tại cuộc Hội nghị trừ bị Tongaat gồm 8 thành viên của bốn cột trụ chính. Chủ tịch Ủy ban phối hợp hành động là Luthuli, chủ tịch ANC. Ban thư ký gồm đại diện của bốn tổ chức chính được coi là trụ cột của Đại hội quốc dân sau này.

Ủy ban phối hợp hành động đã gửi lời kêu gọi đến các tổ chức, và cá nhân góp ý kiến bằng cách gửi những đề nghị về bản Hiến chương cho Ủy ban.

Sự hưởng ứng của quần chúng vô cùng rầm rộ. Điều đáng xấu hổ là những ý kiến của người dân bình thường không chỉ nhiều hơn mà nội dung phong phú hơn nhiều so với ý kiến của các nhà lãnh đạo. Người dân đã thật sự coi mình là người chủ của quê hương, người quyết định tương lai của chính mình.

Trên cơ sở của những đề nghị này, Ủy ban phối hợp hành động soạn thảo Hiến chương và sau đó chuyển cho Thường vụ ANC thẩm định. Hiến chương sẽ được đưa ra Đại hội quốc dân thảo luận và sẽ được thông qua từng điểm, từng điều khoản.

Đại hội quốc dân họp trong hai ngày đầy nắng gió, bầu trời trong xanh: 25 và 26/6/1955. Bất chấp sự ngăn cản, đe dọa của cảnh sát dã chiến, cảnh sát vũ trang chống bạo động nhan nhản trên mọi góc phố. 3.000 đại biểu đã đồng thanh nhất trí thông qua văn kiện lịch sử này. Người da đen chiếm đại đa số trong 3.000 đại biểu dự Đại hội. Nhưng cũng đã có 300 người Phi gốc Ấn, 200 người da màu khác và 100 người da trắng đến Đại hội với tất cả tinh thần trách nhiệm với đất nước.

Như đã đánh hơi được nguy cơ cho chế độ Apartheid, chính quyền Malan đã bật đèn xanh cho những đơn vị cảnh sát dã chiến phá hàng rào danh dự, xông vào hội trường dùng súng uy hiếp các thành viên Đoàn chủ tịch và các diễn giả. Chúng công khai tuyên bố đây là “hội kín” âm mưu làm loạn, lật đổ chính phủ hợp hiến nhằm thành lập nhà nước cộng sản, và vì vậy phải bị trừng trị trước tòa án. Cuộc khủng bố trắng trợn và công khai này báo trước những cuộc khủng bố tàn bạo trong thời gian tới trong phạm vi cả nước.

Cho dù Đại hội Quốc dân bị giải tán bằng vũ lực một cách tàn bạo và thô bỉ, bản Hiến chương được nhất trí thông qua trở thành “người dẫn đường” cho cuộc đấu tranh vì tự do của nhân dân Nam Phi. Như những văn kiện mang tính lịch sử

khác, như Tuyên ngôn độc lập của Hợp chủng quốc, Tuyên ngôn nhân quyền Pháp và Tuyên ngôn Đảng cộng sản, Hiến chương tự do của Đại hội Quốc dân Nam Phi là sự pha trộn các mục tiêu chính trị và ngôn ngữ văn học. Hiến chương đòi xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc, khẳng định các quyền bình đẳng cho mọi công dân. Hiến chương thiết tha kêu gọi và chào đón tất cả những ai đấu tranh cho tự do hãy tham gia vào việc thành lập một nước Nam Phi dân chủ, không phân biệt màu da, sắc tộc.

Một số thành viên ANC trong Đại hội Quốc dân từng chống những người cộng sản và người da trắng phản ứng với bản Hiến chương. Họ cho rằng bản Hiến chương này nhằm khai sinh một nước Nam Phi khác không giống với hình hài một nhà nước Nam phi mà ANC chủ trương và đã đấu tranh gian khổ nhiều chục năm nay cho nó. Họ nói rằng những người cộng sản và người của Đại hội của những người dân chủ chiếm vai trò quan trọng trong Đại hội, và hệ tư tưởng của họ đã ảnh hưởng trực tiếp đến tư tưởng của Hiến chương. Tháng 7 năm 1956, tôi đã viết trên tờ Liberation, chứng minh rằng Hiến chương ủng hộ quyền tư hữu tư liệu sản xuất, cho phép phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, và đó là lần đầu tiên người Phi da đen có quyền đó. Hiến chương đảm bảo cho người Phi một khi giành được tự do, có đủ mọi điều kiện mở cửa hàng kinh doanh bằng chính tên của mình, có thể trở thành chủ hãng và những nhà tư bản giàu có. Văn kiện không hề đề cập đến việc xóa bỏ giai cấp và sở hữu tài sản, cũng không ủng hộ việc xóa chiếm đoạt tài sản công hữu cũng như các phương tiện sản xuất. Còn như việc quốc hữu hóa hầm mỏ, nhà băng và các ngành công nghiệp độc quyền trong tay những kẻ lũng đoạn chính là một biện pháp cần tiến hành để nền kinh tế không tập trung trong tay người da trắng, và chỉ do họ điều hành mà thôi.

Trên thực tế, Hiến chương là một văn kiện cách mạng, bởi vì tất cả những yêu sách này sẽ không bao giờ trở thành hiện thực nếu không có những thay đổi cực đoan cơ cấu kinh tế và chính trị ở Nam Phi. Đó không phải là chủ nghĩa xã hội, cũng không phải là chủ nghĩa tư bản mà là một hình mẫu tổng hợp đúc kết từ những yêu sách của nhân dân đòi chấm dứt tất cả mọi hình thức áp bức của con người đối với con người. Ở Nam Phi chỉ có đập tan chủ nghĩa Apartheid, biểu tượng nhục nhã của mọi bất công, bất bình đẳng xã hội, thì mới có thể tạo được sự biến đổi mang tính cách mạng.

Đầu tháng 9 năm 1955, sáu tháng bị quản chế của tôi hết hạn. Tôi đã quyết định thực hiện “chuyến du lịch nghỉ ngơi” về quê hương đất mẹ của tôi thuở ấu thơ. Nói là “chuyến du lịch nghỉ ngơi” song sự thật là chuyến công tác đặc biệt nhằm mục đích củng cố tổ chức các cơ quan ANC địa phương, bàn bạc với các địa phương những biện pháp chống cướp đất trắng trợn của chính quyền Apartheid theo một đạo luật cực kỳ phản động mới, tạo điều kiện cho 4 triệu người da trắng cướp 87% đất đai ở Nam Phi, trong khi 10 triệu người Phi chỉ còn lại 13% đất đai các vùng khô cằn.

Khi rời quê hương cách đây 19 năm, tôi chỉ là chàng võ sĩ “hạng lông”. Nay ở tuổi 38, tôi đã là võ sĩ “hạng bán nặng” ở cả khía cạnh cơ thể lẫn trách nhiệm chính trị trên vai.

“Một mình một ngựa” (tức là tự lái xe hơi, vốn là nghề của tôi đã từng học cho bằng được để làm người đưa thư cho các lãnh tụ ANC trong cả nước trong những năm trước đây) tôi trở lại quê nhà với hành trang quan trọng.

Đêm trước cuộc hành trình, bạn bè đồng nghiệp và các đồng chí trong ANC quây quần trong ngôi nhà khiêm tốn của gia đình tôi. Khi mọi người tạm biệt ra về thì đã nửa đêm. Con gái Makaziwe, hai tuổi, tỉnh giấc, bò lại bên tôi. Cháu hỏi rất khê: “Ba cho con đi cùng được không?”. Tôi đã không có nhiều thì giờ cho gia đình, vì vậy câu hỏi của đứa con gái thơ ngây như mũi kim nhói trong tim mình. Tôi bỗng cảm thấy chuyến đi chờ đợi bao lâu kém hẳn niềm vui. Tôi ôm cháu vào lòng, hôn lên đôi má thơm mùi sữa và ẵm cháu đến chiếc giường con xinh xắn. Khi cháu đi vào giấc ngủ đều đều, tôi tiếp tục các công việc chuẩn bị cho chuyến đi.

Tôi ra đi trong đêm còn tối mịt. Một mặt, tôi không muốn giáp mặt với những tên cảnh sát trên các trạm dọc đường mặt khác tôi thích được một mình ngắm bầu trời đẹp tuyệt vời trong phút bình minh trên những cánh đồng bát ngát của quê mẹ tôi.

Xe chạy bon bon trên đường thiên lý, qua những cánh rừng, đồi trọc, những địa hình ngày trước người Buren và người bộ tộc Zulu đã đánh cho thực dân Anh những trận chí tử. Tôi bỗng phát hiện ra rằng nơi này, nơi khác sẽ là địa điểm trú quân lý tưởng của đoàn quân giải phóng Nam Phi trong tương lai rất gần. Tôi dừng xe tại các thành phố, thị trấn, làm việc với cán bộ ANC tại các địa phương.

Đêm đầu tiên đến thành phố York Road, sau khi gặp gỡ chiến hữu bàn bạc những đối sách, nhiệm vụ cụ thể của tổ chức, tôi đến quán trọ nghỉ đêm. Tôi dậy sớm, ra quán uống cà phê cho tỉnh táo để tiếp tục cuộc hành trình. Hai tù trưởng địa phương xuất hiện ngoài kế hoạch. Họ cần ý kiến chỉ đạo của ban lãnh đạo ANC về đạo luật đất đai của Malan mới ban hành. Khi chúng tôi đang trò chuyện với nhau thì chủ quán - một phụ nữ - bước vào, nói trong hơi thở pha chút lo lắng, sợ hãi:

- Có một người muốn gặp ngài Mandela.

Người đó đã đứng trước mặt tôi. Một người da trắng. Ông ta hát hàm hương về tôi:

- Ông là Nelson Mandela?

Ông ta giới thiệu tên và chức vụ. Đó là một sĩ quan thuộc “đơn vị an ninh” - một tên điệp ngầm mặc áo quần thường phục.

- Ai muốn biết tên tôi vậy? Tôi đáp ngay tức khắc.

- Tôi muốn được kiểm tra giấy công vụ của ông. Tôi nói tiếp với giọng cương quyết, không hề mất bình tĩnh trước ông ta. Ông ta buộc phải rút thẻ công vụ và

chìa ra trước mắt cho tôi xem. Tôi ung dung nói tiếp: “Phải, tôi là Nelson Mandela đây!”. Ông ta nói với tôi rằng chỉ huy của ông muốn diện kiến tôi. Tôi nói rằng nếu ông chỉ huy muốn gặp tôi thì ông ta cứ đến đây, tôi sẵn sàng tiếp ông ta. Viên cảnh sát ra lệnh cho tôi đi theo hắn đến gặp chỉ huy ở trụ sở cảnh sát. Tôi hỏi y phải chăng tôi bị bắt. Hắn nói rằng không phải thế.

- Vậy thì trong trường hợp này, - tôi nhấn mạnh - tôi sẽ không đi đâu hết!

Sự từ chối dứt khoát của tôi làm y tỏ ra bối rối, nhưng y cũng nhanh chóng nhận ra rằng tôi không hề vi phạm pháp luật. Y đổi chiến thuật bằng cách đặt ra hàng loạt câu hỏi: tôi rời Johannesburg từ lúc nào; tôi đến thăm những nơi nào; tôi gặp những ai, ở đâu, về việc gì; liệu tôi có giấy phép lưu lại vùng Transkei hay không và sẽ lưu lại đó bao lâu... Tôi chỉ nói ngắn gọn với y rằng Transkei là quê cha đất tổ của tôi, và vì thế tôi không cần xin phép ai về thăm quê và tôi muốn lưu lại bao nhiêu lâu ở đó là quyền của tôi. Tên khiêu khích bực tức ra mặt nhưng không còn cách nào khác là lùi ra ngoài.

Cả hai tù trưởng từ ngạc nhiên đến ngỡ ngàng trước thái độ của tôi khi đối diện với tên cảnh sát da trắng. Họ phê phán “sự thô thiển quá đáng” của tôi. Tôi phải nói cho họ hiểu rằng tôi chỉ đối xử với người da trắng kia như chính y đã đối xử với tôi mà thôi. Hai tù trưởng xem ra vẫn không tin những gì tôi nói và tôi nghĩ rằng họ coi tôi là “kẻ ám đầu”. Đó là những nhân vật tôi có nhiệm vụ gặp gỡ, thuyết phục họ phản đối luật cướp đất của người Phi, trong đó có hàng trăm thân dân của họ. Vậy là hình như tôi đã không phải con người tạo ra cho họ ấn tượng tốt. Từ vụ này tôi ý thức được rất rõ rằng mình đã trở thành một con người hoàn toàn khác khi trở về quê hương so với tôi 19 năm trước khi rời quê hương ra đi.

Từ buổi sáng hôm đó, cảnh sát dường như không bao giờ rời hành trình của tôi trong suốt thời gian tôi ở Transkei. Chúng còn dọa những ai yếu bóng vía rằng hãy tránh xa Mandela nếu không muốn rơi vào tai họa.

Từ Transkei, tôi nhanh chóng hướng về Qunu, ngôi làng nghèo nơi tôi ra đời và lớn lên những năm tuổi thơ. Nơi đó hiện mẹ tôi đang sống một mình. Khi tôi về đến nhà thì mẹ tôi đã đi ngủ. Tôi đánh thức Người dậy. Hai mẹ con ôm nhau trong nước mắt, và là nước mắt của niềm vui gặp lại sau gần 20 năm xa cách. Tôi ở lại với mẹ nhiều ngày. Mẹ đã già lắm rồi, nhưng khi tôi ngỏ ý kiến đón Người đến Johannesburg với con cháu thì Người nói rằng Người không thể bỏ quê hương, những người thân yêu nhất đã nằm xuống sâu dưới lòng đất mà không có người hương khói. Tạm biệt mẹ, lòng tôi đầy âu lo. Lo cho mẹ, lo cho phong trào còn quá mỏng, cán bộ còn quá non và nhất là lập trường của các tù trưởng quá khác biệt nhau đối với đạo luật cướp đất của chính quyền da trắng. Họ khó có thể là chỗ dựa nói gì đến việc bảo vệ những nông dân chân lấm tay bùn.

Tôi cũng đã về thăm người mẹ thứ hai của mình, NoEngland - vợ của tù trưởng cha nuôi của tôi. Hai người đã coi tôi như con trai của họ và đóng góp phần quan trọng cho sự trưởng thành của tôi. Bà vẫn như xưa, vẫn chân tình và

coi tôi như đứa con ruột của mình. Tôi được biết Justice, con trai của bà, người được kế tục tước vị tù trưởng của cha, đã bị chính quyền da trắng bãi chức như cha tôi trước kia. Justice đã đứng về phía những người nghèo khổ, vì vậy dù bị bãi chức người dân vẫn coi anh là tù trưởng của họ.

Chuyến về thăm quê hương của tôi đã tạo điều kiện cho tôi hình dung được khoảng cách về không gian mình đã trải qua và chắc chắn còn có ích cho công việc trong tương lai. Tôi đã tận mắt so sánh đồng bào mình đã sống ra sao và gần hai mươi năm sau đang sống thế nào, trong khi bản thân tôi đã được nhìn thấy, được sống, và hoạt động trong “nhiều thế giới khác nhau” với những ý tưởng luôn mới mẻ. Một lần nữa, tôi hiểu ra rằng những gì mình quyết định cách đây gần 20 năm là đúng đắn. Nếu tôi vẫn ở lại quê nhà thì giờ đây tôi không khác gì những đồng bào của mình, tôi không thể sở hữu những gì mình đang có, không có tầm nhìn chính trị và thời cuộc mà chỉ là như người bại liệt. ANC còn quá nhiều việc phải làm để thức tỉnh hàng triệu người ở các vùng quê xa xôi phải tiếp tục sống trong tăm tối, tủi nhục.

Giữa buổi sáng, tôi lên đường về hướng Kasptadt. Tôi chưa từng chạy xe trên con đường nối Port Elisabeth và Kapstadt. Phong cảnh hai bên đường thật ngoạn mục. Trời khá nóng, nhưng màu xanh ngút ngàn hai bên đường làm dịu mọi cảm giác nặng trĩu. Lần đầu tiên tôi như được sống trong cảnh quan đẹp hơn trong chuyện cổ tích ngay trên quê hương mình. Một đất nước tuyệt vời như trên thiên đường này lại chỉ là sở hữu của người da trắng và không bao giờ với tới với người da đen là vì sao? Chẳng phải tất cả những gì trên mảnh đất này là của người Phi đó sao? Thế mà chỉ việc được sống trong vùng cảnh quan này thôi đối với tôi cũng là chuyện xa vời, không tưởng như việc mình trở thành nghị sĩ trong Nghị viện nước Nam Phi phân biệt chủng tộc tệ hại này.

Tôi tới Kapstadt vào lúc 23 giờ, lưu lại đây hai tuần. Tôi đến thăm tòa soạn tờ New Age, “hậu duệ” của tờ báo cùng tên của ANC bị chính quyền đình bản ít lâu trước đó. Tổng biên tập tờ báo cánh tả này là một phụ nữ có cảm tình với ANC. Đó là buổi sáng ngày 27/9. Khi mới bước vào cửa, tôi đã nghe thấy tiếng la hét đầy phần nộ của Fred Carneson, giám đốc kỹ thuật và sau đó là tiếng va đập của dụng cụ, bàn ghế và cuối cùng là giọng trích thượng rửa những tên cảnh sát và đủ loại cá chim cá nổi của bộ máy kìm kẹp. Chúng khám tòa soạn. Tôi nhẹ nhàng lùi lại và nghĩ rằng những gì mình dự báo đang trở thành sự thật: bộ máy nổi, chìm của bọn an ninh đã được lệnh ra tay. Đó là sự mở đầu của một chiến dịch khủng bố tàn bạo và đẫm máu nhất trong lịch sử Nam Phi dưới quyền cai trị của những tên phân biệt chủng tộc tệ hại nhất. Chúng được lệnh tịch thu mọi tài liệu, giấy tờ và mọi phương tiện mà chúng gọi là “bằng chứng về những âm mưu bạo loạn và lật đổ là phản quốc”. Chúng đổ tội cho bất cứ ai chúng muốn bắt là vi phạm luật cấm đảng Cộng sản được ban hành ngay sau khi Malan lên cầm quyền. Trong cả nước đã có 500 nhà, văn phòng của trí thức, những người có tư tưởng dân chủ,

tiền bộ bị khám xét. Văn phòng của chúng tôi, phòng khám bệnh của nhiều bác sĩ da đen có chân trong ANC, và ngay cả nơi hành lễ của linh mục Huddleston cũng phải chịu chung số phận.

Chiến dịch khủng bố trùm bóng đen của nó lên chuyên công cán của tôi đến Kapstadt. Nó mở đầu một bước còn tàn bạo hơn của chiến dịch toàn diện chống phá và tiêu diệt mọi lực lượng chống đối hoặc chỉ không đồng tình với chính sách của chính phủ Malan. Sẽ diễn ra những cuộc bắt bớ, quản chế, quản thúc lớn và tôi chắc chắn không thoát khỏi. Cách đây vài ngày, khi mới đến Kapstadt, một hình ảnh bất bình thường diễn ra ngay trên đường phố đọng mãi trong ký ức tôi. Tôi thấy một phụ nữ da trắng còn trẻ đang chăm chú nhặt những cái xương cá trên đường trong một ngõ hẻm. Chị ta hẳn là người nghèo, ăn mặc xộc xệch. Và chị không có nơi dung thân. Tôi biết có những người da trắng nghèo, nghèo như người da đen. Có điều là người ta ít gặp họ trên đường phố. Cảnh người da đen rách rưới ăn xin là việc thường nhật, nơi nào cũng có. Nhưng một phụ nữ da trắng trẻ tuổi đi ăn xin quả thật đã làm tôi ngỡ ngàng. Thường thì tôi ít cho người ăn xin da đen, nhưng lúc này có cái gì đó thôi thúc tôi nhất thiết phải cho người đàn bà bất hạnh kia chút tiền. Chế độ Apartheid đẩy người da đen vào thảm cảnh bĩ cực là “chuyện đương nhiên, chẳng có gì phải nói”. Nhưng trước cảnh tượng một phụ nữ da trắng lam lũ, đói khát phải làm cái việc ăn xin không còn biết nên bình luận thế nào nữa. Trắng mà nghèo cũng là một bi kịch chua chát vậy thay!

Ngay sau khi trở lại Johannesburg, tôi đã tường trình đầy đủ những gì nắm được trong chuyến công cán đến vùng Transkei. Những gì tôi báo cáo không có nhiều lạc quan. Transkei không có tổ chức ANC mạnh. Lực lượng của cảnh sát có thể làm cho hoạt động của tổ chức ở đây tê liệt không mấy khó khăn. Tôi đề xuất nên “tương kế tựu kế” trong việc đối phó với đạo luật phản động của chính quyền chiếm đất của người da đen. Đề nghị của tôi không được hưởng ứng.

Chính phủ Nam Phi của Malan không chỉ chiếm đất của người Phi da đen. Với một hệ thống chính sách phân chia nhiều vùng nông thôn thành các đơn vị hành chính nhỏ, một mặt, chế độ Apartheid vừa cướp đất vừa chia rẽ các vùng theo chính sách “muôn thuở” chia để trị”; mặt khác, chúng dành cho những tù trưởng, những người Phi đại diện quyền lợi cho chính quyền da trắng những ưu đãi để có thể trở thành tầng lớp trung lưu sẵn sàng hợp tác với chính quyền chống lại nhân dân. Tình hình này sẽ còn gây nhiều khó khăn chông chát cho tổ chức ANC tại các vùng nông thôn rộng lớn khắp cả nước.

Với chính sách thành lập mô hình cho “sự phát triển riêng của từng vùng”, nhà nước Nam Phi đang thực hiện chế độ “Grand Apartheid” - nghĩa là “Apartheid lớn”.

Trên đường từ Kapstadt trở về Johannesburg, xe tôi chạy bon bon khá nhanh. Tôi về đến nhà mình trước bữa ăn tối. Các con tôi đã vui mừng gọi to tên tôi như chúng đã phải xa tôi nhiều năm. Chúng biết bố sẽ có quà cho từng đứa. Tôi chia

quà cho các con và không ngừng trả lời đủ các câu hỏi của chúng. Đương nhiên không thể gọi đó là “chuyến nghỉ phép dưỡng sức”. Tuy nhiên, hiệu quả và tác động thì thật phù hợp: tôi cảm thấy mình như trẻ ra đang trong tư thế sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới chắc chắn là gay go, gian khổ và ác liệt hơn những gì tôi đã trải qua trong gần 20 năm qua.



Những năm tháng gian khổ

N hưng tôi đã tính toán chính mình thay đổi cơ bản tình cảnh bị giam lỏng của mình. Khi bị quản chế, lần đầu tiên tôi đã lập kế hoạch theo quy luật hoạt động của những kẻ theo dõi mình. Giờ đây thì tôi không quan tâm đến quy luật hoạt động của bọn này nữa. Tôi không nghĩ đến việc để cho kẻ thù quyết định những việc tôi phải làm cho sự nghiệp mà tôi đã và đang theo đuổi. Để cho kẻ thù quyết định những hoạt động của mình có khác gì tự mình nhận lấy sự thất bại và tôi quyết định không để cho mình trở thành người gác ngục của chính mình.

Ngày 5 tháng chạp năm 1956, từ sáng tinh mơ tôi đã nghe tiếng đập cửa ầm ầm. Một tên sĩ quan an ninh và hai tên cảnh sát đứng án trước cửa. Chúng đọc lệnh khám nhà tôi. Khám xong chúng công bố lệnh của “nhà cầm quyền” bắt tôi. Trong ngày hôm đó, cùng bị bắt với tôi còn có 155 người khác nữa. Gần như toàn bộ ban chấp hành ANC bị sa lưới.

Vào lúc bọn chúng khám nhà, thu hết mọi giấy tờ trong nhà tôi thì các con tôi thức dậy. Tôi nghiêm khắc nhìn các cháu với ngụ ý bảo các cháu hãy bình tĩnh. Các con tôi nhìn bố với ánh mắt đầy thông cảm và khích lệ pha sự an ủi. Ánh mắt của các cháu cũng nói rất rõ ràng chúng cần được bảo vệ. Bọn cảnh sát lục lọi không sót một xó xỉnh nào. Sau gần một giờ lục lọi, tên sĩ quan mới mở mồm về hống hách: “Mandela, chúng tôi có lệnh bắt ông. Ông phải đi theo chúng tôi!”. Khi tôi đưa mắt lướt qua lệnh bắt chỉ thấy vền vện một chữ: HORVENROGRAAD - có nghĩa là phản quốc.

Thật chẳng hay ho chút nào khi chúng bắt tôi trước mắt các con mình. Trẻ con làm sao hiểu được những sự kiện dẫn đến hành động này. Chúng chỉ biết rằng cha chúng bị bắt mà không có một sự lý giải nào.

Viên sĩ quan ngồi sau tay lái. Tôi ngồi bên cạnh y, tay không bị còng số 8. Y còn có nhiệm vụ khám văn phòng của chúng tôi và bây giờ chờ tôi đến đó. Để vào trung tâm Johannesburg, xe phải chạy trên một con đường vắng, qua một khu đất trống không có nhà ở. Tôi hỏi y:

- Điều gì sẽ xảy ra khi tôi khóa cổ ông lại, ông sĩ quan.

Viên sĩ quan chẳng biểu lộ ngạc nhiên nhỏ nào:

- Ông sẽ chơi với lửa đó, Mandela ạ! Nếu ông tiếp tục nói kiểu đó thì tôi sẽ khóa tay ông lại đấy!

- Và nếu tôi từ chối không để cho ông làm việc đó?

Cuộc đối thoại lạ lùng này kéo dài vài phút và khi xe vào đến khu dân cư, viên cảnh sát nói: “Ông Mandela, tôi đã đối xử tốt với ông và tôi chờ đợi ở ông sự đối xử tương tự. Tôi không khoái trò khôi hài ấy đâu!”.

Tôi lại được đưa đến Marshall Square, (nơi tôi từng bị tổng giam vào năm 1952) sau khi chúng khám xét văn phòng của chúng tôi. Khi đến đó tôi đã thấy nhiều đồng chí của mình. Vậy là họ bị bắt còn sớm hơn tôi. Trong những giờ tiếp theo, những đồng ngũ khác, những chiến hữu thuộc các tổ chức phối hợp lần lượt bị bắt và bị đưa đến nơi này. Chính quyền đã chuẩn bị kỹ càng chu đáo, tỷ mỉ cho chiến dịch khủng bố trắng trợn này. Tờ The Star của người nào đó ném vào nơi giam chúng tôi đã nói lên tất cả. Đầu đề lớn về “cuộc truy lùng toàn diện” những “kẻ phản quốc” đã nói lên đầy đủ những gì người ta chuẩn bị từ lâu nay và ra tay đồng loạt trong ngày hôm nay. Tội danh phản quốc và âm mưu lật đổ chính phủ hợp hiến sẽ dẫn đến những bản án “nghiêm khắc nhất”. Các cán bộ lãnh đạo ANC và nhiều thành viên của các tổ chức liên minh trong Đại hội quốc dân ở khắp các địa phương trong nước cũng bị vây ráp và bắt trong ngày. Họ được máy bay đưa về Johannesburg để “cùng nhau ra hầu tòa”. Có 144 cán bộ bị bắt ngay trong ngày đầu tiên của chiến dịch khủng bố trắng. Ngày hôm sau, tất cả chúng tôi bị đưa ra tòa. Một tuần lễ sau, Sisulu và 11 cán bộ khác cũng bị bắt, đưa tổng số lên 156 người. Trong số người này có 105 người Phi, 22 người Phi gốc Ấn, 23 người da trắng và 7 người da màu khác. Hầu như toàn bộ Ban Thường vụ ANC bị sa lưới.

Người ta đưa tất cả chúng tôi đến một “lâu đài cổ” theo kiến trúc Buren nằm trên ngọn đồi giữa trung tâm thành phố. Chúng lột trần truồng tất cả, không có ngoại lệ: Người tu hành, giáo sư, bác sĩ, luật sư, nhà kinh doanh - tất cả đều là đàn ông đứng tuổi mà lẽ ra là những nhân vật đáng kính, phải được kính trọng. Cho dù rất căm phẫn hành động trắng trợn của nhà cầm quyền, tôi đã không kìm nổi nụ cười từ sâu thẳm trong lòng khi nhìn những người xung quanh mình trong cảnh tượng lạ lùng kia. Lần đầu tiên câu ngạn ngữ “trang phục làm nên con người” nói với tôi sự thật trần trụi. Nếu quả thật một cơ thể đẹp với một vẻ bề ngoài gây ấn tượng là điều kiện cơ bản để trở thành một thủ lĩnh, một nhà lãnh đạo, thì rất ít trong chúng tôi đang có mặt tại đây có “đủ tiêu chuẩn” ấy.

Cuối cùng xuất hiện một bác sĩ da trắng. Ông ta hỏi có ai trong chúng tôi bị ốm đau gì không. Không một tiếng trả lời. Chúng tôi mặc lại quần áo của mình và tất cả được lừa vào những căn phòng rộng, nền xi măng, không có bất cứ bàn ghế, giường hoặc thứ đồ gỗ nào. Những căn phòng mới được quét vôi, sơn, mùi hóa chất còn nồng nặc. Mỗi người chúng tôi nhận ba cái chăn mỏng và một manh chiếu. Tôi nhớ một câu đã thành chuẩn mực: người ta đánh giá một quốc gia, một dân tộc trước hết phải là sau khi trải qua những gì diễn ra trong nhà tù. Ở đó người ta đối xử như thế nào với những công dân hạng cao cấp của mình. Không, chính quyền phân biệt chủng tộc Nam Phi không đối xử với một trí thức của đất nước này như những con người mà đã coi họ như những con vật.

Hai tuần trong tù, bất chấp những gì khôn nạn nhà cầm quyền gây ra, tất cả chúng tôi đều phấn khởi vui vẻ khi biết được là các tầng lớp nhân dân khắp mọi miền của đất nước đã rầm rộ biểu tình kịch liệt phản đối chiến dịch khủng bố trắng của Malan. Người biểu tình tuần hành trên đường phố mang theo biểu ngữ “Chúng tôi đứng bên cạnh những nhà lãnh đạo của mình”. Chúng tôi đọc báo và biết rằng cả thế giới lên án cuộc bắt bớ bừa bãi này. Những phòng giam trở thành nơi sinh hoạt xã hội sôi động của các chiến sĩ đấu tranh cho tự do. Nhiều người từng bị quản thúc và quản chế gắt gao, không được ra khỏi phố, khỏi nhà một giờ, một ngày, không được gặp bất cứ ai thì nay bỗng cùng nhau tay nắm tay, lưng kề lưng trong một “câu lạc bộ” có thể chuyện trò, tâm sự với nhau thâu đêm suốt sáng. Nhiều cán bộ trẻ chỉ nghe tên của các nhà lãnh đạo cao cấp thì nay được nắm tay họ, được nghe họ nói, hát, nhảy múa. Chúng tôi đã tận dụng cơ hội “mười năm có một” này để trao đổi kinh nghiệm đấu tranh, rút ra những bài học từ hoạt động của mình và đối sách của kẻ thù trong thời gian qua và hoạch định những chủ trương, chính sách và biện pháp đấu tranh trong tương lai. Mỗi ngày chúng tôi tổ chức “báo cáo chuyên đề” riêng. Hai cán bộ Đoàn Thanh niên phụ trách chuyên đề luyện tập cơ bản - cả phần lý thuyết và hướng dẫn thực hành. Giáo sư Mathews báo cáo về lịch sử hình thành, phát triển và cuộc chiến đấu của ANC và đời sống, vị trí, số phận của người da đen ở Mỹ (giáo sư mới có đợt thỉnh giảng tại các trường đại học Mỹ). Tiến sĩ Singht trình bày về lịch sử của Đại hội Dân tộc Ấn và sự tương đồng giữa các dân tộc không phải là da trắng trong nhà nước Nam Phi trong cuộc đấu tranh chung cho tự do, dân chủ, và quyền bình đẳng của các sắc tộc. Arthur Lerele, một nhà văn hóa có tên tuổi của ANC, nói về âm nhạc châu Phi. Ông đã minh họa bằng những bài hát châu Phi với giọng tenor làm xao xuyến lòng người.

Kết thúc các buổi sinh hoạt chuyên đề bao giờ cũng là những bài hát đồng ca, những bài hát đấu tranh rực lửa. Và múa tập thể bao giờ cũng là phần sôi nổi nhất của các cuộc “sinh hoạt văn hóa công khai” trong nhà tù. Các điệu múa của tất cả các bộ tộc người Phi, những điệu múa cung đình của người Ấn, những điệu múa hiện đại của người da trắng - tất cả được trình diễn say sưa còn hơn cả những vũ công đích thực. Trong những giờ phút ấy, tất cả hòa quyện vào nhau như những người anh em trong một gia đình, không còn màu da, sắc tộc, không còn phân biệt giữa người cao tuổi với thanh niên, không còn sự ngăn cách giữa cán bộ lãnh đạo cấp cao với cấp dưới. Tất cả đều là những người yêu đất nước Nam Phi, sẵn sàng hiến dâng tất cả cho Nam Phi tươi đẹp của mọi dân tộc, mọi con người, những con người khát khao tự do, bình đẳng và bác ái.

Hai tuần sau, xe cảnh sát bịt kín chở chúng tôi ra hầu tòa. Người ta bắt đầu thẩm vấn. Trên đường từ nhà giam đến pháp đình, nhân dân đã chào đón chúng tôi hai bên đường như những anh hùng chiến thắng trở về. Tình cảm ấy đã làm

tăng sức mạnh cho tất cả chúng tôi. Chúng tôi biết rằng những gì mình đã, đang và còn xả thân cho nó là đúng đắn, là thiêng liêng, là sự nghiệp của trái tim và khối óc.

Chính quyền Malan kết tội tất cả 156 người là phản quốc, là âm mưu lật đổ chính phủ hợp hiến và thiết lập chế độ cộng sản. Tất cả những gì trong “bản luận tội” nhà cầm quyền tính từ ngày 1/10/1952 đến ngày 13/12/1956. Đó là chiến dịch bất tuân hiến pháp, là chiến dịch chống đuổi dân ở Sophiatown và Đại hội Quốc dân. Luật pháp về tội phản quốc của Nam Phi không dựa trên nền tảng của luật pháp nước Anh mà theo chuẩn mực của La Mã và Hà Lan, và định nghĩa về tội phản quốc là những gì dính dáng đến những mưu đồ phản nghịch nhằm phá hoại nền độc lập hoặc sự an toàn của chính phủ. Tội danh ấy không tránh khỏi án quyết tử hình.

Phiên thẩm vấn đầu tiên đã phải bãi bỏ, bởi vì quần chúng dự khán quá đông, cộng thêm hàng ngàn người kêu rất to từ ngoài đường, ngoài sân vọng vào, tất cả đều phản đối nhà cầm quyền, trong khi đó trong phòng thẩm vấn không có micro. Mọi câu hỏi đều chìm trong sự huyên não không thể tưởng tượng được.

Ngày hôm sau, người đến càng đông hơn. Hơn 500 cảnh sát vũ trang lăm lăm súng trong tay, sẵn sàng hành động bất cứ lúc nào. Khi bước vào phòng lớn, chúng tôi thấy nhà cầm quyền dựng hàng rào kẽm gai phân chia các khu trong phòng xử, phân chia các nhóm người tù chúng tôi với luật sư, thẩm phán... Nó giống như một sở thú và những người tù chúng tôi như những con thú bị nhốt riêng theo từng loại. Trong không khí hỗn loạn như vỡ chợ ấy, một người tù trong chúng tôi đã viết và cài lên hàng rào kẽm gai dòng chữ: Nguy hiểm, xin dừng cho ăn!

Một đội ngũ luật sư bào chữa hùng mạnh sẵn sàng bảo vệ chúng tôi. Họ là những luật sư da trắng, da màu, da đen người Phi gốc Ấn đã thành danh và tên tuổi lừng lẫy ở Johannesburg và Nam Phi. Phát ngôn của đoàn luật sư bào chữa là Vernon Berragé, một người da trắng. Ông và các đồng nghiệp chưa bao giờ chứng kiến cảnh tượng dị thường như vậy trong phòng xử án. Không thể hạ nhục các đối thủ chính trị bằng hành động vô văn hóa, coi người bị bắt như những con vật hạ đẳng như vậy! Họ tuyên bố nếu nhà cầm quyền không dỡ bỏ những “chuồng kẽm gai” thì tất cả các luật sư bào chữa sẽ tẩy chay phiên tòa.

Trong sự hỗn loạn ấy, những người tù chính trị chúng tôi không quan tâm gì đến “bản cáo trạng” 18.000 chữ đang được đọc oang oang. Chúng tôi chơi bài và đánh ca rô, hát và ngâm thơ coi như những gì đang diễn ra chẳng liên quan gì đến mình hết.

Trước đòi hỏi cương quyết của các luật sư bào chữa, người ta đã phải dỡ bỏ các chuồng kẽm gai.

Trong bản “luận tội”, viên ủy viên công tố tuyên bố hùng hồn - và vì vậy là cho chúng tôi chú ý - rằng ông ta “có đủ nhân chứng vật chứng” khẳng định âm mưu phản loạn, lật đổ chính phủ hợp hiến của “những tội phạm cực kỳ nguy hiểm”. Chúng tôi há hức và tò mò muốn được biết những “nhân chứng, vật chứng” ấy. Người ta đã và đang hồi hải tạo ra đủ chứng cứ để kết án chúng tôi bằng bản án nặng nhất.

Ngày thứ tư, sau những thủ tục thẩm vấn như ba ngày hôm trước, chúng tôi được tạm tha sau khi ký quỹ bảo lãnh. Thang tiền ký quỹ bảo lãnh cũng phản ánh rõ ràng chế độ phân biệt chủng tộc trong mọi chi tiết nhỏ nhất của cuộc sống và sinh hoạt xã hội. Người da trắng phải nộp 250 bảng, người Phi gốc Ấn nộp 100 bảng và người Phi da đen 25 bảng. Tóm lại, việc phản bội tổ quốc cũng không mù màu. Rất nhiều người có cuộc sống khá giả thuộc mọi tầng lớp trong xã hội không phân biệt người da trắng, người Ấn hay người Phi đã tuyên bố góp đủ số tiền để ký quỹ bảo lãnh cho tất cả những người bị bắt. Nghĩa cử ấy của đông đảo công dân về sau là cơ sở của việc hình thành quỹ bảo vệ những người liên quan đến vụ án phản bội (Treason Trial Defense Fund). Linh mục Reeves, Alan Paton và Alex Hepple là những người đề xuất sáng kiến thành lập quỹ này. Quỹ đã được điều hành hết sức chu đáo và đầy sáng tạo. Dù được tạm thời trả lại tự do, song mỗi tuần chúng tôi phải trình diện ở đồn cảnh sát và không được phép tham dự vào bất cứ cuộc hội họp nào. Phiên tòa sẽ được xử công khai ở tòa đại hình vào tháng Giêng năm 1957.

Sáng hôm sau tôi đến văn phòng với niềm vui và phần chấn. Vì cả hai chúng tôi đều bị tổng giam cho nên công việc ở văn phòng tập thành đồng. Vào một buổi sáng khi tôi đang soạn các loại giấy tờ, sắp xếp xong công việc theo thứ tự để giải quyết thì có một người bạn tên là Jabavu đến gõ cửa. Anh là một thông ngôn chuyên nghiệp. Trước khi bị bắt, tôi đã chủ trương chủ động hạ trọng lượng cơ thể của mình, bởi vì tôi đã tự tính thế nào cũng bị tổng ngục. Mà đã sống trong ngục thì phải luyện tập ăn ít nhất mà cơ thể vẫn khỏe mạnh, đầu óc vẫn sáng suốt. Những lần bị tổng giam trước tôi đã luyện tập thành công. Lần này tôi chủ động ngay từ trước và giảm cân rõ rệt mà sức khỏe không bị suy giảm. Nhưng Jabavu lại nhìn tôi với ánh mắt ngờ vực, pha cả sự thất vọng. Anh nói: “Madiba, vì sao anh phải gầy như thế chứ?”. Số là ở châu Phi, sự đầy đà cơ thể gắn liền với giàu có và no đủ. Jabavu nói như tức giận: “Thì ra anh sợ nhà tù. Đó là tất cả. Anh đã làm nhục người Xhosa chúng ta!”.

Ngay trước ngày khai mạc phiên tòa đại hình, cuộc hôn nhân của vợ chồng tôi cũng tan vỡ. Từ ít lâu nay, Evelyn trở thành tín đồ ngoan đạo của dòng “Jahova”, không chấp nhận hoạt động chính trị của tôi. Nàng nói rằng làm chính trị không chỉ mất hết đức tin vào Chúa. Tôi không biết liệu có phải không hài lòng với cuộc sống thiếu thốn và sự vắng nhà thường xuyên của tôi là nguyên

nhân gây ra sự rạn nứt gia đình hay không. Nàng yêu cầu tôi thay vì hoạt động chính trị hãy nên “hết lòng hy sinh vì Chúa”. Tôi không thể chấp nhận yêu sách của nàng. Cuộc chiến đấu cho sự nghiệp của ANC và cho nhân dân châu Phi da đen là không có sức mạnh nào làm lung lay tôi được. Điều này có lẽ làm Evelyn không yên lòng. Bao giờ nàng cũng coi hoạt động chính trị như là một “trò phiêu lưu” của tuổi trẻ. Tôi từng kiên nhẫn lý giải cho nàng hoạt động chính trị đối với tôi là sự nghiệp của cả cuộc đời. Nàng không chấp nhận. Sự khác biệt quá lớn giữa hai tư tưởng không còn có thể dung hòa được nữa. Một lần tôi nói mình đang phục vụ dân tộc thì nàng ngắt lời tôi và nói rằng phụng sự Chúa còn quan trọng hơn ngàn vạn lần. Từ hôm đó, tôi ý thức rất rõ rằng cuộc sống của chúng tôi đã rẽ theo hai ngã khác nhau.

Tôi phải khẳng định rằng cả nàng và tôi đều yêu quý con, làm hết sức mình nuôi nấng và dạy dỗ các con. Nàng muốn các con sau này lớn lên đều là những con chiên ngoan đạo. Còn tôi chỉ mong muốn các con của chúng tôi phải trở thành các chiến sĩ đấu tranh cho tự do của dân tộc ở đất nước chìm trong lửa và máu này. Thembi hiểu lòng tôi. Cháu đã gia nhập đoàn Thiếu nhi ANC và như vậy là cháu đã chọn con đường đấu tranh. Makgatho còn nhỏ, vì vậy tôi chỉ mới có thể giải thích cho cháu qua những ngày sự kiện diễn ra hằng ngày trước mắt cháu: vì sao người da đen luôn luôn bị người da trắng săn đuổi ngay trên quê cha đất tổ của mình!

Trên vách nhà chúng tôi treo ảnh Roosevelt, Churchill, Stalin, Ghanhi và bức áp-phích cuộc tấn công Cung điện mùa Đông ở St. Peterburg năm 1917. Tôi nói cho cháu biết những nhân vật kia là ai và chỗ đứng của họ ở đâu. Cháu đã biết rút ra kết luận rằng những người da trắng cầm quyền ở Nam Phi đã đứng sai vị trí rồi!

Công việc của tổ chức đã không ít, cộng thêm công việc ở văn phòng và việc kiếm sống chiếm mất quá nhiều quỹ thời gian của tôi. Tôi có quá ít thì giờ cho gia đình. Evelyn đã không thông cảm với tôi, nhất là việc tôi phải vắng mặt ở nhà vào ban đêm. Nàng cho rằng tôi đã có những người đàn bà khác. Tôi tìm mọi cách nói cho nàng thông cảm. Nhưng nàng đã không cần quan tâm đến những giải thích của tôi. Năm 1955 nàng ra “tối hậu thư” cho tôi: hoặc là nàng hoặc là ANC!

Trong những ngày tôi bị bắt, nàng chỉ đến thăm tôi một lần. Và trong khi tôi đang cùng các đồng chí của mình chiến đấu sinh tử với kẻ thù trong nhà giam thì nàng đã lẳng lặng bỏ nhà ra đi, mang theo cả những đứa con của chúng tôi. Khi tôi trở về nhà, cảm nhận đầu tiên là không khí lạnh lẽo, không có hơi người trong căn nhà của mình. Sự vắng lặng làm rợn lòng người. Evelyn tháo cả những tấm rèm cửa mang theo. Chi tiết này dù rất nhỏ nhưng tôi cảm thấy bị xúc phạm nghiêm trọng.

Trong giờ phút khủng khiếp ấy, tôi vẫn đủ tỉnh táo để khẳng định rằng dù giữa chúng tôi có những khác biệt về lòng tin, nhưng phải ghi nhận nàng là một người mẹ tốt. Tôi luôn quý trọng và ngưỡng mộ nàng trong những chi tiết đời thường dù nhỏ nhưng rất quan trọng. Chỉ tiếc rằng tất cả những thứ đó đã không cứu vãn được tình yêu và cuộc sống gia đình của chúng tôi.

Nỗi đau rất lớn đối với tôi không phải là sự chia tay của vợ chồng mà là đối với các con trẻ. Chúng mới là những người mất mát nhiều nhất trước cảnh “sẽ nghe tan đàn” này. Cháu Makgatho đã quen ngủ trên giường bố. Cháu từng là đứa con trai trầm tĩnh, là “người hòa giải hòa bình” trong nhà. Không ít lần cháu làm “trung gian hòa giải” những bất đồng giữa cha mẹ cháu. Makaziwe là con gái còn quá bé bỏng. Cháu được mẹ mang theo và được gửi nhà trẻ chu đáo. Một hôm tôi không có việc nhiều ở văn phòng, và cũng không phải họp hành gì, tôi đã đến nhà trẻ của cháu mà không báo trước. Tình cảnh thật thương tâm và éo le. Cháu như sững người khi nhìn thấy tôi. Cháu không biết nên chạy đến ôm chầm lấy bố hay bỏ chạy khỏi người bố đang đứng trước mặt mình. Cháu không biết nên cười hay không nữa! Trong trái tim bé nhỏ của cháu đang diễn ra cuộc tranh chấp mà cháu không thể hiểu nổi, và vì vậy không biết nên xử lý thế nào. Đau đớn quá!

Nhưng Thembi mới phải chịu nỗi đau lớn nhất, bởi vì cháu đã lên 10 tuổi và đã hiểu được ít nhiều bi kịch của cha mẹ. Cháu tự động bỏ học và trở thành ít nói hẳn. Cháu từng có năng khiếu tiếng Anh và rất thích kịch của Shakespeare. Thầy giáo chủ nhiệm trao đổi với tôi đôi lần. Tôi đã tìm cách gần cháu, nhưng xem ra mọi chuyện không mang lại kết quả gì đáng kể. Hễ có chút thời gian rảnh rỗi là tôi đưa cháu cùng đến câu lạc bộ quyền Anh. Ở đó cháu có được những phút vui thật sự cùng các bạn đồng trang lứa. Song không phải lúc nào tôi cũng có thì giờ rỗi và sau này, khi phải rút vào hoạt động bí mật hoàn toàn, Walter Sisulu đã nhận cháu về nuôi trong gia đình, coi như con ruột của anh. Con trai Sisulu cùng trang lứa với Thembi và hai đứa đã thực sự trở thành anh em trong một nhà. Sisulu kể cho tôi nghe rằng có một lần cả hai cùng đến dự một cuộc liên hoan và khi trở về cháu không nói trong nhiều giờ liền. Sau khi chúng tôi chia tay nhau, Thembi thường mặc bộ quần áo của tôi, mặc dù quần áo của tôi quá dài và quá rộng đối với khổ người của cháu. Dường như cháu làm như vậy là muốn luôn luôn được gần cha, người cha đã vì sự nghiệp của cả dân tộc mà phải xa, xa mãi ở nơi chân trời góc biển.

Ngày 9 tháng 1 năm 1957, chúng tôi ra tòa. Lần này các luật sư bào chữa bắt đầu lên tiếng bác bỏ những nội dung vu khống trong “bản cáo trạng” dày cộm, được dàn dựng rất công phu. Sau khi đọc bản cáo trạng của Viện công tố, luật sư Vernon Berragé nói: “Đoàn luật sư bào chữa nhấn mạnh và khẳng định sự bác bỏ của mình về lời buộc tội những yêu sách ghi trong Hiến chương tự do là phản

quốc hoặc vi phạm luật hình sự. Đoàn luật sư, trái lại, chứng minh rằng những tư tưởng và lòng tin được nhấn mạnh trong Hiến chương là nhằm chống lại chính sách hiện nay của chính phủ, nhưng được đại bộ phận loài người thuộc các chủng tộc chia sẻ, kể cả đại bộ phận công dân nước Nam Phi này”. Trong cuộc gặp gỡ đoàn luật sư của mình, chúng tôi quyết định không chỉ chứng minh chúng tôi không hề có tội phản quốc mà chính đây là một vụ án chính trị nhằm mưu toan chống lại những hoạt động hợp đạo lý của chúng tôi.

Cùng với bản cáo trạng, người ta đã đưa ra “những tài liệu làm vật chứng”, nhiều vô kể, bao gồm những giấy tờ ghi chép, tài liệu in ấn, sách, báo, những bài báo được cắt ra từ nhiều tờ báo khác nhau xuất bản trong nước... Cảnh sát đã “có trong tay” 12.000 vật chứng loại này. Ngoài bản Tuyên ngôn về nhân quyền còn có cả cuốn sách xuất bản ở Liên xô dạy nấu ăn. Thậm chí người ta trưng hai tấm biển thu được tại Đại hội quốc dân “Súp có thịt” và “Súp không có thịt” vốn là biển ghi chú cho khách dự Đại hội quốc dân không nhận nhằm thức ăn theo khẩu vị của mình!

Trong những ngày thẩm vấn, người ta cho chúng tôi biết nhà nước có những nhân chứng sống khẳng định “hành vi phản quốc” của chúng tôi. Một loại “nhân chứng sống” ấy là những “thảm tử” da trắng và da đen trà trộn vào tổ chức của chúng tôi và đã ghi tốc ký những buổi thảo luận mật của chúng tôi. Trưởng đoàn luật sư bào chữa Berrag   đã tận dụng những thủ pháp nghiệp vụ rất tinh tế để vạch trần những sự dối trá của nhà cầm quyền thông qua những “nhân chứng sống” này.

Để buộc tội chúng tôi âm mưu lật đổ chính phủ hiện hành để thiết lập một kiểu nhà nước cộng sản theo gương Liên xô, nhà cầm quyền đã mời giáo sư Andrei Murray, trưởng khoa khoa học chính trị trường đại học Kapstadt, làm người thẩm định những vật chứng liên quan đến đảng Cộng sản trước tòa. Chẳng cần biết thực hư ra sao, ông “ủy viên công tố đặc biệt” này khẳng định tất cả những giấy tờ, văn bản, bút lục... cảnh sát thu được trong nhà, trong văn phòng chúng tôi đều là tài liệu tuyên truyền cộng sản!

Thoạt đầu giáo sư Murray luận tội khá bình tĩnh, đầy tự tin. Ông ta khẳng định những gì mình nói là “chắc như đinh đóng cột”. Nhưng mọi chuyện lại không diễn ra như ngài giáo sư khẳng định, lại càng không phải là những gì ngài muốn nhắc lại nhiều năm sau phiên tòa lịch sử ấy. Luật sư Berrag   yêu cầu được “đối chứng” với ngài giáo sư Murray. Thoạt đầu luật sư đọc một đoạn trong số những tài liệu mà cảnh sát đã tịch thu trong các cuộc khám nhà và yêu cầu giáo sư Murray “thẩm định” là tài liệu cộng sản hay không phải cộng sản. Đoạn trích dẫn đầu tiên của luật sư Berrag   nói về sự cần thiết phải cùng nhau hợp tác trong lao động của công nhân. Murray không cần suy nghĩ, nói ngay: “Đó là tài liệu cộng sản”. Luật sư Berrag   đã nói to trước cử tọa rằng câu trên trích trong

một bài phát biểu của đương kim thủ tướng Nam Phi, ngài Malan! Luật sư Berrangé đọc tiếp hai đoạn nữa và “nhờ” giáo sư Murray thẩm định. Murray khẳng định đó là tài liệu cộng sản. Nhưng sự thật lại không phải như vậy. Đó là hai đoạn trích trong diễn văn của hai tổng thống Mỹ Abraham Lincoln và Moodrow Wilson. Nhưng cao điểm thú vị nhất là khi luật sư Berrangé đọc một đoạn khác chưa xong nhưng Murray đã đứng chồm dậy và khẳng định: đó là tài liệu cộng sản một trăm phần trăm. Đến lúc này thì luật sư Berrangé không còn chịu đựng thêm nữa. Ông nói rất to trong phòng xử án rằng đoạn văn ông vừa đọc và ngài giáo sư Murray khẳng định là tài liệu tuyên truyền cộng sản chính là trích trong một bài nghị luận của chính giáo sư Murray viết và đăng trên báo chí giữa thập niên 30!

Sau vở hài kịch này là vở bi hài kịch khác. Người được đưa ra làm “nhân chứng sống” có tên là Solomon Ngubase. Lời khai của anh ta đủ chứng có kết tội phản quốc của ANC. Anh ta khoảng 35 tuổi, giọng từ tốn. Vào đề anh ta giới thiệu đã tốt nghiệp bằng B.A. ở trường đại học Fort Hare và ra hành nghề luật sư. Solomon khai rằng anh ta là Bí thư ANC tại thành phố Port Elizabeth và là thành viên Ban thường vụ ANC. Anh ta khẳng định có mặt trong cuộc hội nghị quan trọng của Thường vụ ANC quyết định vấn đề hệ trọng: lật đổ chính phủ hiện hành, cử Walter Sisulu và David Popape sang Liên Xô xin viện trợ vũ khí cho cuộc lật đổ nhà nước Nam Phi bằng bạo lực. Anh ta cũng có mặt trong cuộc họp bí mật quyết định kế hoạch gây rối ở Port Elizabeth năm 1952 và cuối cùng anh ta khẳng định mình là người làm chứng cho cuộc họp mà ANC ra nghị quyết giết sạch những người da trắng ở Transkei. Lời khai “quá mạch lạc” của Ngubase làm hội trường nhốn nháo như ong vỡ tổ. Không chỉ cử tọa trong phòng xử án mà cả người vây quanh ngoài tòa nhà đều nghe rất rõ những gì anh ta “khai rất rõ ràng, mạch lạc và thành khẩn”. Chẳng phải đã quá đủ nhân chứng và vật chứng để kết tội phản quốc rồi sao?!

Nhưng khi bị luật sư Berrangé “đổi chất” thì Solomon lộ nguyên hình là tên điên khùng và bịp bợm. Berrangé nói rất to như phong cách của ông rằng người có tên là Solomon Ngubase kia chưa từng có học vị hàn lâm B.A. và cũng chưa bao giờ là thành viên của ANC chứ đừng nói là Bí thư ANC ở Port Elizabeth và thậm chí là ủy viên thường vụ. Berrangé chỉ ra rằng Ngubase làm bằng B.A. giả và nhờ tấm bằng giả này mà y trở thành viên chức trong một sở văn phòng. Ngoài ra hẳn ta đang bị điều tra về một vụ lừa đảo. Trong thời gian có cuộc hội nghị quyết định chiến dịch phản kháng ở Port Elizabeth mà Solomon nói là hẳn cũng có mặt, thì hẳn đang ngồi trong nhà tù ở Durban vì tội lừa đảo. Tóm lại tất cả những gì Solomon Ngubase long trọng khai trước tòa chỉ là một vở kịch, một vở bi hài kịch cho những nhà cầm quyền. Berrangé hỏi thẳng vào mặt Ngubase

sau khi đã bóc trần sự dối trá vô liêm sỉ của y: "Thưa ngài Solomon Ngubase, ngài là một thằng đều cáng!".

Trong phiên tòa đại hình này, một tội phạm có tên là Joe Slovo vốn là một luật sư giỏi. Anh nhận lãnh trách nhiệm tự bào chữa cho mình trước tòa. Những vấn đề anh nhấn mạnh một cách công khai không chút tránh né đã làm rối trí đoàn bồi thẩm. Chính nhà nước Nam Phi - như Slovo khẳng định - vi phạm thô bạo những đạo luật của chính mình chứ không phải là Đại hội Quốc dân. Những cuộc đối chất của anh cũng sắc bén như của Berrangé. Một trong những “nhân chứng” bị dồn vào chân tường như Solomon Ngubase là thẩm tử Mollson. Tên này khẳng định trước tòa rằng y nhớ từng chữ những câu kêu gọi bạo loạn của các lãnh tụ ANC. Sự thật đã bóc trần những điều dối trá thô bỉ. Slovo hỏi:

- Ông có hiểu tiếng Anh không?

- Không nhiều lắm.

- Có nghĩa là ông nhớ rất rõ - thậm chí nguyên văn - những bài phát biểu bằng tiếng Anh của các nhà lãnh đạo ANC khi chính ông không rành tiếng Anh?!

- Đúng, đúng thế thưa ông!

- Ông có nghĩ rằng những ghi chép của ông có rất nhiều điểm vô nghĩa và diên rồ chứ?

- Tôi không biết nữa!

Câu trả lời ngớ ngẩn và ngu xuẩn của “nhân chứng” không kìm được những tiếng cười đồng loạt của chúng tôi, đến nỗi ông chánh tòa cảnh cáo rằng đây là phiên tòa chứ không phải sân khấu hài kịch.

Trong suốt quá trình thẩm vấn và soạn thảo cáo trạng bên nguyên ngày càng trở nên lúng túng và tình hình đã chỉ ra rất rõ là họ đặt hết mọi hy vọng vào việc tạo ra nhân chứng vật chứng và không thiếu những nhân chứng và vật chứng được “sáng tạo” theo phương pháp tưởng tượng nhằm cứu vãn một “sự nghiệp” đang đến hồi kết thúc thất bại.

Ngày 11/9/1957, tức là 10 tháng sau ngày chúng tôi bị dẫn ra tòa, bên nguyên tuyên bố nhà nước đã kết thúc giai đoạn điều tra, thẩm vấn, thu thập chứng cứ, nhân chứng vật chứng. Tòa cho đoàn luật sư bào chữa 4 tháng để nghiên cứu bảo cáo trạng 8.000 trang và 10.000 hiện vật. Ba tháng sau phiên tòa tháng 9 năm 1957, trước sự ngạc nhiên của tất cả chúng tôi, 61 người được “tha bổng”. Họ là những cán bộ trẻ, chưa giữ vai trò quan trọng nào trong ANC. Nhưng trong số những người “được tha bổng” này có cả tù trưởng Luthuli, chủ tịch ANC, và Walter Sisulu, ủy viên thường vụ phụ trách tài chính của ANC không chỉ làm chúng tôi đặc biệt vui mừng mà còn làm cho nhiều người rối trí.

Mùa xuân năm sau chính phủ bổ nhiệm ủy viên công tố mới, Oswald Pirow, một phần tử cực đoan từng là đồng lõa của nước Đức Hitler trong thế chiến thứ hai. Với việc bổ nhiệm nhân vật “đặc biệt cứng rắn” này, chính quyền Nam Phi

vẫn giữ nguyên mưu đồ kết tội những chiến sĩ kiên cường Nam Phi. Đoàn luật sư cảnh báo cho chúng tôi mọi việc có thể trở nên nghiêm trọng hơn với nhân vật điều hâu khét tiếng này.

Chúng tôi - 95 người còn lại - đang chuẩn bị cho phiên đại hình sắp tới.

Một hôm, trong giờ nghỉ giữa buổi thẩm vấn buổi chiều, tôi lái xe qua bệnh viện Banagwarath. Đó là bệnh viện nổi tiếng ở Johannesburg cho người da đen. Tại một trạm đỗ xe, tôi nhìn thấy một thanh nữ rất hấp dẫn đang chờ xe đồ. Tôi sững sờ trước sắc đẹp quyến rũ của nàng, quay đầu lại nhìn cho rõ. Nhưng xe của tôi đã chạy quá xa. Khuôn mặt đẹp, đoan trang của nàng lưu lại thật đậm trong tâm thức tôi.

Vài tuần sau tôi chỉ muốn ghé thăm Oliver Tambo xem có cần gì phải hỗ trợ, tôi bỗng nhận ra chính người đàn bà xinh đẹp ấy đang hiện diện trong văn phòng của Tambo. Tôi lấy hết sức mạnh bình sinh nén sự hồi hộp đang dâng trào trong ngực, đẩy cửa bước vào. Oliver giới thiệu nàng với tôi và cũng không quên giới thiệu tôi với nàng.

Tên nàng là Nomzamo Winnifred Madikizela, thường gọi là Winnie. Nàng là con thứ sáu trong số 11 anh chị em, bố là hiệu trưởng một trường trung học và về sau trở thành thương gia. Winnie là nhân viên da đen duy nhất lần đầu tiên làm việc tại bệnh viện này.

Hôm sau tôi gọi điện thoại cho nàng ở bệnh viện, mời nàng đi ăn. Tôi đưa nàng đến khu phố của người Ấn Độ, vào tiệm ăn mà người Phi da đen cũng được phục vụ chu đáo, ân cần. Winnie rất vui, ăn ngon miệng, ở đó xài thứ ca-ri rất cay mà trước đó nàng chưa bao giờ nếm thử. Nàng phải uống liên tiếp nhiều ly nước giải cay. Trông nàng lúc ấy mới tuyệt làm sao!

Trong những tuần, những tháng sau đó, chúng tôi gặp nhau thường xuyên hơn khi điều kiện và thời gian cho phép. Nàng đến thăm tôi trong khu tạm giam và trong văn phòng. Nàng đến phòng thể thao quan sát tôi tập luyện đấm bốc. Nàng làm quen Thembi, Makgatho và Makaziwe. Nàng đến dự các cuộc mít tinh, hội thảo chính trị. Tôi giúp nàng hiểu những vấn đề mà chúng tôi đang quan tâm theo đuổi. Là sinh viên, nàng mang trang phục của một tổ chức chính trị mang tên Non-European Unity Movement. Nàng có một người anh trai tham gia tổ chức chính trị này. Về sau nàng kể lại rằng lẽ ra sẽ lấy một thủ lĩnh của NEUM nếu không ngẫu nhiên quen biết tôi.

Sau khi chính thức li dị với Evelyn, tôi nói với Winnie cho tôi biết số đo để may bộ đồ cưới. Về sau Winnie thường kể lại chuyện này với nụ cười rất tươi. Nàng nói rằng tôi chưa bao giờ nói lời cầu hôn nàng. Nhưng trong những phút ấy tôi khẳng định đã cầu hôn nàng ngay trong lần gặp gỡ đầu tiên của hai chúng tôi.

“Vụ án phản quốc” đang trong năm xử thứ hai và trở thành gánh nặng cho nghiệp vụ luật sư của chúng tôi. Chúng tôi - Tambo và tôi - đã phải chia tay nhau,

bởi vì cả hai đều không có khoản thu nhập nào để sống cả. Kể từ hôm được tha bổng, Oliver Tambo đỡ khó khăn hơn tôi. Tuy nhiên mất mát của chúng tôi là quá lớn.

Tôi nói hết tình cảnh này với Winnie. Tôi nói với nàng rằng cả hai chúng tôi - Tambo và tôi - rất có thể phải sống bằng đồng lương ít ỏi của nàng. Winnie hiểu tất cả và tuyên bố rằng nàng đã tính đến những rủi ro, và chấp nhận tất cả khi quyết định gắn đời nàng với số phận của tôi.

Lễ cưới của chúng tôi được tổ chức ngày 14.6.1958. Tôi yêu cầu được nói lòng chế độ quân chế, chúng tôi có 6 ngày cho tuần trăng mật.

Chúng tôi lên đường đến Bizana, quê hương Winnie. Tại tòa thị chính, chúng tôi được đón tiếp trọng thị. Tôi còn nhớ như in bài phát biểu ngắn, để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong đời tôi, của bố Winnie. Ông nói về tình yêu với con gái, về sự cống hiến lâu dài của tôi cho đất nước và cũng là sự nguy hiểm khôn cùng khi dần thân vào hoạt động chính trị trong nước Nam Phi này. Khi Winnie trình trọng báo cáo với bố quyết định của chúng tôi được đời đời yêu thương nhau, ông đã kêu to đầy ngạc nhiên: “Con gái yêu của ta, con kết hôn với một người anh em là người tù đó!”. Ông tỏ ra rất lo lắng. Một cuộc hôn nhân trong bối cảnh ấy của chúng tôi sẽ là một thử thách kinh khủng. Ông mong con gái hạnh phúc và kết thúc nhưng lời tâm huyết như sau: “Nếu như chồng con là một gã phù thủy thì hiển nhiên con phải là một mụ phù thủy vậy!”. Điều này có nghĩa là nàng phải đi “cùng trời cuối đất” cùng tôi. Chị tôi thay mặt gia đình tôi nói lời biết ơn. Sau lễ cưới, cô dâu gói một phần bánh theo tục lệ để mang về cho bên nhà chồng. Ở đó chúng tôi cũng làm thủ tục với họ hàng bên nội như đã làm bên ngoại. Nhưng việc ấy đã không thể, bởi lẽ tôi chỉ được rời nơi quản chế có 6 ngày. Chúng tôi phải nhanh chóng trở về Johannesburg. Tại căn hộ của chúng tôi, số 8155 khu tây Orlando, bạn bè chiến hữu đã chuẩn bị cuộc liên hoan mừng chúng tôi hết sức nồng nhiệt. Một con cừu được mổ làm cỗ cưới. Một ngày lễ trọng đại trong cuộc đời chúng tôi. Tuần trăng mật, hay nói đúng hơn là vài ngày trăng mật thiếu thốn nhưng qua đi rất nhanh. Chúng tôi lại phải đối mặt với sự thật trở trêu: phiên tòa đại hình. Hai vợ chồng thường dậy rất sớm, thường là lúc 4 giờ sáng. Winnie lo bữa sáng trước khi tôi phải rời nhà ra đi. Tôi theo xe bus đến tòa và ghé qua văn phòng của mình. Tôi ở lại văn phòng suốt buổi chiều và nhiều hôm cả buổi tối. Có quá nhiều việc phải làm, hơn nữa tôi còn phải kiếm chút tiền phụ với Winnie cho chi tiêu của gia đình. Ban đêm hầu như chỉ còn dành cho hoạt động chính trị và gặp mặt cán bộ cơ sở. Vợ một chiến sĩ đấu tranh cho tự do ở Nam Phi khác nào một người đàn bà góa, kể cả khi người chồng không phải bị cùm chân trong tù. Cho dù tôi đang sống trong cơn bão của vụ án lớn, nhưng Winnie đã cho tôi cơ hội để hy vọng. Tôi cảm thấy đời mình có một cơ hội mới sáng sủa. Tình yêu

của chúng tôi dành cho nhau như tăng thêm sức mạnh lớn lao cho những cuộc chiến đấu ác liệt trong tương lai.

Sự kiện chính ở Nam Phi năm 1958 là “cuộc bầu cử phổ thông” bầu nghị viện. Nói “bầu cử phổ thông” tức là nói người da trắng được quyền phổ thông đầu phiếu chứ không phải là quyền dành cho 13 triệu người da đen. Tuy nhiên kết quả bầu cử đưa đảng nào lên cầm quyền lại không chỉ quan hệ đến người da trắng, trái lại. ANC đạt được thỏa thuận với một số tổ chức chính trị cánh tả kêu gọi bãi công ba ngày, vào đúng các ngày bầu cử. Sự hưởng ứng của dân chúng không cao, và vì vậy cuộc đình công coi như không đạt yêu cầu.

Với lời kêu gọi đình công này, bản thân tôi đã phải làm việc trái khoáy ngay trong nhà mình. Tôi cũng không thu được kết quả nào. Việc như sau: Người giúp việc trong gia đình trạc tuổi tôi. Chị nói tiếng Sotho. Chị đã trở thành thành viên trong gia đình hơn là người làm công. Tôi gọi chị là Kgaitsemi - có nghĩa là người chị em trong ý nghĩa thân mật. Tên chị là Ida, nhà quản lý tài chính “nghiêm khắc theo kiểu nhà binh”. Chị là “tay hòm chìa khóa” của chúng tôi. Cả Winnie và tôi đều phải “chấp hành kế hoạch chi tiêu” của chị một cách tự nguyện.

Trước ngày đình công, tôi chở chị và con trai 10 tuổi của chị về nhà và nói với Ida là trong hai ba ngày tới chị ủi cho tôi hai bộ quần áo cho thơm tất. Ida im lặng, không đáp lại lời tôi. Cuối cùng tôi đến bên chị hỏi xem chuyện gì đã xảy ra. Ida nhìn vào mắt tôi rành rẽ: “Anh biết quá rõ là tôi không thể làm việc đó, không giặt mà cũng không ủi!”. Tôi hỏi chị vì sao không làm với giọng hơi to. Chị điềm tĩnh nói: “Anh quên là tôi cũng là một người lao động sao? Bắt đầu từ ngày mai tôi cũng tham gia đình công như đồng bào và đồng nghiệp của tôi đấy”.

Cậu con trai của Ida nhìn bộ điệu như ngó người của tôi với ánh mắt hòa giải. Cậu nói với mẹ: “Bác Neslon gọi mẹ là chị em mà!”. Vậy là cháu hiểu lắm, hiểu nhiều hơn tuổi lên 10 của cậu. Mẹ cậu là “người nhà” chứ đâu phải người lao động mà cũng đình công chứ?! Nhưng chị Ida không phải loại vừa. Chị hiểu con trai muốn nói gì. Chị nhìn con với ánh mắt cảnh cáo, dần từng tiếng: “Con trai để tâm đi đâu mà không biết rằng mẹ đang tranh đấu cho quyền lợi của mình và cũng là của con hử? Nếu mẹ không đấu tranh quyết liệt thì liệu “bác Nelson của con” đâu có gọi mẹ là “người chị em” như hôm nay!”. Sáng hôm sau tôi không thể đi làm và những cái áo chưa ủi của tôi vẫn treo trên móc áo.

Ít có những vấn đề nhạy cảm như vậy liên quan đến giấy chứng minh cho phụ nữ. Nhà nước cứng rắn qua một quyết định của họ buộc phụ nữ phải mang theo giấy chứng minh và phụ nữ cũng không nhượng bộ trong quyết tâm chống đến cùng biện pháp kìm kẹp của chính quyền. Chính phủ gọi giấy chứng minh này là “reference books”, nhưng cái tên hoa mỹ ấy không thể đánh lừa phụ nữ được nữa, bởi họ biết rất rõ là một khi không mang theo trong người cái thứ gọi là

“reference books” này thì thăng cha cảnh sát nào cũng có thể phạt 5 bảng hay thậm chí ngồi tù một tháng.

Được Hội Liên hiệp Phụ nữ ANC khích lệ, phụ nữ Nam Phi ở thành thị và nông thôn đã đồng loạt phản đối nghị định buộc họ phải mang “reference books” bên người như một loại bùa mà sự thật là một hình thức kìm kẹp. Phụ nữ dũng cảm, kiên trì, quyết tâm và cuộc đấu tranh của họ đã trở thành mẫu mực của phong trào chống chính phủ.

Nhân sự kiện chính trị này, chủ tịch ANC, tù trưởng Luthuli đã nói: “Một khi phụ nữ bắt đầu tham gia tích cực và chủ động vào cuộc đấu tranh thì không có một thế lực nào trên hành tinh này có thể ngăn cản chúng ta giành được tự do khi chúng ta vẫn còn sống”.

Khắp nơi trong nước, phụ nữ đã tham gia rầm rộ vào cuộc đấu tranh này và phong trào ngày càng mở rộng với quy mô ít ai trong chúng tôi trước đó có thể ngờ tới. Tháng 10 năm đó, hàng ngàn phụ nữ tập trung tại Johannesburg. Họ không chỉ giải tán số chị em xếp hàng trước văn phòng tòa thị chính chờ lấy giấy chứng minh mà tấn công vào cả số viên chức chính quyền. Họ đã làm cho cơ quan cấp chứng minh tê liệt. Cảnh sát bắt hàng trăm chị em.

Vào buổi tối, vài ngày sau vụ bắt bớ hàng loạt này, sau bữa ăn, Winnie nghiêm trọng báo cho tôi rằng nàng sẽ gia nhập đoàn người biểu tình phản đối ở Orlando. Cuộc biểu tình và tuần hành sẽ diễn ra sáng hôm sau trước tòa thị chính Orlando. Thông báo của nàng là tôi ngỡ ngàng pha chút bối rối. Quyết định của nàng vừa làm tôi kính phục và thật sự vui mừng, đồng thời tôi cũng suy nghĩ lung lay. Từ ngày cưới nhau, Winnie đã tham dự vào các hoạt động chính trị một cách tự nguyện và đã gia nhập tổ chức phụ nữ ANC ở Orlando. Tôi luôn là người động viên và khích lệ nàng.

Trong giờ phút này, tôi nói với nàng rằng tôi ủng hộ quyết định của nàng, nhưng cũng phải cảnh báo nàng rằng đây là bước đi nghiêm trọng. Chỉ qua một hành động duy nhất nàng có thể thay đổi cả cuộc đời mình. Nàng xuất thân từ tầng lớp trung lưu và trong một chừng mực nào đó thuộc lớp người được bảo hộ. Nàng không thuộc lớp người ăn bữa sáng lo bữa trưa. Trước lễ cưới của chúng tôi, nàng giao lưu với những người thuộc giới thượng lưu trong xã hội. Tóm lại nàng có cuộc sống khác hẳn với cuộc sống của những chiến sĩ đấu tranh cho tự do, những người phải “tay làm hàm nhai” từng ngày.

Nếu nàng bị bắt thì nàng sẽ bị chủ thả hồi ngay tức khắc. Tôi nói với nàng điều này với sự nhấn mạnh cần thiết. Hơn ai hết, chúng tôi biết đồng lương của nàng bây giờ là nguồn sống chính của gia đình chúng tôi. Và nếu bị bắt, trở thành người tù mang số thì nàng không bao giờ còn được tuyển vào làm việc trong các cơ sở nhà nước nữa, cho dù những cơ sở đó chỉ tuyển nhân viên da đen. Hơn nữa nàng đang mang bầu! Tôi cũng không giấu nàng rằng khi vào tù phải làm công

việc nặng nhọc và thậm chí bị tra tấn. Có thể phản ứng của tôi hơi thô, nhưng với tư cách là chồng nàng, hơn thế là một cán bộ lãnh đạo chủ chốt của ANC, tôi có nghĩa vụ nói cho nàng biết tất cả những gì có thể xảy ra đối với một chiến sĩ dân thân vào cuộc chiến đấu gay go ác liệt này. Tôi cảm nhận mình đang ở trong tình cảnh khó xử, bởi lẽ sự lo lắng của một người chồng và của một người lãnh đạo tổ chức không phải lúc nào cũng trùng hợp nhau.

Nhưng Winnie là một con người cả quyết, và tôi có cảm giác là sự lý giải tiêu cực của tôi có tác động củng cố thêm quyết tâm của nàng. Nàng nghe tôi nói rất chăm chú và cuối cùng nàng nói mình đã hiểu tất cả nhưng không thay đổi quyết định. Sáng hôm sau tôi dậy sớm hơn mọi ngày, chuẩn bị bữa sáng, sau đó chúng tôi chạy xe đến nhà Sisulu. Winnie hẹn gặp Albertina, vợ Sisulu và là thủ lĩnh của đoàn đấu tranh. Sau đó tôi chở họ đến nơi tập trung đoàn biểu tình để kéo và thành phố. Tôi ôm hôn nàng trước khi nàng đứng vào đầu hàng quân. Tôi cảm thấy sự bối rối hiện lên trong ánh mắt nàng, nhưng sự quyết tâm thì không đổi thay. Nàng vẫy tay tạm biệt tôi. Trong phút giây ấy, tôi cảm thấy nàng cũng đã bước vào một cuộc hành trình đầy hiểm nguy mà cả hai chúng tôi chưa thấy đoạn kết thúc.

Số lượng chị em tham gia đấu tranh đông như đi trẩy hội. Người già có, trung niên có, thanh nữ và thậm chí cả thiếu nữ nữa. Đoàn người hùng dũng kéo đi miệng hô vang khẩu hiệu phản đối chính phủ. Không ai tỏ ra run sợ trước sự xuất hiện của hàng đàn hàng lũ cảnh sát. Ngay trong ngày đấu tranh đầu tiên, cảnh sát đã bắt giam hơn 1.000 chị em. Những người dẫn đầu đoàn đấu tranh, trong đó có Winnie, bị bắt đầu tiên. Tôi nhanh chóng đến nhà giam và khi nhìn thấy nàng, tôi thật không ngờ ánh mắt nàng lại sáng long lanh trong niềm vui to lớn đến thế. Tôi có cảm giác nàng lấy làm hãnh diện khi bị cảnh sát tổng vào ngục tối. Quả thật nàng đã tặng tôi món quà tinh thần vô giá. Tôi nói tôi với nàng rằng tôi rất tự hào về nàng. Nhưng tôi đã không thể ở lại lâu hơn với nàng. Cả núi công việc đang chờ đợi tôi.

Sau ngày đấu tranh thứ hai, số chị em bị bắt đã lên quá con số 2.000 người. Nhiều người bị chở về Fort và họ sẽ bị đưa ra tòa ở đó. Việc này không chỉ gây ra cho Oliver, tôi, mà cả cho cảnh sát và quản tù những khó khăn lớn. Nhà cầm quyền không còn nơi nhốt tù nữa. Thiếu chỗ, thiếu cả toilet và thiếu cả suất ăn, dù chỉ là suất ăn cho người tù. Chúng tôi trong ban lãnh đạo ANC tính đến việc vận động góp tiền ký quỹ để “chuộc” các bà, các chị ra. Ý tưởng này đã bị ban lãnh đạo cuộc đấu tranh phản đối kịch liệt.

Trong vòng hai tuần sau đó, tôi thường xuyên xuất hiện nhiều giờ trước tòa để đàm phán với nhà cầm quyền việc ký quỹ để nhận chị em ra khỏi nhà giam. Một số đã thực sự tức giận tôi. Một chị nói: “Này, Mandela, chúng tôi chán anh quá rồi đấy! Nếu anh không chấm dứt việc làm này thì không bao giờ chúng tôi

đến tòa án nữa đâu!”. Tôi hiểu tinh thần của chị em, nhưng là lãnh đạo, chúng tôi không thể làm khác. Với sự giúp đỡ của nhiều người, trong vòng hai tuần lễ chúng tôi đã “chuộc” tất cả ra khỏi nhà giam.

Winnie dường như đã trải qua những giờ phút căng thẳng trong nhà giam một cách thắng lợi. Tôi hiểu là nếu không phải như thế, và nàng có bị đau đớn thì chắc hẳn nàng cũng sẽ không nói với tôi. Trong thời gian phải ngồi trong nhà giam, nàng đã làm quen với hai quản tù nữ da trắng. Hai người này trở thành “bạn thân” của nàng. Sau khi nàng ra khỏi nhà giam, nàng đã mời hai người bạn mới có dịp đến thăm gia đình chúng tôi. Hai người đã đến thăm chúng tôi thật. Ba người đàn bà quen nhau trong nhà giam đã có một ngày vui khác thường. Khi họ trở về Fort cả hai phải lên tàu “chỉ dành riêng cho người da đen” (vì giữa Johannesburg không có tàu dành riêng cho người da trắng, bởi lẽ Orlando là khu dành riêng cho người da đen). Hai cô đã lên tàu như những người bình thường. Người đi tàu khác nhau là hai người đàn bà da trắng kia đã đến thăm gia đình da đen Winnie-Nelson Mandela! Đối với chúng tôi chuyện đó chẳng có gì đáng quan tâm và đáng bình luận. Nhưng đối với hai phụ nữ da trắng tốt bụng kia chắc không đơn giản. Về sau chúng tôi biết họ đã bị thải hồi. Chúng tôi không còn gặp lại hai chị nữa.

Phiên tòa xử “tội phản quốc” của chúng tôi diễn ra vào tháng 8 năm 1958. Chính phủ đã chuẩn bị “cực kỳ chu đáo” cho phiên tòa đại hình này. Đoàn bồi thẩm và công tố là những kẻ giết người da đen không ghê tay. Khó khăn lớn nhất cho chúng tôi là nhà cầm quyền không xử ở Johannesburg mà là ở Pretoria, cách Johannesburg 50 km. Pretoria là dinh lũy của đảng National Party, đảng cầm quyền. Trong khi đó, ANC hầu như chưa có cơ sở ở “dinh lũy” của những người da trắng cực đoan nhất Nam Phi này. Còn nữa, hằng ngày chúng tôi - bị cáo và đoàn luật sư bào chữa - phải đến Pretoria vừa tốn tiền vừa mất nhiều thời gian. Cả hai thứ ấy đều không dư dật đối với chúng tôi!

92 cán bộ ANC chúng tôi hằng ngày phải lên chiếc xe bus nát đến Pretoria hầu tòa.

Chúng tôi có một đoàn luật sư bào chữa tuyệt vời do luật sư Issy Maisels đứng đầu. Những luật sư danh tiếng của Nam Phi tự nguyện bào chữa cho chúng tôi gồm Bram Fischer, Rex Welsh, Vernon Berragé, Sydney Kantridge, Tony O'Dowd và GF Nicholas. Ngay trong ngày đầu tiên của phiên tòa, đoàn luật sư bào chữa đã thực hiện một cuộc tấn công đầy mạo hiểm sau khi bàn bạc và thống nhất ý kiến với chúng tôi. Trưởng đoàn Maisels đòi thẩm phán Ludorf và thẩm phán Rumpff “không đủ tư cách” để phán quyết tại một phiên tòa quan trọng như phiên tòa này. Lý do là hai vị này xung đột nhau về quyền lợi cho nên không đủ tư cách xét xử công minh được. Tiếng hoan hô ầm ầm trong phòng xử án. Đoàn luật sư nói rằng chính Rumpff từng là thẩm phán xử vụ “bất tuân luật pháp” năm

1952, nay lại đưa những nội dung hồi đó vào phiên xử này thông qua bản luận tội, như vậy sẽ không thể đảm bảo được tính công bằng của luật pháp trong vụ án này. Còn Ludorf thì năm 1954 đã từng làm luật sư bào chữa cho cảnh sát, vì lẽ đó ông ta cũng không đủ tư cách ngồi ghế phán quyết.

Đây là một chiến lược nguy hiểm, bởi vì có thể chúng tôi thắng trên mặt trận luật pháp nhưng sẽ có thể thua trong cuộc chiến. Nếu đồng thời chúng tôi cho rằng cả Rumpff lẫn Ludorf là thành viên của National Party thì sẽ có những thẩm phán khác tệ hại không kém hai nhân vật này mà chính quyền có thể bổ nhiệm thay thế họ. Sự thật thì chúng tôi chỉ muốn loại bỏ Ludorf và trong thâm tâm mong rằng Rumpff - một thẩm phán tương đối am hiểu luật pháp và tương đối trung thực - không vì yêu sách này mà từ nhiệm. Rumpff bao giờ cũng phán xét theo luật pháp, không phụ thuộc vào chính kiến của ông ta. Mà chúng tôi thì tin chắc rằng trước luật pháp chúng tôi vô tội.

Vào sáng thứ hai, cả ba thẩm phán xuất hiện. Ludorf tuyên bố ông ta từ nhiệm và tuyên bố rằng đã hoàn toàn quên phiên xử năm nào rồi. Rumpff khẳng định rằng ông không thấy phải từ nhiệm và tuyên bố rằng những kết luận từ phiên tòa “bất tuân luật pháp” năm nào sẽ không làm ảnh hưởng đến phiên tòa này. Người thay thế Ludorf là Bekker, người mà từ đầu chúng tôi mong chờ, bởi lẽ ông không có mối liên hệ nào với đảng cầm quyền National Party.

Sau thắng lợi đầu tiên, chúng tôi tổ chức cuộc tấn công thứ hai không kém mạo hiểm như trận đầu. Chúng tôi bắt đầu khiếu nại về những người làm cáo trạng vừa chậm chạp vừa không có trình độ luật pháp cần thiết. Chúng tôi cũng tuyên bố việc hoạch định các kế hoạch hành động bạo lực là cần thiết để cảnh cáo những kẻ đàn áp, và cuối cùng chúng tôi đòi bên nguyên phải đưa ra những minh chứng cho kết luận của họ rằng chúng tôi quyết định sử dụng bạo lực. Cuối cùng thì cả ba vị thẩm phán đều bày tỏ công khai ý kiến của họ rằng họ đồng ý với những gì chúng tôi khiếu nại và đề xuất. Tháng 8, thêm một người được thả, tháng 10 tòa án tuyên bố bản cáo trạng bị rút lại. Đó mới thật là bước tuyệt vời. Chúng tôi ăn mừng trong im lặng, bởi vì chỉ sợ nhà cầm quyền sẽ dùng thủ đoạn mới. Một tháng sau, người ta đưa ra một bản cáo trạng mới, và tòa tuyên bố rằng phiên tòa sẽ chỉ còn xử 30 bị cáo, những người khác sẽ xử sau. Tôi thuộc số 30 người này. Tất cả đều là thành viên của ANC.

Theo cáo trạng mới thì mục tiêu chính của tòa lúc này là chứng minh cho bằng được mưu đồ sử dụng bạo lực của các bị cáo. Người ta đã từng lập luận những bị cáo biết rất rõ là để đạt cho bằng được những mục tiêu của Hiến chương Tự do thì “khi cần thiết” phải dùng bạo lực lật đổ chính phủ. Cuộc tranh luận về luật pháp chung quanh vấn đề này kéo dài đến giữa năm 1958, tức là cho đến khi tòa án tuyên bố không truy tố 61 bị cáo kia.

Nhiều tháng liền, trận đấu trong tòa hầu như chỉ là các cuộc đọ sức khô khan về luật pháp. Cho dù đoàn luật sư khẳng định chính phủ đã hành động không nhất quán trong vụ này, song họ - tức nhà nước - vẫn tiếp tục thực hiện ý đồ ban đầu. Như viên bộ trưởng tư pháp tuyên bố: “Phiên tòa này sẽ được tiếp tục xét xử bất kể tốn kém bao nhiêu triệu bảng. Nó kéo dài bao nhiêu lâu ư? Không có vấn đề gì hết!”.

Vài phút sau, nửa đêm 4 tháng 2 năm 1958, khi tôi trở về nhà, Winnie đang trở dạ. Tôi nhanh chóng đưa nàng đến bệnh viện. Bác sĩ báo cho tôi biết nàng chưa sinh ngay. Tôi chờ trời sáng và lên xe bus đến hầu tòa ở Pretoria. Ngay sau khi phiên xử kết thúc, tôi nhanh chóng trở về và thấy cả mẹ lẫn con mạnh khỏe. Mừng khôn xiết. Tôi bế cháu lên và gọi bé là Mandela đích thực. Người họ hàng của tôi, tù trưởng Mdingi đặt cho cháu cái tên Zenani, có nghĩa như là “Người đã mang đến cho thế giới những gì?”. Một cái tên rất thơ, chứa đựng sự thách thức, và nói rõ ràng con người này sẽ có cống hiến cho đời. Đó không chỉ là một cái tên đơn giản con người sở hữu, mà còn phải sống cho nó.

Mẹ tôi từ Transkei đến với hai mẹ con cháu. Mẹ tôi muốn làm lễ vào đời cho cháu theo phong tục của người Xhosa bằng cách cho cháu tắm nước thơm của một loại thực vật. Winnie cho rằng cách làm ấy đã quá cổ, và lại nước tắm ấy không vệ sinh. Nàng đã tắm cho con bằng nước pha tinh dầu ô liu, bôi phấn Johnson và cho uống dầu cá.

Winnie nhanh chóng bình phục. Nàng lại bắt tay vào công việc. Tôi dạy nàng lái xe. Ngày ấy ở Nam Phi lái xe là việc của đàn ông. Winnie nghĩ khác. Nàng cho một công việc mà nàng không thể thoái thác cho ai.

Khi dạy nàng sang số, Winnie cãi lại tôi nhiều lần. Lần cuối cùng khi những chỉ dẫn của tôi bị bỏ ngoài tai, tôi dừng xe và ra ngoài, để lại một mình nàng. Nhưng thật thú vị là dường như không có tôi nàng trở nên linh hoạt hơn. Trong hơn một giờ ấy nàng đã có thể điều khiển chiếc xe theo ý mình, qua các đường phố. Vào thời điểm ấy, hai chúng tôi cũng đã “nguôi cơn giận” và dễ dàng hòa giải với nhau. Về chuyện này mỗi lần kể lại chúng tôi không nín được cười.

Làm mẹ và quản lý gia đình không phải là việc nhẹ nhàng đối với Winnie. Hồi ấy nàng mới 25 tuổi, sự phát triển chưa hoàn thiện. Trong khi đó tôi đã trở thành người đứng tuổi và thuộc loại khá ngoan cố. Tôi biết nhiều người chị gọi nàng là “vợ Mandela”. Đối với nàng thật khó khăn giữ và phát triển được hình ảnh độc lập của mình trong cái bóng của tôi. Về phần mình tôi đã làm tất cả những gì có thể để nàng phát huy hết năng lực và bản lĩnh của mình. Và, nàng đã nhanh chóng đạt được những gì tôi mong muốn và nàng ao ước. Nàng nhanh chóng không cần đến sự hỗ trợ nữa.

Ngày 6/4/1959 - ngày Jan Van Riebeeck đổ bộ vào Kap mở đầu cuộc xâm lược của thực dân da trắng ở Nam Phi - tổ chức chính trị mới ra đời. Đại hội Dân

tộc toàn Phi (Panafrika Congress) viết tắt là PAC, tổ chức quan trọng thứ hai sau ANC. Mục tiêu của PAC cũng là xóa bỏ sự thống trị của người da trắng trên đất Nam Phi kéo dài suốt 300 năm nay. Đại hội thành lập PAC đáng tiếc đã phê phán tính đa chủng tộc của ANC. Cũng như chúng tôi 15 năm trước đã nhận định khi thành lập Đoàn Thanh niên, PAC phê phán ANC thiếu hẳn lực lượng quân sự, không có mối liên hệ với quần chúng đông đảo và do những người không phải người Phi da đen lãnh đạo. PAC đề ra mục tiêu đầy tham vọng giải phóng Nam Phi khỏi ách thống trị của người da trắng vào năm 1963.

Nhiều thành viên của ANC gia nhập PAC. Trong PAC có cả những đảng viên cộng sản kỳ cựu, trong số đó có cả người bạn đồng nghiệp của tôi là Gaur Rabebe. Tôi hết sức ngạc nhiên khi một ủy viên trung ương đảng Cộng sản là thành viên lãnh đạo của PAC, và ông đã lập tức quay lại phủ định chủ nghĩa Mác. Do bản chất chống cộng của nó, PAC trở thành “bồ” của báo chí phản động Nam Phi và phương Tây. Bộ ngoại giao Mỹ gọi sự ra đời của PAC là mũi lao cắm vào tim phái tả châu Phi nói chung và Nam Phi nói riêng. Người Mỹ nhiệt liệt chào mừng sự kiện này. Ngay cả Đảng National Party cũng gọi PAC là “đồng minh đầy tiềm năng”. Những nhà dân tộc chủ nghĩa cực đoan này khước từ mọi sự hợp tác trong cộng đồng các dân tộc da đen. Để phục vụ cho chính sách của mình, đảng National Party ở Nam Phi và Bộ ngoại giao Hoa kỳ tôn vinh PAC là tổ chức chính trị lớn, có ý nghĩa to lớn đối với Nam Phi.

Mặc dù ANC chào mừng sự ra đời của PAC cũng như chương trình hành động của họ, trong thực tế họ chỉ là những kẻ phá ngang sự nghiệp giải phóng của các dân tộc bị áp bức ở Nam Phi. Chính họ đã chia rẽ dân tộc sâu sắc trong thời điểm nghiêm trọng nhất. Khi chúng tôi kêu gọi tổng bãi công thì PAC khuyến khích và kêu gọi công nhân đến hầm mỏ, viên chức đến công sở. Cho dù mọi chuyện diễn ra khác thường, ANC vẫn hy vọng tạo được sự thống nhất giữa hai tổ chức chính trị trong những vấn đề quan trọng mà hai bên trình trọng tuyên bố theo đuổi đến cùng, coi đó là sự nghiệp thiêng liêng nhất. Chúng tôi hy vọng và vẫn cho rằng hai tổ chức có những cái chung nhiều hơn những khác biệt.

Một ngày sau đại hội thành lập PAC, tôi đến gặp chủ tịch Sobukwe - một người quen cũ - đề nghị được cung cấp bài diễn văn đọc tại Đại hội và các văn kiện chính trị khác. Sự quan tâm của tôi dường như làm ông ta hài lòng và hứa cung cấp cho tôi tất cả những văn kiện ấy. Lần gặp sau, tôi nhắc lại đề nghị ấy và Sobukwe nói rằng tài liệu đang trên đường đến văn phòng tôi. Sau đó tôi gặp một ủy viên lãnh đạo PAC khác - cũng là người quen cũ - tên là Leballo với đề nghị tương tự. Tôi nói chân tình: “Các người anh em hứa cho mình văn kiện Đại hội, nhưng chẳng ai gửi cho mình cả!”. Leballo nói: “Nelson này, chúng tôi quyết định không trao cho anh những văn kiện ấy, bởi vì chúng tôi biết rằng các anh sẽ sử dụng chúng để phản kích tôi”. Tôi bác bỏ lời khẳng định vô căn cứ và vô trách

nhiệm kia. Leballo tỏ ra ngượng, đánh trống lảng và cuối cùng cũng đã đưa cho tôi toàn bộ văn kiện thành lập PAC.

Năm 1959, Nghị viện Nam Phi ban hành đạo luật mà người ta gọi là “groot”. Đó là chủ nghĩa Apartheid triệt để và toàn diện trong tất cả các mặt của đời sống xã hội. Một thứ chủ nghĩa Apartheid chưa từng có trong lịch sử loài người. Khi công bố đạo luật này, viên bộ trưởng Wet Nel, tuyên bố cuộc sống hạnh phúc của từng người trên lãnh thổ Nam Phi và từng chủng tộc có thể đạt được trong sự hòa hợp dân tộc! Ông ta cũng khẳng định rằng người Phi (tức người da đen) không bao giờ có thể hòa hợp với các cộng đồng da trắng. Chính sách và đạo luật phi đạo đức của bọn phân biệt chủng tộc đã thể hiện quá rõ ràng: 70% người Phi da đen chỉ được sở hữu 13% đất đai canh tác. Cho dù 2/3 số người Phi sống trong các vùng lãnh thổ “dành cho người da trắng” họ hoàn toàn không có quyền sở hữu một tấc đất nào. Hệ thống chính trị này không chỉ tước quyền của người Phi da đen tại các vùng lãnh thổ rộng lớn “dành riêng cho người da trắng” mà ngay ở những vùng đất của họ, bởi vì nhà cầm quyền gọi những vùng đó cũng là “lãnh thổ của chúng ta”. Song điều thủ tướng Verword tuyên bố sau đây mới lột trần chân tướng của chính sách tàn bạo của chế độ Apartheid, rằng với việc phân chia vùng lãnh thổ để nó không còn bao giờ là nơi dung dưỡng bạo loạn - tức là những tổ chức và những chiến sĩ chống chính sách phân biệt chủng tộc của chính quyền phân biệt chủng tộc. Thiệt chí của chính phủ là như vậy đó!

Sự thật khác hẳn. Những cuộc phản kháng nổ ra khắp nơi, với quy mô ngày càng lớn về số lượng, mạnh về chất lượng, không chỉ trong vùng “lãnh địa của người da trắng” mà ở tất cả các vùng đất của người da đen. Hàng loạt người bị bắt, bị cầm tù, bị thủ tiêu là kết quả của những cuộc nổi dậy không còn dập tắt được, chống lại chính sách Apartheid khát máu của thực dân da trắng Buren.

Cuối cùng thì ngày 3/8/1959 - hai năm tám tháng sau ngày chúng tôi bị bắt - phiên tòa đại hình xét xử “tội phản quốc” cũng đã chính thức xử công khai. Cáo trạng chống lại chúng tôi. Tất cả 30 người đều bị buộc tội, không có ngoại lệ. Theo đoàn luật sư của chúng tôi thì đã bước vào giai đoạn nghiêm trọng. Trong khi hai tháng đầu, ủy viên công tố đã đưa ra 2.000 tài liệu “làm vật chứng”, gọi 210 nhân chứng, trong đó 200 nhân vật là của cơ quan mật vụ đặc biệt. Tất cả bọn này đều khai là đã ẩn nấp trong tủ, dưới giường, giả dạng làm cán bộ ANC - nghĩa là tất cả những thủ pháp bỉ ổi nhất có thể có - để tiếp cận nguồn thông tin của ANC. Nhưng phần lớn những tài liệu này đều được ANC công bố công khai. Ngoài ra, vô số tài liệu cảnh sát tịch thu qua các vụ khủng bố khám nhà từ năm 1952 đến năm 1954 cũng được đưa ra làm vật chứng. Chúng tôi không mấy quan tâm đến những lời buộc tội do ủy viên công tố gắng hết sức đọc thật to. Chúng tôi làm rối loạn trật tự, làm như chẳng thèm nghe những lời bịa đặt kia. Và chánh tòa dọa phạt tiền nếu chúng tôi không giữ trật tự.

Trong giờ giải lao sáng cũng như chiều, chúng tôi được ra khoảng sân của một nhà thờ. Tu sĩ và người của ông đã cho chúng tôi ăn, uống trà. Chúng tôi coi những giờ giải lao này như những giờ thư giãn quý báu làm cho đầu óc tỉnh táo lại và cũng nhân cơ hội này bàn bạc với nhau những điều cần thiết. Chúng tôi coi những ngày xử án là thử thách sự kiên nhẫn hơn là là kết quả của một vụ “trọng án”.

Sáng ngày 11/10 trên đường vào sân tòa án, chúng tôi được tin qua loa truyền thanh tổng trưởng lý Oswald Pirow chết do chứng nhồi máu não. Cái chết của ông là một tổn thất lớn của chính phủ, và từ giờ phút này tính hiệu quả và sự quyết liệt trong chính sách đối nội của nhà cầm quyền chỉ ít là tạm lắng xuống. Thẩm phán Rumpff công bố tin này trong một giọng buồn. Ông đã không tiếc lời ca ngợi “nhà làm luật” xuất sắc này! Mặc dù chúng tôi sẽ được nhiều khi ông ta vĩnh viễn không còn lại trên đời này nữa, song cái chết của ông đã không làm chúng tôi vui mừng. Sự thật là chúng tôi nhìn nhận ở con người này một sự tôn trọng nhất định bởi vì dù lòng tin chính trị của ông ta vào chính quyền và chế độ hiện hành thái quá, song ông là con người thẳng thắn, và không phải là nhân vật mang tư tưởng chủng tộc cực đoan của nhà cầm quyền, cho dù ông là đại diện của nhà nước này trong lĩnh vực pháp luật. Sự đối xử của ông đối với chúng tôi khá lịch sự. Ông không gọi chúng tôi là “bọn nhọ” như những “ông da trắng” khác mà là “cư dân châu Phi”. Chúng tôi cảm nhận từ giờ phút có Pinow trong phiên tòa đại hình lực lượng cân bằng, nhất là mỗi buổi sáng khi các bị cáo chúng tôi chứng kiến cảnh Pinow cầm trên tay tờ báo của phái hữu Nuwe Order còn Bram Fischer ở bàn chúng tôi lại đọc tờ New Age của cánh tả. Việc ông ta cho chúng tôi “mượn” hơn 100 tập tư liệu, tài liệu điều tra và sách luật trong giai đoạn đầu của phiên tòa mà không phải đóng một khoản chi phí nào là một cử chỉ đáng ghi nhận. Luật sư De Vos được bổ nhiệm giữ chức Tổng trưởng lý mới. Nhưng ông này không thể so sánh được với người tiền nhiệm ở mọi khía cạnh.

Sau khi Pirow chết, bên nguyên cũng kết thúc việc cung cấp vật chứng trước tòa án. Từ nay họ bắt đầu tham vấn các chuyên gia được bắt đầu từ khi người ta mời giáo sư Murray, chuyên gia về chủ nghĩa cộng sản, thẩm định các loại tài liệu gọi là cộng sản. Giáo sư Murray đã chứng minh sự bất lực của ông ta trong nhiệm vụ được tin cậy này.

Murray không phải là nhân chứng duy nhất của chính quyền chẳng có được một đóng góp nào thúc đẩy công việc cho chính quyền. Mặc cho có hàng đồng cái gọi là vật chứng và hàng ngàn trang ghi lời khai của đủ loại thám tử, của những kẻ bị mua chuộc, những kẻ phản bội và cả của nhiều chuyên gia, Tổng trưởng lý đã không làm sao có thể có được những bằng chứng xác thực, đáng tin cậy và có giá trị thực sự để có thể buộc tội ANC tổ chức các hoạt động khủng bố. Và chính sách họ biết rõ điều đó. Người ta hoãn các phiên xử sang tháng ba.

Đúng vào thời gian này, báo chí làm rùm ben lên rằng nhà cầm quyền đã có được những tài liệu tin cậy trong tay để buộc tội những kẻ chủ trương bạo lực. Tài liệu đó là gì vậy? Đó là bài phát biểu của Robert Resha đọc trong hội “Hội nghị tuyệt mật” và đã bị ghi âm. Resha vào năm 1956 với tư cách là người đứng đầu “Những người tình nguyện Transvaal” đã có bài phát biểu trước những thành viên của tổ chức này, tức là vài tuần trước khi chúng tôi bị bắt. Trong phòng xử án lúc ấy hoàn toàn yên lặng và vì vậy tất cả bị cáo, cử tọa và những người dự thính ngoài sân đều nghe rất rõ từng lời, từng chữ của Robert Resha trước tòa:

“Nếu bạn có kỷ luật và tổ chức của các bạn nói với các bạn không sử dụng vũ lực thì ắc hẳn các bạn không được sử dụng bạo lực... Nhưng nếu các bạn là những người tự nguyện chân chính và các bạn được yêu cầu phải hành động bạo lực thì đương nhiên các bạn phải sử dụng bạo lực. Các bạn phải hiện đại! Giết! Đó là tất cả!”.

Tổng chương lý tin chắc họ đã nắm chắc phần thắng. Báo chí đăng trên trang nhất những dòng này của Robert Resha có chữ rất lớn. Đối với chính quyền thì bài phát biểu của Resha khẳng định ý đồ bí mật nhưng trần trụi của ANC và như vậy là đã chính thức phủ nhận việc không sử dụng bạo lực. Trong thực tế, những lời trên của Resha chỉ là một ngoại lệ. Robert là một diễn giả nồng nhiệt cho dù ông hơi dễ xúc động. Những lời của ông đã không được chọn kỹ trước cử tọa. Nhưng đoàn luật sư của chúng tôi đã thật sự tuyệt vời khi họ chứng minh rằng những lời phát biểu ấy chỉ nói lên một điều: diễn giả khẳng định tính kỷ luật và một chân lý là các chiến sĩ tự nguyện sẽ thực hiện nghĩa vụ của mình khi có mệnh lệnh phát ra bất chấp mọi rủi ro. Các luật sư và những người làm chứng của chúng tôi nhấn mạnh rằng người ta không thể cắt những lời nói của Robert Resha khỏi bối cảnh chung, mà trên thực tế những lời nói ấy cũng không đại diện cho đường lối và chính sách của ANC.

Ngày 10/3/1960, bên nguyên kết thúc việc thẩm định chứng lý cuối cùng trước tòa. Chúng tôi có bốn ngày để mời những người đối chứng. Chúng tôi đã tiến hành sách lược bị động nhiều tháng trời nhằm kéo dài vụ án. Vào thời điểm này, chúng tôi quyết định phản công chứ không chỉ chống đỡ.

Nhân chức đầu tiên của chúng tôi trước tòa là tù trưởng Luthuli. Nhưng trước sự ngạc nhiên của chánh tòa, tổng chương lý, đoàn bồi thẩm lẫn báo chí là vào ngày 14/3/1960 ấy, người làm chứng đầu tiên là Tiến sĩ Wilson Conco.

Conco là con trai một người thuộc tộc Zulu, là chủ một trại chăn nuôi ở Natal. Ông là bác sĩ thực hành, là một trong những thành viên sáng lập Đoàn Thanh niên ANC và đã tham dự tích cực vào phong trào bất tuân luật pháp. Ngoài ra ông là ủy viên Tài chính của ANC. Trước khi khai trước tòa đại hình, Conco phải trả lời những câu hỏi của chánh tòa về học vấn của mình. Conco tự hào biết bao khi khẳng định qua văn bằng trước tòa rằng ông là sinh viên giỏi

nhất Khoa Y tại trường đại học Witwatersrand, hơn tất cả quý cô quý cậu da trắng con các ông ta bà lớn trong bộ máy cai trị Nam Phi. Lời khai trước tòa của Tiến sĩ Conco cùng với những cống hiến khoa học của ông cho Nam Phi đã buộc một trong ba thẩm phán, ông Kennedy, khẳng định rằng một con người tinh tế như thế không thể là một thủ lĩnh không có đầu óc, mà là một con người có những mục tiêu đáng trân trọng nhằm phục vụ cho nhân dân. Tóm lại Tiến sĩ Conco khẳng định ANC không chủ trương sử dụng bạo lực.

Người làm chứng thứ hai là tù trưởng Suthuli. với danh dự của mình, Luthuli đã tạo ấn tượng mạnh trước tòa. Ông bị bệnh huyết áp cao cho nên đã đề nghị và được tòa chấp thuận chỉ ra tòa làm chứng vào các buổi sáng. Những lời khai của ông trước tòa kéo dài suốt ba tuần và có những thời gian đã thực sự trở thành những cuộc tranh luận sôi động đặc biệt. Ông đã trình bày một cách hệ thống đường lối của ANC. Là nhà giáo và tù trưởng có uy tín, Luthuli đã chinh phục cử tọa bằng những lời nói rõ ràng, mạch lạc đầy sức thuyết phục. Là người theo đạo Kitô, mẫu người điển hình của sự hài hòa không phân biệt chủng tộc như chính ANC mà ông là Chủ tịch. Ông tuyên bố rằng mình tin vào phần thiện vốn là bản chất của con người, và đại diện cho lập trường quan điểm đạo đức và sức ép kinh tế có thể dẫn đến một sự thay đổi ở Nam Phi của người da trắng. Chính sách của ANC không sử dụng bạo lực khác với chủ nghĩa cải lương khước từ việc tự vệ cả khi bị đàn áp đẫm máu. Thứ chủ nghĩa đó không hẳn là trường hợp của những người không sử dụng bạo lực. Phải có lúc nào đó những con người nào đó hay cả một dân tộc dù chủ trương không sử dụng bạo lực cũng phải đứng lên đối mặt trực tiếp với những cuộc tấn công trực diện vào mình.

Trong khi chăm chú nghe Conco và Luthuli nói trước tòa, tôi chợt nghĩ rằng các vị thẩm phán cầm cân nảy mực nơi pháp đình này có lẽ lần đầu tiên trong đời họ không phải chỉ chăm chú nghe những ông chủ của họ và nói với họ những gì họ muốn mà thôi, mà là họ đang nghe những cư dân châu Phi độc lập am tường văn hóa đang trình bày khúc chiết lập trường chính trị của mình, lòng tin của mình mà họ tin chắc và hy vọng sẽ biến thành hiện thực.

Luật sư Trengrove của tòa đại hình đã dùng những lời lẽ gay gắt theo kiểu thẩm vấn buộc Luthuli xác nhận ANC do người cộng sản kiểm soát và thực thi một chính sách hai mặt: với dư luận công khai là chính sách không sử dụng bạo lực, nhưng trong bí mật thì lập kế hoạch tiến hành cuộc cách mạng bạo lực. Luthuli đã bác bỏ mọi lập luận và sự nguy biến của Trangrove. Những gì Trengrove hoạch định và mưu đồ là quá tầm thường và dường như ông ta đã có lúc không kiểm soát nổi chính mình. Trangrove xoay quanh một điểm để buộc tội Luthuli là kẻ bịp bợm. Luthuli đã thẳng thừng bác bỏ sự vu khống của Trangrove và với bất cả sự bình tĩnh và tự chủ cao nhất, ông tuyên bố với tòa: “Thưa quý ngài, tôi có cảm tưởng là chính quyền đã đi lệch quỹ đạo rồi!”.

Ngày 21/3/1960, sự kiện làm rung chuyển đất nước đã buộc Luthuli tạm hoãn các buổi trình tòa. Vào đúng ngày hôm đó đã diễn ra một sự kiện gây chấn động không chỉ Nam Phi mà cả châu lục, và trong dư luận thế giới. Chính quyền Nam Phi ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước sau cuộc khủng bố đẫm máu phong trào phản kháng của người Phi da đen chống chính sách kìm kẹp hà khắc của chế độ phân biệt chủng tộc ở cấp độ mới.

Năm 1959, phong trào phụ nữ chống chính sách căn cước bị khủng bố tàn bạo. Thế nhưng phong trào phản kháng của quần chúng lên rất cao, khẳng định sự thức tỉnh của một bộ phận quan trọng trong nhân dân là phụ nữ và các hoạt động của các phong trào tiến bộ, đã trở thành căn cứ cho quyết định của ANC tổ chức ngày phản kháng “chính sách căn cước” trong mọi ngành, mọi giới, mọi tầng lớp nhân dân. Ngày đồng loạt xuống đường được nhất trí trong kế hoạch hành động là 31/3/1960.

Cán bộ lãnh đạo các cấp của ANC lên đường đến tất cả mọi vùng của đất nước tổ chức phối hợp kế hoạch hành động thống nhất, đồng loạt cho ngày phản kháng này. Chính quyền Nam Phi đánh hơi được nguy cơ sắp xảy ra. Người ta đe dọa cấm ANC ngay tức khắc. Các thành viên chính phủ dùng bàn tay sắc trước mọi hành động phản kháng. Trong thời gian ấy, ở nhiều nước châu Phi, cuộc đấu tranh giải phóng chuyển mình mạnh mẽ. Nước Cộng hòa Ghana ra đời. Thủ tướng Kwame Nkrumah của Ghana cùng nhiều chính khách châu Phi khác tuyên bố chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Nam Phi đã thật sự làm cho bọn dân tộc cực đoan da trắng Nam Phi rơi vào cơn bão động cấp bách. Hành động “cấp bách” của chúng là đàn áp khốc liệt mọi hành động phản kháng trong nước. Cũng như trong năm 1960, hơn 10 quốc gia châu Phi trở thành các nước độc lập. Vào giữa năm này, trong chuyến thăm Nam Phi, thủ tướng Anh lúc đó là ông Harold MacMillan trước nghị viện Nam Phi đã công khai nói về “Một ngọn gió của sự thay đổi quan trọng đang thổi đến châu Phi”.

Vào thời gian này, PAC gần như đã mất hết tác dụng. Ban lãnh đạo đang phải vất vả tìm kiếm thành viên cho tổ chức của mình. Thế mà chính họ lại từ chối hợp tác với ANC trong ngày “ngày hành động thống nhất toàn quốc”: 31/3/1960. Họ quyết định tổ chức hành động phản kháng vào ngày 21/3 - tức là trước 10 ngày. Hành động này trên thực tế là chống lại ảnh hưởng của ANC chứ không phải kẻ thù của người Phi da đen cũng như da màu, người Phi gốc Ấn.

Và sự kiện phải xảy ra đã xảy ra. Ngày 21/3/1960, tại Sharpville cách Johannesburg 50 km về phía nam, các chiến sĩ PAC và quần chúng đông đảo vốn bất bình với chính phủ đã xuống đường tiến hành những cuộc tuần hành rầm rộ với khí thế ngùn ngụt chống đạo luật cấp khán chiếu phân biệt chủng tộc. Ngay từ sáng sớm, hàng ngàn người Phi da đen vây kín tòa thị chính, trụ sở cảnh sát. Những người biểu tình không một tắc sắt trong tay. Họ chỉ có hai bàn tay không

và lòng căm thù ngùn ngụt. Một đội cảnh sát chống bạo động 75 tên rơi vào giữa vòng vây của rừng người. Hỗn loạn như chợ vỡ. Và trong không khí sục sôi ấy, bọn cảnh sát đã nổ súng, nhả đạn và đoàn người tay không. Chúng không chỉ bắn một loạt mà còn tiếp tục bắn khi mọi người đã chạy tán loạn trên quảng trường, giữa đường phố.

69 xác chết sóng soài trên đường phố. Tất cả đều trúng đạn từ phía sau lưng. Cảnh sát đã bắn 700 viên đạn vào người biểu tình. Hơn 400 người bị thương, trong đó có rất nhiều phụ nữ và trẻ em. Đó là một cuộc thảm sát đẫm máu cực kỳ tàn bạo. Sáng hôm sau, báo chí trên toàn thế giới đăng trên trang nhất những hình ảnh kinh hoàng này ở nước Nam Phi do những “kẻ văn minh da trắng” điều hành.

Những viên đạn giết người ở Sharpeville đã thổi bùng ngọn lửa phản kháng quyết liệt của quần chúng đông đảo. Chính quyền rơi vào khủng hoảng. Cả thế giới lên tiếng phê phán gay gắt hành động khát máu ghê tởm này. Lần đầu tiên, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc thảo luận tình hình Nam Phi. Hội đồng Bảo an buộc tội chính quyền Nam Phi chịu trách nhiệm về vụ thảm sát Sharpeville và đòi họ phải có những biện pháp đảm bảo quyền bình đẳng cho mọi chủng tộc tại Nam Phi.

Thị trường chứng khoán Johannesburg sụt giá thảm hại. Tư bản bắt đầu chảy ra nước ngoài. Người da trắng tính đến chuyện ra đi. Những người tự do gây sức ép với thủ tướng Verwoerd phải có những nhượng bộ với người Phi. Nhưng bọn cầm quyền da trắng Buren vẫn khẳng định Sharpeville là kết quả của một âm mưu đảo chính cộng sản.

Cuộc thảm sát tạo ra tình thế mới trong nước. Chỉ trong vòng một ngày, các chiến sĩ PAC vốn không được chú ý mấy, đã đứng ở hàng đầu các cuộc đấu tranh. ANC chúng tôi đã nhanh chóng hưởng ứng và tiếp bước những người anh em của mình, tạo ra tình thế mới.

Ngày 26/3/1960, Chủ tịch ANC Luthuli đã chính thức đốt khán chiếu của mình công khai trước mặt nhiều người ở Pretoria và kêu gọi mọi người hãy làm như ông. Ở Orlando, Duma Nokwe - thành viên ban lãnh đạo ANC - và tôi đã đốt khán chiếu của mình trước mặt hàng trăm người dân và hàng chục ký giả nước ngoài và trong nước. Cùng ngày, Luthuli kêu gọi tổng bãi công vào ngày 28/3, lấy ngày hành động thảm sát những người dân vô tội ở Sharpeville.

Cả nước hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch ANC. Chỉ trong vài ngày sau, hàng trăm ngàn người khắp Nam Phi đã rầm rộ hưởng ứng lời kêu gọi của ANC. Ngày 28/3/1960, trong các cuộc tuần hành diễn ra khắp nơi trên toàn lãnh thổ Nam Phi, hàng trăm ngàn người đã công khai đốt khán chiếu. Chỉ có một phong trào quần chúng rộng lớn thật sự mới có khả năng phối hợp các hoạt động một cách đồng bộ trong phạm vi rộng lớn. ANC đã làm việc đó một cách hoàn chỉnh.

Ở Kapstadt đã có 50.000 người tràn ngập mọi đường phố, hô vang khẩu hiệu phản đối hành động giết người dã man của cảnh sát. Trong rất nhiều vùng khắp Nam Phi đã xảy ra xô xát giữa lực lượng biểu tình và cảnh sát cùng đủ loại cá chim, mật vụ. Chính phủ đã ban bố tình trạng khẩn cấp trong toàn quốc, thẳng tay đàn áp mọi sự “chống đối”. Một không khí chiến tranh thật sự và trên thực tế, chính quyền phân biệt chủng tộc đã tuyên chiến công khai với các lực lượng yêu nước và dân thường.

Một giờ rưỡi sáng 30 tháng 3 năm 1960, có tiếng đập cửa nhà tôi rất mạnh. Không khó khăn lắm tôi cũng nhận ra đó là tiếng đập cửa của cảnh sát. Vậy là giờ đã điểm - và khi mở cửa tôi đã nhìn thấy hơn 10 tên cảnh sát vũ trang mặt hầm hầm sát khí. Tất cả bọn họ đều từ cơ quan an ninh. Chúng ủa vào khám nhà, tịch thu từng mẩu giấy, lấy đi cả tờ ghi chú gia phả của mẹ tôi viết để lại cho các thế hệ kế tiếp biết gốc gác, tổ tông của mình. Không cần có lệnh của tổng chương lý, chúng tuyên bố bắt tôi. Cảnh sát không chấp nhận cho tôi gọi phen cho luật sư của mình. Chúng từ chối không cho vợ tôi biết chúng sẽ mang tôi đi đâu. Tôi chỉ gật gù với Winnie. Không có thời gian cho lời an ủi động viên.

Nửa giờ sau, chúng tôi đến đồn cảnh sát vốn là nơi quen thuộc bởi vì nơi này tôi đã từng đến gặp khách hàng của mình. Trong phòng tạm giam có mặt nhiều chiến hữu của tôi. Họ đã bị bắt còn sớm hơn tôi, cũng theo cách như vậy. Những người tiếp tục bị đưa đến và cho đến sáng thì đã có 40 cán bộ ANC bị đưa về đây bất chấp luật pháp. Chúng đưa tất cả ra sân. Ở đó chỉ có một ngọn đèn mờ, bầu trời là mái che. Chúng tôi trải qua những giờ cuối cùng của đêm bằng cách đứng sát lưng nhau. Một viên sĩ quan cấp thấp ra lệnh cho chúng tôi trở vào phòng tạm giam. Hắn hét lên đầy vẻ hách dịch: “Nào, chúng mày vào đi. Kẻ nào bất tuân thượng lệnh sẽ được ăn 50 gậy và chúng tao sẽ đánh chúng mày vỡ quai hàm!”. Sau cuộc thảm sát Sharpeville thì những lời hùng hổ này hẳn không chỉ là lời nói suông.

Viên chỉ huy đồn cảnh sát cũng ra sân. Hắn đến chỗ tôi vẻ đầy khiêu khích và mắt hắn long lên khi nhìn thấy tôi vẫn đút hai tay trong túi quần. Hắn gào to: “Đây là cử chỉ trước sự hiện diện của sĩ quan chỉ huy sao?”. Tôi còn cho hai tay sâu hơn vào túi quần như thể đang đi dạo chơi trong một buổi sáng lạnh giá. Tôi nói với “ngài sĩ quan” rằng chúng tôi sẽ đỡ lạnh và bỏ tay khỏi túi quần nếu nhà cầm quyền cấp bữa sáng cho chúng tôi. Mãi đến 3 giờ chiều, tức là 12 tiếng đồng hồ sau khi bị bắt, chúng mới cho chúng tôi nôi cháo nước nhiều hơn xác. Không có bát cũng không có thìa môi. Đói quá, anh em đã phải dùng hai bàn tay vốn cũng chẳng sạch sẽ gì, múc cháo. Sau “bữa ăn” anh em bầu tôi là “người phát ngôn”. Việc đầu tiên là chúng tôi phản đối việc bắt người trái với pháp luật.

Chúng đã phải mang chăn, chiếu cho chúng tôi. Tôi không tin là từ bản thủ đủ để mô tả thực trạng những chiếc chiếu và những tấm chăn người ta ném cho

chúng tôi. Những vết máu khô còn đọng lại trên những tấm chăn cùng với những mảng màu vàng hắc là do người tù trước nôn mửa ra, nay khô lại. Bọ lúc nhúc.

Vào lúc nửa đêm, người ta nói với chúng tôi rằng chúng tôi sẽ bị đưa ra ngoài. Chúng tôi không biết vì sao lại bị đưa ra ngoài vào lúc đêm khuya. Vài người cười với hy vọng mọi chuyện sẽ tốt hơn. Nhiều người khác hiểu rõ thực trạng hơn. Tôi là người đầu tiên bị gọi ra và được dẫn ra khỏi cổng nhà tù. Tôi chưa kịp bước vài bước “trên đất tự do” thì đã nghe tiếng gào của một tên sĩ quan cảnh sát:

- Tên họ!

- Mandela.

Hắn nói: “Nelson Mandela, tôi được lệnh bắt ông theo các điều khoản của đạo luật khẩn cấp”. Thì ra như vậy. Không phải chúng tôi được trả lại tự do mà là được đưa khỏi trại giam vì những đứa bắt chúng tôi vi phạm pháp luật vì không có lệnh bắt của cơ quan có thẩm quyền. Nay chúng “trả lại tự do” cho chúng tôi ở cổng nhà tù và từ nơi đó đọc lệnh bắt chúng tôi “theo đúng trật tự luật pháp”.

Sáng hôm sau tôi được dẫn đến văn phòng viên sĩ quan chỉ huy, Robert Resha đã có mặt ở đó trước tôi. Viên sĩ quan ra mặt “ông lớn” hoạch hợ trước “cử chỉ vô lễ” của tôi đêm hôm trước. Tôi nói lại rành rọt cho ông ta biết rằng: “Tôi không hề có nghĩa vụ là cấp dưới của ông và vì vậy tôi để tay trong túi quần là việc của tôi. Đêm qua như vậy, bây giờ cũng như vậy”. Viên sĩ quan chỉ huy bật khỏi ghế, nhưng bị một viên cảnh sát khác ấn ngồi xuống. Vào đúng lúc này, thám tử Helberg từ “cơ quan đặc nhiệm” bước vào. Hắn mơn trớn “Xin chào Nelson!”. Tôi xằng giọng: “Tôi không phải là Nelson của ông. Tôi là Mister Mandela”.

Người ta báo cho chúng tôi biết sẽ đưa tất cả về Pretoria và tất cả sẽ ra hầu tòa về “tội phản quốc”. Tôi không biết nên cười hay nên khóc nữa. Sau 36 giờ tác oai tác quái theo cái gọi là đạo luật khẩn cấp, người ta còn trông mong gì mà lại đưa tất cả về Pretoria để hầu tòa đại hình trong vụ án kéo dài nhiều năm nay chứ. Chúng đã nói là làm. Tất cả chúng tôi bị chở đến Pretoria và lập tức bị cầm tù chờ ngày ra tòa đại hình.

Ngày 31/3, phiên tòa được mở lại. Người làm chứng vắng mặt. Chỉ có các bị cáo là hiện diện đầy đủ. Tù trưởng Luthuli đang ở giữa cuộc đối chứng nhưng đã không có mặt. Thẩm phán Rumpff yêu cầu có giải trình về sự vắng mặt này với giọng đầy bức bối. Ông ta đâu biết được rằng đạo luật khẩn cấp đã ngáng chân phiên xử này. Luthuli cũng đã bị bắt tại nơi ông ở như chúng tôi và cũng bị ném vào nhà giam của cảnh sát thì làm sao đến Pretoria làm chứng được chứ! Rumpff đòi cảnh sát phải đưa Luthuli đến tòa để ông ta có thể tiếp tục đối chứng. Thẩm phán Rumpff tuyên bố hoãn phiên xử.

Về sau, chúng tôi được biết tù trưởng Luthuli bị bắt và hơn thế bị đánh đập khi chúng dẫn ông lên cầu thang. Chiếc mũ của ông bị rơi và ông đã dừng lại, cúi xuống nhặt mũ. Vào lúc ấy cảnh sát đã dùng gậy đánh ông vào đầu và lưng.

Đối với tất cả chúng tôi, hành động này là không thể chấp nhận. Một nhân vật cao quý như Luthuli, một người có nhiều đóng góp quan trọng cho đất nước, một tín đồ ngoan đạo vốn đang bị bệnh tim mà bị đối xử như một con vật bởi những con người không xứng đáng là bọn đánh giày cho ông, là một sự xúc phạm không thể tha thứ.

Sáng hôm sau, thẩm phán Rumpff thông báo trước tòa rằng cảnh sát từ chối đưa Luthuli đến tòa. Rumpff lại hoãn phiên xử một lần nữa. Chúng tôi nghĩ rằng sẽ được trở về nhà chờ ngày khác. Tất cả chúng tôi ra khỏi tòa án, ra bến xe bus. Ngay tại đó bọn cảnh sát lại “hốt gọn” chúng tôi một lần nữa. Chúng tôi vẫn bị cầm tù theo đạo luật khẩn cấp! Nhưng trong không khí hỗn loạn, cảnh sát đã phạm một sai lầm lớn. Wilton Mkwayi là bị cáo, từng là thủ lĩnh công đoàn nhiều năm, là thành viên ban lãnh đạo ANC. Ông bị bắt ở Fort Elisabeth trong một cuộc truy lùng của cảnh sát. Ông bị đưa về hầu tòa như chúng tôi tại tòa đại hình Pretoria. Không hiểu vì lý do gì mà Wilton tách khỏi đoàn tù Elisabeth. Những tên cảnh sát được lệnh bắt lại chúng tôi thấy một người từ xa sấn vào đoàn người bị bắt. Cảnh sát cho rằng ông ra gây rối, nhưng Wilton nói với chúng rằng ông là một trong 30 bị cáo phiên tòa đại hình kia. Cảnh sát không tin, đuổi ông ta đi. Đến lúc này thì Wilton nhận ra “cơ hội ngàn vàng” và ông đã “mất tăm” từ đó. Ông nhanh chóng rút vào bí mật, rồi sau đó bí mật rời Nam Phi và trở thành đại diện hải ngoại của Công đoàn Nam Phi. Về sau ông được cử sang Trung Quốc huấn luyện quân sự.

Vào những đêm ấy, người bị bắt từ khắp các vùng được dẫn độ đến Pretoria. Các cuộc truy lùng của cảnh sát đã bắt 2.000 người mà không cần phải thẩm vấn. Đàn ông, đàn bà bị bắt thuộc tất cả các chủng tộc và tổ chức chống đối chính quyền Apartheid. Quân đội khắp các vùng trong nước được đặt trong tình trạng báo động, chiếm lĩnh tất cả các vị trí chiến lược. Ngày 8 tháng 4, cả ANC lẫn PCA bị đặt ra ngoài vòng pháp luật theo một đạo luật mới được ban hành. Chỉ trong một đêm người ta sẵn sàng chuyển sang những tội ác đẫm máu nhất. Là thành viên ANC ư? Tội phạm đầy và có nghĩa là bị ném vào nhà tù bất cứ lúc nào mà khỏi cần xét xử. Ai ủng hộ ANC có thể phải ngồi tù 10 năm. Giờ đây mọi hành động phản đối không bạo lực, kiến nghị phản đối, biểu tình... đều là bất hợp pháp. Cuộc chiến đấu của ANC đã bước sang giai đoạn mới. Từ nay tất cả chúng tôi đều là những người “ngoài vòng pháp luật”.

Chủ nghĩa Apartheid trần trụi phân loại cả màu da và nơi giam tù. Ngay từ khi bị bắt vào trại giam, người da đen đã phải tách khỏi tù nhân da trắng. Nhưng việc tách tù nhân da đen và tù nhân người Phi gốc Ấn và các chủng tộc khác mới

thật là sự điên rồ hiếm thấy. Chúng tôi đòi được giam chung, nhưng những yếu sách này bị bác bỏ thẳng cánh mà không cần bất cứ lời giải thích nào. Tuy nhiên nhà cầm quyền vẫn giam chung tất cả bị cáo của “vụ án phản quốc”. Nhà cầm quyền cũng chia thức ăn của tù theo màu da. Dĩ nhiên người tù da đen nhận khẩu phần kém nhất, chủ yếu là ngô, vì như chúng giải thích “người Phi da đen quen ăn ngô” trong khi tù da trắng ăn “thức ăn truyền thống” là bánh mì, còn người Phi gốc Ấn thì ăn cơm. Khẩu phần đường cũng khác nhau giữa các sắc tù. Người Phi da đen thường không được chấp nhận khẩu phần đường.

Trong thời gian bị giam ở Pretoria, tôi được “hưởng đặc quyền” một lần chạy xe về Johannesburg. Tôi có việc ở Văn phòng liên quan đến những quyết định của nhà cầm quyền. Trước khi chính quyền công bố đạo luật khẩn cấp Oliver Tambo được lệnh rời Nam Phi. Chúng tôi đã tính toán kỹ rằng thế nào bọn cầm quyền cũng sẽ khủng bố trắng, vì vậy một số cán bộ lãnh đạo ANC phải ra nước ngoài để thành lập các văn phòng ở hải ngoại nhằm hỗ trợ cho lực lượng trong nước.

Chuyến ra đi của Oliver được tổ chức thật hoàn thiện. Với sự thông minh, sự bình tĩnh và sự kiên nhẫn hiếm có và nhất là khả năng tổ chức tài tình của mình, anh đã hoàn thành nhiệm vụ không một chút sai lầm nhỏ nào. Trước khi ra đi, Oliver đã ủy nhiệm cho một đồng nghiệp yêu cầu tôi đóng cửa văn phòng luật sư chung của hai người. Người đồng nghiệp này đã báo cho nhà nước chức trách và vì thế tôi được trở về Johannesburg để làm cái công việc bắt đất dĩ này theo yêu cầu của nhà chức trách.

Viên sĩ quan Kruger lái xe đưa tôi về Johannesburg. Anh này cao lớn và sôi nổi, thường đối xử tử tế với người tù chúng tôi. Trên đường từ Pretoria về Johannesburg anh ta dừng xe nhiều lần dọc đường, xuống xe làm việc gì đó và để tôi lại một mình. Kruger mua đủ thứ nước giải khát, thức ăn mời tôi. Tôi hoàn toàn có cơ hội nhảy xuống xe và hòa vào đoàn người đông đúc trên đường. Trong thời gian ở Văn phòng tôi cũng có thể xuống cầu thang ra tiệm cà phê hoặc vào cửa hàng tạp hóa. Hai lần anh ta ra nơi khác khi Winnie đến thăm tôi. Dường như chúng tôi có một thỏa thuận ngầm của các bậc quân tử: tôi sẽ không tìm cách trốn thoát để gây khó khăn cho anh ta. Còn anh thì dành cho tôi một mức độ tự do nhất định.

Ngày 27/4 phiên tòa mở lại. Trước đó chúng tôi đã có những trao đổi tỉ mỉ với đoàn luật sư bào chữa về những chi tiết mới do đạo luật khẩn cấp làm ảnh hưởng đến vụ xử. Ngày 27/4, khi phiên tòa mở lại, chỉ còn 29 bị cáo. Wilton Mkwayi đã không còn trong số những bị cáo “phản bội tổ quốc”. Đoàn luật sư - theo thỏa thuận giữa chúng tôi và các vị luật sư bào chữa - cũng không xuất hiện. Chúng tôi từng người sẽ trình bày lập luận riêng của riêng mình. Chúng tôi cũng thống nhất trong trường hợp đoàn luật sư bào chữa vắng mặt thì luật sư da

đen Duma Nokwe và tôi được giao nhiệm vụ chuẩn bị cho những tình huống bất ngờ xảy đến trong phiên xử.

Ngày sáng 26/4 - một ngày trước khi phiên tòa tái xử - luật sư Duma Nokwe đã công bố rộng rãi rằng đoàn luật sư bào chữa sẽ vắng mặt trong phiên xử. Tin này là cho các thẩm phán bối rối. Họ hăm dọa chúng tôi sẽ phải chịu những hậu quả nặng nề nhất một khi tự mình nhận trách nhiệm tự bào chữa. Chúng tôi phản ứng đầy tức giận và tuyên bố sẵn sàng đối mặt không khoan nhượng với chính phủ cùng toàn bộ hệ thống pháp luật của nó. Và trên thực tế chúng tôi đã tự bảo vệ thành công, cho đến khi nhà cầm quyền hủy bỏ đạo luật khẩn cấp.

Chiến lược của chúng tôi thật đơn giản là kéo dài các phiên xử cho đến lúc người ta phải hủy bỏ đạo luật khẩn cấp, tạo cơ hội cho đoàn luật sư bào chữa trở lại tòa. Phiên tòa kéo đã quá dài và dường như chẳng còn đóng một vai trò nào đáng kể nữa nếu chúng tôi có cố tình kéo dài thêm nhiều tháng, thậm chí nhiều năm. Tôi nghĩ chiến thuật này hơi nực cười. Từ phút này mỗi người trong các bị cáo có quyền trước hết là tự bảo vệ mình, và có quyền gọi bất cứ bị cáo nào làm chứng cho mình trước tòa. Chúng tôi được sắp xếp theo vần trong danh sách bị cáo. Bị cáo số 1 là Farid Adams, một người Phi gốc Ấn. Anh bắt đầu thực hiện chiến thuật mới đã được thông qua. Anh gọi người tù số 2 là chị Helen Joseph - một chiến sĩ da trắng - là người làm chứng thứ nhất. Sau khi Helen bị Farid hỏi. Helen bị 27 người còn lại chất vấn. Theo cách này thì mỗi bị cáo đều thực hiện chừng ấy bước và như vậy vụ án có thể phải kéo dài đến hết thế kỷ 20 mà chưa chắc đã xong phần thủ tục!

Hoàn toàn không dễ dàng ngồi trong nhà giam mà có thể chuẩn bị cho một phiên tòa bình thường, nay lại thêm hàng rào phân biệt chủng tộc khắc nghiệt càng làm cho mọi việc phức tạp hơn, khó khăn hơn nhiều lần. Các bị cáo hoàn toàn bị cấm trao đổi ý kiến với nhau, hơn thế nhà tù phân biệt chủng tộc còn cách ly theo màu da, theo giới tính và vì thế chúng tôi đã không thể trao đổi được gì với Helen và các nữ bị cáo khác.

Như đã nói, Helen được gọi làm nhân chứng đầu tiên. Chị phải chuẩn bị tất cả những câu trả lời mà không có sự tham vấn của luật sư Duma, tôi và của Adams - người gọi chị ra làm chứng. Sau khi đàm phán căng thẳng với các cai tù, cuối cùng người ta cho chúng tôi gặp nhau hai bên song sắt dưới sự giám sát chặt chẽ của quản tù và mật vụ. Ba bị cáo nữ trong vụ này bị nhốt riêng thành ba nơi chỉ vì một là da trắng, một là da màu và một là da đen! Đã không có quan hệ với bị cáo nam, họ cũng không thể bàn bạc với nhau. Trong tù, trong các phiên xử, sự phân chia nhóm máu da, phân chia nam nữ như chia chuồng trong sở thú quả thật chỉ có ở Nam Phi, dưới bàn tay sắt của chủ nghĩa Apartheid tẻ nhạt và ngàn lần đáng nguyên rủa này. Trong khi đó, ở ngoài sân nhà tù cũng như tòa án chúng tôi có thể gặp bất cứ ai, đến bất cứ nhóm nào tùy ý.

Chúng tôi đã tập các “vai diễn” trong những phút được gặp nhau trên sân tòa án. Để giúp Helen hoàn thành vai kịch của chị, tôi sắm vai người chất vấn - vốn là vai Adams sẽ thực thi trước đoàn bồi thẩm. Tôi là bộ mặt nghiêm trang như đứng trước tòa, bắt đầu lên giọng:

- Tên?

- Helen Josesph.

- Bao nhiêu tuổi?

Im lặng. Tôi nhắc lại: “Bao nhiêu tuổi?”

Helen xề môi như chờ đợi điều gì đó. Và nhìn tôi với ánh mắt không chút thiện chí và nói với giọng rất sắc: “Nelson này, tôi bao nhiêu tuổi thì liên quan quái gì đến trường hợp này chứ?”

Helen là một phụ nữ xinh đẹp và dũng cảm, nhưng thỉnh thoảng hơi trái tính. Chị không còn trẻ nữa và ở điểm này người đàn bà nào cũng rất nhạy cảm. Tôi giải thích cho chị rằng việc hỏi tên tuổi là bình thường như tên tuổi, nghề nghiệp, dân tộc, xuất thân giai cấp, quê quán... Tuổi của một người làm chứng giúp cho tòa thẩm định những lời khai của họ, và như vậy ảnh hưởng đến án quyết rất đáng kể.

Tôi tiếp tục:

- Bao nhiêu tuổi?

Chị im lặng, rồi bỗng khô khốc: “Nelson này, tôi có thể nhảy qua cầu nếu quá thật trước tòa án có xây một cái cầu là vật cản, nhưng không phải là bây giờ, trước khi tòa phán quyết. Hãy tiếp tục chuyện khác đi!”

Tôi đặt ra cho chị một loạt câu hỏi mà chắc chắn chánh tòa sẽ chất vấn chị, song tôi đã làm như mọi việc sẽ diễn ra như thật chứ không phải như giữa hai người cùng chí hướng đang luyện bài. Helen bỗng quay sang tôi, nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Nelson, anh là Mandela hay là nguyên cáo hử?

Tôi được đến thăm nữ tù vào những ngày cuối tuần. Tôi mang đến cho Helen những tài liệu cần thiết liên quan đến phiên tòa. Trong những dịp như vậy tôi có cơ hội gặp gỡ các nữ khác và cũng có điều kiện trao đổi câu chào hỏi với các nữ quản tù. Bao giờ tôi cũng tỏ ra lịch sự đối với họ và tôi nhận ra rằng nhiều quản tù da trắng tỏ ra thích thú khi tôi đến. Các nữ quản tù da trắng hẳn là không bao giờ ngờ có một “con vượn người” lại có thể là luật sư hay bác sĩ. Họ coi tôi như một loại sinh vật lạ. Khi đã tin cậy rồi, họ tỏ ra nhã nhặn và hữu nghị. Thậm chí họ đã có thể nói đùa với “sinh vật lạ” này. Nhân cơ hội này tôi cũng “nịnh đầm” rằng phải chi tôi được làm công việc của các nàng!

Một lần trong câu chuyện trao đổi khá lâu với Helen, tôi hướng sang một nữ quản tù da trắng, người có trách nhiệm giám sát chặt chẽ cuộc trao đổi giữa hai chúng tôi: “Tôi ái ngại là chị phải chán với câu chuyện dài dằng dặc của chúng

tôi”. Chị nói: “Không phải thế đâu. Nó không làm tôi chán chút nào, thậm chí còn trái lại nữa kia!”. Tôi nhận ra quả thật chị ta theo dõi khá chăm chú câu chuyện trao đổi của chúng tôi, thậm chí còn góp thêm đôi ba ý. Tôi coi đây là một trong những sản phẩm phụ tích cực của phiên tòa. Hầu hết các nữ quản tù đều không biết vì sao chúng tôi bị cầm tù, chúng tôi đấu tranh cho cái gì và vì sao chúng tôi chấp nhận rủi ro vào tù bất cứ lúc nào.

Đó chính là gốc rễ của vấn đề vì sao National Party ngoan cố và kiên trì chống lại mọi hình thức hòa đồng giữa các bộ tộc, chủng tộc ở đất nước này. Chỉ có quyền bầu cử cho người da trắng xuất phát từ tư tưởng áp đặt về cái gọi là nguy cơ đen và qua đó các đảng này chỉ là tập hợp của những con người mang triết lý phân biệt chủng tộc của loài quái vật. Chúng phủ nhận tư tưởng của như các chính kiến của người Phi.

Những ngày bị giam trong ngục dù có những phút nhẹ nhõm cũng không thể quên đi những khó khăn to lớn. Winnie được phép đến thăm tôi và mỗi lần nàng đều mang theo Zenani mới lằm chằm biết đi và bi bô. Tôi bế cháu, hôn và đôi má bầu bĩnh của cháu khi được những người coi tù cho phép. Sau giờ thăm tù, tôi trao Zenani lại cho Winnie. Mỗi lần chia tay cháu đều vậy như muốn nói “Ba ơi ra đây với con”. Tôi đọc được trong ánh mắt ngây thơ của cháu sự ngỡ ngàng rằng vì sao điều đơn giản ấy lại không thể!

Chiến thuật của chúng tôi được thực hiện theo kế hoạch trước tòa. Một hôm các bị cáo bỗng tập trung trước sân tòa án sau một phiên xử. Các bị cáo chất vấn tôi vì sao tôi không cho đoàn luật sư bào chữa xuất hiện trong các phiên xử. Tôi cảnh báo họ chớ mất lòng dũng cảm và khẳng định hành động của chúng tôi đang phát huy hiệu quả. Dĩ nhiên trong những bước tiến phải chấp thuận bước lùi nhất định vào một thời điểm nhất định. Đây là cuộc đấu lực giữa hai luồng tư tưởng nhân đạo và bất nhân. Có nhiều vấn đề chúng ta cần quan tâm hơn là phương pháp đang được vận dụng trong phiên tòa này. Những người phản đối tôi im lặng.

Tôi phải khai vào ngày 3/8. Do chuẩn bị lời khai cho nhiều chiến hữu, tôi cảm thấy mình được trang bị khá đầy đủ. Sau ba năm im lặng, bị cầm cố và giam lỏng, hôm nay tôi thật sự vui mừng có được cơ hội nói hết những quan điểm của mình, của ANC trước những người nhân danh pháp luật phán xét tôi. Tôi nói chậm rãi, không to tiếng nhưng khẳng định hơn một lần nghĩa vụ của ANC tiến hành cuộc đấu tranh phi bạo lực. Trả lời câu hỏi liệu các cuộc cải cách từng bước có dẫn đến một nền dân chủ hay không, tôi khẳng định là có.

“Chúng tôi đòi quyền phổ thông đầu phiếu và sẵn sàng gây áp lực kinh tế để thực hiện cho bằng được mục tiêu đề ra, chúng tôi sẽ tiến hành chiến định bất tuân pháp luật đơn lẻ hay tập thể cho đến khi chính phủ phải ghi nhận và nói: “Thưa quý vị, chúng tôi không thể chấp nhận tình trạng đạo luật bị vi phạm bằng những cuộc tổng bãi công đồng loạt. Hãy để cho chúng ta thảo luận với nhau”.

Về phía mình, tôi sẽ đáp lại: “Đúng thế. Chúng ta hãy thảo luận với nhau” và chính phủ đáp: “Chúng tôi tin rằng người da trắng hiện chưa sẵn sàng cho một hình thức chính phủ mà người da trắng không chiếm đa số tuyệt đối! Chúng tôi cho rằng sẽ dành cho các vị 60 ghế trong nghị viện. Người Phi da đen sẽ bầu chọn 60 nghị sĩ da đen cho mình. Họ là đại diện của người da đen ở Nghị viện. Chúng ta sẽ giữ tình trạng này trong khoảng thời gian 5 năm và sau đó sẽ xem xét lại. “Theo tôi thì đó sẽ là một thắng lợi, thừa quý vị quan tọa. Chúng tôi đã tiến hành một bước đi có tính chất quyết định theo hướng phổ thông đầu phiếu cho tất cả cử tri người Phi. Và chúng tôi sẽ tuân thủ tình trạng này trong 5 năm.”

Chính quyền tìm mọi cách chứng minh rằng tôi là một nhân vật cực kỳ nguy hiểm, một người cộng sản tuyên thệ bạo lực. Mặc dù tôi không phải là một người lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thậm chí không phải là đảng viên thì tôi cũng không thể để cho người ta nhìn nhận mình có ý cách ly với những đồng minh cộng sản của chúng tôi. Cho dù vì những lời tuyên bố công khai này người ta lại có thể ném tôi vào lao tù thì tôi cũng không chần chừ khẳng định lại rằng những người cộng sản đã ủng hộ chúng tôi mạnh mẽ đến mức nào. Tòa đã xoáy vào một điểm liệu tôi có đại diện cho quan điểm một đảng lãnh đạo chính quyền có phải là giải pháp cho Nam Phi hay không.

“Thưa quý vị, đó không phải là vấn đề của hình thức mà là vấn đề của nền dân chủ. Nếu như nền dân chủ được đảm bảo trong hệ thống độc đảng thì chắc chắn tôi sẽ nghiên cứu nghiêm túc đề nghị này. Nhưng nếu nền dân chủ được hiện thực tốt nhất trong cơ cấu hệ thống đa đảng thì tôi cũng sẵn sàng xem xét một cách kỹ lưỡng. Trong đất nước này hiện chúng ta đang có một hệ thống đa đảng, nhưng hễ liên quan đến những người không phải là da trắng thì cái gì đang hiện hữu ở đây nếu không phải là chủ nghĩa bạo lực, và khủng bố nhục nhã nhất mà con người có thể tưởng tượng.”

Tôi thực sự cảm giận thẩm phán Rumpff khi ông ta mắc phải sai lầm như nhiều người da trắng khác khi đề cập đến vấn đề quyền phổ thông đầu phiếu. Theo quan điểm của họ thì những cử tri có quyền bầu cử phải có trách nhiệm “trí tuệ”, tức là những người phải có học. Thật khó khăn khi phải lý giải cho một cái đầu đặc rằng “sự có học” hoàn toàn không có nghĩa chỉ là biết đọc, biết viết, phải có bằng B.A. Trái lại một người mù chữ thậm chí có thể có tầm nhìn và sự lựa chọn, nghĩa là “có học” hơn cả một người có học vị hàn lâm.

Thẩm phán Rumpff: Việc tham chính vào công việc của một quốc gia có giá trị nào đối với người chẳng hiểu biết gì cả?

Nelson Mandela: Thưa ngài Thẩm phán, điều gì sẽ xảy ra khi người da trắng mù chữ đi bầu?

Thẩm phán Rumpff: Họ sẽ không khuất phục như trẻ em trước ảnh hưởng của các vị thủ lĩnh chẳng?

Nelson Mandela: Không, thưa ngài thẩm phán, trong thực tế chuyện sẽ diễn ra như sau: Một quý ông ứng cử tại một khu vực nào đó. Ông ta phải đưa ra một kế hoạch hành động và nói thế này: “Đây là ý tưởng của tôi: Tôi chống lại việc hạn chế số lượng đầu bò của mỗi gia đình”. Người ta nghe chăm chú những điểm trong kế hoạch hành động của ông nghị tương lai này và cân nhắc liệu người này có vì quyền lợi riêng của ông ta hay không một khi ông ta đắc cử vào nghị viện? Trên cơ sở này cử tri sẽ bỏ phiếu cho một ứng cử viên. Ở đây cái gọi là học vấn chẳng đóng bất kỳ một vai trò nào cả.

Thẩm phán Rumpff: Nếu như anh ta chỉ chăm lo lợi ích của riêng mình?

Nelson Mandela: Không, một người đàn ông chỉ hướng tới một người đàn ông khác có khả năng tốt nhất thay mặt cho nguyện vọng của mình, và người ta sẽ bầu cho người đó.

Tôi tuyên bố trước tòa rằng chúng tôi tin tưởng những yêu sách của mình sẽ tới đích mà không cần phải sử dụng bạo lực, rất đơn giản là số lượng cử tri của chúng tôi áp đảo.

“Chúng tôi tin rằng trong tương lai không xa sẽ thực hiện được mục tiêu của mình. Áp lực kinh tế đã và đang đánh trúng bao tử của nhà cầm quyền. Người da trắng không thể bình chân như vại. Họ phải phản ứng và thưa quý ngài họ đã phản ứng quyết liệt đó.”

Đạo luật khẩn cấp bị bãi bỏ vào ngày cuối cùng của tháng 8. Lần đầu tiên sau năm tháng bị nhốt trong nhà giam, chúng tôi được trở về nhà mình. Winnie đã cùng một người bạn đạp xe đến Pretoria. Chúng tôi gặp lại nhau vui mừng khôn xiết. Suốt 5 tháng trời tôi không được một lần ôm nàng vào lòng, thậm chí không được nhìn nàng cười duyên. Lần đầu tiên sau năm tháng khổ ải tôi được ngủ ngon giấc với những giấc mơ đẹp ngay trên giường mình.

Khi bị ném vào tù người ta ao ước - cho dù chỉ là những điều nhỏ nhoi - như được tự do dạo chơi tại một vườn hoa nào đó vào bất cứ lúc nào ta muốn, được vào một nhà hàng, được mua tờ báo, được nói với người này người kia dăm câu ba điều, và thậm chí chẳng nói một lời nào trước bất kỳ ai. Tóm lại người tù mất hết tất cả.

Ngay cả sau khi đạo luật khẩn cấp bị bãi bỏ, vụ án vẫn còn kéo dài thêm 9 tháng nữa, cho đến ngày 29/3/1962. Đây là những ngày vẻ vang đối với các bị cáo, bởi vì tất cả những người làm chứng đã tuyên truyền công khai không chút ngại chính sách và đường lối của ANC. Robert Resha thẳng thừng phê phán nhận định bịp bợm của chính phủ rằng ANC âm mưu dùng bạo lực lật đổ chính phủ. Gert Sibande mô tả tòa án nghèo nàn như một trại chăn nuôi của người Phi. Một tu sĩ 81 tuổi, Isaac Behndy, tuyên bố ngay từ đầu ông đã coi vụ xử là hết sức vô nghĩa.

Tháng 10 năm 1961, giáo sư Mathews được gọi ra tòa là người làm chứng cuối cùng. Với giọng sâu mà vang, vị giáo sư đáng kính đồng dục ngưỡng cao đầu: “Phải, ANC đã vạch chiến lược thay thế chính phủ hiện hành bằng một “hình thức nhà nước khác cơ bản với bộ máy cai trị tàn bạo hiện hữu”. ANC đã tổ chức và tiến hành hàng loạt hành động phản kháng. Nhiều thành viên lãnh đạo ANC đã kêu gọi sử dụng vũ lực đáp lại bạo lực của chính quyền. ANC có một bộ phận thiên tả mà ai cũng có thể nhận ra rất rõ thông qua lập trường chống đế quốc, chống phương Tây và ủng hộ Liên bang Xô Viết. Thế nhưng những gì người ta đưa ra để gọi là làm bằng chứng trong vụ án này không thể đưa đến lợi buộc tội ANC thực thi chính sách dùng bạo lực nhằm mục tiêu lật đổ chính phủ hiện hữu.”

Tòa án đã buộc phải tuyên bố bên nguyên không thể chứng minh được rằng ANC là một tổ chức cộng sản, cũng không thể chứng minh Hiến chương Tự do nhằm mục tiêu thiết lập một nhà nước cộng sản. Sau 40 phút nghị án, chánh tòa long trọng tuyên bố: “Những bị cáo vô tội và tất cả được trả lại tự do”.

Cử tọa hoan hô như muốn vỡ tung phòng xử án. Chúng tôi vùng đứng lên nhất loạt ôm hôn nhau trong cảnh ồn ào náo nhiệt như chưa từng có. Tất cả chúng tôi tay nắm tay ra khỏi phòng xử án miệng hát vang, cười và khóc vì sung sướng.

Sau hơn 4 năm hầu tòa, sau cuộc tuần hành biểu dương lực lượng của các bị cáo và những lời hăm dọa của nhà cầm quyền, sau hàng núi vật chứng làm cơ sở kết tội ANC phản quốc, lời tuyên cáo cuối cùng của chánh tòa không có gì khác hơn là thất bại ê chề của nhà cầm quyền.

Ngay sau khi Đạo luật về tình trạng khẩn cấp bị bãi bỏ, Ban thường vụ ANC đã tiến hành phiên họp bí mật trong tháng 9 bàn về những định hướng hoạt động của tổ chức trong tương lai. Chúng tôi nhóm họp và bàn bạc ngay trong những ngày xử tại tòa án. Đó là cuộc họp chính thức quy mô đầu tiên sau khi chính quyền đàn dưng phiên tòa. Nhận định của hội nghị là: chính quyền vũ trang không phải để chống giặc ngoại xâm mà là để tiêu diệt lực lượng yêu nước và tiến bộ ngay trong lòng nó. Chúng tôi không giải tán tổ chức mà quyết định tiếp tục hoạt động trong bí mật. Chúng tôi buộc phải lùi một bước, không tổ chức các cuộc hội nghị công khai, kể cả các cuộc hội họp của các ban chấp hành ANC địa phương. Phải soạn thảo và thông qua cơ cấu tổ chức mới cùng với phương thức hoạt động bí mật. Hội nghị cũng khẳng định một sự thật không thể không tính tới: tất cả những cán bộ hoạt động bất hợp pháp cho ANC đều phải tính đến những rủi ro bị bắt, bị kết án và cầm tù. Ban Thường vụ phải tổ chức và phối hợp công tác có hiệu quả hơn trong điều kiện khó khăn hơn trước nhiều lần. Chúng tôi buộc phải quyết định giải thể Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ ANC. Nhiều người kịch liệt chống lại những nghị quyết này. Tuy nhiên không ai có thể phủ

nhận sự thật trớ trêu là mọi tổ chức của ANC giờ đây là “bất hợp pháp, bị đặt ra ngoài vòng pháp luật”.

Mặc dù văn phòng Tambo-Mandela đã giải thể song tôi vẫn hành nghề nhờ vào sự trợ giúp của các đồng nghiệp. Tôi đã tạo được những uy tín cần thiết trong dân chúng và vì vậy không thể bỗng chốc bỏ nghề, dễ gây dư luận không thuận.

Vào thời gian ấy, tôi dường như không còn đủ thì giờ cho những bữa ăn trong ngày và hầu như không có chút thì giờ nào cho gia đình. Hoặc là tôi phải ở lại rất khuya ở Pretoria chuẩn bị cho phiên tòa hoặc phải nhanh chóng và vội vàng trở lại Johannesburg để giải quyết một vấn đề cấp bách. Nếu có lúc nào đó được ăn bữa cơm tối với vợ con thì chuông điện thoại réo vang không ngớt. Vào thời gian này, Winnie lại mang bầu. Nàng đã tỏ ra kiên nhẫn tuyệt vời. Nàng chỉ ước ao có mặt cha khi cháu chào đời. Nhưng tôi đã không thực hiện được ước mong ấy của vợ và của chính mình.

Vào dịp Noel 1960, tôi được tin con trai Maxgatho ốm nặng. Bất chấp lệnh quản chế, tôi đã phóng xe suốt gần mười giờ trở về quê với cháu. Bệnh của cháu cần phải giải phẫu. Tôi đã chở cháu về Johannesburg và đưa cháu đến chỗ mẹ cháu để có thì giờ đi tìm bác sĩ giải phẫu cho cháu và mẹ cháu có điều kiện chăm sóc con. Trong khi phải ban chân bốn cẳng chạy khắp thành phố thì tôi được tin Winnie đau đẻ. Tôi nhanh chóng đến nhà hộ sinh và vui mừng khôn xiết khi nhìn thấy mẹ tròn con vuông. Cháu gái khỏe mạnh, nhưng Winnie thì rất yếu. Chúng tôi đặt tên cho cháu là Zindziswa - theo tên con gái của nhà thơ lớn của bộ tộc Xhosa chúng tôi. Tên ấy có nghĩa là “con thành công mỹ mãn”.

ANC giao trọng trách cho tôi cần tạo mọi điều kiện xuất hiện - kể cả công khai cũng như bí mật - tại các sinh hoạt chính trị của các tổ chức, đảng phái và quần chúng để khẳng định rằng ANC tồn tại, ANC vẫn sống và hoạt động bất chấp tất cả.

Trở lại với kết luận của chánh tòa đại hình. Tôi coi lời tuyên bố các bị cáo, những chiến sĩ yêu nước, đấu tranh cho tự do của Nam Phi là vô tội không phải là sự bào chữa cho hệ thống pháp luật, hoặc là một sự biểu hiện rằng một người da đen vẫn có thể được hưởng sự công bằng trước pháp luật trong một phiên tòa của người da trắng. Kết luận của chánh tòa là đúng đắn, một kết luận công bằng. Tuy nhiên ở đây vai trò của đoàn luật sư bào chữa cho các bị can mới thật tuyệt vời. Cũng cần nói thêm điều này: đoàn bồi thẩm đã làm việc theo luật pháp.

Tòa án là nơi duy nhất ở Nam Phi giữ được chuẩn mực của các điều khoản do luật pháp quy định. Ở đó không có chuyện tra tấn bức cung. Có lẽ sở dĩ tòa án còn giữ được phần nào sự nghiêm minh của luật pháp là nhờ hàng ngũ viên chức luật pháp từ thẩm phán đến chánh tòa, từ tổng chương lý đến các ủy viên công tố... đều được đào tạo có hệ thống, nghiêm túc. Công lao ấy - nếu có thể nói được như vậy - thì chính là do hệ thống luật pháp cũng như đào tạo chuyên gia của

đảng United Party trước đây. Rất nhiều viên chức được đào tạo theo hướng này vẫn tuân thủ và coi pháp luật là chuẩn mực cho mọi người bất kể họ là da trắng, da đen hay da màu...

Thời là sinh viên, tôi được dạy rằng Nam Phi là một quốc gia mà ở đó luật pháp ở vị trí cao nhất đối với tất cả mọi công dân không phân biệt chủng tộc, giai cấp, nam nữ, tôn giáo... Tôi từng hy vọng mình được lớn lên và có thể trưởng thành trong xã hội ấy, nhưng rồi khi có bằng luật sư ra hành nghề, đối mặt với thực tế phũ phàng mới thấy được bộ mặt thật của cái xã hội này. Có sự khác biệt như ban ngày và ban đêm giữa những gì người ta thuyết giáo trên giảng đường và những gì diễn ra trong tòa án. Quan niệm của tôi rằng luật pháp là thanh gươm công lý đã tan thành bọt xà phòng khi phải chứng kiến những kẻ mạnh tàn bạo bất chấp luật pháp đến mức nào trong hoạt động đàn áp những người không cùng chính kiến, những người đòi tự do dân chủ, những người dân nghèo đòi quyền sống như một con người. Người ta đã chà đạp lên tất cả, không có ngoại lệ, và với sự tàn bạo kinh hoàng. Vì lẽ đó tôi không bao giờ chờ đợi sự công bằng trong tòa án, mặc dù tôi đã và đang phấn đấu cho nó.

Nhà cầm quyền hiển nhiên rút được những kết luận thích đáng cho thất bại của họ từ phiên tòa này. Bài học quan trọng đối với họ là đừng bao giờ mở những phiên tòa tương tự như phiên tòa đại hình này. Từ ngày hôm đó chúng tôi không còn tin vào những quan tòa, những viên chức pháp luật nữa, đặc biệt là với những người không phải do chính quyền ủy nhiệm, bổ nhiệm. Người ta sẽ không bao giờ tạo thời cơ cho “bọn khủng bố” được mở mồm trước các vị trong đoàn bồi thẩm, không bao giờ cho bất cứ thằng tù nào có điều kiện đòi quyền nọ quyền kia khi đã bị tổng ngục để chờ xử hoặc đã thành án.

Sau khi tòa tuyên án, tôi không trở về nhà mình nữa. Cho dù niềm vui to lớn đến đâu sau thắng lợi này, các đồng chí của tôi và bản thân tôi biết rất rõ ràng nhà cầm quyền sẽ ra tay bất cứ lúc nào mà họ muốn. Còn chúng tôi thì không muốn tạo cho họ cơ hội ấy. Tôi muốn nhanh chóng rời xa thành phố trước khi trở thành người tù của chúng một lần nữa. Đêm đó tôi ngủ lại trong một ngôi nhà an toàn ở Johannesburg. Một đêm yên tĩnh đặc biệt trên giường lạ, và mỗi khi có tiếng xe hơi rú ga là tôi tỉnh hẳn lại vì nghĩ rằng có thể bọn âm binh lại đã xuất hiện.

Walter và Duma chia tay tôi. Tôi dự định đến Port Elizabeth, bàn với các chiến hữu ở đó về cơ cấu hoạt động bí mật của ANC.

Cuộc sống bí mật đòi hỏi sự nhạy cảm đặc biệt trước mọi tiếng động, mọi âm thanh khác thường. Phải có kế hoạch chi tiết cho mỗi hành động nhỏ nhất. Không có gì là ngớ ngẩn cả. Tất cả đều phải được cân nhắc. Mình có thể không phải là mình khi cần thiết, phải biết thay hình đổi dạng, phải biết lột xác để đánh lừa kẻ thù. Đối với người da đen châu Phi, việc thay hình đổi dạng không phải là chuyện quá khó khăn. Dưới chính thể Apartheid người da đen vốn đã sống như

một cái bóng giữa hợp pháp và bất hợp pháp, giữa công khai và ngụy trang. Ở Nam Phi, làm một người da đen có nghĩa là phải nghi ngờ tất cả và quả thật chẳng khác bao nhiêu với cuộc sống trong bóng đêm bí mật.

Tôi trở thành sinh vật của ban đêm. Ban ngày tôi sống ở nơi trú ẩn và khi hoàng hôn đổ xuống, tôi xuất hiện, thực thi nhiệm vụ của mình. Tôi hoạt động từ địa bàn Johannesburg, thỉnh thoảng đi xa khi cần thiết. Tôi thường lưu lại trong những dãy nhà vắng không người và tốt nhất là không gặp ai cả và không để ai tò mò quan sát và phát hiện ra mình. Cho dù là người sôi nổi, tôi vẫn thích được sống một mình nhiều hơn. Tôi đón chờ những lúc được một mình để tư duy, suy nghĩ, lập kế hoạch. Hiển nhiên quá cô đơn thì không có gì là tốt cả. Tôi nhớ vợ và các con da diết.

Điều quyết định đối với một cán bộ hoạt động bí mật là không xuất đầu lộ diện. Khi xuất hiện nơi nào cần thiết cũng không được gây chú ý cho người xung quanh. Là một người lãnh đạo - cho dù phải hoạt động bí mật - người ta vẫn phải khẳng định vị trí trung tâm của mình trong cuộc đấu tranh nhiều đáng, nhiều vẻ, nhiều hình thức, thế nhưng không bao giờ được lộ diện công khai. Dự các buổi họp mặt với tổ chức, tôi đóng vai thụ động, không lớn tiếng với người nghe mà là chờ đợi các chiến hữu đề xuất ý kiến và những lời khuyên cho công việc của mình. Tôi không cạo râu và không cắt tóc. Quần áo “thường trực” là bộ đồ cũ của một tài xế xe hơi hoặc của một người làm vườn. Khi ngồi trên xe hơi, tôi đội chiếc mũ cát thông dụng của dân lái xe. Đóng vai lái xe cho ông chủ khá phù hợp với tôi trong bối cảnh này.

Trong những tháng bị truy nã, sự xuất hiện của tôi nơi này nơi kia đã trở thành đề tài sôi động của giới cảnh sát an ninh, nhưng chẳng có kết quả gì. Chúng đặt cho tôi biệt hiệu “Pimpernel đen” - tên nhân vật tiểu thuyết Scarlet Pimpernel trong thời cách mạng Pháp đã khôn khéo thoát khỏi bàn tay sắt của cảnh sát.

Tôi đã đi vòng quanh khắp mọi miền của đất nước. Thậm chí nhiều lúc tự tôi cho biệt danh của mình “sống động hơn” khi tôi “phôn” cho các tòa soạn báo, cho các phóng viên để cho họ biết về nhiệm vụ lịch sử của ANC cũng như phê phán sự bất lực của cảnh sát.

Đã có không ít chuyện mâu thuẫn dẹt về tôi trong thời gian hoạt động bí mật. Những người đồng bào của tôi thường thêm vào những hành động khôn ngoan đánh lừa kẻ thù để tô điểm hành động của một đứa con quả cảm mà họ đã từng biết. Song quả thật đã có lần tôi “hút chết”. Chuyện này tôi giữ kín không cho bất cứ ai biết. Một lần tôi chạy xe vào thành phố và dừng trước giao lộ khi đèn đỏ. Tôi nhìn sang trái và nhận ra đại úy cảnh sát Spengler. Thật là ngày hội lớn của ông ta khi phát hiện ra “Pimpernel đen”. Lúc ấy tôi đội chiếc mũ cát của người làm công, mang kính. Tôi cố quan sát và nhận ra rằng ông ta không hề nhìn sang

phía tôi. Dù vậy tôi cảm thấy chờ đợi năm mươi giây ở giao lộ lúc này dài như nhiều giờ đồng hồ.

Một lần khác, vào buổi chiều, với “sắc phục” của tài xế, tôi đứng chờ ở một góc đường ở Johannesburg. Có người sẽ đón tôi ở đó. Tôi bỗng nhận ra rằng một cảnh sát đang nhắm hướng tôi bước tới. Tôi quay đầu lại nhìn xem có hướng nào thuận tiện để tẩu thoát cho thật nhanh. Nhưng trước khi tiếp cận tôi, viên cảnh sát đã nở nụ cười với tôi, đưa một ngón tay là ký hiệu chào của ANC, sau đó anh ta đi thẳng. Những trường hợp như vậy diễn ra khá nhiều lần và tôi cảm thấy sức mạnh tăng lên khi được chứng kiến sự kính trọng của nhiều cảnh sát Nam Phi. Viên cảnh sát này là thượng sĩ, chính là người từng báo tin cho Winnie biết những kế hoạch của cảnh sát. Có lần anh nói khề với Winnie: “Hãy chú ý đừng để Mandela đến Alexandra vào tối nay, bởi vì cảnh sát có kế hoạch vây ráp ở đó”. Cảnh sát da đen thường bị phê phán gay gắt trong các chiến dịch khủng bố của nhà cầm quyền, song sự thật là nhiều người đã đóng vai trò bí mật quan trọng giúp cho tổ chức được nhiều việc.

Do hoạt động bất hợp pháp, tôi đã phải tạo ra một hình hài như một người lao động lam lũ. Cảnh sát dán ảnh truy nã tôi mang bộ râu rậm. Nhiều chiến hữu đã báo cho tôi và yêu cầu phải cạo bộ râu ấy đi, nhưng tôi đã quá quen với bộ râu này cho nên đã từ chối, không “hủy hoại” nó đi.

Do nguy trạng tốt, chẳng những tôi không bị phát hiện mà thậm chí còn bị người quen đẩy ra đường. Một lần tôi muốn đến dự cuộc mít tinh xa Johannesburg. Một tu sĩ quen biết đã tổ chức cho tôi sống ở nhà những người bạn tốt của ông. Tu sĩ gõ cửa. Một người đàn bà đã có tuổi ra mở và khi nhìn thấy hình hài của tôi, bà xua tay: “Không, một người như ông lồi thối lếch thếch thế kia không thể ở trong nhà chúng tôi!”. Nói xong bà đóng sập cửa trước mặt tôi. Tôi buồn nhưng cười tươi.

Hoạt động bí mật thời gian này của tôi tập trung vào chiến dịch chống chính sách mà trong thực tế là “cuộc chiến tranh công khai” của chính quyền chống những người lãnh đạo đối lập. Họ tổ chức - theo kế hoạch mật - các cuộc truy quét công khai trong toàn quốc vào ngày 29 tháng 5. Họ bỏ tù bất cứ ai “chống đối” mà khỏi cần có lệnh bắt. Thủ tướng Verwoerd công bố sẽ đóng cửa tất cả những tờ báo nào ủng hộ dù chỉ một dòng cuộc tổng bãi công toàn quốc đã được các tổ chức chống đối hoạch định và kêu gọi công khai khắp mọi nơi trong toàn quốc.

Vào đêm trước của ngày hành động toàn quốc, tôi có cuộc họp quan trọng với ban lãnh đạo ANC Johannesburg ở Soweto. Để tránh các trạm kiểm soát của cảnh sát, tôi chọn đường qua Kliptown đến Soweto, vì trên đường này ít khi có cảnh sát tuần tra. Nhưng khi tôi mới rẽ góc thì đụng ngay vào chướng ngại mà tôi đã tính toán là phải tránh bằng mọi cách: trạm kiểm soát. Một cảnh sát da

trắng vấy tôi dừng xe. Lúc ấy tôi mặc như một tài xế thực thụ. Hắn bắt đầu khám xe. Thường thì việc khám xe là của cảnh sát người Phi. Sau khi chẳng phát hiện được gì, anh ta đòi kiểm tra chứng minh thư. Tôi nói với y rằng vì sơ ý nên để quên ở nhà và nói đại một số nhà ở một phố cùng với số chứng minh thư tự sáng tác ra. Chừng ấy xem ra đã đủ với anh ta. Anh ta đã vấy cho xe tôi vượt qua ba-ri-e.

Vào thời điểm nóng bỏng của cuộc đấu tranh ngày càng gay go, quyết liệt này, chúng tôi đã lại đặt vấn đề sử dụng bạo lực. Ngay năm 1952, tôi đã từng thảo luận với Walter về việc từng bước tiến hành cuộc chiến đấu vũ trang. Giờ đây tôi lại đưa vấn đề này thảo luận với anh và chúng tôi đã nhất trí là cuộc đấu tranh phải theo một con đường mới. Đảng Cộng sản hoạt động bí mật đã được tổ chức lại và đã quyết định thành lập cánh vũ trang quân sự. Chúng tôi quyết định đưa vấn đề đấu tranh vũ trang bàn bạc trong Ủy ban công tác đặc biệt của ANC. Sự thật thì tôi đã chính thức đặt vấn đề này một cách cụ thể và chi tiết năm 1961. Tuy nhiên hồi ấy tôi bị phê phán là chưa chuẩn bị kỹ càng công việc được giao. Hồi ấy có người phê phán tôi là phiêu lưu, là “đưa những người vô tội vào lưới gươm của bọn khủng bố!”.

Lúc bấy giờ tuy chung quan điểm với tôi nhưng anh lại ngồi im, không “đứng về phía nào”. Tôi biết anh là người tinh tế. Sau đó dưới sự đạo diễn của anh, chúng tôi - những người phản đối kế hoạch đấu tranh vũ trang và tôi - cùng với sự có mặt của Walter đã đã bàn bạc cặn kẽ với nhau mọi chi tiết suốt một ngày ròng.

Tôi thẳng thắn trình bày quan điểm của mình và lý giải vì sao không còn cách lựa chọn nào khác ngoài việc sử dụng vũ lực. Tôi đã vận dụng câu ngạn ngữ nổi tiếng của các bộ tộc châu Phi: “Người ta không thể đối mặt với cuộc tấn công của những con quái vật chỉ bằng hai tay không!”. Một trong những người phản đối gay gắt nhất phương án chiến đấu vũ trang hồi ấy là Moses, ủy viên thường vụ đảng Cộng sản, đồng thời là ủy viên thường vụ ANC. Tôi có cảm tưởng thái độ của đảng Cộng sản Nam Phi hồi đó giống như của đảng Cộng sản Cuba dưới thời Batista. Hồi ấy đảng Cộng sản Cuba cũng cho rằng “thời gian chiến đấu vũ trang chưa chín muồi”. Nhưng Fidel Castro đã không chờ thời gian mà ra tay hành động để chính mình tạo ra thời cơ. Trong cuộc họp đầy tin cậy này, chúng tôi đã đi đến nhận định thống nhất: quân chúng đã sẵn sàng tất cả, chỉ trừ cơ quan chỉ đạo là chưa!

Thế mà khi vấn đề này được đưa ra trong thường vụ ANC đã không nhận được sự ủng hộ của số đông. Lập luận của chủ tịch Luthuli đương nhiên là có điểm đúng, rằng với cuộc chiến đấu vũ trang, tính mạng của các nhà lãnh đạo còn hợp pháp sẽ bị đe dọa. Cuối cùng thì hội nghị đưa ra kiến nghị nên thành lập “cánh vũ trang” nhưng là “tổ chức độc lập”, gắn bó với ANC trong mục tiêu và

đương nhiên - dù không nói công khai - tổ chức đó nằm dưới quyền điều hành và lãnh đạo của ANC.

Lần này cuộc họp - diễn ra ở Durban - cũng không gặp nhiều thuận lợi. Một số thành viên người Phi gốc Ấn Độ ngờ vực đường lối vũ trang. Chủ tịch ANC Luthuli do chưa hoàn toàn thông suốt đường lối mới này nên đã “nhường quyền quyết định” cho hội nghị khoáng đại. Và kết quả là: Hội nghị trao nhiệm vụ cho tôi thành lập một tổ chức vũ mới, tách khỏi ANC. Còn bản thân ANC thì vẫn giữ nguyên chủ trương bất bạo động. Đó là một giải pháp dung hòa. Tuy nhiên, tôi được giao toàn quyền bàn bạc với bất cứ cá nhân, tổ chức nào ủng hộ đường lối mới này và những nhân vật tôi cần có trong hàng ngũ để thành lập tổ chức và hơn thế, tôi không phải chịu sự kiểm tra trực tiếp của “tổ chức mẹ”, tức ANC.

Đây quả là một bước đi của số phận. ANC đã hoạt động theo đường lối bất bạo động suốt nửa thế kỷ với bao vấn đề và ngờ vực. Giờ đây ANC phải trở thành một tổ chức mới. Chúng tôi ý thức rất rõ rằng đang bước vào một chặng đường đầy nguy hiểm, con đường của hoạt động bạo lực có tổ chức mà hậu quả chưa lường hết được.

Tôi chưa bao giờ là một người lính chiến đấu ở bất cứ mặt trận nào và cũng chưa từng bắn vào ngực một kẻ thù bằng xương bằng thịt, nay trở thành tư lệnh của đội quân vũ trang. Nhiệm vụ ấy chắc hẳn không có gì ghê gớm với một vị tướng từng tham gia chiến trận. Tổ chức mới mang tên: Ngọn lao của dân tộc, viết tắt là MK. Biểu tượng ngọn lao được chọn bởi vì người Phi đã từng cầm trong tay loại vũ khí thô sơ này chiến đấu chống lại thực dân da trắng nhiều trăm năm.

Mặc dù MK không kết nạp thành viên da trắng, nhưng nó không phải là tổ chức “đóng kín”. Tôi lập tức mời Joe Slowo - một chiến sĩ, một nhà lãnh đạo da trắng giàu năng lực - và Walter Sisulu vào ban chỉ huy. Chúng tôi thành lập Bộ tư lệnh và tôi là tư lệnh trưởng. Joe là một người cộng sản kiên cường và là chuyên gia giỏi, có kinh nghiệm về vũ khí và hoạt động vũ trang. Tôi cũng đã mời nhiều chuyên gia có kinh nghiệm, từng tham dự chiến tranh thế giới lần thứ hai vào bộ tham mưu. MK quyết định tiến hành trước hết các hoạt động phá hoại, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người, nhưng phải có sức công phá các cơ sở kinh tế, quốc phòng, an ninh của nhà cầm quyền.

Để chỉ đạo cuộc chiến đấu vũ trang chắc chắn phải đến, tôi đã tìm đọc những trước tác viết về chiến tranh du kích, ví dụ của Blas Roca, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Cuba, trong thời gian đối mặt với chính quyền độc tài Batista, các tác phẩm của Che Guevara, Mao Trạch Đông, Fidel Castro. Tôi cũng đọc cuốn “The Revolt” của Menachem Begin và phục vị tướng Israel này đã chỉ đạo đội quân du kích tại một vùng lãnh thổ thiếu những địa hình trú quân như rừng sâu, núi cao... Đồng thời tôi tập trung chọn lựa các mục tiêu tấn công ở Nam Phi sao cho nhà cầm quyền tổn thất nhiều nhất nhưng sinh mạng của người dân, của lính tổn ít nhất.

Vào ngày 26/6/1961, “ngày tự do” của chúng tôi, với tư cách là nhà lãnh đạo ANC tôi gửi các tổ chức ANC hoạt động bí mật bất hợp pháp, cho báo chí xuất bản ở Nam Phi bài viết ca ngợi hành động quả cảm của quân chúng lao động trong “ngày phản kháng toàn quốc” và đòi tổ chức một đại hội tiếp nối đại hội quốc dân trước đây. Tôi tuyên bố một lần nữa rằng nếu nhà cầm quyền từ chối một cuộc đối thoại thì ANC sẽ lại tổ chức chiến dịch bất hợp tác trong toàn quốc. Một đoạn của bài viết như sau: “Như tôi được biết, lệnh bắt tôi đã được ban bố và cảnh sát giăng lưới bủa vây tôi khắp nơi. Chúng tôi đã bàn chuyện này chu đáo, kỹ càng và tổ chức khuyến nghị tôi không ra trình diện. Tôi tiếp nhận lời khuyến nghị này và không bao giờ đầu hàng chính phủ mà tôi không công nhận. Mọi chính khách nghiêm túc sẽ hiểu rằng trong bối cảnh hiện nay của đất nước mà đi chọn sự hy sinh ngờ nghệch bằng cách nộp mình cho cảnh sát là điên rồ và tội lỗi... Tôi chọn con đường gian khổ, đầy rủi ro chứ không bao giờ chịu tự nguyện đút hai chân vào cùm. Tôi phải chia ly vợ con, mẹ và anh chị em, phải

đình lại công việc chuyên môn nghề nghiệp và chấp nhận sống trong cảnh thiếu thốn như hàng triệu đồng bào tôi. Tôi sẽ chiến đấu chống lại chính phủ, vai kề vai với tất cả các bạn, trên từng mét đất của tổ quốc ta cho đến ngày thắng lợi cuối cùng. Các bạn sẽ làm gì? Các bạn sẽ bước theo chúng tôi hay hợp tác với chính quyền để tiếp tục đàn áp đồng bào mình? Các bạn sẽ im lặng và đứng trung lập trong vấn đề giữa cái chết và sự sống của đồng bào ư? Phần mình, tôi đã quyết định dứt khoát. Tôi không những không rời Nam Phi mà cũng không bao giờ đầu hàng. Chỉ có hy sinh, chịu đựng gian khổ và kháng chiến mới có thể giành lại được tự do. Cuộc chiến đấu là đời tôi. Tôi sẽ chiến đấu đến ngày cuối cùng của đời mình.”

Trong những ngày rút vào bí mật đầu tiên, tôi sống hai tuần tại một gia đình cơ sở trên đường Market. Chủ nhà là Kodesh, thành viên của Đại hội Dân chủ, phóng viên tờ New Age. Anh từng tham gia chiến đấu ở Bắc Phi và Italia. Kinh nghiệm chiến trận của anh rất phong phú và hết sức cần thiết cho chúng tôi. Theo gợi ý của anh, tôi đã đọc cuốn “Về những cuộc chiến tranh” của Clausewitz, một viên tướng Đức, với luận điểm “Chiến tranh là sự tiếp tục đường lối chính trị với những phương tiện khác”, rất phù hợp suy nghĩ và quan điểm của tôi. Kodesh đã hỗ trợ tôi rất nhiều, không chỉ việc tìm kiếm tài liệu. Anh là chuyên gia giỏi, tạo ra những kíp mìn nổ chậm hữu hiệu, đảm bảo cho trận đánh phá hoại đầu tiên đạt hiệu quả rất cao mà không bị tổn thất gì.

Ở nhà Lodesh tôi cảm thấy an toàn và an tâm dồn hết tâm trí vào công việc chỉ đạo MK. Tôi là người Xhosa có thói quen uống sữa chua. Hằng ngày tôi để chai sữa tươi lên cửa sổ và sữa sẽ tiếp xúc với không khí vài giờ thì chua, uống rất ngon, không khác gì sữa tươi bán trong cửa hàng thực phẩm.

Một hôm ngồi trong nhà, tôi nghe tiếng hai người đối thoại từ bên ngoài:

- Lạ nhỉ, sao trên cửa sổ nhà báo lại để chai sữa nhỉ?
- Để cho sữa chua đấy mà.
- Nhưng người da trắng có uống sữa chua kiểu đó đâu!

Thế là đã rõ. Bọn họ biết trong nhà người uống sữa chua phải là một người da đen và chỉ có người da đen mới “sản xuất” sữa chua theo kiểu dị thường kia. Tôi nhanh chóng nhận ra rằng mình không thể ở đây lâu hơn nữa, dù chỉ là một ngày. Sáng hôm sau khi mặt trời còn chưa sáng hẳn tôi đã rời nhà ra đi tìm nơi ẩn náu mới. Tôi chuyển sang giúp việc làm vườn cho một vị bác sĩ. Để có khách là tôi nhanh chóng ra phía sau vườn.

Địa chỉ tiếp theo của tôi là một nông trại ở Rivonia, ngoại ô Johannesburg. Đó là nông trại ANC mua từ trước làm nơi hội họp. Người đứng tên chủ nông trại và người làm công không hề biết đó là cơ sở của ANC. Khi trở lại Rivonia tôi đóng vai người làm công. Không ai biết tung tích của tôi. Họ coi tôi như những người làm công khác.

Tối tối, khi mặt trời xuống núi, cán bộ các nơi đến nông trại dự các lớp bồi dưỡng, huấn luyện công tác hoạt động bí mật, nhận chỉ thị và vũ khí cần thiết cho các hoạt động phá hoại. Tại nông trại này chúng tôi đã chuẩn bị cho ba cán bộ vượt biên giới, sang Trung quốc học chiến tranh du kích. Mỗi liên hệ này Walter lập từ năm 1952. Nhiều cán bộ chủ chốt của ANC đã đến đây vì công việc và cũng được bồi dưỡng sức khỏe cho các cuộc chiến đấu gian khổ.

Ở Rivonia tôi mang tên khác. Và điều tuyệt vời là Winnie và các con tôi đã có điều kiện đến thăm tôi. Tôi lại được niềm hạnh phúc lớn lao ôm vào lòng người vợ và những đứa con yêu quý.

Tên tôi ở nông trại là David Motsamayi. Một hôm, bạn chiến đấu cùng vợ và con vốn là người quen biết tôi đến nông trại. Chị vợ nhận ra tôi nhưng vẫn kín tiếng. Chị đang quan sát tôi nhắm bắn con chim nhỏ trên cây cao bằng khẩu súng hơi Winnie mang đến. Chị bỗng bình luận khôì hài rằng tôi không thể bắn trúng đích. Chị chưa nói dứt lời thì tôi bóp cò và con chim đã rơi xuống. Tôi quay lại phía chị, đang định đáp lời chị thì cậu con trai 5 tuổi của chủ trại nức nở: “Chú David, vì sao chú lại bắn con chim chứ?” Cậu bé nói trong tiếng khóc nức nở. Tôi bỗng từ trạng thái tự hào chuyển sang xấu hổ và tôi có cảm giác rằng cậu bé con kia còn có nhiều nhân tính hơn tôi. Đó là cảm giác của một người đứng đầu đội quân du kích mới hình thành đang hăm hở bước vào những cuộc chiến đấu ác liệt.

Tổ chức của MK cơ cấu sau đây: Đứng đầu là Chỉ huy tối cao, cấp dưới là các chỉ huy khu vực của từng tỉnh, dưới tỉnh là bộ chỉ huy vùng và chi đội. Mỗi bộ chỉ huy khu vực có khoảng 50 chi đội. Bộ chỉ huy tối cao quyết định về chiến thuật cũng như lựa chọn các mục tiêu tấn công quan trọng mang tính toàn quốc, chịu trách nhiệm khâu huấn luyện và tài chính. Bộ chỉ huy khu vực (cấp tỉnh) có quyền quyết định các mục tiêu tấn công trong vùng lãnh thổ của mình. Cấm ngặt mọi thành viên MK không được mang theo vũ khí khi đi phá hoại mục tiêu của kẻ thù. Không ai được làm hại đến sinh mạng con người.

Tháng 12, vào một buổi chiều nóng nực khi đang ngồi trong bếp nông trại tôi được tin qua làn sóng phát thanh báo tin Hội đồng giải thưởng Nobel hòa bình ở Oslo quyết định trao giải này cho tù trưởng, Chủ tịch ANC Luthuli. Chúng tôi vui mừng khôn tả, bởi vì giải thưởng Nobel hòa bình chính là sự khẳng định của quốc tế đối với sự nghiệp chính nghĩa mà nhân dân châu Phi da đen chúng tôi đang theo đuổi ở Nam Phi là quang minh chính đại, đóng góp cho hòa bình và phẩm giá của con người. Chính quyền Nam Phi đã buộc phải cấp visa cho ông đến Oslo nhận giải thưởng vinh dự này. Trớ trêu thay, khi được trao giải thưởng Nobel hòa bình, vị chủ tịch ANC đang chịu ảnh hưởng quản thúc năm thứ ba tại một vùng hẻo lánh. Sau khi nhận giải, ông còn phải chịu quản thúc hai năm nữa. Dịp trao giải thưởng Nobel hòa bình cho Luthuli trùng vào ngày công khai ra đời

của MK và chúng tôi cho công bố sự khẳng định của MK chấp nhận không khoan nhượng cuộc đấu đầu với chánh quyền phân biệt chủng tộc.

Trong đời sống của mỗi dân tộc sẽ có lúc chỉ còn một trong hai con đường để lựa chọn: khuất phục hoặc chiến đấu. Thời điểm này đã đến với Nam Phi. Chúng tôi không bao giờ chấp nhận bị khuất phục, bị đè đầu cưỡi cổ lâu hơn nữa. Chúng tôi không có sự lựa chọn nào khác là đánh trả kẻ thù với tất cả những gì mình có trong tay. Không có sự nghiệp giải phóng nào không kinh hoàng. Cuộc đấu tranh cho tự do, dân chủ của Nam Phi đã chuyển sang một giai đoạn mới.

Winnie đã gắng hết sức đưa các con đến thăm tôi ở Rivonia, Zindzi còn quá nhỏ đã có thể hiểu vì sao cha các cháu phải sống trong bóng đêm. Margatho - hồi ấy 11 tuổi đã đủ lớn để có thể hiểu những gì đang diễn ra. Cháu không bao giờ nói tên thật của tôi cho bất cứ ai. Mỗi lần Winnie đến thăm tôi vẫn nghĩ là gia đình vẫn yên ấm. Nhưng đó chỉ là ảo tưởng. Kẻ thù đã dò theo đường đi nước bước của Winnie trong những chuyến thăm bí mật này, mặc dù nàng đã chọn đường vòng ngoắt ngoéo. Vào một ngày cuối năm, Makhato theo mẹ đến thăm tôi. Cháu đang chơi với một cậu bé cùng tuổi, con trai chủ nông trại. Winnie mang cho tôi tờ Drum. Hai cậu bé đã dở những trang báo ra xem, rồi Markhato bỗng dừng lại khi phát hiện ảnh tôi trên trang báo. Đó là tấm ảnh chụp trước khi rút hoàn toàn vào bí mật. Markhato nói to: “Bố mình đây!”. Cậu bé kia không tin. Sự ngờ vực của cậu dường như kích thích Markhato phải chứng minh cho bằng được người trong ảnh là bố mình. Cháu kể cho bạn rằng tên thật của bố là Nelson Mandela. Cậu bé cãi ngay: “Không, bố cậu là David!”. Cậu bé kia đã chạy đến hỏi mẹ có đúng người kia là David hay không. Bà ta khẳng định: “Phải, chú ấy là David”. Thế là cậu kể cho mẹ nghe rằng Markhato kể cho cậu rằng tên thật của bố mình là Nelson Mandela. Tôi biết “sự cố” này ngay trong ngày và cảm nhận sự mất an toàn đã lại xuất hiện. Sự có mặt lâu hơn nữa ở đây sẽ là một nguy hiểm. Nhưng tôi chưa thể chuyển chỗ ngay, bởi vì trong vòng một tuần nữa tôi nhận nhiệm vụ mới ở một nơi bên ngoài biên giới tổ quốc.

ANC nhận lời mời của Pan African Freedom Movement for East, Central and Sounthern Africa (PAEMCSA) đến Addis Abeba dự Đại hội của tổ chức này vào tháng 1.62. Tổ chức này về sau đổi thành Tổ chức thống nhất châu Phi kết nạp tất cả các quốc gia độc lập của châu lục và khuyến khích, ủng hộ các phong trào giải phóng ở châu Phi. Hội nghị sẽ mang đến cho ANC những mối quan hệ quan trọng và cũng là cơ hội đầu tiên hết sức thuận lợi để nhận được sự ủng hộ tiền bạc cũng như chuyên huấn luyện cho MK. Tôi được chọn cử tham dự hội nghị này. Nhiệm vụ của tôi ở châu Phi không chỉ dự hội nghị. Tôi có nhiệm vụ tranh thủ sự ủng hộ về chính trị và kinh tế của các nước châu Phi cho cuộc chiến đấu của MK, và nhiệm vụ còn quan trọng hơn là tìm những khả năng gửi cán bộ sang

các nước huấn luyện quân sự. Tôi còn có nghĩa vụ giới thiệu ANC với châu lục, bởi vì cho đến lúc ấy châu Phi chưa biết nhiều về ANC.

Trước ngày lên đường, đêm đó Winnie và tôi cùng ở tại căn hộ của một chiến hữu da trắng ngoại ô thành phố. Nàng xếp đồ đạc của tôi vào chiếc vali mới mua. Nàng tỏ ra lo lắng về chuyến vượt biên giới, nhưng lại tự an ủi là mọi chuyện sẽ tốt đẹp.

ANC tổ chức cho tôi đến Daressalam, rồi từ đó đến Addis Abeba. Chúng tôi hội quân ở Daressalam: Ahmes Kathrads, Walter Sisulu và tôi.

Cho dù bị các thế lực đế quốc chiếm đóng nhiều lần, Ethiopia vẫn là “nơi sinh hạ chủ nghĩa dân tộc Phi”. Khác với các nước khác, Ethiopia luôn đứng dậy chống chủ nghĩa thực dân. Trong tâm thức tôi Ethiopia chiếm một vị trí trang trọng.

Chúng tôi rời biên giới Nam Phi bí mật, được dẫn đường đến khách sạn ở thành phố biên giới Mbeya trên lãnh thổ nước láng giềng. Ở đó tôi gặp đủ loại khách người da đen, da trắng chào hỏi nhau một cách thân ái. Từ trước đến lúc này tôi chưa từng chứng kiến một khách sạn, một nơi công cộng nào không phân biệt màu da ở đất nước tôi. Chúng tôi chờ gặp một người có tên là Mwakangale. Chúng tôi không biết mặt Mr. Mwakangale. Một người Phi tiến đến quây lể tân có một phụ nữ da trắng đang chờ ở đó, từ tốn hỏi: “Thưa bà, Mr. Mwakangale đang chờ những người này phải không?”. Người đàn bà da trắng trả lời: “Xin lỗi, Sir. Đúng thế đấy, nhưng tôi đã quên không thông báo với ngài.”

Người đàn ông da đen nói với vẻ lịch sự nhưng nhấn mạnh từng chữ: “Bà hãy chú ý hơn. Những người này là quý khách của chúng ta và tôi yêu cầu bà phải chú ý thích đáng.”

Trong giây phút ấy tôi nhận ra rằng chúng tôi đang ở trong một quốc gia châu Phi do người Phi làm chủ. Lần đầu tiên chúng tôi trở thành những người tự do. Cho dù tôi là kẻ trốn tránh, bị truy nã trong đất nước mình, tôi vẫn cảm thấy như trút được gánh nặng áp bức. Dù đến bất cứ nơi nào trên vùng đất này, màu da của tôi cũng được chấp nhận và không bị từ chối, xua đuổi và miệt thị như ở quê nhà. Lần đầu tiên tôi không bị đánh giá qua màu da mà là qua hiểu biết và tính cách của mình. Cho dù trong chuyến đi dài ngày đầu tiên này, tôi nhớ nhà da diết, tôi vẫn có cảm giác mình thật sự sống tại nhà mình.

Ngày hôm sau chúng tôi được Julius Nyerere tiếp kiến. Ông là tổng thống Tanzania độc lập. Chúng tôi trình bày với ông tình hình ANC và MK và đề nghị được giúp đỡ. Ông là một người khiêm tốn, nói năng nhỏ nhẹ, đánh giá cao sự nghiệp chúng tôi đang theo đuổi. Nhưng sự đánh giá tình hình của ông làm tôi đi từ ngạc nhiên đến lo sợ. Ông cho rằng chúng tôi nên hoãn các chiến dịch vũ trang cho đến khi Sobukwe được giải thoát khỏi nhà tù. Đây là lần đầu tiên tôi hiểu PAC đã có ảnh hưởng như thế nào ở châu Phi. Tôi nói cho vị chủ nhà rõ những

yếu huyệt của PAC và cho rằng trì hoãn cuộc chiến đấu sẽ là tai họa cho toàn bộ sự nghiệp giải phóng của Nam Phi.

Từ Daressalam, chúng tôi đáp máy bay sang Khartum. Chúng tôi xếp hàng dài chờ hải quan kiểm tra hộ chiếu. Do không có hộ chiếu, tôi chỉ mang trong người một tờ giấy do Tanzania cấp, trên giấy chỉ ghi: “Người này là Nelson Mandela, một công dân của nước Cộng hòa Nam Phi. Ông được phép rời Tanzania và được trở lại vào các thời điểm khác.” Tôi đưa tờ giấy cho nhân viên kiểm tra. Người này nhìn tôi cười mỉm và nói: “Anh bạn, xin chúc mừng anh đến Sudan!”. Basner đứng sau tôi và đưa tờ giấy tương tự cho người kiểm tra. Người này ném một cái nhìn ngắn nhưng rất sắc vào tờ giấy rồi hướng sang Basner, vẻ bối rối hiện rõ: “Cái gì thế này? Tờ giấy này là cái gì vậy? Nó đâu có giá trị pháp lý.”

Basner từ tốn giải thích rằng anh nhận giấy này ở Tanzania vì mình không có hộ chiếu. Người kiểm tra cảm thấy lạ lùng quá, ông hỏi: “Vì sao ông không có hộ chiếu? Ông là người da trắng kia mà!” Basner giải thích rằng ở trong nước anh cũng bị truy nã như những người da đen bởi vì anh chiến đấu cho quyền lợi của người da đen. Người Sudan làm nhiệm vụ kiểm tra nhìn Basner một lần nữa, vẫn không giấu nổi sự ngờ vực: “Nhưng anh là người da trắng”. Joe và tôi vẫn đứng lại bên trạm kiểm soát và mỗi lần Basner giải thích, tôi cúi mình trước viên chức kiểm tra và gật đầu khẳng định những lời Basner nói là sự thật. Người đàn ông Sudan dường như hiểu ra tất cả, trở nên vui vẻ và hữu nghị hẳn ra. Cuối cùng thì ông cũng chấm dứt quá cảnh vào tờ giấy ấy, trao cho Basner và nói rất bình thản: “Chúc mừng ông đến Sudan!”.

Sau vài giờ dừng chân ngắn ngủi ở Khartum, chúng tôi bay tiếp sang Abeba. Trên sân bay Khartum, tôi nhìn thấy tổ bay toàn là người da đen. Trong đời mình tôi chưa từng thấy một phi công da đen. Và những gì diễn ra trước mắt tôi lúc ấy như làm cho mọi suy nghĩ của tôi rối tung lên. Làm sao một người da đen điều khiển được chiếc máy bay kèn càng kia chứ? Thì ra chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, coi khinh và xếp người da đen vào “lớp hạ đẳng” của bọn thực dân da trắng Nam Phi đã làm tôi mất phương hướng. Tôi ngả người sau ghế và xua đuổi những suy tư nặng nề về số phận hẩm hiu của những đồng bào của mình. Tôi phóng tầm mắt quan sát phong cảnh Ethiopia tư duy của một chỉ huy du kích. Khi gặp một cánh rừng trong đầu tôi bỗng lóe lên ý tưởng: nơi này thật tuyệt vời cho cả một đoàn quân trú chân trước các cuộc tiến công vào sào huyệt của kẻ thù.

Chúng tôi thăm Addis Abeba. Nó đẹp quá. Ngoài Cung vua, trường đại học, khách sạn khang trang. Nhưng trên tất cả, người da đen là chủ của quê hương họ.

Đứng trên lễ đài ngày khai mạc hội nghị, chứng kiến đoàn quân danh dự toàn người da đen - kể cả những viên chỉ huy - niềm tự hào trào dâng trong tim tôi. Đây cũng là lần đầu tiên tôi tận mắt nhìn thấy một đội quân da đen do chính sĩ

quan da đen chỉ huy, được các lãnh tụ da đen trên lễ đài vẫy chào. Thật là một khoảnh khắc tuyệt vời đầy kiêu hãnh. Tôi chỉ hy vọng trong tương lai không xa, bức tranh hoành tráng đẹp tuyệt vời này cũng sẽ xuất hiện trên quê hương mình.

Tại cuộc hội nghị quan trọng này, các vị lãnh đạo châu Phi biết quá ít về chúng tôi. Họ gọi chúng tôi chỉ là một tổ chức địa phương. Người đại diện đích thực cho sự nghiệp giải phóng Nam Phi là PAC kia! Thì ra PAC đã tiến trước chúng tôi một bước quan trọng trong hoạt động đối ngoại. Từ hội nghị này chúng tôi nhận ra rằng, ANC phải đẩy mạnh công tác đối ngoại để không chỉ tranh thủ sự ủng hộ của các nước châu Phi mà điều quan trọng hơn là khẳng định vai trò của mình trong cuộc đấu tranh gian khổ mà nhân dân Nam Phi dưới sự lãnh đạo của ANC không ngừng đấu tranh suốt từ năm 1912, từ ngày ANC ra đời.

Từ Addis Abeba, Tombo và tôi đáp máy bay sang Cairo. Tôi bỏ ra cả một buổi chiều ngày đầu tiên để tham quan Viện bảo tàng Cairo. Đối với một người châu Phi thì điều quan trọng là đập lại và bác bỏ những nhận định của người da trắng rằng châu Phi không có quá khứ văn minh. Chỉ có một buổi chiều thôi mà tôi đã phát hiện ra người châu Phi ở Ai Cập đã tạo ra những tác phẩm nghệ thuật và kiến trúc tuyệt vời vào thời điểm người da trắng còn sống hoang dã trong các hang động.

Ở Algeria, tôi là khách của một cuộc duyệt binh. Họ là những chiến sĩ đã chiến đấu ngoan cường nhiều năm trời chống lại quân thực dân xâm lược da trắng và đã thành công tốt đẹp. Tôi bỗng liên tưởng đến quân đội của chúng tôi sẽ chắc chắn làm được những gì những người anh em Algeria đã làm được.

Ở Ghinea, tổng thống Sekou Touré tiếp tôi và Oliver Tambo đầy ấn tượng. Ông sống trong một căn nhà đơn sơ, mặc bộ quần áo cũ. Chúng tôi trình bày với tổng thống mục đích chuyến viếng thăm và những đề nghị của mình. Chúng tôi đề nghị Ghinea giúp quân đội MK 5.000 đô-la.

Tổng thống chăm chú nghe chúng tôi, rồi trả lời: “Nhân dân và chính phủ Ghinea hoàn toàn ủng hộ cuộc đấu tranh của những người anh em ở Nam Phi.” Sau những lời này, tổng thống đến bên tủ sách lấy ra hai quyển, ký tên và tặng hai chúng tôi mỗi người một bản. Đó là sách do tổng thống viết.

Chúng tôi hơi ngỡ ngàng và cảm thấy khó chịu. Nhưng chỉ vài giờ sau một viên chức Bộ ngoại giao mang đến khách sạn cho chúng tôi một vali đầy tiền. Chúng tôi mừng vui khôn xiết. Nhưng chỉ một lúc sau, Oliver Tambo đã tỏ ra thất vọng: “Này Nelson, đây là tiền Ghinea. Ngoài nước chủ nhà thì chẳng có nơi nào tiêu đồng tiền này!”. Nhưng ngay sau đó Oliver đã nảy ra sáng kiến tuyệt vời. Chúng tôi mang vali tiền đến Đại sứ quán Tiệp Khắc - ở đó bạn thân Oliver là viên chức cao cấp tòa đại sứ - và người này đã đổi ra ngoại tệ cho chúng tôi.

Senegal không có tiền ủng hộ chúng tôi, nhưng chính phủ cấp cho tôi chiếu khán ngoại giao và tiền mua vé máy bay cho hai chúng tôi sang Luân Đôn.

Tôi có nhiều lý do để đến nước Anh, không kể việc tham quan những nơi mà tôi đã đọc nhiều qua sách, báo. Tôi mong chờ được tiếp cận nhiều tài liệu bổ ích về các cuộc chiến tranh du kích lưu giữ đầy ắp trong các thư viện.

Sau một thời gian lưu lại Luân Đôn, tôi trở về học quân sự ở Ethiopoe. Tôi học cách sử dụng thành thạo mọi loại vũ khí, khí tài quân đội nước này sở hữu và bỗng nghĩ rằng mình trở thành một lính chiến chứ không phải là một chính khách. Chương tình huấn luyện dự định 6 tháng, nhưng mới học được 8 tuần thì ANC gửi giấy triệu tập trở về nước ngay tức khắc. Cuộc chiến đấu vũ trang ở quê hương phát triển nhanh đòi hỏi sự có mặt của tôi.

Sau khi vượt biên giới trở lại quê hương, tôi thở phào nhẹ nhõm. Không khí trên quê hương bao giờ cũng dịu êm đặc biệt khi đưa con đi xa trở về. Hôm đó là một đêm đông trời không một gợn mây.

Dù rời một thế giới mà mình được những tự do lần đầu tiên trong đời và giờ đây trở về một thế giới mà mình là kẻ bị truy lùng, tôi vẫn cảm thấy rất nhẹ nhõm, bởi vì đây là quê hương tôi, nơi chôn nhau cắt rốn của tôi.

Trong chuyến công tác ra nước ngoài đầu tiên của mình, tôi đã thực hiện sứ mạng được tổ chức ủy thác. Theo đạo luật phân biệt chủng tộc của Nam Phi thì tôi không bao giờ được rời đất nước. Ở đó Nelson Mandela là “tội phạm nguy hiểm” đang bị truy nã gắt gao, một kẻ không được pháp luật bảo vệ.

Ngày đầu tiên trở lại quê hương, tôi đã có cuộc gặp mặt các bạn chiến đấu tại một đồn điền gần Johannesburg, cơ sở bí mật của tổ chức. Tôi báo cáo chi tiết chuyến đi của mình. Sau đó Cecil Williams chở xe hơi đưa tôi đến Durban, tỉnh Natal. Trong cuộc hội kiến với chủ tịch Luthuli và các ủy viên thường vụ ANC, chúng tôi đã thảo luận những kế hoạch hành động cụ thể tiếp theo. Không có sự kiện đáng tiếc nào xảy ra. Chiều 5/8/1962, chúng tôi trở lại Johannesburg.

Tôi đội chiếc mũ cát và mặc chiếc áo khoác ngoài của người tài xế. Cecil ngồi sau tay lái. Khi chúng tôi đang tranh luận về những cuộc khủng bố mới của nhà cầm quyền, bỗng một chiếc Ford V-8 áp sát xe chúng tôi và vượt lên. Theo bản năng tôi quay lại và thấy hai chiếc xe chở đầy cảnh sát bám đuôi chúng tôi. Xe chúng tôi buộc phải thắng gấp. Trong khoảng khắc ấy tôi ý thức được rằng 17 tháng tự do của tôi đã chấm hết. Khi xe chúng tôi dừng hẳn, một viên sĩ quan da trắng cao to, ánh mắt tối sầm nhìn qua cửa kính vào xe. Với giọng đầy hách dịch, y tự giới thiệu là sĩ quan chỉ huy cảnh sát và lập tức rút tờ lệnh truy nã “Black Pimpnal”. Tôi bị bắt ngay tức khắc.

Tôi bị đưa về Johannesburg. Ở đó người ta kết tội tôi kích động bạo loạn, rời Nam Phi bất hợp pháp. Ở nước Nam Phi của chủ nghĩa Apartheid, “tội” vượt biên trái phép đủ để lĩnh bản án 10 năm tù ngồi xà lim cách ly. Người ta gọi đó là “tội ác nghiêm trọng”. Tuy vậy tôi vẫn cảm thấy nhẹ nhõm với lời buộc tội này. Hóa ra chính quyền chưa có đủ bằng chứng buộc tội tôi liên quan đến việc thành

lập lực lượng vũ trang MK. Nếu bọn họ biết chắc chắn điều này thì người ta khéo vào tội danh “đại phản bội tổ quốc cực kỳ nguy hiểm” hay là nhẹ hơn một chút là phá hoại an ninh quốc gia. Những tội danh này không tránh khỏi án quyết nặng nhất.

Tôi còn ngạc nhiên hơn khi chánh án và các bồi thẩm trong phiên xử tỏ ra rất lịch sự với tôi, một “kẻ phạm tội nguy hiểm” hai tay bị còng số 8 khóa chặt. Họ nhận ra Nelson Mandela luật sư chứ không phải là Mandela sống ngoài vòng pháp luật. Thậm chí nhiều người tỏ ra bất bình hẳn không phải do thấy một đồng nghiệp thất cơ lỡ vận mà là vì tôi là một con người bình thường và bị trừng phạt vì tin vào một sự nghiệp lớn lao, cao cả. Giờ đây tôi ý thức rất rõ vai kịch trước tòa. Và rất có thể xuất hiện khả năng đối với cá nhân tôi cũng như các bị cáo khác trước tòa: tôi là biểu tượng của sự công bằng, bình đẳng tại phiên tòa xử những người bị áp bức, là người bảo vệ lý tưởng tự do, dân chủ và nhân quyền trong một xã hội mà mọi đạo lý bị chà đạp hết sức tàn bạo. Hồi ấy tôi hiểu rằng có thể tiến hành một cuộc đấu tranh ngay trong pháp đài, trong hang ổ của kẻ thù.

Tôi tuyên bố sẽ tự bảo vệ trước tòa đại hình. Việc từ chối luật sư bào chữa sẽ tăng thêm sức mạnh cho biểu tượng của tôi. Tôi không luận giải nhằm bảo vệ cho riêng cá nhân mình mà tập trung sức lực và tâm huyết vào việc tố cáo các chính quyền nối tiếp nhau thực thi chế độ Apartheid tệt hại và cực kỳ tàn bạo, ngày càng tàn bạo hơn. Họ mới chính là thủ phạm đích thực phải lôi ra trước tòa.

Cuộc thẩm vấn đầu tiên trước tòa diễn ra vào thứ hai, ngày 15/10/1962. Sáng hôm đó, khi xuất hiện trước tòa, thay cho bộ comple và cravat, tôi choàng tấm da báo của người bộ tộc Xhosa. Cử tọa đông đảo trong phòng xử đồng loạt đứng dậy, tay giơ cao thành năm đám hướng về phía trước hô lớn: AMANDLA và NGAWETHU. Đó là những lời chào chiến đấu của ANC, có nghĩa là CHÍNH QUYỀN và CHÍNH QUYỀN THUỘC VỀ CHÚNG TA.

Tấm da báo khoác trên người tôi làm cho cả chánh án lẫn đoàn bồi thẩm cũng như đông đảo cử tọa bối rối. Winnie cũng có mặt trong phòng xử. Nàng mặc bộ váy thêu hoa văn đẹp của bộ tộc, đính hàng hạt xoàn. Đầu nàng đội khăn đính hạt xoàn, váy dài cài khuy. Đó là sắc phục đại lễ của phụ nữ Xhosa.

Tôi chọn y phục truyền thống của dân tộc mình nhằm nhấn mạnh ý nghĩa tượng trưng: tôi là người da đen đối mặt với những kẻ nắm quyền lực trong một phiên tòa của người da trắng. Trên lưng tôi là lịch sử, văn hóa, truyền thống và di chúc của dân tộc tôi. Tôi có cảm giác, đó là hiện thân của di sản quý báu của châu Phi đen.

Khi trở lại xà lim, viên quản ngục da trắng vẻ bối rối nói với tôi rằng ngài đại tá Jacobs ra lệnh cho anh ta lột bộ da báo của tôi. Tôi đáp ngay: “Ông có thể báo cho ngài đại tá của ông rằng không bao giờ ông ta có được bộ sắc phục ấy!”.

Ngay sau đó đại tá Jacobs xuất hiện, ra lệnh cho tôi trao tấm da báo cho ông ta, tấm da mà ông ta gọi là cái chặn. Tôi nói với viên đại tá rằng ông ta không hề có quyền quyết định tôi mang sắc phục gì trước tòa, và nếu như người ta cứ tìm cách thu tấm da báo của tôi thì tôi sẽ kiện lên tòa thượng thẩm. Viên đại tá không còn yêu sách thu tấm da báo nữa.

Vào buổi sáng ngày tuyên án, một người là Bosh - người của bên nguyên - nói với tôi: “Mandela, tôi thật xấu hổ với việc làm lần đầu tiên trên con đường tiến thân của mình. Thật đau khổ khi tôi phải đòi tòa ném ông vào xà lim”. Ông ta nói xong cầm tay tôi rung rung và chúc mọi việc tốt lành!

Án quyết đối với tôi không hề mang ý nghĩa về mặt luật pháp mà là một tuyên cáo chính trị. Tôi khẳng định trước tòa vì sao và bằng cách nào mà tôi trở thành như tôi bây giờ, vì sao tôi tiến hành những hoạt động như đã làm và bây giờ nếu có cơ hội tôi lại tiếp tục những công việc ấy với sức mạnh lớn hơn. Tôi kết thúc lời phát biểu cuối cùng trước tòa như sau: “Tôi thực thi nghĩa vụ của mình với nhân dân tôi và đối với nước Nam Phi. Tôi không tin cái thế giới của bóng đêm hắc ám này tuyên bố tôi vô tội. Tôi khẳng định những tội phạm thật sự đưa ra xét xử công khai trước tòa án không phải của ai khác mà chính là các thành viên của chính quyền Apartheid Nam Phi hiện nay.”

Đúng 10 phút sau đó tòa tuyên án: ba năm tù về “tội kích động bạo loạn”, hai năm về tội “rời Nam Phi bất hợp pháp”. Tổng cộng mức án 5 năm tù giam không có giai đoạn thử thách.

Tôi nhớ rõ giờ phút chia tay với Winnie tại chân cầu thang trước khi người ta tổng tôi lên xe. Trong giây phút ấy, Winnie không tỏ ra bối rối. Nàng cứng cỏi, mắt không ngấn lệ. Nàng tự hào có người bạn đời như tôi và niềm tự hào ấy ở tôi lúc này mới mạnh mẽ và sâu sắc biết bao. Nàng đã tăng sức mạnh cho tôi. Tôi còn kịp nói khẽ với nàng tên những bạn chiến đấu có thể và sẵn sàng giúp đỡ nàng và các con khi cần.

Nhà tù không chỉ cướp mất tự do của con người mà còn cướp đi cả hình ảnh riêng của họ. Mỗi người giờ đây ăn suất ăn như nhau, mặc “đồng phục” như nhau, “lịch sinh hoạt” y hệt nhau. Nếu có thể thì định nghĩa nhà tù là “một nhà nước có chủ quyền nhưng lại không hề có độc lập và sự khoan dung các cá thể trong lòng nó.” Là chiến sĩ đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng con người, người tù có nghĩa vụ chống lại các thử nghiệm của nhà tù hòng cướp sạch tính cách của những người tù sa cơ lỡ vận.

Sau khi từ chối mặc quần đùi, ăn đồ nguội, người ta giam tôi vào xà lim biệt giam. Việc đó chẳng làm tôi phiền lòng. Nhưng khi đã sống quá lâu trong cảnh cô đơn khủng khiếp ấy người ta mới thấy tê tái đến tận tâm can. Sau nhiều ngày bị tách khỏi loài người, tôi trở thành bạn với các loại côn trùng ngay trong “biệt thự” của mình. Tôi gần như có thể trò chuyện với những con gián to kèn càng!

Một quản tù người Phi cao to thường xuất hiện trước xà lim tôi. Một hôm tôi tìm cách “hỏi lộ” ông ta một quả táo để bắt chuyện với ông. Tôi gọi ông là “papa” - có nghĩa là bố - và nói với ngôn ngữ lịch sự: “Tôi có được phép biếu ông một quả táo?”. Ông ta quay ngoắt lại rất nhanh như sợ tôi đưa các vật hỏi lộ khác ra mời chào. Nhưng cuối cùng ông cũng đã lên tiếng: “Trời đất! Ông đòi có quần dài và thức ăn nóng, giờ đây ông đã có tất cả mà vẫn không cảm thấy hạnh phúc ư?”. Ông ta có lý, không có gì tác động khủng khiếp hơn khi người ta phải xa xã hội loài người. Sau ba bốn tuần tôi đã phải “nuốt lòng tự hào vào bụng” để nói với đại úy Jacobs rằng tôi không thể đổi xã hội để lấy chiếc quần dài.

Trong những ngày ngồi tù lần này tôi có đủ thời gian để suy nghĩ về số phận mình. Vị trí của chiến sĩ đấu tranh cho tự do là ở các chiến hữu, ở bên cạnh họ chứ không phải sau song sắt nhà tù. Những kiến thức tôi thu thập được trong chuyến công tác đặc biệt ở các nước châu Phi cũng bị cầm tù mà đáng lẽ phải được sử dụng trong cuộc chiến đấu.

Tôi nhanh chóng phản ứng quyết liệt chống lại hoàn cảnh khắc nghiệt và trở trêu này. Tôi đòi được giam chung với các tù nhân khác. Đòi hỏi của tôi cuối cùng cũng được chấp nhận với lời “cảnh cáo nghiêm khắc” của đại úy Jacobs: nếu tôi tiếp tục gây rối ắt hẳn sẽ lĩnh những hậu quả còn tai hại hơn. Trong số những người tù có Robert Sobukwe, thủ lĩnh PAC. Tôi có nhu cầu thảo luận với ông và chiến hữu của ông trong ANC. Tôi tin rằng điều kiện trong tù là thích hợp cho những cuộc trao đổi này để khắc phục sự bất đồng quan điểm của hai tổ chức quần chúng có chung một mục tiêu ghi rõ ràng trong cương lĩnh hành động của mình, và như vậy người ta có thể nhìn nhận rõ vấn đề là chúng tôi có nhiều điểm tương đồng hơn là dị biệt. Tôi kể chân thành về tiếng tăm của PAC cũng như ANC tại các nước châu Phi và kết thúc câu chuyện với ghi chú rằng có nhiều vấn đề mà phải và có thể tìm tiếng nói chung. Dường như biết được mối liên hệ giữa Robert Sobukwe và tôi, bọn cai tù đã lại tách hai chúng tôi ra. Tuy vậy cả anh và tôi đều tìm được cơ hội tiếp tục trao đổi những vấn đề mà chúng tôi quan tâm trong cuộc đấu tranh quyết liệt chống chủ nghĩa Apartheid. Nhân nói đến khẩu hiệu của PAC giải phóng Nam Phi trong năm 1963, thế mà nay đã sắp hết năm 1963 mà gần như toàn bộ ban lãnh đạo PAC đều sa lưới, tôi nói chân thành với Robert: “Người anh em thân mến! Không có gì nguy hiểm hơn khi một người lãnh đạo đề ra những đòi hỏi, những mục tiêu phải hoàn thành vào thời điểm nhất định nào đó, nhưng người đó biết rằng khó có cơ may giải quyết được. Điều đó dẫn quần chúng đến những ảo tưởng, những hy vọng hão huyền.” Tôi nói những câu này với thái độ kính trọng người anh em cùng màu da và cùng có những mục tiêu cao cả như mình. Robert im lặng, nhưng Tefu - một thành viên ban lãnh đạo PAC - thì không. Anh ta bắt đầu “xỉa xối” Robert Sobukwe: “Bob, anh tìm thấy ở Mandela một người anh hiểu biết hơn mình đây. Anh ấy có lý. Bob, anh có biết

nhều người chờ đợi anh. Họ sẽ treo cổ anh vì chính anh đã gây thất vọng nào nề cho họ. Anh chỉ là một “kẻ nghiệp dư” chứ không thể là một chính khách thực thụ được!”. Robert Sobukwe đã phải hét lên rằng nên để cho anh ta yên. Tefu cũng không tha tôi. Mỗi buổi sáng anh đều “kháng nghị” với quản tù không vì chuyện nọ thì cũng vì việc kia. Một hôm người quản tù hỏi:

- Vì sao sáng nào anh cũng mè nheo, phản ứng?
- Ta tố cáo các người vì đó là nghĩa vụ của ta.
- Ông Mandela đâu có gây rối mỗi ngày như ông đâu.
- Mandela là một cậu trẻ người non dạ, sợ người da trắng. Ta đâu có biết hắn là ai. Một sáng ngủ dậy ta bỗng phát hiện trên báo chí hàng chữ: Mandela, Mandela, Mandela. Ta tự hỏi thằng cha này là ai thế nhỉ? Ta nói cho người biết Mandela là ai nhé! Đó là một cậu con trai, một người đàn ông trẻ mà người ta dựng lên, còn ta thì chẳng hiểu cơ sở nào sất. Mandela như thế đấy!.

Hai tuần sau, Walter và nhiều chiến hữu khác của tôi bị bắt trong các cuộc vây ráp tương tự và bị kết án với tội danh tương tự.

Ngày 1/5/1963, chính quyền Apartheid công bố các đạo luật mới nhằm mục tiêu tiêu diệt MK. Đạo luật được mệnh danh là “Đạo luật 90 ngày truy quét tổng giam” mà không cần lệnh bắt của bất cứ cơ quan bảo vệ pháp luật nào. Người bị bắt bị tra tấn cực hình. Nghị viện đã thông qua đạo luật quái gở ấy. Chỉ duy nhất có một phiếu chống từ đảng Liberal Progressiv Party (Đảng Tự do tiến bộ). Đạo luật này phủ định mọi luật lệ đối với phe đối lập, với người tù trước đó. Những người đã mãn hạn tù tiếp tục bị bắt trở lại và nhiều người khỏi cần xét xử, bị tổng đảo giữa Ấn Độ Dương.

Vào một đêm cuối tháng 5/1963, một quản tù đến xà lim tôi ra lệnh thu xếp hành lý. Anh ta không trả lời bất cứ câu hỏi nào của tôi. Không cần hỏi thêm, linh tính đã báo cho tôi: đó là “thiên đường” Robben Island, địa ngục trên biển của những người Phi da đen chiến đấu cho tự do và của các chiến sĩ khác chiến đấu chống chủ nghĩa Apartheid tàn bạo. Chúng tôi bị xích 4 người thành một giây, bị tổng xuống thuyền. Ra đến đảo Robben Island trời vẫn còn sáng. Nhìn từ xa, hòn đảo giống như một trung tâm an dưỡng hơn là một nhà tù khổng lồ.

Robben Island mang tên đó vì ngày xưa đảo này chỉ có duy nhất loài hải cẩu sinh sống, hàng đàn hàng lũ không thể đếm được. Về sau nó trở thành đảo cho những người bị các bệnh dịch, rồi sau đó lại trở thành căn cứ hải quân. Nhà cầm quyền mới biến Robben Island thành nhà tù khổng lồ trước đây ít lâu.

Bọn cai tù da trắng ngồ ngáo nhất làm âm binh trên đảo. Không có một cai tù da đen nào được đến Robben Island. Ngay lúc chúng tôi mới cập bến, chân mang xiềng, những tên âm binh kia đã thúc phải đi nhanh, thật nhanh. Chúng tôi không có gì phải vội vàng. Và cũng không thể đi nhanh hơn khi bị xích từng đôi một với nhau. Chúng nó đe dọa: Hãy nghe đây bọn nhỏ! Chúng tao sẽ xóa tên chúng

mày và chúng tao không đùa đâu. Vợ con, cha mẹ chúng mày sẽ không bao giờ biết bọn mày thành ma như thế nào đâu. Đó là lời cảnh cáo cuối cùng đối với chúng mày đấy, nghe chưa?! Cực chẳng đã vì không còn chịu nổi, tôi bảo bọn chúng: “Các anh thực thi nghĩa vụ của mình, chúng tôi có việc của chúng tôi!”.

Khi đã bước vào trại, chúng bắt chúng tôi cởi hết áo quần, khám từng đường may, sau đó ném tất cả xuống nước. Chúng bắt chúng tôi tắm và sau đó mặc lại những quần áo ướt sũng.

Viên sĩ quan trẻ hách dịch lên tiếng đe dọa sẽ trừng trị thẳng tay bất cứ ai vi phạm nội quy nhà tù. Không chịu nổi sự hống hách của một tên nhãi ranh, tôi nói cho y biết chúng tôi không phải là những người hèn nhát dễ bị khuất phục. Thằng này hằm hằm tiến về phía tôi. Tôi nói rất to: “Nếu ông chỉ đụng đến mình tôi thôi, tôi sẽ đưa ông đến tòa thượng thẩm. Và nếu như tôi có thể, lúc nào đó sẽ tính sổ với ông thì ông chắc hẳn không thoát khỏi kiếp con chuột con bọ!”. Con người ngổ ngáo kia bỗng im lặng, nhìn tôi chằm chằm vẻ rất đổi ngạc nhiên. Chính tôi cũng ngạc nhiên về những gì mình nói ra. Tôi đã thật sự sợ, chứ không phải sự dũng cảm giúp tôi nói lên những điều cứng cỏi như thế, giữ được sự bình tĩnh đến lạnh lùng là rất cần thiết.

Y hỏi tôi: Phiếu của ông đâu? Tôi đưa tíc-kê của mình cho hắn. Tôi quan sát thấy vẻ bối rối trong ánh mắt y. Hắn hỏi: “Ông tên gì?”. Tôi thủng thẳng: “Hãy xem trên tíc-kê có ghi rõ tên họ ra đó.” Hắn lại hỏi: “Ông sẽ ở lại đây bao lâu?”. Tôi lại lưu ý y thời hạn ở Robben Island cũng được ghi rõ trên phiếu: 5 năm. Hắn tỏ vẻ đắc ý: “5 năm! Ông sẽ ở đây 5 năm. Ông bướng lắm đấy! Ông có hiểu ngồi tù 5 năm là thế nào không?”. Tôi không nhìn y, từ từ nói: “Đó là việc của ta. Ta sẵn sàng ngồi tù 5 năm, nhưng ta không bao giờ chịu để cho kẻ khác làm nhục. Anh phải biết là mình cũng phải tuân thủ luật lệ.”

Không ai nói cho y biết tôi là ai. Y không biết chúng tôi là tù chính trị và tôi là luật sư. Tôi không nói ra điều đó, nhưng viên sĩ quan cao cấp hơn dường như biết rõ tất cả. Y cao to, trầm tĩnh. Trong khi chúng tôi “đối thoại” với viên sĩ quan trẻ thì ông ta bỏ ra ngoài. Về sau tôi biết đó là đại úy Steyn, chỉ huy quân đội trên đảo Robben Island.

Giờ đây chúng tôi còn lại người tù với nhau. Giai đoạn đầy thử thách đã đến với mọi người.

Đang ngồi thu lu trong xà lim, tôi bỗng nghe tiếng một người đàn ông thì thầm: “Nelson đến đây!”. Việc ai đó biết tên tôi ngay trên đảo tù đã làm tôi rối trí một phút. Tôi quyết định chấp nhận rủi ro, tiến ra khuôn cửa sổ và quan sát người kia. Chắc hẳn là người đó cho rằng tôi nghĩ người gọi mình là một cai tù da trắng. Vì thế anh nói ngay: “Tôi là quản tù da đen ở Bloemfontein đây mà.” Anh kể cho tôi những tin mới nhất về Winnie. Một tờ báo ở Johannesburg đăng tin vợ tôi đến nhà tù Pretoria thăm tôi. Ở đó người ta báo cho nàng rằng tôi đã bị

chuyển ra đảo Island. Tôi cảm ơn người quản tù về thông tin này. Ông hỏi tôi có hút thuốc không. Tôi trả lời không và ông tỏ ra thất vọng. Tôi vội nói ngay: “Nhưng các bạn tôi có hút”. Giọng ông bỗng dịu lại khi báo cho tôi biết trong vòng vài phút nữa ông sẽ mang thuốc sợi và bánh mì kẹp thịt cho chúng tôi. Tất cả chúng tôi tỉnh táo hẳn lên. Tefu và Gaetsewe nghiện nặng và tôi chia đều cho ba người. Trong suốt tuần sau, người quản tù da đen mang thuốc lá và bánh mì đều đặn cho chúng tôi. Thuốc lá được chia đều cho hai người. Người quản tù đã chấp nhận rủi ro lớn. Ông nói rằng chỉ trao đổi thông tin với tôi mà thôi.

Thời gian đầu chúng tôi không biết có bao nhiêu người tù bị đày ra đảo. Công việc lao dịch của những người tù mới đến là thông một đường cống xuống biển. Công việc ngày càng nặng nhọc hơn. Tên cai tù nào cũng độc ác như nhau.

Sau ít ngày, cai đảo đến “thăm” tù mới và nghe “kiến nghị” của chúng tôi. Y cũng hống hách như những tên thực dân da trắng đồng loại khác. Nghe xong hẳn nói: “Ta sẽ xem xét mình có thể làm được điều gì!”. Đó là câu nói đầu lưỡi của “các quan”, trong thực tế chúng chẳng làm gì hết.

Sau một thời gian bị đày ra đảo, tôi tìm cách tìm hiểu các loại tù và chế độ làm việc của họ. Chúa đảo đã chuyển một số tù của PAC vào trại tù của chúng tôi và các trại đối diện trại của tôi. Họ đều là những người trẻ tuổi. Ban đêm chúng tôi có điều kiện chuyện trò với nhau qua song sắt. Trong số tù trẻ thuộc PAC, tôi phát hiện một người cháu họ tôi tôi gặp chàng trai này một lần vào năm 1941, khi ấy cậu ta còn là một đứa bé. Tên cậu ta là Menye. Chúng tôi nói với nhau về quê hương Transkei của chúng tôi, về dòng họ chúng tôi. Một đêm Menye hỏi: “Thưa chú, chú thuộc tổ chức nào?”. Đương nhiên tôi nói cho Menye rằng mình thuộc ANC. Câu trả lời của tôi làm Menye và các bạn cậu bối rối, hết sức ngạc nhiên. Họ rời xa song sắt, cả đứa cháu của tôi. Ít lâu sau Menye xuất hiện trở lại và hỏi đã bao giờ tôi bỏ ANC và gia nhập PAC chưa. Tôi nói chưa và sẽ không bao giờ. Menye bèn kể cho tôi rằng chính cậu ấy đã nghe lãnh đạo PAC khẳng định trong chuyến công cán bí mật ra nước ngoài tôi đã từ bỏ ANC và gia nhập PAC. Tôi khẳng định một lần nữa rằng chuyện ấy là hoang đường, chưa bao giờ xảy ra. Câu khẳng định của tôi lần này đã làm cho các bạn trẻ ngỡ ngàng đến sững sờ.

Về sau tôi biết được rằng chính PAC đã tung tin ấy và khẳng định trong thời gian ở nước ngoài tôi đã gia nhập PAC. Tôi chẳng vui gì khi biết chuyện này, tuy nhiên nó không làm tôi ngạc nhiên. Trong hoạt động chính trị người ta không được đánh giá sai, không được coi thường ngay cả khi chỉ có một ít người biết được tình cảnh của mình. Sau đó vài ngày, Menye lại đến và hỏi rằng hỏi ở nhà tù Pretoria tôi có gặp và nói chuyện với Robert Sobukwe - thủ lĩnh PAC. Tôi ghi nhận điều này. Tin này làm các chàng trai vui mừng. Họ chúc tôi ngủ ngon. Đó là lần tôi gặp Menye cuối cùng.

Vài giờ sau đó, một sĩ quan an ninh đến báo cho tôi sắp xếp đồ đạc. Chỉ vài phút sau bạn tù của tôi đã bị chuyển đi nơi khác. Tôi còn lại một mình trong phòng giam. Trong tù người ta biết đánh giá sự may mắn chỉ ít là khi được vẫy tay từ biệt một đồng ngũ. Người ta sống với nhau nhiều tháng trời trong sự hiểu biết không cần nói ra lời và rồi sau đó ta không bao giờ gặp lại người đó nữa. Thật khủng khiếp khi phải sống cô đơn trong những bối cảnh như vậy.

Giờ đây, khi chỉ còn lại một mình tôi cảm thấy lo sợ. Số đông tạo cho ta cảm giác an toàn, còn khi một mình chẳng ai làm chứng nếu có việc gì đó bất ngờ xảy đến. Tôi bỗng nhớ ra là chưa ăn uống gì. Tôi đập cửa và kêu to: “Quản tù, tôi chưa có phần ăn!” Hẳn trả lời khô khốc: “Ông phải gọi ta là Baas”. Đêm đó tôi nhìn đói.

Sáng hôm sau, tôi được đưa trở về Pretoria lúc còn tối đất. Người ta công bố lý do đưa tôi trở về đất liền là do lo nếu ở Robben Island tôi sẽ bị những tù nhân PAC xử. Họ đã tấn công tôi một lần! Tất cả đều là bịp bợm. Nhà cầm quyền có lý do riêng khi đưa tôi trở lại Pretoria. Chỉ một ngày sau đó mọi sự đã rõ ràng, như dự đoán của tôi.

Dù bị giam trong xà lim biệt lập nhưng tôi đã có cách tìm hiểu tình hình, biết được rằng một loạt cán bộ ưu tú của MK, kể cả những chiến sĩ được đào tạo ở nước ngoài, sa lưới cảnh sát trong các cuộc vây ráp theo “đạo luật mới”. Tôi đã tìm cách liên hệ được với họ. Qua những tù nhân mới ở Pretoria tôi biết được Winnie bị quản chế 3 năm kể từ đầu năm 1961.

Hẳn là nhà cầm quyền cố ý dẫn Mashifane ra hành lang khi tôi đang có mặt ở đó. Tôi đã chào anh một cách tự nhiên và biết rằng Rinovia đã vỡ lở. Anh là “chủ trại” ở đó.

Vào một ngày tháng 6 năm 1963 tôi bị gọi lên văn phòng nhà tù. Ở đó tôi bỗng phát hiện nhiều khuôn mặt thân quen: Walter Sisulu, Ahmed Kathrada và hơn nửa tá chiến sĩ da đen và da trắng khác. Tất cả đều bị buộc tội phá hoại an ninh và âm mưu lật đổ - kể cả tôi. Ngày hôm sau tất cả phải ra hầu tòa.

Báo chí Nam Phi đưa tin việc tôi bị bắt một cách bất ngờ là do sự phản bội. Người ta đưa tên “những kẻ tình nghi” công khai lên mặt báo. Tôi đã đọc kỹ những bài này và biết những người mà báo chí đăng. Tuy nhiên không có sơ sở cụ thể nào xác đáng để kết tội họ. Một trong những thủ đoạn của nhà cầm quyền trong việc làm có chủ đích này là nhằm phân hóa, chia rẽ, gây ngờ vực trong nội bộ ANC và MK. Sự ngờ vực của chúng tôi có cơ sở nhất đó là bàn tay của một viên chức tòa lãnh sự Mỹ. Người này có những mối quan hệ khăng khít với CIA. Theo dư luận thì chính qua người này CIA đã cung cấp cho chính quyền Nam Phi hành tung của tôi. Tuy nhiên cho đến lúc ấy chúng tôi chưa có đủ các chứng cứ có sức thuyết phục trong tay để khẳng định sự thật. Mặc dù CIA chịu trách nhiệm với vô số trường hợp đáng nguyên rủa nhằm phục vụ chủ yếu cho lợi ích của chủ

nghĩa tư bản Mỹ, song việc tôi bị bắt có bàn tay của họ hay không quả là chưa thể khẳng định.

Vào một buổi sáng, đại úy an ninh Aucamp vội vã đến xà lim tôi, lớn tiếng một cách đắc thắng: “Mandela, bây giờ ông đã nằm trong tay tôi. Vì sao ông viết về những bó đuốc lửa chứ (thì ra Aucamp đã hiểu sai từ “Torts và từ “Torches”). Phải chăng ông đã ra lệnh sử dụng lửa trong các hoạt động phá hoại? “. Quả thật tôi không hiểu ông ta định nói gì, cho đến khi hấn lòi bức thư của tôi từ trong túi áo ngực ra. Thư đó tôi yêu cầu được cung cấp cuốn sách mang tựa đề “The Law of Torches” (có nghĩa là sách luật về một lĩnh vực nhất định). Tôi phì cười và Aucamp tức giận thật sự vì y cho rằng tôi giấu y và không nghiêm túc trước một viên chức có hạng của ngành an ninh. Trong ngôn ngữ của người Afikan (tức giới cầm quyền gốc Hà Lan) chữ “torch” (là ngọn lửa, ngọn đuốc) phát âm như từ “toort” tương tự như từ “tort” trong ngôn ngữ Anh. Tôi giải thích cho hấn chữ “tort” là một ngành luật chứ không phải là một bó đuốc cháy mà y cho là sử dụng để phát hỏa hoặc châm ngòi đốt mìn cho hoạt động phá hoại của MK. Aucamp ngượng quá lùi nhanh.

Trong phiên tòa “xử” tôi, người ta cũng đã mời thư ký thủ tướng ra là chứng. Số là tôi có gửi cho thủ tướng một bức thư. Tòa án coi bức thư này là thêm một bằng chứng nữa vì trong bức thư đó tôi phải tổ chức một đại hội toàn quốc mọi sắc tộc. Nếu chính phủ không làm việc đó thì ANC sẽ phát động tổng bãi công ba ngày. Tòa án coi “lời đe dọa” này là một “tội ác”. Trước khi đối chất với viên thư ký, tiến sĩ Barnard, tôi tuyên đọc trước tòa nguyên văn bức thư ấy, trong đó tôi nhấn mạnh ANC đòi có một đại hội dân tộc để hòa giải, tiến đến một bản dự thảo hiến pháp không phân biệt chủng tộc.

Cuộc đối chất với Barnard đã diễn ra trước tòa.

- Tiến sĩ Barnard, ông có trao cho thủ tướng bức thư?

- Có.

- Thủ tướng có trả lời bức thư ấy?

- Ông ấy không trả lời tác giả bức thư.

- Nghĩa là ông ta không trả lời bức thư. Nào bây giờ ông có nhất trí rằng trong bức thư ấy đề cập đến những vấn đề mà đa số công dân nước này quan tâm và cho là có ý nghĩa quyết định?

- Tôi không nhất trí.

- Ông không nhất trí ư? Ông không cho rằng vấn đề quyền con người, sự tự do của công dân có ý nghĩa quan trọng đến đời sống của nhân dân Nam Phi ư?

- Phải. Trong thực tế là như vậy đó.

- Có nên đưa những vấn đề ấy nói trước tòa không?

- Có, tôi cho là nên.

- Ông đã công nhận bức thư này đề cập các vấn đề quyền con người, tự do của công dân... chứ?
 - Phải, bức thư đề cập các vấn đề đó.
 - Vậy là ông biết rằng những người Phi không hề được hưởng những quyền đề cập trong bức thư? Những quyền này đã bị chính phủ tước đoạt.
 - Một số quyền thôi.
 - Không một công dân người Phi nào trong nghị viện chứ?
 - Đúng vậy.
 - Không một người Phi nào có mặt trong Hội đồng hàng tỉnh, quận, huyện chứ?
 - Đúng thế.
 - Người Phi không có quyền bầu cử trong đất nước này?
 - Họ không có quyền bầu cử theo nghị quyết của Nghị viện.
 - Đúng thế và tôi đang nói về chuyện ấy. Tôi nói về Nghị viện và các Hội đồng địa phương. Họ không có quyền bầu cử phải không?
 - Đúng thế.
 - Ông có nhất trí với tôi rằng trong bất cứ nhà nước văn minh nào trên trái đất, nếu một thủ tướng không thèm trả lời thư của công dân sẽ gây ra scandal, nhất là bức thư ấy đặt lên bàn những vấn đề liên quan đến vận mệnh của số đông công dân. Lẽ nào ngài không nhất trí?
 - Tôi không nhất trí.
 - Ông không nhất trí rằng không thể chịu đựng việc một thủ tướng phủ định một bức thư đề cập những vấn đề quan trọng đến đời sống, cuộc sống của đại đa số công dân?
 - Thủ tướng không phủ định bức thư này.
 - Xin ông chỉ trả lời câu hỏi. Ông có cho là đúng rằng thủ tướng không cần phải trả lời những vấn đề đại đa số công dân khẳng định là quan trọng đến vận mạng của đất nước ư? Ông sẽ nói rằng hành động ấy là một lỗi lầm chứ?
 - Thủ tướng đã trả lời bức thư đó.
 - Nào thưa ngài Barnard, tôi không muốn bất lịch sự với ngài. Ngài chỉ nên hạn chế ở những câu hỏi tôi đặt ra thôi.
- Những vấn đề tôi đặt ra cho ngài ở đây là: Ngài không cho rằng thật vô cùng khó hiểu khi một vị thủ tướng không chịu đối thoại, cùng bàn bạc những vấn đề mà đại đa số công dân của nước ta đặt lên bàn vì nó quan hệ đến số phận của họ ư?
- Cuối cùng thì ngài Tiến sĩ Barnard và tôi đã đi đến sự nhất trí. Ông ta chỉ nói vắn tắt rằng lời lẽ trong thư dữ dằn và thiếu lịch sự, và vì vậy ngài thủ tướng đã không trả lời.
- Như tôi đã linh cảm khi chính quyền đột ngột đưa trở về đất liền.

Chiều ngày 11/7/1963 cảnh sát tổ chức vây ráp nông trại Rivonia, “tổng hành dinh” MK và là trụ sở bí mật của ANC ở ngoại ô Johannesburg. Cuộc tấn công quy mô theo kiểu du kích đã làm cho những người quản lý không kịp trở tay. Chúng đã thành công ngoài mong đợi. Cuộc lục soát quy mô chưa từng có diễn ra nhiều giờ. Nhiều người bị bắt tại chỗ do bị bắt ngờ, không kịp chạy thoát. Mọi giấy tờ, tài liệu - cả những bộ sách kinh điển về chủ nghĩa Mác bị tịch thu sạch. Một trong những tài liệu cực kỳ quan trọng lọt vào tay chúng, đó là bản kế hoạch hành động mang tên “Operation Mayibuye” nhằm tiến hành một cuộc chiến tranh du kích trên toàn Nam Phi.

Với bằng chứng này, “tội phản quốc” đang đè nặng lên số phận chúng tôi. Tội danh này chỉ có thể dẫn đến án quyết tử hình. Từ phút đó chúng tôi ý thức được rằng mình đang sống dưới bóng của những chiếc giá treo cổ. Bọn theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan sẽ không bao giờ bỏ qua cơ hội ngàn vàng này để kết thúc số phận chúng tôi.

Thứ sáu, ngày 12/6/1964 chúng tôi bị đưa ra tòa án lần cuối cùng sau đúng một năm kể từ” ngày định mệnh” ấy với bảo cáo trạng được soạn thảo nhiều lần sau hàng loạt cuộc thẩm vấn và tra tấn dã man để bức cung.

Tôi phát hiện mẹ tôi và Winnie trên hàng ghế dự khán. Người đã vượt quãng đường dài từ Transkei đến chứng kiến số phận con trai mình và đồng chí, đồng đội của con. Tôi ngược nhìn lên hàng ghế nơi mẹ yêu quý và Winnie thân thương đang hồi hộp đợi chờ, vẫy tay chào mẹ và ngậm bảo cho Winnie biết rằng cuộc chiến đang ở giai đoạn hết sức gay go, nhưng tôi và các đồng chí của mình không bao giờ chịu khuất phục.

Suốt một năm qua chúng tôi đã qua những cuộc đấu trí gay go và tạo được tiếng vang lớn trong dư luận trong nước và trên thế giới. Báo chí Nam Phi và nhiều nước trên thế giới đăng bình luận với tựa đề lớn, khẳng định đây là vụ án chính trị có ý nghĩa trọng đại nhất trong lịch sử Nam Phi.

Từ trong xà lim lê đôi chân bị xích ra đường để lên xe bịt kín đến tòa án thẩm vấn, hàng ngàn người dân đã vây kín những đứa con anh hùng của mình, hô vang “Amande Ngawethu” và “Mayibuye Africa”. Không khí sục sôi khích lệ chúng tôi ngẩng cao đầu tiến bước. Trong phòng xử án, các phóng viên báo chí trong và ngoài nước bị đẩy ra ngoài do quần chúng xông vào như sóng cồn. Là người tù đã thành án, tôi không có điều kiện và không được ăn mặc đẹp đẽ, gọn gàng như các chiến hữu của mình, mà phải mang áo tù. Nhiều người kể lại rằng lúc ấy trông tôi “thật thảm hại”, không phải chỉ do bộ áo tù bẩn thỉu. Trong nhiều tháng bị ngồi tù tôi đã gầy đi quá nhanh. Khi lê chân vào phòng xử án tôi phải gắng lắm mới nở được nụ cười khi ngược lên hàng ghế những người dự khán. Ánh mắt của quần chúng mới thật là loại thuốc kỳ diệu nhất dành cho tôi trong giờ phút nghiêm trọng ấy. Chánh tòa vụ xử này là “người quen biết” của những người Phi

yêu nước. Đó là Quartus de Wet trong bộ sắc phục đỏ rực của chánh tòa đại hình. Như đã biết, ông là nhân vật cuối cùng của Đảng United Party và là người không bị tố cáo là tay sai của chính quyền Apartheid. Ủy viên công tố là tiến sĩ Perey Yutar, Phó tổng chưởng lý.

Tôi là “nhân vật số 1” và được ngài ủy viên công tố trao bản photo cáo trạng. Theo đề nghị của Yutar, tòa sẽ xử chung tất cả bị cáo trong cùng một phiên xử. Cáo trạng buộc tội 11 người cầm đầu “tay sai” gây ra 200 cuộc phá hoại và mưu đồ tiến hành cuộc cách mạng bạo lực, dọn đường cho một cuộc can thiệp vũ trang. Chúng tôi bị buộc tội là “chủ mưu của một âm mưu phản loạn” cực kỳ nguy hiểm. Với tội danh này, án tử hình là điều không còn cần phải bàn cãi nữa! Luật sư Bram Fischer yêu cầu hoãn phiên xử. Ông này hiểu rất rõ rằng các bị cáo phải có thì giờ nghiên cứu kỹ cáo trạng trước khi phát biểu ý kiến của mình trước cơ quan nhân danh công lý.

Lo lắng của tôi hôm đó không phải là những tội danh quá nghiêm trọng như bản cáo trạng khẳng định mà sự bồn chồn là ở chỗ không thấy Winnie thân yêu trong số những người dự khán đông đảo hùng hực khí thế kia. Nàng bị quản chế trong khu vực Johannesburg. Nếu muốn đến dự khán phiên tòa ở Pretoria thì nàng phải làm đơn. Nàng đã làm tất cả những gì cần làm, nhưng cơ quan an ninh đã bác bỏ yêu cầu chính đáng này. Tôi còn được biết nhà chúng tôi cũng bị xói tung trong cuộc lục soát toàn diện này. Chúng bắt người em của Winnie. Winnie không phải là người duy nhất bị sức ép nặng nề trong những ngày “khủng bố trắng” ấy. Albertina, vợ Walter Sisulu và cậu con trai của họ cũng bị bắt tống ngục cùng với nhiều vợ, con của các nhà lãnh đạo MK và ANC.

Trong ba tuần tiếp theo, chúng tôi chuẩn bị tập thể cho những lời phát biểu trước tòa. Giờ đây tôi được giam chung với các bị cáo khác, những chiến hữu thân cận của tôi. Nhà cầm quyền đã tiến hành những công việc vi phạm pháp luật, nhưng có chủ đích rõ ràng: công bố chi tiết từ một phía về những vấn đề liên quan đến vụ án. Nhiều tờ báo là cái loa những nhà cầm quyền đăng một cách tùy tiện tí lớn: Cách mạng lật đổ chính phủ hợp hiến!

Ba tuần chuẩn bị các biện pháp và đối sách trước tòa đã làm tôi hồi sức nhanh chóng. Trong vòng tay của chiến hữu tôi cảm thấy mình như trẻ ra. Tôi được mặc quần áo thơm mát. Đó là kết quả của sự phản kháng của luật sư rằng người ta không được phép bắt người ra hầu tòa mặc áo tù.

Xuất hiện lại trước tòa chúng tôi tấn công ngay. Bram Fischer phê phán bản cáo trạng là sự áp đặt, viết lộn xộn và vô đoán, ví dụ nhận định rằng vào ngày cảnh sát đột nhập nông trại ở Rivonia, tôi đã tiến hành một loạt hành động phá hoại. Sự thật là những ngày ấy tôi đang ngồi trong xà lim Pretoria. Yutar bối rối ra mặt. Chánh tòa De Wet nhìn thẳng vào ông ta như nhắc nhở nghiêm khắc viên chức cao cấp này rằng ông ta phải trả lời ý kiến phản bác của luật sư Bram

Fischer. Đáng lẽ phải đi vào chi tiết cụ thể thì Yutar lại “đăng đàn chính trị”. De Wet không chấp nhận sự tùy tiện của Yutar. Ông cắt lời ngài Phó Tổng chương lý: “Toàn bộ cơ sở lập luận của ông - như tôi tiếp thu được - chỉ nói lên một nội dung là ngài rất hài lòng rằng các bị cáo là những người có tội. “De Wet từ chối bản cáo trạng. Tiếng búa của ông đập mạnh lên bàn báo cho cả Yutar lẫn chúng tôi: phiên tòa chấm dứt tại đây.

Chúng tôi thấy thật nhẹ nhõm. Hiệp đầu đã thuộc về chúng tôi. Ai cũng vui mừng, phấn khởi. Nhưng trước khi chánh tòa De Wet ra khỏi phòng xử, bọn cảnh sát đã lại ần chúng tôi lên xe tù.

Cáo trạng được gia công lại. Tháng 12 chúng tôi lại ra hầu tòa. Chúng tôi có cảm giác dường như De Wet tỏ ra thù địch chúng tôi hơn. Điều đó cũng là dễ hiểu. Ông ta cũng đã và đang chịu sức ép tối đa của chính quyền. Ủy viên công tố tuyên đọc cáo trạng mà nội dung là: Chúng tôi kích động gây các cuộc phá hoại và tiến hành chuẩn bị chiến tranh du kích nhằm phát động một cuộc cách mạng bạo lực, dọn đường cho lực lượng quân sự nước ngoài can thiệp vào Nam Phi tiến hành cuộc cách mạng cộng sản. Để làm việc này, cáo trạng tố cáo chúng tôi xin viện trợ tiền bạc và vũ khí của nước ngoài. Cáo trạng khẳng định rằng số súng đạn, chất nổ MK chuẩn bị cho cuộc chiến tranh đủ làm nổ tung cả thành phố Johannesburg thành bình địa!

Người ta yêu cầu chúng tôi “nói lời cuối cùng” rằng mình có tội hay không. Chúng tôi đã thống nhất với nhau không trả lời “theo phương pháp cổ điển” mà tận dụng khoảng thời gian quý báu này để miệt thị phương pháp xử án của nhà cầm quyền. Yutar kêu to:

- Bị cáo Mandela, ông có công nhận có tội hay không?
- Thưa quý ngài, không phải tôi mà là chính phủ phải ngồi trên ghế bị cáo. Tôi vô tội.
- Bị cáo số 2, Walter, có nhận tội hay không?
- Chính phủ phải chịu trách nhiệm về tất cả những gì đã và đang diễn ra trên đất nước này. Tôi không có tội.

Chánh tòa De Wet tuyên bố không quan tâm để ngồi nghe những buổi đăng đàn chính trị. Các bị cáo chỉ cần trả lời có hay không có tội. Nhưng đòi hỏi này bị từ chối, thậm chí bị phủ định. Mỗi bị cáo đều khẳng định chính phủ mới là bị cáo chính trong toàn bộ những sự kiện diễn ra ở nước này.

Để kích động dư luận, chính quyền còn cho truyền hình trực tiếp phiên xử. Bài phát biểu buộc tội của Yutar thậm chí còn được phát trên sóng radio. Người ta còn đặt micro trước đoàn bồi thẩm. Luật sư Bram Fischer đã đứng dậy cực lực phản đối việc vi phạm quy tắc của tòa. Dù Yutar tỏ ra bức bối, tiếng nói rít lên như xé vải, nhưng chánh tòa De Wet đã buộc phải cho người dọn hết máy microphon.

Trong ba tuần tiếp theo, Tổng chương lý đã cho gọi 72 nhân chứng ra trước tòa với “đủ các tài liệu làm chứng cứ”. Trong số những nhân chứng có viên cảnh sát làm nhiệm vụ chụp ảnh toàn bộ những sự kiện diễn ra trong ngày 11/6 ấy. Người thứ hai đáng quan tâm là chủ nông trại Rivonia. Ông không hề biết gì về những hoạt động bí mật diễn ra trong khu vực Rivonia suốt thời gian dài. Tuy nhiên ông khẳng định từng gặp những người - bây giờ là bị cáo - trong những thời điểm khác nhau ở nông trại. Nhưng khi Yutar yêu cầu chủ trại “nhìn thẳng vào mặt bị cáo số 1” là tôi với câu rít:

- Ông hãy nhìn kỹ xem có gặp người này ở đó không?

- Tôi không tin là ông này có mặt ở nông trại của tôi.

Chúng tôi tự hỏi Yutar có căn cứ gì để buộc tội tôi liên quan đến Rivonia. Ông ta biết quá rõ lúc xảy ra cuộc tổng lũng sục ấy tôi đang ngồi trong xà lim Pretoria kia mà. Về sau tôi mới biết rằng trong số những giấy tờ, tư liệu cảnh sát thu được ở Rivonia có bản ghi chép tỉ mỉ của tôi về những khả năng và điều kiện trốn khỏi nhà tù Pretoria cùng với những chi tiết rất cụ thể mà tôi được một người trao cho hết sức ngẫu nhiên. Khi gửi bản kế hoạch ấy ra ngoài tôi đã dặn sau khi đọc xong phải hủy ngay. Nhưng chiến hữu của tôi cho đó là một tư liệu quý cho tương lai nên đã giữ lại.

Trong số nhân chứng có một kẻ phản bội. Tên hắn là Mtolo thành viên của MK. Y đã khai khá tỉ mỉ chủ trương phá hoại của MK là sử dụng bom, mìn tự tạo, lựu đạn đánh phá những cơ sở trọng điểm của nhà cầm quyền. Tuy nhiên có thể do sức ép của cảnh sát, Mtolo đã “bịa” ra rằng chúng tôi đã vạch kế hoạch cụ thể lúc nào và ở đâu sẽ phát động cuộc chiến tranh du kích. Sự phản bội của Mtolo làm tôi giật mình. Chúng tôi không loại trừ khả năng sẽ có thành viên ANC và MK khi sa vào tay giặc không chịu nổi đòn thù, sẽ khai báo và phản bội sự nghiệp của tổ chức. Nhưng những lời khai của Mtolo cả những nhà lãnh đạo đang hoạt động ở nơi khác, đang làm việc công khai hợp pháp trong bộ máy chính quyền, không liên quan gì đến vụ Rivonia và MK thì quả thật không thể tha thứ được. Về sau chúng tôi mới biết rằng trước khi gia nhập MK, Mtolo từng là tội phạm hình sự, từng là kẻ cướp giết và từng ngồi tù đôi ba lần.

Tổng chương lý mãi đến Noel 1963 mới hoàn chỉnh bản cáo trạng. Nhưng phải đến ngày 29/2/1964, cáo trạng mới được công bố. Chúng tôi chỉ còn 1 tháng chuẩn bị đối sách nhưng lại không biết những gì được đưa vào cáo trạng cuối cùng này.

Bất chấp tất cả. Tập thể chúng tôi quyết định tự bào chữa trước tòa chứ không mời luật sư. Chúng tôi cũng quyết định không theo trình tự trả lời từng điểm trong bản cáo trạng khi ủy viên công tố hỏi.

Tôi có gần hai tuần lễ chuẩn bị bài phát biểu cuối cùng. Tôi làm việc suốt ngày đêm trong xà lim. Tôi đọc cho các chiến hữu là bị cáo nghe. Anh em đã góp

ý kiến thay đổi nơi này nơi kia, ý này ý khác. Theo thông lệ thì không có chuyện người tù bị kết án đọc lời phát biểu cuối cùng. Nhưng chúng tôi kiên quyết yêu cầu chánh tòa được làm việc đó.

Thứ hai, ngày 20/4/1964, dưới những biện pháp an ninh ngặt nghèo nhất, chúng tôi bị dẫn ra trước vành móng ngựa. Mẹ tôi và Winnie có mặt trong phiên xử cuối cùng này. Yutar cực lực phản đối chuyện này. Tuy nhiên quyền điều hành phiên tòa là De Wet chứ không phải ông ta.

Tôi, bị cáo thứ nhất, được gọi. Tôi đứng thẳng dậy, nhìn bao quát phòng xử án, rồi bắt đầu từ từ đọc:

"Tôi là bị cáo số 1."

Tôi có bằng luật học và nhiều năm hành nghề ở Johannesburg với tư cách là một luật sư, người cộng tác với Tiến sĩ Oliver Tambo. Tôi là một người đã bị kết án tù 5 năm vì "tội" rời Nam Phi bất hợp pháp và kích động đình công cuối tháng 5/1961.

Tôi là một trong những nhân vật tham gia thành lập MK và đóng vai trò quan trọng trong tổ chức này cho đến khi bị bắt, tháng 8 năm 1962.

Ngay từ đầu tôi muốn khẳng định rằng những gì Tổng chương lý nhấn mạnh trong lời khai mạc phiên tòa rằng cuộc đấu tranh ở Nam Phi chịu ảnh hưởng của nước ngoài hoặc những người cộng sản là hoàn toàn vô căn cứ. Những gì tôi đã làm với tư cách cá nhân cũng như tư cách của một nhà lãnh đạo nhân dân tôi, là từ kinh nghiệm ở Nam Phi và trách nhiệm của một người gốc Nam Phi có lòng tự hào và tự tôn. Tôi đã làm và sẽ còn tiếp tục làm mà không phải do một người lạ nước ngoài nào đó bảo ban.

Thời thanh xuân của tôi ở Transkei tôi được nghe những người già của bộ tộc mình kể về lịch sử của bộ tộc, của các bộ tộc khác trên lãnh thổ Nam Phi. Trong kho lịch sử ấy có những cuộc chiến tranh mà tiền nhân chúng tôi buộc phải tiến hành để bảo vệ quê hương đất mẹ và tổ quốc mình. Tên tuổi của Dingane và Bambatha, Hintsa và Makanna... là những tên đỉnh cao của lòng tự hào và vinh quang của toàn thể dân tộc Nam Phi. Ngày ấy tôi từng hy vọng cống hiến cuộc đời cho nhân dân như tiền nhân trong cuộc chiến đấu giải phóng, giành tự do cho những người dân chân lấm tay bùn. Điều đó khích lệ tôi trong những hành động và chủ trương cụ thể mà bản cáo trạng đã nói rõ khi gọi tên tôi là bị cáo số 1.

Theo đó, tôi buộc phải ngay lập tức đề cập kỹ về vấn đề bạo lực. Có những chi tiết đưa ra trước tòa là đúng sự thật, nhiều điều khác không đúng. Tôi không phủ nhận đã hoạch định các hoạt động phá hoại. Tôi hoạch định các hoạt động này không phải trong tinh thần của sự bất chấp hoặc vì tôi thích bạo lực. Tôi hoạch định chúng trên cơ sở kết quả đánh giá bình tĩnh, cân trọng tình hình chính trị, mà sau nhiều, rất nhiều năm ách áp bức, đè nén, bóc lột của người da trắng đối với nhân dân tôi chẳng những không giảm mà ngày càng tàn bạo hơn.

Tôi muốn nhấn mạnh thật rõ ràng, mình bạch trước tòa án rằng không phải chúng tôi vô trách nhiệm và không ý thức được những hậu quả khôn lường của những hành động của mình do hoạt động phá hoại này đem đến cho chúng tôi. Tôi nhấn mạnh đặc biệt điều này: những cuộc phá hoại đều nhằm không mang lại chết chóc, đau đớn cho con người.

Chúng tôi trong ANC luôn phấn đấu cho một nền dân chủ không phân biệt chủng tộc và tránh mọi hành động có thể làm cho vấn đề mâu thuẫn chủng tộc sâu sắc thêm. Nhưng đó là một thực tế cay nghiệt, vì rằng suốt 50 năm đấu tranh không bạo lực chỉ mang lại cho nhân dân Nam Phi những đạo luật ngày càng tàn bạo hơn và những quyền con người vốn đã quá ít ỏi ngày càng bị cướp gần sạch trơn. Phiên tòa hôm nay không dễ dàng hiểu được thực tế này, tuy vậy có một sự thật là người dân đã nói đến từ lâu về việc sử dụng bạo lực, về một ngày phát động cuộc chiến đấu chống người da trắng áp bức bóc lột để giành lại tổ quốc, đất đai. Và chúng tôi, những người lãnh đạo ANC đã dùng ảnh hưởng của mình kiềm chế hành động bạo lực ấy và trung thành với các phương tiện hòa bình. Trong khi một số trong chúng tôi đang bàn bạc chuyện này hồi tháng 5 năm 1961 thấy rằng khỏi phải nói gì thêm là chính sách phân đấu tạo dựng một nhà nước không phân biệt chủng tộc bằng phương pháp không sử dụng bạo lực hầu như không có chút hy vọng nào, và quần chúng đông đảo đã mất hết lòng tin vào đường lối ấy, một số đã tính đến phương án khác.

MK được thành lập trong tháng 11 năm 1961. Khi chúng tôi thông qua quyết định này và sau đó vạch kế hoạch hành động, những di sản của ANC về chủ trương không bạo lực và sự hài hòa chủng tộc tiếp tục là bạn đồng hành của chúng tôi. Chúng tôi lo ngại đất nước sẽ rơi vào cuộc nội chiến giữa những công dân da trắng và da đen. Chúng tôi đánh giá tình hình với nỗi lo rất lớn. Nội chiến có nghĩa là sự tàn phá những gì ANC từng bảo vệ, với nội chiến thì hòa hợp chủng tộc sẽ còn khó đạt được hơn bất cứ lúc nào trước đó. Chúng ta đã có nhiều tấm gương về hậu quả của chiến tranh trong lịch sử của nước Nam Phi. Đã mất hơn 50 năm để hàn gắn những vết thương chiến tranh Buren (tức cuộc chiến tranh giữa người da trắng gốc Anh và người da trắng gốc Buren thuộc Hà Lan - ND). Sẽ mất bao nhiêu năm để có thể hàn gắn những đồ vỡ khủng khiếp của một cuộc nội chiến chủng tộc, một cuộc chiến tranh mà chắc chắn sự thiệt hại của cả hai bên sẽ vô cùng khủng khiếp. Những hoạt động phá hoại có thể tạo dựng lại được những quan hệ chủng tộc trong tương lai. Những chính quyền da trắng đã lập tức hành động đẫm máu, coi phá hoại là tội ác phải xử với án tử hình. Chúng tôi không mong muốn cuộc nội chiến, nhưng chúng tôi phải chuẩn bị sẵn sàng tất cả.

Kinh nghiệm đã dạy chúng tôi rằng bạo loạn sẽ tạo ra vô vàn cơ hội cho chính quyền đàn áp không thương tiếc dân lành vô tội. Nhưng sự thật trần trụi là

đất Nam Phi đã thấm đầy máu vô số người Phi vô tội chính là nguyên nhân nhắc nhở chúng tôi có tầm nhìn xa để có thể và phải chuẩn bị sẵn sàng lấy bạo lực đáp lại bạo lực. Cuộc chiến đấu phù hợp và gần với ít rủi ro nhất về sinh mạng cũng như khổ đau cho cả hai phía là cuộc chiến tranh du kích. Vì lẽ đó chúng tôi quyết định chuẩn bị sẵn sàng tất cả để khi chín muồi có thể tính đến cuộc chiến tranh du kích trong tương lai.

Mọi công dân da trắng đều được huấn luyện quân sự. Trái lại, tất cả công dân người Phi da đen chưa bao giờ được huấn luyện cả. Theo quan điểm của chúng tôi, người Phi chỉ có thể tổ chức những đơn vị hạt nhân gồm những người đàn ông được huấn luyện để có thể chỉ đạo các đơn vị một khi cuộc chiến tranh du kích được phát động. Chúng tôi phải chuẩn bị cho tình hình ấy trước khi quá trễ.

Trong giai đoạn thảo luận phương án này, tôi đã rời đất nước, tham dự cuộc Hội nghị của PARMECSA và tham dự khóa huấn luyện quân sự để đề phòng một khi cuộc chiến tranh du kích nổ ra có thể đứng ở hàng đầu của đoàn quân chiến đấu có hiệu quả bên cạnh các chiến hữu của mình. Tuy vậy, tôi tin rằng các hoạt động phá hoại còn chưa khai thác hết hiệu quả và vì thế phải tiếp tục khai thác tiếp.

Tôi khẳng định trước tòa ranh giới giữa ANC và MK được phân định rõ ràng, không thể gắn liền với nhau. Đó là đường lối của chúng tôi. Tuy vậy trong thực tiễn khó có thể thực hiện một cách đơn giản sự tách bạch ấy. Do bị quản thúc và bắt bớ chúng tôi thường phải hoạt động ở cả hai tổ chức. Cho dù có khi công việc bị chông chéo nhưng khó có thể khắc phục được như mong muốn. Tôi phủ định nhận định của Tổng chương lý mục tiêu của ANC tương đồng, thậm chí cũng là mục tiêu của đảng Cộng sản.

Sự khẳng định về tư tưởng của ANC là chủ nghĩa dân tộc Phi nhất quán. Đó không phải là bản sao chủ nghĩa dân tộc Phi như người ta thét gào: Hãy tổng cổ những tên da trắng xuống biển! Chủ nghĩa dân tộc Phi mà ANC chủ trương là tự do và cuộc sống thanh bình no đủ cho nhân dân Phi trên chính đất mẹ của họ. Tài liệu chính trị quan trọng nhất của ANC được nhất trí thông qua từ lâu là Hiến chương tự do. Đó không hề là phác thảo về một chủ nghĩa xã hội. ANC không bao giờ, chưa lúc nào trong lịch sử của mình ủng hộ một cuộc thay đổi cách mạng cơ cấu kinh tế của đất nước, cũng như kết án chủ nghĩa tư bản.

Khác với đảng Cộng sản, ANC chỉ kết nạp thành viên người Phi. Mục tiêu chính của nó đã, đang và sẽ là giành tự do cho người Phi và mọi quyền lợi chính trị cho họ. Mục tiêu chính của đảng Cộng sản khác với mục tiêu của ANC, đó là khuất phục chủ nghĩa tư bản và thay đổi nhà nước thành nhà nước của giai cấp công nhân. Đảng Cộng sản nhấn mạnh sự khác biệt giai cấp trong khi ANC tìm sự dung hòa giữa các giai cấp.

Đúng là có sự hợp tác chắc chắn giữa đảng Cộng sản và ANC. Nhưng sự hợp tác chỉ là bằng chứng khẳng định cả hai phấn đấu cho một mục tiêu chung, trong trường hợp này là tiêu diệt và xóa bỏ sự thống trị của một thiểu số da trắng chứ không phải minh chứng cho sự tương đồng hoàn toàn về lợi ích. Lịch sử thế giới đầy những ví dụ của những sự hợp tác như vậy. Mà điển hình nhất có lẽ là sự hợp tác giữa Mỹ, Anh và Liên Xô trong đại chiến thế giới lần thứ hai, trong cuộc chiến đấu chống Hitler. Không có một ai ngoài Hitler có thể nhận định một sự hợp tác như vậy có thể biến Churchill, Roosevelt thành những người cộng sản hoặc công cụ của chủ nghĩa cộng sản, hoặc Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và vương quốc Anh hoạch định một thế giới cộng sản.

Có thể rất khó để những da trắng Nam Phi hiểu những sự lên án chủ nghĩa cộng sản trên chính trường Nam Phi khi họ mục sở thị chính những chính khách châu Phi tên tuổi không chỉ mong muốn tự nguyện kết bạn với những người cộng sản mà còn gia nhập hàng ngũ những người cộng sản. Song đối với chúng tôi, lý do đơn giản hơn nhiều: trong nhiều thập niên qua, những người cộng sản là tổ chức duy nhất ở Nam Phi sẵn sàng công nhận và đối xử với những người Phi da đen là những công dân bình đẳng. Họ sẵn sàng cùng ăn, chuyện trò, chung sống và cùng làm việc bình đẳng với người Phi. Vì thế rất nhiều người Phi nhìn nhận những người cộng sản đồng nghĩa với tự do. Tôi chưa bao giờ là đảng viên cộng sản mà luôn luôn khẳng định mình là một công dân yêu nước. Tôi không phủ nhận là tư tưởng về một xã hội không giai cấp có sức thuyết phục mạnh mẽ, và tôi chịu ảnh hưởng của tư duy mác-xít. Đó cũng là trường hợp của nhiều chính khách các nước châu Phi đã giành được độc lập. Họ cho rằng cần lựa chọn một kiểu chủ nghĩa xã hội theo cách nào đó để đưa nhân dân nước mình có điều kiện tiến lên ngang hàng với các nước phát triển.

Thông qua những tác phẩm của chủ nghĩa Mác và từ các cuộc đàm đạo với những người mác-xít, tôi nhận thức ra rằng những người cộng sản nhìn nhận chế độ đại nghị của các nước phương Tây là phản dân chủ và phản động. Trái lại, tôi ngưỡng mộ hệ thống xã hội ấy.

Sự bất bình đẳng trong đời sống giữa người da trắng và người da đen ở Nam Phi thật đáng sợ. Dù là giáo dục, y tế, tiền lương và ở bất cứ lĩnh vực nào người Phi cũng khó vượt qua mức tối thiểu. Trong khi đó người da trắng có cuộc sống cao nhất so với cả thế giới. Những người da trắng thường khẳng định người Phi ở Nam Phi có mức sống cao hơn mọi người Phi ở các quốc gia khác trên châu lục. Câu trả lời của tôi là: chúng tôi không nghèo khi so sánh với phần còn lại của châu Phi, nhưng là nghèo xơ xác so với người da trắng ngay trên quê cha đất tổ của mình và mọi đạo luật của nhà cầm quyền đều nhằm mục đích cuối cùng là ngăn chặn việc xóa bỏ sự bất bình đẳng này.

Cuộc sống thiếu nhân phẩm mà người Phi phải chịu đựng là kết quả của chính sách thống trị của người da trắng. Sự thống trị da trắng hạ nhân phẩm của người phi xuống mức thấp nhất, biến họ thành những người tự ti. Hệ thống luật pháp chỉ nhằm mục tiêu bảo đảm sự thống trị của thiểu số da trắng. Những công việc nặng nhọc, khó khăn ở đất nước Nam Phi chỉ “dành” cho người Phi: mang vác, lau chùi, quét dọn đều là “công việc của culi đen” phải làm cho người da trắng, bất kể người Phi ấy có làm tạp vụ trong gia đình của người da trắng hay không.

Đói nghèo và gia đình tan rã là chuyện thường nhật. Trẻ em lang thang kiếm sống khắp hang cùng ngõ hẻm. Chúng không có cái ăn nói gì đến đi học. Chuẩn mực gia đình tan vỡ do nghèo đói, khốn cùng và hậu quả là tội phạm tăng dần đến bạo lực không chỉ trong chính trị mà trong tất cả các mặt của đời sống xã hội.

Những người Phi chỉ mong muốn một phần của cả tổng thể nước Nam Phi, họ muốn an ninh và một phần của cải của xã hội. Trên tất cả, chúng tôi muốn có các quyền chính trị như nhau, bởi vì không có những quyền đó thì những thiệt thòi của chúng tôi trong xã hội này càng được củng cố. Tôi biết điều này vang lên như một đòi hỏi mang tính cách mạng đối với những người da trắng ở đất nước này, bởi vì người Phi là đa số cử tri có quyền bầu cử. Điều đó làm cho người da trắng lo sợ.

ANC chiến đấu cho mục tiêu ấy. Cuộc chiến tranh của ANC thực sự là cuộc đấu tranh dân tộc. Đó là cuộc chiến đấu cho người Phi từng những khổ đau và kinh nghiệm thôi thúc họ. Đó là cuộc đấu tranh cho công bằng để sống.”

Sau khi đọc lời phát biểu của mình, tôi đặt bản thảo trên bàn của những người bào chữa và mắt nhìn vào chánh án. Phòng xử im phăng phắc. Tôi không hướng cái nhìn của mình khỏi chánh tòa De Wet, cả khi tôi nói lời cuối cùng từ trí nhớ của mình.

“Tôi cống hiến cả cuộc đời mình cho cuộc sống đấu tranh của nhân dân Nam Phi. Tôi chiến đấu chống lại sự thống trị của người da trắng và tôi cũng chống lại sự thống trị của người da đen. Tôi giương cao lý tưởng dân chủ và xã hội tự do mà ở đó tất cả mọi người bình đẳng chung sống với nhau trong những điều kiện và khả năng như nhau. Đó là một lý tưởng mà tôi lấy làm lẽ sống và hy vọng sẽ đạt được. Song nếu cần tôi cũng sẵn sàng hy sinh cho lý tưởng ấy.”

Phòng xử án lặng như tờ. Sau khi nói xong, tôi từ từ ngồi xuống một cách khoan thai. Tôi không quay đầu lại và không nhìn lên các hàng ghế những người dự khán, mặc dù tôi nhận thấy mọi ánh mắt đang đổ dồn vào tôi. Sự im lặng như kéo dài nhiều phút. Thật ra nó chỉ kéo dài 30 giây, rồi bỗng nhiên tôi nghe từ hàng ghế dự khán một tiếng thở dài thật to, rồi tiếng “hừ hừ” của nhiều người cất lên cùng một lúc, tiếp theo là những tiếng thét của phụ nữ.

Tôi nói suốt bốn giờ liền. Lúc ấy đã quá 16 giờ và thông thường thì phiên tòa phải hoãn sang ngày khác. Nhưng chánh tòa De Wet đã phá thông lệ ấy, tiếp tục gọi người làm chứng tiếp theo sau khi trật tự đã được văn hồi. Ông ta biểu thị quyết tâm giảm tác động của bài phát biểu của tôi. Ông ta không muốn xem đó là phát biểu duy nhất và cuối cùng của phiên tòa. Nhưng không có ma lực nào làm yếu tác động bài phát biểu ấy được. Sau khi đọc xong bài phát biểu và ngồi xuống, tôi bắt gặp ánh mắt De Wet xói vào người tôi.

Bài phát biểu gây tiếng vang lớn trong dư luận báo chí trong và ngoài nước. Các tờ Rand Daily đăng nguyên văn, bất chấp lệnh của chính quyền cấm không cho đăng tất cả những gì của tôi. Trong bài phát biểu, tôi đã có thể phủ nhận trách nhiệm của mình về những văn kiện liên quan đến hoạt động phá hoại. Bây giờ thì mọi việc đã rõ ràng. Chúng tôi không phủ nhận trách nhiệm của mình mà chúng tôi đã tiến hành với sự tự hào và cân nhắc chu đáo, cẩn kẽ.

Bị cáo số 2 là Sisulu phải gánh chịu toàn bộ nội dung thẩm vấn của Yutar vốn là dành cho tôi. Anh đã đứng vững một cách dũng cảm và kiên cường trước hàng loạt câu khiêu khích của Yutar, phủ nhận trò xuyên tạc trẻ con của y về đường lối của ANC, lý giải một cách minh bạch, rõ ràng bằng những khái niệm đơn giản, dễ hiểu. Anh khẳng định chiến dịch Mayibuye và chính sách chiến tranh du kích không được quyết nghị là chủ trương của ANC. Anh tuyên bố chính mình phản đối khi bỏ phiếu với lý do thời cơ chưa đến.

Các bị cáo tiếp theo đều thực hiện xuất sắc chiến thuật đã được tập thể thông qua. Người cuối cùng là Andrew Mlangeni tuyên bố đã chuyển công văn, mệnh lệnh và kế hoạch hành động cho MK bằng cách thay hình đổi dạng trong bộ áo thầy tu để che mắt cảnh sát. Anh tố cáo trước tòa là mình bị tra tấn, đánh đập, thậm chí bị dí điện trong những ngày bị tổng giam. Sau lời khai của Andrew chỉ còn lại phần nghị án.

Ngày 20/5 Yutar trao cho báo chí phát biểu cuối cùng của y trước tòa. Bài phát biểu của Yutar được đóng cẩn thận, bìa bọc da. Bên bị cũng nhận được một bản. Cho dù được đóng rất đẹp nhưng phát biểu của Yutar tổng hợp một cách lộn xộn các sự kiện. Y không những giải thích cáo trạng mà cũng chẳng tôn vinh các chứng cứ. Ngược lại y đã dùng những lời lẽ thóa mạ, đại loại “Sự tráo tráo của các bị cáo thật đáng ngạc nhiên. Mặc dù bọn chúng không đại diện cho 1% nhân dân nhưng lại cho mình quyền thay mặt cho cả thế giới để tuyên bố rằng người Phi ở Nam Phi bị áp bức, bóc lột và truy nã”. Ngay đối với De Wet, bài phát biểu của Yutar là một bí ẩn. Ông ta đã hỏi Yutar: “Mr. Yutar, ngài ghi nhận rằng mình đã không thành công trong việc chứng minh liệu có một nghị quyết được thông qua về cuộc chiến tranh du kích, đúng không?”

Yutar như bị đánh trúng hộp sọ. Phần mình chúng tôi cũng rất ngạc nhiên, bởi vì lời chất vấn của chánh tòa gieo một sự hy vọng. Yutar nói thêm rằng thực sự là

đã có những chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh du kích.

De Wet đáp lại y với thái độ không còn kiên nhẫn: “Điều này thì tôi cũng đã biết rồi. Các bị cáo cũng đã đề cập khá rõ ràng. Tuy nhiên họ khẳng định trước khi bị bắt họ chưa có quyết định tiến hành cuộc chiến tranh du kích ấy. Tôi xuất phát từ chỗ rằng ngài không có bằng chứng để phủ nhận lời khai ấy của bị cáo, và chính ngài đã phải ghi nhận như vậy. "Phiên tòa tạm dừng và sẽ nhóm họp trong ba tuần tới."

Vấn đề Nam Phi đã báo động đến thế giới bên ngoài. Liên hiệp quốc trong phiên họp Đại hội đồng lần đầu tiên đã thông qua nghị quyết cấm vận chống Nam Phi. Tại nhà thờ lớn St. Pauli ở Luân Đôn, người ta cầu nguyện và lập hàng rào bảo vệ chúng tôi. Sinh viên đại học Luân Đôn bầu tôi làm Chủ tịch Hiệp hội của họ. Một nhóm chuyên gia Liên hiệp quốc kiến nghị tổ chức Đại hội hòa giải dân tộc ở Nam Phi nhằm dẫn đến việc hình thành một Nghị viện thực sự đại diện cho mọi tầng lớp nhân dân và đòi ân xá cho tất cả những người chiến đấu chống chủ nghĩa Apartheid bị kết án, cầm tù. De Wet quan tâm đặt biệt đến vụ án Rivonia. Hai ngày trước khi tuyên án, Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc (có phiếu trắng, trong đó có Anh và Mỹ) biểu quyết đòi chính quyền Nam Phi chấm dứt vụ xử này và ân xá cho các bị cáo.

Trong những ngày ấy, tôi phải nộp luận án cao học luật cho trường đại học Luân Đôn.

Thứ năm, ngày 11/6, chúng tôi tề tựu đầy đủ tại tòa nghe tuyên án. Chúng tôi biết rất rõ chỉ ít 6 người có “trọng tội”. Vấn đề còn lại là mức án sẽ như thế nào.

De Wet vào đề ngay tức khắc. Ông ta nói nhỏ và nhanh:

Bị cáo số 1 có tội trong cả 4 điểm, số 2 có tội trong 4 điểm, số 3 có tội trong 4 điểm... Chỉ một người có 1 tội theo cáo trạng và duy nhất một người vô tội.

Ngày hôm sau chánh tòa mới công bố án quyết. Đêm hôm đó chúng tôi quyết định sẽ không chống án, bất kể án quyết sẽ như thế nào, kể cả tử hình, bởi vì chúng tôi cho rằng một sự kháng án sẽ chôn vùi tiêu chí đạo đức mà chúng tôi đã lớn tiếng khẳng định công khai bất chấp tất cả. Trong tất cả phát biểu trước tòa ngay từ phiên xử đầu tiên, tất cả bị cáo đều khẳng định không cần giấu giếm rằng những gì mình làm có nguyên nhân sâu xa về đạo lý và chúng tôi tự hào về những hành động đó. Nếu như có án quyết tử hình thì chúng tôi sẽ không ngăn cản một chiến dịch khủng bố quy mô mà chắc chắn sẽ lập tức diễn ra không chỉ ở Pretoria mà là trong cả nước. Nếu kháng án có nghĩa là chúng tôi đã “tháo ngòi nổ” của khí thế hừng hực của quần chúng đang dâng cao hơn lúc nào, và có thể tạo ra ảo tưởng rằng ở Nam Phi người ta cũng có công lý. Chúng tôi cũng ý thức được rằng không kháng án sẽ mang lại thiệt thòi cho một số bị cáo thực sự không có tội trong vụ này nhưng cũng đã bị kết án căn cứ vào bản cáo trạng mà De Wet đã kết luận. Hành động của chúng tôi thật rõ ràng: Không có sự hy sinh nào là

quá lớn trong cuộc chiến đấu cho tự do của cả một dân tộc. Cái chết của tôi, của các chiến hữu sẽ không vô ích, nó sẽ phục vụ sự nghiệp được nhiều hơn là chịu cực hình trong suốt đời người của nhiều thế hệ. Và ngay cả khi không phải là án quyết tử hình cũng có cơ sở để không kháng án. Kháng án trong trường hợp ấy có thể đưa đến thảm họa. Tòa án phúc thẩm rất có thể đi đến kết luận chánh tòa De Wet đã bỏ qua những chi tiết quan trọng và kết quả là tòa phúc thẩm có thể “sửa sai” và khép chúng tôi vào tội chết. Thực tế ở Nam Phi đã từng diễn ra. Và còn nữa. Một sự kháng án rất có thể tác động không tốt đến sức ép của quốc tế đang gia tăng đòi trả lại tự do cho chúng tôi và tất cả những người đấu tranh chống chủ nghĩa Apartheid.

Đối với chính quyền thì án tử hình sẽ là cách giải quyết thực tế nhất. Chúng tôi nghe nói bộ trưởng tư pháp John Vorster kể với bạn của ông ta rằng lỗi lầm lớn nhất của thủ tướng Smuths trong thế chiến thứ hai là đã không treo cổ ông ta (John Vorster đứng về phía Hitler chống lại Đồng minh, trong đó có Nam Phi trong thế chiến thứ hai). Những kẻ dân tộc cực đoan da trắng cầm quyền hôm nay sẽ không tái diễn sai lầm ấy!

Tôi đã chuẩn bị cho bản án tử hình. Để chuẩn bị cho cái chết, quả thật người ta phải thực sự chờ đợi nó. Người ta sẽ không chuẩn bị gì được khi trong tâm tưởng vẫn cứ tin rằng điều đó sẽ không xảy ra. Tất cả chúng tôi bình thản chuẩn bị chẳng phải vì chúng tôi thừa dũng cảm mà vì chúng tôi rất thực tế.

Ngày 12/6 chúng tôi xuất hiện lần cuối cùng trước tòa. Tôi vẫy tay chào mẹ thân yêu và Winnie yêu dấu. Hẳn mẹ tôi đang trong tâm trạng xốn xang khi bước chân vào tòa đại hình chúng kiến con ruột của mình với bản án cao nhất. Cho dù tôi biết rằng mẹ tôi không hiểu hết những gì đã và đang diễn ra, không biết hết những gì con trai Người đã làm, nhưng Mẹ kiên định vô cùng. Winnie cũng không tỏ ra mảy may rối trí, lo âu về sức mạnh của nàng nâng cánh cho tôi.

Cáo trạng được tuyên đọc một lần nữa. DeWet như lơ đãng không chú ý đến những gì người ta đang đọc sang sảng. Ông không ngược nhìn lên cũng chẳng ghi chép gì. Dường như ông đang chìm vào những suy tư. Hẳn là ông ta đang chuẩn bị cho giây phút công bố quyết định cuối cùng.

De Wet ra hiệu cho chúng tôi đứng dậy. Tôi hướng ánh mắt vào ông ta. Nhưng ông không một lần nhìn về phía chúng tôi. Ông nhìn thẳng vào khoảng không trước mắt. Mặt ông nhợt nhạt hẳn, hơi thở nặng nề. Chúng tôi nhìn nhau và dường như đều ý thức được rằng sẽ là án tử hình, bởi vì nếu không như thế thì vì sao con người nổi tiếng là trầm tĩnh này lại rối trí như thế chứ? Và ông từ từ tuyên đọc.

Tôi đã nghe trong suốt vụ án lời buộc tội của những công dân không phải da đen. Các bị cáo đã kể cho tôi và đoàn luật sư của bị cáo cũng kể cho tôi rằng các bị cáo đều là thủ lĩnh của công dân không phải da trắng, tất cả đều lý giải họ

không có tội và phải được giảm nhẹ khi xét xử. Tôi hoàn toàn không tin là động cơ của các bị cáo vô tư như họ lý giải trước tòa. Những người hoạch định một cuộc cách mạng thì thông thường là chiếm chính quyền, và ý chí của họ là không thể tách khỏi động cơ ấy.

Ông im lặng một vài giây như để lấy thêm dưỡng khí. Giọng của ông vốn đã lắng xuống và giờ đây người ta như không còn nghe rõ ông đang nói gì.

Nhiệm vụ của tòa án này như của mọi tòa án khác trong mọi quốc gia ở chỗ giữ gìn luật lệ, kỷ cương và trật tự, thực thi pháp luật. Những tội ác mà bị cáo bị tố cáo trong cáo trạng và các bị cáo không phủ nhận, ấy tức là tội ác chính, tội ác âm mưu bạo loạn về bản chất mà xét là tội phản quốc. Nhà nước quyết định không đưa tội ác này vào cáo trạng. Trên cơ sở của sự thật này và sau khi cân nhắc chín chắn, tôi quyết định không y án cao nhất là trong trường hợp này lẽ ra phải chịu như vậy, thế nhưng phù hợp với nghĩa vụ của tôi thì hình phạt ấy phải được giảm đi một chút. Bản án dành cho tất cả các bị cáo là tù chung thân trong nhà lao.

Chúng tôi nhìn nhau mỉm cười. Khi De Wet tuyên án và quyết định không treo cổ chúng tôi, trong phòng xử án bỗng thở phào đồng loạt rất to. Cũng đồng thời xuất hiện sự lộn xộn bởi vì không ít người bất bình với án quyết của De Wet. Quả thật có bị cáo vô tội trong vụ Rovinia này.

Tôi quay lại, hướng lên các hàng ghế dự khán và cười, mắt tìm mẹ và Winnie. Lúc này trong phòng xử hết sức hỗn loạn. Người ta la hét, cảnh sát xô đẩy những người tràn xuống từ các hàng ghế. Tôi không nhìn rõ mặt mẹ và Winnie. Tôi giơ ngón tay cái chào theo kiểu ANC, trong khi những người dự án ào ra ngoài báo tin cho những người đang chờ đợi kết quả án quyết. Xe cảnh sát ập đến và nhanh chóng đẩy chúng tôi lên thùng xe trong cảnh hỗn độn như ong vỡ tổ.

Trong phòng giam của tòa án, chúng tôi bị xích tay. Cảnh sát rồi trí trước phản ứng sôi động của khối người đông đặc trước tòa thượng thẩm. Sau khi chờ cho tình hình dịu hơn, người ta đã bắt chúng tôi dẫn ra cửa sau và đẩy lên xe tù tìm đường hẻm chạy đi. Trên xe chúng tôi nghe tiếng hô “Amandea!” và tiếng hát hùng tráng cất lên từ những buồng phổi căng phồng của hàng ngàn đồng bào da đen. Chúng tôi giờ cao nắm tay với hy vọng quần chúng sẽ nhìn thấy mình.

Giờ đây tất cả chúng tôi trở thành tù nhân. Chúng tôi chia tay với Pennis Goldberg, vì anh là da trắng và sẽ bị tách khỏi tù da đen. Tất cả chúng tôi bị ném vào xà lim nhà tù Pretoria.

Vào một đêm vắng, trần trọc trên tấm chiếu giữa sàn xà lim, tôi bỗng nghĩ đến quyết định của De Wet. Chắc chắn phong trào phản kháng rầm rộ khắp nước và sức ép quốc tế đã tác động đến ông ta. Liên hiệp Công đoàn thế giới cực lực lên án vụ xét xử. Công nhân khuân vác ở hầu khắp thế giới tuyên bố tẩy chay bốc hàng cho tàu Nam Phi bất kể nó đến đâu, đi đâu. Chủ tịch Xô viết tối cao Liên

Xô Breznev gửi thư cho Verwoerd lưu ý ông thủ tướng về cụ xử này. Thượng viện Hoa Kỳ phản đối vụ xử. 50 nghị sĩ Anh biểu tình trên đường phố Luân Đôn...

Tôi từng nhận định, đối với De Wet thì chỉ khi nào ông ta ghi nhận chúng tôi chưa bắt đầu cuộc chiến tranh du kích, ANC và MK là những tổ chức độc lập với nhau thì không thể kết án tử hình chúng tôi được. Mọi chuyện đã diễn ra đúng như vậy.

Verwoerd trình bày trước Nghị viện rằng án quyết không hề bị ảnh hưởng do phong trào phản đối khắp nước và toàn cầu. Và ông ta cũng trơ tráo nói toạc rằng những bức điện phản đối từ các nước xã hội chủ nghĩa đều bị “vứt vào sọt rác”.

Cuối vụ án, De Wet nói với luật sư Bram Fischer rằng lập luận của những người bào chữa đã gây xúc động mạnh là nổ tung phong trào phản đối mạnh mẽ chưa từng có. Có thể đó là sức ép duy nhất buộc ông phải nhượng bộ. Nhưng ông ta biết rõ hơn ai rằng trong trường hợp kết án chúng tôi tử hình thì đại bộ phận người dân coi ông là tên sát nhân. De Wet ở phía khác cũng phải chịu sức ép khủng khiếp của đồng bào da trắng. Ông ta là người Phi gốc da trắng, là “cái đầu” của hệ thống pháp luật Nam Phi. Ông ta chưa bao giờ muốn làm giảm đức tin vào nền luật pháp đã đúc ra ông ta. De Wet đã chịu bị sức ép khuất phục bằng cách để cho chúng tôi sống.

Vào một buổi tối trước khi đèn nhà tù Pretoria tắt, chúng tôi bỗng nghe tiếng hát đồng ca, những bài ca chiến đấu và tự do cất lên hào hùng từ buồng phổi của hàng nghìn người. Chúng tôi hòa vào dàn đồng ca vĩ đại và hào hùng này.

Những tháng năm lưu đày

Tôi tỉnh giấc vào đúng nửa đêm, hai mắt nhìn lên sàn xà lim không chớp mắt. Hình ảnh phiên tòa vẫn hiện lên mồn một trong đầu tôi, tôi vẫn như nghe rõ từng tiếng động nhỏ trong buổi tuyên án, rồi bước chân của người “có tội” hòa lẫn trong tiếng thét hân hoan, cảm phần của hàng nghìn người vây quanh tòa án. Và trong cơn nửa mê nửa tỉnh ấy, tôi cảm nhận có bước chân người đang tiến gần đến xà lim biệt gian giữa đêm khuya. Đúng thế. Có tiếng gõ cửa. Tôi nhìn qua lưới thép và nhận ra khuôn mặt của đại úy Aucamp. Ông ta hỏi rất khê: “Nelson Mandela, ông còn thức chứ?”. Tôi nói phải. Aucamp tiếp: “Ông là người hạnh phúc lắm. Chúng tôi đưa ông đến một nơi và ở đó ông được hưởng nhiều tự do hơn. Ở đó ông có thể hoạt động, đi lại thoải mái. Ở đó ông thả sức ngắm trời xanh và biển xanh chứ không chỉ là những bức tường xám ngoét.”

Viên đại úy không có ý xỏ xiên, nhưng tôi biết rất rõ nơi mà ông ta nói đến ấy chẳng bao giờ mang lại sự tự do mà tôi ao ước. Làm như vẽ có điều gì bí mật lắm, viên đại úy vốn đã nói khê, lại hạ giọng như nói thầm: “Chừng nào ông không gây trở ngại cho chúng tôi thì ông sẽ có tất cả những gì ông muốn.”

Tiếp theo, Aucamp đánh thức những người khác bị nhốt trong xà lim biệt giam, ra lệnh cho tất cả thu xếp đồ đạc. Mười lăm phút sau chúng tôi bị dẫn qua đường hầm lắt léo của nhà tù Pretoria, qua hàng loạt cổng sắt.

Có 7 người tất cả. Chúng xích tay chúng tôi và đẩy lên xe thùng cảnh sát bịt kín. Lúc này đã gần hai giờ sáng, nhưng không ai trong bảy chúng tôi tỏ ra mệt mỏi, trái lại, chúng tôi hát vang những bài ca cách mạng, sống lại những phút hào hùng của giờ tuyên án. Họ chuẩn bị đồ ăn nguội - bánh mì kẹp thịt - và thức uống khá hậu hĩnh. Một viên đội, Van Wyck, cũng ngồi trong thùng xe với chúng tôi. Anh ta là một người biết điều, nhã nhặn. Khi chúng tôi hát xong bài hùng ca, anh ta bỗng nói rất nghiêm trang: “Các ông biết không? Các ông không phải ở lâu ngoài đảo đâu. Áp lực từ bên ngoài đòi trả tự do cho các ông đã và đang gây sức ép mạnh lên chính phủ. Chỉ một hoặc nhiều lắm thì hai năm sau, các ông sẽ ra khỏi nhà tù. Hàng nghìn, hàng vạn người hoan hô các ông, tất cả đều là bạn của các ông, phụ nữ yêu quý các ông. Các ông đã làm được tất cả, sẽ làm được tất cả!”. Chúng tôi im lặng nghe anh ta nói và tôi phải ghi nhận rằng những lời nói của viên đội làm tôi thích thú. Bất hạnh biết bao lời báo trước của anh đội tốt bụng dài gấp 10 lần. Phải mất 27 năm, dự báo ấy mới trở thành hiện thực.

Lặng lẽ và bí mật, được một đơn vị cảnh sát vũ trang “tháp tùng”, xe tù đưa chúng tôi đến một sân bay quân sự sau hơn một giờ. Chúng tôi bị đẩy lên chiếc Dakota cũ mèm. Trong bụng máy bay không có lò sưởi, chúng tôi rét cóng, run cầm cập. Chúng tôi dường như chẳng ai quan tâm nhà cầm quyền sẽ đưa mình

đến chân trời nào. Khi lên độ cao 5 mét ai cũng tái xanh mặt mày. Lúc này mọi sự tệ hại và nguy hiểm hơn là ngồi trong xà lim giữa bốn bức tường xám xịt.

Sau hơn một giờ bay, cảnh vật dưới đất trong ánh sáng bình minh như mờ như ảo. Tất cả chúng tôi dán mắt qua khung cửa sổ tròn của máy bay nhìn xuống trong tâm trạng ngổn ngang. Máy bay đang tiến theo hướng đông nam. Như các chiến hữu, tôi cũng dán mắt qua cửa kính nhưng không phải để chiêm ngưỡng phong cảnh phong phú của đất nước mình như một khách du lịch mà là bằng đôi mắt của một vị chỉ huy du kích. Trong đầu tôi hiện lên những vùng trú quân an toàn cho đội quân vũ trang quyết đương đầu với chế độ Apartheid muôn đời đáng nguyên rủa.

Từ ngày MK ra đời, vấn đề luôn được đề cập là Nam Phi có phải là vùng đất phù hợp cho một cuộc chiến tranh du kích hay không? Hầu hết thành viên Bộ chỉ huy đều cho rằng không thể. Khi máy bay bay qua vùng rừng núi Matroosberg gần thành phố Kap, tôi gọi các chiến hữu của mình và nói với họ đó là vùng trú quân, ém quân lý tưởng của quân du kích vũ trang. Các đồng chí của tôi đồng tình với nhận xét đó.

Vài phút sau, Robben Island đã ở ngay dưới cánh máy bay của chúng tôi. Máy bay hạ độ cao, rồi hạ cánh xuống sân bay dã chiến ở cuối đảo. Hôm đó là một ngày u ám, đầy mây. Khi được rời khỏi máy bay xuống đất, những cơn gió lạnh buốt như cửa da thịt quất vào mặt chúng tôi trong những bộ quần áo tù mỏng tang. Bọn lính gác lăm lăm súng tự động trong tay. Không khí căng thẳng, nhưng bình lặng, rất khác với “cuộc đón tiếp” mà Robben Island dành cho tôi hai năm trước đây.

Chúng tôi bị dẫn về nhà tù cũ. Một ngôi nhà đá tro tro giữa biển trời hoang vắng. Chúng tôi phải cởi quần áo ngay giữa sân. Đó là một kiểu hành hạ làm nhục tù nhân khi bị chuyển từ nhà tù này đến nhà tù khác. Người tù “được” thay sắc phục mới. Chúng tôi nhận những bộ kaki vải thô, “đặc trưng” của Robben Island sau khi ném hết mọi thứ rách rưới trên người xuống đất.

Chủ nghĩa Apartheid phân biệt người tù qua các áo tù theo màu da! Thật khủng khiếp. Trừ Karthy, tù nhân người gốc Ấn, chúng tôi chỉ được nhận quần đùi, áo mỏng và một cái chăn đơn cũ, dép râu. Chỉ duy nhất Karthy được phân tất. Quần đùi là để “nhắc nhở” người Phi da đen rằng họ là “Boys”. Hôm nay tôi chịu mặc quần đùi nhưng thề rằng không bao giờ chịu lùi bước và khuất phục cả ngay trong sự phân biệt đối xử thô bạo này.

Bọn lính gác ngục dùng mũi súng chỉ hướng đi cho từng người tù. chúng chỉ phát ra những mệnh lệnh khô khốc, không cần chủ ngữ cũng khỏi cần đại từ: Bước! Im lặng! Dừng! Chúng không phải lúc nào cũng đe dọa như tôi từng chứng kiến khi ra đảo lần đầu. Tất cả bọn họ như những con người máy không hồn, không tim.

Nhà tù này chỉ là “nơi quá cảnh” của tù mới. Ngày nay tại khu này nhiều tòa nhà cao tầng giam tù chính trị đã mọc lên san sát. Khi được đưa vào “nhà tù trung chuyển” này chúng tôi được dạo chơi ngoài trời và được phép trò chuyện với nhau mà không bị ngăn cản.

Vào buổi sáng ngày thứ tư, người ta lại xích tay chúng tôi, đẩy lên xe mui, chở đến một nhà tù khác. Đó là một pháo đài hình chữ nhật bao quanh một sân xi măng rộng 10 mét, dài 30 mét. Bốn bên pháo đài là xà lim, một thành tường cao bao bọc xung quanh. Tường cao tới 7 mét. Trên nóc là ba chòi canh có cả chó béc-giê Đức túc trực. Có 24 xà lim biệt giam, mỗi xà lim có “cửa tò vò lưới sắt”. Cửa xà lim hai lớp, lớp trong là gỗ, lớp ngoài là sắt. Ban ngày chỉ đóng cửa sắt, để thoáng phần lưới sắt phía trên. Ban đêm cửa gỗ cũng bị khóa lại. Xà lim biệt giam được cất vôi vữa, hẳn là để đón “khách mới nguy hiểm”. Tường còn ẩm ướt. Tôi báo cho quản tù là xà lim quá ẩm. Hẳn trưởng trại nói rằng chính chúng tôi sẽ là “vật hút ẩm” vậy!

Xà lim của tôi nằm cuối dãy. Chiều dài xà lim đúng ba bước chân của tôi, chân tôi đụng tường và đầu cũng đụng tường khi nằm thẳng. Trước xà lim là “thẻ bài”. “Thẻ bài” của tôi là “N. Mandela 466/64” có nghĩa là tôi là tù nhân số 466, và xà lim biệt giam năm 1964. Năm đó tôi 46 tuổi, bị kết án khổ sai chung thân và xà lim này là nơi tôi thụ án cho những năm còn lại của đời mình. Tôi sẽ ở đây này bao nhiêu năm? Tôi không trả lời được câu hỏi này.

Sau khi chúng tôi nhập trại đợt đầu, ngày càng có thêm tù mới hết đợt nọ đến đợt kia từ đất liền ra.

Tuần đầu chúng tôi phải tập sự lao động - một kiểu học nghề - để sau đó làm việc cho đến khi tù biệt cỗi đời, bởi lẽ chúng tôi là “tù chung thân” mà.

Thuở bé tôi đã được nghe kể về hòn đảo này. Người Xhosa gọi đảo bằng cái tên “Esipuithini”. Đó là một hòn đảo đá, cách bờ biển Kapstadt 25 km. Đối với người bộ tộc Xhosa thì Robben Island “quá quen thuộc”. Vị chỉ huy Macanna cao tới 2 mét đã bị thực dân Anh đày ra đó sau khi ông lãnh đạo 10.000 chiến binh Xhosa chiến đấu chống quân Anh xâm lược Nam Phi năm 1819, gây cho chúng nhiều thiệt hại cay đắng, nhưng rồi cuộc khởi nghĩa thất bại, bị tắm vào biển máu. Macanna đã vượt biển nhiều lần nhưng không thành. Lần cuối cùng ông đã không trở về khi vượt biển trở lại quê hương quyết một phen sống mái với quân thù.

Robben Island là “tiền đồn” của hệ thống nhà tù khét tiếng tàn bạo của chính quyền Nam Phi. Nơi đó không chỉ là thử thách khốc liệt cho mọi người tù mà cả cho bọn cai tù. Cai ngục toàn là người da trắng, phần lớn nói ngôn ngữ Afrikaans. Bọn này bắt tù nhân đều phải gọi chúng là “Baas” - tức là Ông.

Tôi từng nghe câu ngạn ngữ: Rét thấu xương. Giờ đây mới được “hưởng” cái rét mà không từ nào chính xác hơn là “thấu xương”. Vào tháng 6, tháng 7,

Robben Island nóng nhưng rất ẩm. Tháng 12 thì gió rét, không ngày nào nhiệt độ lên quá 5 độ C. Giữa trời nắng, tôi vẫn run cầm cập vì chiếc quần đùi và áo mỏng không đủ cho thân tôi chống được rét. Lao động khổ sai nặng nhọc - đào hào - nhưng bữa trưa là súp loãng và có mùi hôi. Buổi chiều, sau giờ lao động khổ sai, chúng tôi được nửa giờ “tự do” và tận dụng ba mươi phút này chạy cho ấm người.

Đào hào và đá, đập đá tảng thành đá dăm, chở bằng xe cút kít đến những nơi phải rải là những công việc nặng nhọc. Nhiều người trong chúng tôi vốn là lao động trí óc nên không quen và không đủ sức. Một hôm Karthy phải đẩy xe cút kít chở đầy đá. Anh không làm sao giữ thăng bằng chiếc xe một bánh này. Những tên cai tù vung roi dọa anh. Chúng không chỉ dọa suông. Tôi đang ngồi nghỉ, chứng kiến cảnh Karthy lúng túng vừa buồn cười vừa tức giận. Tôi nhảy đến chỗ anh, kịp nâng xe, hướng dẫn cho Karthy cách giữ thăng bằng và đẩy xe đi trước khi tên cai tù nắm cổ tôi không cho giúp bạn. Karthy vượt qua “phút hiểm nghèo” ấy, đã giữ được thăng bằng và đẩy xe đi với nụ cười trên môi.

Bọn cai ngục “nâng định mức từng ngày”. Không thể như thế được. Phải chống lại chúng. Chúng tôi làm “vượt mức” cho chúng thấy và đưa mắt báo cho nhau: không chấp nhận bất cứ một hình thức nào khác nữa nhằm nâng mức của bọn cai tù. Từ đầu tuần sau chúng tôi lẫn công, làm với tốc độ chỉ bằng một nửa ngày thường tuần trước. Bọn coi tù nhanh chóng nhận ra tình cảnh bê trễ “trên công trường”. Chúng đe dọa sẽ trừng phạt. Mặc kệ. Chúng tôi chỉ làm có thể.

Đảo tù Robben Island năm 1964 khác với năm 1962.

Ngay từ ngày đến đảo tôi đã phản đối, không chấp nhận mặc quần đùi. Tôi yêu cầu được gặp chúa đảo và đưa ra một bản kháng nghị nhiều điểm. Bọn chúng từ chối tất cả. Thế nhưng hai tuần sau tôi bỗng thấy có quần dài trong xà lim. Không có bộ comple sang trọng nào làm tôi vui mừng hơn lúc nhìn thấy hai chiếc quần dài bằng vải kaki thổ trong xà lim của mình. Nhưng trước khi mặc quần vào người tôi phải biết liệu các chiến hữu của tôi cũng được cấp như tôi hay không!

Không. Họ không được “đặc ân” ấy. Tôi yêu cầu người lính canh tù mang hai cái quần dài trả lại cho chúa đảo. Tôi nói với y rằng đòi hỏi của tôi là cho tất cả cả tù nhân. Người lính gác nói lảm bảm: “Ông Mandela, ông đã nói là muốn có quần dài và bây giờ đã có quần dài thì ông lại đòi trả lại là nghĩa làm sao chứ!”. Người lính gác từ chối không nhận hai cái quần vốn dành cho người da đen. Cuối cùng thì chủ trại giam đến xà lim tôi và mang hai cái quần đi. Hắn nói: “Tốt thôi Mandela ạ. Ông phải mặc quần đùi như mọi tù nhân khác.” Tôi nói thẳng với y: “Nếu ông đã cấp quần dài cho tôi thì vì sao những người khác lại không được cấp?” Y không trả lời.

Trên đảo, người tù không được sử dụng đồng hồ và vì vậy chúng tôi không bao giờ biết chính xác giờ giấc. Chúng tôi chỉ còn biết nghe tiếng chuông, tiếng còi và tiếng hét của lính canh. Không biết ngày, tuần, tháng. Tôi là người đầu tiên có sáng kiến là ra “lịch tường” trong xà lim. Việc không còn có cảm giác về thời gian là phương pháp thuận lợi có chủ đích của nhà cầm quyền làm cho người tù vừa mất hết tự do vừa mất hết sự kiểm tra chính mình và thậm chí đánh mất luôn sức hoạt động trí não của mình.

Thời gian trong tù đi rất chậm, ngày như dài vô tận. Nhân cư càng làm cho thời gian như dừng lại. Nhưng việc đó đã không xảy ra ở Robben Island. Chúng tôi đã tổ chức các hoạt động tập nập, bận rộn. Học tập và thảo luận tình hình và thời cuộc diễn ra liên tục. Tuy thế thời gian vẫn không trôi nhanh như bình thường. Có lẽ do ở bên ngoài những công việc ấy chỉ phải giải quyết trong vài giờ thì ở trong tù phải vài tuần, thậm chí vài tháng. Yêu cầu một bản chải đánh răng người tù phải chờ đúng 5 tháng. Một người đã phải thốt lên một phút trong tù dài như mấy năm, nhưng năm tháng thì trôi nhanh như phút vậy. Một buổi chiều đập đá dài tưởng chừng như vô tận, nhưng bỗng ngoảnh đi ngoảnh lại sẽ hết năm và người ta không biết các tháng biến đi đâu!

Đối với tù chính trị thì vấn đề quan trọng bậc nhất là những năm tháng trong tù không gây ra những tổn thất, không đánh mất, trái lại tăng được lòng tin khi rời khỏi địa ngục ấy. Nhiệm vụ đầu tiên của người tù là học chính xác cần phải làm việc gì để tồn tại trong bối cảnh nghiệt ngã. Muốn vậy ta phải biết được ý định của kẻ thù, qua đó tìm được đối sách phù hợp nhằm phá tan mưu đồ ác độc của chúng. Nhà tù có ý nghĩa gì khác hơn là nhằm bẻ gãy ý chí và tiêu diệt lòng tin của người tù. Để làm được điều đó, kẻ thù khai thác triệt để mọi điểm yếu của từng người tù nhằm hủy hoại mọi sáng kiến, ý tưởng, phủ định mọi cá tính... tất cả chỉ nhằm dập tắt chất con người trong mỗi chúng tôi, xóa đi cái tôi của người tù và biến người tù thành một cái gì đó vô tri, vô giác, vô bản ngã, chỉ còn là một sinh vật không não, không tim, không ý chí, không hoài bão...

Tôi không biết nếu phải sống một mình có đủ sáng suốt để nhận ra chân tướng của kẻ thù hay không. Nhưng thiếu sót lớn nhất của chúng là để cho chúng tôi chung sống với nhau. Nó thực sự đã tăng cường đáng kể sức mạnh của chúng tôi. Chúng tôi có thể giúp đỡ nhau và tăng sức mạnh cho nhau. Những gì chúng tôi biết được, tiếp thu được đều chia sẻ với nhau và qua đó tăng sức mạnh cho nhau, giúp nhau giữ được bản lĩnh của từng người. Dĩ nhiên không phải ai cũng phản ứng và chịu đựng như nhau. Có người khỏe, kẻ yếu. Người chịu đòn giỏi và người “nhát đòn”. Nhưng người khỏe có thể đỡ đòn được cho người yếu và như vậy làm cho cả hai đều khỏe lên. Hơn nữa trong một chừng mực nhất định, chính chúng tôi chứ không phải chúa đảo hay cai tù quyết định chúng tôi nên và phải tổ chức cuộc sống trong tù như thế nào.

Là người lãnh đạo, thỉnh thoảng ta phải làm đôi ba việc không gây tiếng vang hay kết quả những việc làm ấy không lộ diện trong nhiều năm. Có những thành công vẻ vang mà chỉ người tạo ra nó biết mà thôi. Điều này càng có ý nghĩa trong nhà tù mà ở đó người ta tìm được niềm an ủi rằng mình đã giữ được khí tiết, trung thành với lý tưởng mà có thể chẳng ai biết cả.

Tôi đã bị “loại ra rìa cuộc sống”, nhưng tôi biết hơn lúc nào rằng mình không thể buông xuôi hai tay, không thể từ bỏ cuộc chiến đấu. Tôi đang ở trong một trường đấu khác mà chiến binh và khán giả cũng là chính mình và những kẻ áp bức mình. Chúng tôi coi cuộc chiến đấu trong tù là một vi vũ trụ. Chúng tôi chiến đấu ở đó như chiến đấu ngoài đời. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và sự áp bức đều y hệt nhau. Chúng tôi chỉ chiến đấu trong những điều kiện khác mà thôi.

Nhà tù và bọn cầm quyền đã thề cướp hết danh dự của mọi tù nhân. Nếu ta sống sót, giữ vững khí tiết, không khuất phục, không để cho bất cứ kẻ nào cướp mất danh dự thì có nghĩa là ta không thua. Không bao giờ trong những ngày gian khổ ấy tôi mất lòng tin vào một ngày kia tôi ra khỏi nhà tù. Tôi không bao giờ tin bản án chung thân giam hãm tôi suốt đời sau cánh song sắt. Nếu có lúc nào đó suy nghĩ đến kết thúc bi thảm ấy, tôi lập tức “tìm lại mình” và xua đuổi bóng đêm ấy đi. Tôi tin chắc vào một ngày nào đó, mình lại được đặt chân lên thảm cỏ mát rượi của quê hương, dạo chơi dưới ánh nắng chan hòa với tư cách là một con người tự do.

Một buổi sáng, quản tù báo cho chúng tôi lên văn phòng gặp “đạo trưởng”. Văn phòng của ông ta cách xa nơi giam chúng tôi khoảng 400 mét. Người ta bảo với chúng tôi xếp hàng để chụp ảnh từng người một. Sau khi lấy dấu tay, tôi với những người canh tù: “Tôi muốn được xem lệnh của cấp trên của các ông về chuyện này. Chỉ có lệnh đó người ta mới được phép chụp ảnh người tù. “Tôi biết rất rõ việc chụp ảnh tù nhân phải có lệnh đặc biệt của cơ quan có thẩm quyền.

Biết được mọi quy định của nhà tù chỉ có lợi, bởi vì ngay cả bọn cai tù nhiều đũa không hề biết những “nội quy ngặt nghèo” của nhà tù. Biết được những điều đó nhiều khi làm cho bọn cai tù phải vì nể. Viên đội lúng túng, hấn không biết phải làm gì trước đòi hỏi của tôi. Sau một phút im lặng, y đe dọa sẽ báo cáo lên cấp trên về sự bướng bỉnh của tôi. Tôi nhắc lại cho y biết rằng không có lệnh của cấp trên có thẩm quyền thì sẽ không có bất kỳ tấm ảnh nào hết!

Về nguyên tắc chúng tôi phản đối việc chụp ảnh người tù, bởi lẽ những bức ảnh ấy chỉ để làm nhục người tù hoặc để tuyên truyền lừa mị. Trong thời gian dài đằng đẳng trên đảo tôi chỉ cho chụp duy nhất một tấm ảnh khi mới bị đày ra đảo.

Một tuần sau, viên đội báo cho chúng tôi không đi công trường đập đá mà ở nhà vá quần áo tù. Sau khi xem qua đồng quần áo, chúng tôi khẳng định những thứ giẻ rách này không còn sửa chữa được nữa. Sáng hôm đó chúng tôi nhận cư. Vào lúc 11 giờ cổng nhà tù bỗng mở rộng. Viên chỉ huy nhà tù dẫn hai người đàn

ông dân sự vào. Viên đội báo cho chúng rằng người này là phóng viên và nhà nhiếp ảnh từ Daily Telegraph đến từ nước Anh. Cách giới thiệu của viên sĩ quan ngụ ý rất rõ ràng dường như việc báo chí quốc tế đến thăm tù trên đảo Robben Island là chuyện bình thường, như là một sinh hoạt theo thông lệ ở đây vậy.

Mặc dù hai người kia là những vị khách đầu tiên đến thăm chúng tôi, nhưng mọi người nhìn họ với vẻ ngờ vực. Trước hết họ được nhà cầm quyền cho đến - hay phái đến - nhằm những ý đồ phục vụ cho chính sách của chế độ Apartheid, thứ hai là chúng tôi biết rất rõ từ Telegraph của phe bảo thủ và họ chưa từng viết một dòng bày tỏ thiện cảm với cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi. Chúng tôi biết dư luận rộng rãi trên thế giới lo lắng, quan tâm đến số phận của chúng tôi. Chúng tôi cũng từng biết dư luận Luân Đôn đã mở một phong trào có tên là “Free Mandela”- Tự do cho Mandela. Tuy nhiên đã có lần báo Anh phỏng vấn sinh viên Luân Đôn biết gì về phong trào này, thì có người đã nói Free là “tên của Mandela”!

Hai nhà báo chậm rãi bước vòng quanh sân tù và đưa mắt quan sát chúng tôi. Tất cả chúng tôi cúi đầu và chăm chú tập trung vào công việc đang làm. Một tên quản tù nắm lưng tôi: "Mandela, bây giờ là lúc ông nói đấy!". Từ những ngày mới ra đảo tôi thường thay mặt anh em tù trong khi đưa yêu sách này, nọ. Nhưng nhà tù đã công bố nội quy: mỗi tù nhân chỉ đại diện cho chính mình. Không ai được nói thay người khác. Cho dù quy định là như vậy, nhưng trong thực tế cả anh em tù lẫn nhà chức trách vẫn cứ bắt tôi làm “người phát ngôn” cho người tù. Hôm nay gặp hai nhà báo Anh là thêm một ví dụ nữa.

Tôi nói với phóng viên có tên là Newman khoảng 20 phút một cách thẳng thắn, công khai về điều kiện tồi tệ trong nhà tù và về vụ án Rivonia. Newman tỏ ra có thiện chí, nghe khá chăm chú. Cuối cuộc nói chuyện, anh ta nói nếu được chụp một bức ảnh tôi thì mãn nguyện lắm. Tôi chần chừ một lúc, rồi đồng ý. Tôi nghĩ rằng bức ảnh này sẽ vượt đại dương ra nước ngoài thì có thể dư luận hiểu hơn về cuộc chiến đấu của chúng tôi và qua đó sẽ ủng hộ chúng tôi! Tôi nói rằng mình đồng ý nhưng với điều kiện tấm ảnh này có mặt cả Sisulu. Cảnh của tấm ảnh ghi hai chúng tôi như đang bàn bạc một việc gì đó trên sân nhà tù. Tôi đã quên từ lâu lần chụp ảnh ấy, bởi vì như chúng tôi nhận định lúc đầu rằng đó là một tờ báo bảo thủ. Daily Telegraph đã chẳng những không đăng bức ảnh đó mà còn chẳng viết - dù chỉ là một dòng - về đảo tù Robben Island và cuộc gặp tù nhân chúng tôi.

Chúng tôi hiểu Telegraph từ vụ án Rivonia mấy năm trước đây rồi mà. Bây giờ khi dư luận tố cáo nhà cầm quyền Nam Phi đối xử tàn bạo, tra tấn tù nhân thì chủ nghĩa Apartheid muốn “chứng minh cho thế giới” rằng họ đối xử nhân đạo với tù nhân và những phóng viên Telegraph được mời “chứng kiến sự thật” ấy

nhằm “minh oan” cho họ và xoa dịu sự căm phẫn của dư luận rộng rãi trên thế giới.

Vị khách tiếp theo là Mr. Hynning, đại diện của Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ. Ông Mỹ này được tướng Steyn, “chánh tổng quản” hệ thống nhà tù Nam Phi tháp tùng. Tướng Steyn không mấy khi có mặt ở đảo. Sự vắng mặt của ông ta là cố ý. Y để cho cấp dưới tha hồ tự tung tự tác, hành hạ, đàn áp tù nhân mà ông vẫn giữ được bộ mặt đạo đức giả, sạch sẽ trước dư luận.

Hynning mặc luộm thuộm chứ không sang trọng như các nhà báo Anh hoặc như tướng Steyn. Tướng Steyn hướng về phía tôi như ngầm báo cho tôi rằng mình có thể “trò chuyện” với Mr. Hynning. Tôi hiểu cái nhìn của ông tướng kia và nhìn vào ông khách Mỹ, chào lịch sự. Tôi cảm ơn chuyên thăm của ông ta và lấy làm vinh dự được đón tiếp một đại diện của giới bảo vệ pháp luật Hoa Kỳ. Sau đó tôi tóm tắt những tố cáo về sự hà khắc của nhà tù và cố nhấn mạnh cho Hynning hiểu rằng chúng tôi là tù chính trị chứ không phải tội phạm hình sự và đòi được đối xử như những tù chính trị. Trong khi tôi nói thì Hynning thường ngắt lời nhiều lần. Khi tôi tố cáo bọn cai tù bắt tù chính trị làm những công việc vô nghĩa nhiều giờ làm liền trong ngày thì y “dạy” chúng tôi rằng là tù nhân chúng tôi phải làm khổ sai và dường như chúng tôi quá lười biếng. Khi tôi bắt đầu nói đến những việc trong xà lim, y ngắt lời tôi với ghi chú rằng trong những nhà tù ngay trên đất Mỹ còn khủng khiếp hơn nhiều so với nhà tù trên đảo Robben Island. Ông ta còn nói nhà tù ở Robben Island so sánh với nhà tù ở Mỹ là thiên đường của bọn tù! Ông ta bổ sung thêm rằng chúng tôi lẽ ra đã “xứng đáng” nhận lãnh án tử hình.

Mr. Hynning vãi mớ hôi liên tục. Nhiều người chúng tôi cho rằng ông ta hơi hợm mình. Ông ta nói với ngữ điệu của dân miền nam và có thói quen kỳ lạ là khạc nhổ liên tục. Chúng tôi chưa từng thấy một “ông lịch sự” nào tương tự.

Cuối cùng thì tôi nghe đã quá đủ, buộc phải ngắt lời ông ta: “Sir, ông chẳng hiểu những điều tôi nói.” Hynning bị xúc phạm vì tôi phủ định y trong khi tướng Steyn chỉ nghe, đứng nhìn mà chẳng bình luận gì... Trong bối cảnh ấy người ta khó có thể kiềm chế mình. Nhiều người tức giận ra mặt về “những lời dạy bảo” của Mr. Hynning và lấy làm bực mình là người ta đã dẫn con người ấy vào đây. Thường thì mọi cuộc thăm từ bên ngoài đều làm chúng tôi phấn chấn, nhưng cái ông Hynning này tác động ngược lại. Có thể đúng là điều nhà cầm quyền mong muốn. Quả là một sự nhục mạ khi phải đối mặt với một con người đến với mình với quá ít hiểu biết và thiếu hẳn thiện chí như vậy. Cuối cùng thì Hynning quay người và bước đi không một lời chào. Chúng tôi không cảm thấy hối tiếc khi nhìn thấy ông ta bỏ đi.

Chúng tôi còn nói với nhau nhiều năm sau về cái người có tên là Hynning ấy và nhiều người diễn lại những hành động kỳ cục của ông ta. Không bao giờ

chúng tôi còn nghe đến cái tên Hynning nữa. Và điều chắc chắn là ông ta không tìm được một người bạn nào trên đảo Robben Island cho Hiệp hội của mình.

Trong tù, tù nhân được phân theo nhóm A, B, C hay D. Tù loại A là “cấp cao nhất”, được “ưu ái” nhiều thứ, còn loại D “loại dưới đáy”. Nhà cầm quyền xếp tù chính trị mà chúng gọi là “tù an ninh” vào loại D khi mới và nhà giam. Một trong những “ưu đãi” đặc biệt người tù được hưởng là được nhận thư từ của người thân, được đón người nhà, được học và mua thực phẩm. Và đó là những nội dung cực kỳ quan trọng đối với người bị tước hết quyền tự do. Thông thường thì tù chính trị phải mất nhiều năm để được chuyển từ hạng D lên hạng C.

Chúng tôi phỉ nhổ sự xếp hạng này. Đó là sự phân biệt đối xử tàn bạo và là sự nhục mạ người tù, đặc biệt là tù chính trị. Chúng tôi phản đối, nhưng mọi phản kháng đều vô ích, bởi lẽ người ta đã coi những quy định ấy là một phần không tách khỏi cuộc sống người tù. Tù nhóm D cứ 6 tháng mới được phép nhận một bức thư, hạng C, hai lá. Từ hạng A được mua thực phẩm thêm từ ngoài nhà tù. Những thứ đó đối với chúng tôi không quan trọng, bởi lẽ chúng tôi chẳng có tiền để mà mua. Nhưng là tù hạng A, người tù có quyền mua sách và điều đó là hết sức cần thiết đối với chúng tôi. Sự phân hạng căn cứ vào “thâm niên” trong tù và “thái độ” của mình. Dù trước khi bị ném trở lại nhà tù trên đảo Robben Island tôi đã thụ án hai năm, nhưng bọn chúng vẫn xếp tôi vào hạng D. Cứ 6 tháng một lần cai tù tập hợp tù nhân công bố việc xếp hạng. Đương nhiên “thái độ thành khẩn” trong thời gian ấy được đánh giá cao trong khi xếp hạng. Cái gọi là “Hội đồng thẩm định xếp hạng” này lẽ ra chỉ đưa ra những nhận xét về sinh hoạt trong tù, nhưng trong thực tế người ta coi như một diễn đàn chính trị. Trong cuộc họp công bố hạng đầu tiên này, người ta đã chất vấn tôi về ANC và về lòng tin của tôi. Cho dù theo quy định thì những nội dung này không liên quan gì đến việc phân hạng đã thật sự làm tôi khó chịu. Tuy nhiên, các “Hội đồng thẩm định” này không đánh giá những câu trả lời chính trị “khó nghe” để hành hạ người tù bằng cách cho “lưu ban”. Về sau tôi nhận ra rằng đây là biện pháp kỹ thuật tinh vi của nhà cầm quyền nhằm khai thác thông tin từ người tù. Tôi đã “roi vào bẫy” của họ trong lần đầu tiên ấy. Sau đó chúng tôi thống nhất với nhau không trả lời những vấn đề liên quan đến chính trị trong những dịp ấy.

Là tù nhân nhóm D, tôi chỉ được phép 6 tháng nhận một bức thư và gửi đi một bức thư, được phép đón người thân một lần. Đó là quy định phi nhân tính của hệ thống nhà tù Nam Phi. Tiếp xúc với thân nhân biết tin tức gia đình là quyền con người không ai có quyền cướp và nhà tù không thể qua việc phân hạng để thực thi hành động thất nhân tâm ấy. Nhưng tiếc thay đó lại là sự thật tàn nhẫn trong hệ thống nhà tù Apartheid. Chưa hết. Thư nhận chỉ được phép từ “người thân cấp 1”. Đó lại là thêm một sự phân biệt chủng tộc điển hình nữa. Trong tâm thức của người châu Phi, quan hệ gia đình khác với người châu Âu.

Cấu trúc gia đình người Phi lớn hơn nhiều so với khái niệm gia đình của phương Tây. Tất cả những người cùng huyết thống đều là thành viên của gia đình người Phi.

Nhưng trong tù, điều duy nhất nghiêm trọng hơn cả những tin tức về sự bất hạnh của người thân bên ngoài, đó là không có bất cứ thông tin nào về tình hình bên ngoài. Thật tàn bạo khi người ta không chỉ hành hạ thể xác người tù mà còn cố tình làm cho họ cảm, mùi, điếc trước cuộc sống. Một tin tức, một bức thư dù viết về những sự khổ ải khôn cùng, sự bất hạnh và đau khổ của người thân, của đồng bào, đồng chí vẫn hơn là mù tịt mọi thứ. Quy định ngặt nghèo này lại còn bị vi phạm cố ý từ nhà cầm quyền. Có khi thứ gửi bên ngoài vào viết từ đầu năm mà cuối năm mới đến tay người nhận. Thư bị kiểm duyệt tàn bạo. Người ta cắt hết những đoạn “không có lợi” và vì thế những bức thư viết hai mặt giấy khi bị cắt đoạn này, đoạn kia thì coi như người nhận không thể đọc và hiểu được thư viết gì, nói gì. Thư Winnie đầu tiên gửi cho tôi là một trong những lá thư không thể đọc được như vậy.

Tháng 8 - sau gần ba tháng bị lưu đày - nhà cầm quyền cho biết ngày hôm nay tôi có thể tiếp khách. Họ không cho biết người đến thăm tôi là ai. Walter cũng được báo tin có khách đến thăm. Tôi đoán, hy vọng và ước mong và tin chắc đó là Winnie và Albertina, hai người vợ yêu quý của Sisulu và tôi.

Từ khi biết tin chúng tôi bị đày ra đảo, Winnie đã làm mọi cách để có thể ra đảo thăm tôi. Là người bị quản chế, nàng cần “giấy phép đặc biệt” của Bộ tư pháp, bởi vì nàng bị cấm gặp gỡ bất cứ ai, kể cả tôi.

Hơn nữa, nếu quả thật được “sự giúp đỡ” của nhà cầm quyền, việc ra đảo Robben Island của nàng cũng không đơn giản. Người đến thăm tù chính trị nhiều nhất là nửa giờ, không được tiếp xúc với nhau trong phòng mà phải nhìn nhau qua song sắt có kính.

Nhà cầm quyền không tính đến việc người nhà đến thăm tù nhân trên đảo. Nhưng khi không thể từ chối thì chúng lại giờ nhiều thủ đoạn độc ác làm cho chuyến ra đảo thăm tù nhiều khi không thể nào thực hiện được. Ví như khi đến xin phép, bọn nó quyết định ngay sáng mai phải lên đường. Nhiều người đã không thể có cách nào thực hiện được mong ước của mình. Ngày mai không đi được vì chưa chuẩn bị thì có nghĩa là sáu tháng sau mới có cơ hội khác. Tuy nhiên, không ai có thể khẳng định lúc ấy mọi chuyện sẽ thông đồng bén giọt. Chưa kể những người nghèo thì coi như không bao giờ có thể đến thăm thân nhân, dù là án khổ sai chung thân.

Chiều hôm sau, Walter và tôi được gọi lên “phòng khách”. Chúng tôi ngồi chờ ở góc phòng trong im lặng nhưng tim đập rộn ràng. Bỗng Winnie mặt tươi cười xuất hiện bên kia song sắt. Mỗi lần đến thăm tôi bao giờ nàng cũng ăn mặc đẹp, trang điểm chu đáo. Thật khủng khiếp biết bao khi hai chúng tôi đối mặt

nhau mà tôi không thể ôm hôn nàng, âu yếm nàng. Cách nhau bức tường và song sắt cùng tấm kính mà như hai thế giới vậy. Chúng tôi phải nói những chuyện riêng tư trước mặt những tên giám sát. Tôi nhận ra bộ mặt Winnie thay đổi ngay tức khắc khi chứng kiến sự phũ phàng khôn tả này. Đến được Robben Island đối với nàng đã là một việc quá khó khăn, vất vả, thế mà lúc này nàng phải chứng kiến sự vô nhân đạo, láo xược và không chút nhân tính của cả một hệ thống chính trị tàn bạo, đáng phỉ nhổ ngàn lần.

Chúng tôi nói với nhau qua micro. Sự có mặt của những tên cai tù thật khó chịu. Hai đứa đứng đằng sau nàng và tôi như hai bóng quỷ. Sự có mặt của chúng không chỉ là việc giám sát câu chuyện của chúng tôi mà còn là làm cho người đến thăm mất hết tinh thần. Nhà tù quy định chỉ được nói tiếng Anh và tiếng Afrikaans. Cấm ngặt việc trao đổi tiếng Phi. Người thăm và tù nhân chỉ được nói chuyện gia đình. Hễ nói đến chính trị là lập tức chấm dứt cuộc trò chuyện. Một tên người được nói đến mà bọn gác ngục không biết là chúng can thiệp, bắt dừng câu chuyện hỏi cho ra lẽ người có tên đó là ai, quan hệ như thế nào với chúng tôi. Bọn gác ngục đâu biết họ tên người Phi và vì thế chúng ngắt câu chuyện liên tục, mặc dù nửa giờ đã là quá ngắn. Nhưng sự tàn bạo ấy đã giúp chúng tôi sáng kiến tìm và đặt mã số cho từng người và đánh lừa chúng rằng đó là thành viên trong gia đình.

Bất chấp mọi sự cố, chuyến thăm đầu tiên này rất quan trọng. Tôi biết Winnie rất lo lắng cho sức khỏe của tôi. Nàng biết chúng tôi bị truy bức gắt gao. Tôi nhanh chóng báo cho nàng mọi chuyện ổn cả. Nàng chứng kiến tôi vẫn nhanh nhẹn và không gầy đi nhiều. Winnie thì gầy đi nhiều do phải thường xuyên sống trong tình trạng căng thẳng thần kinh. Tôi không bao giờ quên an ủi nàng và nói rằng không nên ăn kiêng, vì như thế sẽ gầy đi và kém sức. Tôi hỏi về các con, về mẹ tôi và gia đình bên ngoại.

Đang lúc chìm đắm trong câu chuyện, tôi bỗng nghe tiếng nói khô khốc của tên cai ngục: “Giờ thăm tù đã hết!”. Tôi nhìn hẩn về ngò vức, nhưng hẩn đã đúng. Một buổi thăm viếng như vậy không khi nào dài hơn một nháy mắt. Hơn nửa giờ thăm chỉ có 30 phút. Họ đẩy cả tôi và Winnie ra khỏi ghế. Chúng tôi chỉ có thể vẫy tay tạm biệt nhau. Mỗi khi Winne đã đi khuất, bao giờ tôi cũng đứng lặng tại chỗ vài giây như để giữ lại thêm chút nữa sự hiện diện của nàng. Trên đường trở về xà lim, tôi để cho toàn bộ những gì mới diễn ra một lần nữa trong não. Nhiều ngày, tuần, tháng sau, những hình ảnh ấy vẫn mới nguyên như hôm qua vậy. Tôi biết rằng trong sáu tháng nữa tôi mới có may mắn được gặp lại nàng. Nhưng tiếc thay những sự cố liên tiếp xảy ra đã làm đảo lộn nhiều thứ. Suốt hai năm sau đó, Winnie không thể ra đảo thăm tôi.

Vào một buổi sáng đầu tháng giêng, sau khi ngủ dậy và làm vệ sinh xong, chúng tôi ra sân tiếp tục “nghề đập đá”. Nhưng bỗng người ta yêu cầu chúng tôi

lên xe. Đây là lần đầu tiên chúng tôi rời khu nhà tù ra hẳn bên ngoài. Không ai cho biết chúng tôi đến đâu. Tuy vậy, tôi cũng đã nghi ngờ và dự báo được đôi điều. Sau khi xuống xe, tôi đứng trước một vùng mà năm 1962 tôi đã chứng kiến: mỏ đá nham nhở. Đại úy Wessels đón chúng tôi. Ông ta là người không có cá tính, một cái máy chấp hành mệnh lệnh của cấp trên. Ông ta báo rằng trong nửa năm tiếp theo, công việc chính của chúng tôi là đào đá. Làm xong việc này thì chúng tôi sẽ được làm việc nhẹ hơn. Wessels đã nhầm. Chúng tôi đã phải lao động khổ sai tại mỏ đá này 136 ngày chứ không phải sáu tháng. Búa, cuốc chim và xe cút kít là công cụ lao động mới của chúng tôi. Khai thác đá chưa bao giờ là một công việc nhẹ nhàng, kể cả đối với những “thợ mỏ chuyên nghiệp”. Đây là mỏ đá vôi hóa thạch từ các loại động vật nhuyễn thể. Đục những khối đá nhẵn lỳ ấy không phải việc dễ làm. Sau ngày lao động đầu tiên, khi về đến xà lim, tất cả chúng tôi lẫn ra ngủ không còn biết trời đất là gì nữa. Sáng hôm sau thức dậy cơ bắp, khớp xương đau ê ẩm. Người ta không nói cho chúng tôi vì sao phải làm việc khai thác đá. Có thể là do người ta cần vật liệu làm đường. Nhưng cũng có thể người ta muốn “đưa chúng tôi vào kỷ luật” và rằng chúng tôi không hề khác với các loại tù hình sự, cũng phải làm khổ sai nặng nhọc như mọi tù nhân khác. Với thử nghiệm này, nhà cầm quyền có ý đồ rõ rệt: bẻ gãy ý chí tù chính trị.

Đào đá nặng nhọc hơn đập đá nhiều lần. Nhưng đối với chúng tôi được ra ngoài trời, làm bạn với thiên nhiên thú vị hơn nhiều, được có những phút nằm lăn trong cỏ, được thả tầm mắt dõi theo những con chim tự do bay lượn trên bầu trời và mặt biển trong xanh quả thật thú vị lắm lắm. Hơn nữa công việc nặng nhọc đã giúp chúng tôi săn gân cốt, cơ bắp.

Một lần sau khi ở mỏ đá trở về, tôi bỗng nhận thấy một viên quản ngục ngủ gà ngủ gật, bên cạnh y là một tờ báo để trên ghế. Báo chí đối với người tù quý hơn vàng bạc châu báu và hấp dẫn hơn cao lầu tửu điểm. Tóm lại, trên đảo tù Robben Island báo chí là “hàng cấm đắt giá nhất”. Nhà cầm quyền thực thi chính sách tách chúng tôi khỏi mọi tin tức cuộc sống bên ngoài. Chúng bùng bít triệt để, không muốn cho chúng tôi biết những gì đang diễn ra sôi động trên quê hương mình.

Khi phát hiện tờ báo trên ghế băng, tôi nhanh chóng rời xà lim, nhặt ngay tờ báo giấu vào người, dưới lớp áo mỏng. Bình thường thì tôi có thể giấu tờ báo vào nơi nào đó trong xà lim và chờ đến giờ đi ngủ sẽ lôi ra đọc. Nhưng chẳng khác gì một đứa trẻ tò mò khi thấy kẹo ngọt, tôi lập tức giở tờ báo ra đọc.

Tôi đắm mình trên những trang báo đến nỗi không chú ý đến bước chân đang tiến về phía mình. Một viên cảnh sát và hai giám ngục đã đến bên cạnh tôi. Viên cảnh sát gào lên: “Mandela! Chúng ta buộc tội ông sở hữu đồ ăn cắp bị nghiêm cấm và ông phải trả giá cho tội này!”. Tôi bị khóa vào xà lim biệt giam suốt ba ngày ba đêm, bị cắt suất ăn trưa.

Tù mới phần lớn đều rất trẻ. Họ là thành viên của các lực lượng địa phương của MK. Cũng không ít những kẻ cơ hội thuộc các đảng phái chính trị khác đã bị nhà cầm quyền mua chuộc trà trộn và tù mới làm “nội gián” cho chúa đảo. Nhưng nguy hiểm nhất là tù hình sự. Họ là loại “hảo hán” là “găng-tơ đặc hiệu”. Những người này cũng chỉ là nạn nhân của chủ nghĩa Apartheid và của sự bần cùng giờ đây trở thành công cụ nguy hiểm của nhà cầm quyền. Những cuộc tranh chấp diễn ra ầu ẩu đã trở thành chuyện thường nhật.

Về phần mình, tôi không coi các loại găng-tơ ngổ ngáo là thù, không phải là đối thủ của chúng tôi mà là một loại nguyên liệu thô có thể thay đổi diện mạo. Trong số tù hình sự có một người tên là “Joe My Baby”, về sau trở thành thành viên ANC và là trợ thủ đắc lực và là tài sản quý giá của ANC. Anh có biệt tài muốn lấy cái gì trong nhà tù cũng được, muốn đưa tài liệu gì ra ngoài cũng làm được.

Chúng tôi tiến hành phân hóa những kẻ ngổ ngáo ra khỏi tập thể tù nhân, cô lập họ và “thuần dưỡng” họ. Suy cho cùng thì họ chỉ là nạn nhân đáng thương. Một số thành viên của PAC rất ngoan cố, bởi vì họ làm chính trị. Chỉ đáng tiếc là họ tuân theo những đường lối chia rẽ của ban lãnh đạo PAC và vô tình hay cố ý làm yếu sức mạnh đấu tranh của người Phi chống lại kẻ thù chung. Nhưng khi cần giúp đỡ họ chúng tôi sẵn sàng chia bàn tay bè bạn cho mọi người. Dù là công cụ của nhà cầm quyền, nhưng những người này đều là da đen, đều bị coi là “loại hạ đẳng” và khi cần mọi giám thị, cai ngục, lính canh đều thẳng tay đàn áp không thương tiếc. Họ đã tìm đến tôi. Và thật trớ trêu, luật sư Nelson Mandela là “tù số 1” nhưng đã không ít lần đóng vai luật sư bào chữa trong các cuộc tranh chấp giữa tù nhân và bọn cai tù da trắng. Chúng tôi đã “thắng nhiều cuộc” và cũng có lần thua do không đủ chứng cứ. Việc làm của chúng tôi dần dần đã vô hiệu hóa được “loại công cụ đặc biệt” của nhà cầm quyền. Cuối cùng thì chỉ còn tù chính trị trong “nhà tù riêng”. Tù hình sự bị chuyển đi hết và số phận của họ còn bi thảm hơn họ tưởng.

Năm 1963, chúng tôi thấy trong các suất ăn đã có váng mỡ và đôi chút thịt. Thái độ đối xử của cai ngục và lính gác ngoài công trường cũng “dễ chịu” hơn. Hóa ra về sau chúng tôi biết Hội Chữ thập đỏ quốc tế có chuyến công cán ra đảo Robben Island.

Đó là một sự kiện quan trọng, quan trọng hơn nhiều so với cuộc viếng thăm của hai nhà báo Dally Telegraph và của “ngài luật sư Mỹ có cái tên là Hynning” hồi nào. Hội Chữ thập đỏ là tổ chức quốc tế độc lập, đáng tin cậy. Họ có uy tín ở các nước phương Tây và ở Liên hiệp quốc. Cơ quan quản lý hệ thống nhà tù Nam Phi chấp nhận để Hội Chữ thập đỏ thị sát không phải vì họ có thiện chí mà là sợ bị tố cáo trước dư luận rộng rãi trên thế giới. Từ trước đến lúc ấy, họ từ chối mọi cuộc tiếp xúc giữa tù nhân với các tổ chức có ảnh hưởng đến dư luận thế giới, trừ

những kẻ đồng lõa như đã dẫn. Nhà cầm quyền Nam Phi luôn luôn sợ bị thế giới lên án một khi sự thật tàn bạo bị phơi bày trước dư luận. Hội ấy Hội Chữ thập đỏ quốc tế là tổ chức duy nhất chăm chú nghe và ghi nhận những tố cáo của chúng tôi. Điều này quan trọng lắm. Trong khi nhà cầm quyền phủ định tất cả thì những người trung lập ghi nhận mọi chi tiết được phản ánh. Chuẩn bị cho chuyến thăm của các đại biểu Hội Chữ thập đỏ, sáng nào những tên quản ngục cũng hét to lên dọc theo các dãy hành lang: Kiến nghị và yêu cầu! Kiến nghị và yêu cầu! Không phải một hai người mà tất cả tù chính trị đã tố cáo những hành động Phi nhân bản của nhà cầm quyền đối với tù nhân và yêu cầu phải đối xử với tù nhân như là những con người.

Trước khi đoàn đến, chúng tôi đã đưa cho giám đốc nhà tù bản kiến nghị khá dài. Hội ấy nhà cầm quyền chỉ cho sử dụng bút chì. Ở mỏ đá, chúng tôi đã hội ý thống nhất ý kiến đưa ra những kiến nghị gì. Vào ngày đoàn đến, giám thị cho gọi lên văn phòng nói chuyện với đại diện của Hội Chữ thập đỏ. Đại diện của Hội hội đó và nhiều năm sau là một người đàn ông tên là Senn, từng là giám đốc một nhà tù ở quê hương Thụy Điển của ông. Sau đó ông cư trú chính trị ở Rhodesien, Senn là người trầm tĩnh, khoảng hơn 50 tuổi. Dường như ông không thích có đông người xung quanh. Cuộc gặp mặt với ông Senn không có lính gác. Đó là một khác biệt quan trọng mà tất cả những người “thăm” đảo trước đây không thoát khỏi bị giám sát, kể cả cái ông Hynning người Mỹ. Ông Senn nghe rất chăm chú, ghi chép tỉ mỉ và khẳng định tiếp nhận tất cả kiến nghị của chúng tôi. Ông lịch sự cảm ơn tôi về những thông tin tôi cung cấp công khai cho ông. Những kiến nghị của chúng tôi cụ thể và thiết thực và tôi nói to. Đảng hoàng cốt để cho giám thị và những người da trắng khác dù đứng xa nơi hai chúng tôi vẫn có thể nghe rõ. Tôi đòi tù nhân phải có quần dài, áo ấm, tất mùa đông, đồ lót. Tôi tố cáo bữa ăn quá đạm bạc không phải cho người, tôi đòi phải để cho người nhà đến thăm thường xuyên khi họ có điều kiện, đòi được nhận thư nhà không hạn chế, không bị kiểm duyệt, cắt xén thô bạo, đòi được sinh hoạt thể thao và không phải lao động nặng nhọc. Đòi hỏi cuối cùng là được chuyển đến nhà tù ở khu dân cư, gần quê nhà. Tôi ý thức rất rõ rằng nhiều yêu sách sẽ không bao giờ được thỏa mãn, nhưng lúc này là cơ hội tốt nhất để tố cáo chế độ nhà tù hà khắc của chính quyền Apartheid. Ông Senn đã gặp gỡ chúa đảo khá lâu trước khi từ biệt chúng tôi. Ít lâu sau ngày ông Senn rời đảo, chúng tôi nhận được quần áo khá hơn, quần dài hần hoi. Tuy nhiên phải khẳng định điều này: Senn không thuộc hàng ngũ những người tiến bộ của Hội Chữ thập đỏ. Sống khá lâu ở Rhodesien, ông ta đã dường như quen thuộc với chế độ Apartheid quá rồi! Tôi nhớ chi tiết khi nói với ông Senn rằng tù nhân người Phi không được phát khẩu phần ăn bánh mì, Senn tỏ lúng túng, rồi ông ta hướng vào một viên chức nhà tù, nói: “Bánh mì không tốt cho rằng, ông có biết điều đó không, ông Mandela? Ngộ tốt hơn cho

rằng các ông nhiều lắm!”. Những năm sau đó, Hội đã phái đến những viên chức có tư tưởng tự do hơn Senn nhiều. Họ thật sự yêu cầu phải cải thiện đời sống của tù nhân. Hội còn làm một việc không công khai nhưng vô cùng quan trọng đối với nhiều người tù: cung cấp cho những người vợ, người con những khoản tiền để có thể đến đảo thăm thân nhân. Không có những khoản trợ giúp này nhiều người không thể kiếm đủ chi phí cho chuyến đi ra đảo.

Khi bị đày ra đảo, dù phải đối mặt với vô vàn khó khăn, gian khổ, chúng tôi vẫn còn thì giờ để lo liệu nhà cầm quyền có cho phép chúng tôi được tiếp tục học hàm thụ như luật pháp quy định cho người tù hay không. Chúng tôi đều làm đơn và không ngờ đơn của chúng tôi được chấp thuận, mặc dù chúng tôi thuộc nhóm D. Những người chưa có bằng phổ thông trung học đều ghi danh. Một số khác học bậc đại học, còn tôi thì trước khi vào tù đã đỗ kỳ thi nghiên cứu sinh, nay tiếp tục nghiên cứu chương trình của trường đại học Luân Đôn. Trong số những người học cao có Govan Mbeki (mới được bầu làm Chủ tịch ANC thay Nelson Mandela rút lui do tuổi tác đã khá cao - ND) và Neville Alexandre đều tiếp tục học hàm thụ. Những người trình độ học vấn thấp thì được anh em khác dạy ngay trong nhà tù. Chúng tôi từng nói với nhau, nhà tù trên đảo Robben Island chính là giảng đường đại học của chúng tôi.

Dĩ nhiên việc học phải gắn liền với những điều kiện do nhà cầm quyền đặt ra: không được học môn chính trị và lịch sử quân sự. Nhiều người không có tiền mua sách vì gia đình quá nghèo. Nhà tù còn quy định ngặt nghèo tù nhân không được phép chuyển sách cho nhau. Đã học thì phải có sách, nhưng người tù lại không được chọn những loại sách mà mình cho là cần thiết. Chúng tôi không chỉ yêu sách mà còn những tờ báo phục vụ cho học tập, nghiên cứu. Người học kinh tế thì yêu cầu mua tờ The Economist. Chúng tôi phải phì cười khi đọc dòng yêu sách này, bởi vì nếu đặt tờ The Economist thì chẳng khác gì mua tờ Times vì tờ The Economist đâu phải báo chuyên ngành mà là tờ thông tin tạp-pí-lù. Bọn cai ngục không biết chuyện đó. Chúng tôi đã có tờ báo này và biết được vô số thông tin trong nước và trên thế giới. Chúa đảo đã nhận ra thiếu sót của y và nhanh chóng cắt luôn. Sau sách báo đến bàn ghế. Chúa đảo từ chối. Tôi gửi yêu sách lên Hội Chữ thập đỏ và sau đó cai ngục đã lắp “bàn” cho chúng tôi. Đó là một tấm ván gắn vào tường cao ngang ngực. Không có ghế. Chúng tôi lại đòi. Ba tháng sau, nhà tù cấp ghế ba chân bằng gỗ, đồng thời hạ bàn xuống thấp hơn.

Nhân vật quan trọng nhất đối với người tù không phải là Bộ trưởng tư pháp, không phải người đứng đầu ngành quản lý nhà tù, cũng không phải giám đốc nhà tù mà là người canh tù ở tất cả các “banh”. Nếu anh bị cảm, bị lạnh cần thuốc, cần thêm một tấm chăn, anh có thể gửi đơn lên ngài Bộ trưởng tư pháp như “luật định”, nhưng đừng bao giờ chờ thư trả lời. Nếu đến thanh tra nhà tù anh sẽ nhận được câu trả lời: “Đáng tiếc nội quy nhà tù không quy định điều này!”. Anh có

thể kiến nghị giám đốc nhà tù và ông ta sẽ giải thích thế này: “Nếu ta cấp thêm cho anh một tấm chăn thì ta cũng phải làm việc đó với tất cả mọi người”. Nhưng nếu anh nói với người canh tù thuộc ban mình và nếu anh có quan hệ bình thường với anh ta thì anh ta sẽ đến kho và lấy cho anh một tấm chăn.

Tôi luôn luôn tìm mọi cách tỏ thái độ thiện chí với các canh tù trong ban. Đối đầu và thô bạo với những người này là tự hại mình. Thật vô nghĩa khi coi nhưng người canh tù cũng là kẻ thù như những viên chức “cầm cán cân luật pháp”. Chính sách nhất quán của ANC là cố gắng tìm mọi biện pháp cảm hóa và thu phục nhân tâm mọi giới, kể cả những kẻ trong hàng ngũ kẻ thù.

Chúng tôi tin rằng mọi người, kể cả người canh tù, đều có khả năng thay đổi và chúng tôi làm tất cả những gì tốt đẹp nhất tạo ảnh hưởng trong họ. Thông thường thì chúng tôi theo phương châm: họ đối xử với mình ra sao thì mình đối xử với họ như vậy. Không phải mọi canh tù đều đều căng, độc ác. Ngay từ đầu chúng tôi đã nhận ra đôi ba người trong số họ có cái gì đó nói lên sự thông cảm - dù nhỏ - với người tù với ánh mắt ít nhiều thiện chí. Mặc khác, thiện chí và hữu nghị với canh tù không phải chuyện dễ, bởi vì nói chung bọn họ đều chung ý nghĩ rằng tỏ rõ thái độ lịch sự với một tù nhân da đen là bị xúc phạm. Vì lẽ đó tôi phải cân nhắc nên và cần thuyết phục cũng như có quan hệ thiện chí với những ai trong bọn họ. Không ai trong chúng tôi thích thú với công việc này.

Ở mỏ đá, chúng tôi có một lính canh tù luôn tỏ thái độ thù địch với chúng tôi. Thật khó chịu khi gặp cản trở này ở nơi mà chúng tôi có thể bàn bạc cặn kẽ với nhau những đối sách. Tôi giao cho một chiến hữu tìm cách kết bạn với viên canh tù này, trước hết là để đánh lạc hướng anh ta khi chúng tôi bàn công việc với nhau. Tên canh tù này khá thô lỗ. Nhưng anh ta dần dần cảm thấy bớt căng thẳng. Một hôm anh ta yêu cầu người của chúng tôi cho mượn cái áo khoác để anh ta trải ra ngồi cho đỡ mỏi. Tôi biết chắc chắn bạn mình sẽ phản đối lời đề nghị khiêm nhã ấy, cho nên đã ra hiệu cho bạn chấp nhận yêu sách của y.

Một hôm, khi chúng tôi đang chia suất ăn trưa thì người canh tù này đi qua. Anh ta cầm trong tay chiếc Sandwich (bánh mì kẹp thịt) và ném vào đám cỏ ngay bên cạnh chúng tôi và nói: “Bánh đây”. Đó là cách thể hiện thiện chí của anh ta.

Có cái gì đó nhói tim tôi. Một mặt hẳn đối xử với chúng tôi như súc vật khi hành động như ném khúc xương cho chó. Tôi cảm thấy danh dự bị tổn thương khủng khiếp nếu lấy chiếc bánh mì ấy để ăn. Mặc khác, chúng tôi đói và nếu phủ nhận cử chỉ ấy của anh ta thì có nghĩa là chúng tôi xúc phạm y, người mà chúng tôi mong muốn kết bạn. Tôi thấy người được giao nhiệm vụ kết bạn với viên lính canh tiến gần chiếc bánh mì và tỏ ý muốn nhặt lên. Tôi gật đầu ra hiệu đồng ý cho anh làm việc đó.

Chiến lược của chúng tôi mang lại kết quả, bởi vì những ngày sau đó, viên lính canh dường như không chú ý theo dõi chúng tôi chặc chẽ như trước. Thậm

chí anh ta còn đặt ra những câu hỏi về ANC. Rõ ràng là anh ta đã được nhà cầm quyền “tẩy não triệt để” trước khi giao việc canh tù cho anh ta. Anh ta nói rằng ANC và thành viên của nó là tổ chức khủng bố và “rất cộng sản” chỉ tâm niệm một điều là ném tất cả những người da trắng xuống đại dương. Nhưng rồi trong những phút im lặng hiếm hoi trên mỏ đá, chúng tôi lý giải cặn kẽ cho anh ta về lập trường chống phân biệt chủng tộc, nguyện vọng được sống bình đẳng trong nước Nam Phi cũng như việc phân phối tài nguyên, của cải cho mọi người dân theo công sức của từng người chứ không tập trung trong tay những kẻ triệu phú, tỷ phú thì anh ta gãi đầu gãi tai, rồi nói: “Việc làm ấy còn có ý nghĩa gấp nghìn lần những gì Nats (những kẻ dân tộc cực đoan) nói.”

Những lính canh tù có thiện chí đã làm cho khó khăn về thông tin trong tù trên đảo giảm hẳn. Chúng tôi đã tận dụng cơ hội này để giữ mối quan hệ với các nhóm tù F và G thường bao gồm hầu hết tù thường phạm. Là tù chính trị, chúng tôi có nhiệm vụ củng cố và tăng cường tổ chức của mình ngay cả trong nhà giam. Thông tin thông suốt với mọi nhóm tù tạo ra sự thống nhất ý kiến, có ý nghĩa quyết định trong các cuộc đối mặt với nhà cầm quyền. Trong nhà tù của hai nhóm F và G người ra tù, kẻ vào tù diễn ra hằng ngày và vì vậy đó là những nơi có nhiều thông tin nhất về những gì đang diễn ra bên ngoài trên đất Nam Phi và trên thế giới.

Mac, một chiến hữu của chúng tôi, đã sáng tạo ra phương pháp truyền bản tin đến các ban hết sức độc đáo. Anh ghi các thông tin cần chuyển vào giấy và cuộn vào túi chất dẻo PVC, sau đó ấn vào mép nắp thùng vốn dùng làm “Toilet lưu động” trong các xà lim biệt giam. Bọn coi tù không bao giờ đụng tay vào loại bản thủ này và “hệ thống truyền thông tin đặc biệt” này hoạt động an toàn trong một thời gian dài mà không hề bị phát hiện.

Tuy nhiên phương pháp trao đổi thông tin tốt nhất là ở bệnh viện. Nhà tù chỉ có duy nhất một bệnh viện và người bệnh ở các nhóm đều nằm chung. Đó là nơi và cũng là cơ hội tốt nhất, lý tưởng nhất để chúng tôi hoạch định các kế hoạch đấu tranh thống nhất. Vấn đề còn lại là “ai phải ôm và ôm cách nào” để được đưa đến bệnh viện. Bằng những sáng kiến phong phú, chúng tôi đã tạo được đường dây thông tin thông suốt trên đảo và phối hợp hành động thống nhất từng làm cho chúa đảo phải bàng hoàng. Những thông tin từ Robben Island cũng được đưa về đất liền đều đặn và ngược lại thông tin từ đất liền cũng theo người nhà, các luật sư và tù nhân mới cung cấp cho chúng tôi khá kịp thời bức tranh toàn cảnh trong nước và tình hình của ANC và MK.

Tháng 6 năm 1966, vào giữa lúc tù nhân đang đấu tranh tuyệt thực, Winnie ra đảo thăm tôi lần thứ hai, đúng hai năm sau lần thăm thứ nhất của nàng. Trong suốt hai năm qua, Winnie trở thành đối tượng công kích và hạ nhục của nhà cầm quyền. Cảnh sát thăm vấn các em trai và em gái của nàng và họ tìm mọi cách

“cách ly” những người thân trong gia đình nàng với nàng. Trên đường từ mỏ đá trở về tôi thường thấy một lính canh nặc danh cắt một đoạn trên báo mà nội dung là xúc phạm Winnie ném vào trong xà lim của tôi. Nhà cầm quyền đã giở mọi thủ đoạn hèn hạ nhằm ngăn cản chuyến thăm của nàng ra đảo. Khi thì nàng bị quản chế, lúc khác người ta đòi nàng phải chịu làm chứng minh thư, việc mà nàng đã cực lực phản đối và từng bị trả giá. Với việc làm này, người ta muốn hạ nhục nàng. Tuy nhiên, qua luật sư, tôi nhắn gửi với nàng rằng những trò nhỏ nhen của những kẻ nặc danh luật pháp, nặc danh chính phủ không đáng phải quan tâm. Vấn đề là cuộc viếng thăm của nàng không chỉ là chuyện gia đình riêng của chúng tôi. Winnie hiểu ý tôi và nàng đã “chịu” làm khán chiếu hộ thân.

Chứng ấy vẫn chưa đủ. Người ta tiếp tục trở ngại cho nàng. Chúng cấm nàng không được sử dụng xe hơi và tàu hỏa, tàu thủy trên đường ra đảo mà phải đi bằng máy bay. Điều này có nghĩa là nàng phải bỏ ra số tiền khá lớn. Trên một bài báo, tôi đọc được tin một viên chức của cơ quan an ninh đã đến nhà chúng tôi ở Orlando, xông thẳng vào phòng ngủ của Winnie để lục lọi vào đúng lúc nàng đang thay quần áo. Winnie đã tổng cổ hấn ra khỏi phòng. Sau đó tên này kiện nàng “có ý gây thương tích cho người làm công vụ”. Các luật sư của chúng tôi đã làm hết mình để bảo vệ nàng trước phiên tòa đáng xấu hổ cho nhà cầm quyền. Winnie đã “chiến đấu thật sự” trong phiên tòa này. Về sau anh em tù nói đùa với tôi: “Nelson Mandela, nhà anh không chỉ có một võ sĩ đấm bốc đâu nhé!”.

Cuộc gặp gỡ chỉ được diễn ra trong nửa giờ. Lần này chúng tôi bàn nhiều đến việc mà cả hai cho là hệ trọng. Đó là việc giáo dục Zeni và Zindzi. Nàng đã gửi hai cháu vào một trường học của người Phi gốc Ấn. Nhà cầm quyền không để yên, đe dọa và mượn tay người khác khi nói với viên hiệu trưởng rằng ông đã “vi phạm pháp luật” và “sẽ bị trừng trị” khi nhận học sinh da đen vào học trong trường. Nhỏ nhen và tàn bạo không còn gì để bình luận nữa. Chúng tôi đã phải quyết định một cách khó khăn, bắt buộc dĩ là hai cháu vào ký túc xá cho học sinh da đen ở Swaziland.

Để cho mắt lính canh đang giám sát cuộc nói chuyện của chúng tôi, Winnie và tôi thường dùng tiếng lóng. Ví dụ muốn biết sức khỏe thật sự và những nỗi lo của nàng, tôi hỏi: “Thời gian qua em có nghe tin gì về Nguyana và cô ấy có thực sự khỏe và ổn cả không?”. Nguyana là tên một người bà con của nàng và Winnie có dịp kể hết mọi chuyện của Nguyana. Nếu muốn biết văn phòng ANC ở nước ngoài hoạt động ra sao, tôi hỏi: “Nhà thờ vẫn bình thường chứ?” tiếp đó tôi hỏi “Sức khỏe của các tu sĩ thế nào? Có tu sĩ mới đến nhậm chức không?”. Với cách này tôi đã thu được lượng thông tin vừa nhiều, vừa chính xác mà không có nguồn thông tin nào chuẩn xác hơn.

Một hôm, viên lính canh đêm đã có tuổi vốn người trầm tĩnh bỗng đến xà lim của Mac, kể cho anh nghe về một cuộc thi thơ trên báo. Người này hỏi Mac có

thể giúp ông làm một bài để ông dự thi. Ông ta cho biết, nếu được giúp ông sẽ trả ơn. Mac đồng ý và hôm sau đã đưa cho ông ta bài thơ dự thi. Hai tuần sau người lính canh lại đến và báo tin là được vào vòng chung kết. Lần này ông cũng nhờ Mac tiếp tục sáng tác cho một bài để dự tranh vòng cuối cùng. Ông ta hứa nếu giúp ông thì tiền công sẽ là một con gà quay. Mac nói rằng phải suy nghĩ đã rồi mới có câu trả lời cuối cùng.

Hôm sau Mac kể tin này với Walter và tôi. Walter cho rằng tiền công là một con gà là xứng đáng và nên nhận lời. Tôi thì cho rằng Mac nên từ chối bởi lẽ không nên để lính canh đối xử khác thường sẽ ảnh hưởng đến công việc và chưa chắc đã mang lại lợi thế gì. Nhưng tối đó Mac nói với người lính canh là anh sẽ làm cho ông ta một bài dự thi và ông sẽ mua cho Mac một bao thuốc lá ngon. Tối hôm sau Mac đã có trong túi bao thuốc lá mới tinh.

Sáng hôm sau, Mac nói với chúng tôi rằng anh hiện nắm trong tay vũ khí quan trọng có thể gây sức ép với người lính canh bất cứ lúc nào. Đó là dấu tay của người lính canh để lại trên bao thuốc. Walter cho rằng làm như vậy là không quang minh chính đại. Mac nói rằng anh chỉ yêu cầu người lính cấp báo chí cho mình chứ không đòi điều kiện gì ghê gớm, vô đạo đức. Mac đã nói với người lính về dấu tay và khẳng định nếu ông không hợp tác với anh thì mọi chuyện sẽ “rất rắc rối” cho ông ta. Lo sợ bị thả hồi và bị truy tố, người lính canh đã hứa làm tất cả những gì Mac đòi hỏi. Thế là suốt sáu tháng sau đó, Mac chỉ đòi duy nhất một thứ là báo chí. Chúng tôi theo dõi rất sát tin tức Nam Phi và thế giới. Mac đã tóm tắt tin tức và “phát hành bản tin nội bộ” cho toàn khu nhà tù theo cách do anh sáng tạo. Anh lính già bất hạnh chẳng được giải gì của cuộc thi kia.

Tôi không thể nói ở mô chúng tôi sản xuất nhiều đá hay nhiều cuộc mạn đàm hơn. Năm 1966, quản tù còn cho chúng tôi “đặc ân”: chuyện trò thoải mái miễn làm là vẫn làm việc bình thường. Những cuộc thảo luận công khai các chuyên đề vô cùng sôi nổi, tranh luận cũng nổ ra gay gắt. Trái lại, trong nhà giam mọi việc trao đổi đều bị cấm ngặt. Tuy nhiên ở đó chúng tôi lại có đủ thời gian, thậm chí quá dư thừa thời gian để suy ngẫm và rút kinh nghiệm về những thành công cũng như thất bại của ANC và MK trong quá khứ cũng như hoạch định những kế hoạch trong tương lai.

Đề tài được bàn cãi nhiều nhất, kéo dài nhiều ngày nhất và đặc biệt thu hút sự chú ý của tôi và nhiều chiến hữu khác là mối quan hệ giữa ANC và đảng Cộng sản. Nhiều chiến sĩ trẻ của MK được huấn luyện ở nước ngoài cho rằng hai tổ chức này là một. Một số cán bộ kỳ cựu cao cấp của ANC như Harry Gwala và Govan Mbeki (hiện nay là Chủ tịch ANC từ tháng 12.1997 -TN) cũng chia sẻ quan điểm này. Quả thật trong tù chẳng có mấy ý nghĩa khi phải làm cái việc so sánh giữa ANC và đảng Cộng sản như ngoài đời. Quan điểm của tôi về hai tổ chức này không thay đổi: ANC là tổ chức quần chúng kết nạp tất cả những ai có

nguyện vọng để cùng phấn đấu cho những mục tiêu chung. Một đề tài cũng được bàn cãi sôi nổi là liệu những cán bộ lãnh đạo cao cấp của ANC có phải đều xuất thân từ giai cấp công nhân và có nên như thế chẳng. Một số cho rằng ANC là tổ chức quần chúng, chủ yếu từ các tầng lớp nghèo khổ và vì thế bộ phận lãnh đạo nên từ những giai cấp này. Tôi không chia sẻ quan điểm này. Sẽ là không dân chủ khi đòi hỏi những người lãnh đạo phải từ giai cấp công nhân cũng như phải từ những trí thức. Nếu phong trào tuân theo một nguyên lý như thế thì một loạt thủ lĩnh của ANC như các tù trưởng không bao giờ trở thành cán bộ lãnh đạo của ANC. Những người cách mạng có mặt ở mọi giai cấp trong xã hội. Có những vấn đề được thảo luận sôi nổi không mang tính chính trị, ví như vấn đề cắt quy đầu của những thiếu niên trưởng thành vào tuổi làm người lớn. Ý kiến về vấn đề này khác nhau tới mức các cuộc thảo luận kéo dài nhiều năm. Cuối cùng thì chúng tôi “tìm được giải pháp dung hòa”: những chiến sĩ trẻ vẫn được bí mật thực hiện nghi thức này, bởi vì nó không phản khoa học cho dù mang một số yếu tố thần bí. Xong xuôi, trại sẽ tổ chức cho họ một bữa liên hoan có trà, bánh kẹo như nghi thức ngoài đời và cho những anh em này “đắp chặn nghỉ hai ngày”.

Một chủ đề được bàn cãi suốt nhiều năm là châu Phi có hổ hay không? Nhiều người khẳng định cho dù người ta nói rằng châu Phi là quê hương của mãnh thú, trong đó có hổ thì đó là vẫn chỉ là huyền thoại. Hổ chỉ có ở châu Á (Sibia, Trung Quốc, Ấn Độ...). Ở châu Phi, ngoài sư tử còn có vô số báo nhưng không có hổ. Những người khác cả quyết chính mắt mình trông thấy hổ.

Đến lượt mình “bày tỏ quan điểm”, tôi nói rằng cho dù hôm nay người ta không thấy hổ xuất hiện ở châu Phi nhưng trong ngôn ngữ nhiều bộ tộc Nam Phi lại có từ hổ. Như vậy là phải có hổ rồi mới có tên đặt cho nó chứ! Nhiều người bàn cãi sôi nổi lập luận của tôi. Cho đến lúc Mac - lại là Mac - kể câu chuyện thay cho tranh luận đã làm nhiều người tán thưởng. Mac nói rằng nhiều trăm năm, thậm chí cả ngàn năm trước, trong ngôn ngữ Hindu có từ chỉ về một loại máy móc có thể bay trong không trung được trước khi chiếc máy bay xuất hiện. Sự thật ấy không có nghĩa là từ ngày đó đã có máy bay ở Ấn Độ.

“Zithulele” có nghĩa là “người ít nói”, biệt danh chúng tôi đặt cho một người canh tù có lòng khoan dung, ít nói và nói rất khẽ. Ông có nhiệm vụ giám sát chúng tôi trong các buổi lao công ở mỏ đá. Ông đứng từ xa, mặc cho chúng tôi chuyện trò, cũng chẳng làm khó dễ khi chúng tôi dừng công việc để tranh luận hoặc ngồi nghỉ. Chúng tôi đáp lại bằng thái độ hữu nghị, lịch thiệp. Năm 1966, một hôm ông đến gần chúng tôi, nhẹ nhàng nói: “Các Gentlemen, mưa to đã làm trôi quá nhiều đá trên quãng đường từ nhà ra mỏ. Chúng ta cần ít nhiều đá vôi. Các ông có thể giúp đỡ làm việc ấy được chẳng?”. Chúng tôi quyết định giúp ông vì ông coi chúng tôi là đồng loại, là con người chứ không như những tên khác trên đảo.

Mùa xuân năm ấy chúng tôi nhận ra rằng nhà cầm quyền cò vể nhẹ tay với tù. Quan hệ căng thẳng giữa cai tù, quản tù và canh tù với tù nhân bớt căng thẳng rõ rệt.

Thời gian có vẻ hoãn kéo dài không lâu. Nó kết thúc đột ngột vào một ngày tháng 9. Vào buổi trưa, chúng tôi bỏ lại dụng cụ trên mỏ, tìm nơi bóng râm để ăn trưa. Khi người tù mang thùng thức ăn đi qua trước mặt chúng tôi, anh nói thì thầm đủ nghe: “Verwoerd nghèo rồi”. Chỉ có thế. Tin này nhanh chóng lan truyền trong người tù. Chúng tôi nhìn nhau chưa tin và ném cái nhìn đến bọn viên chức. Đường như bọn họ chẳng biết chút gì về sự kiện ấy.

Chúng tôi không biết vì sao ngài Thủ tướng chết. Về sau chúng tôi được biết một vệ sĩ da trắng đã đâm ông ta đổ gục và không bao giờ tỉnh lại nữa. Chúng tôi bàn bạc về mô típ của vụ án này. Cho dù Verwoerd luôn tin và khẳng định rằng người Phi còn xếp dưới các loài thú thì cái chết của ông ta cũng không mang lại cho chúng tôi niềm vui hay sự mãn nguyện đặc thắng nào. Ám sát chính trị không bao giờ được ANC và cá nhân tôi đồng tình. Đó là hình thức thô thiển nhất nhằm loại trừ đối thủ trên chính trường. Một thủ đoạn dưới mức hèn hạ.

Ông ta vừa là nhà lý luận vừa là kiến trúc sư của chủ nghĩa Apartheid. Dưới bàn tay sắt của ông, hàng loạt đạo luật kỳ quái - tất cả phục vụ cho chính sách phân biệt chủng tộc tệt hại và đẫm máu nhất trong lịch sử loài người văn minh - được đưa vào cuộc sống. Trước khi bị đâm chết, ông ta còn đứng đầu danh sách đảng National Party trong cuộc tranh cử vào nghị viện năm 1966 và ở cuộc bầu cử ấy, cái đảng Apartheid của ông ta còn chiếm được nhiều ghế hơn trước. Đảng của ông chiếm 126 ghế, trong khi đó đảng Progrees Party chỉ được 1 ghế. Còn đảng từng cầm quyền hàng trăm năm là đảng United Party chỉ còn lại 39 ghế. Đảng của Verwoerd chiếm đa số tuyệt đối và có thể thông qua bất cứ một đạo luật nào mà họ muốn.

Tình hình trên đảo Robben Island bỗng trở nên căng thẳng sau nhiều tháng lắng dịu. Nhà cầm quyền lại đàn áp người tù. Họ làm như thể người da đen là thủ phạm hạ sát thủ tướng Verwoerd. Lập luận của họ thật kỳ quái. Họ khẳng định rằng dù phải ngồi xà lim, cách ly khỏi đất liền nhưng chúng tôi vẫn liên quan đến mọi hoạt động chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Nam Phi bất kể phong trào ấy nổi lên ở vùng nào trong nước. Thành công của SWAPO - Mặt trận Dân tộc giải phóng Namibia, đồng minh của ANC - đã làm chế độ Apartheid lo ngại. Họ cũng đổ tội cho những người tù chúng tôi trên đảo Robben Island có “liên quan” đến những hoạt động ấy. Lẽ ra những cái đầu của đảng National Party ở Pretoria phải đủ tỉnh táo để nhận ra rằng tương quan lực lượng đã và đang thay đổi từng ngày không có lợi cho họ và vì vậy nên chớp lấy thời cơ để từng bước thay đổi chính sách quá phản động đang là nguyên nhân đã kích của nhiều đảng phái chính trị khác mà hậu quả là vị thế của đảng cầm quyền đang đứng trước những

sóng gió. Nhưng họ đã không làm điều cần làm ấy. Những cái đầu bốc lửa và sắc mùi thực dân đổ mọi cảm giận và bức tức lên ANC.

24 giờ sau khi Verwoerd bị ám sát, nhà cầm quyền đã bổ nhiệm chúa đảo mới. Hắn tên là Van Rensburg, tên sát nhân khát máu người tù da đen. Ngày đầu tiên nhận chức chúa đảo, Van Rensburg đã thị uy trước mặt chúng tôi. Chúng tôi nhìn thấy trên cẳng tay hắn xăm hình chữ thập ngoặc của tên đồ tể Hitler đã bị Hồng quân Liên xô trị tội diệt chủng ngay tại sào huyệt ở Berlin. Hắn không hề giấu giếm rằng mình được giao toàn quyền làm mọi việc cho người tù trên đảo khôn đồn đến tận cùng. Hắn đã thực thi nhiệm vụ với sự hăm hờ khó tả.

Muốn trừng trị ai vào ngày nào, Van Rensburg chỉ cần ra lệnh cho canh tù buộc tội người nọ, người kia một cách chẳng có căn cứ gì hết. Hắn cũng đe dọa “sẽ đến lượt Nelson Mandela và Walter Sisulu”.

Chúng tôi không thể để cho y tự tung tự tác. Chúng tôi không chống lại y ở mỏ đá cũng như trên sân nhà tù. Chúng tôi thành lập “ủy ban tự bảo vệ” cho người tù. Tôi, Mac Walter và một số cán bộ từng học qua trường Luật được chọn vào Ủy ban này. Ủy ban có nhiệm vụ tư vấn cho người tù nên và cần phản ứng ra sao khi bị đưa ra tòa án nhà tù do bị buộc tội vi phạm điều nọ, điều kia.

Dù tàn bạo nhưng Rensburg không phải là thằng cha khôn ngoan, mưu mẹo. Ở mỏ đá hắn có thể hành hạ chúng tôi nhưng trước tòa - dù là tòa án trong tù - y đã thua chúng tôi nhiều keo. Chiến lược của chúng tôi là không cãi lý với y bên ngoài mỏ hay ở nơi sân nhà tù mà đưa mọi lời tố cáo hắn giao cho lũ đàn em buộc tội chúng tôi, ra tòa án với đầy đủ chứng cứ - nhân chứng và vật chứng. Viên chức đứng đầu “tòa án nhà tù” vốn không được đào tạo chính quy. Khi đọc “cáo trạng” chúng tôi nói với anh em, những người bị buộc tội, chỉ hỏi duy nhất điều này: yêu cầu tiếp tục nêu các chi tiết cụ thể. Rensburg chỉ ra lệnh cho thuộc hạ tố cáo người tù, nhưng y lại không đòi hỏi thuộc hạ phải dựng lên những chi tiết có sức thuyết phục. Vì thế y thua kiện liên tục. Thường “tòa” phải hoãn phiên xử đến hôm khác để Rensburg có thì giờ “bổ sung chi tiết”.

Là con người ác độc chỉ ham trả thù, nhưng Rensburg là loại tiểu nhân. Do thua nhiều lần, y đã chọn phương pháp còn tiểu nhân hơn kẻ vô học. Hắn chờ đến giờ ăn trưa của người tù chúng tôi rồi đứng đái ngay trước gió. Với một loại người thú tính nhiều hơn nhân tính như y, chúng tôi tự an ủi là còn gặp may vì y không đái vào bát súp loãng của từng người !

Người tù chúng tôi chỉ có thể và cũng đã tìm được cách lờm Rensburg. Chúng tôi gọi y bằng cái tên “Suitcase”, có nghĩa là chiếc vali. Thùng đựng thức ăn cho tù được gọi là Suitcases và thường do một người tù dọn mang đi sau bữa ăn do canh tù chỉ định. Ai làm việc đó thì được canh tù cho thêm nửa chiếc sandwich. Nhưng người tù chúng tôi thống nhất với nhau không làm việc dọn các Suitcases. Canh tù coi việc phải dọn Suitcases là điều sỉ nhục đối với họ .

Một hôm nhằm lúc Rensburg có mặt, một người tù kêu to cái tên Suitcase. Van Rensburg gào lên: “Đứa nào là Suitcase hử?”. Người tù im lặng vài giây rồi trả lời: “Chính là ông đấy mà!”

- Vì sao chúng mày gọi tao là Suitcase?

Người tù im lặng về suy nghĩ. Rensburg thúc giục: “Nào hãy nói đi chứ.” Người tù làm như phải miễn cưỡng trả lời: “Bởi vì ông phải tự mang cái “suitcase” của mình! Tù nhân thường phải mang “những cái suitcase” cho ông. Vì lẽ đó ông mang tên Suitcase mà!”

Rensburg suy nghĩ một lúc và đáng lẽ phải tức giận thì y lại nói về phân trần: “Ta không phải tên là Suitcase mà là Dik Nek, hiểu chưa”. Trong phút chốc tất cả người tù phá tan giây im lặng khi hai người đối thoại, cười phá lên không còn sức nào ngăn nổi. Trong ngôn ngữ Afrikaans, hai từ Dik Nek viết nguyên văn là “Mụ béo trần truồng” và chỉ dùng để lờm những kẻ ngu xuẩn hợm mình. Tôi cho rằng “Suitcase của chúng tôi” quá ngu để hiểu rằng hắn đã bị xúc phạm ghê gớm.

Một lần khác, chủ đề châu Phi có hỗ hay không lại trở thành đề tài tranh cãi gay gắt. Người tù chúng tôi bỏ cuộc thưởng, búa... xúm lại một nơi bằng phẳng tranh luận cật lực. Những người canh tù ra lệnh giải tán và tiếp tục làm việc. Không ai chấp hành lệnh của chúng. Vào đúng lúc ấy, Rensburg xuất hiện. Y đồng dục nói với người tù bằng tiếng Anh rõ to: “You talk too much, but you work too few.” Y muốn nói rằng chúng tôi nói quá nhiều và làm quá ít.

Những người tù không thể nhặt dụng cụ được, bởi vì họ đang cười ngặt nghẽo vì lỗi ngữ pháp “chết người” của “Suitcase”. Nhưng “Suitcase” chẳng tỏ ra vui vẻ chút nào. Y lập tức trừng phạt người tù. Tối đó nhiều người bị xích tay ném vào xà lim biệt giam và cúp bữa tối.

Kể từ ngày đó, Rensburg coi tôi là “chủ mưu” của những việc diễn ra với hắn ta. Rensburg tố cáo và buộc tội tôi “suốt ngày chơi, gây rối, không làm việc”. Dĩ nhiên là chúng tôi bác bỏ lời buộc tội ấy và khẳng định chúng tôi đã làm việc có hiệu quả và điều đó hoàn toàn có thể chứng minh. Một viên chức vặn tôi: “Các anh làm việc chung một nơi, vậy lấy gì làm bằng chứng là anh cũng làm việc như những người khác?” Tôi khẳng định với y rằng Fika và tôi làm ở một nơi riêng, gần nơi tập thể làm chứ không thuộc nhóm số đông ấy. Rensburg buộc phải nhận là Fika và tôi là việc với nhau và không chung với nhóm đông kia. Vậy là “bên nguyên” và “bên bị” cùng với người làm chứng phải ra hiện trường. Bọn họ không ngờ là đồng đá mà hai chúng tôi đào được trong ngày khá cao. Rensburg không chịu, hắn nói rằng đó là công việc của tuần trước chứ không phải hôm nay. Một viên sĩ quan được giao thẩm định kết quả lao động của tôi bỗng hỏi Rensburg: “Vậy thì đồng đá Mandela khai thác hôm nay nằm ở đâu nếu đồng kia là của tuần trước?”. Rensburg lặng im. Viên sĩ quan kia làm một việc mà trong đời ông ta chưa bao giờ làm là chửi vào mặt Rensburg trước mặt người tù: “Ông là kẻ bịp bợm!”. Ngay sau đó ông dẹp “hồ sơ” vụ này.

Đầu năm 1967, chúng tôi lại có “khách” đến thăm. Lần này là nghị sĩ duy nhất của Đảng Tiến bộ trong nghị viện, bà Helen Suzman, một phụ nữ có tư tưởng tiến bộ, chỉ cao 1,53 m. Bà là người duy nhất phản đối việc thông qua các đạo luật Apartheid trong nghị viện. Bà Helen Suzman đương nhiên không được viên chức nhà tù hoan nghênh. Sự đón tiếp nhạt nhẽo của họ với Nghị sĩ Suzman nói lên khá đầy đủ thái độ ít lịch sự ấy. Bà Helen Suzman nói lên khá đầy đủ thái độ lịch sự ấy. Bà Helen Suzman là người phụ nữ da trắng tự trọng. Bà nói rằng mình lấy làm xấu hổ về những hành động của những người da trắng “tự xưng là văn minh” đang diễn ra hằng ngày ở Nam Phi chỉ có thể so sánh với hành động của những kẻ dã man. Bà Suzman lần lượt đến từng xà lim, nói chuyện với từng người. Tất cả những người tù đều khẳng định có quá nhiều vấn đề nhà cầm quyền gây ra cho tù không thể chịu được và chấp nhận được. Hỏi đó là những vấn đề gì thì mọi người đều chung một câu trả lời: Người phát ngôn của chúng tôi là Mr. Mandela đã bị chuyển xuống cuối dãy. Tướng Steyn đã phản ứng mất bình tĩnh khi bà Helen quyết định yêu cầu được đưa đến gặp Nelson Mandela. Nhà cầm quyền trên đảo dù không muốn cũng không thể thoái thác yêu cầu này của một nghị sĩ, dù nghị sĩ ấy thuộc phe đối lập. Bà Helen nắm chặt tay tôi và tự giới thiệu với giọng chân tình đầy lịch sự với nụ cười trên khuôn mặt.

Tôi đã kể cho bà Suzman tất cả những gì quan trọng nhất diễn ra hằng ngày đối với tù nhân trên đảo tù này. Tôi không bỏ qua những hành động thô lỗ, độc ác của đủ loại sĩ quan trên đảo tù. Tôi không tố cáo một lính canh tù nào cụ thể cả. Họ chỉ là công cụ của nhà cầm quyền, lĩnh lương để là cái công việc nhiều khi thất nhân tâm ấy. Trong thâm tâm nhiều lính canh có suy nghĩ khác với nhà cầm quyền. Nhưng với Van Rensburg thì chúng tôi “không thể tha thứ”, cho dù dường như hẳn đã có đôi chút thay đổi, hẳn là do biết có người trong Nghị viện ra thị sát Robben Island.

Nghị sĩ Helen Suzman đã đưa tất cả những vấn đề thu thập được ở Robben Island và đăng đàn hàng giờ trước Nghị viện. Một trong những hệ quả đầu tiên là một tuần lễ sau Van Rensburg bị điều khỏi đảo.

Một hoạt động không thay đổi hàng tuần của người tù trên đảo Robben Island do cai ngục áp đặt là lễ cầu hồn sáng chủ nhật. Bọn chúng cho rằng tâm hồn sẽ thương tổn nếu chúng không tạo điều kiện cho con chiên của Chúa. Bao giờ cũng có một cha cố đến thuyết giảng. Tuần đầu cha cố là người Anh, tuần tiếp theo là tu sĩ phái cải cách người Hà Lan, và tiếp theo là một linh mục dòng tu khác. Là cha cố do nhà tù chọn và họ chỉ được coi những vấn đề tín ngưỡng.

Vào một sáng chủ nhật như thường lệ, một người tù tên là September xin được cầu nguyện. Anh là tu sĩ người da đen rất vui tính. September bắt đầu buổi cầu nguyện bằng giọng to, vang và một lúc sau anh yêu cầu “những con chiên yêu của Chúa” nhắm mắt lại. Mọi người làm theo yêu cầu của anh. Vào lúc ấy một người tù da đen khác nhón chân rút tờ báo trong túi vị tu sĩ. Đó là tờ Sunday Times.

Không ai biết việc này và cũng không ai nói lại sau đó, nhưng từ hôm đó vị tu sĩ kia không bao giờ mang theo một tờ báo nào đến lễ cầu hồn nữa.

Andre Scheffer, một tu sĩ dòng cải cách ở Nam Phi vốn là người thích khôi hài. Trong một lần hành lễ, ông nói với người tù: “Các vị có biết ở đất nước này người da trắng phải gánh vác bao công việc nặng nhọc, khó khăn. Bao giờ, ở đâu xảy ra chuyện gì người da trắng đều phải ra tay giải quyết. Nếu người da đen có chuyện gì thì các vị chỉ nói chữ xin lỗi thôi à! Nghĩa là các vị chỉ nói: Ngabilungu”.

Chúng tôi phá lên cười không hấn do dự sợ hài hước của ông vốn không cố ý mà điều chính là sự cố ý dùng từ lắt léo. Ngabilungu là một từ của ngôn ngữ bộ tộc Xhosa và có nghĩa là “Bọn người da trắng có lỗi!”.

Nói điều ấy, vị tu sĩ khẳng định người da trắng phải chịu trách nhiệm về tất cả mọi khó khăn, nhọc nhằn của người tù chúng tôi nói riêng và của người Phi da đen nói chung. Nhưng trong sâu thẳm của con tim mình, ông cũng đã gửi chúng tôi bản thông điệp khá rõ ràng: chúng tôi phải quan tâm công việc của “nhà mình” và sẵn sàng gánh trách nhiệm trên hai vai, phải hành động một cách chủ động chứ không thụ động mãi được. Đó là một ý tưởng, một lòng tin mà tôi ủng hộ hết mình, với cả con tim.

Tôi không bao giờ quên vị mục sư đầu tiên đến làm lễ cầu hồn vào ngày chủ nhật. Tên ông là Pater Hughes, người xứ Walls thuộc Anh. Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, Pater Hughes là thuyền trưởng một chiếc tàu ngầm. Lúc mới đến lần đầu, ông nói sẽ là lễ cầu hồn trong hành lang nhà tù và theo ông thì làm như vậy cũng chẳng hạ thấp thượng đế đâu. Buổi đầu tiên đến với tù trên đảo Robben Island, mục sư không đọc kinh mà lại đọc nguyên văn lời nói của Thủ tướng Winston Churchill phát qua sóng truyền thanh từ hồi chiến tranh: “Chúng ta sẽ chiến đấu trên bờ biển, chiến đấu trên đường quốc lộ, chúng ta sẽ chiến đấu trên những cánh đồng, đường phố, giữa những ngọn đồi. Chúng ta không bao giờ chịu khuất phục.”

Về sau ông cũng hành lễ trên sân nhà tù. Chúng tôi rất thích nghe ông nói. Chúng tôi nhanh chóng nhận được những thông tin trong những câu nói bóng gió của ông. Ví dụ ông nói rằng vị thủ tướng Nam Phi coi mình như một Pharaon cổ xứ Ai Cập thời cổ đại, cũng thành lập một quân đội giống như vậy. Cuối mỗi buổi lễ cầu hồn, Pater Hughes bao giờ cũng yêu cầu con chiên của Chúa hát thánh ca. Tôi có cảm tưởng dường như Hughes chỉ đến để đưa một vài thông tin và nhất là để nghe chúng tôi hát. Thậm chí có lần ông mang theo cả một cái đàn Organ và chơi nhạc cho chúng tôi hát. Ông khen giọng chúng tôi tuyệt vời và khẳng định rằng chỉ có dàn đồng ca của người tù chúng tôi là có thể so sánh với những dàn đồng ca ở Walls.

Một hôm, trong khi vị tu sĩ đang đàn một cách say sưa với “lời dạy hòa giải”, tôi thấy Eddie Daniels cố ý dẫm lên chân ông ta, hết chân trái đến chân phải. Tu sĩ

Jones vẫn không dừng. Eddie không còn giữ được bình tĩnh nữa, cắt ngang lời ông ta: “Chúng tôi đã cố gắng hết sức mình suốt 55 năm nay nhằm hòa giải với người da trắng rồi, ông tu sĩ ơi!”. Từ hôm đó chúng tôi không bao giờ gặp lại ông ta nữa.

Tôi không bao giờ nghĩ rằng cuộc chiến đấu không lâu dài hoặc nhẹ nhàng. Những năm đầu tiên trên đảo tù là những thời gian khó khăn cho tổ chức bên ngoài cũng như cho người tù. Sau vụ Rivonia tổ chức cơ sở bí mật của chúng tôi bị thương tổn nặng nề. Chúng phát hiện cơ cấu tổ chức và đã tiến hành chiến dịch khủng bố trắng. Ai không bị sa lưới phải cảnh giác rất cao, đi trước chúng một bước thì mới có cơ may sống sót. Đường như hầu hết cán bộ có kinh nghiệm và có tuổi của ANC hoặc bị sa lưới hoặc phải chạy ra nước ngoài cư trú chính trị. Các cơ quan đại diện của ANC ở nước ngoài trước kia chuyên lo tài chính và đưa cán bộ đi đào tạo thì giờ đây phải gánh vác cả nhiệm vụ xây dựng lại cơ sở trong nước, đặc biệt là cơ sở bí mật tại các khu công nghiệp, khu dân cư.

Nhà nước no mạnh hơn trước. Cảnh sát được trao quyền không hạn chế. Các biện pháp của chúng tàn bạo hơn, kỹ thuật tinh tường hơn. Kinh tế ổn định hơn. Người da trắng không sợ dư luận lên án bởi lẽ Anh và Mỹ trở thành đồng minh chiến lược tin cậy của chúng. Họ sẵn sàng công nhận Nam Phi có chính quyền hợp hiến.

Một nhiệm vụ chúng tôi coi là rất quan trọng ở trong tù là giải mối bất đồng giữa ANC và PAC, hai tổ chức cùng có chung một mục tiêu lớn là chống chủ nghĩa Apartheid. Trước khi chúng tôi bị đày ra đảo thì tù nhân PAC chiếm số đông ở đây. Nhưng với năm tháng, tù nhân ANC đã chiếm “đa số tuyệt đối”. Những nhà lãnh đạo PAC trong tù dường như không còn biết những gì đã và đang diễn ra ngoài đời. Ở Nam Phi cũng như ở châu lục đen. Họ vẫn cố chấp và cực đoan như xưa. Khi chúng tôi đặt vấn đề hai tổ chức cần phối hợp hành động ngay trong nhà tù thì những nhà lãnh đạo cao nhất của PAC một mực phản đối. Thậm chí họ ra “nghị quyết” cô lập tôi. Nhưng những anh em tù PAC qua thực tế trong tù đã có cách nhìn khác. Khi “giới lãnh đạo” của họ nghị quyết cô lập tôi thì chính những anh em PAC lại quyết định cô lập ngay người lãnh đạo cao nhất của họ. Như thế là tình hình đã có nhiều đổi thay trong nhận thức của anh em PAC. Chủ nghĩa Apartheid không chỉ đàn áp đẫm máu mọi người Phi đấu tranh vì quyền con người mà chúng luôn luôn triệt để thực hiện chính sách chia rẽ trị của chủ nghĩa thực dân da trắng không chỉ ở Nam Phi mà ở khắp nơi trên thế giới. Phá chính sách ấy là nhiệm vụ quan trọng của mọi lực lượng đấu tranh cho dân chủ, tự do và quyền tự quyết của công dân bất kể thuộc chính kiến nào. Trong hoạt động của mình, bao giờ ANC cũng đặt vấn đề hợp tác hữu nghị và bình đẳng với các tổ chức chính trị có chung một mục tiêu, là nhiệm vụ tối cao. Chỉ có đoàn kết người Phi mới có sức mạnh đương đầu với mọi thử thách.

Trong nhà tù, chúng tôi đã tổ chức các cuộc liên hoan ca nhạc và các trò chơi thể thao. Cờ vua là môn được nhiều người ưa thích. Phần mình bao giờ tôi cũng là người dự các giải cờ vua và không ít lần đoạt giải nhất mà phần thưởng thường là một phong sô-cô-la. Tôi chơi chậm, cân nhắc kỹ từng nước đi. Khi đi nước cờ này tôi đã tính đến nước đi của đối thủ và sắp sẵn vài nước đi tiếp. Chơi như vậy nên một ván cờ thường kéo khá dài. Phong cách này tôi cũng áp dụng trong hoạt động chính trị. Đối thủ của tôi thường chơi nhanh và ít kiên nhẫn với cách chơi của tôi.

Đội kịch của chúng tôi thường “công diễn” vào dịp Noel và đón năm mới. Tôi từng diễn kịch hồi học ở Fort Hare. Trong tù không có sân khấu, không có hóa trang, chẳng có quần áo. Cái duy nhất chúng tôi có chỉ là lời thoại. Tôi không diễn nhiều nhưng có một vai diễn không bao giờ quên: đó là vai vua Theban Kreon trong vở “Antigone” của Sophokles. Trong tù tôi đọc khá nhiều kịch cổ Hy Lạp với sự thích thú đặc biệt. Những tính cách của các nhân vật chính diện đã làm tôi say sưa, ngây ngất quên cả thực trạng đốn đau rằng mình là người tù khổ sai chung thân. Đã có bao nhiêu anh hùng trong những tác phẩm nổi tiếng kia bất chấp mọi hoàn cảnh ngặt nghèo đó thôi. Khi chọn vở “Antigone” tôi đã tự nguyện sắm vai Kreon, vị vua đã cao tuổi, đã vì ngai vàng mà sẵn sàng chống lại những đứa em ruột thịt mưu mô tiếm quyền. Kreon là người yêu nước chân chính. Ông vua này tin là nền tảng cho vai trò lãnh đạo vương quốc, và việc hoàn thành nghĩa vụ đối với thần dân là nghĩa vụ hàng đầu trước nghĩa vụ phụng sự và trung thành với một cá nhân nào đó.

Nhưng Kreon lại kiên quyết trước kẻ thù. Ông vua đã cấm xây phần mộ cho “kẻ phản loạn” Polyneikes vốn là em ruột của ông. Antigone đã chống lại lệnh này, bởi vì nàng cho rằng có một đạo luật còn hơn cả đạo luật của một quốc gia. Kreon kiên quyết từ chối Antigone, chỉ nghe theo tiếng nói từ nội tâm mình. Sự cố chấp và mù quáng của ông vua này đã biến ông thành một nhà cầm quyền tồi vì đã không có tấm lòng bao dung và công bằng Antigone là biểu tượng cho cuộc đấu tranh của chúng tôi, là chiến sĩ đấu tranh cho tự do, bởi lẽ nàng bác bỏ và chống lại những đạo luật bất công bất bình đẳng.

Đối với người tù, thời gian dường như ngừng nhảy. Với thế giới bên ngoài mọi việc lại hoàn toàn khác. Tôi nhớ lại chuyến thăm của mẹ tôi ở đảo vào mùa xuân năm 1968. Kể từ vụ án Rinovia tôi không còn được gặp Người. Mọi đổi thay diễn ra chậm chạp và nếu như người ta sống trong lòng gia đình, bên người thân thì hẳn là người ta sẽ chẳng nhận ra những đổi thay nào. Nhưng nếu ta không được gặp mặt người thân trong một khoảng thời gian dài nhiều năm, khi gặp lại ta thấy sự thay đổi là ghê gớm. Mẹ tôi đã già đi nhanh quá. Người đã phải vượt qua một chặng đường dài từ Transkei đến Robben Island cùng con trai, con gái và em gái tôi thăm đứa con trai duy nhất đang thụ án khổ sai. Do có bốn khách đến thăm, nhà cầm quyền “gia ân” cuộc trò chuyện dài 45 phút thay vì 30 phút. Tôi cũng

không được gặp hai con kể từ vụ án ấy. Nhưng chúng vẫn cứ lớn lên mà không có sự hiện diện của tôi. Tôi hết sức ngạc nhiên và tự hào khi nhìn thấy Makgatho và Makazive cao lớn, khỏe mạnh và thật sự rắn rỏi. Tôi lo sợ mình vụng về đối xử với các con như những đứa trẻ thuở nào chứ không phải như những người lớn đã trưởng thành. Các con đã thay đổi, chỉ còn lại tôi là vẫn như xưa.

Mẹ tôi gầy đi quá nhiều. Điều này làm tôi không yên lòng. Mặt Người đã quá nhăn nheo. Chỉ có em gái Mabel vẫn như xưa. Tôi thật vui mừng được gặp bốn người cùng một lúc và cùng nhau nói chuyện gia đình. Nhưng tôi đã không thể cầm lòng khi sức khỏe của mẹ đáng lo ngại quá.

Tôi nói với hai con mong muốn của mình rằng các cháu cần tiếp tục đến trường, hỏi em gái Mabel về họ hàng ở Transkei quên nhà. Thời gian đi quá nhanh. Như mọi cuộc viếng thăm, niềm vui lớn lao thường lưu giữ lại làm tăng sức mạnh cho người tù hy vọng vào cuộc gặp gỡ lần sau, đối với tôi lần này là nỗi lo về sức khỏe của mẹ. Tôi lo sợ có lẽ sẽ không còn được gặp lại Người một lần nữa!

Vài tuần sau, người ta nói với tôi khi ở mỏ đá về rằng Văn phòng nhà tù đang chờ tôi. Một bức điện gửi cho tôi đang ở văn phòng. Bức điện do Makgatho đánh. Cháu báo tin mẹ tôi qua đời sau một cơn nhồi máu cơ tim. Tôi lập tức viết bản đề nghị được về làm lễ tang cho mẹ tôi. Người ta đã lạnh lùng từ chối lời đề nghị này. Giám đốc nhà tù nói: “Mandela tôi biết là ông sẽ giữ lời hứa, sẽ không tìm cách trốn thoát nhưng tôi không thể tin quần chúng của ông được. Tôi sợ rằng họ sẽ bắt cóc ông.” Việc tôi không thể đưa mẹ đến nơi an nghỉ cuối cùng làm cho nỗi đau buồn của mình tăng lên gấp bội. Tôi là con trai duy nhất của Người và có nghĩa vụ không thể thoái thác theo phong tục tập quán của dân tộc tôi.

Nhiều tháng sau đó, tôi luôn luôn nghĩ về mẹ. Cả cuộc đời người đạm bạc, giản dị. Hồi còn hành nghề luật sư, tôi có điều kiện hỗ trợ Người, nhưng sau khi vào tù tôi đã không còn là gì được cho mẹ. Tôi chưa quan tâm đúng mức đến mẹ với tư cách là con trưởng và là con trai duy nhất của Người. Mẹ có thể nể tình cho đứa con vì đại sự mà trở thành bất hiếu.

Sự qua đời của người mẹ là dịp để một người con trai nhìn lại và đánh giá cuộc đời mình. Những khó khăn, nhọc nhằn sự nghèo khổ của người lại buộc tôi đặt lại vấn đề liệu mình đã chọn đúng con đường đi chưa. Một thời gian dài mẹ tôi đã không hiểu vì sao tôi lao vào cuộc chiến đấu vì số đông. Những người họ hàng không đặt vấn đề liệu họ có thể làm như tôi và trong thực tế họ đã không làm như tôi. Vậy mà vì hoạt động của tôi mà nhiều người khác bị liên lụy, bị trừng phạt và cầm tù.

Nhưng bao giờ tôi cũng tìm đến câu trả lời như nhau. Ở Nam Phi, một người đàn ông không được phép làm ngơ trước số phận bi thảm của người dân, cho dù hậu quả ập xuống đầu mình, gia đình mình. Tôi đã lựa chọn và sự lựa chọn đúng đắn ấy tăng sức mạnh cho tôi. Nhưng nỗi đau dày vò tôi, bởi vì tôi đã không làm

được gì giúp mẹ đỡ khốn khó và nỗi đau vò xé khi tôi không thể đưa người về nơi chín suối.

Vào buổi sáng ngày 12/5/1969, cảnh sát khám nhà tôi ở Orlando và bắt Winnie mà không cần lý do gì. Người nói rằng nàng bị bắt căn cứ vào đạo luật “Chống khủng bố” ban hành năm 1967 “cho phép” nhà cầm quyền bắt tổng ngục bất cứ kẻ nào bị nghi là hoạt động phá hoại, khủng bố. Không chỉ Winnie mà em gái nàng cũng bị bắt trong đợt khủng bố này. Khi Winnie bị dẫn đi, hai con gái chúng tôi túm váy mẹ. Winie bị ném vào nhà tù Pretoria, bị thẩm vấn và đe dọa tàn bạo. Sáu tháng sau, người ta mở phiên tòa xét xử nàng. Winnie tự bào chữa và được trắng án. Hai tuần sau đó, người ta “phong tỏa tại gia” không cho nàng đi đâu khỏi thành phố, thậm chí ra chợ cũng có “đuôi” đi theo. Winnie làm đơn ra đảo thăm tôi. Chính quyền đã từ chối thẳng thừng!

Người ta cho phép tôi viết thư cho nàng và cũng nhận thư của nàng gửi cho tôi nhiều hơn quy định sáu tháng một lần.

Vào khoảng thời gian đó, tôi còn phải chịu những mất mát đau khổ khác. Vào một buổi sáng rét buốt da tháng 6 năm 1969, ba tháng sau khi tôi được tin Winnie bị tổng ngục, người ta lại gọi tôi lên văn phòng nhà tù. Tôi lại có điện từ đất liền. Bức điện lần này vẫn là do Makgatho gửi đi, con trai nhỏ nhất của tôi. Bức điện chỉ có một dòng. Makgatho báo tin anh trai cháu, con trưởng của tôi, Madiba Thembekile, thường gọi là Thembi, bị tai nạn se hơi tử thương. Hồi ấy Thembi 25 tuổi và đã có hai con nhỏ.

Nói gì đây trước một bị kịch như vậy? Tôi đang hết sức lo lắng về Winnie, nỗi đau mất mẹ còn chưa nguôi ngoai và bây giờ thêm một tin như thế nữa... Tôi trở nên im lặng. Trong tim tôi giờ đây là khoảng trống rộng quá lớn không có cách nào khóa lấp được.

Tôi trở lại xà lim, nằm lăn ra giường. Tôi không biết mình đã nằm bao lâu, chỉ biết rằng tối đó bỏ cơm. Vài người nhìn vào và im lặng bước qua. Cuối cùng Walter vào và quỳ xuống bên tôi. Tôi đưa cho anh bức điện. Anh im lặng, nắm tay tôi. Tôi không biết anh ở bên tôi bao lâu. Trong những giờ phút ấy, người ta chẳng có gì để nói và cũng chẳng cần phải nói gì với nhau.

Tôi lại đề nghị được trở về đất liền lo ma chay cho con. Đơn bị bác. Người ta chỉ cho phép tôi gửi thư cho mẹ Thembi, Evelyn. Tôi đã gắng hết sức an ủi nàng.

Kỷ niệm trở lại thời thơ ấu của Thembi. Hồi cháu còn là một đứa bé, một lần cháu đến thăm tôi tại một ngôi nhà bí mật khi tôi đang bị truy nã gắt gao, vì phải giữ bí mật, tôi đã không thể về gặp cháu và cũng không thể báo cho cháu mình đang ở đâu. Vốn thông minh, Thembi đã “theo vết chân những người tin cậy” mà tâm hồn trẻ thơ mách bảo cho cháu, đã tìm được đến nơi cần tìm. Nhưng hình ảnh ghi lại đậm nét không bao giờ phai mờ trong tâm trí tôi là một lần tôi “đột nhập” vào nhà khi hai mẹ con đang ngủ. Thembi tỉnh giấc ngay tức khắc, ngồi lắng nghe mọi tiếng động như là gác cho tôi. Khi chia tay, tôi đã sửng sốt khi cháu đứng lên

như một người lớn, đến bên tôi, giọng nghiêm trang: “Con sẽ chăm lo gia đình thay cha trong những ngày cha phải ra đi!”.

Từ ngày đó Thembi thật sự trở thành người lớn trong nhà. Cháu còn quá nhỏ, nhưng vẫn mặc chiếc áo khoác quá khổ của tôi. Áo dài xuống quá gối. Dường như Thembi rất tự hào và được an ủi trong tấm áo có hơi ấm của bố, y như tôi cách đó mấy chục năm.

Dần dần những người canh tù lân la bắt chuyện với chúng tôi. Tôi không bao giờ bắt đầu nói trước, nhưng khi có ai đó hỏi hoặc muốn biết điều gì thì tôi tìm cách lý giải cặn kẽ cho họ. Thường những câu hỏi họ đặt ra gắn với những sự thật chua chát, ví như: “Mandela, điều mà ông mong muốn thực sự là gì vậy?” hoặc “Ông đã có gia đình, có mái nhà che đầu lại đủ ăn, vậy thì vì sao ông lại còn gây ra lắm chuyện phiền hà cho chính phủ!?”. Trong những trường hợp ấy, tôi kiên trì và bình tĩnh giải thích cho họ hiểu những mục tiêu của ANC. Tôi muốn qua đó làm cho họ bớt ác cảm và hiểu sai những lý tưởng cao cả những tổ chức mà nhà cầm quyền không ngừng bóp méo, xuyên tạc.

Năm 1969 xuất hiện một người lính coi tù trẻ đến hành lang chúng tôi. Dường như anh ta biết khá rõ về tôi. Tôi có nghe tin, theo đó bên ngoài đang chuẩn bị một cuộc vượt ngục cho tôi và gửi đến Robben Island một người coi tù “đăng mình” và người đó sẽ hỗ trợ tôi hết lòng. Anh lính coi tù mới quả thật đã tìm cách báo cho tôi biết chính anh đang lập “kế hoạch” tiến hành cuộc vượt ngục của tôi.

Anh ta nói rằng sẽ cho bọn gác đêm trên tháp uống say mềm, tạo điều kiện thuận lợi cho một chiếc thuyền cập đảo. Anh ta sẽ làm cho tôi một “chìa khóa vạn năng” có thể mở được mọi khóa trong khu biệt giam. Trên thuyền người ta chuẩn bị sẵn đồ bơi để tôi có thể từ giữa vịnh bơi vào bờ Kapstadt và từ đó “người của ta” sẽ thay hình đổi dạng cho tôi, đưa tôi đến một sân bay dã chiến và tôi chỉ việc lên máy bay. Phi công sẽ đưa tôi ra nước ngoài. Mọi việc sẽ kết thúc êm đẹp!

Tôi chăm chú nghe kế hoạch chi tiết mà không hề đưa mắt nhìn người lính trẻ và cũng không hề nói rằng kế hoạch chi tiết ấy chứa đựng quá nhiều rủi ro và không hứa hẹn một thành công nào. Walter Sisulu chia sẻ quan điểm này của tôi sau khi chăm chú nghe tôi phân tích mọi lẽ. Chúng tôi dường như thống nhất với nhau rằng anh chàng lính canh tù mới này không đáng tin cậy.

Về sau mọi việc diễn ra tiếp theo đã khẳng định sự ngờ vực của chúng tôi là hoàn toàn có cơ sở. Tên lính canh kia là chỉ điểm của cơ quan mật vụ Nam Phi. Người ta quả thật lên kế hoạch để tôi thoát khỏi đảo Robben Island, nhưng khi vừa bước lên máy bay để tìm đường tẩu thoát ra nước ngoài theo kịch bản thì chúng sẽ gây ra cuộc hỗn chiến với lực lượng an ninh bảo vệ sân bay, và tôi là đích ngắm và là vật hy sinh trong cuộc hỗn chiến ấy. Nhà cầm quyền sẽ rùm beng lên rằng ANC tổ chức cho Mandela vượt ngục và “tội phạm” đã bị trừng trị đích đáng!

Cho dù một cuộc vượt ngục là không thể thực hiện vào thời điểm ấy, nhưng suốt thời gian bị giam trên đảo, tôi luôn luôn nghĩ đến giờ phút ấy. Hai bạn tù rất thông minh và dũng cảm là Mac Maharaj và Eddie Daniels cũng từng lên những kế hoạch với mọi chi tiết cần thiết. Nhưng kế hoạch của hai anh lại quá phiêu lưu, song nó đã không ngăn cản chúng tôi nghĩ đến tất cả những gì có thể làm.

Trở ngại lớn nhất cho một cuộc vượt ngục khỏi đảo từ là biển. Một hôm Mac đưa ra giải pháp làm cách nào vượt qua trở ngại này. Người ta từng phải đưa anh về đất liền chữa răng. Ở bệnh viện, anh biết được rằng bác sĩ nha khoa là em rể một tù chính trị nổi tiếng. Mac cũng đã quan sát địa hình kỹ càng và khẳng định có thể nhảy từ phòng đợi của bệnh viện ở gác hai xuống một đường hầm tương đối vắng người.

Mac hỏi thúc chúng tôi kêu đau răng. Chúng tôi làm theo lời anh và vào một ngày giữa tuần người ta báo cho 4 người chúng tôi rằng sẽ được đưa về bệnh viện Kapstadt chữa răng. Ba trong bốn người sẵn sàng thực hiện cuộc tẩu thoát. Nhưng khi Mac hỏi người thứ tư thì anh ta từ chối. Chúng tôi bỗng nhận ra người này không thể tin cậy, vậy mà chúng tôi đã đưa anh ta nhập cuộc.

Trong phòng chữa răng không còn bệnh nhân nào. Bọn cảnh sát đã đuổi họ ra ngoài. Chúng tôi đòi hỏi phải được tháo xích chân. Bác sĩ nha khoa ủng hộ yêu sách này của chúng tôi và bọn lính gác đã phải nhượng bộ.

Mac dẫn chúng tôi đến bên cửa sổ, chỉ cho chúng tôi chỗ mình sẽ nhảy xuống. Nhưng mọi việc không thể diễn ra như kế hoạch được, bởi vì chúng tôi đang ở giữa trung tâm thành phố, giữa ban ngày, vắng bóng người. Chúng tôi phải khẳng định với nhau rằng đây đây là “trò chơi đầy rủi ro” và vì vậy không thể liều lĩnh. Cuối cùng chúng tôi thống nhất với nhau là chỉ chữa răng thôi. Vị bác sĩ vui tính khám răng tôi và ông nói chỉ để mình tôi đủ nghe rằng ông không rõ tôi đến bệnh viện vì lý do gì, bởi lẽ tôi có hàm răng chắc, khỏe, không hề sâu, không hề viêm, sung! Đó là năm 1974.

Đầu thập niên 70, nhà cầm quyền cử đại tá Piet Badenhorst làm chỉ huy đảo. Y nổi tiếng là ác ôn tàn bạo hạng nhất của Nam Phi.

Việc là đầu tiên của y khi đến Robben Island là vận lại đồng hồ trên đảo. Mọi phản kháng đều bị trừng phạt. Y bãi bỏ ngay tức khắc chế độ thăm tù mà không cần bất kỳ lời giải thích nào. Bữa ăn của tù kém hơn trước, hình phạt nặng hơn. Người ta khám xét xà lim chúng tôi, thu hết sách báo, cắt com người tù nào nếu hấn muốn và sẵn sàng thượng cẳng chân hạ cẳng tay với bất cứ tù nhân nào.

Vào một buổi sáng, khoảng một tuần sau khi hấn ra đảo, Badenhorst xuất hiện ở mỏ đá mà không báo trước. Hấn quan sát chúng tôi làm việc từ khoảng cách vừa phải. Chúng tôi cũng quyết định nhân dịp này quan sát “quan lớn” kỹ hơn. Bỗng Badenhorst kêu to: “Mandela, rút ngay tay ra khỏi túi quần!”. Dường như y cảm thấy chưa đủ sức thị uy người tù. Hấn còn tác oai tác quái nhiều hơn, tàn bạo hơn.

Dường như chính quyền Apartheid đã tuyển lựa tất cả những tên thuộc hàng anh chị trong bọn lưu manh cao thủ nhất, bọn thù hận người Phi nhất để quản lý mà thực chất là để đàn áp thẳng tay người tù. Chúng nó trở thành công cụ rẻ mặt cho một chính sách cực kỳ tàn bạo của một bọn người vô ngực tự xưng là văn minh. Một sự sỉ nhục cho nền văn minh tư sản.

Nhưng dù tàn bạo đến đâu, con người cũng có lúc hiểu thế nào là sự thật, thế nào là sự vô lý, thậm chí nghịch lý mà chúng phải tôn thờ. Chẳng lẽ vì cuộc sống vinh thân phì da mà người ta tự nguyện biến thành con vật!

Người tù trên đảo Robben không chịu khuất phục bất kỳ một kẻ tàn bạo nào.

Chúng tôi quyết định chấp nhận trận đấu không cân sức với Badenhorst. Lần công, không thực hiện định mức, mang dụng cụ từ trong nhà tù ra ngoài mỏ đá, thành lập “Ban đại diện thống nhất” để khi cần đối mặt với hắn. Tôi và Walter thay mặt anh em ANC, hai người tù thuộc các nhóm chính trị khác. Chúng tôi đòi có cuộc đối mặt với y. Viên sĩ quan ngạo mạn này chấp nhận cuộc đối mặt. Chúng tôi tuyên bố công khai với y rằng nếu y tiếp tục giở những trò tàn bạo thì người tù sẽ sử dụng tất cả những biện pháp họ có thể sử dụng: đình công, tuyệt thực, gây mất trật tự trong các ban. Badenhorst đã buộc phải thay đổi. Hắn đã phải sửa lại một số điều mà khi mới ra đảo đã ra uy với tù như cắt xén tiêu chuẩn ăn, không cho người nhà đến thăm, cấm gửi và nhận thư... Tóm lại y đã phải chăm chú nghe chúng tôi nói chứ không thể phớt lờ. Đối với chúng tôi, hành động phản kháng kiên quyết này coi như đạt thắng lợi. Những cuộc phản kháng của chúng tôi về hành động tàn bạo, độc đoán của Badenborst đã được đưa ra bên ngoài, đến đất liền. Một cuộc “xem xét tại chỗ” đã được hoạch định. Chúng tôi chỉ không biết vị đại diện nào sẽ ra đảo thôi.

Ba ngày sau, chúng tôi được báo tin có ba vị thẩm phán ra đảo. Như mọi khi, tôi được anh em tù cử làm đại diện trước các ngài “cầm cân pháp luật” này. Ba thẩm phán thuộc tòa án tối cao, được tướng Steyen tháp tùng. Tôi nói với các vị thẩm phán tất cả những gì xảy ra từ khi Badenborst được cử ra là chúa đảo: dung túng cho canh tù đánh đập người tù, tự thân y đã đánh đập tù và che chắn cho tay chân trong hàng loạt hành động bạo ngược với tù chính trị cũng như tù thường phạm, cúp bữa ăn, nhục mạ người tù bằng thứ ngôn ngữ thô lỗ của lưu manh... Trong khi tôi nói tôi tắt cả cho các vị thẩm phán, Badenborst lúng túng đi đi lại lại như bị kiến đốt. Có lúc y ngắt lời tôi: “Ông có chứng kiến tận mắt những vụ ấy không?”. Tôi từ từ nói rằng mình không tận mắt chứng kiến những vụ hành hung ấy nhưng người tù tin tôi và đã nói rõ tất cả những gì Badenborst và đồng bọn gây ra cho họ. Y đưa nắm đấm ra trước mặt tôi đe dọa: “Mandela, hãy cẩn thận đấy!”. Tôi nói với ba ông thẩm phán những gì đang diễn ra ngay trước mắt họ. Trước mặt pháp luật mà y vẫn đe dọa và sẵn sàng làm tất cả thì thử hỏi con người ấy tàn ác đến đâu, mất tính người tới mức nào khi chỉ có người tù đối mặt với ông ta.

Một trong ba ông thẩm phán đã phải khẳng định: “Người tù nói có lý!”. Sau khi nói tất cả những gì cần nói, tôi chào các vị thẩm phán, trở về xà lim.

Tôi không biết họ đã nói gì với tướng Steyen và Badenborst và các vị làm những gì, báo cáo với những ai trong đất liền. Chỉ biết rằng thời gian tiếp theo Badenborst như người bị trói tay chân. Sự thô lỗ giảm hẳn. Ba tháng sau chúng tôi được tin: Badenborst bị sa thải.

Vài ngày trước khi rời đảo, Badenborst gọi tôi lên văn phòng nhà tù. Tướng Steyen thăm đảo và muốn tìm hiểu xem chúng tôi có điều gì kháng nghị. Với sự hiện diện của Badenborst, tôi nói rõ một loạt đòi hỏi của người tù. Sau khi tôi nói xong, Badenborst tiến đến trước mặt tôi, y thông báo rằng mình sẽ rời đảo, rồi ngập ngừng nói: “Tôi chúc ông nhiều hạnh phúc!”. Tôi không biết mình hóa rồ hay mê muội không còn tự chủ khi nghe từ chính miệng kẻ ác này những lời tử tế đến thế. Ông ta nói những lời của một con người đối với một đồng loại và qua đó ông ta thể hiện một mặt của bản tay mà trước đó chúng tôi chưa bao giờ tin là có. Tôi cảm ơn ông ta về những lời chúc tốt đẹp và chúc ông mọi việc tốt lành, suôn sẻ trong công việc mới của mình.

Phút giây này lưu giữ khá lâu trong suy nghĩ của tôi. Badenborst là cai tù độc ác và tàn bạo nhất trong số những tên cai tù mà tôi từng biết suốt mấy chục năm trên đảo Robben Island. Thế mà con người cực kỳ tàn bạo ấy cũng đã có lúc, ngay trong văn phòng đầy quyền uy của mình, đã trình diễn một bộ mặt khác, khác như hai thái cực với bộ mặt thật của ông ta khi đối xử với người tù. Như vậy trong con quỷ người, vẫn tồn tại cái thiện. Chỉ có điều xã hội đã kích động cái phần thú ấy và người ta đã trả công hậu cho nó, để nó che lấp phần đẹp nhất mà con người nào khi cha mẹ sinh ra đều sở hữu. Đó là tính thiện. Khi con tim của họ rung động trước sự thật thì sự phản tỉnh, cái thiện ấy vẫn có thể sống lại như một bản năng mà không có sức mạnh bạo tàn nào xóa sạch đi được, trừ bọn diệt chủng, diệt ngay cả cha mẹ, anh em, họ hàng chúng như những hoang thú trong rừng, trên sa mạc. Hóa ra Badenborst khi sinh ra cũng không phải là con ác quỷ. Sự vô nhân đạo, mất nhân tính của y là sản phẩm của xã hội phi đạo lý, phi nhân tính, xã hội tội ác. Cái xã hội ấy cần những con quái vật và trả lương hậu cho những hành động quái vật.

Đại tá Willemse được điều ra làm “đảo trưởng”. Sau khi ra đảo ông ta đã triệu tập tôi lên văn phòng nhà tù. Dĩ nhiên ông ta không phải là người tiến bộ, thế nhưng so với người tiền nhiệm thì ông tỏ ra lịch sự và biết điều. Chúng tôi cho rằng “thời đại Badenborst” chẳng qua là một vết nhơ trong quá trình làm dịu lại tình hình của nhà cầm quyền, cải thiện điều kiện cho người tù.

Cùng với sự ra đi của Badenborst là việc rời đảo của một số lính canh tù trẻ, dữ dằn. Ngay sau đó, không khí thoải mái ở đảo đá đã được thiết lập lại. Willemse làm như là một viên chức có thiện chí, nhưng khi y nhìn thấy những gì diễn ra ở mỏ đá, thái độ của ông ta khác hẳn.

Vài tuần sau y lại triệu tôi lên văn phòng. Y nói: “Mandela, ông phải giúp đỡ tôi.” Tôi hỏi mình có thể làm được gì. Ông ta tiếp: “Người của các ông không chịu làm việc. Họ làm những gì mình thích. Đây là nhà tù và vì vậy phải có kỷ luật. Điều đó không chỉ cần đối với chúng tôi mà cũng tốt cho các ông. Phải có chút trật tự, nếu không thì người ta lại phải những người khác cỡ như Badenborst đến đây!”

Những gì viên đại tá nói thật có ý nghĩa. Tôi nghe chăm chú và tuyên bố rằng những yêu cầu của ông ta là hợp lý. Tuy nhiên tôi chỉ có thể trả lời ông ta sau khi đã có cuộc tiếp xúc với anh em tù. Hồi ấy một cuộc gặp mặt tù bị giam trong xà lim bị cấm ngặt. Tôi đã yêu cầu chúa đảo cho phép tổ chức một cuộc gặp mặt với họ, đồng thời cũng kiến nghị từ nay phải thay đổi những quy định quá hà khắc với người tù. Cũng như tôi, ông ta yêu cầu có thời gian để suy nghĩ.

Vài ngày sau, Willemse báo cho tôi rằng ông ta đồng ý lời đề nghị. Chúng tôi gặp nhau trong một buổi chiều trên sân nhà tù mà không cho bọn canh tù nhìn thấy. Tôi báo cho các bạn tù đề nghị của Willemse và khẳng định rằng nếu người tù có những thỏa hiệp trong chuyện này thì các điều kiện khác chắc chắn sẽ được cải thiện. Chúng tôi “quyết nghị” sẽ làm việc, nhưng làm với tốc độ và cường độ nào còn tùy thuộc vào chúng tôi, nghĩa là công việc phải phù hợp và không làm cho chúng tôi quá căng thẳng. Từ đó mọi việc coi như ổn, nhà cầm quyền trên đảo cũng không làm rầy rà nữa, không còn phải “tố cáo” chúng tôi lười biếng.

Trong hai năm 1971-1972, với sự có mặt của Willemse, tù mới được đưa ra đảo liên tục. Phần lớn là những thanh niên còn rất trẻ. Họ là chiến sĩ vũ trang của MK. Anh em đều đã trải qua chiến đấu và am hiểu tình hình trong nước và những chiến sĩ ANC cư trú chính trị ở các nước láng giềng. Tôi chưa bao giờ cảm thấy vui khi phải nhìn thấy các thành viên ANC bị ném vào nhà tù. Nhưng với những người tù mới tôi phải nói chuyện với họ để tìm hiểu tình hình tổ chức, nhất là biết Oliver hiện ở đâu, về các trung tâm huấn luyện của MK, về các cuộc chiến đấu cũng như chiến thắng và rủi ro của họ.

Những tù nhân trẻ khá nóng nảy và khó có thể làm quen với điều kiện sống trong tù. Một trong những tù nhân mới tên là Jimmy April, sĩ quan MK, từng chiến đấu nhiều trận. Chiến sĩ MK dùng giấy tờ giả ngày càng xâm nhập nhiều vào Nam Phi.

Jimmy với phong cách của một chiến binh đã kích thích mạnh chúng tôi. Tôi hỏi về các đơn vị MK. Là người thành lập và là tổng tư lệnh MK cho nên Jimmy trò chuyện rành rọt, thoải mái hơn nói với anh em khác. Anh báo cáo cho tôi về những chuyện không hay trong các trại huấn luyện, và về hành động quân phiệt của một số chỉ huy đối với chiến sĩ. Tôi yêu cầu anh giữ kín những chuyện này. Tôi đã thông tin những chi tiết này ra ngoài cho Oliver Tambo, vì tôi tin rằng phải và có thể tiến hành những cải cách cần thiết trong các trại huấn luyện.

Một hôm khi tôi đang trên đường đến văn phòng giám đốc nhà tù gặp Wimplense, tôi thấy Jimmy đang đứng trước văn phòng một viên chức khác của nhà tù. Anh quay sang phía tôi và nói với vẻ mặt bình tĩnh: “Người ta từ chối không trao thư cho tôi.”

- Vì lý do gì? Tôi hỏi.

- Người ta nói rằng thư viết những điều ta không được phép biết.

Tôi bước vào văn phòng tìm hiểu và giải quyết chuyện này mà không cần quan tâm Wimplense có chuyện gì mà cho gọi tôi đến. Trước khi tôi mở miệng, bỗng Jimmy khoát tay và nói rõ to với viên chức kia: “Hãy trao bức thư cho tôi!”. Anh tìm cách chen và đẩy tôi ra, đến bên bàn và định giật lấy bức thư. Viên chức kia đã nhanh tay hơn, chớp lấy bức thư và lùi ra sau lưng tôi như muốn dùng tôi làm bình phong bảo vệ cho hấn ta. Nếu là phim thì cảnh diễn ra khá buồn cười, nhưng lúc này đầu óc, thần kinh tôi như căng lên. Tôi hướng về phía Jimmy và nói rất bình tĩnh nhưng khẳng định: “Đừng làm thế. Bạn hãy bình tĩnh. Tôi sẽ giải quyết chuyện này và bạn sẽ nhận bức thư của mình. Nhưng bây giờ hãy ra ngoài đi đã.”

Những lời chắc nịch của tôi đã có tác dụng và Jimmy bước ra khỏi văn phòng. Tôi hướng về viên chức kia đang rất bối rối. Tôi rơi vào tình cảnh đặc biệt. Tôi không chống lại nhà chức trách mà đóng vai trò trung gian hòa giải giữa người của chúng tôi và những kẻ mà tôi cương quyết chiến đấu chống tới cùng. Do những thái độ quyết liệt của tù nhân mới cho nên tôi thường rơi vào hoàn cảnh này. Một mặt sự cương quyết của những anh em tù mới khích lệ chúng tôi, mặt khác hoàn cảnh đã làm cho cuộc sống thường nhật thêm căng thẳng.

Đối với các chiến sĩ chiến đấu cho tự do ở Nam Phi, đảo Robben Island là một loại “trường đại học đặc biệt”. Rất nhiều người tù đã tận dụng thời gian bị giam giữ trên đảo để học ngoại ngữ, nghiên cứu nghệ thuật, học lịch sử, địa lý, toán học và triết học. Nhiều người đã thi lấy không chỉ một bằng. Nhưng trước hết và trên tất cả là chúng tôi học lẫn nhau, tự thành lập Khoa chuyên môn và đề cử giáo sư, đề ra chương trình nghiên cứu và tổ chức các kỳ thi một cách nghiêm túc. Bên cạnh việc học học được cấp văn bằng chính thức của Nhà nước, chúng tôi tổ chức nhiều khoa riêng, chủ yếu là các vấn đề khoa học chính trị phục vụ cho sự nghiệp giải phóng quê hương, đất nước.

Rất nhiều tù nhân bị đày ra đảo sau chúng tôi hiểu rất ít về ANC. Walter Sisulu, nhà sử học còn sống là nhân vật nổi tiếng của ANC, đã giải thích cho bạn tù về sự ra đời, phát triển đầy vinh quang của ANC từ thuở ban đầu. Dần dần những giờ học lịch sử không thành văn này trở thành những khóa học có quy củ nhất. Thời gian mỗi khóa là hai năm.

Tổ học tập gặp nhau trao đổi ý kiến khi đi làm lao dịch ở mỏ đá hoặc đứng vòng tròn trong sân nhà giam. Ở giữa là tổ trưởng tổ học tập. Người tù chúng tôi

học theo phương pháp Socrates, thông qua các câu hỏi và trả lời, khi cần thì tranh luận để tìm chân lý.

Tôi giữ nhiệm vụ “Chủ nhiệm khoa kinh tế chính trị học” trong nhiều năm. Ở cương vị này tôi đã cố gắng tìm cách luận giải sự phát triển của người như một thành tố kinh tế từ buổi hoang sơ cho đến ngày nay. Tôi phác họa con đường phát triển từ xã hội cộng sản bầy đàn, trải qua chế độ nô lệ, chế độ phong kiến và tư bản chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tôi như là nhà thông thái mà lại không phải là nhà thông thái, bởi lẽ tôi không giảng bài mà chỉ đặt câu hỏi và tổng hợp ý kiến của “sinh viên” với chủ ý kết luận của mình. Phương pháp của tôi có lẽ không mang tính tư tưởng và không dựa vào một định đề nào, song thường là “thiên” về chủ nghĩa xã hội, bởi vì tôi nhận ra ở chủ nghĩa xã hội là giai đoạn phát triển cao nhất của đời sống kinh tế mà con người sáng tạo ra cho đến lúc bấy giờ.

Bên cạnh chức năng “giáo sư”, tôi là nghiên cứu sinh của Trường đại học Luân Đôn và thường sắm vai luật sư bào chữa cho người tù trong các “vụ tranh chấp” giữa nhà cầm quyền và tù nhân. Đã có lúc tôi chợt nghĩ phải chi nhà tù gắn cho tôi cái biển trước xà lim biệt giam: Văn phòng Luật sư Nelson Mandela! Tất cả tù nhân các trại đều đến “mời” tôi làm thầy cãi cho họ!

Theo luật pháp của Nhà nước Apartheid Nam Phi thì người tù không chỉ bị tước mọi quyền tự do ngoài đời mà cả trong tù. Không chỉ có thế. Cái nhà nước kì quặc này còn quy định mọi bị cáo trước tòa đều không có quyền có đại diện về pháp lý. Chính sách của thú dữ này đã ném hàng vạn người Phi vào nhà giam khỏi cần xét xử. Nếu có ai đó kiên quyết đòi quyền có luật sư bào chữa thì không bao giờ họ có tiền trả chi phí cho luật sư bất kể họ “cãi” được hay thua! Rất nhiều người khi vào tù, bị đày ra đảo Robben Island mới có luật sư bào chữa vô tư và thường là thắng trong các phiên xử trong nhà tù. Được chứng kiến phút vui mừng đến chảy nước mắt của người tù khi thắng kiện trong nhà lao, lòng tôi vừa mừng vui vừa đau thất.

Sức ép từ nhà cầm quyền lên Winie không giảm. Năm 1972, cảnh sát khám nhà, phá cửa, bắn vỡ cửa kính. Năm 1974, người ta buộc tội hành vi vi phạm luật cấm cố vốn chỉ cho phép nàng gặp các con và bác sĩ chữa bệnh. Winnie bị kết án 6 tháng tù vì “những tội danh” vi phạm này. Nhà tù đã không thể bẻ gãy ý chí mà thậm chí còn tăng quyết tâm cho nàng dấn thân vào cuộc đấu tranh cho tự do mạnh mẽ hơn, kiên quyết hơn.

Năm 1975, sau khi Winnie mãn hạn tù, chúng tôi lại có dịp gửi thư trao đổi nhiều việc với nhau. Tôi bàn với nàng nhờ luật sư can thiệp để tôi có thể gặp con gái Zindzi. Theo quy định của nhà nước Apartheid, trẻ em từ 2 tháng đến 16 tuổi không được thăm người thân trong nhà tù. Khi bị đày ra đảo Robben Island, hai con tôi đều nằm trong độ tuổi cấm này. Thật trớ trêu khi nhà nước Apartheid giải thích “lòng nhân đạo” của họ khi quyết định hạn chế tuổi thăm tù, rằng làm như vậy là để bảo vệ trẻ em trước sự thương tổn về tâm lý! Người ta đâu cần biết

người tù sẽ đau khổ biết chừng nào khi không được một thông tin nào về những đứa con ruột thịt của mình trong nhiều năm trời.

Năm 1975, Zindzi tròn 15 tuổi. Winnie đã sửa giấy khai sinh của cháu thành 16 tuổi để cháu có thể đến thăm tôi trên đảo Robben Island.

Zindzi dự định đến đảo trong tháng chạp. Hai tuần trước đó mẹ vợ tôi đến Robben Island thăm con rề trên đảo tù. Khi đối diện với mẹ trong “phòng khách”, tôi khoe với bà: “Mẹ biết không, Zindzi sắp đến thăm con đây, con hồi hộp lắm!”. Là giáo viên, bà nhìn tôi đầy vẻ ngạc nhiên: “Không đâu. Zindzi mới 15 tuổi, nó chưa được phép đến thăm con!”

Tôi nhận ra ngay tức khắc là chưa ai kể cho bà về “nước cờ” của chúng tôi. Đằng sau lưng bà và tôi là hai lính canh. Tôi không có cách nào khác là lờ đi lời ghi chú của bà, chỉ đánh trống lảng bằng một câu băng quơ chẳng có ý nghĩa gì.

Nhưng mẹ vợ tôi là người sâu sắc, không để cho một câu chảm lửng: “Này Mkonisanisy, con nhầm lẫn quá rồi đấy. Zindzi mới 15 tuổi kia mà!”. Bà dùng từ Mkonyanisi - từ âu yếm của ngôn ngữ Xhosa - nói với con rề, đã làm tôi xúc động sâu sắc. Tôi mở to hai mắt ra hiệu và chắc hẳn bà hiểu được tín hiệu ấy, vì sau đó bà không nói thêm một lời nào nữa về Zindzi.

Tôi chưa gặp lại Zindzi từ lúc cháu mới lên ba tuổi. Cháu hẳn là chỉ có thể biết bố qua những tấm ảnh chứ không thể có những kỷ niệm nào khác. Sáng hôm đó tôi mặc chiếc sơ mi mới nhất, làm bộ mặt tươi vui hơn lúc nào. Tôi ngượng với ngay chính mình. Có điều tôi không muốn là một ông lão trước mắt con gái.

Trước mắt tôi là hai người phụ nữ. Winnie, vợ tôi, vẫn xinh đẹp như xưa. Bên cạnh nàng là một cô gái khỏe mạnh, cũng đẹp lộng lẫy như mẹ. Tôi cảm ơn Winnie đã cho tôi có được hạnh phúc tốt cùng này.

Thoạt đầu Zindzi hơi rụt rè. Tôi nghĩ rằng quả thật không đơn giản đối với Zindzi khi đến với người cha mà mình chưa một lần trò chuyện, chỉ nói những lời yêu thương từ khoảng cách nghìn trùng trên trang giấy, một người cha dường như không thuộc về các con mà là của nhân dân. Trong độ sâu ở nơi nào có trong tâm hồn, có thể Zindzi đang phải đấu tranh với suy nghĩ và dằn vặt của chính mình để thu hình ảnh cha vào tâm khảm, con người đã biệt lập trong những năm tuổi thơ và tuổi niên thiếu của mình. Tôi nhìn ra ngay tức khắc nghị lực của Zindzi trong ánh mắt và trong cơ thể khỏe mạnh cân đối của con, y hệt như Winnie thời nàng tuổi trăng tròn. Tôi hiểu nội tâm Zindzi đang nổi sóng. Về phần mình, tôi cố gắng làm tất cả để cho không khí không quá căng thẳng. Khi Zindzi tiến về phía mình, tôi hỏi: “Con đã thấy đội quân danh dự của cha chưa?”. Vừa nói tôi vừa đưa tay chỉ những anh lính canh nhan nhản trong hành lang, trong phòng. Tôi hỏi con về cuộc sống, về học hành, về bạn bè cùng trang lứa và tôi đưa con về những ngày đáng ghi nhớ trong gia đình ấm cúng của chúng tôi mà không chắc con tôi còn lưu giữ được trong bộ nhớ trẻ thơ của mình. Tôi kể cho con về những kỷ niệm không thể nào quên, ấy là vào các ngày chủ nhật, khi tôi dùng hai đầu gối nâng cháu lên

cao và cháu cười như nắc nẻ, trong khi mẹ rán bánh trong bếp... Qua cửa kính của “phòng khách” nhà tù, tôi thấy Zindzi cố ghìm giữ những giọt nước mắt khi nghe tôi kể.

Một tháng sau cuộc gặp mặt với vợ và con gái tôi, Winnie lại làm giấy đề nghị ra thăm tôi. Nhà cầm quyền từ chối với lý do bí ối: Tôi không muốn tiếp nàg! Tôi lập tức yêu cầu cuộc gặp với giám đốc nhà tù để phản ối sự xảo trá này. Giám đốc nhà tù lúc ấy là Prins. Ông ta không thể gọi là người có văn hóa. Khi gặp y, tôi nói bình tĩnh, không biểu lộ cảm xúc nào, nhưng tuyên bố không chấp nhận tình trạng hiện nay và yêu cầu để vợ tôi đến thăm.

Hắn dường như không chú ý nghe tôi nói. Khi tôi kết thúc, y nói: “Ấy, Mandela, vợ ông chỉ làm to chuyện để tuyên truyền thôi à!”. Tôi nói với Prins rằng tôi coi những lời ông ta nói là trò bịp. Trước khi tôi quay gót, y lăm bắm một câu xúc phạm Winnie và tôi đã mất tự chủ. Tôi quay lại một cách dứt khoát làm Prins hoảng sợ. Hắn tránh giạt lùi. Ngay lúc ấy tôi đã lại có thể tự chủ được mình. Lẽ ra cho hắn một quả đấm vào giữa mặt khi tay tôi đã nắm chặt và mạch đập rộn ràng thì tôi lại dùng lời để nói với hắn. Chửi bới và nhục mạ bằng lời không thuộc nguyên tắc của chính mình. Tôi nói rằng y là người ít liêm sĩ, không có tự trọng và nếu y lặp lại những lời thô bỉ như hôm nay thì tôi sẽ không tha thứ được nữa. Nói xong câu đó, tôi nhanh chóng bước khỏi phòng. Tôi thấy Kathy và Daniels nhưng đã không chào họ và chẳng nói lời nào với họ, nhanh chóng trở về xà lim. Sự thật là tôi đã khóa mồm Prins, nhưng chính y đã thành công khi chủ ý làm cho tôi mất tự chủ, như vậy trong mắt y tôi đã bị điểm trừ, còn kẻ thù thì được điểm cộng.

Tổ chức lễ sinh nhật trong tù là việc khó khăn. Thay cho quà sinh nhật, chúng tôi gom các suất ăn lại. Đứa có sinh nhật được thêm một miếng bánh mì hoặc một ly cà phê. Filike Bam và tôi sinh ngày 18/7. Hồi Noel, tôi giữ lại một số bánh bích quy cho ngày vui này với bạn tù. Năm 1975, tôi được 57 tuổi. Hôm đó có mặt Walter và Kathy. Hai anh “đệ trình” một kế hoạch được chuẩn bị từ lâu: chuẩn bị cho ngày sinh lần thứ 60 của tôi bằng một “sự kiện thật có ý nghĩa”.

Chúng tôi vẫn thường trao ối với nhau làm cách nào để giới thiệu cho đông đảo quần chúng hiểu về cuộc sống đấu tranh gian khổ nhưng vô cùng hào hứng của các chiến sĩ ANC nhằm động viên, khích lệ nhân dân dấy lên phong trào cách mạng vì tự do, dân chủ cho những người nghèo khổ ở Nam Phi. Trong suốt hơn 10 năm qua, nhà cầm quyền đã dường như buộc mọi cơ quan ngôn luận có chút khách quan im lặng. Họ cấm in và công bố bất cứ lời phát biểu nào của các lãnh tụ ANC bị cầm tù hoặc bị quản chế. Tổng biên tập nào đăng lời phát biểu của tôi phải tính đến rủi ro là vào tù bóc lịch. Walter và Kathy đã có lần nói với tôi là nên viết hồi ký để xuất bản vào dịp kỷ niệm ngày sinh lần thứ 60 của tôi. Đó là ngày 18/7/1978. Walter nói rằng một câu chuyện lịch sử chân thực như thế được viết dưới dạng hồi ký văn học sẽ nhắc nhở mọi người hiểu vì sao chúng tôi chiến đấu

và sẽ còn tiếp tục chiến đấu tới cùng. Anh nói thêm rằng đó sẽ là nguồn động viên khích lệ đặc biệt đối với giới trẻ. Tôi đồng tình với suy nghĩ của các anh. Tôi đã hứa với các anh sẽ bắt tay vào công việc có ý nghĩa này.

Những gì tôi đã quyết thì thường bắt tay ngay việc thực hiện. Tôi buộc phải làm công việc này vào ban đêm, ban ngày ngủ. Hai tuần đầu tôi ngủ gà ngủ gật một vài giờ, rồi bắt đầu viết từ 10 giờ tối đến sáng hôm sau. Sau khi ở mỏ đá về tôi ngủ liền đến bữa tối, sau đó viết và viết. Sau vài ba tuần, tôi báo cho giám trại sức khỏe kém sút và sẽ không làm việc ở mỏ đá nữa. Họ không mấy quan tâm đến chuyện này và từ đó tôi ngủ suốt ngày để làm việc thâu đêm.

Chúng tôi thành lập một giây chuyền xử lý bản thảo. Sau mỗi đêm tôi giao những trang viết cho Kathy. Anh đọc lại và cùng Walter ghi chú những bổ sung bên lề. Sau đó bản thảo được chuyển cho Chiba. Anh ghi lại toàn bộ những trang viết bằng chữ li ti mà chỉ mình anh viết được. Cứ 10 trang bản thảo của tôi thì Chiba chỉ viết lên đúng một trang. Mac có nhiệm vụ chuyển bản thảo Chiba đã thu nhỏ này ra ngoài.

Bọn canh ngục nghi ngờ. Chúng đến chỗ Mac, hỏi: “Mandela làm gì suốt đêm vậy? Vì sao ông ta không ngủ mà cứ thức chong chong thế?” Mac chỉ lắc vai nói rằng mình làm sao biết được. Tôi viết rất nhanh. Sau bốn tháng bản thảo đã xong. Vì viết nhanh cho nên có lúc tôi không chú ý đến câu, chữ. Tôi viết về buổi thiếu thời cho đến vụ án Rivonia. Sau đoạn cuối cùng là một số ghi chú về đảo Robben Island.

Khi đắm mình trên những trang giấy, quăng đời thơ ấu ở Qunu sống dậy, dâng trào trong lòng tôi, sự hồi hộp và pha chút lo lắng, sợ hãi khi đến Johannesburg lần đầu tiên, những bồn chồn có khi mất phương hướng trong đoàn Thanh niên, những sự đình hoãn như vô cùng vô tận của phiên tòa xử “tội phản quốc”, rồi vở bi kịch Rivonia. Tất cả như một cuốn phim tài liệu trước mắt tôi, rõ mồn một và tôi chỉ còn mỗi việc ghi chúng lên những trang giấy trắng.

Mac giấu những trang viết li ti trong những cuốn sách bìa cứng vốn sử dụng cho việc học hàm thụ. Toàn bộ bản thảo Mac bảo toàn trọn vẹn và mang về đất liền vào năm 1976 sau khi anh mãn hạn tù mà kẻ thù không hề hay biết. Chúng tôi thỏa thuận với nhau rằng khi Mac báo tin bản thảo đã được đưa an toàn ra ngoài thì chúng tôi sẽ hủy bỏ bản gốc. Trong khi chờ tin tức của Mac, chúng tôi phải cất giấu 500 trang bản thảo viết tay, bằng cách cuộn trong ống nhựa và chôn dưới sân nhà tù, ngay sát tường rào.

Vài tuần sau, trước lúc bình minh, tôi bỗng nghe tiếng cuộc đào đất trên sân nhà tù. Tôi giật mình nghĩ đến những trang bản thảo ấy. Khi được phép đi rửa mặt, tôi đi về cuối hành lang và từ đó nhìn ra phía góc sân, nơi mấy người tù thường phạm đang hì hục đào. Họ đào đúng ở khu vực chúng tôi cất giấu bản thảo. Thì ra người ta quyết định xây bức tường cao ngăn khu vực tù chính trị và tù

thường phạm để ngăn cản anh em tù chính trị trò chuyện với bạn tù thường phạm. Tôi đã kịp ra hiệu báo cho Kathy và Walter biết chuyện không may này.

Buổi chiều sau khi ở mỏ về, tôi không đến phòng tắm rửa như thường lệ mà đi thẳng đến khu cuối sân tù. Những gì diễn ra đã làm tôi bối rối. Họ đã phát hiện ra “tài liệu mật”.

Sáng tinh mơ hôm sau, người ta gọi tôi lên văn phòng nhà tù. Một viên chức cao cấp của nhà tù vừa từ Pretoria đến nói ngay mà chẳng cần chào hỏi gì: “Mandela, chúng tôi đã thu được những trang bản thảo của ông.”

Tôi không trả lời. Người ấy mở ngăn kéo và lấy tập giấy dày cộm để lên bàn.

- Bản thảo của ông phải không nào? Tôi vẫn im lặng.

- Chúng tôi biết chắc chắn đó là những trang viết của ông.

- Các ông phải có chứng cứ chứ!

Họ cười vẻ chế nhạo và nói rằng họ nhận ra những ghi chú bên lề những trang bản thảo là của Walter Sisulu và Kathy Ahmed. Tôi lại đòi chứng cứ quả thật người ta định buộc tội tôi.

- Chúng ta không cần chứng cứ bởi vì đã nắm tất cả trong tay rồi.

Ngày hôm đó người ta chưa công bố hình phạt nào, nhưng ngay ngày hôm sau chúng tôi bị dẫn đến gặp tướng Rue, Phó cục trưởng cục quản lý nhà tù Nam Phi. Ông ta tuyên bố rằng chúng tôi đã lạm dụng những điều kiện “ưu đãi” của nhà nước cho tù nhân học hành, để viết những trang kích động chống đối bất hợp pháp. Do tội danh này quyền học hàm thụ của chúng tôi bị xóa bỏ vô thời hạn. Về sau tôi tính là hình phạt này kéo dài tới 4 năm.

Tháng chạp, khi Mac được trả lại tự do khi mãn hạn tù, anh đã mang được tất cả những trang bản thảo chữ li ti về đất liền. Sau đó bản thảo này được chuyển sang Luân Đôn trong khi anh phải ngồi trong nhà do bị “phong tỏa tại gia” suốt sáu tháng trời. Sau đó Mac đã tìm đường ra nước ngoài và đến Luân Đôn. Sau tháng ở Luân Đôn đã giúp anh hoàn thành bản đánh máy bản thảo này. Mac đến Lusaka và trao cho Oliver Tambo một bản photocopy.

Tôi không biết Oliver Tambo đã sử dụng tài liệu ấy như thế nào. Chỉ biết rằng chừng nào tôi còn ngồi trong tù thì hội ký không xuất bản công khai. Nội dung của hội ký ấy là xương sống của tập hội ký này.

Năm 1976, tôi đón vị khách đặc biệt từ đất liền: Jimmy Kruger, Bộ trưởng phụ trách các vấn đề nhà tù. Ông Bộ trưởng “muốn trực tiếp tìm hiểu” tôi kỹ hơn.

Đối với tôi thì đây là cơ hội tốt để đưa ra những kiến nghị và những lời tố cáo của tu nhân. Tôi viết cho Kruger về những điều kiện tồi tệ của nhà tù trên đảo, nhấn mạnh nhiều lần cho ông ta biết chúng tôi không phải là tội phạm hình sự mà là tù chính trị và do đó phải được đối xử như tù chính trị. Nhưng ông bộ trưởng chỉ cười và nói nhất gừng: “Ồ không, tất cả các anh đều là những tên cộng sản chuyên khủng bố.”

Kruger mang ra đảo thông điệp rõ ràng: nếu tôi công nhận chính quyền Transkei là hợp hiến và sẵn sàng trở về đó thì người ta sẽ giảm án rất đáng kể cho tôi. Thế là rõ. Chủ nghĩa Apartheid đang mong muốn thực thi chính sách chia để trị trong các khu vực thuộc các bộ tộc da đen trong cả nước với việc thành lập các “quốc gia nhỏ tự trị” trong quốc gia lớn Nam Phi.

Tôi đáp lại một cách công khai rằng chính sách phân biệt chủng tộc và chính sách chia để trị tẻ hại hòng sử dụng người Phi da đen trị người Phi da đen không bao giờ nhận được sự công nhận chứ đừng nói là ủng hộ của tôi. Quê nhà tôi là Johannesburg và tôi sẽ trở lại nơi đó.

Cuối tháng sau năm ấy chúng tôi nghe tin về một cuộc nổi dậy trong nước: Thanh niên và học sinh Soweto tước vũ khí của cảnh sát, nhiều quân nhân bỏ vũ khí chạy trốn. Tháng tám, thêm những người tù mới bị đày ra Robben Island. Họ là những người chỉ huy và trực tiếp tham gia cuộc nổi dậy ở Soweto. Qua những người tù mới này, chúng tôi biết được quy mô của những sự kiện làm náo động Nam Phi.

Ngày 16/6/1976 có hơn 15.000 học sinh Soweto mít tinh tuần hành phản đối một đạo luật độc đoán của chính phủ, theo đó, hơn một nửa môn học trong nhà trường được giảng dạy bằng tiếng Afrikanns. Chính quyền không đếm xỉa gì đến ý kiến và sự phản đối của thầy giáo, phụ huynh và học sinh.

Cảnh sát vũ trang nhắm đạn vào đoàn học sinh không cần cảnh cáo. Nhiều học sinh ngã xuống, chết tại chỗ. Học sinh đã chống trả bằng gậy gộc, gạch đá và mọi phương tiện có trong tay. Cảnh sát vũ trang và quân cảnh đã nổ súng bừa bãi vào biển người, gây ra thảm cảnh trên đường phố. Hàng chục người chết, hàng trăm người bị thương nằm la liệt trên đường phố. Hai tên cảnh sát trúng đá tử thương.

Sự kiện Soweto châm ngòi cho những cuộc phản kháng dữ dội diễn ra trong toàn Nam Phi. Những cuộc truy điệu người bất hạnh đã biến thành những cuộc phản kháng, bạo lực quyết liệt. Chỉ trong vòng một ngày, thế hệ trẻ Nam Phi thấm nhuần tư tưởng phản kháng và bạo động hơn bất cứ một cuộc vận động tuyên truyền nào. Học sinh trong cả nước tẩy chay trường học. Các cán bộ ANC hòa vào số đông ủng hộ và chỉ đạo phong trào phản kháng đang bốc cao như gió cuốn. Nhà cầm quyền mị dân rút lại đạo luật và bắt đầu truy tìm những người chủ trương hòng xoa dịu phong trào sôi sục của quần chúng.

Những người trẻ tuổi bị kết án đày ra Robben Island lần này thuộc loại khác hẳn. Nhiều người trong họ là chiến sĩ MK từng được đào tạo ở Tanzania, Angola, Mozambic. Họ hăng hái và rất dũng cảm. Lập trường nhất quán của họ là đối kháng chứ nhất quyết không hợp tác.

Nhiều người hết sức ngỡ ngàng trước những điều kiện quá mức tồi tệ trong nhà tù. Họ nói với chúng tôi là họ không thể hiểu nổi vì sao chúng tôi cam chịu sống trong những điều kiện khốn nạn như vậy. Chúng tôi nói với các bạn trẻ rằng nếu các bạn biết những gì xảy ra năm 1964 trở về trước ở chính nơi này thì hẳn là

các bạn đã không nhận định như vậy. Họ không nghe theo lời kêu gọi chấp hành kỷ luật nhà tù của chúng tôi. Họ gọi những lời khuyên của chúng tôi là nực cười và hèn nhát. Trong mắt những người trẻ tuổi này, loại tù già đã thành án chúng tôi chỉ là loại xoàng. Tôi cân nhắc hoặc là bất chấp thái độ dữ dằn của họ, bỏ mặc họ đối mặt với thực tế tàn nhẫn, hoặc nghe họ, nói với họ những gì cần nói. Tôi quyết định chọn cách thứ hai, đương nhiên.

Một trong những tù nhân mới đến ban đầu chúng tôi tôi là Strini Moodley thuộc Hội sinh viên Nam Phi. Một chàng trai khác tên là Saths Cooper thuộc Liên minh Nhân dân cũng bị nhốt chung với tù cũ. Cả hai đã viết cho tôi về hoạt động và chính kiến của mình. Tôi muốn biết cái gì đã dẫn họ đến cuộc chiến đấu, những động cơ nào đưa họ vào con đường đầy gian khổ và những suy nghĩ của họ về tương lai ra sao.

Ít ngày sau khi tù mới ra đảo, viên chỉ huy đã yêu cầu tôi giúp đỡ nhà chức trách. Nhiệm vụ họ nhờ tôi là nói chuyện với những người tù trẻ biết rằng họ cần biết mình đang ngồi trong nhà tù và vì thế phải có kỷ luật, phải kềm chế. Tôi từ chối. Theo cách lập luận của họ thì họ muốn dùng tôi làm “cánh tay nối dài” của họ uy hiếp anh em tù trẻ mà không gặp rắc rối nào.

Những chàng trai trẻ này khước từ việc chấp hành nội quy của nhà tù. Một lần khi tôi và viên quản trại bước vào văn phòng của ông ta, chúng tôi đi qua một người tù trẻ.

Người này cao lăm cũng chỉ 18 tuổi, đã ném chiếc mũ của người tù xuống đất ngay trước mặt viên thiếu tá. Viên thiếu tá xẵng giọng: “Hãy nhặt chiếc mũ lên! “Người tù trẻ quay lại, đối mặt với viên thiếu tá, hỏi: “Vì sao?”.

Tôi không còn tin ở tai mình khi nghe câu trả lời bằng câu hỏi của anh bạn trẻ. Phải chăng đó là câu hỏi thật sự cách mạng dù nó chỉ vền vện hai từ: Vì sao? Viên thiếu tá cũng tỏ ra ngạc nhiên, nhưng ông ta đã có ngay câu trả lời: “Đó là nội quy của nhà tù.” Người tù trẻ hỏi tiếp: “Nội quy này để làm gì? Nó có mục đích gì?”. Chừng ấy là quá nhiều đối với viên thiếu tá. Ông ta dậm chân tại chỗ và nói to: “Mandela, ông hãy nói chuyện với anh ta!” Tôi cúi sát người bạn tù, nói khẽ vào tai anh rằng tôi đứng về phía anh.

Đó là lần tiếp xúc đầu tiên của tôi với một thành viên của Liên minh Nhân dân. Sau khi ANC, PAC và Đảng Cộng sản bị cấm hoạt động và đặt ra ngoài vòng pháp luật thì Liên minh Nhân dân ra đời lấp chỗ trống chính trị trong xã hội hiện tại. Họ bao gồm phần lớn những người trẻ tuổi. Họ xuất hiện như một thế giới quan hơn là một phong trào. Họ đại diện cho quan điểm rằng người da đen trước hết phải khắc phục tư tưởng tự ti vốn hình thành và phát triển trong 300 năm cai trị tàn bạo của thực dân da trắng. Chỉ có như thế quần chúng nhân dân mới có ý thức tự giác chiến đấu chống áp bức. Đây là một tổ chức không phân biệt màu da, chủng tộc nhưng không cộng tác với người da trắng, bất kể họ thuộc tầng lớp nào.

Những quan điểm này không hề xa lạ đối với tôi. Hơn một phần tư thế kỷ trước đây tôi đã mang trong đầu và trong tim tư tưởng này, đó là vào thời gian tôi được giao nhiệm vụ thành lập Đoàn Thanh niên của ANC. Là người châu Phi chúng tôi tự hào về xuất xứ của mình, màu da và chủng tộc của mình. Hồi ấy chúng tôi cũng từ chối sự ủng hộ của người da trắng trong cuộc chiến đấu của mình. Liên minh mới này đặt lặn những vấn đề chưa hề biến mất trong xã hội Nam Phi.

Nhưng chúng tôi đã vượt qua tầm nhìn thiên cận của Đoàn Thanh niên ANC. Những chàng trai trẻ đầy nhiệt huyết này ắt cũng phải và sẽ vượt qua được những hạn chế này. Thái độ dứt khoát của họ quả đã tăng lòng dũng cảm cho tôi. Tuy nhiên thế giới quan theo màu da của họ ắt sẽ hạn chế và thậm chí cản trở sự nghiệp của họ. Họ đang trên quá trình phát triển cho dù những suy nghĩ còn chưa đủ độ chín. Chỉ có điều đáng tiếc là Liên minh Nhân dân đã không có một chương trình hành động cụ thể và khoa học, tức là không có bộ van cho hoạt động phản kháng của mình. Nhưng chúng tôi cho rằng tổ chức này là mảnh đất màu mỡ cho ANC. Dù vậy chúng tôi không làm cái việc thuyết phục họ gia nhập ANC, bởi vì làm như vậy họ sẽ bị cô lập và trở thành xa lạ trên hòn đảo này. Vì vậy chiến lược của chúng tôi là trong cuộc đấu tranh. Anh em đã đến với chúng tôi, coi chúng tôi như chiến hữu của họ. Tôi đã trò chuyện với nhiều anh em trẻ cùng quê Transkei và được biết thêm về những tấm gương anh dũng của nhiều chiến sĩ trẻ kiên cường của quê nhà.

Nhưng cũng như trước đây, từ ngày có anh em tù trẻ mới những bất đồng quan điểm gây căng thẳng trong anh em tù giữa ANC và PAC trước đây, bây giờ thêm một “nhánh” mới. Tôi quyết định không tham gia vào các cuộc tranh luận làm cho mối quan hệ giữa ba tổ chức lâm vào căng thẳng hơn. Tôi không chỉ coi mình là người lãnh đạo của ANC trong tù, nhưng còn quan trọng hơn là người có nghĩa vụ góp phần vào sự thống nhất, người hòa giải các bất đồng, vì thế tôi không đứng vào một bên nào trong các cuộc luận chiến. Đứng về phía ANC là nghĩa vụ của tôi, nhưng tôi phải tính toán từng bước đi để cho ý kiến của mình không bị coi là “thiên vị”. Tôi có nhiệm vụ hòa giải những sự khác biệt không đáng có trong một gia đình châu Phi. Để làm được việc này một cách công tâm, không ít khi tôi phải làm cho một số thành viên ANC khó chịu. Nhiệm vụ tối cao của chúng tôi là khẳng định cuộc chiến đấu này là cuộc chiến đấu chung, chỉ có đoàn kết thống nhất mới tạo ra sức mạnh, bởi lẽ kẻ thù trực tiếp là kẻ thù chung của tất cả chúng tôi.

Trong suốt hai năm liền, chúng tôi lẫn công và đòi chấm dứt lao động khổ sai ở mỏ đá, đòi được làm các công việc có ích như nghề thủ công... Năm 1977, cuộc đấu tranh của chúng tôi mang lại kết quả tốt. Nhà cầm quyền công bố quyết định bãi bỏ chế độ lao động nặng nhọc ở mỏ đá. Từ hôm đó chúng tôi chỉ làm những việc mình ưa thích và quanh quẩn trong hành lang, sân nhà tù. Thắng lợi này là

kết quả của cuộc đấu tranh kiên trì nhiều năm của người tù và hợp logic. Từ nay chúng tôi có thể đọc, viết thư, bàn cãi và nhất là làm quen với những điều khoản của luật pháp. Tôi đã lựa chọn hai thú vui và đã thành công trong những năm bị lưu đày trên đảo: Làm vườn và chơi tennis. Đó cũng là phương pháp tự động viên đã có thể sống sót trong hoàn cảnh ngặt nghèo nhất.

Ngay từ khi mới bị đày ra đảo, tôi đã yêu cầu quản tù cho làm một cái vườn nhỏ trong khu vực nhà giam. Nhiều năm liền bọn họ từ chối và không cần giải thích lý do. Cuối cùng thì chúng cho tôi dùng dải đất hẹp cạnh tường bao để làm vườn rau của mình.

Quản trị cấp hạt giống cho tôi. Lúc đầu tôi trồng cà chua, hành, ớt. Đó là các loại rau, gia vị không cần đất màu mỡ, cũng không cần nhiều phân bón. Mùa đầu chẳng thu hoạch được bao nhiêu, nhưng tình hình được cải thiện từng năm. Những anh chàng canh tù được tôi tặng một phần thành quả lao động của mình. Dần dần tôi ý thức được rằng muốn trở thành một người lãnh đạo giỏi thì người ta phải chân lấm tay bùn hằng ngày: cuốc đất, gieo hạt, chăm bón làm cỏ, diệt sâu, tưới nước để rồi mới có mùa màng mà thu hoạch. Là người lãnh đạo anh gieo gì thì gặt thứ đó.

Tôi viết cho Winnie kể về cây cà chua tươi tốt đặc biệt khác thường do tôi ươm giống, lai tạo nhiều mùa mà có. Thời gian đầu cây trĩu quả, chín đỏ trông rất hấp dẫn. Nhưng về sau, do lỗi trong cách xử lý hay do thiếu chăm sóc nên cây cà chua héo dần và chết luôn. Tôi đã nhổ cả gốc và chôn nó sát tường bao. Tôi viết chuyện này rất tỉ mỉ cho Winnie. Tôi không biết nàng nghĩ gì về những vấn đề tôi viết trong thư. Khi đặt bút viết bức thư này, tôi ở trong tâm trạng buồn vui lẫn lộn. Tôi không muốn quan hệ của chúng tôi kết thúc như số phận cây cà chua kia, nhưng mặt khác tôi cảm nhận rằng chính tôi đã không nuôi dưỡng đúng đắn những mối quan hệ quan trọng bậc nhất của cuộc đời mình. Nhiều khi người ta không thể làm gì cả để cứu sống một cái gì đó đang đến gần cái chết.

Do không phải lao động chân tay nặng nhọc nên tôi lên cân. Thật ra hồi phải lao công ở mỏ đá chưa bao giờ chúng tôi phải vã mồ hôi. Có điều phải cuốc bộ mỗi ngày hai lần đi về trên quãng đường vừa dài vừa gập ghềnh đã tiêu hao quá nhiều năng lượng của chúng tôi.

Tôi luôn luôn tin rằng vận động thân thể không chỉ là chìa khóa tạo ra sức khỏe cho cơ thể mà còn làm cho tâm hồn yên tĩnh. Trước kia tôi từng bực mình và thất vọng trong câu lạc bộ đấm bốc khi phải đối mặt với những túi cát. Trên đảo tôi vẫn tiếp tục luyện tập môn đấm bốc, tập chạy đường trường, luyện cơ bắp theo lịch lên trước từ thứ hai đến thứ năm, sau đó nghỉ thư giãn hai hai ngày. Tôi chạy tại chỗ trong xà lim mỗi sáng 45 phút, tập nâng cơ thể lên xuống ở tư thế nằm chống hai tay xuống sàn, chống trên đầu mười ngón tay, tập đứng lên ngồi xuống 50 lần cho đến khi mỏi gối.

Từ đầu năm 1977, do không phải lao động khổ sai ở mỏ đá, chúng tôi có nhiều thì giờ cho các hoạt động thể thao. Một trong những người canh tù đề xuất ý kiến lên làm sân tennis. Chúng tôi hưởng ứng và bắt tay ngay vào công việc. Một sân tennis có “kích thước tiêu chuẩn quốc tế” và là sân đất nện hạng sang đã hình thành. Chúng tôi dùng sơn kẻ đường giới hạn rất vuông vức. Quản trại mang đến một bộ lưới và như thế là chúng tôi nhanh chóng có ngay một sân Wimbledon ngay trong sân tù.

Hồi ở Port Hare tôi đã chơi tennis, nhưng không thể gọi là người chơi giỏi. Tôi có quả vút phải khá mạnh, nhưng quả “ve” trái thì quá yếu. Tôi chọn chơi tennis không phải để trở thành hảo thủ mà là để vận động cơ thể. Đây là phương thức thay thế tốt nhất cho hai buổi cuộc bộ sớm chiều như hồi còn làm ở mỏ đá. Tôi chơi ở cuối sân, chỉ lên lưới khi có cơ hội ăn chắc.

Đối với người Phi ở tuổi ít người luyện tập thể thao. Ở trong tù người trẻ cũng ít mặn mà với trò chơi vốn là để giải trí này. Nhưng nếu không luyện tập để có sức khỏe, sức bền thì khi cơ hội đến làm sao có thể đủ sức khỏe cho công việc khó khăn đòi hỏi phải có các tố chất nhanh, mạnh và sức bền. Việc tôi luyện tập thường xuyên đã “cảm hóa” được Walter và Kathy. Các anh đã chạy mỗi ngày nhiều vòng quanh sân. Và nhất là hoạt động của tôi đã kích thích các bạn trẻ. Có người đã nói rằng nếu ông già có thể thường xuyên luyện tập như vậy thì vì sao trẻ như chúng ta lại không thể làm như vậy chứ! Phong trào “rèn luyện thân thể” ở Robben Island trở thành mẫu mực cho tất cả các nhà tù khác trong cả nước Nam Phi. Quản tù ở Robben Island ủng hộ người tù khá nhiệt tình trong hoạt động này. Họ từng muốn thi đấu với người tù. Tuy nhiên cái chủ nghĩa Apartheid cũng đã cướp đi cả những nguồn vui nho nhỏ này của họ.

Sau khi bị tước quyền được học tập do “vụ viết hồi ký” và không bị lao động khổ sai ở mỏ đá, chúng tôi có quá nhiều thời gian rỗi. Đọc sách là cách tốt nhất để không chỉ giết thời gian mà còn rất có ích. Chỉ có điều sách được gửi đến Robben Island đều bị kiểm duyệt gắt gao. Những sách nói về chủ nghĩa xã hội đương nhiên không lọt được màn lưới kiểm tra hết sức chặt chẽ và tỉ mỉ của cơ quan an ninh. Thậm chí cuốn sách nào nói đến chức chiến tranh, bất kể nội dung ra sao, cũng không được đưa lên đảo. Trừ cuốn “Chiến tranh và hòa bình” của Lev Tolstoy thì cả quản trại đến người tù đều đọc một cách thích thú. Về phần mình tôi cố tìm cách để có và đọc những tác phẩm văn học của các nhà văn Nam Phi không bị cấm, ví dụ các bộ tiểu thuyết của nữ văn sĩ Nadine Gordimer (được giải thưởng Nobel văn học - ND) và qua đó hiểu được khá nhiều nỗi niềm tâm sự của nhiều người da trắng có tư tưởng tự do. Sách Mỹ cũng thu hút sự chú ý của tôi, đặc biệt là cuốn “Chùm nho uất hận” của John Steinbeck. Ở cuốn sách này tôi nhận ra được những hình ảnh tương tự giữa sự khốn cùng của những người lao động lưu vong trong chuyện và người lao động Nam Phi kiếm sống bằng đồng lương chết đói ở nhà nước Apartheid Nam Phi này.

Cuốn sách, hay nói đúng hơn là nhân vật tôi tâm đắc nhất là Kutusov của nước Nga (trong “Chiến tranh và hòa bình” của Tolstoy). Vị tướng này không được triều đình Sa hoàng đánh giá cao. Chính ông đã đánh bại Napoleon là bởi lẽ ông đã không nghe theo những ý kiến bàn lùi của các “nhà thông thái” trong triều đình vốn không có mấy giá trị về mặt chiến thuật và chiến lược. Kutusov chỉ dựa vào những quyết định căn cứ vào sự uyên bác của ông và của nhân dân nước ông. Điều này nhắc nhở tôi không chỉ một lần rằng người ta chỉ có thể lãnh đạo, dẫn dắt một dân tộc khi hiểu được tâm sự, nguyện vọng, ý chí, nghị lực và sức mạnh của nhân dân.

Sau vụ Soweto tôi biết được Winnie đã hoạt động tích cực trong tổ chức phụ huynh học sinh nhằm giúp đỡ học sinh và gia đình các em lâm nạn trong cuộc khủng bố đẫm máu này. Nhà cầm quyền quyền tức tối trước hoạt động có hiệu quả của nàng. Chúng đã bắt và tống ngục nàng suốt năm tháng về “tội danh” bất tuân đạo luật. Tôi đã viết cho nàng và cho các con gái vào thời điểm này được gửi trong ký ức xá ở Zwaziland. Tôi động viên và khích lệ hành động dũng cảm vì nghĩa lớn của Winnie. Tôi lo lắng cho nàng nếu bị bọn cai tù hành hạ. Cuối năm đó nàng được trả tự do. Ra tù, nàng dường như đã quyết tâm hiến cả thân mình cho sự nghiệp của nhân dân da đen Nam Phi.

Tức tối trước hoạt động kiên quyết và có hiệu quả của Winnie - nàng rất được giới trẻ tín nhiệm - nhà cầm quyền đã thực thi chính sách bĩ ỏi: đày nàng đi biệt xứ tại một nơi hoang vắng trong nước Nam Phi. Bất chấp mọi đạo lý và nhân quyền, chúng đã chất đồ đạc lên xe tải và buộc nàng phải theo chúng đến nơi đày ải ấy. Đó là vùng Brandfort, cách Johannesburg 400 km về phía đông nam. Nhân dân vùng này nói ngôn ngữ Sesotho và Winnie không hiểu một từ nào. Nhận được thông tin này một cách đầy đủ từ Kathy, tôi bỗng nghĩ rằng vợ chồng chúng tôi đều chung số phận: sống và đấu tranh ngay trong những nhà tù tại quê hương mình.

Nhưng không sức mạnh tàn bạo nào có thể bẻ gãy ý chí của Winnie và Zindzi. Chỉ ít lâu sau khi đến Brandfort, nàng đã chiếm được cảm tình của người dân da đen và cả những người da trắng quanh vùng. Nàng và Zindzi đã lập nhà trẻ, tổ chức lớp học cho trẻ em nghèo, quyên góp tiền giúp đỡ người nghèo ốm đau. Hành động thiết thực đầy nhân ái của vợ và con gái tôi đã thật sự mang lại lòng tin và sự mến phục và yêu thương của nhân dân.

Năm 1978, con gái lớn của tôi kết hôn với hoàng tử Thumbumizi, con trai xứ Sobhuza. Bọn trẻ quen biết nhau hồi Zini (con gái đầu của Winnie và tôi) ở ký túc xá khi Winnie phải ngồi tù, vì còn phải thụ án trong tù, tôi đã không thể thực hiện nghĩa vụ của người cha trong ngày trọng đại của các con. Theo truyền thống văn hóa của dân tộc tôi thì bố vợ cần làm “các thủ tục” sau đây: hỏi con rể về những dự định trong tương lai để qua đó thẩm định liệu anh ta có xứng đáng trở thành vị hôn phu của con gái mình hay không. Ngoài ra người cha còn quy định “Lobola”

(tương tự như tiền cheo - ND) mà chú rể phải mang đến cho gia đình cô dâu. Bố vợ còn có nhiệm vụ đưa con gái về nhà chồng trong ngày cưới. Tôi không nghi ngờ chàng con rể tương lai của mình, song để tiếp nối truyền thống văn hóa ngàn năm của dân tộc mình, song để tiếp nối truyền thống văn hóa ngàn năm của dân tộc mình, tôi đã ủy nhiệm cho một người bạn là Georg Bizos, đại diện tôi trong những thủ tục và nghi lễ này. Tôi báo cho Georg những câu anh cần hỏi, chú ý nhất câu: Hoàng tử sẽ chăm sóc người vợ yêu quý như thế nào trong suốt cuộc đời chung sống với nhau. Ngoài ra, do Zini chưa quá 21 tuổi cho nên tôi đã phải “làm giấy cam đoan và bảo lãnh” cho con được xây dựng gia đình.

Georg viết thư cho tôi báo tin hai trẻ yêu thương nhau rất mực và chàng con rể tương lai của tôi có những dự định rất đẹp và hợp lẽ đời cho tương lai của một gia đình hạnh phúc. Người cha của con rể tôi là vua Sobhuza không chỉ là ông vua của một vùng giàu truyền thống mà còn là thành viên ANC. Georg cũng báo cho tôi khi anh thay mặt tôi đưa ra những điều kiện thử thách thì vị hoàng tử nói rằng anh là hoàng tử của dòng vua giàu truyền thống và mãi mãi xứng đáng với truyền thống đó. Đến lúc ấy, Georg mới báo cho hoàng tử biết rằng hoàng tử đã yêu và kết hôn với một công chúa dòng họ Thembu đó.

Giờ đây khi Zini đã là thành viên của hoàng tộc Swasland, Zini được hưởng nhiều, rất nhiều lợi thế. Ngay lập tức, Zini có trong tay những quyền miễn trừ về ngoại giao, nghĩa là có thể đến bất cứ vùng đất nào trên lãnh thổ Nam Phi mà không cần phải thị thực ở bất cứ cơ quan nào của chính quyền. Ngay mùa đông năm đó, Zini và chồng cùng con gái mới sinh đã ra đảo Robben Island thăm tôi. Do vị trí xã hội của hoàng tử, chúng tôi được gặp nhau trong “phòng khánh tiết” của nhà tù chứ không phải trong phòng cách ly.

Một thời khắc tuyệt vời trong đời tôi - cho dù nó diễn ra trong tù chứ không phải trong dinh một ông Vua hay ngài tổng thống. Khi hai vợ chồng Zini bước vào phòng, tôi đứng lên. Và khi nhìn thấy bố, Zini đã nhanh chóng “ném” đứa con nhỏ cho chồng và lao vào người tôi. Tôi không được ôm đứa con yêu quý vào lòng từ khi Zini bé tẹo như con của cháu bây giờ. Giờ phút ngây ngất mà tôi cứ tưởng như trong mơ hay trong một cuốn tiểu thuyết viễn tưởng đã đọc. Zini yêu quý của tôi đã trở thành một phụ nữ rắn chắc, xinh đẹp, đầy sức sống và giàu lòng nhân ái biết bao. Tôi ôm hôn con rể và đón cháu ngoại từ tay bố cháu và giữ mãi bé cưng trong lòng mình cho đến khi kết thúc buổi thăm. Một đứa trẻ mới sinh trong trắng, mát rượi trong đôi bàn tay thô nhám của ông ngoại từ gần 20 năm nay chỉ có cầm búa, cuốc, thuổng, rìu đã mang lại cho tôi cảm giác hạnh phúc tuyệt vời và niềm vui sung sướng vô hạn. Tôi tin chắc rằng không có ai trên đời này hạnh phúc hơn tôi trong cái ngày đáng ghi nhớ này, ngày tôi được bế bồng và âu yếm một thiên thần nhỏ trong tay, ngay trong nhà tù của kẻ thù mà tôi tin chắc nó chẳng có lý do gì để tồn tại lâu hơn nữa.

Chuyến thăm của các con và cháu tôi còn có một mục đích quan trọng khác: Tôi có nghĩa vụ đặt cháu một cái tên. Đó là tập tục của người Phi da đen rằng ông ngoại có vinh dự và nghĩa vụ đặt tên cho cháu. Tôi không phải suy nghĩ lâu. Tôi đặt cho cháu tên là Zaziwe - có nghĩa là HY VỌNG. Đối với tôi, tên này có ý nghĩa đặc biệt, bởi vì trong gần hai mươi năm trong nhà tù tôi chưa bao giờ mất hy vọng và từ nay hy vọng càng lớn hơn và có phần hiện thực hơn. Tôi tin chắc chắn rằng đứa trẻ này thuộc một thế hệ mới của nước Nam Phi mà chủ nghĩa Apartheid chỉ còn là một kỷ niệm xa vời dù là rất buồn. Đó không chỉ là mơ ước của tôi.

Không biết cuộc nổi dậy trong tù sau vụ Soweto hay những xáo động lớn trong gia đình, bên ngoài những bức tường nhà tù là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thần kinh của tôi trong hai năm 1977-1978. Tôi thường rơi vào tình cảnh mơ tưởng trong suốt thời gian ấy. Ở trong tù, người ta có đủ thì giờ để lục lại toàn bộ ký ức và những sự kiện diễn ra trong đời mình. Những hồi ức ấy có khi trở thành người bạn, song cũng có khi trở thành nỗi đau buồn. Nhiều đêm liền tôi đã chứng kiến những sự kiện thăng trầm của đời mình diễn ra cả từng những chi tiết nhỏ nhất. Nhưng cũng có cơn ác mộng: tôi được ra tù, không phải ở Robben Island mà là ở Johannesburg. Tôi men theo đường ngảm ngoằn nghèo ra ngoài trời đầy nắng gió. Nhưng ở đó tôi chẳng gặp ai cả. Tôi lội bộ đến Soweto trong nhiều giờ liền. Cuối cùng thì tôi về đến Orlando, số nhà 8115. Nhưng khủng khiếp quá. Đó là “ngôi nhà của ma quỷ” ư? Tôi vòng quanh nhà nhiều lần. Trong nhà không một bóng người, tất cả cửa đều mở toang, nhưng trong nhà trống vắng, lạnh lẽo như nhà mồ!

Nhưng không phải ác mộng nào về việc mình được trả lại tự do cũng đều buồn thảm cả. Năm 1976, tôi đã viết cho Winnie về một “giấc mơ đẹp”.

“Đêm 24 tháng 2 trở về nhà 8115 trong một giấc mơ và thấy có nhiều, rất nhiều người trẻ tuổi có mặt trong nhà. Họ đang khiêu vũ. Khi anh xuất hiện một cách không chờ đợi, mọi người dừng cả lại hết sức ngạc nhiên. Một vài người chào anh, những người khác rút rè, rút và các góc. Phòng ngủ cũng đông người. Em nằm trên giường nghỉ ngơi, còn Makgatho trông rất trẻ, đang ngủ trên bậc tường. Có lẽ giấc mơ này tái tạo những sự kiện diễn ra trong hai tuần lễ tháng chạp năm 1956. Hồi ấy Makgatho lên 6 tuổi, ở nhà một mình với bà ngoại (mẹ Evelyn). Lúc ấy Makgatho muốn đến ở với mẹ ở đông Orlando, nhưng vài ngày trước khi anh về thì con đến bà ngoại và ngủ ngay trên giường của anh. Anh cảm thấy trống vắng quá. Nhưng do Makgatho nằm ngay trên giường của mình cho nên sự thương nhớ, trống trải vơi đi nhiều phần.”

Có thể gọi giấc mơ này khá đẹp, nó mang lại nguồn vui nhưng cũng làm tôi đau buồn không ít. Tôi đã vắng mặt quá lâu và đã làm cho gia đình chịu nhiều ly tán, mất mát...

Đầu thập niên 70, nhà cầm quyền cho người tù nhận ảnh của người thân. Mỗi lần nhận được ảnh của Winnie và các con, tôi lưu giữ cẩn thận và làm thành

album ảnh đặc biệt. Đối với người tù, hình ảnh người thân là nguồn động viên, là sự an ủi những phút yếu mềm. Người ta có cảm giác lúc nào cũng được ở bên cạnh những người thân yêu nhất. Dường như tất cả các banh tù đều “mượn” album ảnh của tôi. Nhưng rồi album ảnh của tôi không chỉ cũ đi rất nhanh mà mỗi lần banh F và G mượn khi trả lại bao giờ cũng thiếu một vài tấm. Anh em ở đó là tù cầm cố, không được tiếp người nhà đến thăm và vì vậy họ có lấy vài ba tấm ảnh dán lên tường cho đỡ cô quạnh thì quả thật làm sao trách họ được. Tôi buộc phải bổ sung ảnh và làm lại album mới. Thỉnh thoảng có những anh em tù trẻ không chỉ “mượn” album mà còn xin ảnh. Một hôm anh bạn trẻ tù thường phạm được giao mang thức ăn cho tù chính trị, tần ngần hỏi tôi: “Mandela, ông có thể cho tôi một tấm ảnh được không?”. Tôi trả lời sẵn sàng. Anh bạn trẻ hỏi tiếp là bao giờ thì anh có tấm ảnh đã hứa. Tôi trả lời là thứ bảy sẽ gửi cho anh ta. Tần ngần một lúc, người tù trẻ bước đi, nhưng quay lại ngay và nói rất khê: “Madiba, nhưng tôi không muốn những bức ảnh các bà già mà là những người trẻ xinh đẹp trong album của ông ấy. Thí dụ Zindzi hay Zeni ấy mà! Nhớ đừng quên nhé, Madiba!”.

Năm 1978, nhà cầm quyền lại nhượng bộ thêm một lần nữa. Họ vẫn cấm đọc báo từ ngoài gửi vào và nghe radio, nhưng đã thành lập trạm truyền thanh trong nhà tù, phát đi tin tức tổng hợp trong ngày đã được ghi vào băng từ.

“Đài phát thanh” Robben Island hiển nhiên hoặc là không đưa đầy đủ thông tin cần thiết hoặc cắt xén và xuyên tạc tình hình. Thành ra những tin phát đi toàn là chuyện tốt đẹp cho chính phủ và mọi xấu xa bỉ ổi đều ở phía kẻ thù của họ. Tuy vậy trong những tin xuyên tạc ấy chúng tôi đã có thể rút ra những kết luận hợp logic và theo phán đoán của chúng tôi. Năm đó chúng tôi được tin chính xác phát đi từ “Đài phát thanh” Robben Island rằng P.W.Botha trở thành người kế nhiệm thủ tướng John Vorters. Tôi không biết nhiều về nhân vật này trừ một điều: ông ta là bộ trưởng chiến tranh thuộc phái điều hâu cực kỳ hiếu chiến, và là người cầm đầu đội quân can thiệp vào nội tình Angola năm 1975. Chúng tôi không nhận được một tín hiệu nào để có thể nói rằng Botha sẽ có những cải cách cần thiết.

Trước khi bị đồng đảng lật đổ khỏi chức thủ tướng, John Vorters đã kịp xuất bản cuốn “Tiểu sử tự thuật”. Y không giấu giếm rằng trong thế chiến thứ hai y đã phải ngồi tù vì đứng về phía tên đồ tể Hitler và ủng hộ hết lòng nước Đức phát xít. Chúng tôi đứng dưng trước việc Vorters bị hạ bệ. Chính y đã khởi xướng và tiến hành chiến dịch khủng bố và của nhân dân Nam Phi. Chúng tôi còn biết những tin tức rất đáng khích lệ mà nhà cầm quyền làm thinh: nhân dân Angola và Mozambic đã giành được độc lập từ tay thực dân Bồ Đào Nha trong năm 1975. Như vậy lịch sử đang sang trang và ủng hộ chúng tôi.

Trong “làn sóng cởi mở” này, Robben Island đã có “rap xi-nê”. Phòng chiếu là hành lang rộng nhất của nhà tù, màn ảnh là vài trái giường. Tuần nào chúng tôi cũng được “thưởng thức sản phẩm của nghệ thuật thứ bảy”. Bộ phim đầu tiên

chúng tôi được xem ở trên đảo là một phim bạo lực, nhưng là phim câm, của Hollywood. Nhưng đến khi xem phim “Nữ hoàng Cleopatra” với Burton và Liz Taylor thì tranh luận nổ ra như vỡ “rạp”. Số đông cho rằng phim này chỉ là cách làm tiền của Hollywood, bởi vì Nữ hoàng Ai Cập lại do một mỹ nhân tóc đen như quạ, mắt màu violet sẫm vai thì cho dù Liz Taylor có diễn tình cách mấy, nữ hoàng vẫn là một “mụ đàn bà lai”. Về phần mình, tôi đã từng sang Ai Cập và được chiêm ngưỡng bức tượng Cleopatra tuyệt mỹ càng thấy hai nhân vật ngoài đời và trong phim không thể hòa hợp với nhau. Tôi thích nhất là những vai diễn do Sophie Loren đóng trong phim. Nữ minh tinh Italia này nhiều năm là thần tượng của tôi.

Chúng tôi cũng được xem phim tài liệu. Bộ phim tài liệu để lại ấn tượng sâu sắc trong nói về vụ chiếc H.M.S. Prince cực kỳ hiện đại của “siêu cường trên biển” Ăng-lê bị không quân phiệt Nhật Bản nhấn chìm xuống đáy đại dương. Một trường đoạn làm tôi thật sự suy nghĩ là cảnh thủ tướng Anh Winston Churchill khóc rưng rức khi nhận được tin về tai họa khủng khiếp này. Hình ảnh này đọng lại rất lâu trong ký ức tôi, nó nhắc nhở tôi rằng một chính khách đứng đầu một quốc gia, một đảng chính trị trong khoảnh khắc nhất định nào đó có thể bày tỏ sự mềm lòng của mình mà không hề bị đánh giá là yếu hèn trong nhân dân nước mình.

“Điện ảnh Robben Island” là đầu đề của nhiều cuộc thảo luận sôi nổi trong người tù. Ý kiến sôi động nhất là “bà hoàng Mỹ” trong phim “Cleopatra”. Người tù thống nhất ý kiến rằng một phụ nữ mũi lõ, tóc nhuộm đen, mắt màu tím đồng nghĩa với việc bỏ qua sự thật lịch sử. Cho dù có làm như vậy đi nữa thì cũng không ai chấp nhận Cleopatra là một người Mỹ! Bộ phim “Hoàng đế và tôi” rất được người tù hoan nghênh, bởi lẽ bộ phim đề cập cuộc tranh chấp giữa Tây và Đông như các tác giả phim bộc lộ ý tưởng rất rõ ràng Tây còn học Đông rất nhiều điều.

Phim Nam Phi trái lại làm cho người tù sáng khoái khi họ gặp lại những nghệ sĩ cùng màu da mà nhiều người đã từng quen biết trước khi bị đày ra đảo. Những tiếng cười rộ lên làm người ta quên đi tình cảnh mất tự do của mình khi người tù nhận ra người quen trên màn ảnh.

Robben Island dường như ngày càng “mở cửa”, tuy nhiên không hề có triệu chứng nhà cầm quyền thay đổi quan điểm của họ. Dù vậy, chưa bao giờ tôi nghi ngờ rằng sẽ có ngày mình được tự do. Tôi tin rằng thế giới đang đứng về phía chúng tôi, lánh xa kẻ thù của chúng tôi.

Phải mất 15 năm sau người tù các sắc tộc: người Phi da đen, người Phi gốc Ấn, tù nhân da trắng, được ăn cùng một loại thức ăn, dù là cơm tù. Nhưng sự bình đẳng bị trì hoãn có nghĩa là sự từ chối bình đẳng và một cuộc cải cách ỳ ạch, trì trệ quả thật không có gì để chào mừng. Lẽ ra người tù da đen phải được lĩnh suất ăn như những bạn tù màu da khác thì nhà cầm quyền đã không làm việc cần làm

là tăng khẩu phần cho tù nhân da đen mà họ đã cắt xén, mà lại làm việc ngược đời: cắt xén suất ăn của tù nhân các sắc tộc khác và chia đều phần còn lại ít ỏi cho tất cả mọi người. Việc làm của nhà cầm quyền là vô ích, chẳng mang ý nghĩa thực tiễn nào, chia đều cho nhau. Suất ăn hai năm nay được cải thiện khá, nhưng đó không phải do “thiện chí” của nhà cầm quyền. Sau sự kiện Soweto chế độ Apartheid biến Robben Island thành đảo tù của “mọi tội phạm da đen” tách rời hoàn toàn khỏi sinh hoạt xã hội. Người tù da đen ngày một nhiều và họ “chiếm chỗ” của các sắc tộc khác. Người Phi gốc Ấn, người tù da trắng lần lượt vắng bóng trên đảo. Do người tù quá đông và do người tù các sắc tộc khác “phải” nhường chỗ cho tù da đen, bếp ăn của đảo tù thiếu người nghiêm trọng. Thế là tù chính trị trở thành đầu bếp. Chính tù chính trị đã cải thiện bữa ăn cho người tù chỉ vì họ không ăn bót, ăn cấp suất ăn vốn đã quá đạm bạc của người tù như trước đó bọn lính canh, bọn đầu bếp da trắng đã ăn cấp một cách tàn bạo. Cho đến lúc này, chúng tôi mới biết rằng người ta móc túi và ăn chặn của người tù từng muống đường, ẩm trà, ly cà phê và chút mỡ vốn đã quá ít ỏi.

Năm 1979, trong khi chơi tennis, vì gắng sức theo quả bóng, tôi đã bị thương ở gót chân. Bác sĩ trên đảo kết luận: tôi phải được đưa về Kapstadt để một chuyên gia giỏi khám và điều trị. Vào thời điểm này, chính quyền đặc biệt quan tâm đến sức khỏe của chúng tôi. Họ sợ mất mặt khi tù nhân chết trong tù.

Đến Kapstadt khám bệnh đối với người bình thường chẳng có gì phải nói. Đằng này tôi bị cùm tay, bị nhét vào góc sàn tàu và có tới năm tên lính canh gác nghiêm ngặt. Biển hôm đó động và mỗi con sóng làm cho con tàu chòng chành rồi mắc cạn khi va vào đá ngầm ở chính giữa khoảng cách từ đảo vào bờ. Con tàu có nguy cơ chìm. Ngồi ở phía sau hai tên lính canh cỡ tuổi con út mình, tôi hoạch định sẽ nhanh chóng đoạt chiếc phao bơi. Tôi tự nhủ: “Nếu chiếc tàu này chìm thì chắc chắn tôi phải phạm tội lỗi cuối cùng trên hành tinh, tức là phải khử hai thằng lính canh để đoạt chiếc phao bơi.” May thay, mọi chuyện không đến mức quá bi thảm như vậy.

Trên cảng đã có một bọn lính và một nhóm người chờ sẵn. Xuất hiện trước những con mắt tò mò trong tư thế của người tù phải còng tay là một sự nhục nhã cho những chiến sĩ chúng tôi. Tôi cố thu mình cho nhỏ lại và hòa vào bóng những tên canh sát mà vẫn không thể nào trốn được trước những con mắt của những có mặt.

Một chuyên gia phẫu thuật khám cho tôi. Ông hỏi liệu có phải trước kia tôi từng bị chấn thương ở gót chân. Ông ấy có lý. Tôi từng bị thương nơi gót chân hồi ở Fort Hare, trong một trận đá bóng khi va chạm với một cầu thủ đối phương. Lần ấy tôi được đưa vào bệnh viện quận và lần đầu tiên đối diện với một bác sĩ. Nơi tôi sinh ra và lớn lên không hề có bệnh viện, bởi lẽ không có bác sĩ da đen. Còn như việc đến chữa bệnh ở một bác sĩ da trắng là điều không tưởng đối với người Phi da đen chúng tôi. Ông bác sĩ ở Fort Hare nói rằng ông phải mổ gót chân cho

tôi. Tôi lo lắng cho vết thương mà ông bác sĩ đã chẩn đoán lâm sàng, song cương quyết từ chối giải phẫu. Vào thời đó, tôi cho là không phải đàn ông nếu phải nhờ đến bàn tay thấy thuốc. Ông bác sĩ từ chối khi nói với tôi những câu nhẹ nhàng: “Tùy ông. Nhưng khi có tuổi vết thương này sẽ lại hành hạ ông đấy”.

Bác sĩ bệnh viện Kapstadt chiếu điện và phát hiện xương gót chân của tôi bị vỡ. Hậu quả từ lần bị thương ở Fort Hare mà tôi đã khước từ việc chữa trị. Bác sĩ nói rằng ông sẽ cho gypsie cục bộ và sẽ lấy những mảnh xương vỡ ra để khắc phục cơn đau của tôi. Tôi đồng ý. Cuộc tiểu phẫu diễn ra chóng vánh. Bác sĩ hướng dẫn tôi cách chăm sóc gót chân trong thời gian tiếp theo ở Kapstadt. Tổ trưởng tổ lính canh bỗng ngắt lời bác sĩ, nói rằng tôi phải trở lại Robben Island ngay. Bác sĩ bực ra mặt, dằn giọng: “Mr. Mandela phải được lưu lại bệnh viện. Tôi không bao giờ cho bệnh nhân xuất viện một cách vô lý như thế.”. Lời nói với vẻ cương quyết của bác sĩ đã làm viên lính canh im lặng. Đêm đầu tiên trong đời tôi tại một bệnh viện chính quy diễn ra tốt đẹp, rất dễ chịu. Y tá, hộ lý chăm sóc tận tình, nhẹ nhàng. Tôi đã ngủ nhiều giờ trong sự yên bình. Sáng sớm hôm sau, nhiều y tá đến, họ bảo tôi thay bộ pijama và dùng thêm áo khoác dài mà họ mang theo đủ bộ. Họ nói rằng khi ra viện tôi có quyền mang theo những bộ đồ này. Tôi cảm ơn họ và nói rằng nếu tôi mang theo những quần áo đẹp ấy thì bạn tù sẽ rất vui lòng.

Chuyến trở về Kapstadt bất đắc dĩ đã cho tôi hiểu được nhiều điều. Trước hết là quan hệ căng thẳng giả tạo giữa người da đen và da trắng băng giá nhiều năm nay đang có triệu chứng tan dần. Bác sĩ và y tá, hộ lý da trắng đã chăm sóc tôi tận tình như thể suốt đời họ đã từng làm công việc bình thường ấy với bệnh nhân bất kể là da trắng hay da đen. Điều này thật mới mẻ đối với tôi, một tín hiệu đáng mừng, rất khích lệ. Nó khẳng định một lần nữa nhận định của tôi, lòng tin của tôi rằng sự bùng nổ và cách tuyên truyền xuyên tạc những kẻ có chức quyền không thể bùng nổ được sự thật. Họ ở đây là những người làm khoa học và trong khoa học thì không có chỗ cho nạn phân biệt chủng tộc.

Từ năm 1980, chúng tôi đã được đọc báo. Nhiều tờ báo khi đến đảo đã bị kiểm duyệt cắt xén từng đoạn dài trước khi đến tay người tù.

Một bài báo mà chắc chắn tôi không bao giờ được phép đọc, in trên tờ Johannesburg Sunday Post. Tựa đề bài in to, đậm: “FREE MANDELA!” (Giải phóng Mandela!) Tờ báo in cột phiếu trưng cầu ý kiến bạn đọc. Với mục này bạn đọc có thể cắt ra, ký tên mình vào, gửi về tòa soạn đòi trả tự do cho Mandela và bạn tù chính trị của ông. Báo chí cho đến lúc ấy vẫn bị cấm không được đăng ảnh tôi, những lời phát biểu của tôi. Nhưng chiến dịch của tờ Bru điện chủ nhật này gây ra làn sóng thảo luận sôi nổi, đòi trả lại tự do cho tôi.

Ý tưởng này do Oliver Tambo và lãnh đạo ANC ở Lusaka đề xuất và đó là nền tảng của một chiến lược mới thu hút sự chú ý đặc biệt của đông đảo quần chúng tìm hiểu và ủng hộ sự nghiệp cao cả của chúng tôi như một nghĩa vụ của họ. ANC

quyết định phát động chiến dịch đòi tự do cho cán bộ của mình đang bị đầy ải, cầm tù, nêu tên đích danh chứ không nói chung chung nữa. Hàng triệu người Nam Phi và hàng chục triệu người yêu công lý trên thế giới khi gia nhập hàng ngũ những người đấu tranh cho tự do của các chiến sĩ yêu nước Nam Phi không biết Mandela là ai. Điều đó không quan trọng. Cái quan trọng nhất là tiếng nói của số đông đã có trọng lượng đáng kể. Ở Luân Đôn, khi phóng viên hỏi một số sinh viên về “Free Mandela” là gì, có người đã trả lời Free là tên và Mandela và họ của tôi. Điều này không quan trọng. Cái đáng quý và đáng trân trọng là lực lượng trẻ này đã đi đầu trong phong trào “Free Mandela”.

Một năm trước đó, Ấn Độ đã trao tôi giải thưởng Jawaharlal Nehru và học vị danh dự. Điều này chứng tỏ thế giới đã không bỏ mặc những người Phi da đen ở Nam Phi. Đương nhiên nhà cầm quyền Nam Phi của bọn Apartheid đã không cấp hộ chiếu cho Winnie và tôi sang Ấn Độ dự lễ trao giải. Chúng tôi có cảm tưởng rằng ANC đã xuất hiện trở lại trên chính trường Nam Phi với những sức mạnh mới. Các đơn vị MK tăng cường hoạt động và hoạt động có hiệu quả. Chính quyền Nam Phi lúng túng khi nhiều cơ sở quân sự và kinh tế bị tiến công dồn dập. Tướng Malan, bộ trưởng quốc phòng của Botha, tuyên bố tổng động viên các lực lượng vũ trang nhằm “tiến hành cuộc chiến tranh tổng lực” chống lại phong trào giải phóng của các lực lượng yêu nước Nam Phi.

Sinh viên Luân Đôn bầu tôi làm thủ lĩnh danh dự của Hội sinh viên thủ đô nước Anh. Cuộc bầu cử công khai được tổ chức ở các trường đại học. Tôi được 7199 phiếu bầu, vượt xa số phiếu của công chúa Anne và nghệ sĩ bậc thầy Jack Jones. Trong một bức thư gửi Winnie thân yêu đang bị lưu đầy ở Brandfort, tôi viết rằng trong khoảnh khắc của sự tôn vinh này, ngôi lều tồi tàn của nàng trong phút chốc trở thành cung điện và những căn phòng chật hẹp, tối tăm bỗng chan hòa ánh sáng, rộng thênh thang hơn cả những phòng khánh tiết sang trọng trong cung điện Windsor !

Chúng tôi từng dự báo thập niên 70 sẽ là thập niên bắt đầu thời kỳ dân chủ hóa trên mảnh đất đau thương khôn cùng Nam Phi. Nhưng chúng tôi đã phải chờ thêm hơn một thập niên nữa. Trong những ngày sôi sục ấy, tôi thường dạo chơi trong sân tù nhiều hơn. Và tất cả các sinh vật, cây cỏ tôi gặp trên từng bước đi dường như cũng mỉm cười với tôi và tỏa sáng hơn, tươi vui hơn dưới nắng mặt trời. Và nếu như ở cái góc tận cùng của thế giới này, nơi đã và đang hành hạ hàng vạn con người vô tội chỉ tâm niệm và hy sinh cả cuộc đời mình cho tự do và phẩm giá của con người mà vẫn có những nét đẹp đáng yêu thì tôi biết rất rõ rằng nhân dân tôi và cá nhân mình nhất định có ngày sẽ giành được tự do.

Sau giờ dạo bách bộ trong tâm trạng nhẹ nhàng, tôi trở về xà lim. Chỉ vài phút sau, chúa đảo và một loạt quan chức nhà tù xuất hiện. Họ đến thăm tôi ngay tại xà lim. Đây là hiện tượng có thể gọi là dị thường. Chưa bao giờ chúa đảo đến xà lim

“thăm” tù. Khi họ đến, tôi đứng lên và quả thật viên sĩ quan chỉ huy bước vào xà lim của tôi. Xà lim không đủ chỗ cho hai thân xác “kênh cang” của tôi và ông ta.

- Mandela, tôi muốn ông soạn sửa đồ đạc cá nhân của mình.

- Vì sao, để làm gì?

- Chúng tôi chuyển ông đi nơi khác.

- Đến đâu?

- Tôi không thể nói điều đó với ông được.

Tôi yêu cầu phải được biết sự thật và lý do vì sao phải chuyển đi. Ông ta tuyên bố rằng mình nhận được lệnh từ Pretoria chuyển tôi khỏi đảo Robben Island. Sau đó chúa đảo đến xà lim Walter Sisulu, Raymond Mhlalta và Andrew Mlangeni với lệnh tương tự.

Tôi hơi rối trí và không yên lòng. Điều này có nghĩa gì? Người ta sẽ đưa chúng tôi đến đâu? Ở trong tù nếu nhận một mệnh lệnh thì người ta chỉ có thể làm một việc là hỏi và từ chối tình hình hành mệnh lệnh, song cuối cùng thì vẫn cứ phải chấp hành. Không có sự báo trước, cũng chẳng có sự cảnh cáo căng thẳng nào. Tôi đã bị lưu đày 18 năm ở đảo và giờ đây tôi phải nhanh chóng rời Robben Island?

Người ta đưa cho mỗi chúng tôi một số hộp carton để cho đồ đạc cá nhân vào đó. Tất cả những “tài sản chẳng đáng giá một đồng chĩnh” gom góp, cất giữ gần hai mươi năm ròng chỉ đủ bỏ vào vài chiếc hộp carton. Chưa hết nửa giờ chúng tôi đã làm xong công việc này.

Ngoài hành lang nhón nháo hẳn lên khi nhiều người biết tin chúng tôi sẽ rời đảo. Nhưng chúng tôi đã không có thì giờ để chia tay với những người anh em từng chung lưng đấu cật hàng chục năm trời. Nhà cầm quyền không bao giờ hiểu được tình bạn, tình anh em còn hơn cả ruột thịt của người chung cảnh ngộ trong chốn địa ngục trần gian này.

Vài phút sau, chúng tôi đã ngồi trên chiếc phà hướng mũi về Kapstadt. Trong ánh sáng lung linh của nước biển phản chiếu ánh nắng mặt trời, tôi quay lại, hướng ánh mắt về phía đảo mà không thể biết liệu có còn dịp trở lại nơi đây ấp kỷ niệm này nữa không. Người ta sẽ quên với tất cả và tôi đã gắn bó với Robben Island như một góc của quê hương thân thương. Tôi sống gần hai mươi năm ở đó và tôi đã có những ngày, những tháng, những năm êm dịu trên hòn đảo thô nhám này. Tôi thường khó nhận ra được những đổi thay của cảnh vật. Và khi rời Robben Island, tôi không thấy nó khác gì so với trước đó 18 năm, mặc dù tôi đã phải trải qua những gì còn hơn cả sự khốn đốn. Tôi không biết điều gì đang chờ đợi mình.

Đến cảng, tôi đã kịp hỏi một lính canh đã đợi sẵn. Anh nói: “Các ông được chuyển đến nhà tù Pollsmoor”.

Tự do

Nhà tù Pollsmoor thuộc loại được canh phòng cẩn mật nhất Nam Phi, nằm trong khu người da trắng có phong cảnh đẹp của thành phố Kapstadt. Ở Pollsmoor, lần đầu tiên ngồi sau những bức tường bê tông cốt sắt cao quá đầu người, chúng tôi chẳng nhìn thấy gì ngoài “bức tường xanh khổng lồ” như nhà văn Oscar Wildes đã mô tả trong cuốn sách của ông. Wildes gọi bầu trời là trại giam khổng lồ của người tù trong tình cảnh ấy.

Pollsmoor có bộ mặt hiện đại nhưng bên trong thì quá đơn sơ. Tòa nhà cho tù nhân bẩn thỉu, nham nhở, nhưng nơi các viên chức coi tù ở thì sạch sẽ, khang trang và hiện đại. Ngoài chúng tôi mới chuyển đến, hầu hết tù nhân ở Pollsmoor là thường phạm. Họ đối xử với người tù chẳng khác gì với súc vật. Chúng tôi bị giam cách ly với họ và cũng được đối xử khác so với họ.

Chúng tôi được đưa lên tầng ba và tầng trên cùng. Chúng tôi là “chủ nhân” của cả một tầng lầu. Phòng chính sạch sẽ, trang bị tốt, rộng khoảng 5x10 m, có toilet, chậu rửa mặt và vòi tắm hoa sen. Bốn cái giường trải đệm sạch sẽ. Khăn mặt, khăn tắm đầy đủ. So với Robben Island thì giờ đây chúng tôi sang sống trong khách sạn năm sao!

Tôi hết sức ngỡ ngàng khi bỗng chốc được “đổi đời” như thế này. Với người tù thì việc chuyển từ nơi này sang chỗ khác là chuyện bình thường. Cho dù giờ đây chúng tôi đang ở trên đất liền nhưng lại cảm nhận bị cách ly với thế giới bên ngoài hơn bất cứ lúc nào trước đó. Đối với chúng tôi Robben Island là “tổng hành dinh”, là “chiến trường”. Phải chăng nhà cầm quyền muốn triệt tiêu biểu tượng của cuộc chiến đấu kiên cường của những người yêu nước Nam Phi? Phải chăng người ta “chặt đầu” ban tham mưu của đảo để tha hồ tác oai tác quái mà không bị trừng phạt? Raymont, Walter và tôi là thành viên ban chỉ đạo của tổ chức trên đảo, nhưng vì sao người ta đưa Mlangeni cùng đi với chúng tôi? Phải chăng nhà cầm quyền không biết điều đó cho nên đã chỉ nhằm người? Về sau chúng tôi biết Andrew là người bạn tốt, cho dù anh không phải người đứng ở hàng đầu trong các cuộc đấu tranh ngoài đời cũng như tù.

Lần đầu tiên sau 18 năm chúng tôi được ăn thịt thú thiết chứ không phải váng mỡ như ở Robben Island. Bữa ăn trong nhà tù Pollsmoor có thể so sánh với tiệc ngoài đời. Chúng tôi có thể tự do đọc báo, kể cả những tờ bị cấm ngặt hồi ở đảo. Những tờ báo này mở một cửa sổ cho chúng tôi nhìn ra thực trạng của thế giới. Chúng tôi cũng được sử dụng radio, chỉ tiếc là chỉ có băng nghe đài địa phương. Đài mà chúng tôi muốn tiếp đón thông tin là BBC thì không bắt được sóng. Trừ khoảng thời gian từ 12 đến 14 giờ và ban đêm, trong ngày chúng tôi có thể dạo ngoài hành lang, đi bách bộ trong khu vườn nhà tù. Không ai quan tâm đến việc

chúng tôi phải làm công việc của người tù. Người ta thậm chí còn làm cho tôi một “văn phòng” có bàn ghế, đèn đêm, tủ sách để ngồi viết, đọc khi tôi muốn. Ở Robben Island, xà lim không đủ chiều dài để duỗi thẳng chân, vì vậy để không bị teo cơ hoặc chuột rút tôi phải tập thể thao, vận động nặng hàng ngày. Còn ở đây phòng “rộng thênh thang” có thể tập ngay trong phòng. Tuy vậy chúng tôi vẫn giữ giờ giấc sinh hoạt nghiêm túc như ở Robben Island: sáng sớm dậy tập thể dục, chạy, nhảy, luyện chống tay nâng người...

Ở Pollsmoor tôi gặp lại một lính canh tù tên là Georg. Tôi không biết anh, nhưng anh thì rất rành về tôi. Hồi ở Robben Island, Georg theo dõi thư đi thư đến của tôi. Anh ta nói nhỏ nhẹ, lịch sự, tôn trọng người đối thoại, ít khi dùng những từ thô lỗ, cục cằn. Trước mặt tôi bao giờ anh cũng gọi Mr. khi có việc gì cần thông báo cho tôi và cho bạn tôi.

Trong kinh thánh có viết: Vườn có trước người làm vườn. Nhưng điều này không đúng ở Pollsmoor. Ở đây tôi đã lập một cái vườn xinh xắn, rất đẹp, là nơi tiêu khiển không gì có thể so sánh được khi con người quá dư thừa thì giờ nhàn rỗi mà không biết làm gì, không được làm gì. Sau nhiều ngày quan sát tìm được địa hình thuận lợi, tôi nói với viên sĩ quan chỉ huy ý định tạo một khu vườn. Ông ta đồng ý. Tôi yêu cầu được cung cấp 16 thùng dầu trống có dung tích 5 galon, cưa đôi thành 32 nửa và cho đầy đất màu mỡ vào. Như vậy là tôi có 32 bệ đất để trồng các loại rau, đậu, củ. Tôi trồng hành, tỏi, củ đậu, cà rốt, su hào, bắp cải, dưa leo, cải bông, salat... đặc biệt là cà chua và ớt. Tổng cộng tôi có 900 gốc rau đậu. Vườn của tôi ở Pollsmoor lớn hơn nhiều so với vườn trong nhà tù trên đảo Robben Island. Tôi mua hạt giống, các lính canh tù cũng cung cấp nhiều loại hạt giống cho tôi. Sáng sáng, chiều chiều tôi chăm bón, tưới nước, làm cỏ bắt sâu như chăm sóc những đứa con ruột của mình. Tôi bội thu ngay từ mùa đầu. Rau đậu ngon, tươi tốt được chuyển đến nhà bếp và một phần lớn tôi tặng các anh lính canh tù và thậm chí cả các viên chức cao cấp của nhà giam.

Một viên chức có tên là Munzo được giao nhiệm vụ đáp ứng những nhu cầu của chúng tôi. Ông là người đứng đắn, lịch thiệp, đã cố gắng hết sức mình đáp ứng những yêu cầu cần thiết của chúng tôi.

Một hôm Winnie, Zindzi và Zeni cùng các cháu ngoại đến thăm tôi. Georg không đưa họ vào phòng cách ly như mọi khi mà đưa thẳng vào phòng khách lớn. Georg nói rất khẽ để tôi đủ nghe, rằng người ta đã hủy bỏ quy định cũ, nay cho phép thân nhân tiếp xúc trực tiếp với người tù. Khi Georg đưa Winnie và các con, cháu tôi vào, tôi sững sờ chảy nước mắt. Nàng sà vào lòng tôi, tôi ôm hôn nàng, hôn các con, các cháu. Giờ phút tôi mơ ước suốt 21 năm qua nay đã là sự thật mà tôi cứ tưởng như trong mơ. Chúng tôi im lặng nhưng lại như nói với nhau tất cả. Hai mươi một năm chờ đợi đã không uổng công. Bây giờ vợ tôi, con tôi đã hòa quyện với tôi thành một khối thống nhất.

Tại nhà tù Pollsmoor, chúng tôi biết được nhiều tin tức bên ngoài thế giới hơn là Nam Phi. Chúng tôi ý thức được rằng cuộc chiến đấu đang được tăng cường mạnh mẽ và phản ứng của nhà cầm quyền cũng quyết liệt hơn. Năm 1982 cơ quan an ninh Nam Phi tấn công văn phòng ANC ở Maputo, thủ đô Mozambic, giết chết 13 người, trong đó có cả phụ nữ và trẻ em. Tháng 12/1982, các chiến sĩ MK đánh bom công trường xây dựng nhà máy điện nguyên tử đầu tiên của Nam Phi và nhiều căn cứ quân sự khác chung quanh Kapstadt. Cùng trong tháng đó, lực lượng an ninh Nam Phi lại tấn công văn phòng đại diện của ANC ở Maseru, nước Lesotho. Đáp lại, các chiến sĩ MK tấn công của căn cứ quân sự. Cơ sở hành chính và kinh tế của chế độ Apartheid khắp các vùng trong nước nhằm trả thù cho 43 người hy sinh trong cuộc tập kích hèn nhất của Nam Phi ở Maseru. Năm 1983, MK đánh bom trên xe hơi. Mục tiêu của cuộc tấn công là căn cứ quân sự của bọn biệt kích nằm sâu trong lòng Pretoria. Những cuộc tấn công này báo hiệu sự leo thang của cuộc chiến đấu vũ trang. Các chiến sĩ MK đã diệt 19 tên ác ôn và làm bị thương hơn 200 tên khác.

Sự hy sinh của thường dân là điều đáng tiếc và làm tôi rất xúc động. Cuộc chiến đấu này là có tính sống còn với cả một dân tộc, một cộng đồng và mất mát là không tránh khỏi.

Cả phía chính quyền lẫn ANC đều đẩy mạnh cuộc đấu tranh theo hai con đường: vũ trang và chính trị. Vào thời gian này, ANC rất có uy tín ở Nam Phi và ở nước ngoài. Cuộc chiến đấu của người Phi chống chủ nghĩa Apartheid tàn bạo đã thức tỉnh sự chú ý của thế giới. Năm 1984 Tổng giám mục Demont Tutu, một con chiên kính chúa yêu nước, một nhà hoạt động tôn giáo và xã hội không mệt mỏi cho tự do và dân chủ ở Nam Phi, được tặng giải thưởng Nobel hòa bình. Chính phủ Nam Phi chịu sức ép nhiều phía của quốc tế. Nhiều quốc gia tuyên bố sẵn sàng cấm vận, tẩy chay Nam Phi.

Botha không phải “kẻ tầm thường”. Tháng 11/1983, ông đưa ra Nghị viện dự luật tổ chức Nghị viện thành ba viện: Nghị viện của người da trắng, Nghị viện của người Phi gốc Ấn và Nghị viện của người Phi thuộc các chủng tộc khác.

Với chủ trương này, Botha trước hết mong muốn biến các “nhánh nghị viện” của người Phi gốc Ấn và của các chủng tộc khác phụ thuộc vào Nghị viện của người da trắng. Nhưng thực chất mưu đồ của Botha là tách người Phi gốc Ấn khỏi người Phi da đen, một chính sách của thực dân chia để trị cũ mèm nay mang nhãn hiệu dân chủ! Mưu đồ của Botha còn muốn đánh lạc hướng dư luận thế giới rằng ông ta thực sự muốn cải cách sinh hoạt chính trị đất nước theo hướng dân chủ. Nhưng Botha lại đã không lừa được người dân, dù là người Phi da đen hay người Phi gốc Ấn. Trong cuộc trưng cầu ý dân 80% đã tẩy chay chủ trương này của Botha. Cuộc bầu cử Nghị viện mới dự định tiến hành năm 1984 theo chiến lược của Botha đã phá sản. Nam Phi đang đối mặt với chính sách cấm vận của toàn thế giới vào bất cứ thời gian nào trong tương lai rất gần.

Trong suốt hàng chục năm qua nhà cầm quyền đặt nhiệm vụ “dùng ăng-ten dò đường” tôi. Họ vừa ngấm ngấm vừa công khai mua chuộc, đe dọa và việc làm của họ thật kiên trì hết mực, đáng khen lắm. Bắt đầu là việc cử bộ trưởng tư pháp Kruger “thuyết phục” tôi trở về “Nước Transkei độc lập” trong lòng Nam Phi. Nếu tôi chấp thuận thì người ta sẽ “phóng thích” tôi khỏi nhà tù. Kruger đã không ít lần “năn gân” và “ru ngủ” tôi khi ông ta tôn tôi lên mây xanh. Có lần y nói: “Mandela, chúng tôi muốn hợp tác với ông và chỉ với ông thôi, chứ không phải với các chiến hữu của ông”. Với chính sách này, chính quyền Apartheid mong muốn cách ly tôi khỏi ANC và chiến hữu sinh tử của mình. Sự thật là họ vừa “năn gân” vừa tìm hiểu lập trường của tôi để chuẩn bị cho những cuộc đàm phán mà họ buộc phải chấp nhận và đang chuẩn bị, nhằm thu lợi thế.

Chưa hết. Cuối năm 1984, đầu 1985, tôi có các “khách sộp quốc tế” đến thăm tại nhà tù. Đó là Huân tước Nicholas Barthell, nguyên lão nghị viện Anh và châu Âu, Samuel Dash, giáo sư luật học trường đại học Georgetown và là cố vấn hàng đầu trong Ủy ban Watergate thuộc Hạ viện Mỹ. Hai vị khách này đều được bộ trưởng tư pháp Coetzee duyệt y. Coetzee đang trở thành nhà lãnh đạo cao nhất của Nam Phi.

Người ta bố trí cho tôi tiếp Berthell trong đại sảnh nhà tù có treo tấm ảnh lớn của Botha. Dù là tấm ảnh nhưng người ta có cảm tưởng bóng đen này trùm lên tất cả. Berthell thấp, mập. Khi diện kiến, tôi nói khôì hài với ông ta: “Tôi nghĩ là huân tước có họ hàng với thủ tướng Winston Churchill!”. Ông ta cười không biết vui hay buồn nữa. Berthell hỏi tôi về các điều kiện sống trong tù. Tôi thông báo cho ông Huân tước về cuộc đấu tranh của ANC và khẳng định rằng chấm dứt bạo lực hay không là do chính phủ. Họ để ra bạo lực chứ không phải chúng tôi. Tôi khẳng định rằng bạo lực của ANC chỉ nhằm vào các mục tiêu quân sự và bộ máy đàn áp của chính quyền chứ không phải vào con người. Tôi vừa nói vừa cười và chỉ tay vào viên thiếu tá tháp tùng ngài huân tước: “Tôi không hề mong muốn người của tôi hạ thủ thiếu tá này!”. Thiếu tá Sittert vốn rất trầm tĩnh, vậy mà lúc ấy ông ta bỗng giật mình.

Trong cuộc tiếp kiến giáo sư Dash, chúng tôi nói về các vấn đề liên quan đến pháp, các đạo luật. Ông giáo sư Dash bỗng hỏi tôi về tuyên bố “dũng cảm” của chính phủ sẵn sàng hủy bỏ các điều khoản trong đạo luật cấm người da trắng lấy người da đen cũng như những điều khoản khác liên quan đến chủ nghĩa Apartheid. Tôi nói rõ ràng với ngài giáo sư: “Đó là chuyện vặt. Tôi không đủ dũng cảm và ước muốn cưới một người vợ da trắng và cũng không vào tắm tại một bể tắm dành cho người da trắng. Cái mà chúng tôi cần là bình đẳng về chính trị”. Tôi cũng nói rõ với Dash rằng trên chiến trường hiện nay chúng tôi không đủ lực lượng thắng kẻ thù, nhưng chúng tôi đủ sức làm cho chính phủ khốn đốn.

Nhưng có lẽ cuộc đón tiếp hai nhà báo Mỹ là ít vui nhất trong thời gian tôi bị cầm tù ở Pollsmoor. Khách là hai biên tập viên tờ báo bảo thủ Mỹ Washington

Times. Bọn này đến nhưng không hề quan tâm đến chính kiến của chúng tôi. Điều họ muốn là tìm bằng chứng có “sức thuyết phục” để kết luận tôi là đảng viên cộng sản và là tên khủng bố! Họ khẳng định rằng tôi không thể là một con chiên của Chúa bởi vì mục sư Martin Luther King (người ủng hộ và bảo vệ nhân quyền cho người da đen và đã bị CIA tổ chức ám sát năm 1967) chưa bao giờ tham dự vào các hoạt động bạo lực! Tôi đã phải dần lòng nói với họ rằng các điều kiện mà Luther King tranh đấu hoàn toàn khác với những điều kiện của tôi: Hợp chủng quốc Hoa Kỳ dù sao cũng có nền dân chủ được pháp luật bảo vệ quyền bình đẳng cho mọi màu da, sắc tộc, bảo vệ quyền phản đối không bạo lực của công dân (cho dù người da đen ở ngay nước Mỹ bao giờ cũng bị đối xử thô bạo). Còn ở Nam Phi thì khác hẳn. Nam Phi là nhà nước cảnh sát với một bản hiến pháp bất bình đẳng, phân biệt chủng tộc tệ hại và một quân đội nhanh chóng sử dụng bạo lực đàn áp các cuộc phản kháng không bạo lực. Tôi nói với họ, tôi là người theo đạo, sẽ vẫn là con chiên của Chúa. Hẳn các nhà báo cũng biết rằng ngay cả Chúa Jesus khi không còn cách lựa chọn nào khác, đã phải sử dụng bạo lực để đuổi cổ bọn buôn tiền ra khỏi thánh đường kia mà! Chúa đâu phải là con người của bạo lực, nhưng Chúa không còn cách lựa chọn nào khác nên phải sử dụng bạo lực trước kẻ ác. Tôi không tin mình thuyết phục được hai gã bảo thủ gọi là nhà báo kia.

Suốt cả tuần Winnie và luật sư của tôi không nhận được trả lời của nhà cầm quyền. Tôi buộc phải viết cho Pik Botha, bộ trưởng ngoại giao Nam Phi, thông báo cho ông ta biết rằng tôi khước từ và bác bỏ những điều kiện mà ngài tổng thống Botha đưa ra trước Nghị viện. Đồng thời tôi ráo riết chuẩn bị câu trả lời bằng văn bản không phải gửi cho chính quyền mà là gửi đến đông đảo quần chúng nhân dân. Trong bài phát biểu công khai này, tôi đề cập nhiều vấn đề, bởi vì tuyên bố của Botha là một mưu đồ vặt một cái nêm gây bất hòa giữa tôi và các nhà lãnh đạo khác của ANC bằng cách giăng bẫy tôi chấp nhận một đường lối mà ANC khước từ từ lâu. Tôi muốn qua đó gửi đến ANC và đặc biệt là Oliver Tambo thông điệp rõ ràng rằng, lập trường của tôi trước sau nhất quán với lập trường của ANC. Tôi cũng khẳng định với nhà cầm quyền rằng tôi bác bỏ những điều kiện họ đưa ra, song đồng thời cho rằng đã đến lúc tiến hành những cuộc đàm phán hòa bình để tìm ra giải pháp cho đất nước chứ không phải là chiến tranh.

Botha mong muốn đổ trách nhiệm về những hành động bạo lực lên đầu tôi. Về phần mình, tôi muốn một lần nữa công bố với cả thế giới rằng chúng tôi chỉ phản ứng và đáp lại bạo lực do chính quyền áp đặt. Tôi muốn làm sáng tỏ điều này: nếu ra khỏi nhà tù và phải sống trong bối cảnh mà từ đó tôi bị bắt ném vào nhà tù thì tôi sẽ không có cách lựa chọn nào khác là tiếp tục các hoạt động mà vì những hoạt động đó nhà cầm quyền đã tống ngục tôi.

Tôi gặp Winnie và luật sư vào ngày thứ sáu. Chủ nhật tới có cuộc mít tinh của hàng vạn người tại sân vận động Soweto. Câu trả lời của tôi sẽ được công bố công khai trong cuộc mít tinh này. Trong khi chúng tôi bàn về việc trả lời gợi ý của

tổng thống Botha thì bọn lính canh can thiệp. Chúng vẫn ca bài ca cũ rằng trong tù chỉ nói chuyện gia đình, không nói chuyện chính trị. Tôi nghiêm mặt nói với viên lính canh còn rất trẻ rằng đây không còn là chuyện gia đình mà là chuyện liên quan đến ngài tổng thống. Tên lính canh nhanh chóng bỏ đi và vài phút sau một lính canh già đến. Ông ta tuyên bố chúng tôi không được bàn chuyện chính trị! Tôi đứng dậy tiến đến phía y, nói rất to, rành rọt: “Đây là chuyện quốc gia, liên quan đến tổng thống. Nếu ông lính canh ngăn cản chuyện này thì ông phải xuất trình lệnh của chính tổng thống ra. Nếu ông không có lệnh ấy trong tay thì hãy nhanh chóng gọi điện đến Văn phòng tổng thống, rõ chưa?”. Anh lính già không còn hùng hổ nữa. Mặt anh ta đã dịu lại, không còn hung hăng như khi mới đến. Dĩ nhiên anh ta không thể làm chuyện động trời là gọi điện cho văn phòng tổng thống.

Tôi trao cho Winnie và luật sư bài phát biểu mà mình đã chuẩn bị kỹ càng. Tôi không chỉ muốn trả lời chính quyền mà còn cảm ơn phong trào rộng lớn của các tổ chức quần chúng khơi dậy từ sau vụ thảm sát Soweto, chúc mừng Tổng giám mục Tutu nhân dịp ông nhận giải thưởng Nobel hòa bình và nhấn mạnh rằng đây là giải thưởng và vinh dự cho cả dân tộc. Ngày 10/2, con gái Zindzi đã đọc bài phát biểu của tôi trước hàng vạn đồng bào da đen của tôi. Hai mươi năm nay, lần đầu tiên nhân dân Nam Phi mới lại được nghe những lời tâm huyết của đứa con của mình.

Cũng như mẹ, Zindzi là một nhà hùng biện, đã làm xúc động lòng người khi nói rằng lẽ ra người cha thân yêu sẽ có mặt tại cuộc mít tinh này và sẽ nói chuyện với đồng bào thân yêu. Tôi thật tự hào khi biết chính con gái mình đã đọc bài phát biểu của tôi.

“Tôi là thành viên của ANC. Tôi từng là và mãi mãi là thành viên của Đại hội Dân tộc Phi cho đến ngày từ bỏ cõi đời này. Với tôi, Oliver Tambo còn hơn cả người anh em. Ông là người bạn tốt nhất, chiến hữu tốt nhất của tôi suốt 50 năm nay. Nếu có ai trong các bạn lo lắng cho sự tự do của tôi thì Oliver còn làm nhiều hơn thế và tôi biết rằng ông sẽ hy sinh cả thân mình đấu tranh cho tự do của tôi...”

Tôi rất ngạc nhiên trong những điều kiện chính phủ đưa ra. Tôi không phải con người của bạo lực... Cho đến khi chúng ta không còn hình thức nào để lựa chọn cho cuộc đấu tranh vì tự do cho nhân dân Phi da đen nữa, chúng ta mới buộc phải chiến đấu vũ trang.

Botha cần chứng tỏ rằng ông ta khác với những người tiền nhiệm như Malan, Strijdom và Verword. Ông ta cần từ bỏ bạo lực. Ông ta cần nói rằng phải loại bỏ chủ nghĩa Apartheid. Ông ta cần để cho đại diện của nhân dân, tổ chức ANC, tự do hoạt động công khai. Ông ta cần giải phóng tất cả tù nhân do đã đứng lên chống chủ nghĩa Apartheid mà bị ném vào các nhà ngục hoặc phải cư trú chính trị ở nước ngoài. Ông ta cần đảm bảo cho các hoạt động chính trị, để cho nhân dân có quyền quyết định chọn ai lãnh đạo đất nước.

Tôi rất cần tự do, nhưng tự do của các bạn còn quý hơn mọi thứ khác. Đã có quá nhiều người ngã xuống kể từ ngày tôi bị lưu đày. Có quá nhiều người bị khổ đau do đấu tranh cho tự do. Tôi cảm thấy có lỗi với những người vợ góa, các trẻ mồ côi mất cha mất mẹ. Không chỉ mình tôi chịu bao nhiêu cay đắng trong suốt hơn hai mươi năm qua. Tôi yêu cuộc sống không ít hơn các bạn. Nhưng tôi không thể bán rẻ các quyền của người Phi, tôi cũng không sẵn sàng bán rẻ quyền của dân tộc để đòi lấy tự do cho cá nhân mình.

Người ta đã đưa ra cho tôi quyền tự do như thế nào khi mà tổ chức của nhân dân bị cấm hoạt động? Tự do nào người ta dành cho tôi khi chỉ vì không mang theo khán chiếu trong người là lập tức bị tổng giam? Tự do nào người ta hứa với tôi khi chính người vợ yêu quý của tôi bị đày ải đến Brandfort? Tự do nào họ hứa đảm bảo cho tôi khi tôi phải xin phép mới may ra được phép sống trong một thành phố? Tự do nào người ta hứa cho tôi khi quốc tịch Nam Phi của chính mình không được công nhận?

Chỉ những người tự do mới có thể đàm phán. Người tù không có quyền ký bất cứ thỏa thuận nào. Tôi không thể và sẽ không làm việc đó chừng nào bản thân tôi và các bạn, nhân dân ta chưa được tự do. Tự do của các bạn và tự do của tôi là không thể tách rời nhau. Tôi sẽ trở lại với các bạn, với nhân dân.

Tại bệnh viện nhân dân ở Kapstadt, nơi tôi phải giải phẫu tuyết tiền liệt, tôi đã bất ngờ gặp bộ trưởng tư pháp Coetzee. Ông ta đến thăm tôi. Trước đó ít lâu tôi có viết thư cho ông ta, yêu cầu có cuộc gặp mặt để bàn về các vấn đề liên quan đến ANC và chính phủ.

Ông bộ trưởng không trả lời. Vậy mà sáng nay ông đến bệnh viện mà không báo trước như thể là đến thăm một bạn cũ vậy. Coetzee tỏ ra chân tình, cởi mở. Trong những phút giờ ở bệnh viện, chúng tôi chỉ trao đổi những vấn đề vui vẻ. Coetzee đã chia một cành ô-liu cho tôi. Tại cuộc gặp gỡ này, tôi yêu cầu Coetzee cho phép vợ tôi về sống ở Johannesburg, bởi vì nhà của nàng ở nơi lưu đày Brandfort đã bị đốt cháy tan hoang. Nàng và con không còn nơi nào để sống nữa. Coetzee nói rằng ông ta không có quyền quyết định việc này, nhưng hứa sẽ cố gắng trong khả năng của mình.

Viên phó trại đến bệnh viện đón tôi. Đó là một việc bất bình thường. Từ trước đến nay chưa có viên chỉ huy nào đến nhà thương đón tù. Tôi ngỡ vực. Trong xe hơi, Munzo nói nhỏ với tôi: “Mandela, chúng tôi không đưa ông về lại với các bạn tù nữa đâu. Từ nay ông sẽ sống một mình. Tôi không biết gì hơn ngoài việc chấp hành mệnh lệnh của cấp trên”. Một lần nữa người ta không cần báo trước việc chuyển nhà tù và cũng chẳng cần lời giải thích nào.

Người ta vẫn đưa tôi trở lại Pollsmoor, nhưng là ở tầng trệt chứ không phải ở tầng ba. Tôi có tới ba phòng ở cánh khác của nhà tù. Có toilet, phòng ngủ, phòng đọc sách riêng với đầy đủ tiện nghi. Theo “tiêu chuẩn nhà tù Nam Phi” thì nơi giam giữ tù nhân Nelson Mandela giờ đây có thể gọi là một biệt thự. Tuy nhiên,

các phòng đều ẩm và thiếu ánh sáng. Tôi chẳng nói điều này với quản trại, bởi lẽ ông ta chẳng có quyền gì ngoài việc bẩm báo với cấp trên. Tôi dành thì giờ để suy nghĩ về những tác động do việc chuyển nơi giam giữ này. Câu hỏi xoáy mãi trong đầu tôi: Vì sao nhà cầm quyền dùng bước đi này?

Sẽ là phóng đại khi nói rằng nhà nước đã cởi mở với tù chính trị. Tuy nhiên, từ vài tháng nay quả thật đã có những thay đổi mau lẹ theo chiều hướng dễ thở cho người tù. Việc chuyển tôi giam riêng không phải là giảm đi điều kiện sống cho tù nhân Mandela, trái lại có thể là cơ hội tốt nữa là đằng khác. Tôi không vui sướng gì khi phải bỗng nhiên chia tay với những bạn tù chí cốt, xa mảnh vườn và thiếu ánh sáng mặt trời chói chang mà tôi được tắm mình ở nơi giam cũ trên lầu ba. Tôi vốn không thích sống một mình. Nhưng sự cô đơn cho tôi một sự tự do nhất định và tôi quyết định tận hưởng sự tự do ấy để làm một số công việc mà tôi đã hoạch định từ lâu: đối thoại với nhà cầm quyền. Tôi cho rằng thời gian đã chín muồi cho việc đối thoại. Nếu hai bên chưa có ngay những cuộc đối thoại và nếu những cuộc đối thoại không sớm bắt đầu thì cả hai bên đều chìm ngập sâu và bạo lực, chiến tranh và thù hận.

Chúng tôi đã chiến đấu ba phần tư thế kỷ chống lại sự cai trị tàn bạo của một thiểu số người da trắng. Hơn hai mươi năm nay, chúng tôi đã tiến hành cuộc chiến đấu vũ trang. Nhiều người của cả hai bên đã ngã xuống. Kẻ thù của chúng tôi còn rất mạnh và quyết tâm rất cao. Chúng tôi có chính nghĩa nhưng không có chính quyền. Tôi cho rằng một thắng lợi quân sự là còn xa lắm, nếu không muốn nói nó mới chỉ là một giấc mơ. Đã đến lúc phải nói thẳng với nhau. Sẽ là vô nghĩa cho cả hai bên nếu cứ dần sâu hơn nữa và các cuộc chiến không chỉ hàng trăm mà là hàng chục ngàn người sẽ hy sinh. Kẻ thù của chúng tôi hẳn cũng phải và đã ý thức được điều đó.

Sẽ là vô nghĩa khi bên này coi thiện chí của bên kia hướng đến đối thoại là do yếu thế hay do phản bội. Sẽ không ai đến bàn đàm phán nếu bên kia không tỏ rõ dù chỉ một chút thiện chí. Nếu chính quyền cứ coi ANC là tổ chức khủng bố của những người cộng sản và vì vậy họ cự tuyệt đối thoại, còn ANC thì cứ khẳng định chính phủ Nam Phi là phát xít, là phân biệt chủng tộc tệ hại và không đáng được tin cậy trong đối thoại thì sẽ không có đối thoại. Tất nhiên những yêu sách của ANC là chính đáng. Đó là hủy bỏ luật cấm ANC và các tổ chức yêu nước khác hoạt động công khai, thả tù chính trị không điều kiện, và rút quân ra khỏi các khu dân cư da đen.

Đương nhiên quyết định “nói chuyện” với chính phủ là rất có ý nghĩa và phải do ban lãnh đạo ANC hiện ở Lusaka toàn quyền quyết định. Tuy nhiên, tôi cho là thời cơ đã đến, đã có những chuyển động tích cực theo hướng đó. Thế nhưng bản thân tôi lại không có điều kiện cũng như phương tiện để có thể thông tin cho ban lãnh đạo. Sự cách ly của tôi hiện nay dường như đang tạo cho tôi một sự tự do

nhất định và một sự đảm bảo có những bước cố gắng đầu tiên theo hướng đó. Việc này sẽ không lộ ra ngoài.

Tôi quyết định không thông báo cho ai bên ngoài về việc này và những gì tôi hoạch định. Có những thời điểm người thủ lĩnh phải tiến lên phía trước và chuyển theo một hướng mới và tin rằng hướng đi ấy tạo ra con đường đúng đắn cho cả dân tộc. Và nếu như chuyện này trục trặc thì việc cách ly tôi như là một lời cáo lỗi: lão già này vò vớ một mình, bị cắt khỏi thế giới bên ngoài, những gì ông ta hành động là chuyện cá nhân chứ không phải là đại diện của ANC.

Một cơ hội đã xuất hiện đầu năm 1986. Vài tháng trước đó, Hội nghị Khối Thịnh vượng chung đã không thông qua được nghị quyết cấm vận kinh tế và tẩy chay Nam Phi. Sự trục trặc này chủ yếu do thái độ mập mờ của thủ tướng Anh lúc đó là Magareth Thatcher, hội nghị quyết định cử một phái đoàn cao cấp gồm 7 viên chức cấp cao sang Nam Phi thị sát tìm hiểu thực trạng tình hình. Phái đoàn do một viên tướng người Nigeria dẫn đầu. Họ được chính quyền Nam Phi cho phép gặp tôi. Hai ngày trước cuộc họp này, viên sĩ quan chỉ huy nhà tù dẫn đến một phó may. Ông sĩ quan nói: “Ông Mandela, chúng tôi muốn ông gặp những vị đại diện kia với tư cách những người bình đẳng với nhau. Chúng tôi không muốn ông mang quần áo tù cũ kỹ. Ông phó may sẽ đo và may cho ông một bộ comple nghiêm chỉnh.”

Ông phó may phải là một nhà ảo thuật thật sự, bởi vì ngay chiều hôm đó tôi đã nhận bộ comple bằng vải kẻ sọc rất vừa vặn với cơ thể mình. Viên chỉ huy ngạc nhiên trước tin báo của tôi. Ông ta nói: “Ông Mandela, trông ông lúc này có khác gì vị thủ tướng đầu kia chứ!”

Chính quyền cử đến hai viên chức cấp cao dự buổi gặp mặt này. Đó là bộ trưởng tư pháp Coetzee và tướng Willemse, cục trưởng cục quản lý nhà tù. Cũng như ông phó may, hai vị quan cấp cao này hẳn cũng đến để “săn số đo” từ tôi trong cuộc tiếp xúc với đại diện Khối Thịnh vượng chung. Nhưng thật lạ lùng là cả hai đã rời phòng họp ngay sau khi nó mới bắt đầu về thủ tục. Trước khi họ ra khỏi phòng, tôi đã có đủ thời gian nói với họ rằng tôi không vì sự có mặt của họ mà không nói hết những gì là sự thật cần phải nói. Tôi cũng khẳng định thêm với hai vị rằng thời cơ của các cuộc đàm phán đã đến. Chính phủ và ANC phải gặp nhau và cùng nhau thảo luận những vấn đề cấp bách.

Ngay khi các thủ tục bắt đầu, tôi đã khẳng định các nguyên tắc cho cuộc thảo luận: “Tôi không phải là người đứng đầu tổ chức ANC. Nhà lãnh đạo cao cấp nhất của ANC là Oliver Tambo hiện ở Lusaka. Quý vị phải đến đó và thảo luận với ông ấy. Những gì tôi phát biểu ở đây chỉ là quan điểm của cá nhân. Nó không đại diện cho cả anh em trong nhà tù. Với sự hạn chế như vậy, tôi cho rằng chính phủ cần trực tiếp thảo luận và đàm phán với ANC.”

Các đại biểu tỏ ra quan tâm đến quan điểm chính trị của tôi và muốn biết một Nam Phi dưới sự lãnh đạo của ANC sẽ ra sao. Tôi nói với họ rằng tôi là một người

Phi theo tư tưởng dân tộc, không phải là đảng viên cộng sản. Người theo chủ nghĩa dân tộc có ở trong mọi giới, mọi màu da và tôi là tín đồ nhiệt huyết của một xã hội không phân biệt chủng tộc. Tôi khẳng định lại một lần nữa rằng, một khi Nam Phi trở thành một nhà nước dân chủ, tự do thì thiếu số người da trắng cũng tìm thấy sự bình yên trong xã hội. Họ được bảo đảm về luật pháp như mọi công dân khác. Những bất đồng hiện nay phần lớn do thiếu thông tin hoặc thông tin bị bóp méo có chủ ý làm rối cả chính phủ lẫn ANC. Những sự khác biệt là có thật và có thể thông qua đàm phán để giải quyết thỏa đáng.

Họ đi khá sâu vào vấn đề bạo lực. Tôi khẳng định mình chưa sẵn sàng từ bỏ bạo lực nhưng có thể khẳng định với họ rằng bạo lực không bao giờ là giải pháp cuối cùng để giải quyết vấn đề của xã hội Nam Phi hiện nay. Chỉ có thông qua đàm phán và đối thoại mới có thể tạo được sự hiểu biết lẫn nhau. Tôi nhắc lại một lần nữa rằng đó là quan điểm của tôi chứ không phải của ANC, song tôi đề nghị nếu chính phủ rút quân đội và các đơn vị cảnh sát vũ trang khỏi các vùng dân cư da đen thì chắc là ANC sẽ sẵn sàng bàn về một cuộc ngừng bắn. Tôi nhấn mạnh một lần nữa rằng việc trả lại tự do cho tôi sẽ không ngăn chặn được làn sóng bạo lực diễn ra khắp nơi, hoặc khuyến khích các cuộc đối thoại, đàm phán. Sau cuộc gặp với tôi, đoàn dự định gặp chính phủ Nam Phi và lên đường sang Lusaka gặp gỡ chủ tịch ANC, Oliver Tambo.

Với thông điệp của mình trong cuộc gặp đoàn, tôi đã trực tiếp trình bày quan điểm của mình cho cả chính phủ lẫn ANC. Tôi đã qua đó làm cho nhà cầm quyền hiểu rằng, với những điều kiện phù hợp ANC sẵn sàng đối thoại với chính phủ. Còn Oliver Tambo cũng qua đây cần hiểu rằng lập trường của ông và tôi là trùng hợp với nhau.

Vào tháng 5 sẽ có cuộc tái hợp giữa đoàn và tôi sau khi đoàn đã có những cuộc hội đàm với Chính phủ và với lãnh đạo của ANC ở Lusaka. Nhưng mọi chuyện tốt đẹp đã không diễn ra như mong muốn. Chính quyền Apartheid đã bắt ngờ đơn phương tấn công bằng không quân các căn cứ của ANC ở Botswana, Zambia và Zimbabwe. Đoàn đã nhanh chóng rời Nam Phi do tình hình căng thẳng vì Botha đã hành động ngạo mạn. Một lần nữa tôi có cảm tưởng những cố gắng của mình lại rơi vào ngõ cụt.

Oliver Tambo và ANC kêu gọi dân chúng phản kháng tới cùng trước hành động tàn bạo của Botha, làm cho chính quyền không thể nào kiểm soát được tình hình đất nước. Nhân dân Nam Phi đã nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi này bằng hành động cụ thể ANC mạnh hơn bất cứ lúc nào trước đây. Phong trào đạt tới điểm đỉnh. Ngày 12/6/1986, chính quyền ban bố tình trạng khẩn cấp trong toàn lãnh thổ Nam Phi nhằm “đè bẹp sự phản kháng” của quần chúng. Trong thời gian diễn ra dồn dập các cuộc nổi dậy mạnh mẽ này, tôi báo cho viên tướng Willemse đề nghị được gặp Coetzee. Tôi không ngờ viên tướng này đã gọi điện thoại ngay

cho Coetzee và cuộc gặp chóng vánh được thỏa thuận y như một sự sắp đặt vậy. Vài phút sau tôi đã lên xe hơi đến bản doanh của Coetzee.

Ông ta chào hỏi tôi khá lịch thiệp và trân trọng. Chúng tôi phân chủ khách, ngồi thoải mái trong các salon sang trọng đàm đạo về những công việc mà chắc là cả hai đều cho là bức xúc. Tôi không ngờ vị bộ trưởng đã phân tích mọi điều cặn kẽ và chăm chú nghe tôi nói đến thế. Sau ba giờ trao đổi thẳng thắn, mỗi bên nói rõ quan điểm của mình, ngài bộ trưởng bỗng hỏi: “Vậy thì bước tiếp theo sẽ là việc gì đây?”. Tôi nói thẳng với Coetzee rằng tôi phải gặp tổng thống Botha không chậm trễ. Nhưng trước mắt tôi cần gặp ngoại trưởng Botha.

Nhiều tuần lễ trôi qua không có hồi âm của Coetzee. Nhưng đã có tín hiệu từ phía chính phủ bằng cách tạo cho tôi điều kiện dễ dàng để chuẩn bị cho những sự kiện mới.

Vài ngày trước lễ Giáng sinh, viên đại tá chỉ huy phó Pollsmoor đến phòng tôi sau bữa ăn sáng và nói như chuyện ngẫu nhiên: “Ông Mandela, ông có muốn dạo phố một lúc không?”. Tôi không biết có ẩn ý gì trong câu hỏi kia, nhưng nghĩ là chẳng có hại gì nên đồng ý gợi ý của viên đại tá. Ông ta chở tôi trên xe hơi, chạy qua các phố xá Kapstadt. Thật thú vị khi có thì giờ rỗi rãi, từ trong xe chúng kiến người lao động tất bật ngược xuôi kiếm sống hối hả trên đường phố. Người già sưởi nắng, phụ nữ mang túi mua hàng bên hông và không ít người tản bộ, dắt chó đi dạo chơi. Những cảnh hoạt động này hoàn toàn vắng bóng trong tâm tưởng của người tù. Họ bị cách ly hoàn toàn với xã hội bên ngoài. Tôi bỗng trở nên tò mò như khách du lịch từ nước ngoài đến một đất nước vừa lạ vừa thân quen, đáng yêu.

Sau một giờ chạy trong thành phố. Viên đại tá cho dừng xe trước cửa hiệu ở một phố tương đối yên tĩnh. Ông ta hỏi: “Ông có dùng chút gì để giải khát không?”. Tôi gật đầu và viên đại tá biến nhanh sau cánh cửa nhà hàng. Tôi ở lại trên xe một mình. Lúc đầu tôi không nghĩ đến tình cảnh của mình lúc đó, nhưng khi thời gian cứ trôi đi, trôi đi tôi cảm thấy hồi hộp phải, tim đập rộn ràng hơn. Lần đầu tiên sau 22 năm ngồi trong xà lim biệt giam tôi bỗng được tự do, không có lính canh kè kè bên mình. Tôi bỗng nghĩ rất nhanh: có thể lắm chứ, mình mở cửa xe, nhảy xuống và phóng chạy thật nhanh.

Căng thẳng quá làm tôi đổ mồ hôi trán và cảm thấy nhẹ nhõm khi viên đại tá xuất hiện trước cửa nhà hàng, trên tay là hai lon Coca Cola. Hôm đó là một trong nhiều lần tham quan thành phố Kapstadt của tôi.

Một hôm viên đại tá dẫn tôi đến thăm một khu vườn hoa, tiếp đến là trại ngựa. Hai người da trắng đang chăm sóc những con ngựa. Tôi tiến sát bên họ, khen một con ngựa đẹp, rồi hỏi chàng trai: “Con ngựa này tên gì?”. Chàng trai tỏ ra rất bối rối và nhìn đi nơi khác, không trả lời. Tôi hướng sang chàng kia cũng với câu hỏi đó và anh này cũng phản ứng y hệt người kia.

Trên đường trở lại nhà tù, tôi nói với viên đại tá rằng thái độ và cách cư xử của hai chàng trai kia thật khác thường, lạ lùng quá. Viên đại tá cười: “Ông Mandela, ông quả thật không biết hai người ấy là ai sao?”. Tôi thành thật trả lời là không. “Họ là tù nhân da trắng. Từ trước đến lúc này họ chưa từng gặp cảnh một sĩ quan da trắng đi bên cạnh một người da đen (mà lại là tù nhân) sánh vai nhau như hai người bạn”.

Tôi tìm cách riêng để xem có ai nhận ra mình trong những lúc “vi hành” như thế không. Chẳng ai chú ý đến tôi cả. Tấm ảnh đầu tiên và cũng là tấm ảnh cuối cùng của tôi in trên báo cách nay đã 25 năm rồi còn gì!

Những “cuộc dã ngoại” này khá bổ ích, tôi được tận mắt chứng kiến cuộc sống đã thay đổi ra sao kể từ ngày bị tổng ngục. Và do tôi chỉ được dẫn qua những khu phố người da trắng nên thấy được sự giàu sang thực sự của họ cũng như sự bình yên gần như tuyệt đối mà chỉ có họ được hưởng. Mặc dù đất nước đang trong cơn nổi dậy khắp nơi, nhiều vùng đang đối diện với cuộc chiến tranh thật sự, song cuộc sống của người da trắng đặt biệt an bình, không chút xáo trộn.

Một hôm người canh tù - một hạ sĩ quan da trắng - tên là Brand, thậm chí còn mời tôi đến thăm nhà anh ta. Viên hạ sĩ giới thiệu tôi với người nhà, với vợ con. Kể từ ngày đó, năm nào tôi cũng gửi thiệp mừng Giáng sinh cho tụi nhỏ.

Cho dù những “cuộc phiêu lưu nho nhỏ” này khá thú vị, song tôi thấu hiểu ý đồ của những người tổ chức các hoạt động mang tính văn hóa này. Tôi nhanh chóng nhận ra rằng người ta cố ý cho tôi tiếp cận với cuộc sống hiện tại của đất nước và qua đó tôi sẽ bằng lòng, thậm chí vui mừng với những quyền tự do nhỏ nhoi mình được hưởng để rồi quên đi cái lớn và cuối cùng sẽ nhượng bộ đối thủ.

Năm 1987, chính quyền thành lập “Tổ công tác tuyệt mật” để tiến hành những cuộc đối thoại với tôi. Coetzee đứng đầu tổ này. Giám đốc cơ quan an ninh - mật vụ của CIA từng lộ mặt - Niel Barnard là một trong ba thành viên cao cấp của tổ. Barnard là “cầu nối” và cũng là “người thân tín” của tổng thống, đối trọng giữa tổng thống và thủ tướng. Từ lâu nay Botha đã dần dần hạn chế quyền hành pháp của chính phủ, quyền lập pháp của nghị viện, thu tóm vào tay mình nhiều quyền “trùm lên quốc gia” mà Neil Barnard là “kiến trúc sư trưởng”. Sự có mặt của Barnard đặt tôi vào thế khó xử. Tôi khó có thể bào chữa trước tổ chức của mình khi ngồi cùng bàn với một kẻ thù độc ác và xảo quyệt, tay đã từng nhuộm máu người da đen. Nhưng y lại là đại diện của Botha, vì vậy chúng tôi không có sự lựa chọn khác.

Cuộc đối thoại đầu tiên buộc tôi phải đối mặt với các vấn đề trọng yếu, và tôi đã nói công khai với họ rằng mình phải làm ba việc. Một là tôi phải nghe ý kiến của các bạn tù ở lâu ba, thứ hai là báo cáo với Oliver Tambo ở Lusaka chuyện gì đang diễn ra, và thứ ba là tôi cần diện kiến tổng thống Botha và trao cho ông ta bản 'Bị vong lục' công bố công khai với dân chúng những vấn đề có tính quyết

định đề giải quyết các vấn đề của đất nước. 'Bị vong lục' này sẽ là nền tảng của mọi cuộc đàm phán sau này giữa chính quyền và ANC.

Người ta đã cho tôi gặp các bạn tù từng gần bó hơn 20 năm với nhau và đều là thành viên ban lãnh đạo ANC. Các chiến hữu đồng tình với kế hoạch của tôi. Chỉ lưu ý rằng đáng lẽ chính phủ phải là người chủ động đề xuất các cuộc đối thoại để tìm giải pháp cho cuộc khủng hoảng và khắc phục chế độ phi dân chủ, phi nhân quyền ở đất nước này. Các chiến hữu lưu ý tôi không để cho đối phương coi thiện chí của chúng tôi là do yếu thế, hơn thế, là sự thỏa hiệp mang tính đầu hàng. Tôi nói với các anh rằng việc ai chủ động không quan trọng mà điều quan trọng nhất là những yêu sách chính đáng của nhân dân Nam Phi phải được đáp ứng. Đó là nguyên tắc không thay đổi mà ANC đã chiến đấu 75 năm trời với bao hy sinh không thể tưởng tượng.

Không lâu sau đó tôi nhận được thư từ chủ tịch ANC, Oliver Tambo, gửi từ Lusaka. Ông cho hay mình được biết qua thông tin đáng tin cậy về những kế hoạch của tôi tiến hành các cuộc đối thoại với chính quyền. Ông yêu cầu cho biết chính quyền đặt lên bàn đàm phán những vấn đề gì, cũng như nội dung tôi đưa ra đối thoại với họ.

Tôi trả lời Oliver Tambo, khẳng định rằng mình làm duy nhất một việc: yêu cầu chính quyền hoạch định những cuộc đối thoại giữa Thường vụ ANC và chính phủ đương quyền. Oliver không tin rằng tôi sẽ bán rẻ sự nghiệp của tổ chức, nhưng ông nghĩ rằng có thể tôi nhầm lẫn khi không có điều kiện đánh giá tình hình khách quan. Văn phong của bức thư nói rõ điều này. Cùng với việc trả lời Tambo, tôi bắt tay viết dự thảo bản 'Bị vong lục'. Tôi muốn khẳng định Oliver cùng nhìn thấy gốc rễ vấn đề như tôi. Tôi tin rằng nếu Oliver và Thường vụ đọc 'Bị vong lục' này thì những lo ngại của họ sẽ vơi đi, và tin rằng tôi không bao giờ rời bỏ con đường đã chọn.

Cuộc gặp gỡ mang tính nghi thức đầu tiên giữa Tiểu ban công tác đặc biệt của chính quyền và tôi diễn ra tháng 5/1988 tại câu lạc bộ quân nhân ở nhà tù Pollsmoor. Buổi gặp đầu tiên diễn ra căng thẳng. Những lần gặp tiếp theo mọi thành viên đều có thể nói hết ý kiến của mình thoải mái hơn và cũng thẳng thắn hơn. Trong suốt nhiều tháng, tuần nào chúng tôi cũng gặp nhau.

Tôi nhận ra rằng ngoài Barnard vốn chuyên nghề gián điệp, các thành viên khác của "Tổ công tác đặc biệt", kể cả bộ trưởng tư pháp Coetzee hiểu biết rất ít về ANC. Họ là những người có học hơn và cũng kiên quyết hơn so với đồng bào mình. Nhưng bọn họ đều là vật hy sinh của chính sách tuyên truyền xuyên tạc và bóp méo sự thật. Tôi đã phải hệ thống hóa chính sách của ANC và đính chính nhiều việc mà bộ máy tuyên truyền của chủ nghĩa Apartheid đã chủ ý xuyên tạc hàng chục năm trời. Ngay cả Barnard là điệp viên có cỡ, vậy mà nhiều nguồn tin ông ta cũng chỉ căn cứ vào các báo cáo của cấp dưới, sai sự thật một cách chủ ý.

Tôi đã phải đóng vai giáo sư sử học tóm tắt về quá trình hình thành và phát triển cùng với các chính sách, quan điểm của ANC, những điểm mà hai bên chưa bao giờ chia sẻ với nhau, bởi vì sự cách biệt quá lớn như giữa đêm và ngày, nước và lửa. Sau bài trình bày chi tiết ấy, cuộc đối thoại bàn đến những điểm “cốt tử” của cuộc đàm phán: cuộc chiến đấu vũ trang của ANC và các đồng minh của mình, mục tiêu của chính phủ và tư tưởng hòa giải chủng tộc. Vấn đề “quan trọng nhất của mọi vấn đề” là cuộc chiến đấu vũ trang đã được đưa lên bàn tranh cãi trong nhiều tháng trời. Họ đòi ANC phải chấm dứt bạo lực và giải tán lực lượng vũ trang trước khi có những cuộc đàm phán với chính phủ. Như vậy là đối phương đặt điều kiện tiên quyết và cũng là điều kiện cần có để tôi có thể diện kiến Botha.

Tôi trả lời quý vị ấy rằng chính phủ chịu trách nhiệm về những hành động bạo lực diễn ra trong nước. Chỉ có những kẻ áp bức chứ không phải những người bị áp bức quyết định sử dụng một cách độc đoán cuộc chiến đấu. Khi những kẻ áp bức sử dụng bạo lực thì những người bị áp bức không có sự lựa chọn nào khác là lấy bạo lực đáp lại bạo lực. Cuộc chiến đấu của ANC là hợp lẽ trong bối cảnh chính phủ sử dụng bạo lực đàn áp nhân dân. Bạo lực ANC sử dụng là sự tự vệ chính đáng. Tôi cho phép mình được khẳng định rằng nếu nhà nước quyết định sử dụng các phương pháp ôn hòa thì ANC nhất thiết chỉ chọn các phương tiện hòa bình đáp lại. Tôi kết luận: “Vấn đề chấm dứt bạo lực phụ thuộc và là trách nhiệm của các ngài chứ không phải chúng tôi.”. Tôi cho rằng ở điểm nút này, các nhà đối thoại phía bên kia đã hiểu đúng đắn hơn. Tuy nhiên, vấn đề mang tính triết học này lại chuyển thành vấn đề thực hiện.

Họ cho rằng hầu hết đảng viên Cộng sản trong ANC đều là người da trắng và người Phi gốc Ấn, và chính họ là những người kiểm soát ANC. Cuối cùng thì tôi lại phải nói với họ rằng những gì họ suy nghĩ là kết luận - có thể là cố ý - đã không phản ánh sự thật khách quan: “Thưa quý ngài, các ngài vẫn tự nhận là những người học rộng, những trí thức uyên bác, có đúng như vậy không nào? Quý ngài cho rằng mình rất mạnh và đầy tự tin, đúng không? Thế mà ngay tại đây, lúc này các ngài là số đông - ba người - đối diện với mình tôi ở phía bên kia. Và cho dù quý ngài là số đông tuyệt đối, song như thế có phải quý ngài đang kiểm soát tôi hay chỉ ít thuyết phục tôi thay đổi quan điểm của mình. Vậy thì tại sao các ngài lại nghĩ rằng những người cộng sản lại có thể thành công ở chính điểm mà các ngài đã thất bại chứ?”.

Họ cũng tỏ ra rất lo lắng về ý tưởng quốc hữu hóa toàn bộ nền kinh tế đất nước. Tôi tuyên bố ANC chủ trương một chính sách phân phối công bằng các khoản lợi nhuận của các ngành công nghiệp từ lâu nay đã trở thành độc quyền trong tay các nhà tư bản mại bản. Một số ngành sẽ được quốc hữu hóa. Năm 1955, chúng tôi đã khẳng định trong “Hiến chương Tự do” rằng Nam Phi không đi theo chủ nghĩa xã hội mà theo con đường riêng của Nam Phi.

Một vấn đề được coi là quan trọng tại các cuộc đối thoại là vấn đề chính quyền của phe đa số. Họ cho rằng khi phe đa số cầm quyền ắt sẽ dẫm đạp lên quyền lợi của phe thiểu số. Họ muốn biết ANC sẽ bảo vệ quyền lợi của thiểu số da trắng như thế nào. Tôi khẳng định rằng chưa hề có một tổ chức nào trong lịch sử Nam Phi có thể so sánh với ANC trong cố gắng không mệt mỏi nhằm thống nhất người da đen và da trắng, da màu trong một cộng đồng thống nhất. Hiến chương Tự do đã khẳng định minh bạch, dứt khoát: Nam Phi thuộc về tất cả công dân của mình, những người sinh sống trên mảnh đất này, người da đen và da trắng.

Tôi khẳng định rằng người da trắng cũng là công dân Nam Phi và trong tương lai mọi quyết định của đa số đều cần đến thiểu số này. Chúng tôi không có ý định và không muốn ném họ xuống đại dương.

Những cuộc đối thoại tạm bị hoãn do tôi bị bệnh. Người ta đưa tôi đến bệnh viện sau khi đưa hết bệnh nhân và nhân viên bệnh viện ra khỏi cả tầng lầu. Hẳn là nhà cầm quyền lo sợ tôi sẽ tạo ảnh hưởng cho ANC trong hàng ngũ những người da trắng vốn đang nghi ngờ chính sách của chính phủ, làm cho xã hội lâm vào những cơn khủng hoảng nghiêm trọng triền miên.

Một bác sĩ trẻ và vài y tá, hộ lý chăm sóc tôi rất tận tình. Chưa bao giờ tôi được đối xử tử tế như những giờ nằm chữa bệnh ở đó. Sau khi khám xong, viên bác sĩ trẻ khẳng định tôi không có bệnh gì nghiêm trọng. Tôi được lưu qua đêm ở bệnh viện dưới sự giám sát của quá nhiều mật vụ và lính canh.

Sáng hôm sau, một vị bác sĩ già về còn thân mật và cởi mở hơn, đến khám cho tôi. Nhìn mặt ông, tôi biết vị bác sĩ đã tìm ra bệnh trọng trong cơ thể tôi. Ông nói với tôi rằng tôi bị nước trong phổi. Tôi hơi ngờ vực nhưng tin khả năng chuyên môn của vị bác sĩ đáng kính. Đường như nhìn thấy một thoáng ngờ ực trong ánh mắt tôi, bác sĩ nói: “Thưa ông Mandela, ông hãy nhìn ngực bên trái những mình có phải to xệ ra không nào?”. Ông bác sĩ có lý. Tôi cũng nhận ra bằng mắt thường sự khác biệt ấy. Vả lại phía ngực xệ từng làm tôi đau đớn, khó chịu, tức thở.

Bác sĩ nhanh chóng bắt tay vào việc. Ông gọi phụ tá đưa kim chích đã khử trùng đến. Ông rút từ trong ngực tôi ra một thứ nước lầy nhầy. Kết luận của ông hoàn toàn chính xác. Ngay hôm đó, bác sĩ đã rút hơn hai lít nước từ trong phổi của tôi. Y tá và hộ lý - tất cả là người da trắng - đã chăm sóc tôi tận tình như chăm sóc người thân trong gia đình. Bác sĩ còn phát hiện trong máu tôi hàm lượng cholesterol quá cao và buộc tôi phải theo thực đơn ăn kiêng. Khốn khổ cho một người tù lại ăn kiêng theo toa bác sĩ. Ông thầy thuốc nhân ái ấy bắt tôi ăn kiêng ngay trong những ngày nằm viện. Cả đời tôi đã 70 tuổi có lẽ chưa bao giờ được sống những ngày “vật chất đầy đủ lại được chăm sóc tận tình” như những ngày nằm viện lần này.

Tôi phải lưu lại bệnh viện sáu tuần, sau đó được chuyển đến bệnh viện khác còn nhiều tiện nghi hơn, gần nhà tù Pollsmoor. Chưa bao giờ người ta nhìn thấy bóng một người da đen trong bệnh viện này. Còn bây giờ bệnh nhân được ưu ái và

chăm sóc theo chế độ đặc biệt là một lão già da đen, hơn thế là một tù chính trị thụ án chung thân. Ngay buổi sáng sau khi chuyển bệnh viện, ngài bộ trưởng Coetzee đến thăm tôi. Thiếu tá Marais tháp tùng ông bộ trưởng. Chưa chào nhau xong thì hộ lý mang bữa ăn sáng cho tôi. Nhưng hồ sơ bệnh án chưa bàn giao xong cho nên nhà bếp không biết tôi phải ăn kiêng. Họ dọn bữa ăn như bình thường: một chén súp, ba lát bánh mì kẹp thịt loại hảo hạng, một số lát bánh mì quết bơ, phô mai. Tôi quả thật không nhớ mình được ăn một bữa ngon, chất lượng như vậy vào thời gian nào trong hơn 70 năm qua. Nhìn suất ăn, tôi cảm thấy đói cồn cào. Vào lúc tôi nhấp môi vào chén súp ngon lành, béo ngậy thì bỗng thiếu tá Marais cản lại: “Thưa ông Mandela, bác sĩ đã quy định thực đơn ăn kiêng và ông phải chấp hành!”. Vừa nói ông thiếu tá đưa tay ra định bưng cái khay đi. Còn tôi thì dùng cả hai tay giữ chặt lại, nói rành rọt với viên thiếu tá: “Đáng tiếc, thưa ngài thiếu tá. Nếu bữa ăn sáng này buộc tôi phải chết sau khi đưa vào bao tử thì hôm nay tôi sẵn sàng chết đấy mà!”. Tôi đã dùng bữa sáng ngon lành như chưa bao giờ được ăn ngon như thế.

Một hôm có cô y tá mặt hoa da phấn đến bên giường tôi và ngáp ngừng: “Thưa ông Mandela, tối hôm nay chúng tôi tổ chức đêm vũ hội. Chúng tôi rất vui mừng nếu được ông chấp nhận lời mời đến dự”. Tôi nói với cô gái xinh đẹp rằng lời mời là một vinh dự cho tôi, nhưng chắc là nhà chức trách sẽ can thiệp đó. Quả thật ban lãnh đạo nhà tù đã từ chối, không cho tôi được tham dự buổi vũ hội này. Biết chuyện này, các cô gái vô tư, xinh đẹp đã quyết định sẽ tổ chức cuộc vui ngay trong phòng tôi đang nằm điều trị. Thật cảm động khi các cô khẳng định không có sự hiện diện của tôi họ không thể tổ chức cuộc vui.

Buổi tối, hơn một chục cô gái ăn mặc diêm dúa, lộng lẫy mang theo bánh ngọt, hoa thắm ủa vào phòng tôi. Những người gác bối rối, nhưng họ không thể nhìn các cô gái như những nhân tố gây mất an ninh hoặc gây rủi ro cho bất cứ ai. Khi một lính canh làm bộ mặt nghiêm trang, định cản một cô gái khi cô bước vào phòng, tôi đã ném cái nhìn vừa nghiêm khắc vừa chế giễu về phía anh ta, và nói rằng phải chăng anh ta ghen với một ông già khi có nhiều cô gái xinh đẹp ưu ái ông ta đến thế!

Đầu tháng 12/1988, những biện pháp an ninh được thắt chặt tại khoa tôi đang điều trị. Hình như lại diễn ra một sự đổi thay nào đó. Thiếu tá Marais vào phòng tôi và nói rất khế rằng anh ta phải đưa tôi đi nơi khác. Trả lời câu hỏi của tôi, Marais nói ông ta cũng không biết biết người ta đưa tôi đến nơi nào. Tôi soạn đồ đạc của mình rất nhanh và lấy làm áy náy đã không thể nói lời tạm biệt với những người đã tận tình chăm sóc tôi trong suốt thời gian qua.

Sau một giờ chạy xe, chúng tôi đến một nhà tù có tên là Victor Verster, cách Kapstadt 50 km về phía đông bắc, trong khu đồn điền trồng nho. Đây là loại nhà tù kiểu mẫu của Kapstadt. Chỉ có mình tôi trong nhà tù này. Phải nói đây là khu nghỉ mát thì đúng hơn là một nơi giam tù. Không có rào sắt, chẳng có giây thép

gai, không có biển báo. Tôi có phòng ngủ, phòng tắm, phòng làm việc, phòng tiếp khách và thậm chí có cả hồ bơi. Chỉ có điều là nơi đây đã lâu không có người nên các loài côn trùng lấy làm nơi sinh sống của chúng. Có nhiều loại côn trùng tôi chưa từng thấy bao giờ. Tôi phải “chiến đấu” với chúng nhiều giờ để giành lại “không gian sinh tồn” tạm thời của mình.

Ngay chiều hôm đó, Coetzee đã đến thăm tôi, mang theo một thùng rượu vang “mừng tân gia”. Cả hai dường như không muốn nói đến cái sự buồn cười trong chuyện bất bình thường này, nhưng ai cũng hiểu rất rõ. Tôi biết rằng ngài bộ trưởng đã cố gắng rất nhiều nhằm tạo điều kiện cho tôi sống thoải mái ở nơi ở mới này. Chính ông đã chọn nơi này, chỉ thay đổi duy nhất một chi tiết: cho xây cao bức tường hướng ra mặt phố và như ông ta nói là vì sự yên tĩnh của tôi. Coetzee cũng khẳng định rằng Victor Verster là “ngôi nhà cuối cùng” của tôi trong thời gian còn lại của đời tù. Nơi này - theo ông - là địa điểm lý tưởng cho những cuộc đối thoại và đàm phán của hai bên.

Quả thật sống ở đây tôi đã có ảo tưởng của sự tự do. Ta có thể làm bất cứ việc gì mình muốn, mình thích mà không ai có quyền ngăn cản, ra lệnh. Tôi có tất cả những gì một nhà giàu có cần có. Quả thật đây là cái cũi bằng vàng vậy!

Nhà chức trách cử hẳn một đầu bếp giỏi phục vụ tôi. Anh là một người da trắng lịch sự. Anh nói rằng tôi có thể đặc bất cứ món ăn nào mà mình thích. Anh chỉ có quyền làm theo yêu cầu của tôi. Phải công nhận anh đầu bếp nấu rất ngon. Một hôm sau khi ăn xong, tôi vào bếp rửa bát. Anh đã cản tôi và nói rằng đó là việc của anh. Tôi phải thuyết phục anh rằng anh đã chế biến, nấu nướng thức ăn thì việc rửa bát là việc tôi cần làm, phải làm mới đúng chứ! Cuối cùng thì anh bếp nói rằng việc xếp giường chiếu là nhiệm vụ của anh và tôi đã “cướp” mất, nay lại thêm công việc rửa bát đĩa nữa thì “quá quắt lắm”. Anh nói trong ánh mắt chân thành. Tôi rất cảm động. Tuy nhiên, tôi vốn là người dậy sớm và công việc dọn dẹp giường chiếu, chăn đệm là thói quen suốt cả đời người rồi, tôi không thể bỏ bê cho anh. Anh đã phải phục vụ tôi từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều.

Tôi và anh đầu bếp đã có được một thảo luận với nhau “hai bên cùng có lợi”. Anh kém tiếng Anh, còn tôi thì muốn hoàn thiện ngôn ngữ Baren (tức tiếng Afrikann). Chúng tôi thỏa thuận trong khi nói chuyện với nhau, tôi nói tiếng Afrikann, còn anh thì trả lời hoặc hỏi bằng tiếng Anh.

Victor Verster không chỉ là “nơi giam giữ” mà cũng là nơi tôi tiếp khách. Đầu bếp làm tất cả để thỏa mãn yêu cầu của khách. Phải công nhận anh là đầu bếp tuyệt vời. Nhiều khi khách của tôi thú nhận là ngoài việc đến thăm tôi còn là để thưởng thức những món ăn “không đâu có” do “đầu bếp của tôi” chế biến. Tôi còn nhớ mình thích loại rượu vang ướp và ngày nào cũng nhờ anh bếp cho uống vài ly loại rượu ấy. Một hôm tôi báo cho đầu bếp là mình có khách đến thăm. Anh bếp hỏi tên các vị khách. Tôi vốn không phải là người sành uống. Thông thường tôi chỉ uống rượu vang ướp. Anh đầu bếp nhiều lần đề nghị tôi dùng loại khác nhưng

không nói rõ lý do vì sao nên như vậy. Có lẽ anh cho là tôi không ham thứ kích thích ấy cho nên cũng không ép tôi. Hôm nay anh tỏ vẻ tần ngần sau khi nghe tôi nói là mua thứ rượu tôi từng uống để tiếp đãi khách. Số lượng mua khá nhiều. Anh đầu bếp cứ đứng mãi trong bếp mà không chịu đi. Tôi lấy làm lạ, sợ tôi làm anh méch lòng điều gì chẳng. Anh đầu bếp bỗng gãi tai: “Thưa ông Mandela, theo tôi thì nên mua loại rượu vang khác cho khách chứ không nên mua loại ông vẫn dùng.” Hỏi vì sao, anh đắn đo khá lâu rồi mới chịu nói thật: “Rượu vang ông vẫn dùng là loại thường, rẻ tiền. Khách hôm nay toàn những người sành rượu...” Tôi bỗng hiểu ra và nói rằng tùy thuộc anh quyết định. Nhưng là người tinh tế, anh đầu bếp nói rằng mình sẽ mua cả hai thứ và khách sẽ chọn rượu nào họ thích. Hôm đó khi mng rượu ra, tôi hỏi khách chọn loại nào thì dường như tất cả đều từ chối uống loại rượu tôi vẫn thường dùng hằng ngày. Anh đầu bếp không nói gì chỉ mỉm cười, lẳng lặng lấy loại rượu khách thích. Còn tôi thì anh vẫn mang cho chai loại cũ.

Cuộc đàm phán dầm chân tại chỗ do bất đồng ý kiến về cả ba nội dung chính. Tôi thông báo cho ANC ở Lusaka và các bạn tù trong ban lãnh đạo. Chúng tôi giữ lập trường nguyên tắc về các vấn đề này, kiên quyết không nhượng bộ một bước nào dù là nhỏ nhất.

Các bạn tù ở Pollsmoor đến thăm tôi thường xuyên hơn. Chúng tôi thảo luận rất kỹ nội dung bản bị vong lục mà tôi sẽ trao cho tổng thống Botha. Nội dung chủ yếu của bị vong lục đều đã được đưa ra trong các cuộc đối thoại, tuy nhiên tôi phải viết rõ tất cả cho Botha để đích thân người cầm đầu chính quyền hiểu ra rằng ANC không phải và không bao giờ là những kẻ khát máu, mà là những con người đầy thiện chí.

“Tôi hết sức lo ngại như phần lớn người dân Nam Phi về bóng ma của sự hằn thù tiềm ẩn trong xã hội nước tôi khi những công dân da đen ở một phía và những người da trắng ở phía khác để chém giết nhau, coi nhau như những kẻ thù không đội trời chung.” Để ngăn chặn thảm cảnh này và tạo điều kiện cho các cuộc đối thoại dẫn đến đàm phán có hiệu quả, tôi đề nghị phía chính phủ rút ba điều kiện tiên quyết mà họ đòi ANC: chấm dứt bạo lực, đoạn tuyệt với những người cộng sản và các đồng minh khác, chấm dứt việc như phủ định một chính phủ của phe đa số.

Về đòi hỏi chấm dứt bạo lực tôi viết rằng đó không phải là vấn đề không thể vượt qua. Tôi khẳng định: “Chính phủ trong thực tế chưa sẵn sàng chia sẻ quyền lực với người Phi da đen và vì vậy mọi đòi hỏi một phía sẽ là không thực tế.” Tôi tuyên bố từ chối đòi hỏi của ANC đoạn tuyệt với các đồng minh chiến lược của mình và bác bỏ luận điệu cho rằng ANC do những người cộng sản kiểm soát. Tôi viết: “Ai chấp nhận đòi hỏi của kẻ thù chung đoạn tuyệt với bạn bè, chiến hữu suốt đời sát cánh với mình thì làm sao có thể giữ được lòng tin và sự quý trọng của nhân dân?”. Còn việc chính quyền từ chối một chính phủ của phe đa số thì

chẳng qua đó chỉ là một cố gắng được che đậy nhằm bám vào quyền lực mà họ không xứng đáng được trao. Tôi đòi ngài tổng thống hãy nhìn thẳng vào sự thật. Tôi viết: “Nguyên tắc đa số và hòa bình trong nước như hai mặt của đồng xu và nước Nam Phi của người da trắng phải chấp nhận sự thật quá đơn giản rằng, không bao giờ có hòa bình và ổn định trong đất nước này chừng nào nguyên lý đa số cầm quyền không được xác lập.” Kết thúc bức thư, tôi cũng đã đưa ra phác họa về những nội dung của các cuộc đàm phán trong những ngày tới. Nội dung đó được lý giải như sau: “Hai vấn đề chính trị phải được đưa ra thảo luận. Một là yêu cầu nguyên lý đa số trong một nhà nước thống nhất. Thứ hai là sự lo lắng của người da trắng trước yêu cầu này cũng như đảm bảo sự tồn tại của họ trong cơ cấu nhà nước theo nguyên tắc đa số không trở thành sự thống trị của người da đen đối với người da trắng. Nhiệm vụ có tính quyết định trước mắt của chính phủ và ANC là hòa giải giữa hai cộng đồng này.”

Tôi đề nghị tiến hành đàm phán hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất sẽ là thảo luận nhằm tạo những điều kiện đúng đắn cho các cuộc đàm phán và bước thứ hai chính là những cuộc đàm phán cụ thể, thiết thực: “Tôi phải khẳng định rằng bước đầu tiên do phía ngài tổng thống hoạch định sẽ tạo ra cơ sở để vượt qua sự đông cứng hiện nay nhằm bình thường hóa tình hình chính trị trong nước. Tôi hy vọng rằng ngài tổng thống không trì hoãn lâu vấn đề này.”

Nhưng vẫn xuất hiện sự trì hoãn. Tháng Giêng năm 1989, Botha lên cơn đau tim. Cơn đột quỵ được khắc phục kịp thời, không làm mất khả năng đàm phán, nhưng đã làm ngài tổng thống yếu hẳn, làm cho chính phủ càng lo lắng hơn. Tháng Hai, Botha từ nhiệm chức vụ chủ tịch National Party nhưng vẫn giữ ghế tổng thống. Tình hình này đã tạo ra tình cảnh trước đó chưa hề xảy ra. Luật pháp Nam Phi quy định người đứng đầu đảng chiếm đa số trong Nghị viện giữ chức nguyên thủ quốc gia. Botha bây giờ là nguyên thủ quốc gia nhưng lại không là thủ lĩnh đảng đa số, nghĩa là không còn là nhân vật lãnh đạo đảng. Một số chính khách cho rằng đó là một sự phát triển tích cực. Họ lập luận rằng Botha muốn “vượt lên chính sách của đảng” để bắt tay vào việc tạo ra sự biến đổi thực sự ở Nam Phi.

Khủng bố chính trị và sức ép quốc tế tiếp tục tăng. Tù chính trị trong cả nước tuyệt thực thắng lợi. Áp lực từ nhiều phía đã buộc chính quyền thả 900 tù nhân. Năm 1989, nhiều tổ chức chính trị thống nhất hành động trong một mặt trận đấu tranh chung. Ở nước ngoài, Oliver Tambo thay mặt ANC đã có những cuộc hội đàm công khai với đại diện chính phủ Anh, Liên Xô, sau đó ông có cuộc hội kiến với ngoại trưởng Mỹ, George Shultz, ở Washington. Lần đầu tiên Mỹ tuyên bố công nhận ANC sau 77 năm tổ chức này tồn tại và phát triển. Chính sách cô lập và cấm vận đối với Nam Phi được tăng cường.

Bạo lực chính trị cũng đưa đến những hậu quả đầy bi kịch. Vào thời điểm bạo lực leo thang ở Soweto, Winnie tổ chức một nhóm thanh niên trẻ làm vệ sĩ khi

nàng xuất hiện những nơi nguy hiểm. Những chàng trai này không được giáo dục tốt, kém kỷ luật và đã gây ra một loạt hành động bạo lực làm ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của ANC. Winnie bị lôi kéo vào một vụ án do một trong những thanh niên kia ấy ra làm chết một người Phi trẻ. Sự kiện này là tôi đau lòng, bởi vì một xi-căng-đan kiểu đó chỉ phục vụ cho kẻ thù đang làm hết sức để chia rẽ ANC vào thời điểm tổ chức cần sự đoàn kết, nhất trí hơn bao giờ.

Tháng 7 năm 1989, tôi làm lễ kỷ niệm sinh nhật lần thứ 71 ngay trong nhà tù Victor Varster. Một lễ sinh nhật có một không hai ở Nam Phi. Tất cả người thân của tôi có mặt trong ngày vui này. Anh đầu bếp đã làm tất cả những gì có thể để ngày vui của tôi có ý nghĩa. Tôi cảm ơn anh chân thành. Một cuộc hội ngộ tôi chờ đợi, mơ ước suốt một phần tư thế kỷ nay đã trở thành hiện thực ngay trong nhà tù và đứa con sinh nhật vẫn là một tù nhân.

Ngày 4 tháng 7, tướng Wiklemse báo cho tôi sáng hôm sau có cuộc viếng thăm xã giao tổng thống Botha. Tôi nói với viên tướng rằng mình muốn có một bộ quần áo tươm tất khi đến dinh Tổng thống. Bộ comple nhà tù may cho ngày nào để gặp đoàn cấp cao Khối thịnh vượng chung, nay đã quá cũ. Tướng Willemse chấp nhận yêu cầu của tôi. Một lần nữa ông phó may lại đến và chiều hôm đó tôi đã có bộ comple vừa vặn. Tướng Willemse cũng đã cho tùy tùng mang giày, áo chemise, cra-vát cho tôi. Ông tướng còn hỏi tôi thuộc nhóm máu nào phòng khi cần thiết, nhất là trong ngày mai.

Tôi chuẩn bị cho chuyến thăm xã giao này rất chu đáo. Botha vốn mệnh danh là “Con sáu chúa” và tôi cũng từng nghe nói đến khí chất khác thường của ông ta. Ông thuộc loại chính khách dửng dưng nhất ở Nam Phi. Ông là một người Buren điển hình, chưa bao giờ có chuyện thảo luận bất cứ vấn đề gì với bất cứ nhà lãnh đạo da đen nào. Ông ta sinh ra là để ra lệnh cho họ kia mà!

Đúng 5 giờ 30 phút, viên tướng chỉ huy đến nhà tù Victor Verster, vào thẳng phòng ngủ của tôi. Ông xét nét quan sát mọi thứ rất kỹ, rồi bỗng nói: “Ông Mandela, cra-vát của ông đây ư? Không phải thắt như thế này!”. Ở trong tù chúng tôi đâu cần thứ này và vì vậy sau gần 30 năm không đụng đến nó, tôi đã quên cả cách thắt nút cra-vát. Tướng Willemse đứng ngay sau lưng tôi và giúp tôi làm cái việc bắt đầu dễ này.

Tại dinh Tổng thống, người ta cho xe hơi vào gara lớn, lên cầu thang điện, đến một phòng rộng, trang hoàng sang trọng đặc biệt. Đã có mặt bộ trưởng tư pháp Coetzee và Giám đốc cơ quan an ninh Barnard trong phòng. Cả hai người khuyên tôi không nên đề cập những vấn đề khúc mắc có thể gây tranh luận gay gắt.

Trong khi mọi người chờ đợi, Barnard bỗng phát hiện một bên giày của tôi bị tung dây. Ông ta cúi xuống buộc lại dây giày cho tôi. Tôi nhận thấy bọn họ rất hồi hộp và điều đó đã ảnh hưởng đến tôi. Tôi bỗng cảm thấy mình thiếu bình tĩnh vốn là thế mạnh của tôi. Rồi cửa chính bỗng mở, tôi bước vào văn phòng ngài tổng thống và tự nói với mình: ta đã chờ đợi những điều nghiêm trọng nhất đây!

Từ phía đối diện, P.W.Botha tiến về phía tôi. Ông ta tính chính xác từng bước đi sao cho khi hai người đối mặt nhau đứng giữa chính căn phòng. Ông ta đưa tay ra và miệng nở nụ cười. Quả thật cảnh tượng từ giờ phút này tôi cảm thấy như mình bị tước mất vũ khí. Ông ta quả thật rất lịch thiệp, không hề để xảy ra sơ suất nhỏ nào. Và ông ta rất có uy lực.

Chúng tôi yên vị cho phóng viên chụp ảnh. Bức ảnh chính chụp hai người đang bắt tay nhau. Sau đó chúng tôi chỉ nói chuyện xã giao, những vấn đề lịch sử của nước Nam Phi. Tôi nói rằng dĩ nhiên lịch sử của đất nước này trong tư duy của người da đen khác với người da trắng. Ông tổng thống cho rằng cuộc nổi dậy của người Buren chống người Anh là cuộc tranh chấp giữa người anh em (ý nói cả hai đều là người da trắng và cùng đến Nam Phi với một mục tiêu: xâm lược, cướp nước của người da đen làm thuộc địa - ND), trong khi đó cuộc đấu tranh của ANC là cuộc đấu tranh lật đổ. Tôi nói rằng người ta có thể nói cuộc chiến đấu này là cuộc đấu tranh giữa những người anh em trong một nhà mà ngẫu nhiên họ mang hai màu da khác nhau.

Cuộc hội kiến kéo dài khoảng nửa giờ, hữu nghị và không gây ra rắc rối gì cho cả hai bên. Cuối cùng thì tôi cũng đã đặt lên bàn vấn đề nghiêm túc: yêu cầu Botha trả tự do cho tất cả tù chính trị, kể cả tôi, mà không kèm theo bất cứ điều kiện tiên quyết nào. Đó là thời khắc căng thẳng nhất của “cuộc hội ngộ bất thường” và Botha đáp lại rằng ông ta sợ là không đáp ứng được yêu sách này.

Để đề phòng tin tức rò rỉ ra ngoài, chúng tôi nhanh chóng phác thảo một thông báo mang nội dung đây là một cuộc gặp thưởng trà và bàn về vấn đề làm cách nào văn hồi hòa bình cho đất nước. Sau khi thống nhất nội dung thông tin này, Botha đứng dậy bắt tay tôi và nói rằng cuộc gặp hôm nay mang lại cho ông ta niềm vui. Quả thật nó là như vậy. Tôi đáp lời với câu cảm ơn và ra khỏi văn phòng của Botha bằng chính lối đã dẫn tôi vào.

Cuộc gặp hôm nay chưa tạo được bước đột phá cho cuộc đàm phán, nhưng nó đã mở ra một cánh cửa. Botha đã từ lâu nói đến sự cần thiết của bước đột phá này và hôm nay thì ông ta đã dũng cảm bước qua được cái ngưỡng khó khăn ấy... Bây giờ thì không còn đường lùi nữa rồi.

Hơn một tháng sau, khoảng tháng 8/1989, Botha tuyên bố từ nhiệm chức vụ tổng thống. Tin được đưa trên đài phát thanh và truyền hình. Ngày hôm sau, Frederick Willem de Klerk tuyên thệ nhậm chức quyền Tổng thống Nam Phi. Tại lễ nhậm chức, ông tuyên bố chính sách cải cách của chính phủ, thay đổi đường lối cũ của Botha. Đối với chúng tôi, De Klerk là nhân vật chưa lường trước được điều gì. Trong quá khứ người ta chưa hề tìm thấy tinh thần và ý tưởng cải cách trong hành động cũng như lời nói của ông. Là Bộ trưởng Giáo dục, ông ta từng tách sinh viên da trắng khỏi những nơi có sinh viên da đen. Ông đã đuổi hết sinh viên da đen khỏi các trường “chỉ dành cho sinh viên da trắng”.

Nhưng vào thời điểm nhậm chức chủ tịch đảng National Party của De Klerk, tôi bắt đầu chú ý đến con người này hơn. Tôi đọc tất cả bài viết, bài phát biểu của ông, nghe chăm chú những gì ông nói qua sóng phát thanh và kênh truyền hình, bước đầu tôi nhận ra rằng quả thật ông De Klerk đang thực thi một chính sách đối nghịch với người tiền nhiệm. Nói chính xác hơn là de Klerk từ bỏ chính sách của người tiền nhiệm. De Klerk vốn không phải là nhà lý luận mà là người hoạt động thực tiễn, người cho rằng sự đổi thay là cần thiết và không thể làm ngơ được nữa. Vào ngày tuyên thệ của ông, tôi đã gửi De Klerk một bức thư, trong đó tôi đề nghị có một cuộc hội kiến giữa ông và tôi.

Sáng ngày 12/9/1989, Walter Sisulu và bảy chiến hữu khác được trả tự do. Còn tôi lại được đưa tới khu vực gần dinh Tổng thống. Tôi gặp De Klerk và uống trà với ông ngay trong căn phòng sang trọng mà Botha từng tiếp kiến tôi cách nay không lâu.

Ngay từ phút đầu tiên, tôi nhận thấy rằng De Klerk chăm chú nghe người đối thoại, nhất là khi tôi đề cập phương án “Quyền lợi của các nhóm cư dân” mà đảng National Party của ông đã thông qua trong cương lĩnh chính trị của đảng. Những quyền này dành cho thiểu số (ở đây là người da trắng) quyền “được bảo vệ” bằng cách chống lại đa số (tức người da đen). Sự thật là chính phủ muốn qua đó bảo vệ sự độc quyền thống trị của người da trắng trong đất nước đại đa số là người da đen “nguyên gốc”.

Tôi nói thẳng với de Klerk rằng ANC đã chiến đấu hơn 75 năm chống chế độ Apartheid không phải để chịu khuất phục chế độ tàn bạo bất nhân ấy dưới một hình thức khác được ngụy trang khéo léo và man trá. Trả lời vấn đề này, ông tổng thống lại phải khẳng định: “Vậy thì chúng tôi sẽ thay đổi điều khoản này!”.

Tiếp theo, tôi đặt vấn đề trả tự do cho tôi lên bàn và nói rằng nếu ông ta chờ đợi sau khi ra khỏi tù tôi sẽ im lặng, chẳng làm gì cả thì ông nhâm to. Tôi khẳng định lại một lần nữa rằng nếu tôi được trả lại tự do trong bối cảnh như khi tôi bị bắt ném vào nhà tù thì tôi lại tiến hành những hoạt động mà người ta đã lấy làm duyên cớ để bỏ tù tôi. Tôi cũng nói rõ cho ông ta suy nghĩ là con đường tốt nhất đạt được tiến bộ để tiến lên phía trước là nhanh chóng hủy bỏ đạo luật khẩn cấp, trả lại tự do cho tù chính trị, và cho phép tất cả các đảng phái chính trị hoạt động công khai, cho phép những người lưu vong trở về nước không gấn với bất cứ điều kiện nào. Nếu chính phủ không bãi bỏ đạo luật cấm ANC thì ngay sau khi ra khỏi nhà tù, tôi lại bước ngay vào hoạt động bí mật, và như vậy ngài sẽ lại nhanh chóng phải thuộc hạ truy lùng, bắt to. Mà tốt hơn cả là sau khi tôi bước khỏi nhà tù vài ba bước thôi.

De Klerk nghe chăm chú. Tôi báo tin cho các chiến hữu ở Lusaka rằng ông ta là “một người có thể làm bạn đồng hành” được. Đó là câu nói mà Marageth Thatcher từng nói về Mikhail Gorbatschov.

Ngày 2/2/1990, trong diễn văn khai mạc kỳ họp Nghị viện Nam Phi, De Klerk tuyên bố quyết tâm dỡ bỏ chế độ phân biệt chủng tộc và tạo tiền đề cho một nhà nước Nam Phi dân chủ. De Klerk tuyên bố sẽ hủy bỏ đạo luật cấm ANC, PAC, Đảng Cộng sản và 31 tổ chức đảng phái hoạt động bí mật khác, tuyên bố thả tất cả tù chính trị, hủy bỏ án tử hình và mọi quy định hạn chế mà đạo luật ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước quy định. Ông ta tuyên bố: “Thời kỳ của đàm phán đã đến!”.

Chỉ trong một ngày đêm, thế giới của chúng tôi bỗng thay đổi hẳn.

Bảy ngày sau bài diễn văn của De Klerk trước Nghị viện, người ta báo cho tôi chuẩn bị đến dinh Tổng thống. Báo chí từng dự báo tôi sẽ được trả lại tự do này mai. Tuy nhiên, tôi lấy làm ngỡ ngàng khi biết chính De Klerk sẽ nói với tôi trong cuộc hội kiến sắp tới rằng ông quyết định trả lại tự do cho tôi. Tôi rơi vào tâm trạng pha trộn giữa lý trí và tình cảm. Một mặt tôi ước mong nhanh chóng rời khỏi nhà tù sớm chút nào tốt phút ấy, nhưng làm quá nhanh như vậy chưa hẳn là thông minh. Tôi cảm ơn ông ta, đồng thời chỉ ra nguy cơ có thể xảy ra. Tốt hơn cả là tôi cần có một thời gian chuẩn bị cho sự kiện này. Nếu sáng mai ra tù - tôi nói - thì sẽ khó tránh khỏi cảnh hỗn loạn. Vì thế tôi yêu cầu De Klerk trả tự do cho tôi trong vòng một tuần lễ. Tôi đã chờ đợi ngày này suốt 27 năm, nay chờ thêm bảy ngày nữa đâu có chuyện gì đáng băn khoăn.

De Klerk hết sức ngạc nhiên trước phản ứng này của tôi. Bỏ qua yêu cầu của tôi, De Klerk tiếp tục mạch suy nghĩ của ông ta. Ông nói rằng chính quyền sẽ đưa ông trở lại Johannesburg và chính thức tuyên bố trả lại tự do cho tôi ở đó. Tôi ngắt lời ông và khẳng định tôi chống lại quyết định đó. Tôi nói rằng mình sẽ bước qua cổng nhà tù Victor Verster và cảm ơn những người đã chăm sóc tôi, cảm ơn những công dân Kapstadt. Cho dù tôi hoạt động và trưởng thành ở Johannesburg bước vào đời chiến đấu cho tự do ở đó, nhưng Kapstadt đã trở thành quê hương của tôi. Tôi sẽ trở lại Johannesburg nhưng vào thời điểm nào là quyền của tôi chứ không phải theo ý muốn của nhà cầm quyền. Tôi nói: “Một khi trở thành người tự do tự tại tôi sẽ lo mọi chuyện của mình.”

Đó là phút căng thẳng. Hồi ấy trong chúng tôi không ai nghĩ rằng có chuyện hài hước nào hơn sự hài hước đã diễn ra với tôi: một người tù mang án khổ sai chung thân đưa yêu sách được lưu lại trong tù, trong khi kẻ giam cầm anh ta muốn đưa anh ta trả lại tự do ngay nơi anh ta bị tóm cổ và trả ngay tức khắc! Cuối cùng hai bên đã có những nhượng bộ như sau: Tôi sẽ được trả lại tự do ngay tại nhà tù Victor Verster, nhưng thời gian không thể thay đổi được nữa. Ủy ban đón tiếp tù nhân Nelson Mandela của ANC đã phải hoạt động “hết công sức”, trong đó có việc không đơn giản là đưa Winnie và các con tôi đến Kapstadt bằng máy bay. Các chiến hữu của tôi đã làm việc không mệt mỏi, đã hoàn thành những công việc phi thường trong khoảng thời gian quá ngắn ngủi. Cả nước chờ đợi ngày giờ trọng đại này của đời tôi và người dân cũng coi là của họ. Cảm động biết bao. Đêm hôm

đó các thành viên Ban đón tiếp những công việc cuối cùng đến quá nửa đêm. Ba giờ sáng tôi mới lên giường và bất chấp sự hồi hộp dâng trào, giấc ngủ đã đến với tôi không khó khăn lắm.

Ngày 11 tháng 2 năm 1990, là một ngày xuân trời trong xanh, không chút gợn mây. Tôi dậy sớm như thường lệ, tập bài thể dục hằng ngày rồi đi tắm rửa, ăn sáng. Bác sĩ nhà tù đến khám sức khỏe cho tôi lần cuối cùng. Người ta mang đến cho tôi nhiều túi, hộp carton để bó các thứ “của riêng” vào đó. Hồi ở Robben Island, tôi chẳng có gì ngoài quyển album. Nhưng từ khi được trở lại đất liền và chế độ tù nới lỏng, thậm chí “quá ưu ái” với một tù nhân nguy hiểm như tôi, “tài sản” của tôi tăng dần, tăng dần, chủ yếu là sách đủ loại, thư từ, báo chí nước ngoài, quà tặng của nhiều giới trong và ngoài nước. Nhưng nhiều nhất là hằng ngàn trang bản thảo đủ các thứ kế hoạch, thư trao đổi... tôi viết trong suốt gần 8 năm trong hai nhà tù Pollsmoor và Victor Verster. Tất cả giờ đây là tài sản của tôi với cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Tôi chất đầy trong 10 kiện!

Cuộc trả lại tự do cho tôi được quyết định tiến hành vào 15 giờ, nhưng cuối cùng phải lùi lại do Winnie và các con tôi chưa thể đến kịp cho dù đã đặt máy bay chuyển. Vào khoảng 15 giờ, tôi nhận điện thoại của đài truyền hình. Ông tổng đạo diễn đề nghị tôi xuống xe trước cổng nhà tù khoảng 300 mét để các nhà quay phim ghi toàn cảnh tôi được trả tự do như thế nào cho khán giả truyền hình Nam Phi và thế giới được thấy.

Vài phút trước 16 giờ, xe chở tôi tiến từ trong sân nhà tù Victor Verster chạy ra. Theo kế hoạch thì những người da trắng phục vụ tôi trong 8 năm qua cùng gia đình họ mà tôi đã thân quen, chờ tôi ngay ở cổng. Tôi sẽ xuống bắt tay cảm ơn và tạm biệt họ. Trước cổng nhà tù khoảng 400 mét xe dừng lại. Winnie và tôi ra khỏi xe, tiến dần đến cổng nhà tù. Hàng trăm phóng viên quay phim, chụp ảnh, nhà báo với cả một rừng micro vây lấy chúng tôi. Tôi không ngờ ngoài số bạn bè chiến hữu và thành viên ban đón tiếp ra còn hàng ngàn người dân đứng kín đường, hò phổng hát vang bài ca tự do chào đón tôi. Tim tôi thổn thức trước cảnh tượng vô cùng cảm động này.

Khi chúng tôi cách cổng nhà tù khoảng 30 mét thì hàng loạt máy quay phim, máy ghi âm, máy ảnh hoạt động. Một thứ âm thanh kỳ lạ như một rừng con thú bằng kim loại đang đồng thanh chuyện trò với nhau. Phóng viên bắt đầu hỏi rất to. Máy quay hướng tứ phía đổ dồn vào tôi. Quần chúng hoan hô như sấm động, rầm trời, đất dưới chân tôi như rung chuyển. Một quang cảnh có chút hỗn loạn nhưng là giờ phút hạnh phúc lớn lao biết chừng nào.

Vào đúng lúc một tổ phóng viên truyền hình chĩa thẳng vào tôi một ống kính dài ngoẵng, tôi bỗng giật mình theo bản năng, lùi lại và tự hỏi phải chăng đó là một loại vũ khí mới được sản xuất sau khi tôi bị tổng ngục mà tôi chưa từng thấy? Đường như hiểu được sự bối rối của tôi, Winnie nói đó là cần micro lưu động của phóng viên truyền hình chuyên nghiệp thôi mà.

Cuối cùng tôi bước ra khỏi cổng nhà tù. Dù đã 71 tuổi, tôi vẫn cảm nhận rất rõ rằng một cuộc đời mới, hoàn toàn mới đang bắt đầu trong lồng ngực, trong trái tim mình. Hơn 10.000 ngày ngồi trong tù bây giờ đã trở thành quá khứ.

Trong lời phát biểu của mình với đồng bào, đồng chí trong giờ tự do đầu tiên tôi nghẹn ngào không nói được thành lời. Tôi giờ cao cánh tay phải. Tiếng reo hò nổi lên như sấm. Một không khí tôi chưa từng chứng kiến.

Chúng tôi chỉ lưu lại vài phút nơi này, trong biển người mà ban đón tiếp đã không lường trước được. Một cuộc đón tiếp long trọng đã được tổ chức ở Kapstadt. Hàng ngàn, hàng trăm ngàn người đang chờ đợi tôi. Tôi rất lo không phải vì quãng đường 50 km trước mắt mà vì chưa nói được với những con người đã chăm sóc tôi chu đáo, tận tình trong suốt 8 năm qua lời cảm ơn và tạm biệt.

Cuộc đón tiếp tôi ở Kapstadt được tổ chức tại quảng trường lớn. Tôi sẽ đứng trên lan can trụ sở Hội đồng thành phố nói chuyện với dân chúng.

Xe chạy đến Kapstadt chỉ mất 45 phút. Nhưng khi chiếc xe hơi vào đường phố chính thì bị nghẽn giữa biển người. Tất cả các đường phố trong thành phố đông nghịt người từ khắp nơi đổ về chứng kiến giờ phút mà họ cho là đã chờ đợi suốt gần 30 năm. Khi xe vào đến giao lộ thì không sao di chuyển được nữa. Tôi cảm thấy như đang bị cơn mưa đá ập tới. Công chúng lúc đầu chỉ gõ, về sau họ đập vào thùng xe, mui xe biểu thị sự vui mừng thái quá của mình. Rồi tôi bỗng thấy như đang trên con tàu giữa đại dương gió to bão lớn. Đã có người khiêng xe tôi. Người lái xe vô cùng sợ hãi. Anh ta bảo Winnie và tôi phải ra khỏi xe để tránh rủi ro có thể xảy ra. Tôi thuyết phục anh lái xe phải bình tĩnh, đóng chặt cửa xe. Ra khỏi xe lúc này rất nguy hiểm. Tôi yêu cầu cảnh sát can thiệp. Khó khăn lắm cảnh sát mới mở được con đường nhỏ giữa biển người cho xe tiến lên. Lẽ ra phải chạy vào quảng trường lớn thì lái xe - lúc này mặt tái xanh - đã quẹo sang trái và chạy thẳng ra phía ngoại ô. Chúng tôi vào nhà một cơ sở của ANC mà không biết những gì đang diễn ra trên các đường phố và trên quảng trường lớn Kapstadt. Vừa khi chủ nhà mang nước giải khát ướp lạnh mời chúng tôi thì bỗng chuông điện thoại reo. Tổng giám mục Desmond Tutu ở đằng kia đầu giây. Tôi quả thật không ngờ Tổng giám mục Tutu lại biết nơi tôi ghé qua. Tôi cầm ống nghe mà tay vẫn run run: “Nelson, ông phải lập tức đến quảng trường lớn. Hàng vạn người đã dường như hết kiên nhẫn rồi. Nếu ông không đến ngay thì tôi không dám đảm bảo mọi việc sẽ không khiêu khích như thế nào đâu. Một cuộc nổi dậy thật sự với sức mạnh kinh hoàng có thể diễn ra ngay bây giờ!”. Tôi hứa với ông sẽ đến ngay tức khắc.

Lái xe từ chối. Tôi phải ra lệnh cho anh ta với giọng hơn cả nghiêm khắc. Anh ngồi sau tay lái mà tay vẫn run lên. Tòa nhà Hội đồng thị chính đã bị biển người bao kín bốn phía. Khi còi hú, người ta dạt ra và chừa một lối từ phía sau đủ cho thân chiếc xe hơi chạy vào. May mắn là người lái xe đã lấy lại được bình tĩnh và nhờ tay nghề khá cao, anh đã chạy được qua lối đi hẹp bao bọc người, vào tòa thị chính. Khi tôi trèo lên tầng có ban công thì mới thu vào tai mình tiếng hỗn loạn

đến mức nào. Tôi nhanh chóng lao ra ban công và trước mặt tôi là một biển người vô tận. Trong tay rừng người là cờ, băng-rôn, khẩu hiệu. Trong con tưởng là hỗn loạn ấy, bây giờ là những đợt hô khẩu hiệu rất đều và tiếng cười vang như sấm.

Tôi giơ cao cánh tay phải gửi biển người lời chào chiến đấu của ANC. Tiếng hô đáp lại thật vang trời như muốn sụp Tòa thị chính. Những tiếng hô này dường như tiếp sức cho tôi chí khí mới. Tôi hô to: “Amandla!”. Rừng người đáp lại “Ngawethu!”. Tôi lại hô to “Africa”. Tiếng đáp còn to hơn, mạnh hơn trước “Mayibuye!”. Khi biển người đã dịu lại, tôi rút bài diễn văn từ trong túi áo và tìm kính. Tiếc thay tôi đã để quên cặp kính trong nhà tù Victor Verster. May mà Winnie cũng đeo kính cùng một số như tôi. Tôi đã “mượn” kính của nàng.

“Các bạn, các chiến hữu và đồng bào châu Phi yêu quý. Tôi nhiệt liệt chào mừng các bạn nhân danh hòa bình, dân chủ và tự do cho tất cả, của tất cả chúng ta! Tôi đứng trước mặt các bạn không phải với tư cách là một nhà tiên tri mà là một đầy tớ khiêm tốn, đầy tớ của nhân dân. Sự hy sinh mang tính lịch sử và rất anh hùng của các bạn đã góp phần quyết định để tôi có mặt hôm nay, tại đây. Vì lẽ đó những năm cuối cùng của đời tôi xin được trao vào tay các bạn.”

Tôi nói từ con tim mình. Trước hết tôi khẳng định với đồng bào rằng tôi không phải là thánh mà chỉ là một con người bình thường như mọi người, mà do hoàn cảnh đặc biệt đã trở thành người lãnh đạo. Tôi nhiệt tình cảm ơn tất cả những con người thiện chí trên toàn thế giới đã hết sức hoạt động đòi tự do cho tôi. Tôi cảm ơn công dân Kapstadt và gửi lời chào kính trọng đến Oliler Tambo và ANC, MK, Đảng Cộng sản Nam Phi và các tổ chức quần chúng trong cả nước đã dành cho tôi sự ủng hộ kiên trì, đầy hiệu quả. Tôi cũng cảm ơn vợ và các con tôi, đại gia đình tôi đã kiên trì không mệt mỏi trong suốt gần 30 năm qua. Tôi nói: “Nỗi đau của người thân còn lớn hơn nỗi đau của bản thân tôi rất nhiều.”

Tôi khẳng định một cách không chút mập mờ rằng chủ nghĩa Apartheid không bao giờ có tương lai và tất cả mọi người không thể không tiếp tục phấn đấu cho mục tiêu này. “Ánh sáng tự do ở phía chân trời tăng thêm dũng khí cho tất cả chúng ta gấp đôi trong cuộc chiến đấu này. Hôm nay tôi muốn báo cáo với nhân dân rằng những cuộc đối thoại của tôi với chính phủ nhằm mục đích bình thường hóa tình hình trong nước. Tôi muốn nhấn mạnh rằng chưa bao giờ bàn đến tương lai của đất nước chúng ta trong các cuộc đàm phán với chính phủ ngoài việc phấn đấu dẫn đến cuộc gặp gỡ giữa ANC và chính phủ.”

Tôi nhấn mạnh hy vọng của mình rằng sẽ tạo được một không khí có thể dẫn đến những thỏa thuận trong các cuộc đàm phán và qua đó không còn cần đến cuộc chiến đấu vũ trang. Những bước cần thiết để tạo được không khí ấy chính là những nội dung của “Tuyên bố Herare” của ANC năm 1989. Điều kiện tiên quyết cho các cuộc đàm phán thực sự chính là chính phủ chấm dứt cho các cuộc đàm phán thực sự chính là chính phủ chấm dứt đạo luật khẩn cấp và trả tự do cho tất cả tù chính trị.

Tôi nói với quần chúng rằng De Klerk đã tiến xa hơn tất cả những người tiền nhiệm của ông ta nhằm bình thường hóa tình hình đất nước và tôi không quên gọi “De Klerk là con người có thực quyền”. Lời tuyên bố này còn đeo đẳng tôi khá nhiều năm sau đó. Những lời này đã cảnh cáo tôi, buộc tội tôi nhiều lần, nhất là mỗi khi De Klerk đã tỏ ra không đáng tin cậy.

Tôi khẳng định mình đã, đang và mãi mãi là chiến sĩ trung kiên của ANC, sẵn sàng ra chiến lũy là lao vào cuộc chiến đấu bất cứ lúc nào. Tôi cũng khẳng định rằng những mét cuối cùng dẫn đến đích tôi sẽ cùng nhân dân vai kề vai xóc tới.

Khi tôi kết thúc bài phát biểu thì trời cũng đã tắt ánh nắng. Trên đường về nơi nghỉ dọc đường, tôi gặp hàng ngàn bộ mặt hoan hỉ của đồng bào mình. Họ ca hát vui như ngày hội vui nhất mà tôi được chứng kiến. Tôi ôm hôn và hết lòng biết ơn Tổng giám mục Desmond Tutu. Con người đáng kính này với những lời nói và việc làm của mình đã gây phấn khích cho hàng triệu người vượt qua những thử thách khốc liệt trong những giai đoạn đen tối nhất của đất nước. Trong niềm vui lớn lao này, tôi được báo là có “đường giây nóng” từ Thụy Điển gọi đến. Đó là Oliver Tambo, đang điều trị chứng đột quỵ ở Slockholm. Giọng anh còn rất yếu nhưng vẫn là tiếng nói ân tình ấm áp như xưa. Được nghe tiếng nói của anh, niềm vui của tôi như được nhân lên. Chúng tôi thống nhất là sẽ nhanh chóng gặp lại nhau trong một ngày không xa.

Khi mới được trả lại tự do, ngay khi ra khỏi cánh cổng nhà tù, tôi đã mơ ước nhanh chóng được trở lại quê nhà ở Transkei, thăm lại những ngọn đồi, những dòng suối của tuổi thơ và được thấp nén hương trước nấm mồ của người mẹ kính yêu. Nhưng tôi nhanh chóng phải quyết định hoãn việc thực hiện ước mơ ấy, bởi vì tôi mới được ANC trao nhiệm vụ mới với nhiều công việc cấp bách đang chờ đợi tôi.

Buổi chiều hôm đó, tôi chủ trì cuộc họp báo quy mô chưa từng có. Tại cuộc họp báo này, không chỉ các phóng viên trong và ngoài nước mà nhiều các bộ lãnh đạo ANC cư trú chính trị ở nước ngoài dường như muốn “kiểm chứng” lập trường của tôi, bởi vì họ biết và hiển nhiên là ngờ vực việc tôi chủ xướng các cuộc đối thoại với chính quyền trong thời gian bị giam trong nhà tù. Một nhà báo hỏi về vai trò của tôi trong ANC hiện nay và trong tương lai ra sao. Tôi khẳng định tôi sẽ nhận bất cứ nhiệm vụ nào ANC giao phó. Tôi nói với các nhà báo rằng không hề có một chút mâu thuẫn nào khi tôi tiếp tục ủng hộ cuộc đấu tranh vũ trang, và việc đối thoại dẫn đến các cuộc đàm phán giữa ANC và chính phủ. Một thực tế không thể phủ nhận là cuộc chiến đấu vũ trang đã đẩy chính phủ vào tình thế phải chấp nhận đàm phán. Tôi khẳng định một khi chính phủ chấm dứt bạo lực chống lại ANC thì chúng tôi sẽ dùng phương tiện hòa bình. Trả lời câu hỏi về việc đã đến lúc dỡ bỏ chính sách cô lập Nam Phi chưa, tôi khẳng định rằng ANC chưa thể kêu gọi quốc tế làm điều đó, bởi vì tình hình chưa tạo điều kiện cho việc này khi nhà cầm quyền vẫn khăng khăng cướp quyền chính trị của người da đen. Bản thân tôi

dù đã ra khỏi nhà tù nhưng vẫn là người không có tự do. Không ít phóng viên nói về sự sợ hãi của người da trắng. Tôi nói rằng nhiều người chờ đợi tôi trút sự hận thù lên người da trắng. Tiếc rằng nó không phải như vậy. Ở trong nhà tù, sự hận thù của tôi đối với người da trắng giảm dần nhưng sự căm thù của tôi về hệ thống cai trị ở Nam Phi tăng dần lên. Nam Phi cần hiểu và chứng kiến là tôi có thể kết bạn với đối thủ nhưng sự căm thù hệ thống chính trị cầm quyền không bao giờ giảm. Chính hệ thống chính trị này đã làm cho con người khác màu da trong đất nước này đối đầu quyết tử với nhau. Chúng tôi không có ý định phá hoại đất nước trước khi giải phóng quê hương mình. Truy nã người da trắng có nghĩa là tiêu diệt đất nước. Có một lối đi giữa sự sợ hãi của người da trắng và hy vọng của người da đen. ANC sẽ tìm được lối đi ấy. Người da trắng cũng là nhân dân Nam Phi và chúng tôi mong họ hạnh phúc và yên ổn trong quê hương của mình, và biết rằng phần đóng góp của họ cho sự phát triển của đất nước là đáng tin cậy. Tất cả những ai đoạn tuyệt với chế độ Apartheid đều được hoan nghênh trong cuộc đấu tranh cho một nước Nam Phi dân chủ, không phân biệt chủng tộc. Chúng tôi phải phấn đấu với tất cả những gì có trong tay để tạo lòng tin cho những đồng bào da trắng rằng một nhà nước Nam Phi mới, không phân biệt chủng tộc sẽ tốt hơn rất nhiều cho mọi công dân.

Tại cuộc họp báo này, lần đầu tiên tôi cảm thấy các nhà báo khá tò mò khi họ muốn khai thác cảm giác cá nhân cũng như những mối quan hệ trong tư duy chính trị của tôi. Điều này thật mới. Khi tôi bị ném vào nhà tù thì chẳng hề có một nhà báo nào hỏi về vợ con tôi, về những cảm giác của tôi và những suy nghĩ nội tâm của tôi. Dĩ nhiên việc báo chí khai thác những chi tiết này là biện pháp nghiệp vụ, nhưng quả thật sự tò mò của họ đã không thể giải suy nghĩ của tôi và vì vậy tôi khó có thể thỏa mãn những tò mò ấy của họ. Tôi đã và đang là người dễ dàng nói cảm xúc của mình cho người khác, nhất là những người tò mò. Cho dù tôi đã hết sức cố gắng mô tả những cái khó có thể viết thành văn, song tôi đã không thành công.

Kết thúc buổi họp báo tôi lại nhận được điện của Tổng Giám mục Desmond Tutu rằng không được chần chừ một phút nào thêm nữa phải đến Johannesburg ngay tức khắc “trước khi tình hình quá trễ”. Tôi hiểu Tổng giám mục định nói điều gì. Tôi sử dụng máy bay trực thăng thẳng hướng Johannesburg. Không cần biết địa chỉ, máy bay của tôi tìm đúng sân vận động, đáp xuống chính giữa. Đã có 120.000 người đợi tôi và dường như họ đã hết kiên nhẫn. Tôi lập tức đến bên micro: “Hôm nay sự trở về Soweto của tôi tràn đầy niềm vui trong con tim. Đồng thời những đau buồn trong quá khứ cũng hiện về cộng với sự đau buồn đang ngự trị: các bạn vẫn đang chịu áp bức bởi một hệ thống chính trị tàn bạo, vô nhân tính. Thiếu nhà ở, không có trường học cho trẻ em, không có nơi chữa bệnh cho người đau ốm, thất nghiệp và tội ác hoành hành khắp nơi. Là một thành viên, tôi tự hào cùng các bạn bao nhiêu thì cũng đau lòng bấy nhiêu khi biết được cảnh khốn

cùng, bần hàn và nhất là tội ác diễn ra hằng ngày, khắp nơi, khắp chốn. Cho dù tôi rất hiểu sự hy sinh, sự mất mát, đau khổ mà nhân dân ta phải gánh chịu, song tôi phải thẳng thắn bày tỏ rằng tội phạm hình sự quá cao trong các khu người da đen chúng ta không thể chấp nhận, không thể chịu đựng lâu hơn nữa, và phải nhanh chóng kiên quyết loại trừ.”

Tôi kết thúc bài phát biểu bằng lời kêu mọi công dân Nam Phi có thiện chí hãy mở rộng vòng tay nhân ái. Tôi nói: “Không một người đàn ông, đàn bà nào đoạn tuyệt với chế độ Apartheid bị đẩy ra ngoài phong trào rộng lớn tạo dựng một nhà nước dân chủ không phân biệt chủng tộc với cuộc bầu cử tự do mỗi người dân một lá phiếu.” Đó là sứ mệnh của ANC, là mục tiêu cháy bỏng mà không bao giờ tôi quên trong suốt 27 năm sau cánh cửa nhà tù. Đó là mục tiêu cao cả của những năm còn lại của đời tôi. Đó là giấc mơ tôi từng ấp ủ năm 45 tuổi, vào lúc bị còng tay xích chân đày ra đảo Robben Island. Bây giờ tôi không còn trẻ nữa và tôi không thể để cho thời gian hoài phí một cách vô ích khi đã 71 tuổi đầu.

Đêm hôm đó, Winnie và tôi trở lại căn nhà 8115 Orlando của chúng tôi. Nơi đây từng là “trung tâm vũ trụ” của tôi. So với Victor Verster - nơi giam giữ tôi hai mươi năm cuối cùng và cũng là biệt thự nhà cầm quyền dành cho tôi - thì căn nhà số 8115 Orlando chỉ là vọng gác của nhà tù, cho dù nó đã được sửa chữa khang trang hơn. Nhưng mỗi căn nhà mà ở đó người ta được tự do nào có khác gì một lâu đài, cho dù nó không bằng nơi giam tù của chế độ phong kiến.

Cho dù hạnh phúc khôn cùng được sống lại trong căn nhà của mình, vậy mà tôi lại có cảm giác đêm đầu tiên này đã không mang lại cho mình điều từng ước mong cháy bỏng. Tôi ước ao có cuộc sống bình thường, được trở lại với những kỷ niệm không bao giờ quên của tuổi thơ, được sống cuộc sống của một viên chức sáng sớm tắt bật đèn văn phòng, tôi trở về với vợ con, được đi ra phố bất cứ lúc nào, đến hiệu tạp hóa quen thuộc mua hộp kem đánh răng hoặc tối tối tụ tập với bạn bè cùng trang lứa. Những chi tiết đời thường này thiếu vắng hẳn trong những năm tù đầy làm cho con người kiệt quệ, xơ cứng. Người ta ao ước làm lại tất cả những việc đó một khi được tự do. Nhưng tôi nhanh chóng nhận ra rằng những việc bình thường ấy giờ đây là chuyện không thể. Trong đêm này và nhiều đêm sau đó, nhiều tháng sau đó, ngôi nhà được các người hâm mộ vây kín. Người ta hát, múa, kêu to và niềm vui của họ thật sảng khoái. Đó là nhân dân tôi, đồng bào tôi và tôi không có quyền và cũng không muốn làm họ thất vọng. Nhưng bằng cách hy sinh tất cả để phục vụ nhân dân, tôi bỗng thấy ra rằng tôi lại cảm thấy mình bị kéo khỏi tổ ấm một lần nữa.

Đêm ấy chúng tôi không ngủ được bao nhiêu, bởi tiếng hát kéo dài đến tận đêm khuya, cho đến lúc nhân viên bảo vệ của ANC đề nghị giữ im lặng cho tôi được nghỉ ngơi vài giờ. Nhiều anh em trong tổ chức gợi ý tôi đến ở căn hộ Winnie xây cất ở đường Diepkloof trong thời gian tôi ngồi tù. So với nhà cửa lụp xụp ở Soweto thì căn nhà mới ấy như một căn nhà sang trọng, nhưng ở đó nào tôi có kỷ

niệm gì đâu! Hơn nữa căn nhà khá lớn được xây cất với khoản chi phí không nhỏ quả thật không phù hợp với một người lãnh đạo quần chúng lao khổ. Tôi từ chối lời khuyên của các chiến hữu. Tôi không chỉ muốn sống với đồng bào mà còn muốn sống như chính cuộc sống của họ.

Một trong nhiệm vụ đầu tiên của tôi là báo cáo với ban lãnh đạo ANC về những gì tôi đã tiến hành trong những năm qua khi được chuyển về Pollsmoor và Victor Verster. Tôi lên đường đi Lusaka. Ở đó các thành viên ban lãnh đạo ANC đang chờ tôi. Không ít thủ lĩnh ANC từ bỏ hàng ngũ ANC trong những năm khủng bố trắng cũng đến Lusaka để “kiểm nghiệm” tôi. Ngay cả một số ủy viên thường vụ ANC cũng ngờ vực tôi. Tôi có thể đọc trong ánh mắt của họ những câu hỏi nóng bỏng. Mandela có còn là Mandela trước đây 27 năm, khi bị ném vào nhà tù hay đã trở thành một Mandela khác rồi? Ông ta sống sót hay bị đánh gục rồi? Hẳn là họ đã được những thông tin về các cuộc đối thoại giữa tôi và chính phủ và họ từng rất áy náy, lo lắng. Tôi không chỉ mất hết mọi liên hệ với tình hình bên ngoài mà từ năm 1984 - khi được chuyển về Pollsmoor và Victor Verster - tôi cũng mất hết mọi liên hệ với các bạn tù khác.

Tôi trình bày ngắn gọn nhưng rõ ràng, minh bạch về những cuộc đối thoại với chính phủ. Tôi trình bày tỉ mỉ những đòi hỏi đối với nhà cầm quyền cũng như những tiến bộ đạt được trong các cuộc đối thoại sơ bộ ấy. Họ - cả Botha lẫn de Klerk - đều đã đọc Bị vong lục do tôi soạn thảo. Các chiến hữu của tôi có trong tay hai văn bản ấy và họ biết rằng những văn kiện này phù hợp với đường lối của ANC. Tôi cũng biết rằng có những cán bộ từ bỏ ANC hiện có mặt ở Lusaka, từng tung ra đủ loại tin thất thiệt, đại loại: “Mandela đã nhũn lăm rồi. Ông ta đã bị nhà cầm quyền mua rồi. Ông ta mặc những bộ comple sang trọng do chính quyền cấp, uống rượu vang hằng ngày và ăn ngon theo thực đơn.” Tôi biết những dư luận này và tôi phải bác bỏ những điều xuyên tạc ác ý ấy. Con đường tốt nhất để “tước vũ khí” của những kẻ thiếu thiện chí chỉ có thể là trình bày toàn bộ sự thật những gì tôi đã tiến hành trong thời gian còn phải ngồi tù.

Từ Lusaka, tôi thực hiện chuyến công du nhiều nước châu Phi để đáp lại lòng yêu mến của nhân dân các nước từng đấu tranh không mệt mỏi đòi trả lại tự do cho tôi và các chiến hữu. Chuyến đi kéo dài 6 tháng. Kết thúc chuyến thăm các nước châu Phi, tôi đến Stockholm, đến thăm Oliver Tambo. Cuộc tái ngộ người bạn già và đồng nghiệp mang đến cho tôi nguồn vui khôn tả. Oliver không được khỏe. Nhưng khi gặp lại nhau, chúng tôi chẳng khác gì hai đứa trẻ. Sau những chuyện liên quan đến công việc của ANC, những việc sắp tới, Oliver bỗng hạ giọng vốn đã nhỏ: “Nelson, bây giờ anh phải ngồi vào ghế Chủ tịch ANC rồi. Tôi sợ dĩ còn giữ cái ghế ấy là để trao lại cho anh, người xứng đáng và đủ bản lĩnh nhất.” Tôi nói với anh chức Chủ tịch ANC là do Đại hội bầu ra, vì thế hãy chờ đến Đại hội.” Tôi biết rằng sự đề cử của Oliver xuất phát từ lòng tin và nhãn quan chính trị của một nhà lãnh đạo lớn, nhưng nó lại vi phạm nguyên tắc của tổ chức.

Khi mới ra tù, tôi biết được tù trưởng Buthelezi, chủ tịch đảng Inkatha của người Zulu đã trở thành diễn viên quan trọng trên diễn đàn chính trị của đất nước. Buthelezi từng là thành viên đoàn Thanh niên ANC, một cán bộ có năng lực và tôi từng dự báo rằng anh sẽ trở thành một nhân vật quan trọng của nước Nam Phi mới dân chủ. Tuy nhiên đây là một con người đầy mâu thuẫn. Trong 27 năm tôi bị cầm tù, Buthelezi có những hoạt động và quan điểm trái ngược nhau. Buthelezi từng phản đối việc nhà nước Apartheid “trao quyền tự trị” cho các vương quốc da đen trong lòng Nam Phi mà thực chất là chính sách cướp đất và chia để trị. Ông ta cũng là người chống chủ nghĩa Apartheid nhưng từ chối cuộc chiến đấu vũ trang, chống sự phong tỏa và cấm vận của quốc tế đối với Nam Phi. Ông đã tích cực đòi trả lại tự do cho tù chính trị và cá nhân tôi, nhưng mặt khác ông dần dần trở thành cái gai đâm vào bên trong của phong trào dân chủ hóa. Những năm đối thoại và đàm phán ông đã trở thành đồng minh, thậm chí đồng lõa với bọn Apartheid gây ra hàng loạt cuộc thảm sát các chiến sĩ ANC, đưa đất nước vào cảnh hỗn loạn suốt từ năm 1990 đến năm 1993. Trong một chừng mực nào đó, Buthelezi đã trở thành kẻ đồng lõa cố ý, hoặc vô tình của bọn thực dân da trắng chống lại dân tộc. Buthelezi chống lại nước Nam Phi thống nhất mà Nghị viện thông qua năm 1909 khi thực dân Anh và Hà Lan sau khi xâm chiếm Transkei và Natal - hai vùng đất lớn nhất ở cực nam châu Phi. Buthelezi đòi Nam Phi trở lại chế độ liên bang hẳn là với hy vọng nếu không thu tóm được cả Nam Phi thì cũng làm chủ vùng Natal rộng lớn. Natal trở thành bãi chiến trường giữa hai bộ tộc da đen, giữa các thành viên đảng tự do Inkatha và ANC. Chính quyền Apartheid đứng đằng sau và giật giây toàn bộ chiến dịch này, cung cấp vũ khí cho đảng tự do Inkatha và “án binh bất động” trước những chiến dịch khủng bố đẫm máu của Inkatha đối với các thành viên ANC. Bọn Apartheid da trắng đã tính toán rất chu đáo chiến lược này và đã gây ra cho ANC và phong trào dân chủ hóa Nam Phi hồi đó những tổn thất nghiêm trọng. Nhưng ưu thế của thời đại, sự sáng suốt và kiên trì đầy quyết tâm của ANC và các lực lượng yêu nước, dân chủ đã làm tiêu tan những kế hoạch đầy tội ác của những kẻ muốn áp đặt vĩnh viễn quyền cai trị của thiểu số da trắng lên đầu lên cổ đa số người da đen ngay trên quê hương ngàn đời của họ.

Chính phủ của De Klerk đã thực thi một chiến lược đầy tội ác. Đó là chính sách muôn thuở của chủ nghĩa thực dân chia để trị, gây bất đồng dẫn đến chém giết giữa người da đen bằng chính vũ khí của họ. Một mặt họ mưu đồ hạ uy thế, thậm chí làm cho ANC tan rã, và như vậy đối thủ chính trong quá trình dân chủ hóa đất nước bị loại bỏ. Nhưng mưu đồ lớn nhất của chủ nghĩa Apartheid là bảo vệ sự thống trị của thiểu số da trắng bằng mọi giá, ngay cả khi họ biết rằng quá trình dân chủ hóa là không thể đảo ngược được nữa. De Klerk tỏ ra chần chừ trong việc tiến hành các cuộc đàm phán. Ông ta và những kẻ đồng lõa tính toán rằng, sau thời gian hưng phấn do việc tôi được trả lại tự do, mọi việc trong nước chẳng biến đổi gì, trái lại thêm các cuộc tàn sát lẫn nhau giữa người da đen, tôi sẽ

bị rơi vào quên lãng như một kẻ bất lực. Tóm lại De Klerk không hề muốn cải cách. Cái duy nhất ông ta muốn và cần, ông ta và đồng minh đã và sẽ làm tất cả để thực hiện cho bằng được, đó là sự thống trị của thiểu số da trắng ở mảnh đất này. Ông ta công khai chống lại nguyên tắc đa số và đảng đa số cầm quyền, bởi vì như vậy có nghĩa là thiểu số người da trắng sẽ bị dẹp bỏ. Chúng tôi đọc được từ lâu tâm can của những “ông da trắng” rằng họ chống lại kịch liệt nguyên tắc đa số theo kiểu dân chủ phương Tây. Một cuộc bầu cử như vậy diễn ra thì họ biết rằng phần thắng không bao giờ nghiêng về phía họ, cho dù họ đã ngấm ngấm tổ chức chiến dịch tranh cử ngay từ khi có những cuộc đối thoại với ANC, tiếp sau đó “mở cửa” National Party cho người da đen gia nhập để kiểm phiếu và ngấm ngấm ném đá giấu tay gây ra cuộc chém giết, gây hỗn loạn mà lực lượng làm ngọn lao và đảng Tự do Inkatha. De Klerk cha đẻ một hệ thống mang tên là “Sự tham gia theo tỷ lệ”, trong đó đảm bảo vị trí chắc chắn cho thiểu số da trắng cả khi họ chỉ chiếm số ghế khiêm tốn trong Nghị viện qua cuộc phổ thông đầu phiếu. Cho dù De Klerk phải chấp nhận nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. Cho dù De Klerk phải chấp nhận quyền bầu cử và ứng cử của mọi công dân da đen - nhưng lại muốn thông qua bộ luật đảm bảo vị trí cho thiểu số da trắng mà lại là vị trí quan trọng. Ngay từ đầu tôi đã không muốn bàn một lời nào về “bản kế hoạch” này. Tôi nói thẳng rằng đó chẳng qua chỉ là chủ nghĩa Apartheid trá hình. Tôi còn nói thẳng với ông ta: “Đây là hệ thống cai trị mà kẻ thua cử nhận tất cả”. Tôi cũng khẳng định với ông ta rằng mục tiêu ANC theo đuổi gần 80 năm với vô vàn hy sinh không phải để đổi chế độ Apartheid trần trụi lấy một chủ nghĩa Apartheid được ngụy trang khéo léo. Việc xóa bỏ chủ nghĩa Apartheid dưới mọi chiêu bài là không thể trì hoãn, đồng thời chấm dứt mọi quan hệ chủ - tớ trong xã hội này cũng là điều cấp bách và phải được thực hiện triệt để. Quan hệ chủ tớ giữa hai người da trắng và da đen ở Nam Phi là vết nhục của loài người trong thời đại văn minh và vì vậy nó phải bị xóa bỏ. Người Phi da đen đến các cuộc đàm phán không phải là những kẻ nô lệ ăn xin, cầu ông chủ cho chút nọ, chút kia mà họ là những người bình đẳng, ngồi trên những chiếc ghế bình đẳng với mọi công dân khác.

Cuộc đấu tranh gian khổ kéo dài suốt năm 1990, 1991, 1992 với hàng loạt vấn đề hết sức tế nhị và phức tạp, không chỉ giữa hai “phe đối địch” mà ngay cả trong hàng ngũ của ANC.

Tôi đã phải bay ra Robben Island để thuyết phục 12 đồng chí của mình. Họ kiên quyết chịu chết trong tù không thềm hưởng ân xá của chính phủ. Họ gửi thông điệp cho ANC hãy chiến đấu tới cùng để giải phóng quê hương chứ không đàm phán với những kẻ thù không đội trời chung. Họ thà chết nếu cuộc chiến đấu thất bại chứ nhất định không trở về ngồi quanh bàn với những kẻ thù. Tôi đã làm hết sức mình lý giải cho đồng chí mình. Cuối cùng họ cũng đã nhìn ra rằng chiến lược của ANC là hợp lẽ đời, hợp lòng người, và hợp với sự phát triển của thời đại.

Tháng 7 năm 1991, Đại hội đại biểu ANC sau 30 năm hoạt động bí mật, được triệu tập ngay trên mảnh đất của quê hương mình. 2244 đại biểu chính thức dự đại hội. Tôi được nhất trí hoàn toàn - không có phiếu chống, không có phiếu trắng - bầu cử chức vụ Chủ tịch ANC, lúc này đã có 700.000 thành viên.

Ngày 20/12 năm ấy, các cuộc đàm phán mang tên CODESA I (Convention for a Democratic South Africa) thông qua được diễn đàn đàm phán cho chính phủ, ANC và các bên hữu quan khác. Chỉ có PAC chống lại khuyến nghị này, bởi vì họ sợ rằng bất kỳ một cuộc bầu cử nào trong tương lai cũng sẽ loại họ ra khỏi đời sống xã hội. PAC đã mất mát quá nhiều do những sai lầm từ cực đoan thái quá sang thỏa hiệp thiếu nguyên tắc của họ. CODESA thành lập các tổ công tác nhằm chuẩn bị chu đáo cho CODESA 2 nhóm họp vào năm 1992.

Tháng 5/1992, CODESA 2 họp kín. Tại cuộc họp nghiêm túc này xuất hiện những bất đồng giữa chính phủ và ANC, ví dụ hai bên không đạt được sự thống nhất về tỷ lệ phần trăm khi thông qua hiến pháp cũng như bộ luật cơ bản. Ở đây một lần nữa chính phủ của De Klerk thực thi chính sách trì hoãn. Họ cho rằng càng trì hoãn sự tiến triển được càng lâu, ANC càng mất uy tín trước dân chúng.

Bất chấp cố gắng của ANC và các bên hữu quan khác, CODESA đã không vượt qua được 4 vấn đề cơ bản: Chính phủ đòi đa số tuyệt đối khi thông qua hiến pháp tại Nghị viện, về ảnh hưởng của các địa phương trong bản hiến pháp tương lai, về một thượng viện không thông qua bầu cử dân chủ nhưng lại có quyền lập pháp và phủ quyết chính sách của chính phủ, và chính phủ cũng không nhất trí dự thảo bản hiến pháp quá độ để Nghị viện thông qua sau khi tham khảo ý kiến các bên để trở thành hiến pháp chính thức của đất nước.

Quả thật, những trở ngại do phía do phía chính phủ gây ra không nhỏ nhưng không phải thể vượt qua. Tôi quyết tâm không để cho CODESA 2 rơi vào ngõ cụt. Phía chính phủ và ANC thỏa thuận có những cuộc gặp tay đôi bàn lùi ra cho những bất đồng này. Nhưng những sự kiện mới xuất hiện đã làm cho ý đồ của hai bên không thực hiện được.

Khi biết các cuộc đàm phán là không thể đảo ngược, ANC đã thống nhất với đồng minh của mình, quyết định các hành động quần chúng rộng rãi mang tiêu đề “Hành động cuốn chiếu”. Chiến dịch dự định phát động ngày 16/6 - đúng vào ngày xảy ra vụ khủng bố đẫm máu Soweto năm 1976 - và kết thúc vào các ngày 3 và 4 tháng 8.

Chiến dịch chưa triển khai thì một sự kiện khác đã được Chính phủ đạo diễn, càng đẩy các quan điểm của hai bên xa hơn. Ngày 17/6/1992, những kẻ vũ trang Inkatha với trang bị các loại vũ khí của quân đội tấn công một khu da đen, giết chết 46 thành viên ANC. Sự phẫn nộ dâng lên đỉnh điểm. Trước 20.000 người tập trung phản kháng, tôi tuyên bố nếu chính phủ tiếp tục ném đá dầu tay thì tôi báo cho de Klerk biết rằng những cuộc tuần hành chưa từng có sẽ diễn ra, và nếu

chính phủ đàn áp các cuộc biểu tình này thì họ sẽ gánh chịu tất cả những hậu quả có thể xảy đến. Tôi sẽ đi ở hàng đầu trong các cuộc tuần hành này.

Tôi nhìn thấy có những biểu ngữ ghi dòng chữ lớn “Mandela, hãy phát súng cho chúng tôi!”. “Thắng lợi qua chiến đấu chứ không phải bằng thương lượng”. Phong trào lại dâng cao, sục sôi hơn bao giờ. De Klerk tuyên bố nếu ANC làm cho tình hình đất nước hỗn loạn thì ông ta sẽ sử dụng tất cả những gì có thể sử dụng. De Klerk đã làm như ông ta nói. Cảnh sát đã nã súng giết chết 19 người trong cuộc tuần hành của 70.000 thành viên ANC. Lửa đấu tranh càng sôi sục hơn. Cả đất nước bị tê liệt.

Cũng vào thời điểm “không thể lùi” trong các cuộc đàm phán, chính phủ De Klerk tuyên bố phát hiện một âm mưu lật đổ, cho bắt 42 người, hầu hết là đảng viên cộng sản. Sự thật có bản kế hoạch ấy thật, nhưng là của những năm bảy mươi. De Klerk lờ đi vụ này ra không thể che mắt được chúng tôi. Tôi nghiêm khắc nói với ông ta rằng mưu đồ đòi loại bỏ Slovo - một chiến sĩ cộng sản kiên cường, từng là tư lệnh MK, ủy viên thường vụ ANC, trưởng đoàn đàm phán của ANC, là không thể chấp nhận. De Klerk đã phải nhượng bộ chúng tôi trong vụ này.

Như một câu ngạn ngữ khẳng định: trước khi hừng đông trời tối đen như mực. Những sự kiện long trời lở đất đã như chất xúc tác mạnh nối lại các cuộc đàm phán. De Klerk và tôi đã ký một văn bản thỏa thuận trong những ngày ấy làm mẫu mực cho mọi cuộc đàm phán tiếp theo.

Một trong những nội dung quan trọng do Slovo dự thảo và tôi ủng hộ và thuyết phục ban thường vụ thông qua là: Thường vụ ANC tuyên bố ủng hộ việc phân chia quyền lực một khi các đảng thiểu số vượt qua được số phần trăm phiếu bầu quy định. Tiếp theo đó là thỏa thuận về một chính phủ quá độ 5 năm, gọi là chính phủ thống nhất dân tộc với đại diện của tất cả các đảng phái có số phiếu bầu từ 5% trở lên. Tương ứng với cử tri là số ghế của mỗi đảng trong chính phủ. Sau 5 năm chỉ còn áp dụng một hình thức chính phủ duy nhất của đảng giành đa số tuyệt đối trong cuộc bầu cử nghị viện. Tháng 12/1992, mọi văn bản thỏa thuận đã được ký kết. Cuộc tổng tuyển cử tự do đầu tiên ở Nam Phi sẽ được tiến hành cuối năm 1993.

Trong năm 1992, vào tháng 4, ngày 13, tôi đã tuyên bố với báo chí cùng sự có mặt của hai bạn chiến đấu Walter Sisulu và Oliver Tambo, về quyết định Winnie và tôi sẽ không sống chung với nhau nữa. Tình hình trở nên khó khăn và vì vậy tôi phải quyết định vì lợi ích của ANC, của gia đình và của Winnie. Cho dù quyết định này được bàn với ANC, song đó là quyết định do những lý do cá nhân.

Tôi đã đọc toàn văn tuyên bố này:

“ Quan hệ giữa tôi và vợ, đồng thời là chiến hữu của tôi, Nomzamo Winnie Mandela, lâu nay trở thành đề tài thêu dệt và bình luận của báo chí. Tôi tuyên bố những dòng này với ý định giải thích thực trạng tình hình với hy vọng từ nay không còn những sự thêu dệt thêm nữa.

Nomzamo và tôi kết hôn trong thời điểm khốc liệt của cuộc đấu tranh giải phóng ở đất nước ta. Do sức ép của nghĩa vụ đối với ANC và cuộc đấu tranh nhằm chấm dứt chế độ Apartheid cho nên chúng tôi đã không có được cuộc sống gia đình bình thường. Bất chấp sức ép này, tình yêu của chúng tôi dành cho nhau và sự hy sinh cho nhau ngày càng mạnh hơn...

Trong suốt hai thập niên tôi bị lưu đày trên đảo Robben Island, Winnie là nguồn lực vô cùng quý báu hỗ trợ và an ủi tôi... Nomzamo đã gánh chịu mọi gánh nặng gia đình, nuôi dạy các con khôn lớn... Bà đã chịu nhiều cảnh truy nã, nhiều lần tù đày và đã hiên ngang vững vàng trước mọi thử thách, luôn trung thành với sự nghiệp của cuộc đấu tranh cho tự do không chút chao đảo. Sự đáng tin cậy ở bà đã làm tăng sự khâm phục, tình yêu và sự kính trọng nơi tôi. Lập trường của bà được cả thế giới khâm phục. Tình yêu của tôi với bà là không thay đổi.

Tuy nhiên vì do những căng thẳng xảy ra giữa chúng tôi trong những tháng qua do khác biệt về nhận thức trong một số vấn đề, cho nên chúng tôi đã quyết định sống xa nhau và đó là cách tốt nhất lúc này. Quyết định của tôi không liên quan gì đến những lời buộc tội mà các phương tiện truyền thông đại chúng gán với tên tuổi bà... Nomzamo trước sau có thể tin vào sự hỗ trợ không giới hạn của tôi trong thời gian khó khăn hiện nay của đời bà.

Bản thân tôi không bao giờ phải sám hối về việc hai chúng tôi đã tìm đến nhau, cùng nhau xây dựng tình yêu. Thế nhưng tình hình diễn ra ngoài sức chúng tôi. Vì thế đã buộc chúng tôi phải chia tay nhau. Tôi chia tay bà hoàn toàn không có chút hiềm khích nào. Tôi ôm hôn bà với tất cả tình yêu và sự quý trọng như trong giây phút lần đầu tiên gặp bà. Tôi từng áp ủ tình yêu và sự quý trọng ấy trong những năm ngồi tù cùng như sau khi được trả tự do. Quý ông quý bà thân mến, tôi hy vọng quý ngài đánh giá đúng nỗi đau mà tôi phải trải qua.”

Nếu như có ít người nhớ đến ngày 3/6/1993 thì nó vẫn là một cột mốc quan trọng trong lịch sử Nam Phi. Ngày hôm đó các bên hữu quan trong cuộc đàm phán kéo dài và đứt đoạn nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, đã đạt được sự thống nhất: Cuộc bầu cử tự do, dân chủ với sự tham gia của tất cả công dân Nam Phi không kể là da đen, da trắng hay da màu: ngày 27/4/1994. Sự nhất trí này không hề dễ dàng. Nó đã phải vượt qua những trở ngại to lớn, trước hết là từ đảng Tự do Inkatha của Buthelezi và đảng Bảo thủ Conservative Party của người da trắng do tướng Vijloen, cựu tham mưu trưởng quân đội Nam Phi đứng đầu. Buthelezi “kiên quyết phản đối” cuộc bầu cử trước khi có bản hiến pháp. Còn đảng bảo thủ của người da trắng thì lại muốn có một quốc gia riêng của họ trong lòng Nhà nước Nam Phi. Đương nhiên, trở ngại chính ANC phải và đã vượt qua là từ chính phủ De Klerk. Trước hết là thỏa thuận việc thông qua bản hiến pháp quá độ bằng đa số tương đối chứ không phải 2/3 như đảng National Party đòi hỏi. ANC cũng bác bỏ kế hoạch của De Klerk rằng bầu cử nghị viện không diễn ra trước năm 1999, có nghĩa là một “chính phủ quá độ” không do nghị viện bầu ra sẽ còn cai trị thêm 5

năm nữa. Và cuối cùng ANC cũng vượt qua trở ngại về thủ tục nhưng cực kỳ quan trọng khi chính phủ yêu cầu hai lá phiếu, một cho bầu cử nghị viện Nam Phi và một cho các bang. Trong tình hình cư dân da đen lần đầu tiên đi bầu, lại có số người không biết chữ rất đông thì “lắm giấy tờ” chỉ gây thêm phức tạp cho cuộc bầu cử. Trong thời gian đến ngày bầu cử - tháng 11/1993 đến 27/4/1994 - chính quyền do một Hội đồng thường trực bao gồm các thành viên tham gia đàm phán cử ra. Trên thực tế Hội đồng này đã làm tốt chức năng của chính phủ quá độ trong khoảng thời gian ngắn ngủi ấy. Với thỏa thuận cuối cùng này, chúng tôi thực sự đang đứng trước cái ngưỡng của thời đại mới.

Tôi không bao giờ quan tâm nhiều đến những giải pháp thưởng dành cho cá nhân mình. Một chiến sĩ đấu tranh cho tự do dấn thân vào hiểm nguy không phải để hy vọng đoạt được phần thưởng này, giải thưởng nọ. Tuy vậy khi được thông báo là cùng De Klerk được nhận giải thưởng Nobel hòa bình năm 1993, tôi đã thật sự xúc động. Giải thưởng Nobel hòa bình có ý nghĩa đặc biệt phản ánh hiện thực của lịch sử Nam Phi.

Tôi là người Phi da đen thứ ba nhận giải thưởng Nobel hòa bình kể từ sau thế chiến thứ hai. Tù trưởng Albert Luthuli được trao tặng giải này năm 1960. So sánh với con người vĩ đại này thì tôi thật bé nhỏ. Người thứ hai là Tổng giám mục Desmond Tutu, người đã có những đóng góp lớn lao, rất có ý nghĩa trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Apartheid Phi nhân đạo hoành hành nhiều năm trên quê hương Nam Phi chúng tôi.

Phần thưởng là vinh dự cho tất cả nhân dân Nam Phi, đặc biệt cho những ai trực tiếp tham gia cuộc chiến đấu gian khổ và cực kỳ anh dũng này. Tôi là người được vinh dự thay mặt họ nhận giải thưởng này. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ được giải thưởng này. Ngay trong những năm đen tối nhất trên đảo tù Robben Island, tổ chức ân xá quốc tế chưa bao giờ lên tiếng ủng hộ chúng tôi và người ta lý giải rằng chúng tôi đã tiến hành cuộc đấu tranh bạo lực và tổ chức này sẽ không bao giờ ủng hộ những ai sử dụng bạo lực. Từ thực tế này, tôi cho rằng Ủy ban xét tặng giải thưởng Nobel không bao giờ tính đến việc trao giải thưởng cho một người phát động cuộc chiến đấu vũ trang mang tên “Ngọn lao” chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đẫm máu.

Đối với Na Uy tôi có những tình cảm đặc biệt. Khi chúng tôi đến các nước khắp thế giới trong thập niên 50 và 60 gõ cửa các chính phủ phương Tây ủng hộ cuộc đấu tranh của ANC, nhưng dường như chẳng mấy nước quan tâm. Chỉ có ở Na Uy và Thụy Điển chúng tôi được những cánh tay mở rộng đón tiếp. Chúng tôi đã nhận được những sự ủng hộ khi học bổng, tiền bạc và những giúp đỡ nhân đạo khác cho tù chính trị.

Bài phát biểu của tôi ở Na Uy là cơ hội cho tôi nói lời cảm ơn Ủy ban xét thưởng giải Nobel hòa bình và trình bày tóm tắt phương án đảm bảo sự công bằng

và bình đẳng của nhà nước Nam Phi trong tương lai, mà còn là dịp tôi ghi nhận sự đóng góp của một nhân vật cùng tôi chia nhau giải thưởng này, Mr. De Klerk.

Tôi nói: “Ông đã có sự dũng cảm công khai bày tỏ rằng đất nước chúng tôi và nhân dân Nam Phi phải chịu bất công kinh sợ dưới hệ thống chính trị của chủ nghĩa Apartheid. Ông có tầm nhìn để hiểu và ghi nhận rằng mọi công dân Nam Phi phải là những thành viên bình đẳng cùng nhau quyết định con đường đàm phán để tạo dựng tương lai của mình.”

Tôi thường được hỏi làm sao tôi có thể cùng Mr. De Klerk, một nhân vật tôi từng chỉ trích mạnh mẽ, nhận chung giải thưởng này. Cho dù tôi không rút lại những phê phán ấy thì tôi vẫn có thể nói rằng ông De Klerk đã có những đóng góp không thể phủ nhận vào quá trình mang lại hòa bình cho đất nước và nhân dân Nam Phi. Tôi không bao giờ phủ nhận vị trí của ông trong toàn bộ quá trình đàm phán vì một lý do đơn giản: Ông mà càng yếu thế thì nguy cơ càng lớn cho quá trình đàm phán. Để ký kết hòa bình với một đối thủ, người ta buộc phải hợp tác với ông và từ đối thủ ông trở thành người bạn.

Thỏa thuận không cho phép các đảng phải vận động tranh cử trước tháng 2/1994, song chúng tôi đã bắt tay ngay vào chiến dịch rộng rãi có ý nghĩa này. Chúng tôi ý thức rất rõ rằng ANC không có lời thể trong chiến dịch này. Như đã dẫn, đảng National Party chính thức vận động tranh cử ngay sau ngày trả tự do cho tôi, tức giữa tháng Giêng năm 1990. Cho dù bất lợi về thời gian vận động tranh cử song chúng tôi chưa bao giờ nghi ngờ về một đa số dành cho các ứng cử viên ANC, bất chấp báo chí hầu như ngày nào cũng công bố điều tra dư luận mà kết quả họ đưa ra là đảng này dẫn đầu phiếu bầu. Ban vận động bầu cử của ANC bao gồm những nhà hoạt động có tên tuổi, giàu kinh nghiệm đấu tranh và gắn bó mật thiết với quần chúng. Ủy ban bầu cử công bố số lượng thùng phiếu là 10.000 ANC - thông qua Ban vận động bầu cử của mình - đã chọn 100.000 cán bộ hỗ trợ cho các địa phương cũng như cử tri. Chúng tôi tổ chức khắp nơi “Diễn đàn nhân dân” khắp các địa phương nhằm thu thập nguyện vọng của cử tri, giải thích và hướng dẫn từng bước tuần tự của quá trình bầu cử. Nhưng đặc biệt hơn là Diễn đàn Nhân dân đã thu thập ý kiến phản ánh của cử tri về những gì đang diễn ra hồi hải, kể cả những thủ đoạn xảo trá của đối thủ hòng làm sai lệch hoặc gian lận trong bầu cử. Trên cơ sở của những tư liệu cực kỳ quý giá này, Ban vận động bầu cử tập hợp thành văn bản hướng dẫn cụ thể cho cán bộ bầu cử cũng như cán bộ vận động bầu cử trong cả nước. Bản tài liệu 150 trang của ANC trong cuộc bầu cử này đề cập đến những vấn đề tương lai của nhà nước dân chủ chứ không phải đánh giá và phê phán quá khứ. Những nội dung chính của văn kiện này bao gồm: xây dựng nhà ở cho dân, tạo công ăn việc làm cho người lao động, kéo điện, xây dựng nhà máy cấp nước cho một triệu căn hộ mới, xây trường học, bệnh viện tạo điều kiện cho người ốm được chữa bệnh, trẻ em được đến trường, thành lập quỹ phúc lợi và an sinh xã hội cho người già, người tàn tật, trẻ em không nơi nương tựa... Cán bộ

vận động bầu cử nói cho cử tri tất cả những gì cần thiết, ví như: “Các bạn đừng chờ đợi sau bầu cử sẽ có xe Mercedes để xài hoặc có hẳn một hồ bơi trong vườn nhà mình. Cuộc sống không thể đổi thay nhanh chóng trừ khi các bạn ý thức được trách nhiệm của mình. Kiên nhẫn là yêu cầu cần thiết. Có thể các bạn phải chờ 5 năm trước khi đạt được những thành quả đầu tiên. Nếu bạn vẫn cứ phải sống trong tăm tối và nghèo đói thì chỉ có thể uống nước ao. Nếu các bạn muốn có được những gì tốt đẹp hơn thì phải lao động cật lực. Không ai có thể cứu các bạn ngoài chính mình.”

Với cử tri da trắng chúng tôi khẳng định ANC cần đến họ, không muốn họ rời bỏ đất nước ra đi. Họ là người Nam Phi như chúng tôi và Nam Phi là quê hương của họ. Tôi không có ý tô rêu vẽ ría cho sự sợ hãi chủ nghĩa Apartheid, nhưng khẳng định dứt khoát rằng nó vĩnh viễn thuộc về quá khứ mà quá khứ ấy thì phải quên đi, tập trung sức mạnh, trí tuệ cho một tương lai tốt đẹp hơn. Trong những cuộc họp vận động bầu cử như vậy, bao giờ cán bộ cũng dùng thì giờ cần thiết hướng dẫn cách ghi vào phiếu bầu. Phiếu bầu của lần bầu cử dân chủ đầu tiên này thật đơn giản nhưng không phải ai cũng sẽ xử sự đúng. Bầu cử tự do là một khái niệm hoàn toàn mới đối với toàn bộ cư dân da đen ở Nam Phi. Để không vi phạm luật bầu cử không ít lần tôi đã phải nói với cử tri là đồng bào da đen của mình: “Các bạn hãy nhìn kỹ phiếu bầu của mình. Nếu bạn thích ứng cử viên xinh gái, đẹp trai tên lá phiếu của mình thì bạn chỉ việc đánh dấu X dưới tấm ảnh đẹp đó!”.

Con đường dẫn đến tự do quá là không hề phẳng phiu. Inkhata của Buthelezi tuyên bố tẩy chay bầu cử, đòi lập Nhà nước độc lập riêng của người Zulu. Những người cực đoan da trắng tuyên bố bầu cử tự do là phản bội, đòi lập “Nhà nước nhân dân”. Có điều là không biết họ lập “Nhà nước nhân dân” này ở đâu, bởi lẽ trong tất cả các khu vực bầu cử không nơi nào người da trắng chiếm đa số cử tri cả. Cho đến ngày 12/4 là thời hạn đăng ký cuối cùng của các đảng phái tranh cử nhưng Inkhata, đảng Bảo thủ và Mặt trận nhân dân Afrikan vẫn “án binh bất động”. Tôi đã đích thân gặp Buthelezi, nói với ông rằng chỉ có hai sự lựa chọn: hòa bình và tự do cho nhân dân hoặc chiến tranh sắc tộc đầm máu triền miên. Buthelezi dường như hiểu ra nguy cơ của dự báo của tôi. Ông đã đăng ký đảng của mình tranh cử. Tướng Vijioen cũng đã đăng ký tranh cử cho “Đảng Tự do” của ông ta ngay trước khi văn phòng bầu cử đóng cửa, khóa sổ danh sách đăng ký.

Trong khi đó, bạo lực tiếp tục diễn ra ở Natal. Inkatha quấy rối, tiến tới dùng bạo lực phá hoại cuộc vận động tranh cử của ANC. Khắp nơi, Inkatha chỉ nhằm vào các thành viên của ANC gây sự, bắn giết. Họ thật sự trở thành công cụ đầm máu của chủ nghĩa Apartheid, thứ chủ nghĩa đã mang tai họa đổ lên chính đầu dân tộc họ suốt hơn 300 năm liền...

Tôi chọn Natal làm nơi bỏ phiếu vào ngày 27/4, ngày thứ hai của cuộc bầu cử diễn ra trong 4 ngày. Sở dĩ chọn Natal là tôi muốn chỉ rõ cho cử tri ở tỉnh bị chia cắt này rằng người ta có thể đi bầu mà không bị nguy hiểm gì. Tôi chọn khu vực

bầu cử tại bắc Durban, quê hương của John Dube, chủ tịch đầu tiên của ANC. Thùng phiếu đặt trên ngọn đồi, trong một ngôi nhà cạnh mộ ông. Tham dự bầu cử bên một người chiến sĩ kiên cường, người tiền nhiệm của tôi là có ký khép lại vòng tròn của lịch sử, nơi ông khởi xướng cách nay 82 năm và tôi được vinh dự là người kế tục và kết thúc được sứ mạng vinh quang này.

Khi tôi bước đến phòng phiếu với tấm thẻ cử tri trên tay, bỗng một người nào đó hỏi: “Mr. Mandela, ông bỏ phiếu cho ai?”. Tôi đáp: “Ông biết không, tôi đã phải mất cả một buổi sáng suy nghĩ chuyện này đây!”. Tôi gạch dấu X bên cạnh chữ ANC và trình trọng bỏ vào hòm phiếu. Lần đầu tiên trong đời tôi được đi bầu ở quê hương Nam Phi của mình. Tiếc rằng Oliver Tambo, người đã chiến đấu suốt đời cho ngày hôm nay đã về cõi vĩnh hằng. Một nguyện vọng cháy bỏng anh chờ đợi nhiều chục năm mà không thể trở thành hiện thực!

Những hình ảnh cử tri Nam Phi nô nức đến thùng phiếu trong ngày trọng đại ấy đã ghi đậm vào tâm trí tôi. Dòng người dài như vô tận, kiên nhẫn nhích từng bước một chờ đến lượt tự tay mình bỏ lá phiếu tự do đầu tiên trong đời mình. Lần đầu tiên trong đời họ cảm nhận mình thực sự là con người với đầy đủ từ người da màu, đàn bà, đàn ông tự hào khẳng định rằng mình còn được sống trong quê hương thật sự tự do mà mình là chủ, chủ của bản thân của đất nước.

Việc kiểm phiếu mất nhiều ngày. ANC đạt 62,6% tổng số phiếu bầu, xấp xỉ 2/3 số nghị sĩ để có thể quyết định thay đổi hiến pháp mà không cần liên minh với đảng chính trị nào. ANC được 252 đại biểu trong tổng số 400 đại biểu của Nghị viện.

Một vài thành viên lãnh đạo ANC có vẻ ngỡ ngàng về việc chúng tôi đã không giành được 2/3 số ghế trong Nghị viện. Song bản thân tôi lại cảm thấy nhẹ nhõm. Vào lúc kết quả bầu cử ngã ngũ, tôi cảm nhận sứ mạng của mình trong việc hòa giải dân tộc, tăng thêm lòng tin và ý chí hơn bao giờ. Tôi biết có nhiều người, trước hết là người da trắng và người Phi gốc Á lo sợ cho tương lai. Tôi mong họ yên lòng chứ không nên lo sợ.

Tôi lưu ý không chỉ một lần để mọi người ý thức được rằng cuộc chiến đấu cho tự do không phải là cuộc chiến đấu chống một nhóm người, một màu da nào đó mà là chống cả một hệ thống áp bức, cai trị tàn bạo. Bất kể lúc nào có dịp tôi đều khẳng định rằng mọi công dân Nam Phi giờ đây phải tay nắm tay và tuyên bố rằng chúng ta là một quốc gia, một dân tộc, một nhân dân và rằng chúng ta phải cùng nhau hướng tới tương lai.

Ngày 10/5/1954, tôi tuyên thệ nhậm chức Tổng thống Nhà nước Nam Phi dân chủ. Nhiều quan khách quốc tế có mặt ở Pretoria, một hiện tượng chưa từng có trong lịch sử nước này. Lễ tuyên thệ nhậm chức diễn ra tại Nhà hát lớn Amphi.

Hàng chục năm nay, nơi đây là trung tâm quyền lực của “nền thống trị da trắng”. Và hôm nay, vào một ngày mùa xuân tuyệt đẹp, quảng trường nhà hát lộng lẫy, sắc sảo hơn bất cứ lúc nào trước kia, nơi hàng vạn người tập trung ca hát, hoan

hỉ trong những bộ quần áo mới nhất, đẹp nhất thuộc đủ mọi màu da, sắc tộc. Họ đến đây để chứng kiến giờ khai sinh Chính phủ không phân biệt chủng tộc đầu tiên trong lịch sử nước nhà.

Trước quan khách năm châu, trước toàn thể giới và đồng bào Nam Phi, tôi trình trọng tuyên bố: “Không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ đất nước này rơi vào thảm cảnh người bị người áp bức, bóc lột tàn bạo nữa. Hãy để cho tự do ngự trị! Chúa ban phước lành cho châu Phi!”.

Ít giây sau, tất cả chúng tôi đều hướng tầm nhìn lên bầu trời xanh. Trên chín tầng mây Phi đoàn máy bay phản lực của không quân Nam Phi bay theo đội hình mừng ngày mới của đất nước. Đây không chỉ là việc ngắm nhìn những chiếc máy bay biểu diễn mà nó còn biểu trưng cho sức mạnh của một lực lượng vũ trang hiện đại phục vụ cho một chế độ mới. Chỉ vài phút trước đây thôi, các tướng lĩnh ngực đầy huy chương đứng nghiêm kính chào vị tổng tư lệnh mới của các lực lượng vũ trang. Thế mà trước đây chưa lâu cũng chính những con người này - sĩ quan các binh chủng, cảnh sát, an ninh - không phải kính chào mà là bỏ tù tôi, truy nã tôi cũng như những bộ trưởng mới đắc cử của Nhà nước Nam Phi không có chủ nghĩa Apartheid.

Vào ngày tuyên thệ nhậm chức, suy nghĩ của tôi bỗng quay trở về quá khứ. Trong thập niên đầu của thế kỷ những người da trắng từ nước Anh, từ Hà Lan đã khắc phục bất đồng giữa họ, thiết lập một chính quyền cai trị, đàn áp và bóc lột người Nam Phi da đen. Cái chế độ cai trị họ dựng lên chưa từng có tiền lệ trên thế giới. Đó là chế độ tàn bạo nhất, vô nhân đạo nhất trong lịch sử cận đại của loài người. Và giờ đây, trong thập niên cuối cùng của thế kỷ 20, chế độ ấy đã bị khai tử vĩnh viễn trên mảnh đất này và thay vào đó là một chế độ công nhận mọi quyền tự do của con người. Để có được ngày hôm nay hàng ngàn, hàng vạn đứa con ưu tú của Nam Phi đã phải ngã xuống. Sự hy sinh của họ là vô giá và không vô ích. Tôi đã không thể nói lời cảm ơn với họ, không còn được mặt nhìn mặt, tay nắm tay những con người quả cảm ấy.

Chủ nghĩa Apartheid đã để lại trong quê hương, trong nhân dân Nam Phi những vết thương sâu đậm không dễ gì khắc phục được trong một sớm một chiều. Chúng ta không chỉ cần nhiều năm mà thậm chí cần nhiều thế hệ để khắc phục những di hại khủng khiếp này. Nhưng chủ nghĩa Apartheid cũng đã khẳng định rằng nhân dân Nam Phi, da đen, da trắng và da màu đã tạo ra những anh hùng bất tử đi vào lịch sử như những tinh tú sáng nhất trên bầu trời. Chủ nghĩa Apartheid đã tạo ra những người khai tử nó. Nam Phi giàu tài nguyên, nhưng tôi cho rằng sự giàu có không giới hạn nằm ngay trong những con người, bởi vì họ tốt hơn, thật hơn những loại đá quý nhất, kể cả kim cương.

Tôi chưa bao giờ mất hy vọng trong những năm tăm tối nhất của lịch sử nước nhà, bởi vì Nam Phi không chỉ có vô số anh hùng mà nó còn có “tài sản” quý hơn nhiều. Đó là những phụ nữ, những người đàn ông bình thường. Tôi biết trong sâu

thăm con tim của hàng triệu con người chất phác này là lòng nhân ái, vị tha và lòng quả cảm vô song. Không có ai trong họ sinh ra để căm thù những người khác vì khác màu da, khác tín ngưỡng với mình. Nếu như con người phải “học” để hận thù nhau và nếu như người ta có thể học để yêu thương, bởi vì trái tim con người nhạy cảm và dễ tiếp thu sự yêu thương, lòng nhân ái hơn hẳn sự hận thù, nhỏ nhen. Ngay cả trong những thời điểm đen tối nhất, khi kẻ thù đẩy chúng tôi đến giới hạn cuối cùng của sự tồn tại, tôi nhận ra - dù trong nháy mắt - ở người canh tù này, người canh tù kia một chút nhân đạo không thể xóa hết sạch trong ánh mắt, trong thần sắc họ. Chừng ấy đủ cho tôi tự tin và sống tiếp bất chấp tất cả. Tài sản của con người là ngọn lửa dù có khi nó ẩn sâu không lóe sáng, nhưng không ai có thể xóa được.

Chúng tôi đã chấp nhận cuộc chiến đấu với đôi mắt mở to, không hề ảo tưởng là con đường đi tới dễ dàng. Khi gia nhập ANC, tôi coi đó là phần thưởng cao quý mà chiến hữu của tôi đã từng phải trả giá. Tôi chưa bao giờ sám hối về những gì mình đã lựa chọn và dấn thân trong suốt 60 năm qua. Tôi đã từng thề rằng không từ nan bất kỳ khó khăn, gian khổ và hy sinh nào. Tôi biết rằng gia đình tôi đã phải trả giá đắt cho hoạt động của tôi.

Trong cuộc đời, mỗi con người có nghĩa vụ với cha mẹ, vợ, con và nghĩa vụ đối với nhân dân, cộng đồng với đất nước. Trong một xã hội văn minh, nhân đạo con người có điều kiện hoàn thành những nghĩa vụ cao cả này theo khả năng và trí lực của từng người. Nhưng ở trong một nước như nước Nam Phi của chế độ Apartheid thì không thể hoàn thành được hai nghĩa vụ ấy, nhất là đối với người Phi có màu da và xuất xứ như tôi và hàng triệu đồng bào tôi. Ở Nam Phi, một người da đen phần đầu sống như một con người mà vẫn bị trừng phạt và cách li, bị ném vào nhà tù, bị lưu đày thì hỏi làm sao người ấy hoàn thành được nghĩa vụ cao cả với gia đình, với đất nước? Khi dấn thân vào sự nghiệp phục vụ nhân dân, đất nước, tôi không nói gì đến gia đình. Thế nhưng khi đưa hết tâm huyết phục vụ nhân dân thì tôi phải khẳng định rằng tôi không còn có thể thực hiện được nghĩa vụ đầy đủ và trọn vẹn đối với gia đình với tư cách là con, là anh, là cha, là chồng.

Tôi sẽ không là người tự do khi cướp đi tự do của người khác. Cũng như vậy, làm sao tôi có thể tự do khi người khác đã cướp nó đi. Kẻ áp bức và người bị áp bức đều bị cướp mất tính người.

Khi rời khỏi nhà tù, nhiệm vụ đặt ra cho tôi là giải phóng kẻ áp bức và người bị áp bức. Không ít người cho rằng nhiệm vụ ấy đã hoàn thành. Không hẳn như vậy. Sự thật là chúng ta chưa tự do mà mới chỉ giành được quyền tự do thôi, để trở thành tự do, có quyền không bị áp bức. Chúng tôi chưa làm được bước cuối cùng của sự đổi thay mà mới chỉ là bước đầu tiên trên con đường còn rất dài, rất chông gai, khó khăn. Bởi để được tự do thì việc phá bỏ xiềng xích là chưa đủ mà người ta phải sống bằng cách tôn trọng người khác. Thử thách thật sự cho sự hy sinh của chúng ta cho tự do nay mới bắt đầu.

Tôi đã bước đi trên con đường dài dẫn đến tự do. Tôi đã gắng hết sức mình không đi lạc đường. Trên con đường dài ấy tôi từng mắc lỗi lầm. Nhưng tôi đã phát hiện ra bí mật rằng sau khi trèo qua một ngọn núi cao, phải khẳng định còn phải vượt lên nhiều ngọn núi khác xung quanh. Khi qua được một ngọn núi cao ta phải dừng trong chốc lát, đánh giá những cố gắng đã đạt được để hướng tới phía trước tiến lên. Nhưng tôi chỉ có thể xả hơi một lúc thôi, bởi vì cuộc trường chinh còn chưa kết thúc.





THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY
HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ